

艸綠色春水
波春風留翫
爲不歌
石長

300 bài thơ Đường

Hành Đường Thoái Sĩ tuyển chọn
Trần Uyển Tuấn bổ chú
Ngô Văn Phú dịch

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

300 BÀI THƠ ĐƯỜNG

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

300

BÀI THƠ ĐƯỜNG

HÀNH ĐƯỜNG THOÁI SĨ *tuyển chọn*

TRẦN UYỂN TUẤN *bổ chú*

NGÔ VĂN PHÚ *dịch và giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI NGƯỜI DỊCH

Cách đây dăm năm, giáo sư Trần Đình Sử cho tôi mượn cuốn Đường thi tam bách thủ bổ chú của Hành Đường thoái sĩ và Trần Bá Anh (tên chữ là Uyển Tuấn). Bởi luôn bận vào công tác xuất bản, nên thỉnh thoảng tôi mới lấy ra đọc để khỏi quên chữ nghĩa và học thêm những bài thơ, nghiền ngẫm những điều mình còn bất cập... Đôi khi, thấy bài hay, làm mình xúc động, tôi phác dịch, sửa chữa, rồi lưu lại.

Nhà văn Ngô Tất Tố thường đã thốt lên: "Cho nên, muốn tìm những thơ hoàn toàn xứng đáng với tiếng mỹ thuật, chỉ có thơ đời Đường..." (Đường thi).

Trong Anh Ngôn thi tập, Ngô Thì Sĩ, một học giả đồng thời là thi sĩ nổi tiếng thời Lê đã viết: "Nhãn mày bắt chước thể nào được! Trong thiên hạ không có việc gì là không có mặt trái: có đẹp phải có xấu, có Tây Thi nhãn mày đẹp thì phải có Đông Thi bắt chước mà cũng nhãn mày. Các ông Đỗ, Lý, Nguyên, Bạch, Lưu, Liễu, Âu, Tô⁽¹⁾ đều là Tây Thi của các nhà thơ, khí thơ vượt cả mây sáng, sắc thơ hơn cả gấm vóc, thoảng nhẹ không kém gì lời giảng bút của các thần tiên, cho nên tôi hâm mộ muốn bắt chước, mà không tự biết là bắt chước khéo hay vụng..."

Thơ Đường trải nghìn năm luôn được hâm mộ như thế đấy!

Thơ Đường mới tiếp xúc, thường đã mê. Đọc đi đọc lại thơ Đường, càng vỡ ra những ý tứ, thấy được nhiều vẻ của một thời đại thi ca cực thịnh. Thơ dài thơ ngắn đều hay, từ thơ hàm súc, bất ngờ, có lúc đến thần diệu. Tính hiện thực, lãng mạn, có nhiều điều cần phải học, phải hiểu cho thấu đáo.

⁽¹⁾ Tức Đỗ Phủ, Lý Bạch, Nguyên Chấn, Bạch Cư Dị, Lưu Trường Khanh, Liễu Tông Nguyên, Âu Dương Tu và Tô Đông Pha... những nhà thơ nổi tiếng thời Đường, Tống.

Gần đây, đọc lại những tập thơ Đường của Viện Văn học do nhà thơ Nam Trân chủ biên, tập Đường thi của Trần Trọng Kim, thơ Đường của Khương Hữu Dụng, những tập sách được đọc giả tìm đọc và tin cậy, tôi mới vỡ ra một điều: một cuốn Đường thi tam bách thủ nguyên gốc của Trung Quốc chưa được dịch để xuất bản.

Cuốn Thơ Đường (hai tập) của Viện Văn học, là một cuốn sách biên soạn, hay và công phu. Nhưng đó là do các soạn giả tự chọn mà hợp thành. Phần dịch nghĩa, dịch thơ khá đầy đủ, phong phú, nhưng phần chú thích còn sơ sài. Những bài thơ được tuyển vào tập rất hay, các tác giả rất tiêu biểu, có nền có đỉnh, song còn bỏ sót nhiều tác giả và nhiều bài thơ hay. Để ba tác giả lớn là Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị chung trong tập II, e rằng chưa thấu đạt. Bởi ở Trung Hoa, ba nhà thơ này, người ta thường phải in riêng từng ông với từng tập mà chỉ mới chở hết phần nào dung lượng thơ của các ông!

Đường thi của Trần Trọng Kim, cũng là một dạng Tam bách thủ, nhưng không đề xuất xứ, dịch từ nguyên bản nào, mà biết đâu soạn giả chẳng chọn thêm các bài ở ngoài tập! Sự tồn nghi này, chính là vì chuyện không đề xuất xứ. Ở tập này, phần dịch thơ hiếm bài đạt, phần dịch nghĩa không có, chú thích cũng sơ lược. Phần tiểu sử tác giả so với bản của Hành Đường thoái sĩ và Trần Bá Anh, còn sơ sài. Thơ Đường của Khương Hữu Dụng so với Đường thi của Trần Trọng Kim, thơ dịch hay hơn, nhưng cũng rơi vào tình trạng như cuốn của Trần Trọng Kim: không có dịch nghĩa, chú thích, tiểu sử tác giả không có, các bài chọn trong tập thì đều đã có ở các tập của các ông Nam Trân và Trần Trọng Kim...

Tôi nghĩ, bên cạnh những tập thơ Đường bổ ích của các soạn giả, dịch giả trên, cũng nên có một bản Tam bách thủ nguyên gốc được dịch ra để bạn đọc có thêm những bài thơ Đường chưa được phổ biến; có thêm những điều cần biết, cần nghiên cứu, mà các tập thơ Đường kia, dù hay, dù bổ ích, vẫn còn chỗ nào đó chưa đề cập tới được...

Tập Đường thi tam bách thủ bổ chú này là do Hành Đường thoái sĩ soạn. Ông tên là Tôn Thù, đỗ tiến sĩ năm Càn Long thứ 16, mục đích soạn sách của ông rất rõ ràng: "Học trò trong thiên hạ đến trường, thường dựa vào Thiên gia thi để học, cách này từ lâu chưa bỏ. Nhưng với những bài thơ sưu tập lâu nay sự chọn lọc thêm chưa làm được. Vả lại chỉ xét hai loại thơ ngũ ngôn luật, thất ngôn luật của những nhà thơ Đường, Tống đưa vào lẫn lộn, người đọc cũng dễ bị rối... Bởi thế cho nên chọn những tác giả làm thơ đời nhà Đường, lấy những bài trội, chép thành một tập, làm sách dạy trong nhà để đảm học trò có thể học được mà những người đầu bạc không thể bỏ qua" (Tựa của Đường thi tam bách thủ). Cuốn Tam bách thủ của Hành Đường thoái sĩ, soạn trong đời Thanh, hẳn đã bổ sung được nhiều điều các cuốn Tam bách thủ ở các triều đại trước còn chưa có, mà những lần in trước chú thích còn sơ sài. Cũng vì thế mà nữ sĩ Trần Bá Anh mới chọn nó, góp thêm phần bổ chú rất quan trọng của mình... Bà là người quyền quý, nhưng lại rất chăm trau dồi sử sách, kinh, truyện. Phần bổ chú của bà, Thạch Phủ lão nhân đã từng khen: "Tôi từ khi phải dời sang Tây Thục, dù đi xa hay ở nhà, đi công cán hay về thăm quê, trên đầu án sách lúc nào cũng có quyển thơ Đường bổ chú do Bá Anh viết. Khảo cứu, viện dẫn đều tinh luyện, kỹ lưỡng, khiến người đọc đến chỗ khó lại được thư nhàn. Từ xưa, việc chú thích sách vở thế này, đâu thuộc bậc nữ lưu, vậy mà tài học thì các bậc lão luyện tưởng cũng đến thế" (Tựa Tam bách thủ bổ chú).

Câu khen ngợi hẳn không quá!

Quả vậy, phần bổ chú của bà thật quý. Chắc bà đã tra cứu, đã đọc rất nhiều sách, mới có thể làm được công việc này. Mỗi điều cần nói rõ về điển tích, về xuất xứ, dị bản, tồn nghi, dù là một địa danh, một chi tiết về nhân thân tác giả, bà đều đề cập đến. Có những chú thích đã giúp người đọc hiểu thêm được cái hay, cái đẹp, cái cần hiểu thấu đáo

của bài thơ! Có bài thơ như Trường Tín oán của Vương Xương Linh, nếu không đọc chú thích thì khó có thể giải mã được. Lại như năm bài Vịnh hoài cổ tích của Đỗ Phủ, cả Thiên gia thi và các tập Tam bách thủ trước, kể cả Hành Đường thoái sĩ khi soạn Tam bách thủ này, thường chỉ chọn hai bài. Nhưng Trần Bá Anh đã bổ sung cả năm bài, đồng thời chú thích rất kỹ, để thấy được cái ý toàn cục của cả năm bài của Đỗ Phủ.

Do công trình này, Trần Bá Anh rất nổi tiếng và trở thành đồng tác giả của Đường thi tam bách thủ với Hành Đường thoái sĩ. Đời nhà Thanh đã đánh giá cao tác phẩm này. Vị chủ nhân của Tứ Đằng Cạn xã đã nhận xét: "Đường thi tam bách thủ do Hành Đường thoái sĩ soạn và Trần Bá Anh bổ chú, sau này được San Hoa Các của Lý Thị khắc ván (một bản được người đương thời quen sử dụng. NVP) thật tinh tường và đầy đủ".

Toàn bộ tập thơ có 313 bài, (Tam bách thủ của Trần Trọng Kim có 336 bài), gồm 8 quyển, xếp theo thể loại cổ thi, luật thi và thơ tuyệt cú, ngũ ngôn và thất ngôn. Cái hay của tập này là các soạn giả tách riêng phần Nhạc phủ, coi như một thể loại không để lẫn với cổ thi, luật thi và tuyệt cú như các tập trước. Đó là một quan điểm đúng. Để như thế, người đọc thấy được Nhạc phủ ra đời trước thơ luật và vốn là lời của những khúc hát xưa. Các nhà thơ Đường, đôi lúc đã vận dụng nó khá sáng tạo. Chẳng hạn ba bài Thanh Bình điệu, chính là Nhạc phủ chứ không phải tuyệt cú luật. Đường Huyền Tông trong một đêm vui thưởng hoa cùng Dương Quý phi, đã sai người triệu Hàn lâm học sĩ Lý Bạch về để viết ngay tại chỗ. Lúc ấy ông còn đang say! Ông viết ngay và được Lý Quy Niên, một nhà tác khúc cũng là danh cầm đã phổ nhạc luôn, hát hầu vua và Dương Quý phi.

Tuy nhiên, phần chú thích nhiều chỗ còn rườm rà thừa thãi. Do số trang về thơ, về dịch nghĩa, dịch thơ đã quá dày, người dịch đành chọn lựa, lược đi; đây, đó chỉ để lại những chú thích thật cần thiết, chứ không dịch toàn bộ.

Tôi biết được chút ít chữ Hán. Biết là công việc dịch thơ Đường thật không dễ gì, nhưng thấy tập sách hay và có nhiều điều bổ ích, nên tôi đã dành thì giờ, dịch và soạn lại chút đỉnh. Bởi là người làm thơ, mê thơ Đường từ nhiều năm, nên tôi đã mạo muội dịch cả tập Đường thi tam bách thủ này. Có những bài, chữ nghĩa, tưởng chừng không vượt nổi, sau nghiền ngẫm, cố gắng dịch bằng được, theo vốn liếng của mình. Những bài nào được các dịch giả nổi tiếng trước đã dịch, tôi đều chép thêm sau bài dịch của mình để bạn đọc thử đối chiếu.

Và bây giờ, cuốn Đường thi tam bách thủ của Hành Đường thoát sĩ và Trần Bá Anh đã hoàn tất. Mong bạn đọc xa gần coi đây là tấm lòng của một người yêu thơ Đường, muốn đem chút quà tặng của mình đến những ai yêu thích thơ Đường như mình, dù biết rằng công việc của mình còn nhiều thiếu sót.

Một chút tâm thành, mong được lượng thứ.

Năm Canh Thìn, 2000

NGÔ VĂN PHÚ

THƠ ĐƯỜNG VÀ CÁC THỂ LOẠI

I. THƠ ĐƯỜNG

Thơ Đường là một hiện tượng thi ca đặc biệt được cả nền và đỉnh. Kéo dài suốt từ thời nhà Đường, từ khi Đường Cao Tổ Lý Uyên dựng triều đại, cho đến khi nhà Đường mất, rong rã ba trăm năm (618 - 907). Số lượng có tới hàng vạn bài thơ của khoảng hai nghìn ba trăm nhà thơ... Cái nền vĩ đại ấy, lại có những thi hào nổi danh trở thành những danh nhân thế giới như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị... Một phong trào thơ, mở đầu và phát triển, luôn luôn có những tên tuổi mới, vượt trội lên. Phong cách của những nhà thơ nổi tiếng của đời Đường rất đa dạng: Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy, Trần Tử Ngang, Cao Thích, Lý Thương Ẩn, Trương Tịch, Đỗ Mục, Lưu Vũ Tích, Đỗ Tuân Hạc, Tào Đường... Thơ của họ đã rất khác nhau, nói chi đến Lý Bạch và Đỗ Phủ. Đề tài thể hiện từ những sinh hoạt xa hoa quý tộc, đến cảnh nghèo túng nhất của dân chúng, cảnh đời, cảnh tiên, cảnh thiền, núi non, sông nước, trận mạc, biên tái, hoa cỏ, rất phong phú: ở tài thơ này với tài thơ khác, một đề tài lại có vẻ đẹp chung, những phong vị riêng. Vua chúa như Đường Thái Tông, Đường Cao Tôn, Vũ Tắc Thiên, Đường Huyền Tông (Minh Hoàng), Hiến Tông, Mục Tông, Tuyên Tông, nữ thi sĩ như Đỗ Thu Nương, Trần Ngọc Lan, Dương Quý phi... hoặc những dân chúng bình thường ở thành thị hoặc thôn dã đều làm thơ, yêu thơ. Sinh hoạt ngâm thơ, thưởng thơ ở các nhà giàu đã đành, mà trong quân, những tiệc lớn của nhà vua hay tết nhất, lễ hội của dân chúng, thơ cũng là một thứ được nhiều người mến mộ.

Nhiều bài thơ hay đã được lưu truyền hàng ngàn năm nay, không những ở trong nước mà đã vượt ra ngoài nước. Thơ đã là một quy

định trong thi cử... Thơ Đường có ảnh hưởng lớn trong nền văn hoá Trung Hoa, với các nước láng giềng.

Di sản đồ sộ và tinh hoa của thơ Đường đã trở thành niềm tự hào của nhân dân Trung Hoa và là một trong những điểm sáng rực rỡ của văn hoá nhân loại.

*
* *

Thành tựu thơ ca đời Đường nhờ một thời kỳ phát triển của đời sống kinh tế, xã hội phong kiến tập quyền ở Trung Quốc... Đường Thái Tông Lý Thế Dân, là người biết tập hợp sức dân, để làm cho đời sống xã hội phồn vinh... Triều đình nhà Đường đã thực hiện phép quân điền, đặt ra các thứ thuế tô, dung, điệu, thích hợp với các ngành nghề trong xã hội. Nông nghiệp phát triển các nghề tinh xảo cũng phát triển theo. Thương trường giao lưu tập nập cả trong và ngoài nước, nhờ kinh tế phát đạt theo nhịp điệu mới mà văn hoá nghệ thuật cũng phát triển mạnh. Các đô thị ngày càng sầm uất, tạo điều kiện giao lưu văn hoá. Chính sách khoa cử, tôn giáo, những chủ trương lớn về văn hoá của triều đại Đường khiến triết học cũng rất phát triển. Thời nhà Đường đã quy định ngoài *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh*, *Đạo Đức Kinh* và *Trang Tử* là sách các sĩ tử phải học, do đó Đạo giáo và *Trang Tử* là sách các sĩ tử học. Đạo Phật có những bùng nổ về học thuyết và tín ngưỡng, nhà vua nhận Huyền Trang làm ngự đệ và cử đi thỉnh kinh Phật ở Tây Trúc, sau này lại cử thêm sư Nghĩa Tĩnh. Các kinh gốc đến từ Ấn Độ của đạo Phật đều được truyền bá, nghiên cứu. Những tôn giáo khác nhau Cơ Đốc giáo, Hồi giáo, Thiên giáo (tức Bái Hoả giáo) cũng được tự do truyền bá. Những tư tưởng triết học được hấp thụ từ những tư tưởng tiên bộ đưa vào, đã góp phần nâng cao kiến thức cho các sĩ tử đương thời, nhất là các thi sĩ, cũng vốn là những người nhạy cảm và ham tìm hiểu cái mới. Chủ tướng của thi đàn lúc đó như Lý Bạch, người có một cá tính mạnh, quyết liệt, cuối cùng chịu ảnh hưởng tư tưởng của Đạo giáo, đó cũng là một nhân tố khiến thơ ông giàu tính lãng mạn. Cơ sở tư tưởng của thơ sơn thủy, điền viên gần gũi với thiên nhiên của

Vương Duy, là do chịu ảnh hưởng của đạo Phật và đạo Lão. Còn phái Tân Nhạc phủ thì Nguyên Vi Chi (Nguyên Chấn), Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên và Bạch Cư Dị, cùng một trường phái. Thơ của các ông đậm sâu tư tưởng Nho giáo trong cảm xúc, lấy nhân nghĩa, lấy sự quan tâm đến đời sống xã hội làm chủ đạo...

*

* *

Không riêng gì thơ ca mà cả ngành khác như hoạ, nhạc, múa cũng đều phát triển. Do đó, ngành này đem những vẻ đẹp cho những ngành khác. Thơ Đường rất trọng âm nhạc, hình ảnh, khắc hoạ. Sự trau chuốt khổ công đi đôi với những cảm hứng tự nhiên, không phải tự dung hái được, mà do những kiến thức thu hái từ nhiều nguồn của các nhà thơ đời Đường. Vương Duy không những là một nhà thơ, còn là một hoạ sĩ, một nhà thư pháp. Do đó trong thơ ông, thơ và hoạ kết hợp rất điêu luyện. Sau này, thi hào Tô Đông Pha đời Tống đã phải thốt lên rằng: *"mỗi bài thơ của ông (Vương Duy) là một bức hoạ, và trong mỗi bức hoạ của ông lại có một bài thơ"*. Vương Xương Linh, Vương Chi Hoán, Cao Thích nghe hát ở Kỳ Đình, thắm âm sành điệu chẳng khác gì nhạc công, nhạc sĩ...

Thơ Đường sâu sắc về nội dung, nhiều phẩm chất đẹp về hình thức; hiện thực và lãng mạn đều đạt tới những đỉnh cao...

Thơ Đường được chia ra hai loại: cổ thể và tân thể (luật). Trong cổ thể lại có bài năm lời (ngũ ngôn) và bảy lời (thất ngôn).

Trong thơ luật có loại tuyệt cú (bốn câu) và bát cú (tám câu), mỗi phần trong bài bát cú đều có quy tắc cụ thể để thành một quy định về cấu trúc (phá, thừa, thực, luận và kết). Ngoài ra, còn có luật bằng trắc, bắt buộc để tạo thành âm điệu và vần, làm phong phú cho bài thơ.

Thơ Đường có mấy thời kỳ:

1. Sơ Đường
2. Thịnh Đường
3. Trung Đường

4. Văn Đường

Cũng có nhà nghiên cứu chỉ chia gọn làm ba thời kỳ là sơ, thịnh và văn hoặc sơ, trung và văn. Mỗi thời kỳ đều có những nhà thơ rất tiêu biểu.

II. CÁC THỂ LOẠI THƠ ĐƯỜNG

A. THƠ CỔ PHONG HAY CỔ THỂ

Cổ phong là lối thơ có từ những triều đại trước. Trong thơ cổ phong, người ta chia ra hai loại cho dễ nhớ: thơ cổ phong năm lời (ngũ ngôn) và thơ cổ phong bảy lời (thất ngôn).

Thơ cổ phong khác với thơ luật ở chỗ thơ chỉ cần vần chứ không cần phải theo luật bằng, trắc.

Khác với thơ luật, thơ cổ phong có thể dài ngắn khác nhau, có loại bài ngắn (đoản thiên) và bài dài (trường thiên).

Số câu trong cổ phong cũng không quy định cụ thể. Đoản thiên có thể bốn câu, sáu câu, tám câu hoặc trên mười câu... Trường thiên là những bài thơ dài, nghiêng về trần thuật, hoặc biểu cảm liên tục trước một đề tài không dứt, do đó cũng cần phải có từng phần, mạch lạc, có cấu trúc hợp lý...

Vần trong thơ cổ phong cũng tự do hơn. Có thể là bài thơ chỉ dùng một vần (độc vận) trong cả bài (xem bài *Xuân tứ* của Lý Bạch). Cũng có thể thay nhiều vần (hoán vận) trong lúc viết (*Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị). Vần bằng và vần trắc cũng có thể dùng riêng từng loại hay cả hai.

Về lời trong câu thì được phép thể dài, ngắn khác nhau không nhất thiết phải năm hay bảy chữ (xem bài *Tương tiễn tửu* của Lý Bạch)...

Trong *ngũ ngôn trường thiên* có bốn điều cốt yếu được các nhà thơ hay vận dụng, gọi là thủ pháp chung cũng được. Đó là:

- *Phân mạch*: chia đoạn, chia tiết, chia câu trong bài.
- *Quá mạch*: chuyển tiếp các ý của phần đầu.

- *Hồi chiếu*: biểu hiện những tứ lạ, ý hay đã giống lên ở các phần trên, phát triển cho sâu sắc.

- *Tán thán*: những ý nghĩ, suy tưởng, cảm nhận xen cài vào các đoạn trên.

Thất ngôn cổ phong thì các mạch đoạn cho rõ ràng, ý nghĩa càng thâm trầm, cao khoáng để lại những ý vị ngoài bài thơ thì càng hay.

Thơ cổ phong đôi lúc có những bài xen vào những câu sáu lời, hoặc hoàn toàn sáu lời như bài *Vô đề* của Lưu Trường Khanh sau đây:

Tình xuyên vĩnh lộ hà cực.
Lạc nhật cô chu giải huê.
Diệu hướng bình vu viễn cận.
Nhân tùy lưu thủy đông tây (tê).
Bạch vân thiên lý vạn lý.
Minh nguyệt tiền khe hậu khe.
Trù hướng Trường Sa trích khứ.
Giang đàm phương thảo thê thê.

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

*Sông lặng, đường dài tít tắp.
Một thuyền, chiều xuống nhỏ neo.
Gần xa chìm về bãi rậm.
Đông tây dòng chảy thuận chèo.
Mây trắng nghìn dặm muôn dặm.
Trăng soi khe trước khe sau.
Lưu đầy Trường Sa buồn tủi.
Đàm sông cỏ thơm một màu...*

(Bản dịch của Ngô Văn Phú)

Tuy vậy, lối thơ sáu lời này không được dùng phổ biến.

So với thơ luật, thơ cổ phong phóng túng hơn, ít bị trói buộc trong niêm luật, câu chữ. Chính vì vậy mà tính hàm súc, cô đọng, những khe khát đòi hỏi về đối ngẫu, luật thơ, âm nhạc, không tập trung

như thơ luật. Và lại, thể cổ phong vốn cũng đã có từ các thời Hán, Tùy... trước, cho nên về sau lối thơ luật thịnh hành hơn cả.

B. THƠ LUẬT

Thơ luật có ở thời nhà Đường nên cũng gọi là Đường luật. Luật dựa trên những thanh bằng và thanh trắc trong một câu và niêm giữa các câu với nhau, tạo thành cấu trúc bắt buộc của bài thơ.

Thơ luật gồm có tám câu, cấu trúc quy định như sau:

- Phá: Câu mở đầu (cũng gọi là phá đề).
- Thừa: Nhân ý câu phá mà chuyển tiếp (cũng gọi là thừa đề).
- Thực (hoặc tích thực): Gắn hai câu 3, 4 phải đối nhau từng lời và ý, nói rõ chủ đề của bài thơ.
- Luận: Gồm hai câu 5, 6, cũng theo luật đối lời đối ý như các câu thực, nhằm tăng ý chính của bài.
- Kết: Hai câu cuối cùng, chuyển ý và thâu tóm ý tưởng của bài thơ hoặc có một ý tứ lạ gây thêm cảm xúc cho người đọc.

Thơ luật có thể năm lời (ngũ ngôn) và bảy lời (thất ngôn). Sau đây là luật bằng trắc cho từng thể:

1. Thơ luật ngũ ngôn, luật bằng trắc

Thơ luật ngũ ngôn có luật bằng trắc⁽¹⁾. Có thể theo các dạng:

a) Dạng chữ cuối câu đầu là vần trắc:

b	b	t	t	t
t	t	t	b	b
t	t	b	b	t
b	b	t	t	b
b	b	b	t	t
t	t	t	b	b
t	t	b	b	t
b	b	b	t	b

⁽¹⁾ Bằng ký hiệu là *b*. Trắc ký hiệu là *t*.

Ví dụ:

DÃ VỌNG

(Vương Tích)

Đông cao bạc mộ vọng
Tỷ ỷ dục hà y
Thụ thụ giai thu sắc
Sơn sơn duy lạc huy
Mục nhân khu độc phản
Liệp mã đái cầm quy
Tương cổ vô tương thức
Trường ca hoài thái vi.

NGẮM ĐỒNG NỘI

*Chiều hôm ngắm đồng nội
Nương tựa biết nhờ ai?
Cây cối, vào thu biếc
Núi non, bóng chiều phai,
Người chăn đưa ghé lại
Ngựa vắt râu chìm dài
Cùng ngoái, không thân thích
Rau vi, hát một bài!*

Ngô Văn Phú dịch

b. Dạng chữ cuối câu đầu là vần bằng:

t	t	t	b	b
b	b	t	t	t
b	b	b	t	t
t	t	t	b	b
t	t	b	b	t
b	b	t	t	b
b	b	b	t	t
t	t	t	b	b

Ví dụ:

TÔNG QUÂN HÀNH

Dương Quynh

Phong hoả chiếu tây kinh
Tâm trung tự bất bình
Nha chương từ Phượng Khuyết
Thiết kỵ nhiều Long thành
Tuyệt ám điều kỳ sắc
Phong đa đập cổ thanh
Ninh vi bách phu trưởng
Thắng tác nhất thư sinh.

Dịch thơ:

BÀI HÁT TÔNG QUÂN

Khói lửa bừng kinh khuyết
Hồn căm giục nổi lòng
Án ngà từ cổng phượng
Ngựa sắt điều thành rồng
Tuyệt phủ sắc cờ ô
Gió chen hồi trống tùng
Thà làm anh bếp lính
Hơn đóng bác đồ nông.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

2. Thơ luật thất ngôn, luật bằng trắc

Thơ luật thất ngôn là thể được dùng nhiều nhất. Tất cả bài thơ có tám câu, mỗi câu bảy lời, cộng năm mươi sáu lời. Luật bằng trắc như sau:

a. Chữ cuối câu đầu là vần bằng:

t t b b t t b
b b t t t b b

b	b	t	t	b	b	t
t	t	b	b	t	t	b
t	t	b	b	b	t	t
b	b	t	t	t	b	b
b	b	t	t	b	b	t
t	t	b	b	t	t	b

Ví dụ:

MỘ XUÂN HOÀI CẢM

Đái Thúc Luân

Đỗ vũ thanh thanh hoá khách sầu,
 Cổ viên hà xứ thử đăng lầu.
 Lạc hoa phi như thành xuân mộng
 Thặng thủy tàn sơn dị tích du.
 Ca phiến đa tình minh nguyệt tại
 Vũ y vô ý thái vân thu.
 Đông hoàng khứ hậu thiêu hoa tận
 Lão phổ hàn hương biệt hữu thu.

Dịch thơ:

CHIỀU TỐI MÙA XUÂN HOÀI CẢM

*Cuộc cuộc chim kêu, gọi khách sầu,
 Nhà xưa đâu nhỉ, thử lên lầu.
 Hoa rơi từng cánh thành xuân mộng
 Nước chảy khe buồn dấu cũ đâu?
 Ca quạt đa tình trắng sáng rọi
 Vũ y vô ý lụa bay màu
 Chúa xuân đi mất, đâu xuân sắc.
 Hương lạnh vườn xưa quạnh ý thu.*

(Bản dịch của Ngô Văn Phú)

b. Chữ cuối câu đầu là vần trắc:

b b t t b b t
 t t b b t t b
 t t b b b t t
 b b t t t b b
 b b t t b b t
 t t b b t t b
 t t b b b t t
 b b t t t b b

Ví dụ:

KHÁCH CHÍ

Đỗ Phủ

Xá nam xá bắc giai xuân thủy
 Dân kiến quần âu nhật nhật lai.
 Hoa kính bất tăng duyên khách tảo,
 Bồng môn kim thủy vị quân khai
 Bàn san thị viễn vô kiêm vị
 Tôn tửu gia bần chỉ cự thôi
 Khẳng dĩ lân ông tương đối ẩm
 Cách ly hô thủ tận ly bôi.

Dịch thơ:

KHÁCH ĐỀN

Nhà nam, nhà bắc đầy hơi xuân
 Chim rét vài đàn qua trước sân
 Khách đền đường hoa chưa kịp quét,
 Cửa lan tay bạn mở lần khôn
 Chợ xa, đôi món, cơm dưa dọn,
 Nhà khó, rượu xoàng, chén cũ nâng.
 Hàng xóm, nhà quen cùng đối ẩm.
 Cách rào cận chén, chuốc ân cần

(Bản dịch của Ngô Văn Phú)

c. Luật nhất, tam, ngũ bất luận:

Nhất, tam, ngũ bất luận nghĩa là một, ba, năm, gì cũng được. Ở những câu thơ bảy chữ trong một bài thơ luật thất ngôn, cho phép lời một, lời ba, lời năm thì bằng hay trắc đều được cả, đó là sự nới rộng của thơ luật.

Ví dụ: Theo luật bằng trắc, hai câu đầu bài *Đề Vương xử sĩ sơn cư* của Lý Hàm Dung đáng lẽ phải là:

t t b b t t b

b b t t t b b

nhưng hai câu ấy như sau:

Vân mộc trầm trầm hạ diệt hàn

Thử trung uẩn kỷ kinh niên

Mây trên cây đáng buồn, mùa hè còn lạnh

Đất này ở ẩn đã được bao nhiêu năm

Ở câu một, chữ thứ nhất (Vân), ở câu thứ hai, chữ thứ nhất (Thử) chữ thứ ba (u) đã áp dụng "nhất, tam, ngũ bất luận".

3. Đối với ngũ ngôn luật, nhất - tam - ngũ bất luận cũng có thể được áp dụng, nhưng vì là ngũ ngôn nên các bài thơ thường chỉ "bất luận" ở lời một và lời ba.

Tuy được áp dụng nhất - tam - ngũ bất luận, nhưng cũng phải cân đối toàn câu thơ, câu trên, câu dưới, có khi áp dụng mà cưỡng thì lời bất luận sẽ gây cho câu thơ mất âm hưởng của điệu thơ.

4. Niêm trong bài thơ luật

Niêm trong bài thơ quy định: ở những chữ 1, 2 và 4 với ngũ ngôn và 1, 2 và 6 với thất ngôn luật, câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, cuối cùng là câu 1 và câu 8, nếu đã bắt đầu bằng thanh bằng hay thanh trắc thì đều phải giống nhau. Quan sát lại ngũ ngôn hoặc thất ngôn luật, ta thấy rõ:

a) Ngũ ngôn luật:

Dạng 1

Câu 1:	bb	tt	t
Câu 2:	tt	tb	b
Câu 3:	tt	bb	t
Câu 4:	bb	tt	b
Câu 5:	bb	bt	t
Câu 6:	tt	tb	b
Câu 7:	tt	bb	t
Câu 8:	bb	tt	b

Dạng 2:

tt	tb	b
bb	tt	t
bb	bt	t
tt	tb	b
tt	bb	t
bb	tt	b
bb	bt	t
tt	tb	b

b, Thất ngôn luật

Dạng 1

tt	bb	tt	b
bb	tt	tb	b
bb	tt	bb	t
tt	bb	tt	b
tt	bb	bt	t
bb	tt	tb	b
bb	tt	bb	t
tt	bb	tt	b

Dạng 2

bb	tt	bb	t
tt	bb	tt	b
tt	bb	bt	t
bb	tt	tb	b
bb	tt	bb	t
tt	bb	tt	b
tt	bb	bt	t
bb	tt	tb	b

Người làm thơ luật giỏi không bao giờ để thất niêm.

C. THƠ TUYỆT CÚ

Trong *Truyện Kiều*, đoạn thăm mộ Đạm Tiên, Nguyễn Du viết:

Sẵn trâm tiền giắt mái đầu

Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn!

Đó là Kiều đề thơ tuyệt cú ở bên mộ Đạm Tiên vậy. Tuyệt cú có bốn câu. Bài thơ có thể ba vắn, nếu chữ cuối câu đầu là vắn bằng, và hai vắn, nếu chữ cuối câu đầu là vắn trắc.

Trong *Đường thi*, Trần Trọng Kim định nghĩa:

"Nguyên theo lối thơ cổ, thì cứ bốn câu là một giải, ghép giải nọ với giải kia thành ra bài thơ cổ trường thiên: ngắt ra một giải, hai hay ba vắn bằng hay trắc, là bài thơ tuyệt cú, thể cổ".

Định nghĩa như thế xem ra chỉ là duy danh mà viết. Tuyệt cú nghĩa đen là ngắt câu. Nếu cứ ghép liên tục thành một bài thơ trường thiên, và ngắt bất cứ một giải nào ra trong bài trường thiên cũng được bài tuyệt cú ư? Ngộ giải thơ ấy chỉ là một đoạn chuyển tiếp của bài trường thiên cũng được một bài tuyệt cú sao?

Thật ra tuyệt cú là một thể thơ bốn câu, có thể là cổ phong hoặc thơ luật, nhưng ý tứ, ý nghĩa phải trọn vẹn sâu sắc. Cũng phải có mở có kết, có thể hiện nội dung chủ đề mình định nói. Chẳng hạn như bài *Tự quân chi xuất hý* của Trương Cửu Linh:

TỰ QUÂN CHI XUẤT HỖ

Tự quân chi xuất hỹ
Bất phục lý tàn ky.
Tư quân như minh nguyệt
Dạ dạ giảm thanh huy.

Dịch thơ:

TỪ CHÀNG RA ĐI

*Từ chàng đi bữa ấy,
Khung cử chẳng mó tay.
Nhớ chàng như trăng sáng
Đêm đêm vàng sáng gây.*

(Ngô Văn Phú dịch)

Bài thơ nói được cái tình của người vợ mà lối ví von, hình ảnh vừa đẹp, vừa sâu sắc. Lời, kết cấu, ý tứ thật trợn vẹn, súc tích. Hoặc bài thơ thất ngôn luật của Trần Đào:

LŨNG TÂY HÀNH

Thệ tảo Hung nô bất cố thân
Ngũ thiên điều cảm táng hồ trần
Khả liên vô định hà biên cốt
Do thị thâm khuê vạn lý nhân.

Dịch thơ:

BÀI HÀNH ĐẤT LŨNG TÂY

*Thề quét Hung nô chẳng tiếc thân
Chết vui trong cát mấy nghìn quân
Năm xương vô định bên sông lạnh -
Người ở trong mơ - vẫn nhắc thăm!*

(Ngô Văn Phú dịch)

thì thơ tuyệt cú còn vang dội, mạnh biết mấy so với những bài bát cú hoặc trường thiên, dài hơn nó gấp nhiều lần.

Thơ tuyệt cú làm hay, thật khó. Nhưng trong thơ Đường, nhiều bài thơ tuyệt cú đã vượt được thử thách, lưu truyền hàng nghìn năm, tính tư tưởng cao, hình ảnh đẹp và mãi mãi là những viên ngọc sáng giá.

Lối làm thơ tuyệt cú có thể tuân theo luật bốn câu đầu hoặc bốn câu cuối của ngũ ngôn hoặc thất ngôn, hoặc lấy hai câu mở, chuyển và hai câu kết cũng được. Ở thể cổ phong thơ tuyệt cú càng rộng rãi hơn, các câu thơ không cần đối, không phụ thuộc luật bằng trắc, miễn là ý tứ sâu sắc, lời đẹp, giàu âm điệu...

Thơ tuyệt cú có bốn câu, do đó cũng gọi là tứ tuyệt. Thơ tuyệt cú đẹp như hoa một bông trên cành thắm, có thể nói trực diện, hoặc nói xa xôi mà ý thú lại thâm trầm, đều được cả.

(Rút trong tập *Thơ Đường ở Việt Nam*

- Ngô Văn Phú biên soạn).

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú

PHẠM LÊ

- Sách này gọi là bổ chú, nghiên cứu ngay vào văn bản, gặp những nghĩa sâu xa, những hoàn cảnh thật đắt của bài thơ, tùy người đọc nghĩ suy, không ép phải theo những quy ước của tôi, nói thế, để những bậc thức giả xem xét cho người vốn sự học xem ra cũng còn chưa được bao lắm!

- Sách để làm chứng, hẳn phải dựa vào những bậc tiền nhân. Từ việc lấy Vương Dật chú thích *Ly tao* đến Huyền Phổ dẫn giải sách *Hoài Nam tử*, Lý Thiện Toại chú dẫn thơ Tống làm căn cứ, nhiều câu tục ngữ rắc rối, những thể lệ vòng vo, biên khảo, dẫn thuyết, còn chưa dám cho là hoàn bị. Việc chú dẫn thường có hai phần, phạm trong thơ nói đến điều cần nói rõ, thì việc chú giải phải lấy bản gốc làm chính, sau đó tham khảo những chú thích đời Đường, Tống để làm sáng tỏ, khi ghi chú phải dẫn những xuất xứ của những lời chú ấy!

- Trong bài thơ, nếu gặp những bài có tồn nghi, như bài *Long Thành phi tướng* của Thiệu Bá; hoặc mượn việc mà nói như bài *Vệ Thanh Thiên* của Hữu Thừa, những trường hợp này, không thể không thận trọng, tôi cố lý giải những tồn nghi, những vay mượn từ các nhà nghiên cứu của đời Tống, đời Nguyên, từ đó mà dẫn giải những chỗ còn ngờ vực.

- Trong sách có chữ còn nghi vấn, thì gỡ sách xưa đính chính, tuyệt không tự mình đính chính, sửa chữa, nếu vẫn còn chưa xác đáng thì đưa ra những ý kiến riêng, để người đọc tham khảo. Thiết nghĩ đó là cách đàng hoàng nhất.

- Trong tác phẩm thiếu tên tuổi, chức tước của tác giả, thì rộng xem sử sách, xem các chú giải, kiến giải về bài thơ ấy ra sao, đọc kỹ lại tác phẩm, rồi giải chú thêm, cung cấp những gợi ý cho người đọc.

- Khi trong thơ có những địa danh, cổ tích tác giả ngâm vịnh, ắt phải tham khảo những sách trước đưa ra, xem thêm sách đời Đường,

những sách địa dư thời Minh, thời Thanh, đưa sự thay đổi tên đất, tên cảnh, liệt kê ra, giúp độc giả khỏi lẫn lộn với những cách gọi của đời sau.

- Với những lời bàn về thơ của các đời Tống, Nguyên, Minh, ngâm xem nghĩa, xem từ ngữ, chọn lấy một vài lời phẩm bình, để có thể hiểu thêm hoặc so sánh với nguyên bản.

- Trong bài thơ gặp một tứ có nhiều kiến giải khác nhau, cần dẫn ra hết, để thấy những tán đồng hoặc dị biệt, rồi từ đó đưa ra chú giải về gốc và nghĩa chữ để rộng đường tham khảo.

Sách này từ lúc in ra, lưu hành ra sao, lòng còn trần trở. Đâu dám tự cho là chu đáo, với sự học còn chưa được dày dặn này. Mong được cảm thông...

Thượng Nguyên nữ sử

Trần Uyển Tuấn

LỜI BẠT CỦA KHANG HẦU TRẦN TẤN PHIÊN

Nhớ lúc Tấn Phiên này còn chưa biết gì, chị tôi là Bá Anh thường đem dạy *Đường thi tam bách thủ*. Những năm sau này, chị đã làm công việc bổ chú, làm rõ những điển cố, giúp cho thấy được lai lịch của thơ; để người đọc thơ hiểu rằng, từng chữ của bài thơ không thể không tìm hiểu. Năm Nhâm Tý, chị về Đồng Thành. Tấn Phiên này, về nơi xa xôi là ấp Ký Lại, sớm xuân chiều thu, cảm việc, nhàn hứng mà ngâm vịnh, bỗng thấy tiếc vì chưa hiểu được thơ Đường, cần được chú dẫn... Mùa đông năm Ất Mão, hai người chị đến ấp Lại, cùng vui trò chuyện, đem những điều đã thuộc, hiểu của thơ Đường, nay được bồi bổ thêm nói với tôi, lại nói về việc bổ chú. Tôi hết lòng khuyến khích (chị Bá Anh). Dù chị cho rằng các bậc tài giỏi đã từng chú giải thơ Đường, dù tôi chỉ là bậc "tú tài" đâu dám dự bàn cùng "tiên sĩ", nhưng về việc làm rõ ý người xưa, đâu dám không ngỏ lời cổ vũ...

ĐỀ TỪ CỦA TƯ ĐẢNG CẬN XÃ CHỦ NHÂN

Đường thi tam bách thủ, do Hành Đường thoái sĩ soạn, như gió đi trên biển, đến với mọi nhà, song chú thích quá sơ sài, người đọc khá vất vả, nữ sĩ Thượng Nguyên Trần Bá Anh⁽¹⁾, tự tay chú thích tám quyển, câu chữ rành mạch, tinh tế, nghiêm túc, khiến người đọc thư nhàn mà nhận được ngón hay giúp người mới học, công không hề nhỏ.

Đến khi được San Hoa Các của họ Lý in ra, so với các bản in cùng thời, nữ sĩ chọn những điều thức giả còn nhiều tranh luận, xem đủ các sách, thêm một lần khảo đính rồi được ban hành rộng khắp.

⁽¹⁾ Tức Trần Uyên Tuấn.

Có chỗ người bỏ chú đã bổ sung cho đủ, như *Vịnh Hoài cổ tích* của Đỗ Phủ, lần in trước *Hành Đường thoái sĩ* chọn có 2 bài, nay có đủ năm bài, chú thích rõ ràng, khiến người đọc thấy được thêm nhiều vẻ, đầy đủ hơn, so tìm bản gốc không sai một chữ.

Cho nên *Đường thi tam bách thủ* lần này của San Hoa Các được tinh tường thêm là thế.

Tháng Trọng Hạ năm Quang Tự thứ 11,
chủ nhân Trung Cán Tứ Đằng Cận xã đề

HÀNH ĐƯỜNG THOÁI SĨ TỰ

Thế tục, nhi đồng tự học, tức thụ *Thiên gia thi*, thủ kỳ dị ư thành tụng, cố lưu truyền bất phế. Dẫn kỳ thi tùy thủ sưu tập, công chuyết mạc biện, thả chỉ ngũ thất luật nhị thể, nhi *Đường*, *Tổng nhân hựu tập* xuất kỳ gian, thù quai thể chế, nhân chuyên tự *Đường thi* trung khoái chá nhân khẩu chi tác, trạch kỳ vu yếu giả, mỗi thể đắc sổ thập thủ, cộng tam bách dư thủ, lục thành nhất biên, vi gia thực khóa bản, bế đồng nhi tập chi, bạch thủ diệc mạc năng phế, hiệu *Thiên gia thi bất viễn thắng da*. Ngạn vân: "*Thục độc Đường thi tam bách thủ*. Bất hội ngâm thi dã hội ngâm" *Thỉnh dĩ thị biên nghiệm chi*.

TỰA CỦA HÀNH ĐƯỜNG THOÁI SĨ

Thói thường khi trẻ con đi học, thường được cho đọc *Thiên gia thi*, lấy dễ để (trẻ) ngâm nga, cho nên lưu truyền không bỏ. Tuy nhiên, thơ chọn tùy ý, chưa dụng công nhiều. Vả lại chỉ có hai thể thơ ngũ

ngôn và thất ngôn, mà các nhà thơ Đường, Tống thời ấy lại làm nhiều thể loại, đâu chỉ trong hai thể ấy. Bởi thế, (tôi) liền chọn trong những bài thơ Đường đọc sướng miệng, những bài thật hay, thật cân, mỗi thể vài chục bài, cộng hơn ba trăm bài, chép thành một tập, để làm bài giảng dạy ở nhà cho trẻ học, bạc đầu cũng không bỏ được, đem so với *Thiên gia thi*, hơn được chăng?

Ngạn ngữ nói: Đọc thuộc ba trăm bài thơ Đường. "Không biết ngâm thơ cũng biết ngâm!", xin lấy điều này để (thử) nghiệm vậy!

THẠCH PHỦ LÃO NHÂN ĐỀ TỪ VỀ BỔ CHÚ CỦA TRẦN BÁ ANH

Nữ sĩ Thượng Nguyên Trần Bá Anh là vợ của Lý Kính Duyên, cháu ngoại tôi. Cô là con gái của Trần Thúc Lương, làm quan đến chức Quan sát, thuở nhỏ thông minh, ham đọc sách, Thúc Lương rất yêu, dạy bảo nghiêm, kỹ. Cô chơi với cháu ngoại tôi là Lý Trọng Phủ, khi ông Hải Phong⁽¹⁾ đi làm quan ở Tây Thục, ở nhà tại Kim Lăng, do đó mà kết hôn cùng Kính Duyên.

Lúc ấy, tôi coi việc ở Lương Hoài, có biết mỗi lương duyên này. Được biết nữ sĩ là người đẹp trong đám phòng khuê, nhưng chưa biết tài trước thuật của cô. Mấy năm sau, nữ sĩ về nhà Kính Duyên, tôi đi làm quan ở hải ngoại, qua thư biết được; đọc qua thơ văn của cô, lòng từng mến phục.

Sau đó, tôi sang nhận chức ở Tây Thục, Kính Duyên cũng về quê, tôi ghé thăm, thấy đầu án sách có tập *Đường thi bổ chú*, lại biết là do nữ sĩ Bá Anh soạn; nghiên cứu, viện dẫn đều tinh tường, khiến người đọc gặp chỗ khó có thể tìm hiểu, giúp ích cho những người mới học. Kính Duyên thì nhún nhường, dầu không được rảnh rang nhưng

⁽¹⁾ Có lẽ là tên hiệu của Trần Thúc Lương (chú của người biên soạn).

không muốn mình không giúp cô ấy (vợ) được, nhờ tôi (xem dùm). Tôi không thể từ chối.

Từ xưa, chú thích sách, hiếm có những người trong khuê các! Tinh thông lại càng khó! Những lời bổ chú khá sắc sảo. Tươi mới, có tài giỏi mới làm được. Âu cũng là chuyện hay của một thời. Tôi già rồi, lại ở tận biên giới phía Tây, gặp được lúc này, lấy được đọc trước làm vui. Kính Duyên hãy ghi lấy. Nếu ta có nói lỗi điều chi thì cũng là chuyện do già cả mà thôi!

Năm Đạo Quang thứ 14, đêm trăng ở Gia Bình,

Thạch Phủ lão nhân Diêu Huệnh!

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 1)

NGŨ NGÔN CỔ THI

TRƯƠNG CỬU LINH (NĂM 678 - 740)

Trương Cửu Linh, tên chữ là Tử Thọ, người Thiệu Châu, Khúc Giang (nay thuộc Quảng Đông), mười tuổi đã biết làm văn, đỗ tiến sĩ, ban đầu làm Hiệu thư lang, khi vua Huyền Tông lên ngôi chuyển làm Hữu bổ khuyết rồi làm Trung Thư thị lang, hết tang mẹ, được làm Đồng Bình Chương sự. Đời Khai Nguyên bị bọn Lý Lâm Phủ dèm pha, ông lui về ở ẩn. Khi mất tên thụy là Văn Hiến.

感 遇

蘭 葉 春 葳 蕤
桂 華 秋 皎 潔
欣 欣 此 生 意
自 爾 爲 佳 節
誰 知 林 棲 者
聞 風 坐 相 悅
草 木 有 本 心
何 求 美 人 折

1. CẢM NGỘ

Lan điệp xuân uy nhuy⁽¹⁾

Quế hoa thu hạo khiết

Hân hân thử sinh ý⁽²⁾

(1) Uy nhuy: môn môn. Thơ Vương Giá: "Hạo thiên giáng phong đàm. Bách huỷ đàn uy nhuy", nghĩa là: Trời đẹp chiếu xuống đầm rậm rạp. Mọi loài cỏ cây đều tươi tốt.

(2) Sinh ý: Tương truyền sau khi Hoàng Huyền thua, An Trọng Văn về làm Đại Tư mã Tư Nghị, ý còn lưỡng lự không được như xưa. Trước sân nhà quan Đại Tư mã tiền nhiệm, có cây hoè, ông ngắt hoa than: Bóng hoè thấp thoáng, dâu được như xưa.

Tự nhĩ vì giai tiết
Thùy tri lâm thê giả⁽¹⁾
Văn phong toạ tương duyệt
Thảo mộc hữu bản tâm
Hà cầu mỹ nhân chiết.

Dịch nghĩa:

CẢM NGỘ

*Mùa xuân đến, lá lan mon morn
Mùa thu về, quế đẹp trong vẻ cao khiết.
Hón hờ với sức sống này
Tự cây làm nên tiết đẹp.
Ai đã biết kẻ ở rừng rú ấy
Nghe gió về là lòng dạ đã vui.
Cây cỏ vốn có tâm lòng riêng
Việc gì phải cậy người đẹp bề.*

Tập k. thơ:

CẢM NGỘ

*Xuân về mon morn chồi lan
Mùa thu bóng quế lại càng thanh tao.
Hân hoan, sức mới dồi dào
Tự mình tạo lấy xuân xao tiết trời.
Ở rừng nào đã mấy ai
Nghe cơn gió gheo bời lòng riêng.
Cỏ cây cũng có nỗi niềm
Cây chi người đẹp bằng miền bề chơi.*

⁽¹⁾ Lâm thê giả: Chỉ người ở ẩn. Tào Phê thường nói: Nhà nho không như ai tìm đến chỗ rừng rú, chẳng mong hoá lân hoá rồng.

感遇

江 南 有 丹 橘
經 冬 猶 綠 林
豈 伊 地 氣 暖
自 有 歲 寒 心
可 以 薦 嘉 客
奈 何 阻 重 深
運 命 惟 所 遇
循 環 不 可 尋
徒 言 樹 桃 李
此 木 豈 無 陰

2. CẢM NGỘ (BÀI 2)

Giang Nam hữu Đan Quất
Kinh đông do lục lâm.
Khởi y địa khí noãn
Tự hữu tuế hàn tâm.
Khả dĩ tiên gia khách,
Nại hà trở trọng thâm.
Vận mệnh duy sở ngộ
Tuần hoàn bất khả tầm.
Đồ ngôn thụ đào lý
Thử mộc khởi vô âm.

Dịch nghĩa:

CẢM NGỘ (BÀI 2)

Đất Giang Nam có giống Đan Quất,
Trải qua mùa đông vẫn tốt xanh.
Há đâu phải nhờ khí đất ấm áp
Mà chính là có cái lòng chịu rét trong năm.
Có thể làm thứ tiên dân khách quý

*Cứ gì phải lo đường xa cách trở.
Vận mệnh gắn với mình khi gặp phải
Lẽ tuân hoàn làm sao có thể tìm.
Xem kìa đám đào, mận
Loại cây ấy há không có bóng u!*

Dịch thơ:

2. CẢM NGỘ

*Đan Quát ở Giang Nam⁽¹⁾
Qua đông vẫn xanh tốt!⁽²⁾
Phải đâu đất ẩm áp
Sức chọi nổi tuế hàn!
Vốn là thứ dâng khách⁽³⁾
Xá gì chuyện trở ngẩn
Vận mệnh hẳn gặp lúc,
Tìm sao luật tuân hoàn.
Xem kìa, đám đào, mận,
Cây nào không bóng râm!*

⁽¹⁾ Giang Nam Đan Quát: Thơ Khuất Nguyên: "Hậu hoàng gia quát. Quát lao phục hê. Thụ mệnh bất thiên sinh nam quốc hê", nghĩa là: Cây tốt của đất trời, quát đã quen thủy thổ, chịu mệnh chẳng rời, sinh ở nước Nam.

⁽²⁾ Kinh đông lục: Thơ Lý Vưu Thắt: "Lương thổ thanh trần, Lê quát thị sinh. Bạch hoa lục diệp, Phù sơ đông vinh", nghĩa là: Đất Lương bùn mát. Quát đang nảy chồi, hoa trắng lá xanh, thấp thoáng tươi tốt trong mùa đông!

⁽³⁾ Gia khách: Chữ *Kinh Thi*: "Sở vị y nhân, vu yên, gia khách", nghĩa là: Nói đến người ấy, chính là vị khách quý.

LÝ BẠCH (701 - 762)

Lý Bạch, tên chữ là Thái Bạch, hiệu Thanh Liên cư sĩ, tổ tiên ở Thành Kỷ, Lũng Tây (nay là Tân An, Cam Túc - NVP) sinh ở thành Toái Diệp, Trung Á (nay là Hồ Nam). Đời nhà Đường là Tây An Đô hộ phủ. Mẹ nằm mộng thấy sao sáng suốt đêm mà sinh ra, lâu thông Thi, Thư, thích thối tung hoành, múa kiếm, uống rượu. Đầu năm Thiên Bảo, tể tướng Hạ Tri Chương tâu lên Huyền Tông, có chiếu ban cho chức Hàn Lâm Cung Phụng, do méch lòng Dương Quý phi, cho vàng mà đuổi đi xa. An Lộc Sơn làm phản, Vĩnh Vương Lý Lân khởi binh, Lý Bạch liền theo. Lý Lân bại trận, Lý Bạch bị giam ở ngục Tầm Dương, rồi đầy đi Dạ Lang (Quý Châu). Thời Đường Đại Tông (Lý Dục) triệu làm Tả Thập Di nhưng Bạch đã chết, thọ 62 tuổi. Ông được người đời gọi là Thi Tiên.

下終南山過斛斯山人宿置酒

暮 山 卻 蒼 相 童 綠 青 歡 美 長 曲 我 陶	從 月 顧 蒼 攜 稚 竹 蘿 言 酒 歌 盡 醉 然	碧 隨 所 橫 及 開 入 拂 得 聊 吟 河 君 共	山 人 來 翠 田 荆 幽 行 所 共 松 星 復 忘	下 歸 徑 微 家 扉 徑 衣 憩 揮 風 稀 樂 機
--	--	--	--	--

3. HÁ CHUNG NAM SƠN⁽¹⁾

QUÁ HỌC TỬ SƠN NHÂN TÚC CHÍ TỬU

Mộ tông bích sơn hạ
Sơn nguyệt tuy nhân quy.
Khước cổ sở lai kính,
Thương thương hoành thủy vi.
Tương huê cập điền gia,
Đồng trĩ khai kinh phi.
Lục trúc nhập u kính,
Thanh la phát hành y.
Hoan ngôn đắc sở khê⁽²⁾,
Mỹ tửu liêu cộng huy.
Trường ca ngâm tùng phong⁽³⁾
Khúc tận hà tinh hi.
Ngã túy, quân phục lạc,
Đào nhiên cộng vong ky.

Dịch nghĩa:

XUỐNG NÚI CHUNG NAM

QUA NHÀ HỌC TỬ SƠN NHÂN NGỦ, BẦY RƯỢU

*Chiều từ núi biếc xuống
Trăng núi theo người về.
Ngoái lại nhìn con đường đã đi qua,
Xanh xanh một bức màn trái giăng.
Dắt tay đến nhà người làm rượu
Trẻ nhỏ mở cổng rong.*

⁽¹⁾ Núi Chung Nam: Sách địa chí *Nguyên Hoà quận huyện*: Chung Nam ở phía nam huyện Vạn Niên, Ung Châu, chừng năm mươi dặm đường.

⁽²⁾ Khê: Nghỉ ngơi: *Kinh Thi* (Thiệu Nam) Thiệu bá sở khê, (chú thích khê, là nhạc khí, chỉ sự nghỉ ngơi) nghĩa là ông Thiệu đánh đàn để nghỉ ngơi.

⁽³⁾ Tùng phong: theo phong tục địa phương uống rượu hát các điệu nhạc dân gian có hai mươi một bài, trong đó có bài: "Gió đến cùng thông".

Trúc xanh rợp đường kín
Dây leo xanh quệt vào áo ngoài.
Lời vui như trút được mệt nhọc
Rượu ngon vui vẻ cùng nâng chén.
Hát vang bài gió thông
Khúc hết sông sao vắng.
Ta say, ông lại vui
Thoải mái và quên hết mọi chuyện.

Dịch thơ:

**XUỐNG NÚI CHUNG NAM,
UỐNG RƯỢU Ở NHÀ HỘC TỬ SƠN NHÂN**

Chiều từ núi cao xuống
Theo người, một mảnh trăng.
Ngoái lại nhìn đường cũ
Xanh xanh tám màn giăng.
Dắt tay người làm ruộng
Cổng rong, trẻ nhỏ nâng.
Tre trúc rủ lối kín
Dây quệt áo hành nhân.
Lời vui như trút mệt
Rượu quý cùng nhau nâng.
"Gió đến cùng thông" hát,
Khúc hết, sao trời không.
Tôi say, bác lại khoái,
Thoải mái và mộng lung...

月下獨酌

花間一壺酒
獨酌無相親
舉杯邀明月

對 影 成 三 人
 月 既 不 解 飲
 影 徒 隨 我 身
 暫 伴 月 將 影
 行 樂 須 及 春
 我 歌 月 徘徊
 我 舞 影 零亂
 醒 時 同 交 歡
 醉 後 各 分 散
 永 結 無 情 遊
 相 期 邈 雲 漢

4. NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC

Hoa gian nhất hồ tửu,
 Độc chước vô tương thân.
 Cử bôi yêu minh nguyệt,
 Đối ảnh thành tam nhân.
 Nguyệt ký bất giải ẩm,
 Ảnh đồ tùy ngã thân.
 Tạm bạn nguyệt tương ảnh,
 Hành lạc tu cập xuân.
 Ngã ca nguyệt bôi hồi⁽¹⁾,
 Ngã vũ ảnh linh loạn,
 Tỉnh thời đồng giao hoan.
 Tuý hậu các phân tán.
 Vĩnh kết vô tình du,
 Tương kỳ mạc⁽²⁾ Vân Hán⁽³⁾.

⁽¹⁾ Nguyệt bôi hồi: Thơ Tào Thực "Minh nguyệt chiếu cao lâu, Lưu quang chính hồi hồi", nghĩa là: Trăng sáng chiếu trên lầu cao, ánh trăng đang lúc bồi hồi.

⁽²⁾ Mạc: Thơ Ly Tao: "Thần Cao tri chi mạc mạc", nghĩa là: Đất Thần Cao ruỗi xa càng thêm xa.

⁽³⁾ Vân Hán: Thơ Hoắc Phác Chương: "Trắc bỉ Vân Hán vi chương vu thiên", nghĩa là: Rờ rờ Vân Hán kia, sáng rực trên trời. Chú: Vân Hán tức Thiên hà (sông Ngân).

Dịch nghĩa:

MỘT MÌNH UỐNG RƯỢU DƯỚI TRĂNG

*Giữa hoa một hồ rượu,
Một mình rót uống, không ai là người thân.
Nâng chén lên mời trăng sáng
Cùng bóng mình thành ba người.
Trăng đã không biết uống rượu
Bóng thì theo thân mình.
Tạm đánh bạn với trăng với bóng
Vui cho kịp với ngày xuân.
Ta hát trăng cũng bồi hồi
Ta múa, bóng cũng quay cuồng nghiêng ngã.
Khi tỉnh cùng vui với nhau
Say rồi đều tan tác.
Tình giao kết buộc nhau lại mãi làm chi
Hẹn hò nhau trên tít Vân Hán.*

Dịch thơ:

UỐNG RƯỢU DƯỚI TRĂNG

*Trong hoa rượu đã sẵn bình
Người thân chẳng có, một mình uống thôi.
Gọi trăng, nâng chén ta mời,
Một trăng một bóng với người là ba.
Trăng kia đâu uống được mà,
Bóng kia lảng nhãng theo ta chẳng rời,
Bạn cùng nhé, bóng, trăng ơi!
Chơi xuân cho kịp kéo hoài mất xuân.
Ta ca, trăng cũng bàn thần.
Ta múa, bóng quấn bên chân rồi bởi
Tỉnh ra, cùng bóng, trăng vui
Khi say mỗi đứa mỗi nơi chán phè...
Vô tình kết bạn làm chi
Chỉ lên Vân Hán phía kia hẹn hò.*

UỐNG RƯỢU DƯỚI TRĂNG

Có rượu không có bạn,
Một mình chuốc dưới hoa.
Cắt chén mời trăng sáng,
Mình với Bóng là ba.
Trăng đã không biết uống
Bóng chỉ quán theo ta.
Tạm cùng Trăng với Bóng
Chơi xuân cho kịp mà.
Ta hát, Trăng bồi hồi
Ta múa, Bóng rối loạn.
Lúc tỉnh cùng nhau vui
Say rồi đều phân tán.
Gắn bó cuộc vong tình
Hẹn nhau tít Vân Hán.

春 思

燕	草	如	碧	絲
秦	桑	低	綠	枝
當	君	懷	歸	日
是	妾	斷	腸	時
春	風	不	相	識
何	事	入	羅	幃

5. XUÂN TỨ

Yên thảo⁽¹⁾ như bích ti,
Tần tang⁽²⁾ đề lục chi.

⁽¹⁾ ⁽²⁾ Cỏ Yên, dâu Tần: (Yên thảo, Tần tang) xét, Tiêu Sĩ Tung nói: "Yên Bắc địa hàn sinh thảo tri, Dương Tần tang đề lục chi thì, Yên thảo phương sinh", nghĩa là: Nước Yên phía Bắc rét, cỏ mùa lạnh mọc chậm. Khi dâu nước Tần ỏ oai xanh thì cỏ nước Yên cũng nảy nở.

Đương quân hoài quy nhật,
Thị thiếp đoạn trường thì.
Xuân phong bất tương thức,
Hà sự nhập la vi⁽¹⁾?

Dịch nghĩa:

TỨ MÙA XUÂN

*Cỏ đất Yên như tơ biếc
Dâu Tần cành xanh xoà rạp đất
Đương khi chàng mong trở về
Chính là lúc thiếp đứt ruột,
Gió xuân chẳng quen biết
Việc chi mà lọt vào phòng the?*

Dịch thơ:

TỨ MÙA XUÂN

*Cỏ Yên như tơ biếc
Dâu Tần xanh mượt mà
Phút chàng mong trở lại,
Em đứt ruột xót xa.
Gió xuân chẳng quen biết!
Lọt chi vào phòng the.*

Bản dịch khuyết danh:

*Cỏ Yên như sợi tơ xanh
Dâu Tần xanh ngắt rủ cành xum xuê.
Khi chàng tưởng nhớ ngày về
Chính là khi thiếp tái tê nỗi lòng.
Gió xuân, ai biết chi cùng,
Cớ sao len lỏi vào trong màn là?*

⁽¹⁾ Phòng the (la vi). Cổ Nhạc phủ: "Vi phong xuy nhuận, la vi tự phiêu dương", nghĩa là gió nhẹ thổi nhuận, màn the tự lay động.

ĐỖ PHỦ (712 - 770)

Đỗ Phủ, tên chữ là Tử Mỹ, tổ tiên người Tương Dương, sinh ở huyện Cửng (nay thuộc Hà Nam) thi tiến sĩ không đỗ, nhân đến Trường An, dâng lên vua Huyền Tông ba bài phú, vua lấy làm lạ cho làm Đãi chế Tập hiền viện, trải đến đời Đường Túc Tông, làm Hữu thập di, sau đó làm Hoa châu tư công. Gặp lúc loạn lớn, bỏ quan đến đất lạ Tần Châu, hái rau, kiếm củi lần hồi, rồi lưu lạc đến Kiếm Nam. Nghiêm Vũ xin cho làm Thăm mưu kiểm hiệu Công bộ Viên ngoại lang. Đến đời Đại Lịch, đến Lỗi Dương, một đêm quá say rồi mất, thọ năm mươi chín tuổi. Để lại 16 quyển thơ.

望 嶽

岱宗夫如何
齊魯青未了
造化鍾神秀
陰陽割昏曉
盪胸生層雲
決眴入歸鳥
會當凌絕頂
一覽眾山小

6. VỌNG NHẠC

Đại Tông⁽¹⁾ phù như hà,
Tề Lỗ thanh vị liễu
Tạo hoá chung thần tú
Âm dương⁽²⁾ cát hôn hiểu

⁽¹⁾ Núi Đại Tông: Ngu Thư chép: "Đi tuần sang phương đông đến nước Lỗ gặp núi Đại Tông. Chữ Tông có nghĩa là dài vậy, chỉ quần thể núi chạy dài. Đại Tông chính là Thái Sơn vậy". Bởi đứng đầu Ngũ nhạc nên gọi là Đại Tông.

⁽²⁾ Âm, dương: chỉ núi phía Nam núi phía Bắc.

Đăng hung sinh tăng vân⁽¹⁾
Quyết tí nhập quy điều
Hội đương lãng tuyết đỉnh
Nhất lãm chúng sơn tiêu.

Dịch nghĩa:

NGẮM NÚI

*Núi Đại Tông như thế này sao?
Xanh dọc nước Lỗ, nước Tề không hết.
Tạo hoá đúc lên vẻ đẹp thần
Âm dương khoanh vẽ tối vẻ sáng.
Ngực mạnh sinh ra mây tầng,
Trừng mắt nhìn chim về bay mỗi.
Hợp tất cả những đỉnh cao nhất
Cùng trông đám núi nhỏ ở bên dưới.*

Dịch thơ:

NGẮM NÚI

*Đại Tông thế này chăng?
Lỗ, Tề xanh xanh mãi
Tạo hoá đúc vẻ thần.
Âm dương khoanh sáng, tối,
Ngực mạnh sinh mây tầng.
Mắt ngắm, chim về mỗi,
Cao ngất đỉnh chênh vênh.
Muôn núi nhỏ ở dưới.*

贈衛八處士

人生不相見

⁽¹⁾ Tăng vân: Theo Công Dương truyện, vin đá mà lên, tăng tăng hợp lại, không châu vào đâu mà rợp cả thiên hạ. Đó là mây núi Thái Sơn.

商夕光時蒼鬼腸載堂婚行執方已漿韭梁難觴醉長岳茫
 與何燭幾已爲中十子未成父何未酒春黃面十不意山茫
 參復燈能各半熱二君君忽敬來及羅剪間會累亦故隔兩
 如夕此壯髮舊呼知上別女然我答兒雨炊稱舉觴子日事
 動今共少鬢訪驚焉重昔兒怡問問驅夜新主一十感明世

7. TẶNG VỆ BÁT XỬ SĨ⁽¹⁾

Nhân sinh bất tương kiến,
 Động như Sâm dữ Thương⁽²⁾.

⁽¹⁾ Vệ bát xử sĩ: Xét sách *Đường Thập Di ký*, Đỗ Phủ cùng Lý Bạch, Cao Thích, Vệ Tân cùng kết bạn rất thân, lúc đó Tân rất trẻ, được gọi là Tiểu hữu (ông bạn trẻ) (có lẽ trong nhóm 8 người bạn mà gọi Vệ bát chăng?).

⁽²⁾ Sâm, Thương (sao Hôm, sao Mai): Xét sao Thương ở phía đông, định vị ở Mão, sao Sâm ở phía tây, định vị ở Dậu. Sao nọ mọc thì sao kia lặn (Ở đây chỉ sự xa cách).

Kim tịch phục hà tịch⁽¹⁾
Cộng thử đẳng chúc quang.
Thiếu tráng năng kỷ thì
Mấn phát các dĩ thương.
Phỏng cự bán vi quỹ
Kinh đô nhiệt trung trường⁽²⁾.
Yên tri nhị thập tải,
Trùng thương quân tử đường.
Tích biệt quân vị hôn
Nhi nữ hốt thành hàng.
Di nhiên kính phụ chấp
Vấn ngã lai hà phương.
Vấn đáp vị cập dĩ
Khu nhi la tửu tương.
Dạ vũ tiền xuân cửu
Tân suy gián hoàng lương.
Chủ xưng hội diện⁽³⁾ nan
Nhất cử lũy thập trường.
Thập trường diệc bất túy
Cảm tử cố ý trường.
Minh nhật cách sơn nhạc
Thế sự lưỡng mang mang.

Dịch nghĩa:

TẶNG AN SĨ HỌ VỆ THỨ TÁM

Người ta ở đời khó gặp nhau

⁽¹⁾ Kim tịch, hà tịch: (Đêm nay, đêm nao?). Kinh Thi viết: "Kim tịch, hà tịch, kiên thứ lương nhân" nghĩa là đêm nay đêm nao, em gặp được chồng.

⁽²⁾ Trung trường: (ruột như lửa đốt). Thơ Nguyên Tịch: "Khuyh thành mê hạ sai, Dung hảo kết trung trường", nghĩa là: Sắc đẹp khuyh thành khiến lòng mê mẩn, gương mặt đẹp khiến ruột như lửa đốt. Ở đây, chỉ sự bất ngờ gây xúc động mạnh.

⁽³⁾ Hội diện: (Mừng lại gặp mặt). Thơ cổ: "Đạo lộ trở thả trường, hội diện an khả tri", nghĩa là đường xa xa xôi và cách ngăn, gặp mặt rồi mà còn chưa tin.

Như thể sao Hôm, sao Mai.
Đêm nay là đêm nào vậy?
Lại được chung dưới ánh đèn.
Thời trẻ được mấy nă
Tóc tai đã bạc cả rồi!
Thăm hỏi người thân cũ, một nửa đã ra ma,
Sợ hãi thốt lên, lòng như lửa trâm.
Nào biết đã hai mươi năm
Giờ lại tới nhà bác.
Lúc chia tay, bác chưa kết hôn
Giờ đây con cái đã đầy đàn.
Chúng niềm nở chào hỏi bạn của cha,
Hỏi tôi từ đâu mà đến!
Tiếng hỏi lời đáp đang riu ran
Bác đã giục các con dọn mâm rồi.
Trong mưa đêm, người thì đi cắt tóc
Xôi mới trộn kê vàng.
Chủ nhân nói: Mấy khi gặp nhau
Nào uống nhé, uống hàng chục chén vào.
Chục chén cũng chưa say
Cảm bác đối đãi tình cũ thân thiết.
Ngày mai chia tay, núi non cách trở
Việc đời, đôi ngả lại mệnh mang.

Dịch thơ:

TẶNG AN SĨ HỌ VỆ THỨ TÁM

Đời người gặp nhau đâu có dễ
Như âm dương đôi ngả khác nào.
Đêm nay là cái đêm nao,
Chạm đầu bên ánh đèn dầu mừng vui.
Trẻ trung được mấy hơi đầu nhĩ
Cả hai ta đầu đã bạc mà.

Bạn bè nửa đã ra ma,
 Kêu lên, lửa táp ruột ta, rồi bời.
 Chốc lẽ đã hai mươi năm chẵn,
 Bữa nay tôi lại đến thăm nhà.
 Chia tay, gia thất vẫn chưa,
 Cháu con rày đã đầy nhà xum xuê.
 Rượu ran chào bạn cha thuở nọ,
 Hỏi tôi rằng đến từ nơi nao?
 Kề thừa, người đáp xôn xao
 Phút đâu com rượu bùng vào tận nơi.
 Đêm mưa còn sai người cắt tỏi
 Kề vàng xôi gạo mới dẻo thơm.
 Bác cười: đâu dễ tương phùng,
 Uống đi, chực chén không dừng, tối nay...
 Chực chén cũng chẳng say đâu nhé
 Cho đậm đà nghĩa cũ, tình xưa.
 Ngày mai non nước mờ xa,
 Sự đời muôn ngả biết là đến đâu!

Bản dịch của Nhượng Tống:

TẶNG VỆ BÁT XỬ SĨ

Đời người chẳng gặp nhau ra,
 Sâm Thương những tưởng như là đôi sao.
 Đêm nay thử hỏi đêm nào?
 Ánh đèn, ánh nến soi vào cùng chung.
 Tóc đầu bạc cả. Này trông!
 Được bao nhiêu lúc trẻ trung mà già.
 Bạn xưa quá nửa ra ma
 Ngắm vào sôt ruột, nói ra giật mình.
 Ai ngờ lại đến nhà anh,
 Hai mươi năm đã bất tình đi mau.
 Xưa đi, anh đã vợ đâu

Gái trai nay đã lau nhau đây nhà.
 Ân cần chào hỏi bạn cha,
 Rằng: "Thưa bác ở đâu mà đến đây?"
 Chưa xong câu chuyện thơ ngây
 Món ăn chúng đã sắp bày dâng ra
 Mưa xuân đêm hái hẹ hoa,
 Gạo thơm mới thổi lại pha kê vàng.
 Bạn rằng: "Gặp gỡ chẳng thường"
 Rượu mời mười chén rót thường luôn tay.
 Dầu mười chén cũng chưa say,
 Tình anh nặng khiến rượu này nhẹ không!
 Ngày mai cách núi, cách sông,
 Chuyện đời thôi lại mặt mừng đôi nơi.

佳人

絕	代	有	佳	人
幽	居	在	空	谷
自	云	良	家	子
零	落	依	草	木
關	中	昔	喪	亂
兄	弟	遭	殺	戮
官	高	何	足	論
不	得	收	骨	肉
世	情	惡	衰	歇
萬	事	隨	轉	燭
夫	婿	輕	薄	兒
新	人	美	如	玉
合	昏	尚	知	時
鴛	鴦	不	獨	宿
但	見	新	人	笑
那	聞	舊	人	哭
在	山	泉	水	清

出 山 泉 水 濁
 侍 婢 賣 珠 迴
 牽 蘿 補 茅 屋
 摘 花 不 插 髮
 采 柏 動 盈 掬
 天 寒 翠 袖 薄
 日 暮 倚 修 竹

8. GIAI NHÂN

Tuyệt đại⁽¹⁾ hữu giai nhân
 U cư tại không cốc⁽²⁾
 Tự vân lương gia tử.
 Linh lạc ư thảo mộc
 Quan trung⁽³⁾ tích táng loạn.
 Huynh đệ tao sát lục
 Quan cao hà túc luận,
 Bất đắc thu cốt nhục.
 Thế tình ô suy yết,
 Vạn sự tùy chuyển chúc.
 Phu tể khinh bạc nhi,
 Tân nhân mỹ như ngọc.
 Hợp hôn⁽⁴⁾ thượng tri thì,
 Uyên ương⁽⁵⁾ bất độc túc.
 Dân kiến tân nhân tiếu,
 Ná văn cựu nhân khóc.
 Tại sơn tuyền thủy thanh,

⁽¹⁾ Tuyệt đại: Bài hát của Lý Diên Niên có câu: Phương bắc có người đẹp tuyệt trần.

⁽²⁾ Không cốc: (hoang vắng). *Kinh Thi* có câu "Hạo hạo bạch câu, tại bỉ không cốc", nghĩa là: Rõ ánh sáng, chiếu vào hang vắng của người.

⁽³⁾ Quan Trung: thuộc Ung Châu (theo sách *Vũ cổng*), thuộc địa phận sao Quỷ, sao Tinh, là đất quý của nhà Chu, nhà Tần gọi là Quan Trung, nay thuộc phủ Tây An.

⁽⁴⁾ Hợp hôn hoa: Túc hoa dạ hợp.

⁽⁵⁾ Uyên ương: Đôi chim sống có đôi, chim sống chim mái chẳng bao giờ rời nhau.

Xuất sơn tuyền thủy trọc.
Thị tỳ mại châu hồi,
Khiên la bổ mao ốc.
Trích hoa bất sáp phát,
Thái bách động doanh cúc.
Thiên hàn thủy tụ bạc,
Nhật mộ ý tu trúc.

Dịch nghĩa:

NGƯỜI ĐẸP

*Có người đẹp nhất đời
Sống lặng lẽ trong hẻm núi vắng vẻ.
Nói ra rằng là con nhà tử tế,
Vì sa sút phải lặn lội nương nhờ cây cỏ.
Hồi đất Quan Trung loạn ly
Anh em đều bị giết hại.
Quan cao mà làm gì,
Lúc chết, xác cũng chẳng ai chôn cất.
Trò đời ai lại thích cảnh suy vi
Chuyện thế bấp bênh như đèn trước gió.
Chông lại là kẻ bạc bèo
Vợ thì đẹp như ngọc.
Hoa dạ hợp còn biết nở đúng lúc
Chim uyên ương nào chịu đậu một mình.
Chỉ thấy vợ mới cười
Nào thấy vợ cũ khóc.
Khi còn ở trong núi, nước trong
Ra khỏi núi, nước đã đục.
Con đòi đi bán ngọc về
Kéo tranh đoạt mái lá.
Hái hoa chẳng buồn cài lên đầu*

Lượm quả bách đầy vốc tay.
Trời lạnh, tay áo bạc, mỏng
Ngày tàn đứng tựa bên lùm trúc thẳng.

Dịch thơ:

NGƯỜI ĐẸP

Có người đẹp tuyệt vời
Lặng sống trong núi vắng.
Rừng, con nhà lương thiện,
Sa sút, nhờ cỏ cây.
Quan Trung, buổi loạn lạc
Anh em chẳng còn ai.
Quan cao làm chi nữa?
Chết chẳng được vui thay!
Đời chán cảnh suy vi
Sự thế, đèn trước gió
Chồng bạc, chẳng ra gì
Mê người xinh như ngọc.
Đúng thì, hoa dạ hợp
Uyên ương đậu có đôi,
Lúc thấy vợ mới cười
Là khi tình cũ khóc.
Nước ở núi thì trong
Ra khỏi núi, nước đục.
Con đời bán ngọc xong
Đánh tranh dọ mồi dột.
Hái hoa chẳng cài đầu,
Vốc tay đầy quả bách.
Trời lạnh, áo mỏng tang
Trĩu buồn, nương gốc trúc...

NGƯỜI ĐẸP

Có con người đẹp tuyệt vời,
Nương cây nắp cỏ ở nơi hang cùng.
Rằng: Xưa con gái nhà dòng
Lạc loài từ thuở Quan Trung gặp nàn.
Anh em đều chịu chết oan,
Xương rơi, thịt nát, kẻ quan làm gì?
Tình đời ghét yếu, chán suy
Việc đời muôn đổi khác chi bóng đèn.
Ông chồng gan dạ bạc đen
Mà cô vợ mới như tiên non bông.
Hợp hoan hoa cũng đào bông
Uyên ương chim cũng đậu chung canh dài.
Chỉ nghe vợ mới nô cười
Khóc than vợ cũ sụt sùi uống công.
Suối còn ở núi thì trong,
Suối ra khỏi núi vừa xong, đục rồi.
Con hầu đi bán ngọc trai
Trở về đứt lá dọi ngoài mái tranh.
Bứt hoa chẳng giắt tóc xanh.
Ngắt quả bòn trắc để dành đầy tay.
Trời chiều vạt lụa mỏng bay
Lạnh lưng đứng tựa gốc cây tre dài.

夢李白

其一

死別已吞聲
生別常惻惻
江南瘴癘地

息夢憶網翼魂測青黑梁色闌得
消我相羅羽生可林塞屋顏浪蛟
無入長在有平不楓關滿照波蛟
客人我今以非遠來返月疑深使
逐故明君何恐路魂魂落猶水無

其二

行至君意促易波墜首志華悴恢累名事
日不夢君局不風失白生京憔悴反歲後
終久頻見常來多恐搔平滿獨網身萬身
雲子夜親歸道湖楫門負蓋人云老秋冥
浮遊三情告苦江舟出若冠斯孰將千寂

9. MỘNG LÝ BẠCH⁽¹⁾ (2 BÀI)

Kỳ nhất

Tử biệt dĩ thôn thanh,
Sinh biệt thường trắc trắc.
Giang Nam chướng lệ địa
Trục khách vô tiêu tức.
Cố nhân nhập ngã mộng
Minh ngã trường tương ước.
Quân kim tại la vông
Hà dĩ hữu vũ dục?
Khủng phi bình sinh hồn
Lộ viễn bất khả trắc!
Hồn lai phong lâm⁽²⁾ thanh
Hồn phản quan tái hắc.
Lạc nguyệt mãn ốc lương,
Do nghi chiếu nhan sắc.
Thủy thâm ba lãng khoát
Vô sử giao long đắc!

Kỳ nhị

Phù vân chung nhật hành
Du tử cửu bất chí.
Tam dạ tần mộng quân
Tinh thân kiến quân ý.
Cáo quy thường cực xúc,
Khổ đạo lai bất dị.

⁽¹⁾ Lý Bạch: Tựa của tập Lý Bạch viết: Năm Thiên Bảo thứ 15, Lý Bạch đang ở Ly Sơn, Lý Lân bị truy bức rồi thua. Lý Bạch bị bắt hạ ngục ở Tầm Dương khi Lý Hành (Túc Tông) lên làm vua, ông bị đày đi Dạ Lãng, rồi qua hồ Động Đình, dầy đến Vu Sơn thuộc Giang Nam.

⁽²⁾ Phong lâm (rừng phong): *Văn Chiêu hồn* (của Khuất Nguyên) "Trạm trạm giang thủy hề, thượng hữu phong lâm, cực mục thiên lý hề, thương xuân tâm, hồn hề qui lai, ai Giang Nam", nghĩa là: man mác nước sông trên cỏ rừng phong, duỗi mắt nghìn dặm hề, lòng tiếc xuân, hồn hề đi về, thương Giang Nam.

Giang hồ đa phong ba,
Chu tiếp khủng thất trụ.
Xuất môn tao bạch thủ
Nhược phụ bình sinh chí.
Quan cái⁽¹⁾ mãn kinh hoa
Tư nhân độc tiêu tụy.
Thục vân vông khôi khôi
Tương lão thân phản lụy.
Thiên thu vạn tuế⁽²⁾ danh
Tịch mịch thân hậu⁽³⁾ sự.

Dịch nghĩa:

MƠ THẤY LÝ BẠCH

1

Chết lìa nhau, khóc nghẹn tiếng
Sống lìa nhau, dạ xót xa.
Giang Nam, đất lam chương,
Kẻ đi đây bật vô âm tín.
Bác đến cùng tôi trong giấc mơ
Hắn biết tôi nhớ nhưng không dứt.
Hiện bác đang mắc trong lưới, bầy
Lấy đâu lông cánh mà bay về.
Sợ rằng không phải hồn lúc đang sống
Đường xá xa xôi làm sao mà lường.
Hồn đến rừng phong xanh ngắt
Hồn đi quan ải đen ngòm.

⁽¹⁾ Quan cái: Mũ lọng. Phú Ban Cố Tây đô có câu: "Quan cái như vân, thất tướng ngũ công", nghĩa là: Mũ lọng như mây, bảy chức tướng, năm tước công.

⁽²⁾ Thiên thu vạn tuế: Thơ Nguyễn Tịch: "Thiên thu vạn tuế hậu, vinh danh an sở chí", nghĩa là: nghìn năm vạn năm sau, tiếng tăm thì làm gì!

⁽³⁾ Thân hậu (sau cuộc đời). Thơ Dữu Tín: "Nhân tiền nhất bôi tửu, thủy luận thân hậu danh", nghĩa là: trước mắt một chén rượu thì ai bàn đến tiếng tăm về sau làm gì.

Trăng xé toả ánh đầy nóc nhà
Tưởng trăng đang soi gương mặt bác.
Nước sâu, sóng cả
Chúc bác thoát được miệng thường luồng.

2

Mây nổi vạt vờ suốt cả ngày.
Người đi lâu không trở lại,
Ba đêm liền mơ thấy bác
Tình thân, biết được ý bác rồi
Lúc chia tay nhau, lo lắng mãi
Phàn nàn rằng đường đi thật khó
Sông hồ sóng gió nhiều
Mãi chèo e cũng gãy,
Ra cửa vò tóc bạc,
Đành vậy phụ chí bình sinh
Nơi kinh thành mũ lông đầy khô,
Riêng bạn ta một mình tiều tụy
Ai bảo trời lồng lộng chở che,
Sao tấm thân già còn mắc lụy
Dù danh tiếng để lại muôn đời
Nhưng đó chỉ là việc lặt vặt khi đã chết.

Địch thơ:

MƠ THẤY LÝ BẠCH

1

Chết lia nhau, khóc nghẹn,
Sống lia nhau, xót thương.
Giang Nam đầy khí độc
Người đi đầy bất tin.
Cổ nhân gặp trọng mộng,
Nhưng nhớ vẫn triền miên.
Thân thì mắc phải lưới

Cánh lông đầu bằng miên!
Phải chăng hồn đang sống,
Đường xa, ai thể lường.
Hồn về, rừng phong biếc
Hồn đi, ải đen ngòm.
Nóc nhà trắng xé xé
Trăng soi ai trên đường!
Nước sâu sóng gió dữ
Mong thoát miệng thường luồng!

2

Mây nổi vật vờ bay
Người đi không trở lại.
Ba đêm mộng thấy người
Tình thân chi phải nói.
Chia tay dạ bời bời
Đường xa vượt có nổi?
Sông nước, sóng gió dồi,
Mái chèo e cũng gãy.
Ra cửa, vò đầu tóc,
Đành phụ chí bình sinh.
Kính thành đầy tàn, lọng
Tiêu tụy, bạn riêng mình.
Trời xanh nào che chở
Già còn lụy đến thân.
Dù danh tiếng lưu lại,
Khen thì đã chết nhần!

Bản dịch của *Á Nam Trần Tuấn Khải*:

MƠ THẤY LÝ BẠCH

1

Chết đành lạnh ngắt tấm hơi;
Sống mà xa cách sao nguôi tấm lòng.

Giang Nam chướng độc muôn trùng,
Mong người bị đuổi, tin hồng vắng tanh.
Chiêm bao lẫn khuấy bên mình
Tỏ rằng ta vẫn nặng tình nhớ nhung.
Bạn nay còn mắc lưới hồng,
Cánh đâu tháo cũi, sổ lồng cao bay.
Phải chăng hồn sống về đây,
Nẻo đường xa lắc dẽ hay mà lường.
Hồn đi xanh ngắt rừng bàng,
Hồn về cửa ải dặm đường tối đen.
Trên xà xé bóng trăng xiên
Mơ hồ còn tưởng như in mặt người.
Nước sâu sóng dợn đầy trời,
Giữ sao cho khỏi mắc mối giao long.

2

Đám mây nổi ngày trôi lững thững,
Du tử kia đằng đẳng bao về!
Luôn ba đêm thấy bạn lúc nằm mê
Biết bao vẫn nặng nề tình thân ái.
Khi lui gót bắn khoăn ngàn ngại,
Giận đường đi lối lại khó bao nhiêu.
Bước giang hồ sóng gió nổi trôi nhiều
Những e sợ lái chèo khi sẩy lạc.
Ra tới cửa, giờ tay xoa tóc bạc
Chí bình sinh chưa thoả được, nghĩ buồn chưa?
Nào lòng che, nào mũ đội, đầy rẫy khắp kinh đô
Sao người ấy bơ thờ, riêng một kiếp.
Ai dám bảo lưới trời to rộng khiếp
Đến thân già còn vương vít mãi chưa thôi.
Tiếng tăm muôn thuở nghìn đời
Âm thầm lặng lẽ, nửa rời thân sau.

VƯƠNG DUY (701 - 761)

Vương Duy, tên chữ là Ma Cật, nổi tiếng ở những năm Khai Nguyên, Thiên Bảo. Người Thái Nguyên (nay thuộc Sơn Tây), chín tuổi đã làm thơ. Năm Khai Nguyên thứ 9, đỗ tiến sĩ đệ nhất giáp làm Cấp sự trung. Ông vẽ rất nổi tiếng. Tiếp đó được làm Thượng Thư hữu thừa. Sau bỏ triều đình, tìm đến đạo Phật, thường cùng Bùi Địch giao du, lấy thơ phú làm vui, vợ chết cũng không lập gia đình tiếp, ở một mình đến hai mươi năm sau thì mất.

送綦毋潛落第還鄉

聖	代	無	隱	者
英	靈	盡	來	歸
遂	令	東	山	客
不	得	顧	採	薇
既	至	金	門	遠
孰	云	吾	道	非
江	淮	度	寒	食
京	洛	縫	春	衣
置	酒	長	安	道
同	心	與	我	違
行	當	浮	桂	棹
未	幾	拂	荆	扉
遠	樹	帶	行	客
孤	城	當	落	暉
吾	謀	適	不	用
勿	謂	知	音	稀

10. TỔNG KỲ VÔ TIỀM LẠC ĐỆ HOÀN HƯƠNG

Thánh đại vô ẩn giả
Anh linh tận lai quy.

Toại linh Đông Sơn⁽¹⁾ khách
Bất đắc cố thái vi⁽²⁾.
Ký chí Kim Môn⁽³⁾ viễn
Thục vân ngô đạo phi.
Giang Hoài độ hàn thực
Kinh lạc⁽⁴⁾ phùng xuân y.
Chí tửu Trạng An đạo
Đồng tâm dữ ngã vi.
Hành đương phù quế trạo
Vị kỷ phát kinh phi.
Viễn thụ đối hành khách
Cô thành đương lạc huy.
Ngô mưu thích bất dụng
Vật vị tri âm hy⁽⁵⁾.

Dịch nghĩa:

TIỀN KỲ VÔ TIỀN THI HỒNG VỀ QUÊ

*Đời vua thánh không có người ở ẩn
Mọi người tài giỏi đều quy tụ về.
Dù có làm khách Đông Sơn
Làm sao hái rau vi được.
Đã đến được chốn cửa vàng nơi xa
Há dám bảo rằng đạo của ta hồng!
Đất Giang Hoài vào tiết hàn thực
Ngang dọc trời đất khoác áo xuân.*

⁽¹⁾ Đông Sơn: Lấy tích trong *Tạ An truyện*, chỉ nơi người tài ở.

⁽²⁾ Rau vi: Lấy tích Bá Di, Thúc Tề, không ăn thóc nhà Chu vào rừng hái rau vi.

⁽³⁾ Kim Môn: (Cửa vàng). Tức Kim Mã môn, cửa cung vua, nơi sĩ tử chờ ứng đối để tuyển hiền. Sách cũ chép: "Kim ngô tử hạnh đắc kim môn, thượng ngọc đường hữu nhật dã", nghĩa là: nay con ta được đến cửa vàng, thì thế nào cũng được đến nhà ngọc vậy. Ở đây nói về làm quan.

⁽⁴⁾ Kinh Lạc: Kinh đô Lạc Dương đời Đường.

⁽⁵⁾ Tri âm: Bạn tri âm. Thơ cổ: "Bất tích ca giả khổ, dân thương tri âm hy", nghĩa là: không tiếc người hát khổ, chỉ xót tri âm hiếm.

Đặt rượu ở đường Tràng An
 Cùng ta bàn chuyện rất tâm đắc.
 Dọc đường về, chèo mái quế
 Thì đã đến đám nhà rào gai.
 Giải cây xanh xa che cho anh đi
 Cô thành vào lúc xế chiều.
 Lời của tôi chẳng biết có ích gì không,
 Chớ bảo hiem người tri kỷ.

Dịch thơ:

TIỀN KỲ VÔ TIỀM THI HỒNG VỀ QUÊ

Đòi vua thánh không ai ở ẩn,
 Mọi anh tài đi, đến xôn xao.
 Đông Sơn há phải khách nào?
 Hái rau vì chẳng dự vào tích xưa.
 Cửa vàng ở nơi xa đến được,
 Há phải đâu đạo học suy vi.
 Giang, Hoài, hàn thực tiết kia,
 Lạc Dương xuân đã tứ bề ngát xanh.
 Rượu bày đất Tràng An vui vẻ
 Lời đồng tâm lại kể sau xưa.
 Dềnh dang, chèo quế đường về
 Đã kia gai góc đám nhà, loi thôi.
 Cây mấy giải mù khơi, che bạn
 Bóng chiều vương mấy đoạn cô thành.
 Lời ta, bạn có nghe chăng?
 Tri âm xin chớ bảo rằng hiem hoi.

送別

下馬飲君酒
 問君何所之
 君言不得意

歸臥南山陲
但去莫復問
白雲無盡時

11. TỔNG BIỆT

Hạ mã ầm quân tửu
Vấn quân hà sở chi.
Quân ngôn bất đắc ý,
Quy ngoạ Nam Sơn thùy⁽¹⁾.
Đã khứ mạc phục vấn,
Bạch vân vô tận thì.

Dịch nghĩa:

TIỀN BIỆT

*Xuống ngựa uống rượu của anh
Hỏi anh đi đâu bây giờ?
Anh nói, vì chẳng được như mong muốn,
Định về nằm khểnh ở núi Nam.
Đã đi rồi chớ có hỏi thêm
Mây trắng lúc nào cũng nhiều.*

Dịch thơ:

TIỀN BIỆT

*Xuống ngựa cùng cụng chén,
Hỏi anh định đi chẳng?
Anh rằng, chẳng như ý.
Nằm khểnh, về núi Nam.
Đã đi rồi, chớ hỏi
Trắng xóa kia mây ngàn.*

⁽¹⁾ Thùy (nơi xa) như trong chữ biên thùy... Nam Sơn thùy: Theo chú thích của Trần Trọng Kim trong "Đường thi" thì Nam Sơn là núi Chung Nam. Nam Sơn thùy, tức là núi Chung Nam xa xôi.

TIỀN BIỆT

Xuống yên uống rượu cùng anh
Hỏi anh sắp sửa cật mình đi đâu?
Rằng ta chán chuyện mưu cầu
Định về nằm ở mé đầu núi Nam.
Đi đây, đừng có hỏi han
Mây kia trắng xóa, chẳng tan bao giờ.

青谿

言入黃花川
每逐青谿水
隨山將萬轉
趣途無百里
聲喧亂石中
色靜深松裡
漾漾汎菱荇
澄澄映葦葦
我心素已閒
清川澹如此
請留盤石上
垂釣將已矣

12. THANH KHÊ⁽¹⁾

Ngôn nhập Hoàng Hoa⁽²⁾ xuyên
Mỗi trực Thanh Khê thủy.

⁽¹⁾ Thanh Khê: *Thủy Kinh chú* chép: nước sông Thư chảy xuôi về Nam đến phía tây Thư huyện gặp nước Thanh Khê rót vào.

⁽²⁾ Hoàng Hoa xuyên (xuyên là sông nhỏ): Theo *Đỗ Thị Thông Điển*: Huyện Hoàng Hoa, Phượng Châu có sông Hoàng Hoa.

Tùy sơn tương vạn chuyển
Thú đồ vô bách lý.
Thanh huyền loạn thạch trung
Sắc tĩnh thâm tùng lý.
Dạng dạng phiếm lãng hạnh⁽³⁾
Trường trường ánh hà vĩ⁽⁴⁾.
Ngã tâm tổ dĩ nhàn
Thanh xuyên đạm như thử.
Thỉnh lưu bàn thạch thượng
Thùy điều tương dĩ hỹ.

Địch nghĩa:

THANH KHÊ

*Bảo rằng vào sông Hoàng Hoa
Lần theo dọc tận suối Thanh Khê.
Theo những dãy núi quanh co vây thành
Không đến một trăm dặm có một nơi thú vị.
Tiếng nước huyền nào trong đá lốc nhốc
Hàng thông đứng lặng xanh thâm trầm.
Lòng bông từng mảnh rau hạnh, rau lãng
Lung linh bóng đám lau, đám sậy.
Lòng ta vốn ưa nhàn
Mà suối xanh diễm đạm đến như thế.
Ngồi mãi trên bàn đá,
Buông câu, hỏi còn gì hơn được?*

Địch thơ:

THANH KHÊ

Nhấn rằng đến sông Hoàng Hoa

⁽³⁾ Lãng, hạnh: Những loại rau rừng.

⁽⁴⁾ Hà, vĩ: Hà: cây lau non; Vĩ: là cây lau già.

Đọc Thanh Khê, bước chân ta dạo lòng.
 Quanh quanh, muôn núi trập trùng,
 Độ non trăm dặm, ấy vùng cỏ xanh.
 Đá trập trùng, nước réo quanh
 Thông già đứng lặng thâm trầm xiết bao.
 Rau rừng đua mọc xôn xao,
 Miên man bóng sậy, bóng lau dập dờn.
 Lòng ta vốn đã ưa nhàn
 Sông xanh tĩnh lặng, dặm ngàn thanh thoi.
 Bên khe bàn đá ta ngồi
 Thả câu, dám hỏi rằng ai hơn mình?

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

THANH KHÊ

Nói vào suối Thanh Khê len lõi,
 Đọc Thanh Khê một lối đến cùng.
 Quanh co theo núi trập trùng,
 Độ chừng trăm dặm đến vùng tươi xanh.
 Tiếng huyền náo nước quanh đá chảy
 Dưới bóng tùng hết thấy lặng im.
 Chồng chênh rau cỏ êm dềm
 Sậy lau ánh nước bóng chìm miên man.
 Lòng ta vốn ưa nhàn đã sẵn,
 Thấy thanh xuyên lặng hẳn thế kia.
 Ngồi trên bàn thạch bên khe
 Buông câu như cá có gì là hơn.

渭川田家

斜陽照墟落
 窮巷牛羊歸
 野老念牧童

倚杖候荆扉
 雉雠麥苗秀
 蠶眠桑葉稀
 田夫荷鋤至
 相見語依依
 即此羨閒逸
 悵然吟式微

13. VỊ XUYÊN⁽¹⁾ ĐIỀN GIA

Tà dương chiếu khur lạc⁽²⁾
 Cùng hạng ngư dương qui.
 Dã lão niệm mục đồng
 Ý trượng hậu kinh phi.
 Trĩ cầu⁽³⁾ mạch miêu tú,
 Tầm miên tang điệp hi.
 Điền phu hạ xử chí,
 Tương kiến ngữ y y.
 Thức thử tiễn nhân dật,
 Trượng nhiên ngâm thức vi⁽⁴⁾.

Dịch nghĩa:

NGƯỜI LÀM RUỘNG Ở VỊ XUYÊN.

Bóng chiều chiếu xuống gò đất,
 Trong ngô sâu trâu và dê về chuồng.

⁽¹⁾ Vị Xuyên: Theo sách *Thủy kinh chú* thì sông Vị Thủy khởi nguồn ở huyện Thủ Dương, núi Ô Tàng, phía tây bắc có thành Vị Xuyên.

⁽²⁾ Khur lạc: Gò đất, ở đây chỉ làng xóm. Thơ Phạm Vân: "Hiên cái chiếu vu khur lạc", nghĩa là: Bóng hiên chiếu xuống gò đất.

⁽³⁾ Trĩ cầu: Tiếng chim trĩ kêu.

⁽⁴⁾ Thức vi: Một điệu hát cổ. Theo sách *Tử Cổng thi truyện*: Hoạch Hầu chiếm đất của Lê Hâu, Lê Hâu chạy ra ngoài. Vệ Mục công không lấy lễ tiếp đón, dân đất Lê oán, sau giặc thua, dân của Lê Hâu lại đón vua về. *Kinh Thi* có câu: "Thức vi, Thức vi, Hồ bắt quy", nghĩa là... Khúc hát Thức vi, khúc hát Thức vi, rợ Hồ không về... Ở đây chỉ điệu hát dân gian.

Ông già chờ đám trẻ chăn thả,
Chống gậy đứng sau cửa rong.
Chim trĩ kêu thì lúa má tốt,
Tầm ngủ trên lá dâu thưa.
Người làm ruộng vác bữa tới,
Trò chuyện với nhau như thường vẫn gặp.
Thật là cảnh êm đềm, thông thả,
Hát rộn ràng khúc hát Hái rau vi.

Dịch thơ:

NHÀ NÔNG Ở VỊ XUYÊN

Bóng chiều toả gò quê,
Ngõ hẻm trâu, dê về.
Ông già đợi đám cháu
Chống gậy sau cửa tre.
Trĩ kêu lúa má tốt
Tầm ngủ trên dâu thưa.
Lực điền vác bữa tới
Gặp nhau chuyện tí tê.
Cảnh đây yên ả lạ
Hát lên điệu Thức vi.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

NHÀ LÀM RUỘNG Ở VỊ XUYÊN

Bóng tà chiều xuống hương thôn
Trâu, dê ngõ hẻm đã dồn về xong.
Ông già mong đợi mục đồng
Cửa sài chống gậy đứng trông ở ngoài.
Trĩ kêu ngon lúa tốt tươi,
Tầm đà yên ngủ dâu còi lá thưa.
Điền phu vác cuốc chân đưa,

Thấy nhau trò chuyện cũng như ngày thường.

Đó là nhân dật rõ ràng

Thần thơ hát khúc dịu dàng Thái vi.

西施詠

艷色天下重
西施寧久微
朝爲越溪女
暮作吳宮妃
賤日豈殊眾
貴來方悟稀
邀人傳脂粉
不自著羅衣
君寵益嬌態
君憐無是非
當時浣紗伴
莫得同車歸
持謝鄰家子
效顰安可希

14. TÂY THI⁽¹⁾ VINH

Diễm sắc thiên hạ trọng
Tây Thi ninh cửu vi.
Triêu vi Việt Khê nữ
Mộ tác Ngô cung phi.
Tiện nhật khởi thù chúng,
Quý lai phương ngô hy.
Yêu nhân truyền chi phần

⁽¹⁾ Tây Thi. Theo sách *Ngô Việt Xuân thu*. Người nước Việt được hai cô gái đẹp là Tây Thi và Trịnh Đán, liền dạy múa hát, làm kẻ mỹ nhân dâng cho vua Ngô là Phù Sai. Vua Ngô say đắm và vì thế vua nước Việt là Câu Tiễn lấy được nước. Tây Thi tên là Di Quang, con người bán củi ở đất La Sơn, thừa hân vi giặt the ở bên bờ suối, vì thế mà gọi là Việt Khê nữ.

Bất tự chước la y.
Quân sủng ích kiêu thái
Quân liên vô thị phi.
Đương thời cán sa bạn
Mạc đắc đồng xa quy.
Tri tạ lãn gia tử
Hiệu tần⁽¹⁾ an khả hy.

Dịch nghĩa:

VỊNH TÂY THI

*Có sắc đẹp được thiên hạ trọng
Tây Thi chẳng nhẽ lặn dận suốt đời!
Sáng làm cô gái bên dòng khe nước Việt
Chiều đã thành cung phi bên vua Ngô.
Ngày nghèo hèn có khác gì mọi người
Đến lúc ngôi sang mới biết là của hiếm hoi.
Sai người cung phụng son phấn
Áo là cũng không tự xỏ tay lấy.
Vua yêu càng kiêu sa
Vua quý thì chẳng kể khen, chê.
Các lứa bạn cùng giết lự
Chẳng ai được ngồi cùng xe về.
Nhấn với cô nàng hàng xóm
Bất chước nhãn mặt, chẳng ăn thua gì đâu.*

Dịch thơ:

VỊNH TÂY THI

Người nhan sắc ai không quý trọng

⁽¹⁾ Hiệu tần (nhân mặt): Sách *Trang Tử*. Tây Thi đau bụng nhãn mặt, lúc ấy càng đẹp mê hồn. Có cô gái bên Đông (Đồng Thi) rất xấu, cũng bất chước, ôm bụng nhãn mặt. Có người trông thấy vội đóng sập cửa lại.

Tây Thi nào chịu cảnh lê thê.
Sớm là cô gái Việt khê,
Chiều là bà chúa ngồi kề vua Ngô.
Lúc hèn hạ loà nhoà một lũ
Khi cao sang hoá của hiêm hoi.
Phấn son đã cậy con đòi,
Lụa là, áo đẹp cũng lười xỏ tay.
Vua yêu càng quý càng hay lén tới
Vua thương thì phải, trái ngoài tai.
Giặt the, đám gái bạn bày,
Ngồi xe nào được sánh vai về cùng.
Thôi can cô gái xóm Đông,
Dẫu mà nhãn mặt cũng không nước gì.

Bản dịch của Tân Đà:

VỊNH TÂY THI

Thế gian sắc đẹp ai bì,
Tây Thi khôn nhẽ hàn vi suốt đời.
Sớm còn gái Việt bên ngò,
Cung Ngô, tôi đã lên ngò cạnh vua.
Lúc hèn, ai chẳng hơn thua,
Khi sang mới biết đời chưa mấy người.
Phấn son gọi kẻ tôi đòi
Áo là em mặc có người xỏ tay.
Vua yêu càng lắm vẻ hay
Vua thương, phải trái mặc bay xá gì.
Giặt sa những bạn đương thì
Cùng xe chẳng được đi về với ta.
Xin can cô ả bên nhà
Cùng đòi "nhãn mặt" khó mà như nhau.

MẠNH HẠO NHIÊN (689 - 740)

Tên là Hạo, tên chữ là Hạo Nhiên, người Tương Dương, Tương Châu (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc). Lúc trẻ rất khảng khái, khí phách, vui mừng khi giúp được người hoạn nạn, ở gần tại Lộc Môn Sơn, 40 tuổi mới về thăm kinh thành được mời đến nhà thái học làm thơ, làm phú, khi có mặt không ai là không nể phục. Ông kết bạn với Trương Cửu Linh và Vương Duy. Duy mời vào nội phủ, một lần Đường Minh Hoàng (Huyền Tông) đến, thấy Mạnh Hạo Nhiên điềm nhiên ngồi bàn thơ phú với Vương Duy, Duy đối đãi rất chu đáo, nể trọng. Vua vui khen: Trong các quan bên ta, chưa thấy ai như người này, rồi bảo Duy gọi Mạnh Hạo Nhiên ra lạy chào. Vua hỏi về thơ, liền dâng bài thơ ý nói vì không có tài mà chúa bỏ. Đường Minh Hoàng nói: Vua không tìm kẻ sĩ, nhưng ta có bỏ những vị khanh tướng bao giờ, sao lại nói không cho ta thể. Vì chuyện đó ông bỏ đi xa. Trương Cửu Linh về trị nhậm Kinh Châu, đón về phủ. Khi Cửu Linh thôi chức, ông cũng bỏ đi luôn. Cuối năm Khai Nguyên, ốm nặng rồi mất.

秋登蘭山寄張五

北	山	白	雲	里
隱	者	自	怡	悅
相	望	試	登	高
心	隨	雁	飛	滅
愁	因	薄	暮	起
興	是	清	秋	發
時	見	歸	村	人
沙	行	渡	頭	歌
天	邊	樹	若	齊
江	畔	洲	如	月
何	當	載	酒	來
共	醉	重	陽	節

15. THU ĐĂNG LAN SƠN⁽¹⁾ KÝ TRƯỞNG NGŨ

Bắc sơn Bạch vân lý
Ẩn giả tự di duyệt⁽²⁾.
Tương vọng thí đăng cao
Tâm tùy nhận phi diệt.
Sầu nhân bạc mộ khởi
Hứng thị thanh thu phát.
Thời kiến quy thôn nhân
Sa hành độ đầu yết.
Thiên biên thụ nhược tì⁽³⁾
Giang bạn châu như nguyệt.
Hà đương tải tửu lai⁽⁴⁾
Cộng túy trùng dương tiết.

Dịch nghĩa:

MÙA THU LÊN LAN SƠN GỬI CHO TRƯỞNG NGŨ

*Núi Bắc trong đám mây trắng
Người ở ẩn tự bằng lòng, vui vẻ.
Lòng những muốn lên cao,
Hướng theo những cánh nhận bay không dứt.
Chiều đến lòng bỗng chớm buồn,*

⁽¹⁾ Lan Sơn: Theo sách *Danh sơn ký*, Thạch Mậu sơn ở núi Khánh Phù phía nam, tương truyền có rất nhiều lan, thạch lan, trúc lan, tổ lan, phương lan nên gọi là Lan Sơn.

⁽²⁾ Di duyệt: Thơ Đào Hoằng Cảnh: Sơn trung hà sở hữu, lĩnh thượng đa bạch vân. Chỉ trung khả di duyệt. Bất kham tri tăng quân, nghĩa là: Trong núi có gì vậy? Nơi ấy thật hài lòng. Trên đỉnh có mây trắng, khó giữ dễ tản anh.

⁽³⁾ Thụ nhược tì: (Cây xanh biếc). Thơ Cổ Đới Cáo có câu: "Dao vọng Trảng An tì, thử nhĩ học chi ngộ", nghĩa là: ngược nhìn cây xanh ở Trảng An, tại này học được điều giác ngộ.

⁽⁴⁾ Trùng Dương tải tửu: Tiết Trùng Dương mang rượu tới. Lấy tích xưa, Đào Tiềm ngày mùng 9 tháng 9 không có rượu uống. Thấy hoa cúc ở bờ rào phía đông nở, hái đầy vào nhà, chợt thấy Bạch y chủ nhân và thử sử Vương Hằng đến, mang rượu liền cùng nhau uống rượu thưởng hoa.

Mùa thu xanh trong khiến cao hứng.
 Thường thấy người lui về thôn làng,
 Vượt qua cát, ngồi nghỉ đầu bến.
 Xa tít, hàng cây xanh rì,
 Bờ sông, bãi cát đầy trắng.
 Sao không mang rượu ra nhĩ,
 Cùng nhau uống say trong tiết trùng dương.

Dịch thơ:

MÙA THU LÊN NÚI LAN GỬI CHO TRƯƠNG NGŨ

Núi Bắc đầy mây trắng,
 Ẩn sĩ, dạ mừng sao.
 Muốn trèo lên cao tít,
 Trông cánh nhạn bay vèo.
 Chiều xuống, cơn buồn chớm
 Thu đến, hồn phiêu diêu.
 Kia, người về thôn ổ
 Trên bến, ngang đò chiều.
 Chân trời, cây xanh thắm
 Sông bãi, vàng trắng treo.
 Sao không mang rượu đến
 Tiết đẹp, uống say nào!

夏日南亭懷辛大

山	光	忽	西	落
池	月	漸	東	上
散	髮	乘	夜	涼
開	軒	臥	閑	敞
荷	風	送	香	氣
竹	露	滴	清	響
欲	取	鳴	琴	彈
恨	無	知	音	賞

感此懷故人
中宵勞夢想

16. HẠ NHẬT NAM ĐÌNH HOÀI TÂN ĐẠI

Sơn quang hốt tây lạc,
Trì nguyệt tiệp đông thương.
Tán phát thừa tịch lương
Khai hiên ngọa nhàn xưởng⁽¹⁾.
Hà phong tổng hương khí,
Trúc lộ thích thanh hưởng.
Dục thủ minh cầm đàn
Hận vô tri âm⁽²⁾ thưởng.
Cảm thử hoài cố nhân
Trung tiêu lao mộng tưởng⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

NGÀY HÈ Ở ĐÌNH PHƯƠNG NAM NHỚ TÂN ĐẠI

Mặt trời núi chột rụng về hướng tây
Trăng trên ao dần dần từ hướng đông lên
Xoa tóc hứng gió chiều mát
Mở hiên nằm thanh thoi
Gió sen đưa hương tới,
Sương trúc nhỏ thành giọt, nghe rất trong
Muốn lấy đàn gảy một khúc
Tiếc không có bạn tri âm thưởng đàn.
Lòng bồi hồi nhớ bạn cũ,
Nửa đêm hồn mộng còn bần thần.

⁽¹⁾ Nhàn xưởng: Thanh thoi, thoải mái.

⁽²⁾ Tri âm: Theo *Lã thị Xuân Thu*: Bá Nha gảy đàn Chung Tử Kỳ hiểu được nỗi lòng của bạn, qua tiếng đàn. Khi Tử Kỳ mất, Bá Nha đập đàn không gảy nữa.

⁽³⁾ Mộng tưởng: Tư Mã Tương Như trong *Trường môn ca* viết: "Hốt tâm tâm chi mộng tưởng hề, Hồn nhúc quân chi tại bàng", nghĩa là: Mộng nhớ trong giấc ngủ hề, ví như được ở bên chàng.

NGÀY HÈ Ở ĐÌNH PHƯƠNG NAM NHỚ TÂN ĐẠI

Phía tây, đã rụng ác tà
Phương đông trăng sớm la đà mặt ao...
Tóc buông, hơi mát phả vào,
Dọn thềm nằm khểnh chõng cao, an nhàn.
Gió sen gửi tặng làn hương,
Sương nơi khóm trúc nghe đường đến trong.
Nương tay, muốn gảy đàn cầm,
Tiếc không có bạn tri âm ở gần.
Bồi hồi nhớ lại cố nhân
Nửa đêm hồn mộng bản thân chưa thôi.

Bản dịch của Nguyễn Hữu Bổng:

NGÀY HÈ Ở ĐÌNH PHƯƠNG NAM NHỚ ANH CẢ TÂN

Bóng ô đã gác non đoài,
Gương nga thấp thoáng bên ngoài ao đông.
Tóc xoà ra hóng mát xong
Thú nhàn ngỏ cửa nằm trong nếp nhà.
Hương sen làn gió đưa qua.
Trên cành trúc, giọt sương sa đầm đầm.
Tiếng tơ muốn dạo cung cầm,
Giận lòng vắng kẻ tri âm với mình.
Khổ ai chan chứa thêm tình
Canh khuya cho giấc mộng mình bản khoăn.

宿業師山房待丁大不至

夕陽度西嶺
群壑條已暝
松月生夜涼

風泉滿清聽
樵人歸欲盡
煙鳥棲初定
之子期宿來
孤琴候蘿徑

17. TÚC NGHIỆP SƯ⁽¹⁾ SƠN PHÒNG ĐÀI ĐÌNH ĐẠI BẮT CHÍ

Tịch dương độ Tây linh
Quần hác thúc dĩ minh.
Tùng nguyệt sinh dạ lương
Phong tuyền mãn thanh thính.
Tiêu nhân quy dục tận
Yêu điệu thê sơ định.
Chi tử⁽²⁾ kỳ túc lai
Cô cầm hậu la kính.

Dịch nghĩa:

ĐÊM NGỦ Ở SƠN PHÒNG CỦA NGHIỆP SƯ ĐỢI ĐÌNH ĐẠI KHÔNG ĐẾN

*Buổi chiều qua dãy núi phía Tây,
Hang hốc, mọi thứ nhìn chẳng rõ.
Trăng trên rặng tùng về đêm mát mẻ,
Gió thổi lắng nghe, tiếng rất trong.
Người đón củi đã về nhà bằng hết,
Chim sương về đậu vừa yên chỗ.
Biết là người ấy đêm hẹn đến đây chơi,
Ôm cây đàn lẻ loi đợi trên đường đầy lau và cỏ.*

⁽¹⁾ Nghiệp sư: thầy học.

⁽²⁾ Chi tử: Người ấy, *Kinh Thi* có câu: "Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia", nghĩa là: Cô kia về nhà chồng nên bỏ gia thất.

Dịch thơ:

**ĐÊM NGỦ Ở VÙNG BIÊN CỦA NGHIỆP SƯ
CHỜ ĐÌNH ĐẠI KHÔNG ĐỀN**

*Núi Tây qua lúc chiều tà,
Đường hang xám tối, lò nhoà dậm khơi.
Thông trắng, đêm đã mát rồi,
Vẳng nghe gió suối gửi lời rất trong.
Bóng tiều phu đã vắng không
Chim sương ghé đậu phía rừng dâu đây,
Biết là người hẹn đêm nay,
Ôm đàn lẻ, giữa đường cây, đợi chờ.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

**ĐÊM NGỦ Ở SƠN PHÒNG CỦA NGHIỆP SƯ
ĐỢI ĐÌNH ĐẠI KHÔNG ĐỀN**

*Chiều hôm qua Tây lĩnh,
Hang hốc tối không rõ.
Trắng cây đêm lạnh lưng,
Suối gió nghe tiếng tỏ.
Tiều phu về gần hết,
Chim mộng đậu đâu đó.
Người kia hẹn đến đêm
Ôm cầm đợi đường cỏ.*

VƯƠNG XƯƠNG LINH (690? - 757?)

Vương Xương Linh, tên chữ là Thiếu Bá, người Giang Ninh, đỗ Tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ 15, được bổ chức Bí thư lang rồi làm Di Thủy úy, sau mắc lỗi, biếm làm Long Phiêu úy, gặp loạn về quê, bị thứ sử Lữ Khâu Hiếu giết.

同從弟南齋翫月憶山陰崔少府

高臥南齋時
開帷月初吐
清輝淡水木
演漾在窗戶
荏苒幾盈虛
澄澄變今古
美人清江畔
是夜越吟苦
千里其如何
微風吹蘭杜

18. ĐỒNG TÔNG ĐỆ NAM TRAI NGOẠN NGUYỆT, ỨC SƠN ÂM⁽¹⁾ THÔI THIÊU PHỦ

Cao ngọa Nam Trai thời
Khai duy nguyệt sơ thổ.
Thanh huy⁽²⁾ đàm thủy mộc,
Diễn dạng⁽³⁾ tại song hộ.

⁽¹⁾ Sơn Âm: Theo *Hán địa lý chí*, Sơn Âm thuộc đất Côi Kê.

⁽²⁾ Thanh huy: Vẻ sáng.

⁽³⁾ Diễn dạng (chập chờn): Thơ Nguyễn Tịch: "Phiếm phiếm thừa khinh chu, Diễn dạng duy sở vọng", nghĩa là: Phơi phới cưỡi thuyền nhẹ, vờ vờ nhìn thoả thuê.

Nhằm nhiễm⁽¹⁾ kỷ doanh hư
Trùng trùng⁽²⁾ biến kim cổ.
Mỹ nhân thanh giang bạn
Thị dạ Việt ngâm khổ.
Thiên lý kỳ như hà
Vi phong xuy lan đồ⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

**CÙNG VỚI EM HỌ Ở NAM TRAI, THƯỜNG TRĂNG
NHỚ THÔI THIẾU PHỦ ĐẤT SƠN ÂM**

*Nằm khểnh ở Nam Trai
Vén rèm ngắm trăng mới mọc.
Ánh trăng hoà vào cây cỏ, nước đêm
Chập chờn ánh lên bên cửa sổ.
Thấm thoát khi đầy khi vơi
Lặng soi vào những đổi thay kim, cổ.
Người đẹp bên bờ sông trong,
Khúc ngâm đêm ấy dường như ngâm ngùi.
Xa cách nghìn dặm như thế
Gió nhẹ lướt ngang nhóm hoa cỏ thơm.*

Dịch thơ:

**THƯỜNG TRĂNG VỚI EM HỌ Ở NAM TRAI,
NHỚ THÔI THIẾU PHỦ ĐẤT SƠN ÂM**

*Nằm khểnh ở Nam Trai,
Vén rèm, ngắm trăng mọc.*

⁽¹⁾ Nhằm nhiễm: Thấm thoát. Thơ Đào Tiềm: "Nhằm nhiễm kỷ thập tải, Tạm vi nhân sở ki", nghĩa là: Thấm thoát vài chục năm. Tạm làm người sống gửi.

⁽²⁾ Trùng trùng: Về nước trong lặng lẽ.

⁽³⁾ Lan, đồ: Đồ duyên và lan hai loại cây quý của núi cao. Thơ Giang Hiếu Tự: "Thạch truyền hành khả chiếu, Lan đồ hương hàm phong" nghĩa là: Đá suối thường soi bóng, Lan đồ hương về ngọn gió luồng.

*Trăng hoà vào cỏ, nước
Bên cửa sổ ngời ngời. --
Thấm thoát chiều đầy vui
Xưa nay, tường mọi kiếp.
Bên dòng trong người đẹp
Giọng ngâm đường đắng cay.
Nghìn dặm xa cách thế
Lan đõ gió thơm lây...*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

CÙNG VỚI EM HỌ Ở NAM TRAI XEM TRĂNG NHỚ THÔI THIẾU PHỦ

*Trong khi nằm ở Nam Trai
Mở màn trông thấy chân trời trăng lên.
Nước cây đượm vẻ bóng quỳên,
Chập chờn lấp lánh ở bên cửa ngoài.
Êm đềm mấy lượt đầy vui,
Lặng soi biến đổi cuộc đời xưa nay.
Thanh giang bờ bến ấy ai,
Khúc ngâm đêm ấy dễ hay được nào.
Xa xôi ngàn dặm làm sao
Gió bay hiu hắt thổi vào đõ lan.*

KHÂU VI (709? - 804?)

Khâu Vi người Gia Hưng, Tô Châu (nay thuộc Chiết Giang), thờ mẹ rất có hiếu, thường dâng nắm linh chi tươi cho mẹ, từng làm quan Thái tử hữu thứ tử. Sau về quê, đưa mẹ về phụng dưỡng, khi có mẹ, đứng hầu, mẹ ra, mới chịu ngồi. Mất năm 96 tuổi.

尋西山隱者不遇

絕頂一茅茨
直上三千里
扣關無僮僕
窺室惟案几
若非巾柴車
應是釣秋水
差池空相見
黽勉空仰止
草色新雨後
松聲晚窗裡
及茲契幽絕
自足蕩心耳
雖無賓主意
頗得清淨理
興盡方下山
何必待之子

19. TÂM TÂY SƠN ẨN GIẢ BẤT NGỘ

Tuyệt đỉnh nhất mao tỳ⁽¹⁾
Trực thượng tam thập lý.

⁽¹⁾ Mao tỳ: Tranh, cau.

Khẩu quan vô đồng bệc
Khuy thất duy án kỷ.
Nhược phi cân sài xa⁽¹⁾
Ung thị điều thu thủy.
Sai tri⁽²⁾ bất tương kiến
Mẫn miễn không ngưỡng chỉ⁽³⁾.
Thảo sắc tân vũ trung
Tùng khanh văn song lý.
Cập tư khế u tuyết
Tự túc đăng tâm nhĩ.
Tuy vô tân chủ ý
Phả đắc thanh tịnh lý.
Hứng tận phương hạ sơn
Hà tất đãi chi tử.

Dịch nghĩa:

TÌM VỊ Ở ẨN Ở TÂY SƠN KHÔNG GẶP

*Trên đỉnh chót vót có lầu tranh
Lên đến nơi mất ba mươi dặm.
Gõ cửa không thấy đầy tớ,
Nhòm trong nhà chỉ thấy ghé và án.
Nếu chẳng cười xe gỗ, đi chơi
Chắc là đi câu trong mùa thu.
Chậm chậm nên chẳng gặp
Ngược nhìn lên cao đầy ngưỡng mộ.
Sắc cỏ trong mưa mới
Tiếng thông reo bên song cửa chiều.
Trong sạch, vắng vẻ đến tột vời,*

⁽¹⁾ Cân, xa: Chỉ mũ, xe của người làm quan.

⁽²⁾ Sai tri: Lâu ngày.

⁽³⁾ Ngưỡng chỉ: "Cao sơn ngưỡng chỉ. Cảnh hành hành chỉ", nghĩa là: nhìn lên núi cao lòng trông ngóng, (thấy) đức lớn thêm ngưỡng mộ.

Bước đi mà lòng dạ thanh thoi.
Dẫu chủ khách chẳng nói gì được với nhau
Mà thấu nhận được cái nhẽ của sự thanh tịnh.
Hưng cạn thôi đành xuống núi
Thôi cần chi phải gặp người nữa.

Dịch thơ:

TÌM ẨN SĨ TÂY SƠN KHÔNG GẶP

Chót đỉnh một lầu tranh,
Ba chuc dặm mới tới.
Gõ cửa, không thấy ai
Nhà chỉ bàn với ghê.
Ví chẳng cười xe gỗ,
Mùa thu gọi buông cần.
Người ở đâu chẳng rõ
Nhìn lên lòng ngưỡng mộ.
Mưa mới nhuần sắc cỏ
Chiều vì vút thông xanh.
Vắng vẻ và thanh khiết
Chạm chân nên chẳng gặp.
Chẳng được dịp trao lời
Lẽ thanh tịnh nhận biết.
Cạn hứng đành từ biệt
Thôi, cần chi gặp người!

KỠ VÔ TIỀM (692 - 749?)

Kỳ Vô Tiềm, tên chữ là Hiếu Thông người Kinh Nam (nay thuộc Hồ Bắc). Năm Khai Nguyên làm quan úy Nghi Thọ. Từng làm Tập hiền viện đãi chiếu, rồi Hữu Thập Di, cuối đời làm Chước tác lang.

春泛若耶溪

幽意無斷絕
此去隨所偶
晚風吹行舟
花路入溪口
際夜轉西壑
隔山望南斗
潭煙飛溶溶
林月低向後
生事且瀾漫
願爲持竿叟

20. XUÂN PHIỀM NHƯỘC GIA KHÊ⁽¹⁾

U ý vô đoạn tuyệt
Thử khứ tùy sở ngẫu.
Văn phong xuy hành chu
Hoa lộ nhập khe khẩu.
Tê dạ chuyển tây hác
Cách sơn vọng Nam Đẩu⁽²⁾.
Đàm yên phi dung dung

⁽¹⁾ Nhược Gia khe: Cách Cối Kê hai mươi dặm. Theo sách *Thủy Kinh chú*: Khe Nhược Gia là một thẳng cánh, khe chảy quanh co, dẫn vào đầm rộng, sương khói luênh loang. Lúc trời trong, núi xung quanh đều đổ bóng soi mình...

⁽²⁾ Nam Đẩu: Theo *Việt tuyệt thư* thì Nam Đẩu mọc gần sao Khiên Ngưu (Ngưu, Đẩu).

Lâm nguyệt đề hương hậu.
Sinh sự thả di mạn
Nguyên vi trì can tẩu.

Dịch nghĩa:

MÙA XUÂN DẠO CHƠI KHE NHƯỢC GIA

*Ý muốn được yên lặng chưa thể dứt,
Chuyến đi này, là hoàn toàn tình cờ.
Gió chiều thổi theo, thuyền lướt sóng
Đường hoa dẫn vào cửa khe.
Cõi đêm chuyển tới góc rừng tây,
Cách núi nhìn thấy sao Đẩu phía Nam.
Khói đầm trải mênh mông,
Trăng rừng lặn ở phía sau.
Chuyện đời còn lan man,
Xin được buông chiếc cần câu nhỏ.*

Dịch thơ:

MÙA XUÂN DẠO CHƠI KHE NHƯỢC GIA

*Lòng nào chẳng muốn rảnh rang
Ngẫu nhiên ta lại lên đường chơi xa.
Thuyền đi, hứng gió chiều tà,
Cửa khe đã gặp đường hoa dẫn vào.
Rừng tây đêm xuống mau sao!
Phía bên Nam đẩu ngang đầu sáng soi.
Đầm trong, khói sóng loang rồi,
Trăng rừng đã xé mé trời sau lưng.
Chuyện đời mong được dừng dừng
Nguyên xin ở lại thả cần ngồi câu.*

THƯỜNG KIẾN

Đỗ tiên sĩ năm Khai Nguyên thứ 15, làm quan Thập Di uý, người Trường An, không rõ năm sinh, năm mất. Sau lui về ở ẩn, vui thú điền viên.

宿王昌齡隱居

清溪深不測
隱處唯孤雲
松際露微月
清光猶爲君
茅亭宿花影
藥院滋苔紋
余亦謝時去
西山鸞鶴群

21. TÚC VƯƠNG XƯƠNG LINH ẨN CƯ

Thanh Khê thâm bất trắc
Ẩn xứ duy cô vân.
Tùng tế lộ vi nguyệt
Thanh quang do vị quân.
Mao đình túc hoa ảnh
Dược viện tư đài văn.
Dư diệc Tạ Thi⁽¹⁾ khứ
Tây Sơn loan hạc quần.

Dịch nghĩa:

⁽¹⁾ Tạ Thi (địa danh) theo *Liệt Sơn truyện*, Vương Kiêu, tức thái tử Tấn của Chu Linh Vương thoái sáo giới, gặp đạo sĩ là Phù Khâu Công, dẫn lên núi Cảo Sơn. Ba mươi năm sau, mộng thấy hẹn đến tháng 7 tháng 7 lên đất Tạ Thi. Thái tử Tấn lên nhưng không gặp, cho là đã thành tiên, liền trở về. Ở đây chỉ cảnh sắc như cõi tiên.

NGỦ Ở NƠI Ở ẨN CỦA VƯƠNG XƯƠNG LINH

Suối trong sâu không đo nổi,
Nơi ở ẩn chỉ có mây lẻ loi.
Đám thông xanh trắng sương sáng mờ
Ánh sáng trong trẻo là vì anh đó.
Đình tranh bóng hoa ngủ
Sân thuốc quàng rêu ướt
Tôi cũng rời cảnh tiên mà đi
Núi phía tây chim loan, chim hạc hợp bày.

Dịch thơ:

NGỦ Ở NƠI Ở ẨN CỦA VƯƠNG XƯƠNG LINH

Thanh Khê sâu thăm khôn lường,
Lều ai đầu núi mây thường đơn côi.
Thông xanh, sương ánh, trăng ngời
Cái trong, cái sáng tặng người ẩn cư.
Đình gianh hoa ngủ bóng thưa,
Vân rêu vườn thuốc ngán chưa ráo trời.
Lòng toan xa lánh việc đời,
Non đoài, loan hạc thanh thoi hợp đàn.

SẨM THAM (716 - 770)

Sầm Tham, người Giang Lăng (nay thuộc Hồ Bắc), đỗ tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ ba (744) được bổ Giám sát ngự sử, sau làm Thị Ngự sử, rồi lĩnh chức Thứ sử Giao Châu.

與高適薛據登慈恩寺浮圖

塔勢如湧出
孤高聳天宮

登磴突崢四七下俯連奔青宮秋蒼五萬淨勝誓覺
 臨道兀嶸角層窺聽山湊槐觀色然陵古理因將
 出盤壓如礙摩指聞若如夾何從滿北青了夙挂資
 世虛神鬼白蒼高驚波朝馳玲西關原濛可所冠無
 界空州工日穹鳥風濤東道瓏來中上濛悟宗去窮

22. DỪ CAO THÍCH⁽¹⁾ TIẾT CỨ⁽²⁾ ĐĂNG TỪ ÂN TỰ PHÙ ĐỒ⁽³⁾

Tháp thể như dưng xuất
 Cô cao từng thiên cung.
 Đăng lâm xuất thể giới⁽⁴⁾
 Đăng đạo bàn hư không.

⁽¹⁾ Cao Thích: Nhà thơ nổi tiếng cùng thời, bạn Sầm Tham.

⁽²⁾ Tiết Cứ: Người Kinh Nam, làm quan đến chức Thái tử tư nghị lang.

⁽³⁾ Từ Ân tự tháp: Tháp chùa Từ Ân, nguyên là chùa từ đời Tùy, sau này dựng lại. Tháp chùa có ghi: Chùa Từ Ân có hơn mười viện, gồm một ngàn tám trăm chín mươi bảy gian.

⁽⁴⁾ Thể giới: Kinh Kim Cương: "Tam thiên đại thiên thể giới", nghĩa là cõi Phật có ba nghìn thể giới.

Đột ngột yểm Thần Châu⁽¹⁾
Tranh vanh như quỷ công.
Tứ giác ngại bạch nhật
Thất tầng ma thương khung.
Hạ khuy chỉ cao điệu,
Phủ thính văn kinh phong.
Liên sơn nhược ba đào
Bôn tẩu tự triều đông.
Thanh hộc giáp trì đạo⁽²⁾,
Cung quán hà linh lung.
Thu sắc tông tây lai
Thương nhiên mãn Quan Trung.
Ngũ Lăng⁽³⁾ bắc nguyên thượng
Vạn cổ thanh mông mông.
Tĩnh lý liễu khả ngộ,
Thắng nhân túc sở tông.
Thệ tướng quải quan khứ
Dữ đạo tư vô cùng.

Dịch nghĩa:

CÙNG CAO THÍCH, TIẾT CỬ LÊN THÁP CHÙA TỪ ÂN

*Dáng tháp như vọt lên,
Một mình cao tận cung trời.
Lên tới tưởng vượt ra ngoài thế giới ba ngàn
Đường lên quanh co như vào cõi hư không.*

⁽¹⁾ Thần Châu: Sách *Địa chí* nói: Phía nam núi Côn Lôn, đất vuông 500 dặm gọi là Thần Châu, nơi năm vị vua ở. Theo *Đường thư Lễ nhạc*: tháng giêng tế thần đất Thần Châu ở đền Bắc Giao. Ở đây chỉ miền đất rộng. Thơ Tả Tư: "Hạo thiên thư bạch nhật, Linh cảnh diệu Thần Châu", nghĩa là: Trời đẹp mở ngày, Cảnh thiêng rực rỡ Thần Châu.

⁽²⁾ Trì đạo: Tức là đạo của nhà vua.

⁽³⁾ Ngũ lăng: Năm lăng mộ. *Phủ Tây đô* viết: Phía bắc cao với năm lăng mộ. Lý Thiện chú rằng: Cao Đế chôn ở Trường Lăng. Huệ Đế chôn ở An Lăng. Cảnh Đế chôn ở Dương Lăng. Vũ Đế chôn ở Mậu Lăng. Chiêu Đế chôn ở Bình Lăng.

Dáng đột ngột trùm cả miền đất
Chênh vênh như công trình của quỷ thần.
Bốn bề che ánh ngày
Bấy tầng cao chất ngất.
Nhòm xuống dưới thấy chim bay cao
Cúi mà nghe kinh gió rợn.
Núi trập trùng như sóng lượn
Ngọn nọ đuổi ngọn kia như sóng triều đông.
Cây hoè xanh gần lối ngựa đi
Cung quán lung linh đẹp sao.
Sắc thu từ phía tây tới
Xanh khắp cả đất Quan Trung.
Năm lăng ở trên đồi phía Bắc,
Từ xưa đã xanh mênh mông.
Lễ thanh tịnh đã giác ngộ
Lòng đã tin ở nhân quả.
Thề sẽ treo mũ áo từ quan mà đi
Để giác ngộ về đạo, hiểu được ý nghĩa vô cùng.

Địch thơ:

CÙNG CAO THÍCH, TIẾT CỨ LÊN THĂM THÁP CHÙA TỪ ÂN

Dáng tháp vọt lên trời
Một mình cao ngất ngưỡng.
Thế giới ba ngàn hện
Đường dẫn vào cõi không...
Dáng ngất trùm cả vùng
Lởm chởm như trò quỷ.
Bốn góc che ánh ngày,
Bấy tầng cao đến thế!
Nhòm xuống gặp chim bay,
Lắng tai, kinh gió hú.

Núi như sóng dập dờn
 Lốp lốp nhường triều đổ.
 Hoè xanh lối ngựa qua,
 Linh lung cung quán cũ.
 Thu đến từ phía tây
 Quan Trung, xanh khắp chỗ.
 Đồi bắc, kìa Ngũ Lãng
 Mênh mang xanh vạn thuở.
 Thanh tịnh đã vỡ lẽ
 Thêm kính Phật, yêu tăng.
 Thề xin treo áo mũ
 Giác ngộ đạo vô cùng.

NGUYỄN KẾT (719-772)

Tên chữ là Thứ Sơn, người (Lỗ Sơn (nay thuộc Hà Nam), năm Thiên Bảo thứ 12 đậu tiến sĩ, được Tư Nghiệp Quốc Tử Giám Tô Nguyên Minh tiến cử với vua. Vua phong ông làm Hữu Kim Ngô binh tào tham quân. Trải qua các chức Giám sát ngự sử, Sơn Nam tây đạo tiết độ tham mưu. Đời Đường Đại Tông làm Thứ sử Đạo Châu (nay là tỉnh Hồ Nam) và nhiều chức vụ khác. Khi mất, được tặng Lễ Bộ thị lang.

賊退示官吏

昔	年	逢	太	平
山	林	二	十	年
泉	源	在	庭	戶
洞	壑	當	門	前
井	稅	有	常	期
日	晏	猶	得	眠
忽	然	遭	世	變
數	歲	親	戎	旃

今來典斯郡
 山城夷又紛
 人小賊不屠
 是貧傷可憐
 此以州獨見
 使臣將王命
 豈不微賊焉
 令彼如斂者
 迫之如火煎
 誰能絕人命
 以作時賢節
 思欲委符節
 引竿自刺船
 將家就魚麥
 歸老江湖邊

23. TẶC THOẢI THỊ QUAN LẠI⁽¹⁾

Tích niên phùng thái bình
 Sơn lâm nhị thập niên.
 Tuyên nguyên tại đình hộ
 Động hác đương môn tiền.
 Tĩnh thuế⁽²⁾ hữu thường kỳ
 Nhật yển do đắc miên.
 Hốt nhiên tao thế biến
 Sở thuế thân nhung chiên.

⁽¹⁾ Bài thơ này Nguyên Kết làm khi dẹp xong giặc Tân Thành. Dân sau loạn rất nghèo. Vua lại sai sứ ra thu thuế. Số thuế của bốn ngàn hộ đến mười ba vạn lạng. Ông xin miễn cho dân, nhưng chẳng được bao nhiêu. Sau ông lại miễn phu dịch để dân dần vào làm ruộng, phục hồi lại cuộc sống sau loạn. Dân lưu vong theo về rất nhiều. Bài thơ này ra đời trong hoàn cảnh đó (chú thích của người dịch dựa theo các tư liệu về Nguyên Kết).

⁽²⁾ Tĩnh thuế: Thuế đánh theo phép tỉnh điền, ruộng 100 dặm là một tỉnh.

Kim lai điển tư quận
Sơn di hựu phân nhiên.
Thành tiểu tặc bất đồ
Nhân bản thương khả liên.
Thị dĩ hãm lân cảnh
Thử châu độc kiên tuyên.
Sứ thần tương vương mệnh
Khởi bất như tặc yên.
Kim bỉ trương liềm giả
Bức chi như hỏa tiền.
Thùy năng tuyệt nhân mệnh,
Dĩ tác thời thế hiền.
Tư dục ủy phù tiết
Dẫn can tự thích thuyền.
Tướng gia tị ngư mạch
Quy lão, giang hồ biên.

Dịch nghĩa:

GIẶC LUI NÓI VỚI CÁC QUAN LẠI

Năm xưa gặp thời thái bình,
Vùng núi này hai mươi năm.
Suối khe vào đến tận sân nhà,
Hang động ở ngay trước cửa.
Thu thuế đã có hẹn
Ngày dài còn được ngủ.
Chợt thời thế biến động,
Mấy năm gần đây, thân mắc vòng chiến trận.
Nay lại được về thăm quận huyện này,
Dân miền núi còn đầy lo lắng.
Thành nhỏ, giặc không tàn phá,
Nhưng dân thì nghèo thật xót xa.
Nếu bị rơi vào những cảnh xung quanh

Châu này riêng được vẹn toàn.
Sứ triều đình đem mệnh vua đến
Há chẳng khác gì đám giặc kia.
Nay bọn người kia đi thu thuế má
Bắt nộp gặt gao như lửa đốt.
Ai không làm việc đẩy người phải vào chỗ chết
Để tỏ ra người mẫn cán trước thời cuộc.
Nghĩ muốn thác lời thôi nhận chức trách
Đèo thuyền và buông câu.
Dời nhà đến nơi kiếm cá, làm ruộng
Già về quê, sống bên sông hồ.

Dịch thơ:

GIẶC LUI NGỎ LỜI

Năm xưa gặp cảnh thanh bình
Hai chục năm, giải đất lành, ấm êm.
Nhà, sân vốn sẵn lâm tuyền
Động hang ngay ở trước thềm dâu xa!
Thuế thu thì đã hẹn kỳ,
Ngày nhàn đánh giấc ngủ khi sương thân.
Loạn ly thời thế chuyển vần,
Mấy năm trận mạc dự phần long đong.
Quận này lại được chăm nom,
Đói no đâu đã thoát vòng lo toan.
Thành con, thế giặc vừa an,
Dân nghèo xao xác, truân chuyên đủ điều.
Quanh đây, đâu chẳng tiêu điều,
Riêng châu này, thật may sao vẹn toàn.
Mệnh vua, sứ đến truyền ban,
Khác đâu như cảnh giặc tràn bữa nao!
Thuế thu giục già ớn ào,
Thì nhau tróc nã gặt gao lửa tràm.

Đẩy dân vào cảnh bần hàn,
 Ra tay miễn cán lấy lòng nhà vua.
 Những mong trả lại tiết phù
 Sấm cần, ta khắc tự mua lấy thuyền.
 Vui cùng với thú điền viên
 Về quê cáo lão ở bên sông hồ.

VI ỨNG VẬT (737-789)

Vi Ứng Vật, người Kinh Triệu, Trường An (nay là Tây An, Thiểm Tây), làm quan thời Đường Minh Hoàng, chức Thứ sử Từ Châu, đổi làm Tả tư lang trung ở Giang Châu, rồi Tô Châu thứ sử...

郡齋雨中與諸文士燕集

兵	衛	森	畫	戟
宴	寢	凝	清	香
海	上	風	雨	至
逍	遙	池	閣	涼
煩	病	近	消	散
嘉	賓	復	滿	堂
自	慚	居	處	崇
未	瞻	斯	民	康
理	會	是	非	遣
性	達	形	跡	忘
鮮	肥	屬	時	禁
蔬	果	幸	見	嘗
俯	飲	一	杯	酒
仰	聆	金	玉	章
神	歡	體	自	輕
意	欲	凌	風	翔
吳	中	盛	文	史

群彦今汪洋
方知大藩地
豈曰財賦強

24. QUẬN TRAI⁽¹⁾ VŨ TRUNG DŨ CHƯ VĂN SĨ YÊN TẬP

Binh vệ⁽²⁾ thâm họa kích⁽³⁾
Yên tẩm ngưng thanh hương.
Hải thượng phong vũ chí,
Tiêu dao trì các lương.
Phiền kha cận tiêu tán
Gia tân phục mãn đường.
Tự tâm cư xứ sùng
Vị chiêm tư dân khang.
Lý hội thị phi⁽⁴⁾ khiến
Tính đạt hình tích vong.
Tiên phì thuộc thì cấm
Sơ quả hạnh kiến thường.
Phủ ẩm nhất bôi tửu
Ngưỡng linh kim ngọc chương⁽⁵⁾.
Thần hoan thể tự khinh
Ý dục lãng phong tường.
Ngô trung⁽⁶⁾ thịnh văn sử,
Quần nọn kim uông dương.
Phương chi đại phiên địa
Khởi viết tài phú cường.

⁽¹⁾ Quận Trai: Nơi Vi Ứng Vật làm việc tức là Phủ thứ sử. Lúc này ông ấy làm Thứ sử Tô Châu.

⁽²⁾ Binh vệ: Đồ binh khí bày trong phủ.

⁽³⁾ Họa kích: Loại giáo có nọn.

⁽⁴⁾ Thị phi: Liệt Tử nói: Ngang lòng mà nghĩ, ngang miệng mà nói. Biết là ta đúng hay sai? Biết là người kia đúng hay sai?

⁽⁵⁾ Kim ngọc chương: Những áng văn hay.

⁽⁶⁾ Ngô Trung: Theo sách *Sử ký*: Hạng Lương hay giết người, riêng tránh thù oán dất Ngô Trung. Ý nói dất có nhiều người tài.

Dịch nghĩa:

Ở PHÒNG KHÁCH QUẬN ĐƯỜNG TRONG MƯA CÙNG CÁC VĂN SĨ DỰ YÊN MÀ LÀM

*Trong trướng bày đầy đồ bình khí,
Phòng tiệc yên toả hương trong lành
Gió mưa trên biển tới.
Thong dong, gác trên ao mát mẻ
Nỗi phiền muộn như tiêu tan.
Khách khứa thì đầy nhà
Tự thẹn vì mình chức cao.
Mà dân trong vùng đâu đã yên vui.
Lấy việc thấu nhẽ đời để sai khiến phải trái.
Nếu tính cách đạt đến mức quên được hình hài.
Chất béo, chất tươi giờ đã đến lúc hạn chế
Rau quả may lại thường được dùng.
Cúi uống một chén rượu
Ngửa mặt nghe những lời văn vàng ngọc.
Tâm hồn vui vẻ thì thể chất nhẹ nhàng
Hào hứng muốn nương theo gió mạnh.
Đất Ngô Trung này văn, sử dồi dào,
Tài trí nay càng được vun cao.
Thế mới biết trong miền đất rộng khắp
Ai dám bảo là của cải văn vật không mạnh mẽ.*

Dịch thơ:

TRONG TRƯỚNG, TRỜI MƯA, CÙNG CÁC VĂN SĨ DỰ YÊN MÀ LÀM

*Trướng bày đầy hoạ kích,
Phòng yên hương ngát ngào.
Gió mưa từ biển tới
Thong dong, gác trên ao.*

Phiên muộn đường tan biển,
 Khách đến càng xôn xao.
 Thẹn mình vốn chức cao,
 Dân tình còn túng đói.
 Lẽ đời, phân phải trái,
 Phẩm chất quên hình hài.
 Chắt béo ngon ngai đựng
 Rau quả ăn thường ngày.
 Cúi uống một chén rượu,
 Ngửa mặt, bình văn hay.
 Thần thái vui thì khoẻ
 Gió mạnh muốn cùng bay.
 Văn sử đất này thịnh
 Tài trí càng cao vời.
 Đã thấy vùng đất rộng,
 Văn vật, của cải đầy.

初發揚子寄元大校書

悽悽去親愛
 泛泛入煙霧
 歸棹洛陽人
 殘鐘廣陵樹
 今朝爲此別
 何處還相遇
 世事波上舟
 沿洄安得住

25. SƠ PHÁT DƯƠNG TỬ⁽¹⁾ KÝ NGUYÊN ĐẠI HIỆU THƯ

Thê thê⁽²⁾ khứ thân ái,

⁽¹⁾ Dương Tử: Sách *Nhất thống chí* chép: Là sông lớn của phủ Trấn Giang, tức sông Dương Tử, còn một tên nữa là Kinh Giang, phía đông chảy ra biển, phía bắc chảy qua Quảng Lăng.

⁽²⁾ Thê thê: Vời vợi. Thơ Lưu Huệ Thi: "Thê thê lưu tử ngôn" nghĩa là: Vội vợi lời người ở lại.

Phiếm phiếm nhập yên vụ⁽¹⁾.
Quy trạo Lạc Dương nhân,
Tàn chung Quảng Lăng⁽²⁾ thụ.
Kim triều vi thử biệt
Hà xứ hoàn tương ngộ.
Thế sự ba thượng chu
Duyên hồi an đắc chú.

Dịch nghĩa:

**KHOI HÀNH BUỔI ĐẦU Ở SÔNG DƯƠNG TỬ
GỬI QUAN HIỆU THƯ NGUYÊN ĐẠI**

*Buồn rầu rời khỏi những người thân yêu,
Vun vút lao vào trong sa mù, trong sương.
Chèo khua là người về Lạc Dương
Tiếng chuông đuổi trên đám cây ở Quảng Lăng.
Sớm nay làm cuộc chia tay
Biết nơi nào mới được gặp lại.
Việc đời như thuyền trên sông,
Lênh đênh chẳng bao giờ dừng.*

Dịch thơ:

**TỪ BÊN SÔNG DƯƠNG TỬ,
GỬI QUAN HIỆU THƯ NGUYÊN ĐẠI**

*Tình thân thôi đã chia tay
Trên sông, chút nữa đã đầy khói, sương...
Chèo khua, người về Lạc Dương.
Quảng Lăng cây thắm tiếng chuông canh tàn.
Chia tay phút mặt trời lên,*

⁽¹⁾ Yên vụ: Mây móc, thơ cổ: "Hoàn phiến như viên nguyệt, xuất tự cơ trung tế. Hoa tác Tàn vương nữ. Thừa nhạc nhập yên vụ", nghĩa là: Quạt lụa tròn như trăng. Dệt từ khung cửi đẹp, vẽ con gái vua Tần, cười phượng vào mây móc.

⁽²⁾ Quảng Lăng: Đất cũ của Dương Châu, tức quận Quảng Lăng.

Mà nơi gặp lại biết miền nào đây.
 Việc đời, thuyền trước sóng vây,
 Lênh đênh đã biết đâu ngày thả neo!

寄全椒山中道士

今朝郡齋冷
 忽念山中客
 澗底束荆薪
 歸來煮白石
 欲持一瓢酒
 遠慰風雨夕
 落葉滿空山
 何處尋行跡

26. KÝ TOÀN TIÊU⁽¹⁾ SƠN TRUNG ĐẠO SĨ

Kim triều quận trai lãnh
 Hốt niệm sơn trung khách.
 Giản để thúc kinh tân
 Quy lai chủ bạch thạch.
 Dục trì nhất biều tửu⁽²⁾
 Viễn úy phong vũ tịch.
 Lạc diệp mãn không sơn
 Hà xứ tâm hành tích⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

GỬ ĐẠO SĨ TRONG NÚI TOÀN TIÊU

Sáng nay phòng nghĩ trong quận lạnh lẽo

⁽¹⁾ Toàn Tiêu: *Nhất thống chí* viết: Từ Châu có huyện Toàn Tiêu, trong huyện có nhiều hang động, cảnh sắc u tĩnh.

⁽²⁾ Biều tửu: Sách *Luận ngữ*: Một giỏ cơm, một bầu rượu, chỉ người cao sĩ.

⁽³⁾ Hành tích: Dấu vết đi qua. Thơ Đào Tiềm: "Tịch mịch vô hành tích", nghĩa là vắng vẻ không có dấu vết người đi qua.

Chợt nhớ đến người khách ở trong núi.
Dưới đáy khe nhặt đám củi vật
Đem về nấu trong bếp đá trắng.
Muốn đem tặng một bầu rượu ngon
Đêm mưa gió nơi xa tạm khuây khoả.
Rừng thưa vắng đầy lá rụng
Biết đâu tung tích mà tìm.

Dịch thơ:

GỬI ĐẠO SĨ TRONG NÚI TOÀN TIÊU

Quận đường, sớm lạnh lẽo
Chợt nhớ khách rừng xa.
Đáy khe mót củi, rế
Lửa bếp đá, nhập nhoà.
Muốn gửi tặng bầu rượu
Khuây sầu trong gió mưa.
Núi trống đầy lá rụng
Dấu tích lần không ra.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

THƠ GỬI CHO ĐẠO SĨ TRONG NÚI TOÀN TIÊU

Sáng nay quận thự lạnh lùng,
Chạnh niềm nhớ khách ở trong núi rừng.
Dưới khe nhặt củi lãnh nhăng,
Đem về bên đá nhì nhằng nấu đun.
Muốn đem tặng hũ rượu ngon
Để khi mưa gió giải buồn hôm mai.
Rừng không rụng lá đầy nơi
Biết đâu hành tích mà sai người tìm.

長安遇馮著

客從東方來
衣上灞陵雨
問客何爲來
采山因買斧
冥冥花正開
颺颺燕新乳
昨別今已春
鬢絲生幾縷

27. TRƯỜNG AN NGỘ PHÙNG TRÚ⁽¹⁾

Khách tòng đông phương lai
Y thượng Bá Lăng⁽²⁾ vũ.
Vấn khách hà vi lai
Thái Sơn nhân mãi phủ.
Mình minh hoa chính khai
Dương dương yển tân nhũ.
Tạc biệt kim dĩ xuân
Mấn ty sinh kỷ lữ.

Dịch thơ:

GẶP PHÙNG TRÚ Ở TRƯỜNG AN

*Khách từ phía đông lại
Trên áo còn mưa ở Bá Lăng.
Hỏi khách sao lại đến đây
Rằng vào núi để mua búa dẫn cây.
Trong cội vắng vẻ hoa đang nở*

⁽¹⁾ Phùng Trú: Bạn tác giả, làm lục sự ở Quảng Châu.

⁽²⁾ Bá Lăng: Thuộc huyện Y ở Kinh Triệu. Thơ Diêu Tín: "Bá Lăng thái tiêu lộ, Thành Đô mại bốc tiền", nghĩa là: Bá Lăng đường hái củi, Thành Đô mua tiền bốc quẻ.

*Xập xoè những chim yến nhỏ.
Mới chia tay bữa nào nay đã xuân
Tóc mai đã mọc thêm khỏi sợi.*

Dịch thơ:

GẶP PHÙNG TRÚ Ở TRƯỜNG AN

*Phương đông, khách mới về
Mưa Bá Lăng dính áo.
Hỏi khách đến, làm chi
Vào chợ núi, sắm búa!
Nơi vắng, hoa nở oà,
Xập xoè, yến dựng tổ.
Mới đây mà đã xuân
Tóc bạc thêm nhiều thế?*

夕次盱眙縣

落帆逗淮鎮
停舫臨孤驛
浩浩風起波
冥冥日沈夕
人歸山郭暗
雁下蘆洲白
獨夜憶秦關
聽鐘未眠客

28. TỊCH THỨ VU DI HUYỆN⁽¹⁾

*Lạc phàm đậu⁽²⁾ Hoài trấn,
Đình phảng lâm cô dịch.
Hạo hạo, phong khởi ba*

⁽¹⁾ Vu Di: một huyện ở bên núi Vũ Di phía Nam hồ Hồng Trạch, quận Lâm Hoài (nay thuộc An Huy).

⁽²⁾ Đậu: Dừng lại (theo sách *Ngọc thiên*).

Minh minh nhật trầm tịch.
Nhân qui sơn quách ám
Nhạn há lô châu bạch.
Độc dạ ức Tần quan⁽¹⁾
Thính chung vị miên khách.

Dịch nghĩa:

ĐÊM NGHỈ Ở HUYỆN VU DI

*Thả buồm đậu lại thị trấn Hoài,
Bến gần kê trạm dịch đơn lẻ.
Mênh mông gió đẩy sóng lên
Nhật nhòa mặt trời lặn buổi chiều.
Người về xóm núi tới dần
Chim nhạn sà xuống bãi lau trắng.
Đêm một mình nhớ ải Tần,
Nghe chuông, khách chưa ngủ được.*

Dịch thơ:

ĐÊM NGỦ Ở HUYỆN VU DI

*Thả buồm đậu lại phố Hoài
Bếp kê liền trạm dịch ngoài, vắng thưa.
Mênh mang gió đẩy sóng lùa,
Mặt trời vừa lặn, nhật nhòa chiều sông.
Người về xóm núi chiều buông!
Nhạn sa, lau lách trở bông trắng trời
Ải Tần, nhớ một mình thôi.
Nghe chuông khó ngủ khách ngồi với khuya.*

⁽¹⁾ Tần quan: ải Tần. Thơ xưa: "Long phi đặt thiên lộ phương khởi xuất Tần quan", nghĩa là: "Rồng bay (năm vua mới lên ngôi) lên đường trời phương xa, phương vô cánh ra ải Tần, chỉ chí khí của tướng giỏi!"

東郊

吏舍跼終年
出郊曠清曙
楊柳散和風
青山澹吾慮
依叢適自憩
緣澗還復去
微雨靄芳原
春鳩鳴何處
樂幽心屢止
遵事跡猶遽
終罷斯結廬
慕陶直可庶

29. ĐÔNG GIAO

Lại xá cục chung niên,
Xuất giao khoáng thanh曙.
Dương liễu tán hòa phong
Thanh Sơn đạm ngô lự.
Y tùng thích tự khê
Duyên giản hoàn phục khứ.
Vi vũ ái phương nguyên
Xuân cư minh hà xứ.
Lạc u tâm lữ chỉ
Tuân sự tích do cứ.
Chung bãi tư kết lư⁽¹⁾
Mộ đào⁽²⁾ trực khả thứ.

⁽¹⁾ Kết lư: Làm nhà. Thơ Đào Tiềm: "Kết lư tại nhân cảnh nhi vô xa mã luyến", nghĩa là: Làm nhà giữa mọi người mà không có xe ngựa huyền áo. Tác giả muốn theo gương họ Đào, mong thoát ra khỏi đường quan chức.

⁽²⁾ Đào Tiềm, nhà thơ, không ham công danh, lui về ở ẩn, vui với suối khe, có bài *Quy khứ lai từ* nổi tiếng.

Địch nghĩa:

NGOÀI THÀNH PHÍA ĐÔNG

*Trong nhà quan quanh quẩn đã hết năm,
Đi ra ngoài thành, đầy ánh ngày trong treo.
Dương liễu rì rào trước gió êm
Núi xanh ngời ngoai lo nghĩ của ta.
Dưới cây, tùy thích nghỉ ngơi,
Theo vết khe quay lại rồi quay đi.
Mưa nhỏ mờ đời thom
Con chim cưu kêu ở đâu đó.
Lòng đâu yên tĩnh, đâu được ngời ngoai,
Việc công còn chồng chất.
Rốt cuộc rồi cũng dựng lều tranh,
Nhớ ông Đào lòng lại càng hăm hở.*

Địch thơ:

NGOÀI THÀNH PHÍA ĐÔNG

*Nhà quan quanh quẩn hết năm
Ngoại thành tìm đến nơi thanh sáng này.
Êm hoà, dương liễu gió lay,
Núi xanh vui bớt lòng đầy lo toan.
Dưới cây từng thích an nhàn,
Dòng khe lại uốn khúc quanh nẻo ngoai.
Lưa thưa mưa rải dọc đời,
Chim cưu gọi bạn đôi hồi chốn nao?
Lòng này yên tĩnh nổi sao,
Việc công chồng chất leo xeo nhọc mình.
Từ quan, hãy dựng lều tranh
Nhớ ông Đào, lại càng ham chốn này.*

送楊氏女

感悠行舟恃柔育休腸留訓憂門尤尚周道猷晨秋遣收女流
感悠有輕無慈所不中復內我令無所待婦其今何自難幼纓
方復今沂苦益長泣結難闕貽託庶誠豈遵順在當始忽視緣
日行子江輩念爲別此往小姑茲卹儉從恭止離爾閑感來淚
永出女大爾撫幼兩對義自事賴仁貧資孝容別見居臨歸零

30. TỔNG DƯƠNG THỊ NỮ

Vĩnh nhật phương thích thích
Xuất hành phục du du.

Nữ tử kim hữu hành⁽¹⁾
Đại giang tổ khinh chu.
Nhĩ bối khổ vô thị,
Phủ niệm ích từ nhu.
Ấu vi trường sở dục
Lưỡng biệt khắp bất hưu.
Đôi thử kết trung tràng
Nghĩa vãng nan phục lưu.
Tự tiểu khuyết nội huấn
Sự cô di ngã ưu.
Lại tư thác lệnh môn
Nhân tuất thứ vô vu⁽²⁾.
Bần kiệm thành sở thượng
Tư tông khởi đãi chu.
Hiếu cung tuân phụ đạo,
Dung chỉ thuận kỳ du.
Biệt ly tại kim thân
Kiến nhĩ đương hà thu.
Cư nhàn thủy tự khiển
Lâm cảm hốt nan thu.
Quy lai thị ấu nữ
Linh lệ duyên anh lưu⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

TIỀN CON GÁI HỌ DƯƠNG

*Suốt ngày chỉ những thương xót,
Buổi lên đường lại bùi ngùi.*

⁽¹⁾ Hữu hành: Có chuyện phải ra đi về nhà chồng. *Kinh Thi*: "Nữ tử hữu hành, viễn phụ mẫu huynh đệ", nghĩa là: Người con gái về nhà chồng, xa cha mẹ anh em....

⁽²⁾ Vô vu: Không lỗi lầm. Lão Tử nói: "Phù vô bất tranh, cố vô vu dã", nghĩa là: Ôi, không tranh giành thì không có lỗi lầm vậy.

⁽³⁾ Lệ anh: Khăn lệ, thơ du tiên của Quách Phác: "Bi lai chắc đan tâm. Linh lệ duyên anh lưu", nghĩa là: Chuyện đau thương do được tấm lòng son, nước mắt rơi thấm cả vào khăn.

Con gái ta bữa nay ra đi,
Trên sông lớn ngoi ngóp một con thuyền nhỏ.
Con khổ vì không nơi cậy nhờ
Cha vỗ về dịu lời thương xót.
Thuở nhỏ thường được nuôi dưỡng,
Lúc chia tay khóc không thôi.
Trước cảnh ấy ai không thất ruột
Việc nghĩa (lấy chồng) phải ra đi khó giữ.
Từ nhỏ được dạy dỗ vốn thiếu mẹ
Thờ mẹ chồng, khiến ta phải lo lắng cho con.
Cậy nhờ vào cửa nhà sang, nền nếp
Lượng bao dung nhân ái khác thường.
Nghèo, kiệm lòng thành vốn sẵn,
Của riêng mang theo chẳng trông đợi gì.
Hiếu thuận cung kính nên tôn theo đạo làm vợ,
Về mặt lúc nào cũng phải tươi tỉnh.
Chia tay buổi sáng hôm nay,
Cùng gặp mặt con mùa thu nào vậy?
Ở nhà trước đây cha tự mình xoay sở
Đến lúc con đi không làm sao cầm lòng nổi.
Trở về nhìn đứa con gái nhỏ
Nước mắt lăn chã rơi thấm vào giải mũ.

Địch thơ:

TIỀN CON GÁI HỌ DƯƠNG

Ngày dài đầy lo nghĩ
Vời vợi lúc lên đường!
Thân gái dặm trường nhĩ
Sông cả, thuyền nhỏ buông.
Nương tựa nhờ ai được!
Mềm lòng, cha bên con.
Nuôi dưỡng từ thuở nhỏ,
Chia tay, khóc chẳng ngừng.

Đối cảnh, lòng quận thất,
 Vì nghĩa, giữ nổi không?
 Nhỏ, dậy răn thiếu mẹ
 Con lo, thờ mẹ chồng.
 Gửi thân nhà nền nếp,
 Nhân ái nhờ bao dung.
 Nghèo, kiệm lòng vốn sẵn,
 Của riêng, chẳng bỏ bèn.
 Hiếu thuận tuân theo đạo,
 Tươi tắn giữ vẻ thường.
 Sáng nay đành ly biệt,
 Mùa thu nào gặp con?
 Ở nhàn, tự xoay xở
 Con đi, cha buồn thương.
 Về nhìn con gái nhỏ,
 Giải mũ lệ ướt đầm.

LIỄU TÔNG NGUYÊN (773 - 819)

Liễu Tông Nguyên, tên chữ là Tử Hậu, người Hà Đông (nay thuộc Sơn Tây), năm Trinh Nguyên thứ chín đỗ khoa Bác học Hoàn Hù, trải qua các chức Hiệu thư lang, Giám sát ngự sử, Lễ bộ viên ngoại lang, thời Đường Thuận Tôn, Vương Thục Văn cầm quyền, đưa vào bên màn trướng. Khi phe Thục Văn bại, biếm làm Vĩnh Châu Tư Hộ, lúc này ông ngao du sơn thủy, lấy thơ văn vui đời. Cuối đời làm quan ở Liễu Châu, có nhiều công tích, được dân thờ làm thần khi mất. Đời làm quan của ông đến 47 năm. Ông được coi là một trong tám đại gia về cổ văn đời Đường, văn chương sánh ngang Hàn Dũ.

晨詣超師院讀禪經

汲井漱寒齒
 清心拂塵服

閒持貝葉書
 步出東齋讀
 真源了無取
 忘跡世所逐
 遺言冀可冥
 繕性何由熟
 道人庭宇靜
 苔色連深竹
 日出霧露餘
 青松如膏沐
 澹然離言說
 悟悅心自足

31. THẦN NGHỆ SIÊU SƯ VIỆN ĐỘC THIỀN KINH

Hấp tỉnh⁽¹⁾ sáu hàn si
 Thanh tâm phát trần phục.
 Nhân trì bồi diệp⁽²⁾ thư
 Bộ xuất đông trai độc.
 Chân nguyên liễu vô thủ
 Vong tích thể sở trực.
 Di ngôn⁽³⁾ ký khả minh,
 Thiện tính hà do thực.
 Đạo nhân đình vũ tĩnh,
 Đài sắc liên thâm trúc.
 Nhật xuất vụ lộ dư
 Thanh tùng như cao mộc⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Hấp tỉnh: Giếng mát. Thơ Tạ Linh Vận: "Kịch giản đại hấp tỉnh", nghĩa là: Khe nước vọt lên có thể thay giếng trong mát.

⁽²⁾ Bồi diệp: Lá bồi. Theo *Truyện Tây Vực*: Đất Tây Vực có nhiều cây bồi. Dân chúng lấy lá bồi để viết kinh Phật.

⁽³⁾ Di ngôn: Lời để lại. Thơ Vương Sơn: "Cổ nhân, hữu di ngôn", nghĩa là: Người xưa có lời truyền lại!

⁽⁴⁾ Cao mộc: Sáp bồi. *Kinh Thi*, thiên *Vệ phong*: Khởi vô cao mộc, thủy thích vi dong, nghĩa là: nếu không sáp bồi thì có ai điểm tô gương mặt.

Đạm nhiên ly ngôn thuyết
Ngộ duyệt tâm tự tức.

Dịch nghĩa:

SÁNG SỚM ĐẾN VIỆN SIÊU SƯ ĐỌC KINH PHẬT

*Nước giếng trong súc miệng buốt cả răng,
Lòng trong sạch phủ bụi trên quần áo.
Thong thả cầm sách lá bổi,
Đi sang phòng phía đông ngồi đọc.
Dù nguồn Chân đời chưa giữ được
Lại hay theo đuổi chuyện huyền hoặc .
Lời xưa truyền lại thật sáng tỏ,
Sửa tính sửa nét sao có thể thuần thực ngay.
Sân viện im ắng đạo sĩ tọa lạc
Sắc rêu xanh bên cạnh sắc tre xanh đậm.
Mặt trời ló ra, sương mù còn nhiều
Cây tùng xanh như sáp bôi.
Chỉ ngồi lặng nhìn không nói năng
Lòng như đủ đầy, khi bằng lòng với giác ngộ.*

Dịch thơ:

SÁNG SỚM ĐẾN VIỆN TIÊN SƯ ĐỌC KINH PHẬT

*Buốt miệng nước giếng lành
Lòng thành phủ áo tục.
Kính lá bổi trong tay,
Bước sang phòng đông đọc.
Tính Chân đời chưa thấu,
Lại ưa chuyện hão huyền.
Mong thấu suốt di ngôn
Sửa tính nào sớm được!
Viện tĩnh, người đạo im*

Sắc rêu liền sắc trúc.
 Trời sáng, đầy móc, sương,
 Tùng xanh như thép sấp.
 Ngồi lặng chẳng nói năng
 Lòng hướng về cửa giác.

溪居

久 爲 簪 組 束
 幸 此 南 夷 謫
 閑 依 農 圃 鄰
 偶 似 山 林 客
 曉 耕 翻 露 草
 夜 榜 響 溪 石
 來 往 不 逢 人
 長 歌 楚 天 碧

32. KHÊ CƯ

Cử vi trâm tô⁽¹⁾ thúc
 Hạnh thử nam di trích.
 Nhân y nông phổ lân,
 Ngẫu tự sơn lâm khách.
 Hiểu canh phiên lộ thảo
 Dạ bảng⁽²⁾ hưởng Khê thạch.
 Lai vãng bất phùng nhân
 Trường ca Sở sơn bích.

Dịch nghĩa:

⁽¹⁾ Trâm tô: Ghim cài mũ (của các quan). Bài tựa *Ngài thu dự yến ở Lạc Dương* có câu: "Trâm tô thịnh nhi xa mã huyền. Đinh vũ hư nhi quân huyền lượng", nghĩa là: Trâm cài mũ đầy rẫy nên xe ngựa huyền nào; sân, nhà thường ngoạn trông vắng thì đàn sáo vang.

⁽²⁾ Bảng: thuyền. *Sở từ*: "Tề ngô bảng dĩ kích thái", nghĩa là: Nước Tề, nước Ngô dùng thuyền để đánh trộm. Ở đây, bảng là chèo thuyền đi.

LÀM NHÀ BÊN KHE

*Lâu nay bị mũ áo quan buộc trói,
May được đầy xuống đất hoang rợ phương nam
An nhàn nương nhờ đám lán giềng làm ruộng,
Bất ngờ như khách ở sơn lâm.
Sớm mai cày lật cỏ sương
Đêm xuống chèo thuyền vang dội đá khe.
Đi lại không gặp người
Hát mãi bên núi biếc nước Sở.*

Dịch thơ:

LÀM NHÀ BÊN KHE

*Mũ quan trói buộc lâu ngày
May làm sao, được đi đầy phương nam.
Bạn bày với đám nông tang,
Bỗng nhiên hoá khách lâm toàn cũng hay.
Cỏ sương, sáng sớm lật cày,
Chèo đêm khuya vách đá dầy, thanh thoi.
Lại qua không một bóng người
Hát hoài đất Sở cao vời núi xanh.*

Bản dịch của Khương Hữu Dụng

SỞNG BÊN KHE

*Lâu ngày đai mũ trói,
Đầy xuống nam, càng khoái
Vườn ruộng thanh thoi kè!
Bỗng như người khách núi
Sáng lật cỏ sương cày
Đêm chèo khe đá dội
Lui tới không gặp người
Hát ngân non Sở mãi.*

NHẠC PHỦ

Theo sách *Hán thư lễ nhạc*: vua Hán Vũ định ra lễ tế giao (tế trời đất), liền đặt Nhạc phủ, tham khảo từ đời Triệu đến Tần, Sở, lấy Lý Diên Niên làm quan Hiệp luật đô úy, lại chọn Tư Mã Tương Như và khoảng mười người khác làm thơ phú, tìm bản luật nhạc phù hợp bát âm mà thành điệu. Tên Nhạc phủ có từ đó. Lại xét bài tựa của Lý Hiếu Quang về Quách Mậu Thiển có nói: Quách Mậu Thiển ở Thái Nguyên có biên soạn thơ Nhạc phủ hàng trăm quyển trên lấy những bài hát dân ca, hát lễ từ thời Nghiêu Thuấn, dưới chọn đến các bài thơ tế thần hát lễ đời Hán, Đường. Ý của Mậu Thiển muốn ghi đủ nhạc lễ bốn đời ấy cho đời cùng nghe. Tế giao xưa còn được gọi là (thể) Tụng, hát lễ đánh trống được gọi là Nhã, tạp thi lời cho đàn gọi là Quốc Phong. Có lẽ từ đời Hán, mới gọi là Nhạc phủ. Nhạc phủ còn chỉ nơi các quan dạy nhạc làm việc. Bởi nhà Chu có quan đại tư nhạc, nên nhà Hán gọi là Nhạc phủ, có thể là như vậy.

VƯƠNG XƯƠNG LINH

塞上曲

蟬	鳴	空	桑	林
入	月	蕭	關	道
出	塞	復	入	塞
處	處	黃	蘆	草
從	來	幽	并	客
皆	向	塵	沙	老
莫	學	遊	俠	兒
矜	誇	紫	騶	好

33. TÁI THƯỢNG KHÚC

Thiền minh không tang lâm
Bát nguyệt Tiêu Quan⁽¹⁾ đạo.
Xuất tái phục nhập tái
Xử xử hoàng lô thảo.
Tòng lai U Tinh⁽²⁾ khách
Giai hướng trần sa lão.
Mạc học du hiệp nhi
Căng khoa Tử Lưu⁽³⁾ hảo.

Dịch nghĩa:

KHÚC HÁT LÊN CỬA ẨM

*Tiếng ve văng vẳng ngàn dâu vắng,
Tháng tám trên đường Tiêu Quan.
Ra ẩm rồi lại vào ẩm
Nơi dâu cũng một sắc lau vàng.
Đám khách đất U Tinh đến,
Ai cũng bị cát bụi làm cho già đi.
Chớ học những kẻ du hiệp
Khoe khoang mình cuối ngựa Tử Lưu giỏi.*

Dịch thơ:

KHÚC HÁT LÊN CỬA ẨM

*Tiếng ve dội đám dâu ngàn,
Mòn chân tháng tám trên đường Tiêu Quan.
Ra rồi lại vào cửa quan
Đâu đâu cũng sắc lau vàng đều hiu.*

⁽¹⁾ Tiêu quan: Theo sách *Hán thư Hung Nô truyện* thì Tiêu Quan tức Lũng Sơn quan ở Nguyên Châu.

⁽²⁾ U Tinh: Địa danh, thuộc địa phận Dục Châu.

⁽³⁾ Tử Lưu: Ngựa Lưu tía: Lưu là một giống ngựa quý, sức dẻo dai, chạy rất nhanh.

*U Tình đám khách cùng vào,
Mặt nhòa cát bụi làm sao chẳng già.
Làm trai học được những gì?
Tử Lưu phóng ngựa chớ khoe giỏi tài.*

塞下曲

飲馬渡秋水
水寒風似刀
平沙日未沒
黯黯見臨洮
昔日長城戰
咸言意氣高
黃塵足今古
白骨亂蓬蒿

34. TÁI HẠ KHÚC

Âm mã⁽¹⁾ độ thu thủy
Thủy hàn phong tựa đao.
Bình sa nhật vị một
Âm ảm kiến Lâm Thao⁽²⁾.
Tích nhật Trường Thành⁽³⁾ chiến
Hàm ngôn ý khí cao.
Hoàng trần⁽⁴⁾ túc kim cổ
Bạch cốt loạn bồng cao.

⁽¹⁾ Âm mã: Ngựa uống nước. Thơ Trần Lâm: "Âm mã Trường Thành quật, thủy hàn thương mã cốt", nghĩa là: Ngựa uống nước ở hang Trường Thành, nước lạnh buốt tận xương ngựa.

⁽²⁾ Theo *Hán thư địa lý chí*, huyện Lâm Thao thuộc quận Lũng Tây.

⁽³⁾ Trường Thành: Trường Thành ở phía Tây phủ Lâm Thao thuộc Thiểm Tây, do Tần Thủy Hoàng đắp.

⁽⁴⁾ Hoàng trần: Bụi vàng thường thấy ở trên vùng sa mạc bắc Trung Quốc.

Dịch nghĩa:

KHÚC HÁT XUỐNG CỬA ÀI...

*Ngựa uống nước, qua sông mùa thu,
Nước buốt, gió như dao cắt.
Trên bãi cát trắng mặt trời chưa lặn,
Mờ mờ xa còn thấy đất Lâm Thao.
Trong trận Trường Thành ngày nào,
Ai cũng bảo ý khí quân sĩ rất cao,
Bụi vàng vốn sẵn từ xưa đến nay,
Xương trắng ngổn ngang trong đám tranh,đám sậy.*

Dịch thơ:

KHÚC HÁT XUỐNG CỬA ÀI

*Sông thu uống nước, ngựa qua
Rùng mình nước lạnh, cắt da gió lùa.
Mặt trời chưa lặn bãi xa,
Lâm Thao thấp thoáng, nhạt nhoà vẫn kia.
Trường Thành trận đánh năm xưa
Ngút dăng tráng khí, sáng loà trời cao.
Bụi vàng vốn sẵn từ lâu
Ngổn ngang xương trắng sậy lau rải đầy.*

Bản dịch của Nguyễn Bích Ngô:

KHÚC HÁT DƯỚI CỬA ÀI

*Sông thu, ngựa lội uống
Nước buốt, gió như dao,
Bóng tà trên bãi cát
Thấp thoáng thấy Lâm Thao.*

Trận Trường Thành ngày trước,
Đều khoe ý khí cao.
Bụi vàng đủ kim cổ
Xương tàn trắng côi lau.

LÝ BẠCH

關山月

明 月 出 天 山
蒼 茫 雲 海 間
長 風 幾 萬 里
吹 度 玉 門 關
漢 下 白 登 道
胡 窺 青 海 灣
由 來 征 戰 地
不 見 有 人 還
戍 客 望 邊 色
思 歸 多 苦 顏
高 樓 當 此 夜
歎 息 未 應 閑

35. QUAN SAN NGUYỆT⁽¹⁾

Minh nguyệt xuất Thiên San⁽²⁾,
Thương mang vân hải gian.
Trường phong kỷ vạn lý,

⁽¹⁾ Quan san nguyệt: Trăng cửa ải. Là một khúc hát, tỏ nỗi người lính chiến nhớ nhà. Theo Tiêu Sĩ Tán: thi điệu *Quan san nguyệt* trong Nhạc phủ có tới 15 khúc, thường đánh trống, rúc tù và và rồi ngâm trong dinh quân.

⁽²⁾ Thiên San: Sách *Hán thư Vũ đế kỷ* chép: Năm Thiên Hán thứ hai, sai tướng đem ba vạn quân kỵ đến Tâu Tuyền cùng Hữu Hiền Vương, đánh ở Thiên San thuộc nước Tây Vực, cách Tràng An hơn tám ngàn dặm.

Xuy độ Ngọc Môn quan⁽¹⁾.
Hán há Bạch Đằng⁽²⁾ đạo,
Hồ khuy Thanh Hải⁽³⁾ loan.
Do lai chính chiến địa,
Bất kiến hữu nhân hoàn.
Thú khách vọng biên sắc⁽⁴⁾,
Tư quy đa khổ nhạn.
Cao lâu đương thử dạ,
Thán tức vị ung nhân.

Dịch nghĩa:

TRĂNG CỦA Ỏ

*Mặt trăng hiện ra từ núi Thiên San
Mây biển xanh một màu man mác.
Con gió dài thổi qua ngàn dặm,
Gió thổi qua cửa ỏ Ngọc Môn.
Nhà Hán đem quân xuống đóng đường Bạch Đằng,
Rợ Hồ ngấp nghé ở vịnh Thanh Hải.
Xưa nay những miền chiến địa
Chẳng thấy có người quay về.
Người lính thú nhìn cảnh sắc vùng biên giới
Nhớ nhà, mặt mày ủ dột.
Người ở lâu cao trong đêm nay,
Cũng không nguôi thở than.*

⁽¹⁾ Ngọc Môn quan: theo *Hán thư*, vua Hán cho Ban Siêu cầm quân ở nơi gần; ông xin ra trấn ỏ Ngọc Môn, cách Tràng An 300 dặm.

⁽²⁾ Bạch Đằng tên núi ở tỉnh Sơn Tây, ở đây theo *Hán thư Hung nô truyện* thì Cao Đế bị vây trong 7 ngày.

⁽³⁾ Thanh Hải: Thuộc đất Thổ Phồn xưa, chu vi tới hơn ngàn dặm, luôn luôn là vùng đất nóng ở biên giới Trung Quốc xưa.

⁽⁴⁾ Biên sắc: Bản dịch của Tân Đà và thơ Đường tập 2 của Nam Trân đều cho là biên sắc, (cảnh sắc vùng biên ỏ) nhưng trong *Đường thi tam bách thủ* này thì là biên ỏ: Xóm ỏ vùng biên ỏ. Nghe biên sắc, phải hơn, người dịch theo nghĩa này (NVP).

TRĂNG CỬA ẢI

Trăng mọc từ Thiên San,
Mênh mang mây với biển.
Gió quê nghìn dặm trường
Ngọc Môn quan thổi đến...
Đồn Bạch Đằng, Hán đóng
Vùng Thanh Hải, Hồ nhòm.
Xưa nay người chinh chiến
Một đi là biệt tăm.
Lính thú nhìn mây nước,
Nhớ nhà, mặt ủ nhãn.
Gác cao, ai thao thức
Thở ngắn lại dài than...

Bản dịch của Tân Đà:

TRĂNG NƠI QUAN ẢI

Vàng trăng ra núi Thiên San,
Mênh mông nước bể mây ngàn sáng soi.
Gió đâu muôn dặm, chạy dài,
Thổi đưa trăng sáng ra ngoài Ngọc Môn.
Bạch Đằng quân Hán đóng đồn
Vùng kia Thanh Hải dòm luôn mắt Hồ.
Từ xưa bao kẻ chinh phu,
Đã ra đất chiến về ru mấy người.
Buồn trông cảnh sắc bên trời,
Giục lòng khách thú nhớ nơi quê nhà.
Lầu cao đêm vắng ai mà,
Đêm nay than thở chắc là chưa người.

子夜吳歌

長安一片月
萬戶擣衣聲
秋風吹不盡
總是玉關情
何日平胡虜
良人罷遠征

36. TỬ DẠ⁽¹⁾ NGÔ CA

Trường An nhất phiến nguyệt,
Vạn hộ đảo y thanh.
Thu phong xuy bất tận,
Tống thị Ngọc Quan tình.
Hà nhật bình Hồ lỗ,
Lương nhân⁽²⁾ bãi viễn chinh.

Địch thơ:

KHÚC CA NƯỚC NGÔ CỦA TỬ DẠ

*Một mảnh trăng đất Tràng An,
Muôn nhà vang tiếng đập áo.
Gió thu thổi không dứt,
Như thấu tâm can người ở Ngọc Quan.
Ngày nào bình xong giặc Hồ,
Để người chồng thôi chinh chiến xa.*

⁽¹⁾ Tử Dạ: Theo *Đường thư nhạc chí*, khúc Tử Dạ có từ đời nhà Tấn. Nhà Tấn có người con gái tên là Tử Dạ làm ra khúc ca này. Lời lẽ bi thiết. Sách *Nhạc phủ cổ để yếu chú* chép: Người đời sau nhân soạn lời cho điệu "Tứ thời hành nhạc", lấy luôn tên là: "Tử Dạ tứ thời ca", đó là nhạc của nước Ngô vậy.

⁽²⁾ Lương nhân: Theo sách *Mạnh Tử*, khi người vợ về nhà chồng, gọi chồng là lương nhân.

Dịch thơ:

KHÚC CA TỬ DẠ CỦA NƯỚC NGÔ

Tràng An, trắng một mảnh,
Đập áo, tiếng muôn nhà.
Gió thu thổi không dứt
Đâu cũng tình ải xa.
Ngày nào yên giấc dữ
Chàng thôi chuyện can qua.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BÀI HÁT MÙA THU CỦA TỬ DẠ⁽¹⁾

Trường An trắng một mảnh
Đập áo muôn cửa inh.
Gió thu thổi không dứt
Ngọc Quan một mối tình.
Ngày nào giấc Hồ đẹp
Lương nhân khỏi viễn chinh.

長 干 行

妾	髮	初	覆	額
折	花	門	前	劇
郎	騎	竹	馬	來
遶	床	弄	青	梅
同	居	長	干	里
兩	小	無	嫌	猜
十	四	爲	君	婦
羞	顏	未	嘗	開
低	頭	向	暗	壁
千	喚	不	一	回

⁽¹⁾ Đường thi của Trần Trọng Kim, bài này đầu đề là Tử dạ thu ca (NVP).

眉灰信臺行堆觸哀跡苔掃早黃草心老巴家遠沙
 展與柱夫遠瀕可上行緣能風蝶園妾顏三報道風
 始塵抱望君濫不天遲生不秋蝴西傷紅下書不長
 五同存上六塘月聲前一深葉月飛此愁晚將迎至
 十願常豈十瞿五猿門一苔落八雙感坐早預相直

Dịch nghĩa:

37. TRƯỜNG CAN HÀNH⁽¹⁾

Thiếp phát sơ phúc ngạch,
 Chiết hoa môn tiền kích.
 Lang ky trúc mã⁽²⁾ lai,
 Nhiều sàng lộng thanh mai.

⁽¹⁾ Trường Can: Phía Nam đất Kiến Nghiệp 5 dặm có mấy quả đồi nổi lên ở giữa đầm đất bằng, dân cư ở lẫn lộn, gọi là Trường Can. Có đại Trường Can và tiểu Trường Can. Đại Trường Can ở Việt thành đông, tiểu Trường Can ở Việt thành tây.

⁽²⁾ Trúc mã: Ngựa tre: Trẻ con lấy tre kẹp vào đuôi giả là cưỡi ngựa.

Đồng cư Trường Can lý,
Lưỡng tiểu vô hiềm sai.
Thập tứ vi quân phụ,
Tu nhan vị thường khai.
Đê đầu hướng ám bích,
Thiên hoán bất nhất hồi.
Thập ngũ thủy triển mi,
Nguyên đồng trần dữ hôi.
Thường tồn bão trụ⁽¹⁾ tín,
Khởi thưởng vọng phu đài⁽²⁾.
Thập lục quân viên hành,
Cù Đường, Diệm Dục đôi.
Ngũ nguyệt bất khả xúc,
Viên thanh thiên thượng ai.
Môn tiền trì hành tích,
Nhất nhất sinh lục đài.
Đài thâm bất năng tảo,
Lạc điệp thu phong tảo.
Bát nguyệt hồ điệp hoàng,
Song phi tây viên thảo.
Cảm thử thương thiếp tâm,
Toạ sâu hồng nhan lão.
Tảo văn há Tam Ba⁽³⁾
Dục tương thư báo gia.

⁽¹⁾ Bão cột: ôm cột. Theo *Trang Tử*: Vĩ Sinh hẹn với người con gái chờ mãi không đến, ôm cột (nước dâng lên) mà chết.

⁽²⁾ Vọng Phu đài: Đài Vọng Phu. Theo *Tô Lạc thành tập* thì đài Vọng Phu ở phía Nam Trung Châu cách khoảng vài chục dặm.

⁽³⁾ Tam quận: Ba quận. Theo *Hoa Dương quốc chí*: Đời vua Hiến Đế năm Kiến An thứ 6, dời Vĩnh Lăng làm Tam quận, lấy Cổ Lăng làm Ba Đông, và An Hán làm Ba Tây, gọi là Tam Ba. Ba Đông nay là Khánh Châu. Ba Tây nay là Hợp Châu.

Tương nghinh bất đạo viên
Trực chí Trường Phong Sa⁽¹⁾.

BÀI HÀNH TRƯỜNG CAN

*Khi tóc thiếp xoắn ngang trán,
Bè hoa chơi trước cửa nhà.
Chàng cười ngựa trúc đến
Quanh giường nghịch ném quả mơ xanh.
Cùng sống trong đất Trường Can
Hai đứa không hề giữ gìn, ý tứ.
Năm mười bốn làm vợ chàng
Mặt then chẳng lúc nào tươi tỉnh.
Cúi đầu ngoảnh vào vách tối,
Gọi nghìn câu, không trả lời một lần.
Năm mười lăm, mặt hoa tươi tắn
Sống chết nguyện chẳng lìa nhau.
Tin ở chàng vẫn một lòng như kẻ ôm cột,
Há nghĩ thiếp phải lên đài cao ngóng chồng.
Năm thiếp mười sáu chàng đi xa,
Lên đất Cù Đường, Diệm Dự.
Tháng năm, chỗ này khó thể qua,
Tiếng vượn kêu năm thiết vang trời.
Trước cửa, dấu chân xưa bước dạo
Khắp chôn đều rêu xanh phủ.
Rêu dày không quét nổi
Lá rụng, theo gió thu sớm.
Tháng tám cánh bướm bay trông thật vàng
Dập diu từng đôi trên cỏ vườn phía tây.*

⁽¹⁾ Trường Phong Sa: Theo *Đường thi kỷ sự* thì Trường Phong Sa từ đất Trì Châu đổ xuống Nhận Nghi phía dưới khoảng 80 dặm, có sông làm cối để phòng giặc, cướp. Theo Kiều Viên cư sĩ thì Trường Phong Sa nay ở huyện Hoài Dương về phía tây khoảng năm mươi dặm.

Cảm thương trước cảnh này, lòng thiếp xót xa
Âu sầu, má hồng cứ dần già đi.
Sớm muộn chàng đến Tam Ba
Hãy gửi thư báo tin về nhà!
Đón nhau chẳng ngại đường xa
Đến thẳng tận Trường Phong Sa.

Dịch thơ:

TRƯỜNG CAN HÀNH

Tóc thiếp thuở mới xoà ngang trán
Bẻ hoa đùa nhí nhảnh cửa ngoài.
Ngựa tre chàng cười đến nơi,
Quanh giường nghịch ném quăng hoài mơ chưa.
Đất Tràng An vốn xưa cư trú
Đôi trẻ, đâu ý tứ giữ gìn.
Năm mươi bốn, thành vợ chàng,
Thẹn thò, gương mặt lại càng ủ châu.
Rút rề những cúi đầu vách tối
Gọi nghìn câu không thấy đáp lời.
Mười lăm, kẻ đã xinh tươi
Nguyện cùng sống chết, suốt đời bên nhau.
Tin chàng như kẻ nào ôm cột
Lên đài cao phận thiếp ngóng trông.
Năm mươi sáu tuổi tiền chồng
Đất xa Diêm Dục, Cù Đường ruổi rong.
Tháng năm đến, khó lòng qua được,
Tiếng vượn kêu thảm thiết vang trời.
Dấu xưa còn lại cửa này,
Khắp nơi đâu cũng phủ đầy rêu xanh.
Rêu dày thế, thôi đành quét khó,
Gió thu về, lá đổ từng cơn.

*Tháng tám cánh bướm vàng ươm,
Từng đôi bay lượn dập dờn vườn tây.
Lòng em trước cảnh này đau xót,
Má hồng đà pha chút già nua.
Khi nào chàng tới Tam Ba,
Thư riêng nhỡ gửi về nhà báo tin.
Đón nhau, xa chẳng ngại ngần
Trường Phong Sa cũng băng miền tới nơi.*

Bản dịch của Trúc Khê:

TRƯỜNG CAN HÀNH

*Tóc em mới kín trán,
Trước cửa bẻ hoa đùa.
Chàng cười ngựa trúc lại,
Quanh ghé tung mơ chua.
Cùng ở xóm Trường Can
Đôi trẻ vui tha hồ.
Mười bốn làm vợ chàng
Thơ ngây em hổ thẹn.
Bên vách cúi gằm đầu,
Mặc dầu chàng gọi đến.
Mười lăm mới bạo dạn,
Quán nhau, không muốn rời.
Ôm cột nguyện giữ ước
Vọng phu chẳng lên đài.
Mười sáu, chàng đi xa
Tháp Cờ; hòn Diêm Dư.
Nước lớn đang tháng năm,
Vườn kêu buồn lắm nữa.
Vết giày in trước cửa
Xanh xanh rêu mọc đầy.
Rêu nhiều không thể quét,*

*Lá rụng gió thu lay.
 Tháng tám bướm bướm vàng
 Bay đôi trên áng cỏ.
 Xúc cảm em đau lòng
 Héo già thương má đỏ.
 Chàng sớm rời Tam Ba,
 Báo trước thư về nhà.
 Đón chàng em há quần
 Đến tận Trường Phong Sa.*

MẠNH GIAO (751 - 814)

Tên chữ là Đông Dã, người Vũ Khang, Hồ Châu (nay thuộc Đức Thanh, Chiết Giang), năm mười tuổi mới đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Phiêu Dương úy. Hàn Dũ rất trọng ông, nói với Trịnh Linh Khánh, tâu vua xin cho ông làm Tham quân, làm chưa được vài năm. Trương Tịch gọi ông là Chân Diệu tiên sinh.

烈女操

梧桐相待老
 鴛鴦會雙死
 貞婦貴殉夫
 捨生亦如此
 波瀾誓不起
 妾心古井水

38. LIỆT NỮ THẢO

Ngô đồng tương đãi lão,
 Uyên ương⁽¹⁾ hội song tử.

⁽¹⁾ Uyên ương: Theo Cổ kim chú: Uyên ương là loại chim nước. Ít có lúc chúng xa nhau, chẳng may một con bị bắt, con kia thương nhớ bạn đời rồi cùng chết theo.

Trinh phụ quý tuần phu,
Xả sinh diệc như thử.
Ba lan thệ bất khởi,
Thiếp tâm cố tỉnh thủy.

Dịch nghĩa:

ĐỨC HẠNH NGƯỜI LIỆT NỮ

*Trên cây ngô đồng chim phượng,
biết đợi nhau đến già,
Chim uyên ương chết cũng có đôi.
Người trinh phụ quý ở chỗ chết vì chồng
Xả thân là như thế.
Không để cho sóng gió trời dậy
Lòng thiếp như nước trong giếng xưa.*

Dịch thơ:

ĐỨC HẠNH LIỆT NỮ

*Ngô đồng, phượng đợi chờ,
Uyên ương sóng đôi chết.
Vì chồng mà được chết
Xả thân nghĩa lý gì!
Chẳng để sóng gió nổi,
Lòng em, nước giếng xưa.*

遊子吟

慈母手中線
遊子身上衣
臨行密密縫
意恐遲遲歸
誰言寸草心
報得三春輝

39. DU TỬ NGÂM

Từ mẫu thủ trung tuyến
Du tử thân thượng y.
Lâm hành mật mật phùng,
Ý khùng trì trì quy.
Thùy ngôn thốn thảo tâm
Báo đắc tam xuân huy.

Dịch nghĩa:

KHÚC NGÂM ĐƯA CON ĐI XA

Sợi chỉ trong tay người mẹ hiền,
May trên chiếc áo đưa con đi xa.
Sắp ra đi, đường khâu càng dày mũi kim,
Chắc là có ý sợ con chậm trễ ngày về.
Ai dám bảo tác lòng ngọn cỏ,
Báo đáp nổi ánh sáng ba tháng mùa xuân?

Dịch thơ:

KHÚC NGÂM ĐƯA CON ĐI CHƠI XA

Sợi chỉ trong tay mẹ,
May áo con đi xa.
Mũi mũi càng dày dặn
Ý sợ lâu về nhà.
Dám đâu rằng tác cỏ
Đáp ơn xuân sáng loài.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BÀI HÁT NGƯỜI CON ĐI XA

Mẹ từ sợi chỉ trong tay
Trên mình du tử áo may vội vàng

Sắp đi mũi chỉ kỹ càng
Sợ con đi đó, nhớ nhànng trễ lâu.
Chút lòng tác cở dễ dàu
Bóng ba xuân đáp ơn sâu cho vừa.

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 2)

THẤT NGÔN CỔ THI

TRẦN TỬ NGANG (661 - 702)

Trần Tử Ngang, tên chữ là Bá Ngọc, người Xạ Hồng, Tân Châu (nay là Tứ Xuyên), đậu tiến sĩ đời Võ Hậu làm Linh Đài Chính Tự sau thiên giữ chức Hữu Thập Di, thường dâng sớ mong Võ Hậu chấn hưng nhà Minh Đường thái học; khi Võ Hậu đổi nước thành nhà Chu, Tử Ngang dâng sớ can, bị dèm, Võ Hậu sơ dần không tin như trước. Ông bỏ quan về làng. Quan lại địa phương tham bạo, nghe bọn nhà giàu muốn bức hại, bắt giam vào ngục, phần mà chết.

登幽州臺歌

前不見古人
後不見來者
念天地之悠悠
獨愴然而涕下

40. ĐĂNG U CHÂU⁽¹⁾ ĐÀI CA

Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất kiến lai giả.
Niệm thiên địa chi du du
Độc sảng nhiên nhi thê há.

Dịch nghĩa:

BÀI CA LÊN ĐÀI U CHÂU

Trước không thấy người xưa

⁽¹⁾ U Châu: Thuộc đất nhà Yên (thời Chiến quốc) xưa theo *Tấn thư địa lý chí*: Vua Thuấn thầy Ký Châu nam, bắc khá rộng liền lấy phía Tây làm Tinh Châu, phía bắc nước Yên làm U Châu, nhà Chu giữ nguyên như thế.

*Sau không thấy người sắp đến.
Nghĩ trời đất mệnh mông không cùng,
Một mình bùi ngùi sa nước mắt.*

Địch thơ:

BÀI CA LÊN ĐÀI U CHÂU

*Người xưa, nhìn trước thấy đau,
Quay đầu nhìn kẻ phía sau tịt mù.
Mệnh mông trời đất thâm u,
Lòng đau thẳng thốt, lệ sa bùi ngùi.*

Bản dịch của Tương Như:

BÀI CA LÊN ĐÀI U CHÂU⁽¹⁾

*Người trước chẳng thấy ai
Người sau thì chưa thấy.
Gẫm trời đất thật vô cùng,
Riêng lòng đau mà lệ chảy.*

LÝ KỲ (690-751)

Lý Kỳ, người Đông Xuyên (nay thuộc Hà Nam), đỗ tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ 13, làm Tân hương huyện úy, có thơ để lại cho đời sau:

古意

男兒事長征
少小幽燕客
賭勝馬蹄下
由來輕七尺

⁽¹⁾ Bài thơ này không có một câu bảy chữ nào, mà tất cả các tập thơ Đường đều xếp ở loại thất ngôn cổ thi, có lẽ là cho tiện đỡ thành mục khác chăng? (N.D).

殺	人	莫	敢	前		
鬚	如	蝟	毛	礫		
黃	雲	隴	底	白	雪	飛
未	得	報	恩	不	得	歸
遼	東	小	婦	年	十	五
慣	彈	琵	琶	解	歌	舞
今	爲	羌	笛	出	塞	聲
使	我	三	軍	淚	如	雨

41. CỔ Ý

Nam nhi sự trường chinh
 Thiểu tiểu U Yên khách.
 Đồ thắng mã đề hạ
 Do lai khinh thất xích⁽¹⁾.
 Sát nhân mạc cảm tiền
 Tu như vị mao trách⁽²⁾.
 Hoàng vân lũng để bạch vân phi
 Vị đắc báo ân bất đắc quy.
 Liêu Đông⁽³⁾ tiểu phụ niên thập ngũ
 Quán đàn Tỳ Bà giải ca vũ.
 Kim vị Khương địch⁽⁴⁾ xuất tái thanh
 Xử ngã tam quân lệ như vũ.

Dịch nghĩa:

Ý XƯA

Làm trai gánh vác việc ruổi rong

⁽¹⁾ Thất xích: Bảy thước, người đang trai cao bảy thước.

⁽²⁾ Vị mao trách: Truyện Ôn Hoàn trong *Tấn thư*, viết: Họ Ôn có khí phách, người vạm vỡ. Lưu Đạm Trường nói: Họ Ôn, rắn như da tía, râu cứng như lông nhím.

⁽³⁾ Liêu Đông: Theo *Hán thư địa lý chí*, huyện Liêu Dương ở quận Liêu Đông, sông Đại Lương chảy vào đất Liêu qua huyện Liêu Dương.

⁽⁴⁾ Khương địch: Tiếng sáo rợ Khương, một bộ tộc phía Bắc Trung Quốc, nghe buồn, xui nỗi nhớ nhà.

Lúc trẻ đã làm khách đất U đất Yên.
 Đánh cược hơn thua dưới vó ngựa,
 Mà quên tám thân bảy thước.
 Giết người há chẳng dám xông lên trước
 Râu dựng lên như lông nhím.
 Mây vàng đầy lưng, mây trắng bay
 Không báo được ơn vua không trở về.
 Cô gái đất Liêu Đông mười lăm tuổi
 Quen đánh đàn tì bà biết múa hát.
 Nay vì nghe tiếng sáo rợ Khương thối bài ra quân.
 Khiến ba quân của ta nước mắt như mưa.

Dịch thơ:

Ý XƯA

Chí trai ưa ruổi rong
 U, Yên trẻ làm khách.
 Vó ngựa cược thua, hơn!
 Quên tám thân bảy thước.
 Xung sát thề xông lên
 Râu như lông nhím ngược.
 Mây vàng đầy lưng mây trắng bay,
 Chưa báo ơn vua chẳng hẹn ngày!
 Cô gái Liêu Đông mười lăm tuổi.
 Quen gảy Tỳ Bà, ca múa giỏi.
 Sáo Khương xuất tái nghe véo von
 Khiến cả hàng quân tuôn lệ chảy.

送陳章甫

四 月 南 風 大 麥 黃
 棗 花 未 落 桐 葉 長
 青 山 朝 別 暮 還 見
 嘶 馬 出 門 思 故 鄉

陳侯立身何坦蕩
 虬鬚虎眉仍大
 腹中貯書一萬
 不肯低頭草莽
 不東門醕酒我
 心輕萬事皆鴻
 醉臥不空知白
 有時空望孤雲
 有長河浪頭連
 長津吏停舟天
 津鄭國遊人未
 洛陽行子空嘆
 聞道故林相識
 罷官昨日今如
 何

42. TỔNG TRẦN CHƯƠNG PHÚ

Tứ nguyệt nam phong đại mạch hoàng
 Tảo hoa vị lạc đồng điệp tràng.
 Thanh Sơn triều biệt mộ hoàn kiến
 Tê mã xuất môn tư cô hương.
 Trần hầu lập thân hà thảo đẳng⁽¹⁾
 Cầu tu⁽²⁾ hổ mi⁽³⁾ nhưng đại tằng.
 Phúc trung trử thư nhất vạn quyển
 Bất khảng đề đầu tại thảo mãng.
 Đông Môn cô tửu ẩm ngã tào
 Tâm khinh vạn sự như hồng mao⁽⁴⁾.
 Túy ngọc bất tri bạch nhật mộ

⁽¹⁾ Thảo đẳng: Đàng hoàng, giải giang.

⁽²⁾ Cầu tu: Tóc rồng. Cầu là một loại ở dưới nước giống như rồng.

⁽³⁾ Hổ mi: Long mây hổ. Theo *Đế vương thế kỷ*: Văn vương tên là Xương, mặt rồng, mây hổ.

⁽⁴⁾ Hồng mao: Long chim hồng. Theo sách *Tư Mã Thiên*: người ta chỉ một lần chết. Có cái chết nặng như Thái Sơn, có cái chết nhẹ tựa lông hồng.

Hữu thời không vọng cô vân cao.
Trường hà lãng đầu liên thiên hắc
Tân lại⁽¹⁾ đình chu độ bất đắc.
Trịnh quốc⁽²⁾ du nhân vị cấp gia,
Lạc Dương⁽³⁾ hành tử không thần tức.
Văn đạo cố lâm⁽⁴⁾ tương thức đa
Bãi quan tạc nhật kim như hà.

Dịch nghĩa:

TIỀN TRẦN CHƯƠNG PHÚ

*Tháng tư gió nam lúa đại mạch vàng
Hoa táo chưa rụng, lá ngô đồng dài.
Núi xanh sớm chia tay chiều gặp lại
Ngựa hí ra khỏi cửa nhớ làng cũ.
Tước hầu họ Trần lập thân thật đảng hoàng
Tóc rồng mây hổ trán rộng phẳng.
Trong bụng chứa một vạn cuốn sách
Đâu chịu cúi đầu trong đám cỏ hoang.
Cửa Đông cầm bầu rượu uống cùng chúng ta.
Lòng coi muôn việc nhẹ tựa lông hồng.
Say ngủ không biết ngày đã tối
Có lúc ngắm hờ mây trên cao.
Sông lớn đầu sóng trời đen liền một giải
Tân lại dừng thuyền không qua nổi
Người đi chơi nước Trịnh xa chưa kịp về nhà.
Kẻ đi đến Lạc Dương giữa đầu than thở,*

⁽¹⁾ Tân lại: Theo truyện *Liệt nữ*, Triệu Giản Tử sang Sở đến bến sông, người giữ bến say không chở thuyền được. Con gái ông ta lạy mà xin chết thay khi Triệu Tử muốn chém!

⁽²⁾ Trịnh quốc: Nước Trịnh, đất của nhà Chu phong cho Trịnh Vũ Công, nay là Trịnh Châu, phủ Khai Phong, tỉnh Hà Nam.

⁽³⁾ Lạc Dương: Theo *Hán thư địa chí*. Cũng thuộc Hà Nam, kinh đô của nhà Đường.

⁽⁴⁾ Cố lâm: Rừng cũ, ở đây có nghĩa như cố viên (làng cũ, vườn cũ).

Nghe nói vườn cũ có nhiều người quen biết,
Bỏ quan bữa trước, nay ra sao rồi?

Dịch thơ:

TIỀN TRẦN CHƯƠNG PHỦ

Tháng tư gió nam, lúa mạch vàng
Hoa táo chưa rụng, ngô đồng vượn.
Núi xanh sớm biệt chiều lại gặp
Ngựa hí đường trường nhớ cố hương.
Trần hầu lập thân thật thanh sáng
Tóc rồng mây hổ, cao vàng trán.
Trong bụng sách chứa muôn quyển dư,
Há chịu cúi đầu nơi cỏ rậm!
Đồng môn vò rượu cùng uống chung,
Lòng coi muôn việc tựa lông hồng!
Say ngủ biết chi trời đã tối,
Có lúc ngóng hờ mây trên không!
Sông lớn, đầu sóng trời đen kịt,
Tân lại giữ bến, thuyền khôn vượt.
Du nhân nước Trịnh về kịp đâu!
Kẻ đến Lạc Dương than thở suốt.
Nghe tin vườn cũ, nhiều bạn quen
Đã nghỉ quan rồi còn đón tiếp?

琴歌

主	人	有	酒	歡	今	夕
請	奏	鳴	琴	廣	陵	客
月	照	城	頭	烏	半	飛
霜	淒	萬	樹	風	入	衣
銅	鑪	華	燭	燭	增	輝
初	彈	淥	水	後	楚	妃
一	聲	已	動	物	皆	靜

四座無言星欲稀
清淮奉使千餘里
敢告雲山從此始

43. CẦM CA

Chủ nhân hữu tửu hoan kim tịch,
Thỉnh tấu minh cầm Quảng Lăng⁽¹⁾ khách.
Nguyệt chiếu thành đầu ô bán phi⁽²⁾
Sương thê vạn mộc phong nhập y.
Đồng lô hoa chúc, chúc tăng huy,
Sơ đàn Lục thủy⁽³⁾ hậu Sở phi⁽⁴⁾.
Nhất thanh dĩ động vật giai tĩnh,
Tứ tọa vô ngôn tinh dục hy.
Thanh Hoài phụng sứ thiên dư lý,
Cảm cáo Vân Sơn tông thử thủy.

Dịch nghĩa:

BÀI HÁT VỀ ĐÀN CẦM

*Chủ nhân có rượu, đêm nay vui vẻ,
Xin tấu khúc đàn cầm khách Quảng Lăng.*

⁽¹⁾ Quảng Lăng khách: Khách Quảng Lăng. Theo *Hán thư địa lý chí*, Quảng Lăng quốc là đất Giang Đô đời Cảnh Đế thứ 4, Hán Vũ Đế năm đầu, đổi là quận Quảng Lăng. Theo *Tấn thư*, *Kê Khang truyện*: Kê Khang đi chơi ở Lạc Tây, đêm ngủ ở Hoa Dương đình, đem đàn cầm ra đánh, bỗng có người khách lạ vào lấy đàn cầm đánh bài *Ca ngọa Quảng Lăng* để dạy Kê Khang, thanh điệu rất hay. Sau Kê Khang bị Tư Mã Chiêu giết nên khúc Quảng Lăng thất truyền. *Kê Khang này khúc Quảng Lăng* (Kiều).

⁽²⁾ Ô phi: Quạ bay: *Nguy Vũ đế đoản ca hành* có câu: Nguyệt minh tinh hi, Ô thước Nam phi, tức là trăng sáng sao thưa, quạ bay về Nam...

⁽³⁾ Lục thủy: Tên một khúc đàn xưa.

Theo *Nhạc phủ thi tập*, bảy khúc ca thời Tề Minh Vương, do Vương Đãng theo lệnh quan Tư đồ làm ra. Khúc một là Minh Vương khúc, khúc hai là Thanh Xuân khúc, khúc ba: Lục Thủy khúc v.v... Theo *Xuân phú* của Diêu Tín: Dương Xuân, Lục Thủy chi khúc. Đối phượng hồi loan chi vũ, nghĩa là khúc Dương Xuân, Lục Thủy sánh với điệu múa *Phượng hồi loan*.

⁽⁴⁾ Sở phi: Tức khúc *Sở phi thân* (Tiếng than vương phi nước Sở) là khúc Nhạc phủ do Thạch Sùng đời Tấn lấy chuyện vương phi họ Phàn can Sở Trang Vương mà làm ra.

Trăng soi đầu thành quạ bay lượn nhập nhoang
 Sương đậu lên muôn cây gió thấm vào tận áo.
 Lò đồng thấp đuốc, đuốc càng thêm sáng,
 Trước gảy khúc Lục thủy sau gảy khúc Sở phi.
 Một tiếng cất lên, muôn vật đều yên tĩnh,
 Bốn bên ngòi lặng yên, sao thưa dần.
 Thanh Hoài vâng mệnh ra ngoài ngàn dặm đi sứ
 Dám bảo Vân Sơn đâu chỉ nơi bắt đầu lui về.

Dịch thơ:

BÀI HÁT VỀ ĐÀN CẦM

Rượu đêm nay, chủ nhân vui thết,
 Đàn cầm xin làm khách Quảng Lăng.
 Quạ bay, trăng chiếu đầu thành,
 Cây treo sương giá, gió hàn thấu da.
 Đuốc lò đồng, đuốc đèn thêm sáng,
 Lục thủy xong, gảy trón Sở phi.
 Tiếng tơ động, cảnh lặng tờ
 Im ru khách rượu, lụa thưa sao trời!
 Dặm nghìn làm sứ Thanh Hoài
 Vân Sơn dám bảo là nơi khởi đầu.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BÀI HÁT ĐÀN CẦM

Chủ nhân có rượu đêm nay thích,
 Đàn cầm xin gảy Quảng Lăng khách.
 Trăng chiếu đầu thành quạ bay nhao,
 Sương lạnh muôn cây, áo gió vào.
 Lò đồng đốt đuốc, đuốc lên cao,
 Trước khúc Lục thủy, Sở phi sau.
 Một tiếng nổi lên vật đều lặng
 Bốn bề lặng lẽ, trời thưa sao.

Thanh Hoài vâng mệnh ngoài ngàn dặm,
Dám nói Vân Sơn đã thấy thăm.

聽董大彈胡笳聲兼寄語弄房給事

聲拍草客寒白羽
絃八邊歸火雪角
絃明妖應有還且
胡有沾對烽飛後
驚神來皆如散陰
失戀波鳴家哀忽
雨飛走東青名抱
造十淚腸蒼沈絃
葉通聽速旋鳥雲
雁兒其其落塵調
林颯啾連對略君
昔一落斷蒼陰聲
秋子竊更復百浮
雛胡靜罷部沙變
吹颯啾城池脫望
女彈人使戍荒拂
郊夫松遲往山里
酸絕爲亦↓娑音
風泉鹿安鳳才夕
蔡一胡漢古大先
四董深言將空萬
嘶斷川鳥烏邏幽
長迸野長鳳高日

精手情合晴夜聲
遠生灑瓦末下垣門利至
鄉怨飄墮木堂掖瑣與琴

44. THÍNH ĐỒNG ĐẠI ĐÀN HỒ GIÀ THANH KIỂM KÝ NGŨ LÔNG PHÒNG CẤP SỰ⁽¹⁾

Sái nữ tích tạo Hồ già thanh,
Nhất đàn nhất thập hữu bát phách.
Hồ nhân lạc lệ triêm biên thảo,
Hán sứ đoạn trường đối quy khách.
Cổ thú thương thương phong hỏa⁽²⁾ hàn
Đại hoang⁽³⁾ âm trầm⁽⁴⁾ phi tuyết bạch.
Tiên phát thương huyền hậu giốc vũ
Tứ giao thu điệp kinh thích thích.
Đồng Phu tử, thông thần minh
Thâm tùng⁽⁵⁾ thiết thính lai yêu tình.
Ngôn trì cánh tốc, giai ứng thủ
Tương vãng phục tuyền như hữu tình.
Không sơn bách điều tán hoàn hợp
Vạn lý phù vân âm tả tình.
Tê toan xò nhận thất quần dạ
Đoạn tuyết Hồ nhi⁽⁶⁾ luyến mẫu thanh?
Xuyên vị tĩn kỳ ba

⁽¹⁾ Dẫn đề: Theo *Đường sử*, Đồng Đình Lan giới đánh đàn cầm làm môn khách của Phòng Quán, năm Thiên Bảo thứ năm, Quán làm Cấp sự trung được thăng chức, tác giả làm đùa chơi.

⁽²⁾ Phong hỏa: Đai phong hoá, khi các chư hầu có biến, có giặc, đốt lửa lên để quân thiên tử (nhà Chu) đến cứu.

⁽³⁾ Đại hoang: Vùng hoang mạc lớn. Theo *Sơn Hải kinh*, trong vùng đại hoang cũng có núi, gọi là hoang mạc, ngày đêm nhập nhoà, do đó gọi là đại hoang.

⁽⁴⁾ Âm trầm: Theo *Văn tâm điêu long*, Trời cao khí trong, khí lạnh lẽ thâm trầm, cao xa. Tuyết bay bởi bởi, sự lo toan cũng trĩu nặng.

⁽⁵⁾ Thâm tùng: Thơ Tống Vũ Đế: "Thâm tùng triều dĩ vụ", nghĩa là: Cây tùng xanh ngắt buổi sớm đã đầy sương...

⁽⁶⁾ Hồ nhi: Đứa con đất Hồ. Thơ cổ: "Hồ già thập bát phách, bắt vị tàn sinh hề khước đắc như quy, phủ bảo Hồ nhi hề, khắp hạ chiêm y, yên đắc vũ dục hề tương như quy, nhất bộ nhất bộ hề túc nan di", nghĩa là: Đàn hồ già mười tám ngón, chưa chắc đã sống sót để về bên mẹ, ôm lấy đứa con đất Hồ hề, nước mắt đầm áo, ước chi có cánh hề, để bay về cùng mẹ, một bước một bước hề chẳng dời.

Điều diệc bãi kỳ minh.
Ô Châu bộ lạc gia hương viễn
La Sa sa trần ai oán sinh.
U âm biến điệu hốt phiêu sái
Trường phong lâm vũ đọa ngổa.
Bính tuyền tấp tấp phi mộc mật
Dã lộc u u tẩu đường hạ.
Trường An⁽¹⁾ thành liên đông dịch vôn
Thượng hoàng trì đối Thanh Tỏa môn.
Cao tài thoát lược⁽²⁾ danh dữ lợi
Nhật tịch vọng quân bảo cầm chí!

Dịch nghĩa:

NGHE ĐỔNG ĐẠI ĐÀN HỒ GIÀ, CÙNG ĐUA GỬI PHÒNG CẤP SỰ

*Con gái nước Sái làm ra khúc Hồ già,
Một lần đàn có tới mười tám khúc.
Người rợ Hồ rơi lệ ướt cả cỏ biên thủy
Sứ nhà Hán đứt ruột trước khách trở về.
Đàn cũ xanh xanh, đài lửa lạnh
Hoang mạc âm u, tuyết trắng bay.
Trước nhấn dây Thương, sau dây Vũ
Bốn góc trời lá thu rụng lá tả.
Ông Đồng Đại, biết cả việc thần minh,
Yêu tình trong rừng thông rậm cũng lên nghe.
Nhạc chậm bỗng nhanh đều do tay mà ra cả,
Gọi về chuyện xưa như có tình.
Trăm loài chim trên trời vắng, tan lại hợp,
Mây nổi trăm dặm rợp bóng và trời tạnh.*

⁽¹⁾ Tràng An: Theo *Hán thư địa lý chí* đó là kinh đô tức huyện Tràng An xưa do Hán Cao Đế năm thứ năm lập nên, đến năm thứ năm đời Huệ Đế xây xong, sau là kinh đô nhà Đường.

⁽²⁾ Thoát lược: Người có tài thao lược, từng trải.

*Đám nhạc kêu thốt lên lạc đàn trong đêm
Như đứa con rợ Hồ xa xót quỳn luyến mẹ.
Sông chợt im sóng,
Chim cũng thôi hót!
Bộ lạc đất Ô Châu xa nhà hoài!
Bụi cát đất La Sa sinh ra nỗi ai oán.
Điều u buồn chợt đổi, nét tươi tắn bay ra,
Gió lộng thổi qua rừng mưa rơi trên mái ngói.
Suối nước vọt lên hắt bay lên tận ngọn cây
Nai hoang kêu thảng thốt chạy đến trước thềm.
Thành Trường An liền bức tường bên đông
Ao Phụng Hoàng ở trước cửa điện Thanh Toả.
Tài cao vượt lên danh và lợi
Sớm tối trông anh ôm cầm đến.*

Địch thơ:

NGHE ĐỒNG ĐẠI ĐÀN HỒ GIÀ CÙNG ĐUA GỬI PHÒNG CẤP SỰ

*Gái họ Sái tạo ra đàn Hồ,
Một lần đàn có mười tám khúc.
Người Hồ rơi lệ cỏ biên ướn,
Sứ Hán trước người về, đứt ruột.
Đồn cũ xanh xanh, dài lửa lạnh,
Hoang mạc vắng im, trắng tuyết phơi.
Cung Thương, cung Vũ, điệu chơi vui,
Bốn phía lá thu rơi lả tả.
Thông thần minh, chàng Đồng nọ,
Yêu tình nghe lỏm, dưới thông xanh.
Tiếng chậm bỗng nhanh một tay gảy,
Lúc qua lúc tới như có tình,
Trăm chim, núi vắng, tan rồi hợp.
Muôn dặm mây trôi, trời quang dần*

Chim nhạn lạc bầu đêm thẳng thốt.
 Trẻ Hồ luyện mẹ, tiếng bi thương,
 Sóng sông chợt lặng im.
 Tiếng chim hót ngừng hẳn,
 Bộ lạc Ô Châu, nhà xa lắm,
 Cát bụi La Sa, ai oán sinh.
 U buồn biển điệu chợt tươi rói,
 Gió ruổi rừng cây, mưa mái ngói.
 Nước tuôn lên tít đỉnh ngọn cây
 Nai rừng kêu thốt, vang ngoài nội.
 Thành Trường An liền tường bên đông,
 Ao Phượng Trì trước Thanh Toả môn.
 Tài cao vượt khỏi danh và lợi
 Sớm tôi trông anh tới ôm đàn.

聽安萬善吹簫歌

南	山	截	竹	爲	簫	策
此	樂	本	自	龜	茲	出
流	傳	漢	地	曲	轉	奇
涼	州	胡	人	爲	我	吹
傍	鄰	聞	者	多	歎	息
遠	客	思	鄉	皆	淚	垂
世	人	解	聽	不	解	賞
長	飄	風	中	自	來	往
枯	桑	老	柏	寒	颼	颼
九	離	鳴	鳳	亂	啾	啾
龍	吟	虎	嘯	一	時	發
萬	籟	百	泉	相	與	秋
忽	然	更	作	漁	陽	摻
黃	雲	蕭	條	白	日	暗
變	調	如	聞	楊	柳	春
上	林	繁	花	照	眼	新

歲夜高堂列明燭
美酒一杯聲一曲

45. THÍNH AN VẠN THIÊN XUY TẮT LẬT CA

Nam sơn tài trúc vi tắt lật⁽¹⁾
Thử nhạc bản địa Quy Tư xuất⁽²⁾.
Lưu truyền Hán địa khúc chuyển kỳ,
Lương Châu⁽³⁾ Hồ nhân vị ngã xuy.
Bàng lân văn giả đa thán tức,
Viễn khách tư hương giai lệ thủy.
Thế nhân giải thính bất giải thưởng
Trường viêm phong trung tự lai vãng.
Khô tang lão bách hàn xuy lưu
Cửu sồ⁽⁴⁾ minh phượng loạn thu thu.
Long ngâm hổ khiếu nhất thời phát
Vạn lãi bách tuyên tương dữ thu.
Hốt nhiên cánh tác Ngư Dương thăm⁽⁵⁾
Hoàng vân tiêu điều, bạch nhật ám.
Biến điệu như văn dương liễu⁽⁶⁾ xuân
Thượng lâm phồn hoa chiếu nhõn tân.
Tuế dạ cao đường liệt minh chúc,
Mỹ tửu nhất bôi thanh nhất khúc.

⁽¹⁾ Tắt lật (khèn): *Sử ký nhạc thư* chép: Tắt lật, lấy trúc làm ống, lấy lau đặt ở đầu, là một thứ nhạc cụ của người Hồ.

⁽²⁾ Quy Tư: Rùa thiêng, một điệu nhạc của người Di, véo von, thường cho là ở xứ rùa thiêng xuất hiện, gọi là khúc Quy Tư.

⁽³⁾ Lương Châu: Theo *Tấn thư địa lý chí*: nhà Hán đổi Ung Châu đời Chu làm Lương Châu, cho rằng phía tây giá lạnh. Theo *Đường thư lễ nhạc chí*: các khúc nhạc năm Thiên Bảo đều lấy tên đất mà đặt như: Lương Châu tử, Cam Châu khúc...

⁽⁴⁾ Cửu sồ: Chín chim phượng non...

⁽⁵⁾ Ngư Dương thăm: Khúc ca nào nề do Hành Thiện, một nhạc quan thời Hậu Hán, được Tào Tháo tuyển dụng, làm ra. Người hát vừa múa vừa hát rất bí tráng.

⁽⁶⁾ Dương Liễu: Một khúc hát nổi tiếng từ xưa. Còn gọi là khúc Chiết Liễu.

Dịch nghĩa:

NGHE AN VẠN THIỆN THỐI KHÚC CA TẮT LẬT

*Đất Nam Sơn chặt trúc để làm khèn
Khúc nhạc ấy thổi lên vốn từ xứ Quy Tư mà ra.
Lưu truyền vào đất Hán thành điệu nhạc lạ
Người Hồ đất Lương Châu vì ta mà thổi
Người đứng quanh nghe than thở hoài,
Kẻ đi xa nghe, nhớ nhà đều rơi nước mắt.
Người đời ưa nghe mà không biết thưởng thức
Gió nóng thường vẫn thổi qua thổi lại,
Cây dâu khô, cây bách già, lạnh và khô
Chín con phượng non kêu non nớt,
Rồng rồng hổ gầm cùng phát ra một lúc,
Trăm ngọn suối chảy muôn tiếng sáo, đều vào thu
Chợt nảy ra điệu Ngư Dương buồn thảm,
Mây vàng âm đạm, mây trắng mờ tối,
Điệu chuyển nay nghe như
khúc Dương Liễu mùa xuân
Vườn Thượng Lâm hoa rộn chiều vào mắt vẻ mới.
Đêm cuối năm thêm cao đầy đuốc sáng
Rượu ngon một chén, nghe một khúc khèn.*

Dịch thơ:

NGHE AN VẠN THIỆN THỐI KHÈN

*Nam Sơn chặt trúc làm khèn,
Nhạc riêng thổi gọi rùa thiêng hiện hoài.
Nhạc về đất Hán, lạ tai
Người Hồ thân đến lựa bài thổi chơi.
Xung quanh nghe chợt thở dài
Gan lì viễn khách, lệ rơi nhớ nhà.
Người đời chẳng hiểu, ưa nghe*

Những cơn gió dữ, ù oà thổi qua.
 Gió cửa dâu héo, phách già,
 Chim công gọi bạn nhẩn nha góc rừng.
 Bỗng như rồng thét, hổ gầm,
 Lại như trăm ngọn suối băng, lấy đàn.
 Chợt đâu khúc thảm Ngư Dương,
 Mờ mờ mây trắng, mây vàng ử ê...
 Dương Liễu xuân, khúc chuyển về.
 Mắt no hoa cỏ, vườn kè Thượng Lâm.
 Đuốc đâu thấp sáng mặt thềm
 Nhạc nghe một khúc, chén mừng một ly!

MANH HẠO NHIÊN

夜歸鹿門歌

山寺鐘鳴晝已昏
 漁梁渡頭爭渡喧
 人隨沙岸向江村
 余亦乘舟歸鹿門
 鹿門月照開煙樹
 忽到龐公棲隱處
 巖扉松徑長寂寥
 惟有幽人自來去

46. DẠ QUY LỘC MÔN⁽¹⁾ CA

Sơn tự chung minh trú dĩ hôn,
 Ngư Lương⁽²⁾ độ đầu tranh độ huyền.
 Nhân tùy sa ngạn hưởng giang thôn,

⁽¹⁾ Lộc Môn: Cách Tương Dương 20 dặm.

⁽²⁾ Ngư Lương: Tên bến dò cũng trên đất Lộc Môn.

Địch nghĩa:

Chùa núi thỉnh chuông ngày đã tối,
Bến dò Ngư Lương, người ồn ào
tranh nhau xuống đò.
Người đi theo bờ cát về thôn bên sông,
Ta cũng cười thuyền về Lộc Môn.
Trăng soi ở Lộc Môn, mờ mờ như khói cây,
Chợt đến chỗ khe ngồi ở ẩn của Bàn Công.
Cửa đá, đường thông đầy vẻ hiu quạnh,
Chỉ có mấy người ở núi lui tới.

Dich thơ:

Chùa núi, chiều hôm dội tiếng chuông,
Ngư Lương dò bến, tiếng om sòm.
Người theo bờ cát về giang thôn
Ta cũng xuôi thuyền tới Lộc Môn.
Trăng đôi Lộc Môn, cây toả khói
Bờ khe ở ẩn đất ông Bàng.
Rừng thông cửa đá chùng thanh vắng
Lui tới dăm người ở núi, hang...

⁽¹⁾ Bàng Công: Tức Bàng Đức Công, bạn của Gia Cát Lượng và Tư Mã Đức Tháo đời Tam Quốc. Ông trước cây ruộng ở Hiên Sơn. Lưu Biểu mời ra làm quan, không nhận, lại về Lộc Môn ở ẩn.

盧山謠寄盧侍御虛舟

遠遊傍張光長梁望蒼日長間還色山
 辭山斗錦黛峰石相蒼朝天地不風雪
 心沒情成裡京上清
 人丘杖樓不名南雲青二三遙凌映吳天去動流謠發清蒼無道彩朝九遊
 狂孔玉鶴仙入出疊湖開挂布障霞到觀茫里道山山鏡處丹疊人蓉漫敖
 楚笑綠黃尋好秀九明前倒瀑沓紅不壯茫萬九廬廬石行還三仙芙汗廬
 本歌持別嶽生山風落闕河爐崖影飛高江雲波爲因窺公服心見把期接
 我鳳手朝五一廬屏影金銀香迴翠鳥登大黃白好興閑謝早琴遙手先願

47. LƯU SƠN⁽¹⁾ DAO KÝ LƯU THỊ NGỰ HƯ CHU⁽²⁾

Ngã bản Sở cuồng⁽³⁾ nhân,
Cuồng ca tiểu Khổng Khâu.
Thủ trì lục ngọc trượng⁽⁴⁾,
Triều biệt Hoàng Hạc lâu⁽⁵⁾
Ngũ Nhạc tầm tiên bắt từ viễn.
Nhất sinh hảo nhập danh sơn du.
Lư Sơn tú xuất Nam Đẩu bàng,
Bình phong cửu điệp vân cẩm trương.
Ảnh lạc minh hồ thanh đại quang,
Kim khuyết tiền khai nhị phong⁽⁶⁾ trường,
Ngân hà đảo quả tam thạch lương.
Hương Lư Bộc Bố⁽⁷⁾ dao tương vọng,
Hồi nhai đập chướng lãng thương thương.
Thúy ảnh hồng hà ánh triều nhật,
Điều phi bắt đảo Ngô thiên trường.
Đăng cao tráng quan thiên địa gian,
Đại giang mang mang khứ bất hoàn;

⁽¹⁾ Lưu Sơn: Theo *Thái Bình hoàn vũ ký*, Lưu Sơn, ở phía nam Giang Châu, cao ba ngàn sáu trăm sáu mươi trượng, chu vi tới hai trăm năm mươi dặm, cao vút tận trời, lau vẫn còn mọc, do đó gọi là Lưu Sơn.

⁽²⁾ Lưu Hư Chu: Xét sách *Lý Hoa tam hiền luận* thì Lưu Hư Chu, Phạm Dương, Giả Chí là ba người hiền. Lưu Hư Chu làm tới Điện trung thị ngự sử.

⁽³⁾ Sở cuồng: Sở cuồng là hiệu của bậc trí giả tên là Tiếp Dư, người nước Sở. Theo *Cao sĩ truyện* thì Lục Thông tên chữ là Tiếp Dư. Sở Vương sai sứ đến đất Sinh, Thông liền cải tên họ đi chơi các danh sơn, đồn rằng sau hoá thành tiên. Ông thường hát bài *Phụng hê*, chế điệu Khổng Tử ham hồ chuyện đời.

⁽⁴⁾ Ngọc trượng: Theo *Hậu Hán thư lễ nghi chí*, người dân nào sống lâu 70 tuổi thì được trao ngọc trượng, gậy dài để chống, đầu có hình chim cưu.

⁽⁵⁾ Hoàng Hạc lâu: Theo *Thái Bình hoàn vũ ký*: Phí Văn Vĩ lên tiên cưỡi hạc đến đây rồi đi, dời sau dựng lầu gọi là lầu Hoàng Hạc.

⁽⁶⁾ Kim khuyết nhị phong: Hai ngọn núi của Kim khuyết, theo *Thái bình quyết nghĩ kinh* thì Cung bạc cửa vàng (Ngân cung kim khuyết) là nơi tiên ở.

⁽⁷⁾ Hương Lư Bộc Bố: Lò thơm, thác xôi. Theo *Lưu sơn ký* thì phía đông nam có ngọn Hương Lư (lò thơm, nước bốc hơi có mùi thơm bay ra. Thác nước chảy ở bên cạnh, nguồn nước ở trên đỉnh núi).

Hoàng vân vạn lý động phong sắc,
 Bạch ba cửu đạo⁽¹⁾ lưu tuyết sơn.
 Hảo vi Lư sơn dao
 Hứng nhân Lư sơn phát
 Nhân khuy Thạch Kính⁽²⁾ thanh ngã tâm,
 Tạ Công hành xứ thương đài một.
 Tảo phục hoàn đan⁽³⁾ vô thể tình,
 Cầm tâm tam điệp đạo sơ thành.
 Dao kiến tiên nhân thái vân lý,
 Thủ bả phù dung triều Ngọc Kinh
 Tiên kỳ hãn mạn cửu cai thượng,
 Nguyên tiếp Lư Ngao⁽⁴⁾ du Thái Thanh⁽⁵⁾.

Dịch nghĩa:

GHI CHÉP BÀI HÁT VỀ LƯ SƠN GỬI THỊ NGỰ HƯ CHU

*Ta vốn là người cuồng nước Sở
 Hát khúc Cuồng ca chế giễu ông Khổng Khâu.
 Tay cầm gậy ngọc xanh
 Sớm rời lầu Hoàng Hạc.
 Tìm Ngũ Nhạc chẳng quản xa xôi
 Một đời những thích tìm chơi nơi núi non nổi tiếng
 Lư Sơn hiện ra vẻ đẹp bên chòm Nam Đẩu
 Chín tầng vách gió mây gấm giăng.
 Bóng rơi xuống hồ trong, còn xanh ngắt,*

⁽¹⁾ Cửu đạo: Chín lối, ở đây chỉ suối chảy chín dòng.

⁽²⁾ Thạch Kính: Theo *Nhất thống chí*: ngọn Thạch Kính (gương đá) ở phía tây phủ Nam Khang khoảng 26 dặm. Trên đỉnh có đá tròn như gương.

⁽³⁾ Hoàn đan: Thường khi sắc chuyển sang màu tía, đỏ rực lên gọi là hoàn đan, ở đây chỉ luyện thuốc tiên.

⁽⁴⁾ Lư Ngao: Theo *Cao Dụ chú*: Lư Ngao người nước Yên, Tản Thủy Hoàng mời ra làm bác sĩ, sai cầu thần tiên, đi mắt không thấy quay lại.

⁽⁵⁾ Thái Thanh: Theo *Hoài Nam tử*, Thái Thanh là đất thịnh trị, hoà thuận và yên ổn. Ở đây chỉ cõi tiên cũng như chữ cửu cai (cõi ở ngoài chín trời).

Cửa khuyết vàng phía trước, mở hai ngọn dài.
 Sông Ngân hà như treo ngược, ba chiếc cầu đá,
 Ngọn Hương Lư, Bộc Bô đón nhau phía xa.
 Sườn quanh co, vách dựng in hình lên trời xanh
 Bóng thắm ráng hồng ánh dưới mặt trời sớm.
 Chim bay không đến nổi trời nước Ngõ dài
 Lên cao tha hồ ngắm cỏi trời đất.
 Sông lớn cuộn cuộn chảy không quay về.
 Mây vàng muôn dặm làm động sắc gió.
 Sóng trắng chín lối chảy qua núi tuyết
 Bài ca Lư Sơn thật là hay.
 Cảm hứng nảy ra từ Lư Sơn,
 Thanh thoi ngắm gương đá lòng ta trong sáng.
 Lối đi của ông Tạ rêu xanh đã lấp,
 Sớm uống rượu tiên mà quên tình đời.
 Ngực dồn hơi ba lớp, đạo lớn sớm học được,
 Nhìn xa thấy người tiên trong đám mây màu.
 Tay hái hoa phù dung về châu Ngọc Kinh.
 Hẹn trước sẽ vui chân đến chín tầng trời,
 Nguyện cùng Lư Ngao chơi cung Thái Thanh.

Dịch thơ:

GHI CHÉP BÀI HÁT VỀ LƯ SƠN GỬI THỊ NGỰ HƯ CHU

Sở Cuồng chính cũng là ta,
 Nhạo Khổng Khâu, hát Cuồng ca đầy mà!
 Gậy ngọc xanh tay ta vững chống
 Hoàng Hạc lâu một sớm già từ.
 Lòng ham núi đẹp ngao du,
 Tìm vào Ngũ Nhạc đường xa quản gì.
 Lư Sơn, Nam Đẩu xé kìa
 Chín tầng mây gắm gió lửa giăng giăng.
 Bóng đội xuồng hò trong, xanh ngắt,

Hai ngọn vươn, kim khuyết rõ ràng.
 Treo ba cầu đá sông Ngân,
 Hương Lư, Bộc Bô chấp chồng xanh xanh.
 Ráng hồng rực, long lanh bóng thắm
 Trời Ngô dài, mỗi cánh đàn chim.
 Lên cao phóng mắt ta nhìn
 Sông buông nước lớn mênh mông chẳng về.
 Mây vàng nhuộm gió khe xao xác,
 Núi tuyết tung sóng bạc chín tầng.
 Viết ngay, khúc hát Lư Sơn
 Từ đây cao hứng tứ tràn cung mây.
 Ngắm gương đá lòng này trong sáng,
 Lối Tạ Công hần ngán rêu xanh.
 Rượu tiên quên chuyện dưới trần,
 Bồi lòng trong sáng, đạo thành sớm nay.
 Tiên bỗng hiện trong mây thấp thoáng
 Châu Ngọc Kinh, tay vịn phù dung.
 Hẹn rồi, tít chín tầng không,
 Lư Ngao tiếp bước đến cùng Thái Thanh.

夢遊天姥吟留別

海	客	談	瀛	洲			
煙	濤	微	茫	信	難	求	
越	人	語	天	姥			
雲	霓	明	滅	或	可	睹	
天	姥	連	天	向	天	橫	
勢	拔	五	嶽	掩	赤	城	
天	台	四	萬	八	千	丈	
對	此	欲	倒	東	南	傾	
我	欲	因	之	夢	吳	越	
一	夜	飛	渡	鏡	湖	月	
湖	月	照	我	影			

在啼

定暝泉巔

底臺馬而車麻

此水還間山

尚猿

不已巖層雨煙

見銀爲紛回如動嗟席霞如流時崖名

溪今清屐梯日雞路忽殷驚欲生

不金風紛鸞列魄長枕煙亦東何青訪

剡處漾公雲海天壑石吟吟吟吟靈摧扇開蕩耀吟吟吟以而之樂事吟鹿騎

至宿蕩謝青見聞萬倚龍林青澹霹崩石中浩照衣君瑟人悸起時來行萬去白即

我公水著登壁中巖花咆深青澹缺巒天然冥月爲之鼓之魂驚覺向間來君放行

送謝淥腳身半空千迷熊慄雲水列邱洞訇青日霓雲虎仙忽恍惟失世古別且須

下來

安能摧眉折腰事權貴
使我不得開心顏

48. MỘNG DU THIÊN MỤ⁽¹⁾ NGÂM LƯU BIỆT

Hải khách đàm Doanh Châu⁽²⁾
Yên đào vi mạng tín nan cầu.
Việt nhân ngữ Thiên Mụ
Vân nghề minh diệt hoặc khả đồ.
Thiên Mụ liên thiên hướng thiên hoành
Thế bạt Ngũ Nhạc, yểm Xích Thành⁽³⁾.
Thiên Thai tứ vạn bát thiên tượng,
Đôi thử dục đảo đông nam khuynh.
Ngã dục nhân chi mộng Ngô, Việt⁽⁴⁾
Nhất dạ phi độ Kính hồ⁽⁵⁾ nguyệt.
Hồ nguyệt chiếu ngã ảnh,
Tông ngã chí Diễm Khê⁽⁵⁾.
Tạ Công⁽⁶⁾ túc xứ kim thượng tại
Lục thủy đăng dạng thanh viên đề.
Cước trước Tạ công kỹ⁽⁷⁾
Thân đăng thanh vân thê.
Bán bích kiến hải nhật
Không trung văn Thiên kê⁽⁸⁾.

⁽¹⁾ Núi Thiên Mụ: Nay ở huyện Thiên Thai tỉnh Chiết Giang, vốn xưa là địa phận nước Việt thời Xuân Thu.

⁽²⁾ Doanh Châu: Là một trong năm ngọn núi truyền thuyết ngoài biển có tiên ở.

⁽³⁾ Ngũ Nhạc, Xích Thành, Thiên Thai: những ngọn núi cạnh núi Thiên Mụ.

⁽⁴⁾ Đất Ngô, đất Việt đều có địa phận ở Thiên Mụ.

⁽⁵⁾ Kính Hồ: Hồ Gương, nay ở phủ Thiệu Hưng, Chiết Giang.

⁽⁵⁾ Diễm Khê: Theo *Nguyên Hoà chí*, khe Diễm phát nguyên từ huyện Diễm phía tây nam Việt Châu chảy lên bắc vào huyện Thượng Ngu thành sông Thượng Ngu.

⁽⁶⁾ Tạ Công, ông Tạ, tức Tạ Linh Vận, danh sĩ thời Nam Bắc triều (420 - 589) thường du ngoạn núi sông miền Chiết Giang và Cối Kê.

⁽⁷⁾ Kỹ: Guốc, thứ guốc riêng, Tạ Linh Vận tự đeo để leo núi.

⁽⁸⁾ Thiên Kê: Gà trời, theo truyền thuyết địa phương gà trời Thiên Mụ gáy thì gà dưới trần mới gáy theo.

Thiên nham vạn hác lộ bất định
 Mê hoa ý thạch hốt dĩ minh.
 Hùng bào long ngâm ân nham tuyền,
 Lật thâm lâm hề kinh tầng điên.
 Vân thanh thanh hề dục vũ
 Thủy đạm đạm hề sinh yên.
 Liệt khuyết tích lịch
 Khâu loan băng tời.
 Động thiên thạch phi
 Hoằng nhiên trung khai.
 Thanh minh hạo đăng bất kiến để
 Nhật nguyệt chiếu diệu kim ngân đài.
 Nghê vi y hề, phong vi mã
 Vân chi quân hề phân phân nhi lai ha.
 Hồ cổ sắt hề, loan hồi xa,
 Tiên chi nhân hề liệt như ma.
 Hốt hồn quý dĩ phách động
 Hoảng kinh khởi như trường ta.
 Duy giác thời chi chấm tịch
 Thất hướng lai chi yên hà.
 Thế gian hành lạc diệc như thử
 Cổ lai vạn sự, đông lưu thủy.
 Biệt quân khứ hề hà thời hoàn,
 Thả phóng bạch lộc thanh nhai gian.
 Tu hành tức ky phông danh san
 An năng tời mi chiết yêu sự quyền quý.
 Sử ngã bất đắc khai tâm nhan.

Dịch nghĩa

MƠ CHƠI NÚI THIÊN MỤ, NGÂM NGA KHÚC CHIA TAY

*Khách biển bàn về Doanh Châu,
 Cõi tiên sóng khói mơ hồ, tin khó mà đến được.*

Người Việt nói về núi Thiên Mục,
Sáng, mờ, mây và ráng, may có thể nhìn.
Thiên Mục liền trời chấn vào cao xanh
Hình thể hơn hẳn Ngũ Nhạc,
che lấp cả núi Xích Thành.

Núi Thiên Thai bốn vạn tám nghìn trượng
Trước núi, người như nghiêng về phía đông nam.
Nhân lúc này ta mơ về đất Ngô, đất Việt,
Một đêm bay qua vàng trắng Hồ Gương.
Trăng Hồ soi bóng ta
Đưa đến miền Diêm Khê.
Chỗ ông Tạ ở nay vẫn nguyên
Nước trong chập chồng, vượn kêu lạnh lốt.
Chân đi guốc ông Tạ,
Thân thể như lên thang mây xanh.
Từ lưng vách núi thấy mặt trời trên biển
Giữa trời nghe tiếng gà trời.
Muôn nghìn vòng ngon núi, đường như không định,
Mê đắm vào hoa, tựa vào đá thì chợt trời tối.
Gấu thét, rồng kêu rung động cả núi, suối,
Rừng sâu run rẩy, đỉnh non kinh hoàng.
Mây xanh xanh (chừ) muốn mưa
Nước mờ mờ (chừ) toả khói.
Sét vang chớp giật,
Núi lở, gò sụt.
Động trời, cửa đá
Chính giữa mở toang.
Thăm thẳm vòm xanh không thấy đáy,
Mặt trời mặt trăng chiếu sáng lâu bạc gác vàng.
Cầu vòng làm áo (chừ) gió làm ngựa
Thần Mây (chừ) bay xuống rộn ràng.
Hổ gầy đàn sắt (chừ) chim loan kéo xe
Người tiên (chừ) đông như kiến, như cỏ.

Chợt hồn thẳng thốt, vĩa kinh hoàng,
 Hoảng vực dậy mà dài than.
 Chỉ thấy gối chần trơ lại đó,
 Mất rồi còn đâu ráng và mây.
 Đời người vui vẻ là như thế đấy,
 Muôn chuyện từ xưa nước chảy về đông.
 Từ biệt anh mà đi biết lúc nào về,
 Tam thả hươu trắng về ghềnh đá xanh.
 Lúc cần thì rong chơi vùng núi non nổi tiếng
 Há chịu khom lưng, chau mày thờ kẻ quyền quý.
 Khiến ta không mở mắt mở lòng nổi.

Dịch thơ:

MƠ CHƠI NÚI THIÊN MỤ, NGÂM NGA LÚC CHIA TAY

Chuyện Doanh Châu cao đàm khách biển
 Sóng khói duênh, tìm đến khó khăn.
 Núi Thiên Mụ, người Việt bàn,
 Ráng mây mờ tỏ trong tâm mắt ai.
 Núi Thiên Mụ chắn trời, cao ngất
 Ngũ Nhạc vươn, toả lấp Xích Thành.
 Thiên Thai muôn trượng ngút ngàn,
 Người chênh vênh hướng đông nam ngã về.
 Lòng ta những đam mê Ngô, Việt
 Một đêm trăng bay tốt Hồ Gương.
 Bóng ta trăng hồ đôi,
 Diễm Khê trăng dẫn miền.
 Nhà ông Tạ còn nguyên nơi đó,
 Vượn kêu vang nước cỏ dập dềnh.
 Guốc ông Tạ vùi nông chân
 Trèo lên tít đỉnh thang xanh mây trời.
 Lưng vách núi, mặt trời đội biển
 Giữa tầng không vang tiếng gà tiên.
 Ngọn này, ngọn nọ triền miền,

Mê hoa tựa vách, chợt đêm đã gần.
 Động suối nước rờn rờn, gấu hú,
 Non kinh hoàng, run sợ rừng sâu.
 Mây xanh xanh hè mưa dưng
 Nước mờ mờ hè khói trào.
 Sấm vang chớp giắt
 Gò lở, núi xiên.
 Động trời, cửa đá
 Mở ra ào ào.
 Vòm xanh mênh mang nào thấy đáy
 Trời, trăng soi gác bạc lâu vàng.
 Gió làm ngựa hè, móng làm áo,
 Mây hoá thần hè kỳ ảo bay ngang.
 Đàn, hổ gầy hè, xe, loan kéo,
 Người đông đúc hè, như kiến đại, cỏ hoang...
 Hồn thác loạn, kinh hoàng bấy vía,
 Tĩnh hoảng run, than thở không nguôi.
 Gối chần trơ khắc lại đây
 Còn đâu ráng hiện, mây bay lộng trời!
 Đời vui vẻ thanh thoi là vậy
 Chuyện muôn xưa nước chảy về đông.
 Chia tay anh, lòng không hẹn trước
 Ghềnh đá xanh, hươu trắng thả rông.
 Cần thì núi đẹp, tìm đến ruổi rong
 Há chịu khom lưng cúi đầu trước quyền quý.
 Khiến ta không mở mặt, mở lòng...

Bản dịch của Khương Hữu Dụng

MƠ CHƠI NÚI THIÊN MỤ NGÂM NGA ĐỀ LẠI LÚC CHIA TAY

Khách biển đồn Doanh Châu
 Khói sóng mịt mù tìm được đâu.
 Người Việt nói Thiên Mụ
 Mây ráng tỏ mờ may thấy đó.

Thiên Mục liền trời chân trời xanh
Thê lay Ngũ Nhạc, đổ Xích Thành.
Thiên Thai bốn vạn tám ngàn trượng
Đứng trước Thiên Mục cũng nghiêng mình.
Ta muốn nhân đây mộng Hồ Việt
Một đêm nương trăng Kính Hồ vượt.
Trăng hồ rơi bóng ta
Đưa ta đến Diêm Khê.
Tạ công chôn cũ nay còn đó,
Trong veo tiếng vượn, nước xanh lè.
Xỏ chân dép họ Tạ
Cát mình thang mây đi.
Vùng đông, nửa vách thấy
Gà trời, giữa chừng nghe.
Núi ngàn ngoắt ngoéo đường lăm hướng
Mê hoa tựa đá bỗng tối om.
Beo gầm rống kêu núi khe dồn,
Run rừng sâu hê rợn từng non.
Mây xanh xanh hê mưa chớm,
Nước mờ mờ hê khói um.
Sét đánh chớp nhoà
Gò nhào, còn tom.
Động trời cửa đá
Rầm rầm mở toang.
Xanh mờ thăm thẳm chẳng thấy đáy
Ánh trời, ánh trắng ngân bạc, vàng.
Mặc áo ráng hê, cười gió,
Thần trong mây hê bời bời bay xuống đó,
Hổ đánh đàn hê, loan đẩy xe
Người tiên đông hê, đông góm ghê,
Bồng hồn kinh làm phách động
Hoảng vùng dậy mà than dài,
Tan khói mây lúc nãy
Trơ chần gối mình đây,

Cuộc vui trên đời nào khác vậy,
 Xưa nay muôn việc xuôi nước chảy,
 Già người đi hề bao giờ lui?
 Toan thả hươu trắng núi xanh khơi
 Cần đi hẳn cưới đạo non chơi,
 Dễ đâu cúi đầu gầy lưng phụng quyền quý
 Khiến ta chẳng được mặt mày tươi.

金陵酒肆留別

風吹柳花滿店香
 吳姬壓酒喚客嘗
 金陵子弟來相送
 欲行不行各盡觴
 請君試問東流水
 別意與之誰短長

49. KIM LĂNG TỬ TỬ LƯU BIỆT

Phong xuy liễu hoa mãn điểm hương,
 Ngô cơ áp tửu khuyển khách thường.
 Kim Lăng tử đệ lai tương tống,
 Dục hành bất hành, các tận trường⁽¹⁾.
 Thỉnh quân thí vấn đông lưu thủy⁽²⁾.
 Biệt ý dư chi thủy đoản trường?

Dịch nghĩa:

THƠ CHIA TAY Ở QUÁN RƯỢU KIM LĂNG

Gió thổi cây liễu hoa thơm phức cửa hàng,
 Người đẹp nước Ngô chuốc rượu mời khách.

⁽¹⁾ Trường (tràng): loại đồ gốm để uống rượu. Thơ Tào Thực: "Biệt di, hội nan, dương các tận chàng", nghĩa là "Chia tay dễ, gặp nhau khó, lúc này nên cạn chén".

⁽²⁾ Đông lưu thủy: nước chảy về đông. Thơ Nhạc phủ: "Bất kiến đông lưu thủy, hà thời phục tây quy", nghĩa là: Chẳng thấy kia, nước chảy về đông, đến bao giờ mới quay về phía tây?

Con em ở Kim Lăng đến tiễn ta
 Muốn đi không đi nổi, thấy đều cạn chén.
 Xin anh thử hỏi dòng nước chảy về phương đông
 So với ý ly biệt này, thử nào dài ngắn?

Dịch thơ:

THƠ CHIA TAY Ở QUÁN RƯỢU KIM LĂNG

Liều hoa, gió thổi, quán đầy hương,
 Gái Ngô chuốc rượu mời khách uống.
 Kim Lăng em, cháu đến đưa tiễn,
 Đi không đi nổi, cạn chén cùng...
 Chia tay hỏi nước chảy về đông,
 Đôi đường, dài ngắn phía nào hơn?

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TIỄN BIỆT NHAU Ở QUÁN RƯỢU KIM LĂNG

Gió đưa hương liễu đầy nhà
 Gái Ngô chuốc rượu thiết tha ép nài.
 Kim Lăng tử đệ tới lui.
 Muốn đi chẳng được, uống vui chén mời.
 Về đây, nước chảy ra khơi.
 Với tình ly biệt vẫn, dài bên nao?

宣州謝朓樓別校書叔雲

棄我去者
 昨日之日不可留
 亂我心者
 今日之日多煩憂
 長風萬里送秋雁
 對此可以酣高樓
 蓬萊文章建安骨

中 間 小 謝 又 清 發
 俱 懷 逸 興 壯 思 飛
 欲 上 青 天 覽 明 月
 抽 刀 斷 水 水 更 流
 舉 杯 銷 愁 愁 更 愁
 人 生 在 世 不 稱 意
 明 朝 散 髮 弄 扁 舟

50. TUYÊN CHÂU TẠ ĐIỂU LÂU BIỆT HIỆU THƯ THỨC VÂN⁽¹⁾

Khí ngã khứ giả
 Tạc nhật chi nhật bất khả lưu.
 Loạn ngã tâm giả
 Kim nhật chi nhật đa phiền ưu.
 Trường phong vạn lý tổng thu nhận
 Đối thử khả dĩ hàm cao lâu.
 Bồng Lai văn chương⁽²⁾ Kiến An⁽³⁾ cốt
 Trung gian Tiểu Tạ⁽⁴⁾ hựu thanh phát.
 Câu hoài dật hứng tráng tứ phi⁽⁵⁾,
 Dục thưởng thanh thiên lâm minh nguyệt.
 Triu đao đoạn thủy, thủy cánh lưu
 Cử bôi tiêu sầu, sầu cánh sầu.

⁽¹⁾ Tạ Diểu lâu: Theo *Giang Nam thống chí*, lâu ở phía bắc Ninh Quốc phủ, do Tạ Diểu khi làm Thái thú Tuyên Châu cho làm. Phủ Ninh Quốc đời Hán gọi là Tuyên Thành, đời Tuỳ, Đường gọi là Tuyên Châu. Theo *Nam sử*: Tạ Diểu tên chữ là Huyền Huy, văn chương thanh nhã, đẹp đẽ.

⁽²⁾ Bồng Lai văn chương: Văn chương Bồng Lai. Bồng Lai là chốn tiên ở ngoài biển. Văn chương Bồng Lai, ý muốn nói đến văn chương thoát tục, theo kiểu đạo Lão, gần với trời đất thiên nhiên, lấy thanh nhã làm tiêu chí.

⁽³⁾ Kiến An: Theo *Thương Lăng thi thoại*, cuối đời Kiến An, Đông Hán có các nhà văn như Khổng Súc, Vương Sán, Trần Lâm, Từ Cán, Lưu Chính, Ứng Trảng, Nguyễn Vũ và cha con Tào Tháo (làm thơ) người đời gọi là cốt cách Kiến An. Kiến An là niên hiệu đời Hán Hiến Đế.

⁽⁴⁾ Tiểu Tạ: Tức Tạ Huệ Liên, văn chương có tiếng thanh tao.

⁽⁵⁾ Tráng tứ phi: Tứ mạnh mẽ, cao vút. Thơ Lưu Trinh "Quân hầu đa tráng trí, văn nhã tung hoành phi", nghĩa là: "Nhà vua nhiều tráng trí, Hoi văn ngang dọc bay".

Nhân sinh tại thế bất xứng ý
Minh triều tấn phát lộng biên châu.

Dịch nghĩa:

**TRÊN LẦU TẠ ĐIỀU Ở TUYÊN CHÂU
TIỀN QUAN HIỆU THƯ THỨC VÂN**

*Bỏ ta mà đi
Hôm qua đã qua không sao giữ lại,
Làm rối lòng ta
Cái ngày hôm nay là ngày lắm chuyện lo phiền.
Gió dài muôn dặm tiền nhận mùa thu,
Trước cảnh này, có thể say ngất trên lầu cao.
Văn chương chôn Bồng Lai cốt cách đời Kiến An
Trong đám này Tiểu Tạ lại thanh tao rất mực.
Lòng đầy tứ thơ phóng khoáng,
ý mạnh mẽ tung tẩy.
Muốn bay lên trời xanh ngấm trăng sáng
Rút dao chém nước, nước vẫn chảy.
Nghiêng chén tiêu sầu, sầu thêm sầu,
Người sống trên đời nào được như ý,
Sớm mai xoắn tóc, thả thuyền con rong chơi.*

Dịch thơ:

TIỀN QUAN HIỆU THƯ THỨC VÂN TRÊN LẦU TẠ ĐIỀU

*Bỏ ta mà đi
Ngày hôm qua giữ lại làm sao!
Làm rối lòng ta
Ngày hôm nay lắm nỗi phiền ưu
Gió rong muôn dặm đưa thu nhận,
Cảnh ấy nên say ngất trước lầu.
Văn chương Bồng Lai, Kiến An cốt cách,*

Ông Tạ tứ lạ, ý thanh tao.
 Muốn lên trời xanh ngắm trăng sáng
 Vung dao chém nước, nước chảy ào.
 Ở đời, người đâu được xứng ý,
 Thuyền con, xoã tóc, sớm khuya chèo.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TIỀN BIỆT HIỆU THU THỨC VÂN

Bỏ ta đi đó đã rồi
 Là ngày bữa trước vẫn hỏi được sao
 Lòng ta rối loạn vì đâu,
 Vì ngày hiện tại dồi dào nỗi lo
 Ngoài muôn dặm gió thu đưa nhận,
 Trên lầu cao hãy cạn chén mời,
 Kiến An vẫn vật Bồng Lai
 Trung gian Tiểu Tạ trở tài thanh tao
 Đem dật hứng chí cao bay tít
 Lên trời xanh, nhật nguyệt xem chơi
 Rút dao chém nước nước trôi
 Tiêu sầu nhấc chén, lại đôi nỗi sầu
 Ở đời vừa ý được đâu,
 Sáng ngày xoã tóc tiêu dao trên thuyền.

走馬川行奉送封大夫出師西征

君不見	走馬川	行	雪海邊
走馬川	行	雪海邊	入天
平沙莽	莽	黃	入天
輪臺九	月	風	夜吼
一川碎	石	大	如斗
隨風滿	地	石	亂走
匈奴草	黃	馬	正肥
金山西	見	煙	塵飛

漢家大將西出師
將軍金甲夜不脫
半夜軍行戈相撥
風頭如刀面如割
馬毛帶雪汗氣蒸
五花連錢旋作冰
幕中草檄硯水凝
虜騎聞之應膽懾
料知短兵不敢接
車師西門佇獻捷

51. TẦU MÃ XUYỀN⁽¹⁾ HÀNH PHỤNG TỔNG PHONG ĐẠI PHU⁽²⁾ XUẤT SƯ TÂY CHINH

Quân bất kiến

Tầu Mã xuyên hành Tuyết hải⁽³⁾ biên,

Bình sa mãng mãng hoàng nhập thiên⁽⁴⁾?

Luân đài cử nguyệt phong dạ hồng,

Nhất xuyên toái thạch đại như đầu.

Tùy phong mãn địa thạch loạn tẩu,

Hung nô thảo hoàng mã chính phì.

⁽¹⁾ Tầu Mã xuyên: Sông Tầu Mã theo Tây Vực Khang cư địa, sông Tầu Mã là sông chảy vào biển Tuyết nay thuộc tỉnh Tân Cương.

⁽²⁾ Phong đại phu: Theo *Đường thư*: Phong Thường Thành, người Châu Bò, được giữ chức An Tây phó đại đô hộ đóng quân ở phía tây bắc Trung Quốc.

⁽³⁾ Tuyết hải: Bể Tuyết. Theo *Đường thư Tây Vực truyện*: sông Hốt Lĩnh chảy về nam qua Trung Quốc ra biển. Qua đất Kinh Hồ phía bắc chảy vào biển Bắc rồi qua Tuyết hải, biển này mùa xuân, mùa hạ đều có mưa tuyết.

⁽⁴⁾ Hoàng Sa: Theo *Bắc sử thổ cốc hồn truyện*: Sa châu thứ sử coi sa mạc vàng rộng vài trăm dặm, cây cỏ không mọc nổi. Thơ Hà Tôn: "Viễn ngàn bình sa hợp", nghĩa là: Bờ xa và bãi cát phẳng gặp nhau.

Kim Sơn⁽¹⁾ tây kiến yên trần phi,
Hán gia đại tướng tây xuất sư.
Tướng quân kim giáp dạ bất thoát,
Bán dạ quân hành qua tương bát.
Phong đầu như đao, diện như cát,
Mã mao đái tuyết, hãn khí chung.
Ngũ Hoa⁽²⁾ liên tiền lữ tác băng,
Mộ trung thảo hịch nghiêng thủy ngưng.
Lỗ kỵ văn chi ưng đắm nhiếp,
Liệu tri đoản binh bất cảm tiếp.
Xa Sư tây môn trử hiển tiếp.

Dịch nghĩa:

BÀI HÁT "SÔNG TỬ MÃ" TIỀN ĐẠI PHU HỌ PHONG XUẤT QUÂN ĐÁNH GIẶC PHÍA TÂY

*Người chẳng thấy,
Sông Tử Mã chảy về ven biển Tuyết
Bãi cát mênh mông, vàng tận chân trời,
Luân đài, tháng chín, đêm gió gầm gào,
Dọc sông đá vụn to bằng đầu,
Theo gió lẫn lóc đầy mặt đất
Đất Hung Nô, mùa cỏ vàng, chính là lúc ngựa béo.
Phía tây núi Kim Sơn nhìn ra khói bụi mịt mù.
Đại tướng nhà Hán sắp cất quân về phía đó,
Áo giáp trên mình, giáo mác va nhau,
Gió buốt như dao cắt mặt,
Lông ngựa đọng tuyết mờ hôi ngựa bốc hơi,
Đò thắng trên ngựa Ngũ Hoa, thoát đã đọng văng,*

⁽¹⁾ Kim Sơn: Theo *Nhất thống chí*, Kim Sơn thuộc Thiểm Tây, phía nam huyện Xương Tùng.

⁽²⁾ Ngũ Hoa: Ngựa nòi, thường dùng cho các nhà quyền quý, thắng các đồ trang sức hoa văn như mây nổi, gọi là ngũ hoa. Thơ Lý Bạch: "Ngũ Hoa mã, thiên kim cừ".

Mực trong nghiên thảo hịch trong tướng phủ
cũng đóng thành băng.

Ky binh giặc nghe thấy hẩn mất mặt
Tự biết quân giặc không dám đến gần,
Trước cửa tây nước Xa Sư chờ tin thắng trận.

Dịch thơ:

BÀI HÁT SÔNG TỬ MÃ TIỀN ĐẠI PHU HỌ PHONG XUẤT QUÂN PHÍA TÂY ĐÁNH GIẶC

Thấy chẳng ai,
Sông Tử Mã chảy ven biển Tuyết
Cát phẳng mênh mang vàng tận trời,
Luân đài tháng chín, đêm gió thét.
Đá to như đầu dọc sông ngoài.
Gió thổi đá bay trông đến khiếp.
Hung Nô cỏ vàng, ngựa béo phây,
Kim Sơn hướng tây, khói bụi bay.
Tướng Hán ra quân đang tiến gấp,
Hành quân tướng quân không cời giáp.
Nửa đêm lính thấy, gươm giáo khua
Gió thổi vù vù dao cửa mặt.
Mình ngựa bốc hơi, lông động tuyết,
Thắng ngựa Ngũ hoa, đầy lớp băng.
Váng đóng trên mặt nghiên thảo hịch,
Quân kỵ của giặc nghe mất mặt.
Tự biết quân nhỏ không dám gần
Cửa tây Xa Sư chờ báo tiếp.

輪臺歌奉送封大夫出師西征

輪臺城頭夜吹角
輪臺城北旄頭落
羽書昨夜過渠黎

單于已在金山西
 戍樓西望煙塵黑
 漢兵屯在輪臺北
 上將擁旄西出征
 平明吹笛大軍湧
 四邊伐鼓陰山動
 三軍塞大氣連雲
 虜場白骨纏草根
 戰河風急雲間闕
 劍口石凍馬蹄脫
 沙相勤王甘辛苦
 亞將報主靜邊塵
 誓將來青史誰不
 古今見功名勝古

52. LUÂN ĐÀI CA PHỤNG TỔNG PHONG ĐẠI PHU XUẤT SƯ TÂY CHINH

Luân Đài⁽¹⁾ thành đầu dạ xuy giác,
 Luân Đài thành bắc Mao đầu lạc.
 Vũ thư⁽²⁾ tạc dạ quá Cừ Lê⁽³⁾,
 Thiên vu dĩ tại Kim Sơn tê (tây).
 Thú lâu tây vọng yên trần hắc
 Hán quân đồn tại Luân Đài bắc.
 Thượng tướng ủng mao tây xuất chinh,
 Bình minh xuy địch đại quân hành.

⁽¹⁾ Luân Đài: Theo *Đường thư địa lý chí*, Đại Đô hộ phủ Bắc Đĩnh có huyện Luân Đài, lập ra từ năm Đại Lịch thứ sáu.

⁽²⁾ Vũ thư: Thư lông gà. Theo *Sử ký*, *Cao đế truyện* lấy hịch lông gà để gọi quân trong thiên hạ, thường là chuyện khẩn cấp. Ở đây chỉ thế giặc lớn khẩn cấp.

⁽³⁾ Cừ Lê: Theo *Hán thư*, *Tây Vực truyện*, từ thành Cừ Lê đến Quy Tư, khoảng 580 dặm. Từ thời Hán Vũ đế cử quan đến khai khẩn, gọi là chức Hiệu uy.

Tứ biên phạt cổ Tuyết hải dừng
 Tam quân đại hô Âm Sơn⁽¹⁾ động.
 Lỗ tái binh khí liên vân truân,
 Chiến trường bạch cốt triền thảo căn.
 Kiếm Hà⁽²⁾ phong cấp vân phiến khoát,
 Xa khẩu thạch đồng mã đề thoát.
 Á tướng cần vương cam khổ tân,
 Thệ tương báo chủ tinh biên trần.
 Cổ lai thanh sử thù bất kiến
 Kim kiến công danh thắng cổ nhân.

Dịch nghĩa:

BÀI HÁT ĐẤT LUÂN ĐÀI VANG TIỀN PHONG ĐẠI PHU RA QUÂN DẸP GIẶC PHÍA TÂY

*Đầu thành Luân Đài đêm thổi tù và,
 Bắc thành Luân Đài sao Mao lặn.
 Thư lông gà đêm trước qua đất Cừ Lê
 Quân Thiên Vu đã ở phía tây Kim Sơn.
 Chòi lính thú phía tây khói bụi đen ngòm,
 Quân Hán đóng ở phía bắc Luân Đài!
 Thượng tướng cầm cờ mao dẹp giặc phía tây.
 Sáng sớm thổi sáo, đại quân trở đi,
 Bốn bề trống nổi. Tuyết hải sóng dữ.
 Ba quân hô lớn chấn động Âm Sơn
 Ải giặc gươm giáo tua tủa trong mây dày.
 Chiến trường xương trắng giăng trên cỏ rậm,
 Đất Kiếm Hà gió thổi gấp, mây rộng trải.
 Cửa cát, đá ngổn ngang ngựa khó đi,*

⁽¹⁾ Âm sơn: Theo *Hán thư*, *Hung Nô truyện*: Hầu Ưng nói rằng: Tôi nghe ở biên tái phía bắc đến ngoài Liêu Đông có Âm Sơn, từ đông sang tây hơn 10 dặm, cây cỏ rậm rạp, nhiều cầm thú.

⁽²⁾ Kiếm Hà: Ở phía đông núi Thanh Sơn, có sông tên là Kiếm Hà, thuộc nước Hối Hột (theo *Đường thư Hối Hột truyện*).

Á tướng giúp vua chịu nhiều nỗi vất vả.
Thề cùng báo chúa võ yên khỏi bụi biên cương,
Từ xưa đến nay sử xanh nào ai đã thấy,
Nay thấy công danh vượt cả người xưa.

Dịch thơ:

BÀI CA LUÂN ĐÀI TIỀN PHONG ĐẠI PHU RA QUÂN DỆP GIẶC PHÍA TÂY

Đầu thành Luân Đài đêm thổi ốc,
Bắc thành Luân Đài, sao Mao rút.
Đêm trước thư gấp qua Cừ Lê
Phía tây Thiên Vu quân đóng kè.
Đồn thú phía tây khói bụi ngất
Quân Hán cấm đồn Luân Đài bắc.
Cờ mao thượng tướng tây xuất chinh
Đại quân sớm thổi khúc quân hành.
Trống trận bốn bề Tuyết hải động
Vang ầm Âm Sơn, quân thét lớn.
Ải giặt guơm giáo chọc vào mây,
Xương trắng chiến trường phơi cỏ dày.
Gió gấp Kiếm hà mây trải rộng
Cửa cát đá giăng, ngựa khó tránh.
Á tướng vì vua khổ đủ đường
Một lòng báo chúa, yên một phương.
Xưa nay sử sách ai nào thấy
Danh vượt người xưa, lập chiến công.

白雪歌送武判官歸京

北風捲地白草折
胡天八月即飛雪
忽如一夜春風來
千樹萬樹梨花開

幕薄控著冰凝客笛門翻去路君處
 羅衾得猶丈里歸羌轅不君山見行
 濕錦不冷百萬飲與下凍送天不馬
 簾煖弓衣干淡酒琶雪旗門滿轉留
 珠不角鐵闌黯置琵琶暮紅東雪路空
 入裘軍護海雲軍琴紛紛掣臺時迴上
 散孤將都瀚愁中胡紛風輪去山雪

53. BẠCH TUYẾT CA TỔNG VŨ PHÂN QUAN QUY KINH

Bắc phong quyển địa, bạch thảo⁽¹⁾ chiết,
 Hồ thiên bát nguyệt tức phi tuyết.
 Hốt như nhất dạ xuân phong lai,
 Thiên thụ, vạn thụ lê hoa khai.
 Tán nhập châu liêm, thấp la mạc,
 Hồ cừu bất noãn cảm khâm bạc.
 Tướng quân giốc (giác) cung⁽²⁾ bất đắc không,
 Đô hộ thiết y lãnh do trước.
 Hãn hải lan can bách trượng băng,
 Sâu vân thâm đạm vạn lý ngưng.
 Trung quân trí tửu ẩm quy khách,
 Hồ cầm, tỳ bà dữ Khương địch.
 Phân phân mộ tuyết há Viên môn⁽³⁾,

⁽¹⁾ Bạch thảo: Theo *Hán thư*, *Tây Vực truyện*: nước Thiên Thiện có nhiều loài cỏ trắng.

⁽²⁾ Giốc cung: cung sừng. Thơ *Bảo Chiếu*: "Giốc cung bất khả trường", nghĩa là: Cung sừng không thể giương.

⁽³⁾ Viên môn: Cửa phủ quan tướng.

Phong xiết (xế) hồng kỳ đồng bát phiên.
Luân Đài đông môn tổng quân khứ,
Khứ thời tuyết mãn Thiên Sơn lộ.
Sơn hồi lộ chuyển bất kiến quân,
Tuyết thượng không lưu mã hành xứ.

Dịch nghĩa:

BÀI CA BẠCH TUYẾT TIỀN VŨ PHÁN QUAN VỀ KINH THÀNH

*Gió bắc cuốn đất, cỏ trắng gãy
Tháng tám trời Hồ đã có tuyết bay.
Bỗng đâu một đêm gió xuân thổi
Nghìn cây, vạn cây lê nở hoa.
Tuyết lọt vào rèm châu, ướt cả rèm the
Áo hồ cừu không ấm, chăn gấm cũng hoá mỏng.
Cung sừng của quan tướng không gương nổi
Áo giáp của quan Đô hộ lạnh ngắt vẫn phải mặc,
Băng Hãn Hải hàng trăm trượng ngổn ngang
Mây sâu muôn dặm tụ lại thật ảm đạm
Trung quân đặt tiệc rượu tiễn khách ra về.
Tiếng Hồ cầm, tỳ bà lẫn sáo người Khương
Bời bời tuyết chiều sa xuống cửa trại,
Cờ hồng đọng băng gió cuốn không phát nổi.
Cửa ải Luân Đài tiễn anh đi
Khi đi, tuyết rơi đầy đường Thiên Sơn,
Núi quanh, đường ngoặt nhìn theo không thấy anh
Trên mặt tuyết còn tro lại vết chân ngựa.*

Dịch thơ:

BÀI CA BẠCH TUYẾT LÀM TIỀN VŨ PHÁN QUAN VỀ KINH ĐÔ

*Gió bắc cuốn đất, cỏ trắng gãy
Tháng tám trời Hồ thấy tuyết bay.*

Gió xuân bỗng thổi đêm nay,
 Hoa lê, nghìn ngon, muôn cây la đà!
 Rèm châu lọt, màn là ẩm ướt,
 Áo cừu, chăn gấm, rét tha đâu!
 Cung sừng giương chẳng nổi nào!
 Áo bào Đô hộ mặc vào lạnh ghê!
 Bể Hãn Hải bọn bè trăm trượng
 Mây sâu dâng muôn dặm nào nê
 Trung quân thết rượu khách về
 Hồ cầm, sáo rợ, tỳ bà hoà âm...
 Bờ bờ cửa Viên đang đổ tuyết
 Cờ hồng băng kết gió không bay,
 Tiền anh ra khỏi Luân Đài,
 Thiên Sơn đường tuyết phủ dày, phút xa.
 Núi quanh đường ngoặt, lò nhoà.
 Tuyết in vó ngựa, người đà thấy đâu.

Bản dịch của Nguyễn Bích Ngô và Tương Như:

BÀI CA BẠCH TUYẾT TIỀN VŨ PHÁN QUAN VỀ KINH

Gió bắc cuộn vào cỏ rạp hết,
 Xứ Hồ tháng tám đã rơi tuyết.
 Bỗng như một đêm gió thổi qua
 Ngàn cây, muôn cây lê nở hoa.
 Bay vào rèm châu ướt màn đùng
 Hồ cừu chưa ấm, chăn gấm mỏng.
 Tướng quân cung sừng giương không nổi,
 Đô hộ áo sắt lạnh không cời.
 Hãn Hải mệnh mỏng trăm trượng băng
 Mây sâu thăm đậm muôn dặm lòng.
 Trong quan đặt tiệc tiền đưa khách,
 Hồ cầm, tỳ bà cùng Khương địch.
 Tuyết chiều phơi phới xuống cửa Viên,

Gió thốc cờ hồng chẳng phát lên.
 Luân Đài tiễn anh ra khỏi cửa
 Đường núi Thiên Sơn tuyết chan chứa.
 Quanh quanh chân núi mờ bóng anh,
 Trên tuyết còn tro dấu chân ngựa.

ĐỒ PHỦ

韋諷錄事宅觀曹將軍畫馬圖

馬王載黃白靈盤索歸飛跡輝駟花馬嗟萬沙絕雪間列
 鞍都十乘夜霹靂人舞追筆光毛子二歎敵風殊煙楸成
 畫江三真照飛瑪才拜相得生拳獅有久一開亦雜長森
 來數名見帝日紅詔軍綺門障宗家圖者戰漠匹空踏養
 以獨得又先十殷傳將細權屏太郭新識騎漠七寒蹴廡
 初妙軍間貌池府好賜紈戚覺日時之令皆素餘若蹄官
 國神將人曾龍內婕盤輕貴始昔近今復此縞其迴霜馬

可憐九馬爭神駿
 顧視清高氣深穩
 借問苦心愛者誰
 後有韋諷前支盾
 憶昔巡幸新豐宮
 翠花拂天來東匹
 騰驤磊落三萬匹
 皆與此圖筋骨同
 自從獻寶朝河宗
 無復射蛟江水中
 君不見
 金粟堆前松柏裡
 龍媒去盡鳥呼風

54. VI PHÚNG⁽¹⁾ LỤC SỰ TRẠCH QUAN TÀO TƯỚNG QUÂN⁽²⁾ HỌA MÃ ĐỒ

Quốc sơ dĩ lai họa yên mã
 Thân diệu độc số Giang Đô vương⁽³⁾
 Tướng quân đắc danh tam thập tải
 Nhân gian hựu kiến chân Thừa Hoàng⁽⁴⁾
 Tầng mạo tiên đế Chiêu Dạ bạch⁽⁵⁾
 Long trì⁽⁶⁾ thập nhật phi tích lịch

⁽¹⁾ Vi Phúng: Theo Hoàng Hạc chú: Phúng làm Lục sự Cấn Châu ở tại Thành Đô.

⁽²⁾ Tào tướng quân: Theo *Danh họa ký*: Tào Bá, là danh họa nổi tiếng từ năm Khai Nguyên, cuối năm Thiên Bảo, vua vờ vào vẽ ngựa của vua và vẽ các công thần.

⁽³⁾ Giang Đô vương: Theo *Danh Họa ký*: Giang Đô vương là con Cù vương Nguyên Quĩ, là cháu họ Thái Tôn, rất giỏi về vẽ ngựa chiến.

⁽⁴⁾ Thừa Hoàng: loại ngựa quý, mình thon như mình cáo, xương sống gồ, theo *Trúc thư kỷ niên*, vua Thuấn năm đầu tiên lên ngôi cưỡi ngựa Thừa Hoàng.

⁽⁵⁾ Chiêu Dạ bạch: Sáng bùng trong đêm. Tranh Hồng Bá thường vẽ người ngựa, với màu sắc rực rỡ, trong đêm cũng sáng lên (*Minh Hoàng tạp lục*).

⁽⁶⁾ Long Trì: Đầm Rồng. Theo *Đường lục điển chú*: Đầm Rồng ở cung Hưng Khánh, phía đông, có giếng nước vọt lên thành ao, gọi là Long Trì, nước bốc hơi như mây phủ.

Nội phủ⁽¹⁾ ân hồng mã nã bàn
 Tiệp dư truyền chiếu tài nhân⁽²⁾ sách
 Bàn tứ tướng quân báỉ vũ quy
 Khinh hoàn tế ỷ tương truy phi
 Quý thích quyền môn đắc bút tích
 Thủy giác bình trướng sinh quang huy
 Tích nhật Thái tôn Quyền Mao⁽³⁾ qua
 Cận thời Quách gia Sư Tử Hoa⁽⁴⁾
 Kim chi tân đồ hữu nhị mã
 Phục linh thức giả cửu thán ta.
 Thử giai ky chiến nhất địch vạn,
 Cảo tổ mạc mạc khai phong sa
 Kỳ dư thất thất diệt thù tuyệt
 Huýnh nhược hàn không tạp yên tuyệt
 Sương đề xúc đập trường thu gian
 Mã quan tư dưỡng sâm thành liệt
 Khả liên cửu mã tranh thần tuần
 Cố thị thanh cao khí thâm ổn
 Tá vấn khổ tâm ái giả thù
 Hậu hữu Vi Phúng tiền Chi Độn
 Ưc tích tuần hạnh Tân Phong cung
 Thúy hoa phát thiên lai hướng đông
 Đằng tương lỗi lạc tam vạn thất⁽⁵⁾
 Giai dữ thử đồ cân cốt đồng
 Tự tông Hiến Bảo triều Hà tông

⁽¹⁾ Nội phủ: Đồ quý trong cung vua.

⁽²⁾ Tiệp dư, Tài nhân: Những chức cung phi và nữ quan trong cung vua.

⁽³⁾ Quyền Mao: Đó là bức phù điêu khắc ngựa Quyền Mao trên đá. Đường Thái Tông cưỡi xe sáu ngựa quý.

⁽⁴⁾ Sư Tử Hoa: Ngựa quý của Đường Đại Tông.

⁽⁵⁾ Tam vạn thất: Ba vạn con. Thơ Tiêu Tử Hiền: "Hàn mã tam vạn thất", nghĩa là: Ngựa nhà Hán có tới ba vạn con.

Vô phục xạ giao⁽¹⁾ giang thủy trung
Quân bắt kiến
Kim Túc đôi⁽²⁾ tiền từng bách lý
Long môi khứ tận điệu hô phong.

Dịch nghĩa:

Ở NHÀ QUAN LỤC SỰ VI PHÙNG XEM TÀO TƯỚNG QUÂN VỀ NGỰA

*Nước ta từ buổi đầu đến giờ về ngựa
Thần diệu nhất chỉ có Giang Đô vương.
Tên tuổi tướng quân từng được biết ba chục năm
Người đời lại được thấy một tay vẩy bút về Thừa Hoàng.
Thường được thấy ngựa tiên đế, con ngựa Chiêu Dã,
Đám Rồng mười ngày mưa lẫn gió.
Nội phủ ban cho mâm hồng mã nào,
Tiếp dư truyền chiếu, tài nhân bưng.
Trao cho tướng quân lạy tạ vua rồi về,
Lụa nồn, vải đẹp lại ban tặng theo.
Quý thích, quyền môn mới được ghi bút tích,
Thoạt mới thấy vách ngăn phát ra ánh sáng.
Ngày trước vua Thái Tôn nắm bồm ngựa Quyền Mao,
Gần đây nhà họ Quách có ngựa Hoa Sư Tử.
Nay thì bức vẽ mới, có cả hai ngựa,
Khiến những người hiểu biết đều trầm trồ.
Mỗi một con khi đánh trận địch nổi muôn con,
Trên the lụa, mịt mờ, gió cát nổi.
Có đến bảy con ngựa đều có nét đẹp riêng
Dáng mềm mại như làn khói tuyết.*

⁽¹⁾ Xạ giao: Bắn thường luồng. Năm Khai Nguyên thứ năm, trên sông Tầm Dương, thường luồng nổi lên, liền cho bắn xuống sông, bắt được.

⁽²⁾ Kim Túc đôi: Theo *Cựu dương thư*: vua Đường Minh Hoàng về thăm Ngũ Lăng, thấy gò Kim Túc thế hổ phục, rồng châu nói với các quan rằng, sau này ta yên nghỉ, chôn ta ở đây.

Vó sương dầm vào đám lá thu,
 Quan coi ngựa nuôi rất nhiều ngựa.
 Về khoẻ đẹp chín ngựa tranh ngôi thần
 Mắt thật sáng, thể vững vàng.
 Nhân hỏi sao mà khổ tâm, ai là người yêu tranh đây?
 Sau này chỉ có Vi Phúng, trước có Chi Độn.
 Nhớ xưa vua đi tuần ở Tân Phong,
 Cờ thúy bay phấp phới hướng về đông.
 Vùng vậy nhiều vẽ có ba vạn ngựa
 Đều có cốt cách giống như trong tranh này.
 Từ dâng vật báu cho thần Hà Bá
 Thôi không còn chuyện bắn thường luồng trong sông nước.
 Anh chẳng thấy
 Trước gò Kim Túc trong đám cây tùng cây bách
 Cửa rồng đã dỡ bỏ cả, chìm hết gió.

Địch thơ:

Ở NHÀ QUAN LỤC SỰ VI PHÚNG XEM TÀO TƯỚNG QUÂN VẼ NGỰA

Nước nhà buổi đầu vẽ ngựa chiến
 Thần diệu bậc nhất Giang Đô vương
 Tướng quân danh lừng ba chục năm.
 Người đời được thấy con Thừa Hoàng
 Dáng ngựa tiên đế, con Chiêu Dạ
 Đêm Rồng mười ngày mưa lẫn gió
 Nội phủ ban mâm mã não hồng,
 Tiếp dư truyền chiếu, tài nhân xách,
 Mâm tặng tướng quân buổi tiệc đêm.
 Lựa là vải vóc lại ban thêm,
 Các nhà quyền quý xin bút tích,
 Vách trướng huy hoàng khoe vẽ riêng.
 Xưa vua Thái Tôn cười ngựa Quyền,

Gần nữa Quách Gia ngựa hoa bờm
 Bức vẽ mới này đủ hai ngựa,
 Thức giả nay càng nắc nỏ khen.
 Mỗi con ngựa chiến địch nghìn vạn.
 Gió cát phủ trên the lụa mềm
 Thêm bảy ngựa quý đều thật tuyệt
 Trời lạnh vời xa dáng như tuyết
 Vó xương đập nát lá thu vàng
 Quan coi ngựa chăm, ngựa đứng chặt,
 Mên thay chín ngựa tranh thần tuấn
 Càng nhìn càng ưa, thanh khí mạnh
 Uóm hỏi khổ tâm ai chuộng đây?
 Vi Phúng sau này, trước Chi Động,
 Nhớ xưa gặp ở cung Tân Phong,
 Cờ thuý bay dài sang phía đông
 Ngựa hay vùng vẫy hơn ba vạn
 Cùng với tranh này, cốt cách chung.
 Thả dân vật quý lên Hà Bá,
 Trong nước vua không bán giao long
 Người chẳng thấy
 Đòi Kim Túc trước đám tùng bách,
 Thét gió chim kêu, khép cửa rồng.

丹青引贈曹將軍霸

將	軍	魏	武	之	子	孫
於	今	爲	庶	爲	青	門
英	雄	割	據	雖	已	矣
文	采	風	流	今	尚	存
學	書	初	學	衛	夫	人
但	恨	無	過	王	右	軍
丹	青	不	知	老	將	至
富	貴	於	我	如	浮	雲

見殿色面冠箭動戰
引熏顏生賢羽髮酣
花不墀長絹營龍馬
榻相賜惆入殊畫凋
有寫戈路眼公名其
常南少開進大毛來
玉貌赤生拂經真凡
御屹催皆早窮不氣
蓋亦千行俗如盛纏
中上臣筆上間公爽
馬山來闔軍淡重古
在前笑僕幹馬肉騶
善士泊常遭有來壞
之數功下頭腰鄂颯
天如牽閭將慘九萬
卻庭含太韓畫畫驊
畫佳漂尋反未古坎
元恩煙軍相將公姿
帝工日立謂匠須洗
花上尊人子能惟使
軍逢今貌窮上看日
開承凌將良猛褒英
先畫是迴詔意斯一
玉榻至圉弟亦幹忍
將偶即屢塗世但終

55. ĐAN THANH⁽¹⁾ DẪN TẶNG TÀO TƯỚNG QUÂN BẢ

Tướng quân Ngụy Vũ chi tử tôn⁽²⁾
Ư kim vi thứ, vi thanh môn.
Anh hùng cát cứ kim dĩ hĩ
Văn thái phong lưu kim thượng tồn.
Học thư sơ học Vệ phu⁽³⁾ nhân
Đẫn hận vô quá Vương Hữu quân⁽⁴⁾.
Đan thanh bất tri lão tướng chí
Phú quý ư ngã như phù vân⁽⁵⁾.
Khai Nguyên chi trung thường dẫn kiến,
Thừa ân sở thưởng Nam Huân⁽⁶⁾ diện.
Lăng Yên⁽⁷⁾ công thần thiếu nhan sắc,
Tướng quân hạ bút khai sinh diện.
Lương tướng đầu thượng tiến hiền quan
Mãnh tướng yêu gian đại vũ tiền.
Bao Công Ngạc Công⁽⁸⁾ mao phát động,
Anh tư tấp sảng lai hàm chiến.
Tiên đế thiên mã Ngọc Hoa thông
Họa công như sơn mạo bất đồng.
Thị nhật khiên lai xích trì hạ

⁽¹⁾ Đan thanh: Nét vẽ đẹp thanh tao.

⁽²⁾ Ngụy Vũ tử tôn: Tào tướng quân tức dòng dõi Tào Mao cũng là con cháu của Ngụy Vũ Đế, (dời thứ tự) bị Tư Mã Chiêu giết.

⁽³⁾ Vệ đại phu: Vệ đại phu tên là Nhạc, tên chữ là Mậu Y.

⁽⁴⁾ Vương Hữu quân: Tức Vương Hi Chi, một danh hoạ (theo *Tấn thư*) làm quan đến chức Hữu quân tướng quân.

⁽⁵⁾ Phú quý phù vân: Giàu sang như mây nổi. Lời sách *Luận ngữ*: "Bất nghĩa nhi phú thả quý ư ngã như phù vân", nghĩa là: Bất nghĩa mà giàu sang với ta chỉ là mây nổi!

⁽⁶⁾ Nam Huân diện: Theo *Trường An chí*, phía bắc cung Hưng Khánh có Đầm Ròng (Long Trì), phía trong có điện Nam Huân.

⁽⁷⁾ Lăng Yên các: Góc Lăng Yên. Vua Đường Thái Tông cho vẽ tượng công thần ở góc Lăng Yên để nhớ công lao của họ (theo *Đường thư*).

⁽⁸⁾ Bao Công, Ngạc Công: Tức Bao Quốc Chung, Uất Trì Cung, danh thần đời Đường.

Huýnh lập xương hạp⁽¹⁾ sinh trường phong.
 Chiếu vị tướng quân phất quỳên tố
 Ý tượng thăm đạm kinh dinh⁽²⁾ trung.
 Tư tu cửu trùng chân long xuất,
 Nhất tẩy vạn cổ phạm mã không.
 Ngọc Hoa khước tại ngự tháp thượng
 Tháp thượng đình tiền ngật tương hướng.
 Chí tôn⁽³⁾ hàm tiểu thôi tứ kim
 Ngử nhân thái bộc⁽⁴⁾ giai trừ trưởng.
 Đệ tử Hàn Cán tảo nhập thất
 Diệc năng họa mã cùng thù tương.
 Cán duy họa nhục bắt họa cốt
 Nhấn xử Hoa Lưu khí điều táng.
 Tướng quân họa thiện cái hữu thần
 Ngẫu phùng giai sĩ diệc tả chân.
 Tức kim phiêu bạc can qua tế
 Lữ mạo tầm thường hành lộ nhân.
 Đồ cùng phản tạo tục nhãn bạch
 Thế thượng vị hữu như công bần.
 Dân khán cổ lai thịnh danh hạ
 Chung nhật khảm lẫm triền kỳ thân.

Dịch nghĩa:

KHÚC HÁT ĐÀN THANH TẶNG TƯỚNG QUÂN TÀO BÀ

*Tướng quân là con cháu của Ngụy Vũ đế
 Nay là dân, nhà cửa nghèo.
 Anh hùng một khoảnh nay thôi rồi,
 Về người phong lưu vẫn còn đó.*

⁽¹⁾ Xương hạp: Cửa trời, ở đây là cửa cung điện nhà vua.

⁽²⁾ Kinh dinh: Dồn hết tâm sức.

⁽³⁾ Chí tôn: Chỉ nhà vua.

⁽⁴⁾ Ngử nhân thái bộc: Người chăm sóc ngựa cho vua.

Học sách trước học Vệ phu nhân,
Còn giận chưa qua được Vương Hữu quân.
Mãi về chẳng ngờ tuổi già xấp đến
Giàu sang với ông chỉ là đám mây nổi.
Trong khoảng năm Khai Nguyên được dẫn đến
bệ kiến vua.

Đội ơn vài lần lên điện Nam Huân.
Hình công thần ở gác Lăng Yên đã phai màu
Tướng quân hạ bút vẽ cho sắc diện sống động.
Trên đầu hàng văn, mũ tiến hiền,
Mãnh tướng trên lưng đầy tên lông dài.
Bao Công, Ngọc Công râu tóc thật chững chạc
Về anh tuấn phóng khoáng
như vừa đánh trận xong.

Ngựa quý của tiên đế là Ngọc Hoa thông
Biết bao người vẽ nào có giống.
Buổi ấy vừa bảo dắt đến dưới thềm son.
Ngựa đứng oai vệ, cửa cung như đầy gió mạnh.
Chiếu vua bảo tướng quân căng lụa vẽ,
Lấy phép vẽ kinh dinh mờ ảo mà vẽ.
Chốc lát nơi cửu trùng rồng thật hiện ra,
Ngựa xoàng xưa nay đâu được thể
Ngựa Ngọc Hoa thì lại còn vẽ trên sập ngự.
Ngựa sập ngự, ngựa trước sân, giống hết,
Đáng chí tôn mỉm cười giục thưởng vàng cho.
Người coi ngựa, quan thái bộc đều sững sốt,
Con em họ Hàn, họ Cán đều ở trong nhà.
Cũng có thể vẽ ngựa giống như nhau
Nhưng chàng họ Cán chỉ vẽ thịt
không vẽ nổi xương.

Khiến cho ngựa Hoa Lưu cũng mất dáng đẹp,
Tướng quân vẽ giỏi, bút có thần,
Ắt gặp được bậc tài giỏi để mà lột tả đúng như thực

Mà nay phiêu bạt trong cảnh loạn ly
Mặt mày tầm thường, vẽ người đi đường.
Đường hết khôn quanh, mất đời bạc,
Trên đời này có ai nghèo như ông.
Nhìn lại từ xưa đến nay những người nổi tiếng,
Suốt đời lận đận khổ thân mình.

Dịch thơ:

KHÚC HÁT ĐÀN THANH

Tướng quân dòng dõi Ngụy Vũ vương,
Cảnh nghèo nay bỗng hoá dân thường.
Anh hùng một khoảnh, nay đã dứt
Văn thái phong lưu vẫn mãi còn!
Học sách, trước học Vệ phu nhân,
Giận chưa hơn được Vương Hữu quân.
Mãi vẽ ngờ đâu, già xộc đến
Giàu sang chẳng qua là phù vân!
Khai Nguyên năm nọ được dẫn tiên,
Vài lần được đến điện Nam Huân.
Gác Lãng Yên, tượng công thần nhặt,
Tướng quân tôn lại vẽ đại cân.
Nhất phẩm uy nghi mũ tiến hiền,
Mãnh tướng lưng đeo đầy cung tên.
Bao Công, Ngạc Công, thật sống động,
Chiến tướng hiên ngang đang xáp trận.
Ngựa trời tiên đế con Ngọc Hoa
Bút vẽ trước đây đều phải thua.
Buổi ấy thêm son, dất ngựa tới,
Cửa điện ngựa châu bờm gió nổi.
Chiều truyền tướng quân căng lụa lên,
Dồn vẽ thực ảo vào bút thiêng.
Rồng thiêng phút chốc thêm vua hiện,

Ngựa xoàng vạm cổ đều xin nhường.
 Ngọc Hoa sập vua đứng uyển chuyển
 Ngựa sập, ngựa sân đầy sắc diện.
 Đức chí tôn cười giục thưởng vàng,
 Ngử nhân, thái bộc đều thờ thần.
 Họ Hàn, họ Cán, lũ học trò,
 Về ngựa như ai có kém gì!
 Cán vẽ được thịt, không vẽ xương
 Xương vẽ không xong, sao vẽ thịt.
 Hoa Lưu ngựa quý không có thần,
 Tướng quân vẽ giỏi, bút xuất thần.
 Nào hay phiêu bạt thời ly loạn,
 Bút thần vẽ cả đám thường dân.
 Đường hết khôn quanh, đời bạc bẽo,
 Trên đời ai đã nghèo như ông.
 Xưa nay, xem ra người có tiếng,
 Lặn dạn suốt đời gỡ chẳng xong....

寄韓諫議

今	我	不	樂	思	岳	陽
身	欲	奮	飛	病	在	床
美	人	娟	娟	隔	秋	水
濯	足	洞	庭	望	八	荒
鴻	飛	冥	冥	日	月	白
青	楓	葉	赤	天	雨	霜
玉	京	群	帝	集	北	斗
或	騎	麒	麟	翳	鳳	凰
笑	蓉	旌	旗	煙	霧	落
影	動	倒	景	搖	瀟	湘
星	宮	之	君	醉	瓊	漿
羽	人	稀	少	不	在	旁
似	聞	昨	者	赤	松	子

良張韓代漢是恐
 安長定氏劉隨是
 傷慘神改未幄惟
 敢豈吾敗成幄惟
 香楓餐腐腥成惟
 惜所古滯留難家
 昌壽應人老極南
 水秋隔爲胡人極
 堂玉貢之置得焉

56. KÝ HÀN GIÁN NGHỊ⁽¹⁾

Kim ngã bát lạc tư Nhạc Dương⁽²⁾
 Thân dục phần phi bệnh tại sàng.
 Mỹ nhân quyên quyên cách thu thủy
 Trắc túc Động Đình⁽³⁾ vọng bát hoang⁽⁴⁾.
 Hồng phi minh minh nhật nguyệt bạch,
 Thanh phong điệp xích thiên vũ sương.
 Ngọc kinh⁽⁵⁾ quần đế⁽⁶⁾ tập Bắc Đẩu
 Hoặc kỳ kỳ lân ế phượng hoàng.
 Phù dung tinh kỳ yên vụ lạc
 Ảnh động đảo cảnh⁽⁷⁾ giao Tiêu Tương.

⁽¹⁾ Bài này Đỗ Phủ gửi cho quan gián nghị (chức quan can vua) họ Hàn, có lẽ ý nói bóng gió việc không thể trở lại kinh đô để làm quan của mình!

⁽²⁾ Nhạc Dương: Nay ở phủ Nhạc Châu, Hồ Quảng có núi đẹp, hồ Động Đình!

⁽³⁾ Động Đình: Hồ lớn, nơi hội tụ chín con sông. Đó là sông Tiêm, Chấn, Nguyên, Tự, Tây, Phong, Tư và sông Tương... (theo *Cửu giang* của Khổng Ân).

⁽⁴⁾ Bát hoang: Tám cõi mệnh mang. Đứng trên núi hồ Động Đình, nhìn ra bốn phía đều mệnh mang.

⁽⁵⁾ Ngọc Kinh: Theo *Nguyên Quân chú*: là trời của cõi vô vi, đông nam tây bắc có tám bầu trời, lại có ba mươi hai bầu trời, mỗi trời có một vị đế (vua) cai quản. Ngọc Kinh ở phía bắc núi Côn Lôn (trời tiên).

⁽⁶⁾ Quần đế: Ở đây là các ngôi sao sáng, mỗi ngôi ứng với một vị đế vương. Thơ Giang Yêm: "Quần đế cộng thiên hạ".

⁽⁷⁾ Đảo cảnh: Trong hồ Động Đình, trời, núi, rừng hiện trong nước, bóng ngược như một cõi tiên khác nữa...

Tinh cung⁽¹⁾ chi quân túy Quỳnh Tương,
 Vũ nhân hi thiếu bất tại bàng.
 Tự văn tạc giả Xích Tùng Tử⁽²⁾
 Khủng thị Hán đại Hàn Trương Lương.
 Tích tùy Lưu thị định Tràng An
 Duy ác vị cải thần thâm thương.
 Quốc gia thành bại ngô khởi cảm,
 Sắc nan⁽³⁾ tinh hủ xan phong hương.
 Chu nam lưu trệ cổ sở tích
 Nam cực lão nhân ưng thọ xương⁽⁴⁾.
 Mỹ nhân hồ vi cách thu thủy
 Yên đắc chí chi cống Ngọc đường⁽⁵⁾.

Dịch nghĩa:

GỬI QUAN GIÁN NGHỊ HỌ HÀN

*Nay tôi không được vui vì nhớ Nhạc Dương,
 Thân xác thì muốn hào hứng bay lên mà ốm nằm tại giường.
 Người đẹp rờ rờ cách làn nước thu,
 Rửa chân ở hồ Động Đình nhìn ra mệnh mang tám cõi.
 Chim hồng bay mờ mờ, mặt trời mặt trăng sáng
 Cây phong xanh lá đã đỏ, trời mưa sương.
 Cõi trời tiên các vua đang họp ở cung Bắc Đẩu
 Hoặc cười kỳ lân, hoặc cười phượng hoàng.
 Cờ xí, hoa sen, trong khói ráng
 Bóng rung, trong nước lộn ngược lại động cả chôn Tiêu Tương.*

⁽¹⁾ Tinh cung: Vòm trời sao. Theo *Tiền Hán thư văn chí* thì: Bầu trời sao chính gồm bảy trăm tám mươi ba ngôi, ứng với các vị tài giỏi đang giữ ngôi thứ trong thiên hạ.

⁽²⁾ Xích Tùng Tử: Một vị tiên, Trương Lương, một mưu sĩ có tiếng, giúp Lưu Bang nên nghiệp đế, khi xong việc, thác là theo Xích Tùng Tử ngao du những nơi danh thắng.

⁽³⁾ Sắc nan: Sắc mặt không đổi. Theo *Thần tiên truyện*, Hồ Công nhiều lần thử Phí Trường Phong, có nhiều chuyện dữ xảy ra trước mặt, sắc mặt Phí Trường Phong vẫn không thay đổi.

⁽⁴⁾ Lão nhân thọ xương: Ngôi sao Lão, giữ việc thọ xương thường mọc ở Nam Cực.

⁽⁵⁾ Ngọc đường: Nhà ngọc. Ở đây chỉ nơi quyền quý.

Người trời trong cung điện đang say chén quỳnh tương,
Những người tầm thường, thua thót, không ở bên cạnh.
Vẳng nghe cái người bữa trước là Xích Tùng Tử
E là người đời Hán, ông Trương Lương người nước Hàn.
Xưa theo họ Lưu bình định được cả đất Tràng An,
Màn trướng chưa đổi, thần sắc thắm thương.
Việc thành bại của đất nước, tôi đâu dám (dự bàn)
Thời thế hư nát mình có hương thơm của cây phong.
Xưa tiếc người lưu lạc ở Chu Nam,
Sao Nam Cực lão nhân ứng với hanh thông và tuổi thọ.
Người đẹp sao rời nổi làn nước thu kia,
Làm sao xếp đặt để dâng lên thêm ngọc.

Dịch thơ:

GỬ QUAN GIÁN NGHỊ HỌ HÀN

Tôi không được vui, nhớ Nhạc Dương
Những muốn tung tăng, ốm liệt giường!
Nước thu cách trở, nơi người đẹp,
Rửa chân Động Đình, nhìn côi hoang.
Tháp thoáng cánh hồng, nhật nguyệt sáng
Trời mưa sương, phong đổ lá vàng,
Ngọc Kinh, chúa tiên châu Bắc Đẩu,
Hoặc cười kỳ lân, cười phượng hoàng.
Cờ xí hoa sen, trong khói ráng
Bóng ngược lay động bên Tiêu Tương,
Người tiên cung trời, say chén vàng
Nơi đây đâu có kẻ tầm thường
Chợt nghe ai kia, Xích Tùng Tử,
E là quan Hán, Hàn Trương Lương.
Xưa theo họ Lưu vào Tràng An,
Màn trướng chẳng đổi, thần sắc thường,
Thành bại quốc gia, ai dám nói,

Suy loạn, ta có hương rừng thom.
 Chu Nam lưu lạc thật là tiếc
 Lão nhân Nam Cực giữ thọ xương,
 Nước thu, người đẹp chừng xa cách,
 Sắp đặt làm sao chốn ngọc đường!

古柏行

柏石圍尺會惜長白東宮古空地風力功棟重驚送蟻鳳嗟用
 老如十千際愛峽山亭閼原牖得烈明化梁山已能螻鸞怨爲
 有根四二時人巫雪錦同郊戶雖多神造要丘世誰容宿莫難
 前銅雨天與爲接通繞侯幹青踞高是因傾首章伐免經人大
 廟青溜參己猶氣寒路武枝丹盤孤自元如迴文剪豈終幽材
 明如皮色臣木來出昨主嵬窈窕落冥持直廈牛露辭心葉士來
 孔柯霜黛君樹雲月憶先崔窈窕落冥扶正大萬不未苦香志古

57. CỔ BÁCH HÀNH

Khổng Minh miếu⁽¹⁾ tiền hữu lão bách,
Kha như thanh đồng, căn như thạch⁽²⁾.
Sương bì lựu vũ tứ thập vi,
Đại sắc tham thiên nhị thiên xích.
Quân thần dĩ dĩ thời tế hội,
Thụ mộc do vi nhân ái tích.
Vân lai khí tiếp Vu Giáp trường,
Nguyệt xuất hàn thông Tuyết sơn bạch.
Úc tạc lộ nhiều Cẩm Đình đông,
Tiền chủ Vũ hầu đồng muện cung.
Thôi ngôi chi cán giao nguyên cổ
Yếu điệu đan thanh hộ dĩ không.
Lạc lạc bàn cứ⁽³⁾ tuy đắc địa
Minh minh cô cao đa liệt phong.
Phù trì tự thị thần minh lực,
Chính trực nguyên nhân tạo hóa công.
Đại hạ như khuynh yêu lương đồng,
Vạn ngư hồi thủ khâu sơn trùng.
Bất lộ văn chương thể dĩ kinh,
Vị từ tiền phạt thù năng tống.
Khổ tâm khởi miễn dung lâu nghĩ
Hương điệp tăng kinh túc loan phượng.
Chí sĩ u nhân mạc oán ta,
Cổ lai tài đại nan vi dụng.

⁽¹⁾ Khổng Minh miếu bách: Cây bách miếu Khổng Minh. Theo *Thực chí*: Gia Cát Lượng tên chữ là Khổng Minh, thân dài 8 thước, tài như Quân Trọng, Nhạc Nghị, khí Lưu Huyền Đức lên ngôi vua, phong làm Thừa tướng. Đầu năm Kiến Nguyên lại ban tước Vũ Hương hầu. Miếu thờ Lưu Bị ở Thành Đô, có thờ phối Khổng Minh. Ở Quý Châu, miếu thờ Tiên chủ (Lưu Bị) riêng, miếu Khổng Minh riêng, ở miếu Khổng Minh có cây bách cổ thụ cao ngang trời.

⁽²⁾ Đồng, thạch: đồng và đá. Theo *Nhậm phương thuật dị chí*, huyện Lư Thị có mộ Lư Quân, bên mộ có cây bách như đồng, nhánh như sắt.

⁽³⁾ Bàn cứ: Long bàn, hổ cứ, tức là nơi rồng trú, hổ ở, chỉ chỗ đất phong thủy đẹp.

Dịch nghĩa:

BÀI HÀNH VỀ CÂY BÁCH XUA

Trước miếu Khổng Minh có cây bách già
Cành nhánh như đồng rễ như đá.
Da sương mưa trải to cao bốn mươi vòng ôm
Vỏ sạm lộng trời cao hai ngàn thước.
Vua tôi cùng đứng đây trong buổi gặp,
Cây cỏ còn là nỗi yêu tiếc của người.
Mây về, khi giăng đến đỉnh Vu Giáp
Trăng hiện lạnh thấu tận Tuyết sơn trắng.
Nhớ xưa đường quanh co ở phía đông Cẩm Đình,
Vũ hầu, tiên chủ chung một đèn thờ.
Dáng cây cao vút trên gò cũ
Nét đan thanh uyển chuyển, cửa lớn, cửa nhỏ.
Trập trùng đất đẹp, tuy là chỗ đắc địa
Mờ mờ một mình cao ngất nhiều gió dữ.
Phù trì vốn đã có sức thần minh,
Nét ngay thẳng vốn là do tạo hoá dựng thành.
Nhà lớn như đã nghiêng, cần kèo cột,
Núi trập trùng như hàng ngàn con trâu quay đầu.
Chẳng dễ lộ văn vẻ mà người đời hỡi phục,
Chẳng hề cảm dẫn chặt, ai đã dám đụng vào.
Khổ nỗi há thoát được lũ mối kiến,
Lá thơm là nơi chim phượng, chim loan đậu ngủ.
Người nhân, kẻ trí sĩ đừng thở than,
Xưa nay người giỏi thường khó dùng.

Dịch thơ :

BÀI HÀNH VỀ CÂY BÁCH CỔ

Trước miếu Khổng Minh cây bách già,
Cành nhánh như đồng, rễ như đá.

*Da sương mưa gội bốn mươi vòng,
Vỏ sẫm, cao hai ngàn thước lẻ.
Vua tôi cùng lúc vui gặp gỡ
Người ta ai chẳng yêu cây cỏ.
Vu Giáp, mây về giăng vệt dài,
Trăng lạnh Tuyết sơn màu trắng xoá.
Nhớ xưa đường quanh Cẩm Đình đông,
Tiền chúa, Vũ Hầu chung một cung.
Dáng cây cao vút trên gò cũ
Uyển chuyển đan thanh cửa lớn nhỏ.
Trập trùng quanh quất dấu đặc địa,
Đơn chiếc trên cao, gió thét gầm.
Phù trì nhờ sức thần minh đấy,
Chính trực là do tay hoá công!
Đền lớn đã xiêu, cần kèo cột,
Trăm trâu châu chục, gò núi đông.
Chẳng lộ, vẻ ngoài đời đã hỡi,
Chẳng cần cấm đoán vẫn nguyên rừng.
Khổ thay không thoát loài mối kiến,
Phượng loan tìm ngủ chốn rừng thom!
Trí sĩ người nhân chó than thở
Xưa nay người giỏi mấy ai dùng!*

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 3)

THẤT NGÔN CỔ THI

ĐỖ PHỦ

觀公孫大娘弟子舞劍器行

氏方喪昂落翔怒光冥芳帝揚以傷人一掌室煙日拱瑟
孫四沮低日龍震清寂芬白揚有惋千第反王如寒已蕭
公動色久九驂收凝兩傳在神既增八初似昏散映木草
人器山之射帝霆海袖子人曲答事女器間洞弟姿前城
佳劍如爲羿群雷江珠弟美此問撫侍劍年瀕子餘堆
有舞者地如如如唇有穎舞余時帝孫十塵園樂粟塘
昔一觀天耀矯來罷絳晚臨妙與感先公五風梨女金瞿

玳筵急管曲復終
樂極哀來月東出
老夫不知其所往
足繭荒山轉愁疾

58. QUAN CÔNG TÔN ĐẠI NƯƠNG ĐỆ TỬ VŨ KIẾM KHÍ⁽¹⁾ HÀNH

Tịch hữu giai nhân Công Tôn thị,
Nhất vũ kiếm khí động tứ phương.
Quan giả như sơn, sắc trở táng
Thiên địa vi chi cửu đề ngang.
Quắc như Nghê xạ, cửu nhật⁽²⁾ lạc,
Kiểu như quần đế⁽³⁾ tham long tường.
Lai như lôi đình thu chấn nộ
Bãi như giang hải ngưng thanh quang.
Giáng thần châu tỵ lương tịch mịch
Vân hữu đệ tử truyền phân phương.
Lâm Dĩnh⁽⁴⁾ mỹ nhân tại Bạch Đế⁽⁵⁾
Diệu vũ thử khúc thần dương dương.
Dữ dư vấn đáp ký hữu dĩ⁽⁶⁾
Cảm thời phủ sự tăng uyển thương.
Tiên đế thị nữ bát thiên nhân
Công Tôn kiếm khí sơ đệ nhất.

⁽¹⁾ Công Tôn kiếm khí: Theo *Đường Minh Hoàng tạp lục*, An Lộc Sơn dâng các đồ nhạc khí bằng ngọc trắng, kèm theo những con hát. Công Tôn đại nương cùng Bùi tướng quân lại tạo ra điệu múa gương rất đẹp đương thời.

⁽²⁾ Cửu nhật: Chín mặt trời. Theo *Hoài Nam tử*: Đời vua Nghiêu, mười mặt trời cùng mọc. Vua sai Hậu Nghệ bắn rụng chín mặt trời.

⁽³⁾ Quần đế: Các vị vua. *Phú Hạ Hầu Huyền*: "Hựu như Đông phương quần đế hê thặng long giá chi tường tường", nghĩa là: Lại như các vị hoàng đế phương Đông (hê) thặng xe rồng mà ruổi bay.

⁽⁴⁾ Lâm Dĩnh, Yển Thành: Theo *Đường thư*: Lâm Dĩnh, Yển Thành là hai huyện đều thuộc Hứa Châu, nay thuộc Hà Nam.

⁽⁵⁾ Bạch Đế: Theo *Nguyên Hoá*: Công Tôn Thuật đến đất Ngư Phục có rồng trắng hiện ra từ trong giếng nên gọi Ngư Phục là Bạch Đế thành. Theo *Hoàn vũ ký*: Công Tôn Thuật chiếm giữ đất Thục, tự cho là thừa vận của đất Hán, nên gọi là Bạch Đế thành. Bạch Đế thành ở Tứ Xuyên.

⁽⁶⁾ Hữu dĩ: Theo *Sử ký*: Tín Lãng Quân không xấu hổ khi kết giao với người bên dưới đó là tự mình muốn thế vậy.

Ngũ thập niên gian tự phản chuông
Phong trần hồng động⁽¹⁾ hôn vương thất.
Lê viên đệ tử tán như yên
Nữ nhạc dư tư ánh hàn nhật.
Kim túc đôi tiền mộc dĩ củng
Cù đường thạch thành thảo tiêu sắt.
Đại diên cấp quản khúc phục chung
Lạc cực ai lai nguyệt đông xuất.
Lão phu bất tri kỳ sở vãng
Túc giản hoang sơn chuyển sâu tật.

Địch nghĩa

BÀI HÀNH VỀ VIỆC XEM HỌC TRÒ CÔNG TÔN ĐẠI NƯƠNG MÚA KIỂM

*Xưa có người đẹp họ Công Tôn,
Một lần múa kiểm rung chuyển bốn phương.
Người xem im như núi, sắc buồn lạnh,
Trời đất tạo lập, cúi ngửa mà múa.
Rạng rỡ như Hậu Nghệ bắn rơi chín mặt trời
Khỏe như các vị vua, cười rống lượn.
Vụt đến như trận sấm dồn vào cơn giận dữ
Khi thôi, như sông bể ngừng ánh nước trong.
Môi thắm tay áo đầy ngọc, nay lặng lẽ,
Sau lại có học trò truyền tiếng thơm.
Người đẹp đất Lâm Đình ở thành Bạch Đằng
Múa khúc đẹp ấy vẻ thần thái thật đáng khen ngợi.
Cùng ta trò chuyện cũng có bận
Thường cảm nhiều nỗi thời thế càng thêm xót xa.
Thị nữ của tiên đế tám ngàn người,
Tài kiểm của Công Tôn là bậc nhất.
Khoảng năm mươi năm nhanh như trở bàn tay,*

⁽¹⁾ Hồng động: Theo sách *Hoài Nam tử*: Động thuở khai thiên lập địa.

*Gió bụi như động hoang, vương phủ mờ tối.
Con hát trong nhà tan như khói
Đội nữ nhạc thừa, chỉ còn vẻ lạnh lẽo.
Đồi Kim Túc, phía trước cây đã đầy
Thành đá Cù Đường cỏ hiu hắt.
Đàn trầm sáo thổi tiệc đã trọn,
Hết vui thì buồn đến, trắng mọc ở phía đông.
Ông già này chẳng biết lúc nào lại đến được,
Gót chân đầy trên núi hoang lại buồn khổ.*

Dịch thơ:

BÀI HÀNH VỀ VIỆC XEM HỌC TRÒ CÔNG TÔN ĐẠI NƯƠNG MÚA KIỂM

*Họ Công Tôn xưa có người đẹp,
Một làn múa kiểm dậy bốn phương.
Người xem im phắc, mặt thoáng buồn,
Trong cội đất trời thoả dọc ngang.
Bắn chín mặt trời, tài Hậu Nghệ,
Mạnh như tiên chúa cưỡi xe rồng.
Đến như trận sấm dòn con giận
Thôi như sông biển tắt hào quang.
Môi thắm, áo châu, đà lạng lẽ,
Học trò sau này tôn tiếng thơm.
Người đẹp Lâm Đình, thành Bạch Đế
Múa giỏi khúc này, thần thái dâng.
Cùng ta đã có lần trò chuyện,
Cảm thời, đắm việc luống lo buồn.
Tiền đế có tám nghìn cung nữ
Kiểm khí Công Tôn, nhất có nàng!
Năm mươi năm lẻ bao thay đổi,
Gió bụi hoang sơ, vương thất tối.
Con hát trong nhà như khói tan*

Nữ nhạc lạnh trời co trước rét.
 Trước đồi Kim Túc cây mọc đông
 Cù Đường thành đá cỏ hiu hắt.
 Khúc đà thôi, sáo gấp, đàn trầm,
 Vui hết buồn dâng, trăng mới mọc.
 Lão liễu bao giờ thì tới được?
 Núi hoang buồn bã lại mòn chân.

NGUYỄN KẾT

石魚湖上醉歌

石 魚 湖 似 洞 庭
 夏 水 欲 滿 君 山 青
 山 爲 樽 水 爲 沼
 酒 徒 歷 歷 坐 洲 島
 長 風 連 日 作 大 浪
 不 能 廢 人 運 酒 舫
 我 持 長 瓢 坐 巴 丘
 酌 飲 四 座 以 散 愁

59. THẠCH NGƯ HỒ THƯỢNG TÚY CA

Thạch Ngư hồ⁽¹⁾ tự Động Đình
 Hạ thủy dục măn Quân Sơn⁽²⁾ thanh.
 Sơn vi tôn Thủy vi chiêu
 Tửu đồ lịch lịch tọa châu đảo.

⁽¹⁾ Thạch Ngư hồ: Hồ Thạch Ngư. Theo bài tựa của Nguyễn Kết viết trên hồ Thạch Ngư: Suối Huệ ở Nam Sơn có đá dựng ở trong nước giống như con cá đang bơi dạo, cá quẫy thành hồ, nên gọi là hồ Thạch Ngư... Xung quanh lại có nhiều tảng đá, người có thể đến ngồi, nước có khi dâng lên. Thuyền nhỏ chở rượu đến cho khách du ngoạn. Nguyễn Kết do đây mà làm bài thơ này.

⁽²⁾ Quân Sơn: Núi Quân. Theo *Bác vật chí*: Quân Sơn trên núi có rượu ngon vài đầu, ai uống được sẽ bắt tử. Theo *Thủy Kinh chú*: Núi này, Tương Quân đã đến thăm nên gọi là Quân Sơn. Núi Quân có hang đá, thông sang Bao Sơn thuộc đất Ngô.

Trường phong liên nhật tác đại lãng
Bất năng phế nhân vận tửu phảng.
Ngã trì tràng biểu tọa Ba Khâu⁽¹⁾
Chước ẩm tửu tọa dĩ tán sâu.

Dịch nghĩa:

BÀI CA SAY TRÊN THẠCH NGƯ HỒ

*Thạch Ngư hồ
Giống như Động Đình
Sông mùa hạ dâng đầy, núi Quân xanh
Núi làm chén
Nước làm ao rượu,
Đám uống rượu lũ lượt kéo vào ngồi ở châu đảo.
Gió mạnh suốt ngày làm hồ có sóng lớn,
Đâu lại để người thôi đi chở thuyền rượu
Ta giữ bầu rượu lớn ngồi ở hồ Ba Khâu
Rót uống cùng bốn bên núi để giải sầu.*

Dịch thơ:

BÀI CA SAY TRÊN HỒ THẠCH NGƯ

*Thạch Ngư hồ
Tựa Động Đình
Sông mùa hạ dâng đầy.
Núi Quân xanh.
Núi làm chén
Nước làm ao rượu,
Sâu rượu lũ lượt ngồi châu đảo
Gió mạnh suốt ngày gây sóng lớn,
Chở rượu nào ai ngăn nổi đâu
Ta ôm bầu rượu, ngự Ba Khâu,
Giải sầu mời bốn bên cùng uống.*

⁽¹⁾ Ba Khâu: Hồ Ba Khâu còn có tên là hồ Thanh Thảo. Núi Ba Khâu tại phía nam Nhạc Châu.

HÀN DŨ (768 - 824)

Hàn Dũ, tên chữ là Thoái Chi, người Xương Lê, (nay là huyện Mạnh, Hà Nam). Từ lúc ba tuổi, theo anh là Bá Chi, lúc ấy làm quan. Anh mất, Dũ chịu khó học hành, rất thông tuệ. Năm Khai Nguyên thứ 8 đậu tiến sĩ, trải qua các chức Tứ Môn bác sĩ, Giám sát ngự sử, dâng sớ lên vua can gián, Đức Tông giận biếm làm quan Lương Sơn lệnh. Năm Nguyên Hoà trao chức Tri quốc tử bác sĩ, Phân ti đông đô, rồi đổi sang làm Đô quan viên ngoại lang. Vua Hiến Tông rước xuong Phật vào nội cung, ông dâng sớ can, vua giận, buộc vào tội chết. Các quan can xin, biếm làm thứ sử Triều Châu, rồi thứ sử Viên Châu, sau lại về triều làm Quốc tử tế tửu rồi Thị lang bộ Binh. Vương Đình nổi loạn, vua sai Dũ đến dụ hàng. Dũ lấy lý lẽ ra dụ, Đình chịu quy phục. Khi về được làm Thị lang bộ Lại, rồi làm quan doãn ở Kinh Triệu kiêm Ngự sử đại phu, sau này Lý Phùng Cát và Lý Thân có chuyện dính dáng đến Dũ, bãi làm Binh Bộ thị lang rồi phục chức Lại Bộ thị lang. Mất năm 57 tuổi, truy tặng Lễ bộ Thượng thư.

山石

山	石	華	确	行	徑	微
黃	昏	到	寺	編	蝠	飛
升	堂	坐	階	新	雨	足
芭	蕉	葉	大	梔	子	肥
僧	言	古	壁	佛	畫	好
以	火	來	照	所	見	稀
鋪	床	拂	席	置	羹	飯
疏	糲	亦	足	飽	我	飢
夜	深	靜	臥	百	蟲	絕
清	月	出	嶺	光	入	扉
天	明	獨	去	無	道	路

出 入 高 下 窮 煙 霏
 山 紅 澗 碧 紛 爛 漫
 時 見 松 檉 皆 十 圍
 當 流 赤 足 蹋 澗 石
 水 聲 激 激 風 生 衣
 人 生 如 此 自 可 樂
 豈 必 局 黨 爲 人 戰
 嗟 哉 吾 黨 二 三 子
 安 得 至 老 不 更 歸

60. SƠN THẠCH

Sơn thạch lao xác⁽¹⁾ hành kính vi,
 Hoàng hôn đảo tự biển bức phi.
 Thăng đường tọa giai tân vũ túc,
 Ba tiêu diệp đại chi tử phi.
 Tăng ngôn cổ bích phật họa hảo,
 Dĩ hỏa lai chiếu sở kiến hi.
 Phô sàng phát tịch chí canh phạm
 Sơ lệ diệp túc bão ngã ky.
 Dạ thâm tĩnh ngọa bách trùng tuyệt
 Thanh nguyệt xuất lĩnh quang nhập phi.
 Thiên minh độc khứ vô đạo lộ,
 Xuất nhập cao hạ cùng yên phi.
 Sơn hồng giản bích phân lạn mạn
 Thời kiến từng lịch giai thập vi.
 Dương lưu xích túc đập giản thạch,
 Thủy thanh kích kích phong sinh y.
 Nhân sinh như thử tự khả lạc,
 Khởi tất cục xúc vi nhân ky⁽²⁾.

⁽¹⁾ Lao xác: Gồ ghề không bằng phẳng.

⁽²⁾ Ky: Cái nhàm ngựa, ở đây chỉ sự trôi buột.

Ta tai ngô đẳng⁽¹⁾ nhị tam tử⁽²⁾,
An đắc chí lão bất canh quy.

Dịch nghĩa:

NÚI ĐÁ

Núi đá gồ ghề, đường đi nhỏ,
Chiều tối đến chùa, dơi bay ra.
Lên nhà ngồi ở thềm, trận mưa vừa dứt,
Lá chuối rất to, cây rành rành rậm rạp.
Sư nói về cái vách cổ, có tranh Phật đẹp,
Lấy lửa để mà xem cũng chẳng nhìn thấy rõ.
Đẹp giường trải chiếu dọn cơm canh,
Gạo rồi cũng đủ làm cho ta no bụng.
Đêm khuya ngồi lặng,
côn trùng mọi thứ đã im tiếng,
Trăng trong ra khỏi núi, ánh sáng vào cửa.
Sáng ra một mình ra đi không thấy đường,
Vào ra bước cao bước thấp, hoà vào khói mưa.
Núi hồng, suối biếc nhòa loang loáng,
Thấy đám tùng thông to đến mười ôm.
Nước chảy, chân không đạp lên đá suối,
Tiếng nước gấp gấp, gió trở lạnh.
Đời người như thế tự cho là vui,
Việc gì phải lật đật tự trối buộc mình.
Ngán thay bọn ta chỉ vài ba người,
Có lẽ đến già cũng không về làng được.

⁽¹⁾ Ngô đẳng: *Luận ngữ*: "Ngô đẳng chi tiểu tử cuồng giản", nghĩa là: Lũ chúng ta là loại cuồng ngông.

⁽²⁾ Nhị tam tử: Vài ba người. *Luận ngữ*: "Nhị tam tử dĩ ngã vi ắc hủ", nghĩa là: vài ba người cho là ta đi ở ắc.

NÚI ĐÁ

Núi đá gồ ghề, lối đi nhỏ,
Đến chùa vừa tối, đám dơi bay.
Lên nhà, ngồi thêm mưa mới tạnh,
Lá chuối to đùng, bụi mập cây.
Sư khoe vách cổ tranh Phật đẹp,
Thấp đuốc mà xem nét nhập nhoà.
Dọn giường, trải chiếu, cơm canh sẵn,
Gạo rồi cũng đủ no bụng mà!
Đêm khuya ngồi lặng, dế giun bắt,
Đầu núi trăng ngồi, cửa sáng ra.
Sớm mai lần đi, đường chẳng có,
Vào ra, cao thấp dầm khói mưa.
Núi hồng, suối biếc, bao quanh quất,
Cây cối mười vòng vây lấy ta.
Đạp lên đá suối, chân hươm đỏ,
Gấp gấp nước tuôn, gió ập oà.
Đời người như thế là vui nhỉ,
Lật đất làm gì thêm rồi ra...
Than ơi lũ ta vài ba gã,
Đến già cũng khó được quay về.

八月十五夜贈張功曹

纖	雲	四	捲	天	無	河
清	風	吹	空	月	舒	波
沙	平	水	息	聲	影	絕
一	杯	相	屬	君	當	歌
君	歌	聲	酸	辭	正	苦
不	能	聽	終	淚	如	雨
洞	庭	連	天	九	疑	高
蛟	龍	出	沒	猩	鼯	號

所逃藥臊鼓臬里死還班抑蠻說間道攀歌科多他何
 官藏畏腥大變萬除者朝家荆堪埃上追我殊宵由明
 到如食熏槌登行皆流清使移不塵多難聽君今非奈
 死默蛇蟄前聖日辟回垢名得官楚流險休與月命飲
 九默畏濕州繼一大追蕩申祇卑捶輦幽且今明由不
 生居床氣者皇書從者瑕家軻司免時路歌歌年生酒
 十幽下海昨嗣赦罪遷滌州坎判未同天君我一人有

61. BÁT NGUYỆT THẬP NGŨ DẠ TẶNG TRƯỞNG CÔNG TÀO⁽¹⁾

Tiêm vân tứ quyền thiên vô hà
 Thanh phong xuy không nguyệt thư ba.
 Sa bình thủy tức thanh ảnh tuyết,
 Nhất bôi tương chúc quân đương ca⁽²⁾.

⁽¹⁾ Trương Công Tào: Tên là Thự, người Hà Gian, đỗ tiến sĩ, làm quan trải các chức Giám sát ngự sử, sau bị dèm cùng Hàn Dũ, Lý Phương Thúc, phải xuống làm huyện lệnh phương Nam, hai năm sau, vua cho giữ Giang Lăng, rồi sau làm phán quan.

⁽²⁾ Đương ca: Cát tiếng hát. *Đoản ca hành* của Ngụy Vũ Đế có câu: "Đối tửu đương ca, nhân sinh kỷ hà," nghĩa là: Trước rượu hãy cất tiếng hát, đời người được bao lâu đâu!

Quân ca thanh toan từ chính khổ,
Bất năng thính chung lệ như vũ.
Động Đình liên thiên Cửu Nghi⁽¹⁾ cao,
Giảo Long xuất một tinh ngô hào.
Thập sinh cử tử đảo quan sở,
U cư mặc mặc như tàng đào.
Hạ sàng úy sà, thực úy được,
Hải khí thấp trập huân tinh tao.
Tạc giả châu tiền trùy đại cổ,
Tự hoàng kế thánh đăng Quỳ, Cao⁽²⁾.
Sắc thư⁽³⁾ nhất nhật hành vạn lý
Tội tông đại tích giai trừ tử.
Thiên giả truy hồi lưu giả hoàn
Điều Hà đăng cầu thanh triều ban.
Châu gia⁽⁴⁾ thân danh sứ gia ỨC⁽⁵⁾
Khảm kha kỳ đắc di Kinh Man⁽⁶⁾.
Phán tư tỳ quan bất kham thuyết,
Vị miễn chủ sở trần ai gian.
Đồng thời bồi lưu đa thượng đạo,
Thiên lộ u hiểm nan truy phan.
Quân ca thả hựu thính ngã ca,
Ngã ca kim dữ quân thù khoa.

⁽¹⁾ Cửu nghi: Nơi chôn vua Thuần, là một ngọn núi có tiếng ở phía nam huyện Ninh Viễn, thuộc Vĩnh Châu.

⁽²⁾ Quỳ, Cao: Chỉ bọn người xu nịnh thấp hèn. Bản *Tập thi* có câu: "Thượng ngôn thuật Nghiêu Thuần, Hạ ngôn dẫn Quỳ, Cao", nghĩa là: Lời nói bậc trên tường thuật lại lời Nghiêu Thuần, lời nói bậc dưới thì dẫn lời Quỳ, Cao.

⁽³⁾ Sắc thư: Theo sách *Cựu Đường thư Thuận Tôn ký*, năm Bình Thân, tháng giêng niên hiệu Trinh Nguyên thứ 21, Thuận Tông lên ngôi, ngày giáp tý tháng 2 ban sắc. Đến tháng 8, Hiến Tông lên ngôi, bỏ lệ của vua trước, ban chiếu giảm tội giết xuống tội đi dầy, tội đi dầy trở xuống, giảm một bậc.

⁽⁴⁾ Châu gia: Quan coi châu phủ. Ở đây tức là chức Thứ sử.

⁽⁵⁾ Sứ gia: Theo *Đông dã hàn thư*, chỉ chức quan Hồ Nam quan sát sứ.

⁽⁶⁾ Kinh, Man: Đất phương xa, thường được coi như nơi còn hoang dã, mọi rợ.

Nhất niên minh nguyệt kim tiêu đa
Nhân sinh do mệnh phi do tha,
Hữu tửu bất ẩm nại minh hà?

Dịch nghĩa:

ĐÊM RẼM THÁNG TÁM TẶNG TRƯỞNG CÔNG TÀO

Mây dùn bốn phía, trời không có sông (Ngân).
Gió mát thổi nhẹ, trăng lòng sóng.
Cát phẳng, nước lặng, im ắng vô cùng.
Một chén này chúc anh đang hát.
Anh hát giọng gắt, lời đang khổ.
Tôi nghe chưa hết lẽ đã chứa chan.
Hồ Động Đình liền trời, núi Cửu Nghi cao.
Thuồng luồng hiện rồi mất, khí sóc gào kêu.
Mười phen sống, chín phen chết đến nơi làm quan.
Chỗ ở ẩn lặng lẽ như trốn tránh.
Xuống giường sợ rắn, ăn sợ thuốc độc,
Hơi biển nơi xa xôi đầy tanh tào.
Bữa nào, trước châu phủ đánh trống lớn.
Vua nổi ngôi dung tủng cho bọn Quý, Cao làm quan to.
Chiều ân xá một ngày đi ngàn dặm
Đám tội phạm tù đầy lần trốn được khỏi chết
Người đi đầy được về, người đáng biếm nơi xa thì cho trở lại,
Rửa sạch vết nhơ, vết bẩn, ban cho sự trắng trong
Người trong châu vệ kê tên, quan sứ lại dìm mắt,
Khôn thay chỉ được đổi đến Kinh Man.
Ban lệnh, quan thấp không dám nói,
Sao thoát được làm than đồn roi chốn quan trường.
Cùng lúc đám người này phần lớn lại lên đường
Đường trời, vắng vẻ hiểm trở, thật khó mà theo vịn,
Anh hát đã xong nghe tôi hát,
Tôi hát bây giờ nào khác gì anh.

Một năm nhiều đêm trăng sáng, đêm nay trăng sáng nhất
Người ta sinh ra có số mệnh, đâu do họ!
Có rượu không uống, cứ để trăng sáng ư?

Dịch thơ:

ĐÊM RẪM THÁNG TÁM TẶNG TRƯƠNG CÔNG TÀO

Mây dùn bốn phía, trời không sao,
Trăng lồng sóng, gió mát trên cao,
Cát phẳng nước yên, thật êm ả
Cạn một chén này, mừng anh nào!
Giọng gất, anh hát lời đấng khổ,
Khúc chưa nghe trọn, lệ chan chứa,
Động Đình liên trời, Cửu Nghi cao,
Giảo long ẩn hiện, sóc khi gào,
Lận đận thâm u, tựa thoát đào!
Vượt nguy hiểm đến nơi nhậm chức
Xuống giường sợ rắn, ăn sợ thuốc
Tanh nồng Kinh, Trập hơi biển trào!
Buổi nào, trước châu đánh trống lớn,
Vua trẻ nổi nghiệp ưa Quỳ, Cao.
Sắc thư một buổi đi ngàn dặm
Tội phạm, tù đầy tha tội chém
Kẻ đầy được về, vời kẻ xa,
Ngọc vết rồi trong, hết cẩu mờ.
Châu vệ điền tên, quan sứ bỏ,
Rủi thay chỉ được đến Kinh, Man,
Chức thấp huyện quan không mở miệng
Đã bao nhiêu kẻ sớm lên đường.
Cùng đầy, khối kẻ đang quay bước
Hiểm vắng đường trời, khó vượt ngang,
Anh đã hát rồi, tôi sẽ hát,

Tôi hát cũng như anh hát trước,
 Một năm trăng sáng, nhất rằm này.
 Đời là có số chẳng do ai,
 Có rượu lẽ nào phụ trăng sáng.

樓門題寺嶽宿遂廟嶽衡謁

公中怪雄腹窮節風應通出空柱融拜宮彩紅酒衷意躬擲同死終
 三當妖其半能雨清有感峰青天祝馬靈光青脯其神鞠我難不長
 皆嵩足專藏誰秋無若能眾撐接堆下趨動填薦明識能導餘幸甘
 秩鎮荒柄霧頂逢昧禱直掃兀延擲動逕柱畫樓薄人伺玃吉荒足
 祭環地神泄絕正晦默正靜突連騰魄一丹圖偃菲老偵盃最蠻纔
 嶽方維假雲有來氣心非臾見蓋廩然柏牆物階以內盱持此逐食
 五四火天噴雖我陰潛豈須仰紫石森松紛鬼升欲廟睢手云竄衣

侯王將相望久絕
 神縱欲福難爲功
 夜投佛寺上高閣
 星月掩映雲曠曠
 猿鳴鐘動不知曙
 杲杲寒日生於東

62. YẾT HÀNH NHẠC⁽¹⁾ MIÊU TOẠI TỨC NHẠC TỰ ĐỀ MÔN LÂU

Ngũ nhạc tế trật giai tam công⁽²⁾.
 Tứ phương hoàn trấn Tung⁽³⁾ đương trung.
 Hỏa duy địa hoang tức yêu quái.
 Thiên giả thân bính chuyên kỳ hùng.
 Phún vân thể vụ tàng bán phúc.
 Tuy hữu tuyết đỉnh thù năng cùng.
 Ngã lai chính phùng thu vũ tiết.
 Âm khí hồi muối vô thanh phong.
 Tiềm tâm mặc đảo nhược hữu ứng.
 Khởi phi chính trực năng cảm thông.
 Tu du tĩnh táo chúng phong xuất.
 Ngưỡng kiến đột ngột sanh thanh không.
 Tử Cái⁽⁴⁾ liên diên tiếp Thiên Trụ⁽⁵⁾
 Thạch Lẫm đẳng trịch đôi Chúc Dong.
 Sâm nhiên động phách hạ mã bái.
 Tùng bách nhất kính xu linh cung.
 Phấn tường đan trụ động quang thái.

⁽¹⁾ Hành nhạc: Núi Hành. Theo *Địa lý chí*: Núi Hành ở phía Nam huyện Tương, Trường Sa.

⁽²⁾ Tế trật tam công: Tế tam công. Theo *Chu Lễ*, Thiên tử tế núi thiêng sông lớn và Ngũ nhạc trong thiên hạ gọi là tế tam công.

⁽³⁾ Tung Sơn: Núi Tung. Núi Tung rộng giáp với bốn phương ở phía Bắc huyện Đãng Phong, tỉnh Hà Nam.

^{(4), (5)} Tử Cái, Thiên Trụ, Thạch Lẫm, Chúc Dung (Dong): Theo *Trường Sa ký*: Núi Hành có 72 ngọn, trong đó có năm núi cao nhất đó là các ngọn Phù Dung, Thiên Trụ, Thạch Lẫm, Chúc Dong...

Quý vật đồ họa điền thanh hồng.
 Thăng giai ủ lữ tiền bô tửu.
 Dục dĩ phỉ bạc minh kỳ trung.
 Miếu nội lão nhân thức thần ý.
 Huy hu trình tứ (tý) năng cúc cung.
 Thủ trì bôi giao⁽¹⁾ đạo ngã trịch.
 Vân thủ tối cát dư nan đồng.
 Thoán trực man hoang hạnh bất tử.
 Y thực tài túc cam trường chung.
 Hầu vương tướng tướng⁽²⁾ vọng cử tuyệt.
 Thần tung dục phúc nan vi công.
 Dạ đầu phật tự thưởng cao các.
 Tinh nguyệt yểm ánh vân đồng lung⁽³⁾.
 Viên minh chung động bất tri thụ.
 Cảo cảo⁽⁴⁾ hàn nhật sinh ư đông.

Dịch nghĩa:

VÀO RA MẮT MIẾU NÚI HÀNH BÊN NGỦ Ở CHÙA NÚI ĐỀ THƠ Ở CỬA LẦU

*Theo phép, tế Ngũ nhạc, đều dự vào lễ tam công.
 Bốn phía núi vây giữ, núi Tung ở giữa.
 Lửa dữ ở đất hoang nhiều yêu quái.
 Trời trao quyền bính, lo kẻ trị.
 Phun mây, tạo sương mù, che khuất sườn núi.
 Tuy có đỉnh cao, ai đã đến được.*

⁽¹⁾ Bôi giao: Chén khấn. Diễn Phồn Lộ muốn bôi trước thần linh, có một đồ vật gọi là chén khấn, cầm lấy quăng xuống đất, xem sắp ngựa, nếu số chén nửa sắp nửa ngựa, tức là âm dương hoà hợp thì quẻ tốt.

⁽²⁾ Hầu vương tướng tướng: dờ dờ làm vương hầu, làm tướng, theo *Sử ký*: Trần Thiệp dòng dõi thế gia, dờ dờ làm vương hầu, làm tướng.

⁽³⁾ Đồng lung: Theo bài phú *Thu hứng* của Phan Nhạc có câu: "Nguyệt đồng lung dĩ hàm quang hê...", nghĩa là: Trăng mới lộ ngậm ánh sáng (hè). Câu này tả mây lộ ra làm che mờ trăng sao.

⁽⁴⁾ Cảo cảo: Hanh khô.

Ta đến đúng dịp tiết mưa thu.
 Âm khí mờ tối không có gió mát.
 Lòng kín đáo cầu khẩn lặng lẽ may ra được ứng.
 Há chẳng lấy lòng ngay thẳng để có thể được cảm thông.
 Chốc lát, mây mù quang, các ngọn núi hiện.
 Ngửa trông thấy cao ngất, núi chiếm giữ trời xanh.
 Núi Tử Cái liền liền tiếp núi Thiên Trụ.
 Núi Thạch Lãm vọt lên, núi Chúc Dong kề liền..
 Lòng đầy cảm động xuống ngựa lậy.
 Một hàng tùng bách dẫn vào đền thiêng.
 Tường phấn cột đỏ rung động ánh vẻ.
 Hình thù kỳ quái lấp cả vẻ xanh hồng.
 Lên thềm khom lưng, bèn dâng rượu.
 Lấy lễ vật đơn bạc, tỏ rõ tấm lòng.
 Người già giữ miếu biết ý thần.
 Thăm thú dò xem thấy hết lòng.
 Tay cầm chén Thần bảo ta xem quẻ bói.
 Nói rằng như thế rất tốt, thoát được nhiều việc khó.
 Ta phải đến mảnh đất người Man, may khỏi chết.
 Ăn mặc qua loa, cam chịu lâu dài.
 Làm hầu vương làm tướng, thôi trông lên ngôi cao.
 Thần buông tha làm phúc, giúp khó mà nên chuyện.
 Đem nấu ở cửa chùa, cửa Phật, lên gác cao.
 Trăng sao bị che mờ, mây vừa ló, đã giăng đầy.
 Vượn kêu chuông gióng, trời sắp sáng.
 Khô hanh ngày rét hiện ra mặt trời phía đông.

Dịch thơ:

RA MẮT MIẾU NÚI HÀNH, NGỦ Ở CHÙA NÚI, ĐỀ THƠ Ở CỬA LẦU

Tế Ngũ nhạc, vào bậc tam công
 Bốn phương vây, núi Tung ở trong.

Lửa dữ đất hoang, lửa yêu quái
 Trời lo kẻ trị để xưng hùng.
 Phun mây, tạo sương, sườn khuất phủ
 Trèo lên tít đỉnh, ai đã từng?
 Ta đến, mưa thu đang giữa tiết
 Âm khí mờ tối, gió vắng không.
 Lòng thầm khấn đảo, mong linh ứng
 Tin lòng ngay thẳng, thần cảm thông!
 Chốc lát mù quang, bao ngọn hiện
 Đột ngột chiêm linh khoảng trời trong.
 Từ Cái vượn, tiếp liền Thiên Trụ
 Thạch Lãm lưng lững, kè Chúc Dong.
 Lòng xiêu phách động, xuống ngựa lay
 Từng bách dẫn lối vào Linh Cung.
 Tường phán, cột son màu vẽ ánh
 Nét hoạ kỳ quái lấp xanh hồng.
 Ông già giữ miếu biết thần ý
 Thăm thú được dẫn thật hết lòng.
 Tay đưa chén khán, bảo ta nếm
 Rằng được điều lành, phúc phận thông!
 Đất Man lẫn trốn, may khỏi chết
 Ăn mặc xuềnh xoàng, phận đã cam.
 Làm vương, làm tướng thôi trông ngóng
 Thần chẳng phù trì đâu nên công!
 Đêm nương cửa Phật trèo lên gác
 Trăng sao khuất lấp, mây ló chông.
 Vượn kêu, chuông gió trời sắp sáng
 Hanh hao se lạnh mặt trời hừng...

石鼓歌

張生手持石鼓文
 勸我識作石鼓歌

死何沸戈賀磨俊羅世峨一阿燎呵本詭曉蜎畫鼉下柯壯梭入蛇秦娥晚沱徵和
仙鼓海天朝相雄遮萬嵯第山火撝紙差難與缺蛟仙枝鈕騰收委到義苦滂士元
謫石四揮受鳴騁皆告隳咸留野煩得無讀隸有生眾交鎖龍不無不遺生雙博稱
人柰遲起堂佩陽獸成鼓藝刻炙護處備密類免斷蕭樹索水詩迫行宿古淚蒙改
無將凌憤明劍岐禽勒作才撰日守何盡義不豈砍鳳碧鐵躍編編西星好涕初始
陵薄綱王開侯于里功石臣選淋物從髮嚴體深劍翔瑚繩鼎儒雅子撫予此昔年
少才周宣大諸蒐萬鑄鑿從揀雨鬼公毫辭字年快鸞珊金古陋二孔倚嗟對憶其

輔科酒多致駝鼎過學磋咽波角頗覆佗事姍角掌沒哦媚鵝罷那事軻列河此跼
右白祭豈立駱郃倍太切填奔節不蓋無於媵礪摩埋吟姿白戰則無丘論懸於蹉
在掘告存可數比百留得尚來露平與期老徒牛爲就空趁博爭理日崇上如止其
軍量浴寶裏載廟止許解都國蘚帖簷遠官激火手鑠顧書可代拾平術此口歌意
從度沐至席祇太豈若講鴻舉剔妥深久大感敲著月西俗尚八收太儒以辯之吾
人我冠此包鼓諸價恩生經見苔置廈歷朝肯童復銷年之紙周人今任能借鼓呼
故爲濯如氈十薦光聖諸觀坐剋安大經中詎牧誰日六義數繼無方柄安願石鳴

63. THẠCH CỔ CA⁽¹⁾

Trương sinh⁽²⁾ thủ trì thạch cổ văn
Khuyến ngã thí tác Thạch cổ ca.
Thiếu Lăng vô nhân, trích tiên tử⁽³⁾
Tài bạc tương nại thạch cổ hà?
Chu cương lăng trì⁽⁴⁾ tứ hải phát
Tuyên Vương phần khởi huy thiên qua.
Đại khai minh đường⁽⁵⁾ thụ triều hạ
Chư hầu kiểm bội minh tương ma.
Sưu vu Kỳ Dương⁽⁶⁾ sinh hùng tuần
Vạn lý cầm thú giai già la.
Tuyên công lạc thành cáo vạn thế
Đạc thạch tác cổ huy tha nga⁽⁷⁾.
Tòng thần tài nghệ hàm đệ nhất
Giản tuyến soạn khắc lưu sơn a.

⁽¹⁾ Thạch cổ: Trống đá. Theo *Tập cổ lục*: Trống đá vốn có từ lâu ở đất Kỳ Dương. Đến đời Đường mới được nhiều người biết đến. Vì Ứng Vật cho là trống của thời Chu Văn vương, đến Chu Tuyên vương đưa vào miếu thờ Khổng Tử. Mất một chiếc, niên hiệu Hoàng Hựu thứ tư truyền chỉ tìm trong dân gian. Trống tất cả có 10 chiếc. Sau đó tản mát trong dân gian lại tìm được đủ. Theo *Nguyên Hoà quận huyện chí*: Văn viết trên trống đá có ở miếu Phượng Tường, phía Nam huyện Thiên Hưng, khoảng hơn hai mươi dặm. Đá hình trống, có mười chiếc. Lại xét *Danh thắng chí*: nam huyện Phượng Tường, có nơi đặt trống đá. Trống tản mát trong dân dã ở Trần Sương. Hàn Văn Công làm bác sĩ, xin với chức Tế tửu, đem vào nhà Thái học, nhưng không được, đến đời Trịnh Dũ Khánh mới dời về miếu Khổng Tử. Vào cuối đời Nguyên dời về Quốc Tử Giám ở Bắc Kinh. Theo Triệu Nghiêu Khanh, *Đông Pha thạch cổ ca* chép rằng: Trống đá có khắc bài văn ở trên, gần 417 chữ, còn đọc được khoảng 272 chữ.

⁽²⁾ Trương sinh: Theo *Hành Đường thoại* sĩ trong chủ thích thơ Đường thì trong tập thơ của Hàn Xương Lê (tức Hàn Dũ) có ghi Trương sinh là nhà thơ Trương Tịch, người làm bài *Tiết phụ ngâm* nổi tiếng.

⁽³⁾ Thiếu Lăng, Trích Tiên: Tức tên người đương thời thường gọi Đỗ Phủ, Lý Bạch.

⁽⁴⁾ Lăng, trì: Theo bài tựa *Trịnh Khang Thành thi phả*: Lăng mộ của vua sau, tức thời Lệ Vương và Chu U Vương là thời suy vi, chính giáo giảm sút.

⁽⁵⁾ Minh đường: Theo *Hiếu kinh thần khế*: Minh đường là nơi vua ngồi coi việc nước. Theo sách *Lễ ký*: Minh đường là nơi Chu Công tiếp chư hầu.

⁽⁶⁾ Kỳ Dương: Tức huyện Kỳ Dương, phủ Phượng Tường, huyện Kỳ Sơn.

⁽⁷⁾ Huy tha nga: Đặt chỗ rất cao.

Vũ lâm nhật chá dã hỏa liệu⁽¹⁾
 Quỷ vật thủ hộ phiên huy ha.
 Công tông hà xứ đắc chỉ bản
 Hào phát tận bị vô sai ngoa.
 Từ nghiêm nghĩa mật độc nan hiểu
 Tự thể bất loại lệ dữ khoa⁽²⁾.
 Niên thâm khởi miễn hữu khuyết họa
 Khoái kiểm khảm đoạn sinh giảo, đà⁽³⁾.
 Loan tường phượng chữ chúng tiên há
 San hô bích thụ giao chi kha.
 Kim thăng thiết sách toả nữ tráng⁽⁴⁾
 Cổ đỉnh được thủy long đăng thoa.
 Lậu nho biên thi bất thu nhập
 Nhị nhã biên bách vô ủy xa.
 Khổng Tử tây hành bất đáo Tàn
 Ý chích tinh tú di hy nga⁽⁵⁾.
 Ta dư hiểu cổ sinh khổ vãn
 Đối thử thê lệ song bàng đà.
 Ưc tích sơ mông bác sĩ trưng
 Kỳ niên thủy cải xưng Nguyên Hòa.
 Cố nhân tông quân tại Hữu phụ⁽⁶⁾
 Vị ngã độ lượng quật cứu khoa.
 Trạc quan mộ đục cáo tế tửu
 Như thử chí bảo tồn khởi đa.

⁽¹⁾ Hoả liệu: Lửa nơi đồng cỏ.

⁽²⁾ Lệ, khoa: Lối chữ cổ kiểu chữ tượng hình như con nòng nọc (khoa đầu)

⁽³⁾ Giao, quy: Thường luồng và rùa. Phú Tử Hư có câu: Phía Tây núi Vân Mộng vọt lên ao suối trong, bên trong có rùa thần, giảo long. Những điều này có ghi trên bài văn ở trống đá.

⁽⁴⁾ Cổ đỉnh được thủy: vạc xưa nhảy ra khỏi nước. Theo *Sử ký phong thiên thư*, nền miếu thờ nhà Tống mất, vạc chìm ở sông Tứ, đất Bành Thành. Theo *Thủy kinh chú*: Chu Hiễn Vương năm thứ 42, chín vạc chìm ở đầm Tứ, thời Tàn Thủy Hoàng cho tìm, Thủy Hoàng cho rằng đức mình sánh với thời Tam Đại, sai vài nghìn người đến định kéo lên, nhưng không được.

⁽⁵⁾ Hy nga: Chỉ mặt trời, mặt trăng, ở đây khen văn chương rực rỡ như mặt trời mặt trăng.

⁽⁶⁾ Hữu phụ: Tức đất Phượng Tường.

Chiên bao tịch lý khả lập chí
 Thập cổ kỳ tải sổ lạc đà.
 Tiến chư thái miếu bắc Cảo đỉnh
 Quang giá khởi chỉ bách bội qua.
 Thánh ân nhược hứa lưu thái học,
 Chư sinh giảng giải đắc thiết tha.
 Quan kinh Hồng đồ⁽¹⁾ thượng điền yết,
 Toạ kiến cử quốc lai bốn ba
 Uyển đài dịch tiền lộ tiết giác
 An chí thỏa thiếp bình bát pha
 Đại hạ thâm thiềm dữ cái phúc
 Kinh lịch cửu viễn kỳ vô tha
 Trung triều đại quan lão ư sự,
 Cự khảng cảm kích đồ yểm a
 Mục đồng xao hỏa ngư lệ giác
 Thùy phục trước thủ vi ma sa
 Nhật tiêu nguyệt thước tự mai một,
 Lục niên tây cổ không ngâm nga.
 Hy Chi tục thư sản tư mị⁽²⁾,
 Sổ chỉ thượng khả bác bạch nga,
 Kế Chu bát đại⁽³⁾ tranh chiến bãi
 Vô nhân thu thập lý tắc na,
 Phương kim thái bình nhật vô sự.
 Bính nhậm nho thuật sùng Khâu, Kha
 An năng dĩ thử thượng luận liệt
 Nguyên tá biện khẩu như huyền hà.
 Thạch cổ chi ca chỉ ư thử
 Ô hô ngã ý kỳ sa đà.

⁽¹⁾ Quan kinh Hồng Đồ: Theo *Hậu Hán linh đế ký*: Tháng 2 năm đầu niên hiệu Quang Hòa, mới đặt chức Hồng Đồ môn bác sĩ, là người thấu hiểu văn tự.

⁽²⁾ Bạch Nga: Theo *Tấn thư Vương Hi Chi truyện*: Hy Chi vốn thích ngỗng. Đát Sơn Âm có đạo sĩ giỏi nuôi ngỗng. Hi Chi đến xem, rất ưng, muốn được tỏ rõ. Đạo sĩ bèn lấy chữ *Đạo Đức kinh* ra nhờ viết rồi đem tặng cả đàn. Hi Chi rất vui, viết xong đem cả lồng về.

⁽³⁾ Bát đại: Tám đời, chỉ các đời: Tần, Hán, Ngụy, Tấn, Ngụy, Tề, Chu, Tùy.

BÀI CA TRỐNG ĐÁ

Trương sinh tay cầm văn trống đá.

Bảo ta thử làm bài ca trống đá.

Thiếu Lăng (Đỗ Phủ) đã không còn.

Trích Tiên (Lý Bạch) đã mất.

Tài mọn liệu có làm nổi hay không?

Đất đai nhà Chu đổ nát bốn bề loạn.

Tuyên vương trong cơn giận, múa giáo trời

Mở rộng cung mình đường để nhận lạy mừng

Chư hầu đeo kiếm đến, tiếng va lách cách.

Săn bắn ở Kỳ Dương phô giỏi giang,

Muôn dặm loài chim loài thú đều bị săn bắt,

Tuyên công trạng, nêu việc cho muôn đời sau

Đèo đá làm trống, núi cao vời bị san,

Kẻ theo hầu vua tài nghệ đều vào bậc nhất,

Đua nhau soạn văn chọn khắc ở trên đá núi,

Mưa xối nằng rọi lửa đồng cỏ soi vào

Dù quỷ thần chở che cũng nứt, hư hỏng

Ông tìm ở đâu ra bản văn giấy này?

Còn rất đầy đủ không sai sót

Lời nghiêm, nghĩa kín đáo đọc khó hiểu

Lối chữ chẳng ngoài lối chữ lệ, chữ khoa (đầu)

Lâu năm chữ chỗ rõ, chỗ mất

Chữ như vung kiếm chém đứt rần, thường lòng

Loan bay phượng múa, quần tiên bay xuống.

San hô biếc bao nhánh giao nhau

Dây vàng dây bạc, khoá nút lớn

Vạc xưa nhô trên nước, thoi hoá rồng nhảy,

Nhà nho gàn, Kinh Thi không chép vào!

So hai khúc hát Nhã nào thua, từ hàm súc

Không Tử đi sang phía tây không đến nước Tần

Tim lấy tinh tú, để sót trời trăng sáng
 Than ôi ta thích chuyện đời xưa,
 chuốc lấy muôn màng
 Trước cảnh ấy lệ nhỏ hai hàng chan chứa.
 Nhớ xưa thuở mới được vua cho làm chức bác sĩ,
 Đúng năm vừa đổi làm niên hiệu Nguyên Hoà,
 Máy ông bạn lo việc quân đều ở đất Hữu Phụ
 Vì ta gọi điều tìm kiếm trống.
 Ta lau mũ, tắm rửa xin với chức Tế tửu,
 Nếu như vật quý báu còn nhiều
 Mền giảng chiếu trải đặt đúng chỗ,
 Mười chiếc trống thờ chở trên lưng lạc đà
 Tiến dâng lên Thái Miếu vạc của nước Cảo.
 Làm sáng giá lên gấp trăm lần,
 On vua còn hơn thế, cho lưu ở nhà thái học.
 Mọi đám học trò lại giảng giải cận kề
 Cửa Hồng Đô, người đứng chậi xem
 Ta ngồi nhìn các nước đi qua, đi lại
 Phủ rêu cắt cỏ, đường nét hiện ra
 Đặt ở chỗ vững vàng ngay ngắn
 Nhà lớn ngồi xem lâu đầy tàn che.
 Đã bươn chải lâu ngày, không hư hỏng
 Trong triều các vị đại quan già, lọc lõi mọi việc
 Không rõ việc, nên nghỉ ngại chần chừ
 Trẻ trâu cời lửa, trâu mài sừng
 Ai chịu đưa tay làm, chịu chùi rửa
 Mặt trời đốt, mặt trăng rơi sáng rồi cũng bị mai một,
 Sáu năm nhớ về trời tây ta ngâm nga,
 Hy Chi vẽ cổ nhĩ, lại càng đẹp.
 Chữ trên giấy viết xong đổi lấy thiên nga đem về.
 Nói sau nhà Chu tám đời, tranh giành,
 chiến tranh đã dứt
 Không ai gọt nhứt, lý lẽ cũng sai đi,

Như nay đời thái bình, ngày vô sự,
Chuông Nho tôn ông Khâu, ông Kha.
Ví như lấy chuyện này bàn cho thấu nhẽ,
Xin mượn lời biện giải không ngưng nghỉ,
Bài ca chiếc trống đá dừng ở đây
Chao ôi cái ý của ta sa đà mất rồi!

Dịch thơ:

BÀI CA CHIẾC TRỐNG ĐÁ

Trương sinh cầm bản văn trống đá,
Khuyến ta nên làm thử bài ca
Lý, Đỗ thôi đã vắng mà,
Múa may liệu có vượt qua tài hèn!
Nhà Chu nát lênh đênh bốn biển
Giận Tuyên Vương lay động trời sao,
Nhà sang mở đón chư hầu,
Kiếm va lách cách đua nhau lay mừng
Đất Kỳ Dương cuộc săn náo nhiệt,
Mọi thú cầm sa hết lưới giăng,
Muôn đời, nêu việc, tuyên công
Đeo đá dựng trống chấp chồng trên cao.
Quan châu kể dự vào bậc nhất,
Đua tài văn chạm, khắc để đời,
Nắng mưa xối, lửa đồng soi,
Quỷ thần che cũng nứt rồi biết sao!
Văn trống ấy ở đâu có được?
Chữ đủ đầy, sai sót tịnh không!
Chữ khoa, chữ lệ trập trùng,
Lâu ngày chỗ mất, chỗ còn lem nhem...
Loan phượng múa, như tiên bay xuống
Ngọc san hô chen lẫn toả nhành
Nút thêm sợi sắt dây vàng,

Đỉnh nhô trên nước, thoi hình rồng bay.
 Kinh Thi đẩy qua tay lọc lựa,
 Hàm súc so hai Nhã nào thua
 Rời Tần, Khổng Tử viễn du,
 Trắng lu thì bỏ, sao thừa lại vợ.
 Ta chuộng cổ, so xưa vốn muôn
 Lệ hai hàng những muôn ứa ra
 Chức bác sĩ năm Nguyên Hoà,
 Bạn bè Hữu Phụ cũng là việc quân.
 Vì ta giúp kiếm tìm trống cũ,
 Rồi trình lên Tế tửu quan trên
 Ví như vật quý sẵn tìm
 Vận may chiếu trải mền giảng giữa nhà.
 Mười trống lớn lạc đà chuyên chở
 Thái Miếu dâng vạc cổ nước xưa,
 Sáng danh kể mấy cho vừa,
 Lưu nhà thái học ơn vua cao đầy.
 Học trò lại tìm tòi giảng giải,
 Cửa Hồng Đô, xúm lại đông sao,
 Ta nhìn khắp nước ra vào
 Gạt rêu phong, chữ thuở nào hiện ra.
 Vàng đem đặt giữa nhà
 Thêm sang, tàn lọng rợp che chỗ ngồi.
 Các quan lớn, việc đòi lọc lõi
 Hiểu lơ mơ ngàn ngại xét tra
 Trâu báng sừng, lửa đồng xa,
 Nào ai đã chịu đứng ra cọ chùi!
 Sẽ mai một, trăng ngời, nắng ứa
 Nhớ trời tây lần lửa sáu năm,
 Hy Chi nét vẽ đan thanh
 Thấy bày ngỗng đẹp xem chừng đối ngay.
 Tám vua sau, thôi bày bình lửa,
 Chẳng ai lo, sắc vẽ dần phai,

Thái bình vô sự một thời,
 Chuộng nho Khổng Mạnh, nơi nơi tôn sùng.
 Ví như chuyện được bàn thâu nhẽ,
 Biện luận say đâu dễ chịu thôi
 Bài ca trống đá dừng rồi.
 Chao ơi, ta quả lỗi thôi dài dòng!

LIÊU TÔNG NGUYÊN

漁翁

漁翁夜傍西巖宿
 曉汲清湘燃楚燭
 煙銷日出不見人
 欸乃一聲山水綠
 迴看天際下中流
 巖上無心雲相逐

64. NGƯ ÔNG

Ngư ông dạ bàng tây nham túc,
 Hiểu hấp thanh Tương nhiên Sở trúc.
 Yên tiêu nhật xuất bất kiến nhân,
 Ai nãi⁽¹⁾ nhất thanh sơn thủy lục.
 Hồi khan thiên tế⁽²⁾ há trung lưu,
 Nham thượng vô tâm⁽³⁾ vân tương trục.

⁽¹⁾ Ai nãi: Tiếng tượng thanh: Vẳng đâu? Theo *Khang Hy tự điển*: Ai nãi là tiếng chèo thuyền vẳng ra... Xét *Nguyên Kết Ai Nãi khúc tự* (Bài tựa về khúc hát Ai nãi của Nguyên Kết): Năm Đinh Mùi niên hiệu Đại Lịch, Mạn Suu vì việc quân đến kinh đô, sứ về, thuyền không đi nổi, ông làm khúc hát *Ai nãi* năm bài, người trên thuyền hát mà chèo đi.

⁽²⁾ Thiên tế: Cõi trời xa. Thơ Tạ Linh Vận: "Trời xa biết thuyền về. Mây vờn trên cây sông".

⁽³⁾ Vô tâm: Thơ *Quy khứ lai từ* của Đào Tiềm: "Vân vô tâm dĩ xuất tự, diều quyện phi nhi tri đoán..." nghĩa là: "Mây vô tâm dùn khỏi hang núi, chim bay mỏi mà biết về".

Địch nghĩa:

ÔNG CHÀI

*Ông chài ngủ lại đêm ở phía tây núi
Sáng ra mức nước sông Tương nấu bằng tre nước Sở.
Khói tan mặt trời hiện ra không thấy người
Chỉ một tiếng hò của núi sông xanh thắm.
Quay đầu nhìn lại khoảng trời, thuyền xuôi dòng,
Trên núi mây sương vô tình rong ruổi.*

Địch thơ:

ÔNG CHÀI

*Ông chài ghé ngủ non Tây,
Nước Tương, tre Sở sớm mai tuyết vời.
Khói tan, trời hừng vắng người
Câu hò xanh thắm vắng lời núi sông.
Trời cao soi bóng, giữa dòng
Mây vô tâm ruổi trên tầng núi cao.*

BẠCH CƯ DI

長恨歌

漢	皇	重	色	思	傾	國
御	宇	多	年	求	不	得
楊	家	有	女	初	長	成
養	在	深	閨	人	未	識
天	生	麗	質	難	自	棄
一	朝	選	在	君	王	側
回	眸	一	笑	百	媚	生
六	宮	粉	黛	無	顏	色

池脂力時搖宵起朝暇夜人身夜春士戶心女雲聞竹足來曲生行止里何死收頭
清凝無澤步春高早閑專千一侍和列門母生青處絲不地衣塵南復餘奈前人搔
華洗嬌恩金度日不無夜三在嬌醉皆生父重入處凝看動羽煙西行百無馬無玉
浴滑起承顏暖短王宴遊麗愛成罷兄彩下男處飄舞王鼓裳闕騎搖門發眉地雀
賜水扶新花帳苦君侍春佳寵妝宴弟光天生高風慢君輦霓城萬搖都不蛾委金
寒泉兒是鬢蓉宵此歡從宮千屋樓妹憐令重宮樂歌日陽破重乘華出軍轉鈿翹
春溫侍始雲芙蓉春從承春後三金玉姊可遂不驪仙緩盡漁驚九千翠西六宛花翠

得流索閣行薄青情色聲馭去中處衣歸舊柳眉垂日時草掃新老然眠夜天重共
不和蕭劍人色山暮心斷龍能土死霑馬依央如淚開落秋不髮娥悄成長曙華與
救相風登少日蜀暮傷腸迴不泥空盡信皆未柳不花葉多紅白青思未初欲霜誰
面淚漫紆下光碧朝月鈴轉躇下顏顧門苑蓉面何李桐內階弟監飛盡鼓河冷寒
掩血散縈山無水朝見聞地躊躇坡玉相都池芙如如桃梧南滿子阿螢挑鐘星瓦衾
王看埃棧峨眉旗江主宮雨旋此嵬見臣望來液蓉此風雨宮葉園房殿燈遲耿鶩翠
君回黃雲峨旌蜀聖行夜天到馬不君東歸太芙對春秋西落梨椒夕孤遲耿鶩翡翠

年夢客魄思覓電遍泉見山間起子真是局成使驚徊開覺來舉舞千雨王茫絕長
經入都魂轉勤如之黃不仙縹雲仙太差玉雙子魂徘徊睡堂飄衣闌帶君渺愛月
別來鴻致輾殷奔求下皆有縹五多字參叩報天夢起迤新下飄羽淚春謝兩恩日
死曾士誠王士氣地落茫上無瓏約人貌廂玉家裡枕屏偏整袂裳寞枝睇容裡中
生不道精君方馭入碧茫海虛玲綽一花西小漢帳推銀半不仙霓寂一凝音殿宮
悠魄邛以感教空天窮處聞在閣中有膚闕教道華衣箔髻冠吹似容花情別陽萊
悠魂臨能爲遂排升上兩忽山樓其中雪金轉聞九攬珠雲花風猶玉梨含一昭蓬

處霧情去扇鈿堅見詞知殿時鳥枝盡期
 囊塵深將一分鈿相寄心生語翼理時絕
 人見表寄合合金會重兩長私比連有無
 望安物釵股金似間勤誓日人作爲久綿
 下長舊金一黃金心人殷有七無願願地綿
 頭見將合留擘教上別中月半天地長恨
 回不唯鈿釵釵但天臨詞七夜在在地天此

65. TRƯỜNG HẬN CA

Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc⁽¹⁾,
 Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.
 Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành.
 Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.
 Thiên sinh lệ chất nan tự khí.
 Nhất triều tuyển tại quân vương trắc.
 Hồi mâu nhất tiểu bách mị sinh,
 Lục cung phần đại vô nhan sắc.
 Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì,
 Ôn tuyền⁽²⁾ thủy hoạt tẩy ngưng chi.
 Thị nhi phù khởi kiều vô lực,

⁽¹⁾ Khuynh quốc: Nghiêng nước, đẹp nghiêng nước, nghiêng thành.

⁽²⁾ Ôn tuyền: Suối âm. Theo *Đường thư địa lý chí*, Ôn Tuyền cung ở phủ Kinh Triệu sau đổi làm Hoa Thanh cung.

Thủy thị tân thừa ân trạch thì.
 Vân mấn hoa nhan kim bộ dao,
 Phù dung trưởng noãn độ xuân tiêu.
 Xuân tiêu khổ đoản nhật cao khởi,
 Tòng thử quân vương bất tảo triều.
 Thừa hoan thị yển vô nhân hạ,
 Xuân tòng xuân du dạ chuyển dạ.
 Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
 Tam thiên sủng ái tại nhất thân.
 Kim ốc⁽¹⁾ trang thành kiều thị dạ,
 Ngọc lâu yển bãi túy hòa xuân.
 Tỉ muội đệ huynh giai liệt thổ,
 Khả liên quang thái sinh môn hộ.
 Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm,
 Bất trọng sinh nam, trọng sinh nữ.
 Ly cung⁽²⁾ cao xứ nhập thanh vân,
 Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ văn,
 Hoãn ca mạn vũ ngưng ti trúc,
 Tận nhật quân vương khan bất túc.
 Ngư Dương bề cổ⁽³⁾ động địa lai,
 Kinh phá Nghê thường vũ y⁽⁴⁾ khúc.
 Cửu trùng⁽⁵⁾ thành khuyết yên trần sinh,

⁽¹⁾ Kim ốc: Nhà vàng. Theo *Hán Vũ đế cổ sự*, khi được hỏi nếu lấy được A Kiều nhà vua sẽ làm gì. Vũ đế nói sẽ dựng nhà vàng cho A Kiều ở. Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên (Kiều).

⁽²⁾ Ly cung: tức Hoa Thanh cung ở Ly Sơn.

⁽³⁾ Ngư Dương bề cổ: Tiếng trống ầm vang đất Ngư Dương. Năm Thiên Bảo thứ 14 mùa đông, tháng mười một, An Lộc Sơn làm phản ở Phạm Dương, tiến binh xuống phía Nam, đi qua các châu huyện, quan các địa phương phải ra đón, hoặc bỏ trốn, không dám chống lại, chiếm sáu quận trong đó có quận Ngư Dương.

⁽⁴⁾ Nghê thường vũ y khúc: Khúc múa hát điệu Nghê thường, theo *Đường dật sử*, niên hiệu Khai Nguyên, đêm trung thu, La Công Viễn lấy gậy khua lên trời, hóa thành chiếc cầu lớn, mời Đường Minh Hoàng cùng leo lên đến cửa khuyết, Công Viễn nói, đây là cung trăng. Vua thấy vài trăm tiên nữ, đều đang tập múa, xống áo tung bay ở sân rộng. Gọi là khúc Nghê thường vũ y. Minh Hoàng ngẫm nhớ lấy thanh điệu, soạn ra điệu *Nghê thường vũ y*.

⁽⁵⁾ Cửu trùng: chín bậc, tức nơi vua ở.

Thiên thặng vạn ky tây nam hành,
Thúy hoa dao dao hành phục chỉ,
Tây xuất đô môn bách dư lý.
Lục quân bất phát vô nại hà,
Uyển chuyển nga my mã tiền tử.
Hoa điền ủy địa vô nhân thu,
Thúy kiều, kim tước, ngọc tao đầu.
Quân vương yểm diện cứu bất đắc,
Hồi khan huyết lệ tương hòa lưu.
Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác,
Vân sạn oanh vu đăng Kiếm Các.
Nga Mi⁽¹⁾ sơn hạ thiếu nhân hành,
Tinh kỳ vô quang, nhật sắc bạc.
Thục giang thủy bích, Thục sơn thanh,
Thánh chủ triều triều mộ mộ tình.
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc,
Dạ vũ văn linh trường đoạn thanh.
Thiên tuyền địa chuyển hồi long ngự,
Đáo thử trừ trừ bất năng khứ.
Mã Ngôi pha⁽²⁾ hạ nê thổ trung.
Bất kiến ngọc nhan không tử xứ.
Quân thần tương cố tận chiêm y.
Đồng vọng đô môn tín mã quy,
Quy lai trì uyển giai y cự.
Thái Dịch⁽³⁾ phù dung Vị Ương⁽⁴⁾ liễu,
Phù dung như diện liễu như mi.

⁽¹⁾ Nga Mi sơn: Núi Nga Mi. Theo *Thủy kinh chú*. Núi Nga Mi cách Thành Đô đất Thục khoảng nghìn dặm, núi rất cao.

⁽²⁾ Mã Ngôi pha: Gò Mã Ngôi. Theo *Nhất thống chí*, gò Mã Ngôi; thuộc phủ Tây An, huyện Hưng Bình về phía Nam khoảng hai mươi lăm dặm.

⁽³⁾ Thái Dịch: Theo *Hán thư giao tự chí*. Ao lớn ở Bắc Trĩ có dựng một đài cao hơn hai mươi trượng gọi là Thái Dịch.

⁽⁴⁾ Vị Ương: Cung điện có từ nhà Hán, ở Ung Châu, huyện Trường An, mạn tây bắc, khoảng mười dặm.

Đồi thử như hà bất lệ thù?
 Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
 Thu vũ ngô đồng điệp lạc thì.
 Tây cung nam nội đa thu thảo,
 Lạc điệp mãn giai hồng bất tảo.
 Lê viên tử đệ bạch phát tân,
 Tiêu phòng⁽¹⁾ a giám thanh nga lão.
 Tịch điện huỳnh phi tứ tiểu nhiên,
 Cô đẳng khiêu tận vị thành miên.
 Trì trì chung cổ sơ trường dạ,
 Cảnh cảnh tinh hà dục thụ thiên.
 Uyên ương ngổa lãnh sương hoa trọng,
 Phỉ thúy khâm hàn thùy dữ cộng.
 Du du sinh tử biệt kinh niên,
 Hồn phách bất tăng lai nhập mộng.
 Lâm Cùng⁽²⁾ đạo sĩ Hồng Đô khách,
 Năng dĩ tinh thành chí hồn phách.
 Vị cảm quân vương triển chuyển tư,
 Toại giao phương sĩ ân cần mịch.
 Bài không ngự khí bồn như điện,
 Thăng thiên nhập địa cầu chi biến.
 Thượng cùng bích lạc hạ hoàng tuyền,
 Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến.
 Hốt văn hải thượng hữu tiên sơn,
 San tại hư vô phiêu diểu gian.
 Lâu các linh lung ngũ vân khởi,
 Kỳ trung xước ước đa tiên tử.
 Trung hữu nhất nhân tự Thái Chân,
 Tuyệt phu hoa mạo sâm si thị.
 Kim khuyết tây sương khẩu ngọc quynh.

⁽¹⁾ Tiêu phòng: Phòng trát hồ tiêu cho ấm, ở đây là nơi hoàng hậu ở, trong cung Vị Ương.

⁽²⁾ Lâm Cùng, tên huyện là huyện Bồ Giang ở Tứ Xuyên.

Chuyển giao Tiểu Ngọc báo Song Thành⁽¹⁾,
 Văn đạo Hán gia thiên tử sứ,
 Cứu hoa trưởng lý mộng hồn kinh.
 Lâm y thôi chẩm khởi bồi hồi
 Châu bạc ngân bình di lý khai.
 Vân kết bán thiên tân thụy giác,
 Hoa quan bất chinh hạ đường lai.
 Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử;
 Do tự Nghê thường vũ y vũ.
 Ngọc dung tịch mịch lệ lan can,
 Lê hoa nhất chi xuân đới vũ.
 Hàm tình ngưng thể tạ quân vương,
 Nhất biệt âm dung lưỡng diều mang.
 Chiêu Dương điện⁽²⁾ lý ân ái tuyệt,
 Bồng Lai cung⁽³⁾ trung nhật nguyệt trường.
 Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ,
 Bất kiến Tràng An kiến trần vụ.
 Duy tương cự vật biểu thâm tình,
 Điền hạp kim thoa ký tương khứ.
 Điền lưu nhất cổ, hạp nhất phiến,
 Thoa tích hoàng kim hợp phân điện.
 Đan giao tâm tự kim điền kiên,
 Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.
 Lâm biệt ân cần trùng ký từ,
 Từ trung hữu thệ lưỡng tâm tri.
 Thất nguyệt thất nhật Trường Sinh⁽⁴⁾ điện,
 Dạ bán vô nhân tư ngữ thì,

⁽¹⁾ Tiểu Ngọc, Song Thành: Tiểu Ngọc, là con gái Ngô Phù Sai, còn Song Thành là tiên thối sáo của Tây Vương Mẫu, ở đây chỉ hai nàng tiên cùng ở với Thái Chân.

⁽²⁾ Chiêu Dương điện: Là cung điện thời Hán Vũ đế.

⁽³⁾ Bồng Lai cung: Theo *Sơn Hải kinh* thì núi Bồng Lai (nơi tiên ở) ở ngoài biển.

⁽⁴⁾ Trường Sinh điện: Năm đầu Thiên Bảo tháng mười cho xây điện Trường Sinh ở Hoa Thanh cung.

"Tại thiên nguyên tác ty dục điều"⁽¹⁾,
Tại địa nguyên vi liên lý chí"⁽²⁾.
Thiên trường địa cửu hữu thì tận,
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ!

Dịch nghĩa:

TRƯỜNG HẬN CA

Vua Hán trọng sắc đẹp,
Muốn có một người nghiêng nước nghiêng thành
Ở ngôi bao năm tìm kiếm không được.
Họ Dương có cô gái mới lớn lên,
Nuôi dạy ở nơi buồn thê, người ngoài chưa ai biết
Vẻ đẹp trời sinh khó tự bỏ hoài,
Một sớm được tuyển vào bên vua
Mỗi lần đưa mắt, nhoe nhoẹt cười lại lộ ra trăm vẻ đáng yêu
Sáu cung son phấn không còn ai đáng gọi là có nhan sắc nữa.
Tiết xuân lạnh, được tắm ở hồ Hoa Thanh,
Suối ấm, nước trơn dội trên da trắng mịn như mỡ đông
Thị tỳ nâng dậy, yếu mềm như không còn sức nữa.
Ấy là lần đầu tiên được thăm nhuần ơn vua.
Tóc mây, mặt hoa, những chuỗi ngọc trên đầu rung rinh.
Trương phù dung ẩm trà qua đêm xuân.
Bực nổi đêm xuân ngắn ngủi, mặt trời lên cao rồi mới dậy,
Từ đây vua không ra coi châu sớm.
Khi mua vui, khi hầu tiệc, chẳng lúc nào ngơi
Mùa xuân theo đi chơi xuân,
đêm nào cũng là đêm riêng của nàng với vua.
Gái đẹp nơi hậu cung hàng ba nghìn người,

⁽¹⁾ Tị dục: Liền cánh. Truyền thuyết cho rằng, phương nam có loài chim liền cánh, sáp cánh bên nhau mà bay, gọi là chim Kiềm Kiềm

⁽²⁾ Liên lý chí: Liền cảnh. *Sưu thần ký* chép: Trên mộ Hàn Phụng có nhiều cây liền cảnh. Sách *Hiếu minh* nói: Đúc thắm vào cây cối hóa cây liền cảnh.

Tình yêu thương đối với ba nghìn người áy
 nay trút cả vào một mình nàng.
 Nơi nhà vàng, trang hoàng xong,
 là chỗ của những đêm hầu hạ nũng nịu
 Tiệc lầu ngọc, tan rồi là buổi say sưa với cả chiều xuân êm ái!
 Chị em, anh em đều được cất đất phong quan.
 Thương thay! Một mình làm vẻ vang cho cả nhà cả họ!
 Khiến cho lòng những người làm cha mẹ trong thiên hạ,
 Quý sinh con gái hơn sinh trai.
 Cung điện trên núi Ly sơn cao vút mây xanh,
 Khúc nhạc tiên theo gió đưa đi, nơi nơi nghe tiếng.
 Giọng ca trầm trầm, điệu múa khoan khoan hoà
 với tiếng đàn tiếng sáo
 Suốt ngày vua xem không xuể.
 Tiếng trống trận Ngư Dương dậy đất bỗng vọng đến,
 Làm cho điệu múa "Nghê thường" tan tác kinh hoàng
 Chín lần thành khuyết, khói bụi mịt mù,
 Nghìn cỗ xe, muôn cỗ ngựa chạy về tây nam.
 Tàn thắm, cờ hoa ngã nghiêng dùng dằng.
 Đi ra phía tây, khỏi cổng thành được hơn trăm dặm.
 Bỗng sáu quân không chịu tiến, tình thế khó xong,
 Gái mây ngài phải quần quai chết trước đầu ngựa.
 Bông hoa vàng, cành thuý kiều hình kim tước
 và trâm ngọc cài đầu,
 Rơi rắc trên mặt đất chẳng còn ai nhặt.
 Cứu không nổi, vua đành bưng mặt,
 Khi nhìn lại, máu pha nước mắt chảy ròng ròng.
 Bụi vàng tản mát bay, gió hiu hắt thổi,
 Những đợt thang mây vẫn uốn khúc cheo leo trên núi Kiếm Các.
 Dưới chân núi Nga My thừa thốt người đi,
 Bóng cờ ủ rũ, ánh mặt trời bạc phếch.
 Sông đất Thục biếc, núi đất Thục xanh.
 Tình vua nhớ nhung hết sớm lại chiều.

Ánh trăng nơi hành cung, trông nhỡng đau lòng,
 Tiếng chuông lúc đêm mưa, nghe càng đứt ruột.
 Trời xoay đất chuyển, xe rồng lại trở về,
 Tôi đó dùng dằng không nỡ dời chân.
 Trong đồng đất bùn, trên gò Mã Ngôi,
 Mặt ngọc nào thấy đâu, còn tro chỗ thác uống!
 Vua tôi nhìn nhau, ai nấy lệ rơi thảm áo,
 Hướng về phương đông, phía cổng thành,
 mặc cho vó ngựa quen đường lữg thưng bước về.
 Tôi nơi, ao vườn vẫn nguyên như cũ
 Sen hồ Thái Dịch, liễu cung Vị Ương,
 Thấy hoa sen, nhớ đến mặt (nàng),
 thấy lá liễu nhớ lông mày (nàng).
 Trước cảnh ấy, cầm sao được giọt lệ!
 Những buổi gió xuân, đào lý nở hoa,
 Những lúc mưa thu, ngô đồng rụng lá.
 Cung điện phía Tây nội Nam cỏ thu mọc đầy.
 Lá rụng toi bời, đổ thềm không ai quét.
 Bọn con hát nơi lê viên tóc đà nhuộm bạc,
 Lũ thái giám, thị tỳ chốn Tiêu Phòng cũng đã già rồi.
 Trước điện, buổi tối, đom đóm bay, cảnh tình lặng ngắt.
 Ngọn đèn vô vô khêu đã hết bắc, giấc mộng vẫn chưa thành.
 Tiếng trống cầm canh chậm chậm đêm mới bắt đầu dài,
 Ánh sao lấp lánh trên sông Ngân lúc trời sắp sáng.
 Lớp sương nặng phủ trên mái ngói uyên ương giá ngắt,
 Tắm chẵn cánh trả, lạnh như tiền, chung đắp cùng ai?
 Kẻ khuất người còn, xa nhau đã hơn năm trời đằng đẵng.
 Hồn phách chưa từng gặp nhau trong giấc chiêm bao!
 Một đạo sĩ ở Lâm Cùng đến chơi Hồng Đô
 Có phép thuật tinh thành gọi được hồn phách người chết,
 Vì cảm nỗi lòng vua nhớ nhung trần trọc,
 Mới sai phương sĩ hết lòng tìm kiếm:
 Xé tầng mây, cười làn gió, đi nhanh như chớp

Lên trời, xuống đất, tìm khắp mọi nơi
 Trên từ mây biếc, dưới đến suối vàng,
 Cả hai nơi đều mệnh mang không thấy.
 Chợt nghe ở ngoài bể có ngọn núi tiên,
 Núi rập rờn trong khoảng hư vô huyền ảo.
 Lầu gác lộng lẫy, năm thức mây lồng,
 Có bao nàng tiên thướt tha yếu điệu.
 Trong đó, một nàng tên gọi Thái Chân,
 Da tuyết, mặt hoa na ná giống.
 Gõ cửa ngọc mái tây nơi kim khuyết
 Nhờ Tiểu Ngọc, truyền bảo đến Song Thành.
 Nghe có sứ vua Hán tới
 Trong màn cửa hoa giật mình tỉnh giấc.
 Khép áo, đẩy gối, bồi hồi trở dậy.
 Cánh rèm châu, bức màn bạc từ từ mở ra,
 Búi tóc mây hơi lệch, vẻ còn ngái ngủ,
 Mũ hoa đội chưa ngay, vội bước xuống thềm.
 Gió thổi, vạt áo nhẹ nhẹ bay,
 Hệt như lúc đang múa khúc "Nghê thường vũ y".
 Vẻ ngọc âm thâm, vẫn dài hàng lệ,
 Một cành hoa lệ dầm hạt mưa xuân.
 Dầm dẫm khoé mắt, ghen ngào: "Đa tạ lòng quân vương"
 "Một lần từ biệt đôi ngả cách mặt khuất lời.
 "Tình ân ái ở điện Chiêu Dương thế là đoạn tuyệt.
 "Ngày tháng trong cung Bồng Lai dài đằng đẳng.
 "Ngoảnh mặt nhìn xuống cõi đời,
 "Không thấy Trường An, chỉ thấy bụi trần mù mịt!
 "Nay xin mượn vật cũ để tỏ chút tình thâm
 "Chiếc hộp khảm, cành kim thoa, gửi mang về giúp.
 "Thoa để lại một nhánh, hộp để lại một mảnh,
 "Thoa bẻ nhánh vàng, hộp chia mảnh khảm.
 "Chỉ nguyện tám lòng bền như vàng như khảm,
 "Kể trên trời, người trần thế sẽ còn gặp nhau!"

Lúc sắp từ biệt còn ân cần nhắc gửi mấy lời
 Trong đó có lời thề riêng, chỉ hai tấm lòng được biết.
 Đó là đêm mùng bảy tháng bảy, tại điện Trường Sinh
 Nửa đêm, người vắng, thề riêng với nhau:
 "Ở trên trời nguyện làm chim liền cánh,
 "Ở dưới đất, nguyện làm cây liền cành".
 Trời đất dài lâu cũng có lúc hết,
 Hận này dằng dặc, không thuở nào cùng!

Dịch thơ:

TRƯỜNG HẬN CA

Giai nhân, vua Hán chuộng vờ,
 Cho tìm cuối đất cùng trời thấy chi!
 Họ Dương có gái dậy thì,
 Thâm khuê nuôi dạy, biết gì đến ai!
 Đẹp xinh, trời chẳng nở hoài,
 Bên vua một sớm được vờ kề bên.
 Một cười trăm vẻ nên duyên
 Sáu cung son phấn, đẹp riêng một mình.
 Rét xuân, tắm ao Hoa Thanh,
 Nước trơn, suối ấm mịn màng nước da.
 Thị tỳ nâng dậy, thướt tha,
 Buổi đầu đã được ơn vua thấm nhuần.
 Tóc mây, mặt ngọc, gót vàng,
 Trương phù dung ấm, nồng nàn đêm xuân.
 Đêm xuân ngắn, mặt trời hừng,
 Cõi châu từ đấy trở tràng bước vua.
 Tiệc tùng vui mấy cho vừa,
 Chơi xuân mê mãi, canh gà chuyển đêm...
 Trong cung gái đẹp ba nghìn,
 Ba nghìn chẳng đoái, thương riêng một người.
 Nhà vàng, ôm ấp chẳng rời,

Tiệc tan, lầu ngọc say hoài với xuân.
 Đất phong chia khắp người thân,
 Một tay khiến cả họ hàng giàu sang.
 Làm cha, làm mẹ nhủ rằng,
 Sinh trai đâu có trọng bằng gái ngoan.
 Ly cung cao chạm mây tầng,
 Nhạc tiên theo gió lừng vang bốn trời,
 Múa ca đàn sáo tuyệt vời,
 Đức vua suốt buổi xem rồi lại xem.
 Ngư Dương trông trận vang rền,
 Khúc Nghê thường để gót sen ngập ngừng,
 Kinh thành khói bụi dần loang,
 Ngựa xe muôn cỗ, tây nam thẳng miền.
 Cờ hoa, tàn thắm chung chiêng,
 Tây thành chỉ cách hơn trăm dặm dàng!
 Sáu quân chẳng chịu tiền quân,
 Cau mày chịu chết, phận đành trở trêu.
 Trâm vàng, kim tước cài đầu,
 Vãi vương trên đất ai nào nhặt cho!
 Đành thôi, ngoảnh mặt làm ngơ,
 Ngoài nhìn, máu lệ mặt vua đã nhoà!
 Gió hiu hắt, bụi vàng pha.
 Mây tầng Kiềm Các vượt qua nẻo nê.
 Vắng thay đường núi Nga Mi,
 Luênh loang quầng nắng, ủ ê bóng cờ.
 Núi sông đất Thục xanh mờ.
 Thánh hoàng nhớ sớm thương trưa một mình.
 Cung vua, úa cả vàng trắng,
 Mưa đêm, chuông gióng ruột càng quặn đau.
 Trời thay đất đổi nhiệm màu,
 Về qua đất cũ lòng nào nở đi.
 Mã Ngôi mã ấy còn kia,

Người đà chết uống, mặt đà thấy dâu!
 Vua tôi nước mắt thấm bào,
 Hướng về đông, ngựa tiến vào Đô Môn,
 Còn nguyên nơi đó ao vườn,
 Sen kia Thái Dịch, Vị Ương liễu này.
 Sen tựa mặt, liễu như mày,
 Xui ai nước mắt vui đầy bữa nay.
 Gió xuân, đào liễu hây hây,
 Mưa thu lá đã rời cây ngô đồng,
 Cỏ đầy nam nội, Tây cung,
 Chối lười, lá đỏ còn vương ngậm thềm.
 Con hát cũ, tóc bạc thêm
 Phòng tiêu thái giám, a hoàn già nua.
 Sân vua, đom đóm bay ủa,
 Đèn khêu ngọn lể, giấc mơ chưa thành!
 Thì thòm trống đã điểm canh,
 Sao khuya lấp lánh sông Ngân, rạng trời!
 Uyên ương ngói lạnh sương rơi,
 Đêm hàn chẵn thủy biết ai đắp cùng!
 Tử sinh cách biệt nghìn trùng,
 Hồn đây, phách đấy chưa từng mộng chung.
 Hồng Đô, đạo sĩ Lâm Cùng,
 Nghe dâu có phép thần thông tột vời.
 Xót vua thương nhớ bời bời,
 Lại giao phương sĩ chọn nơi lòng tìm,
 Đi mây về gió tuyệt nhanh,
 Bôn ba nhập địa, thăng thiên khác thường
 Thoát trời xanh, đã xuôi vàng
 Đồi nơi chẳng thấy, âm dương mịt mù.
 Non Tiên, phía biển nghe đồn,
 Mênh mang trời nước, hư không bến bờ.
 Gác lầu năm sắc mây pha,

Thuốt tha tiên nữ vào ra rộn ràng.
Một nàng tên gọi Thái Chân
Mặt hoa da tuyết trắng ngần giống in,
Gỗ cửa ngọc, giục then vàng
Cây nhờ Tiểu Ngọc, Song Thành báo tin.
Nghe như có sứ Hán đình,
Màn hoa thôi đã chợt kinh mộng hồn.
Gối xô, áo khếp bồn chồn
Rèm châu màn bạc mé buông mở ra.
Tóc mây chưa thoát mơ hoa
Gió xuân phẩy vạt áo là nhẹ bay.
Mũ hoa còn lệch mé ngoài,
Khúc Nghê Thường ấy, phải đây thuở nào!
Rưng rưng mặt ngọc lệ trào
Cành lê mưa gọi dỗi dào về xuân.
Nghẹn ngào, ơn tạ quân vương,
Một lần giã biệt, hai phương khuất lời.
Chiêu Dương ân ái dứt rồi,
Bồng Lai thảng rộng, ngày dài lê thê.
Nhân gian nhìn lại dưới kia.
Trường An nào thấy, đây khe bụi trần.
Gọi là vật cũ, tình thân,
Này đây hộp khảm thoa vàng cây mang.
Hộp một mảnh, nhánh thoa sang,
Tay run thôi đã vội vàng bề hai.
Vững bền, tình ấy, vật này,
Người tiên, kẻ thế hẹn ngày sánh vai.
Ân cần dặn lại đôi lời,
Nỗi niềm thề thốt hai người biết riêng.
Đêm song thất, điện Trường Sinh,
Thềm quang, người vắng nửa đêm hẹn hò.
Trên trời, liền cánh chim kia,

*Sen liền cành mãi nguyên là sánh đôi.
Tàn thôi, đất rộng trời dài,
Sầu dâng dâng đặc, hận này miên man.*

Bản dịch của Tân Đà:

TRƯỜNG HẬN CA

*Đức vua Hán mến người khuynh quốc,
Trải bao năm tìm chuốc công tai.
Nhà Dương cô gái mới choai,
Buồng xuân khóa kín chưa ai bạn cùng.
Lạ gì của tuyết đông ngọc đức,
Chốn ngai vàng phút chốc ngồi bên.
Một cười trăm vẻ thiên nhiên,
Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son.
Trời xuân lạnh, suối tuôn mạch ấm,
Đa mĩ đông kỳ tắm ao Hoa.
Vua yêu bạn ấy mới là,
Con hầu nâng dậy coi đà mệt thay!
Vàng nhẹ bước lung lay tóc mái,
Màn phù dung êm ái đêm xuân.
Đêm xuân vẫn vắn có ngàn,
Ngai rồng từ đấy chậm phần vua ra.
Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
Đêm xuân tàn, xuân lại còn đêm.
Ba nghìn xinh đẹp chị em,
Ba nghìn yêu quý chất nôm một mình.
Nhà vàng đức, đêm thanh ôm ấp,
Lầu ngọc cao, say ấp màu xuân.
Anh em sướng đủ mọi phần,
Mà cho thiên hạ có lần rẻ trai.
Vẳng tiên nhạc khắp nơi nghe biết,
Làn gió đưa cao tít Ly cung.*

Suốt ngày múa hát thung dung,
Tiếng tơ, tiếng trúc say lòng quân vương.
Âm tiếng trống Ngự Dương kéo đến,
Khúc Nghê Thường tan biến như không.
Chín lần thành khuyết bụi tung,
Nghìn xe, muôn ngựa qua vùng Tây Nam.
Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
Cờ thúy hoa bóng phát lung lay.
Sáu quân đúng dẫu làm rầy,
Mày ngài trước ngựa lúc này thương ôi!
Ai người nhất thoa rơi bỏ đất,
Ôi, Thúy Kiều ngọc nát vàng phai.
Quân vương bùng mặt cho rồi,
Quay đầu trông lại, máu trôi lệ dần.
Gió tung bụi mê man tản mác,
Đường thang mây Kiếm Các lần đi.
Vắng tanh, dưới núi Nga My,
Mặt trời nhạt thêch, tình kỳ buồn tênh.
Đất Ba Thục non xanh nước biếc,
Lòng vua cha thương tiếc hôm mai.
Thấy trăng luống những đau người,
Đêm mưa đứt ruột, canh dài tiếng chuông.
Phút trời đất quay cuồng vận số,
Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa.
Đất bùn chỗ chết còn tro,
Thấy đây mặt ngọc! Bây giờ Mã Ngôi!
Đầm vạt áo, vua tôi giọt lệ,
Giống dây cương, ngựa tể về đông.
Cảnh xưa dương liễu, phù dung,
Vị Ương, Thái Dịch hồ cung vện mười.
Phù dung đỏ, mặt ai đâu tá?
Mây liễu đâu? Cho lá còn như.

Càng trông hoa liễu năm xưa,
 Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.
 Xuân đào lý gió đêm huê nở,
 Thu khi mưa rụng lá ngô đồng.
 Kìa Nam Uyển, nọ Tây Cung,
 Đây thêm ai quét lá hồng thu rơi!
 Vườn lê cũ những ai con hát?
 Mái tóc coi trắng phớt lạ lòng.
 Những ai coi giữ tiêu phòng?
 Mây xanh thuở ấy nay cùng già nhẵn.
 Trước cung điện nhìn sân đêm tối,
 Đom đóm bay gọi mối u sầu.
 Ngọn đèn khêu đã cạn dầu,
 Khó thay, giấc ngủ dễ hầu ngủ xong!
 Tiếng canh tôi từng từng điểm trống,
 Năm canh dài chẳng giống đêm xưa.
 Sông Ngân lấp lánh sao thưa,
 Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?
 Trên mái ngói sương rơi ướt lạnh,
 Trong chăn nằm bên cạnh nào ai?
 Cách năm sông thác đôi nơi,
 Thấy đâu hồn phách văng lại giấc nồng?
 Khách đạo sĩ Lâm Cùng có gã,
 Chơi Hồng Đô phép lạ thần thông.
 Xót vì vua chúa nhớ nhung,
 Mới sai phương sĩ hết lòng ra tay.
 Cưỡi luôn gió như bay như biển,
 Trên trời xanh, dưới đất đất đen.
 Hai nơi bích lạc, hoàng tuyền,
 Dưới trên tìm khắp mơ huyền thấy chi!
 Sự nghe nói tìm đi mé bể,
 Có non tiên ngoài phía hư không.
 Rõ ràng cung điện linh lung,

Xa trông năm sắc mây lòng đẹp sao!
 Trong tha thuật biết bao tiên tử,
 Một nàng tiên tên chữ Thái Chân,
 Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
 Dáng như người ấy có phần phải chăng?
 Mái tây gõ cửa vàng then ngọc,
 Cây đưa tin Tiểu Ngọc, Song Thành,
 Nghe tin sứ giả Hán đình,
 Cửu hoa trong trướng giật mình giấc mơ.
 Cầm áo dậy, thần thơ buồn bực,
 Mở rèm châu, bình bạc lần ra.
 Bâng khuâng nửa mái mây tà,
 Thềm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.
 Phới tay áo bay màu ngọn gió,
 Giống Nghê Thường khúc múa năm xưa.
 Lệ dàn mặt ngọc lưa thưa,
 Cành lê hoa trĩu hạt mưa xuân đầm.
 Ngừng nước mắt âm thầm buồn bã,
 Đội ơn lòng, xin tạ quân vương.
 Từ ngày cách trở đôi phương,
 Vắng tanh tấm tiếng, mơ màng hình dong.
 Nơi để điện dứt vòng ân ái,
 Chón tiêu cung thư thái hàng ngày.
 Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
 Tràng An chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ!
 Lấy chi tỏ tình xưa thăm thú?
 Gửi cành thoa vật cũ cầm xuôi,
 Thoa vàng hộp khảm phân đôi,
 Nửa xin để lại nửa thời đem đi.
 Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,
 Tựa hoa vàng bền chắc không phai.
 Thời cho cách trở đôi nơi,
 Nhân gian rồi với trên trời gặp nhau.

Ân cần dẫn mấy câu lâm biệt,
 Lời thề xưa lòng biết với lòng
 Là đêm trùng thất ngòi chung,
 Trường Sinh sân điện vắng không bóng người.
 Xin kết nguyện chim trời liền cánh
 Xin làm cây cành, nhánh liền nhau
 Thắm chi trời đất dài lâu,
 Giận này dằng dặc dễ hầu có nguôi.

琵琶行

客瑟船絃別月聲發誰遲見宴來面聲情思志彈事挑么
 送瑟在管將浸琵琶不者語相開出遮兩有聲得續限復六
 夜秋客無慘江琵琶客彈欲邀重始半三先聲不續無抹後
 頭花馬飲歡茫茫上歸問停近燈喚琵琶絃調抑生手中撚裳
 江荻下欲成茫茫水忘暗聲相回萬琵琶撥曲掩平信心慢霓
 陽葉人酒不時聞人聲琵琶船酒呼抱軸成絃訴眉盡攏爲
 潯楓主舉醉別忽主尋琵琶移添千猶轉未絃似低說輕初

雨語彈盤滑灘絕歇生聲迸鳴畫帛言白中容女住成部服妒頭數碎湊年度死故
急私雜玉底下凝漸恨有漿鎗心裂無月絃斂城下瑟一才娘纏知節酒明閑姨色
如如錯落花水絃聲暗勝水刀當如悄秋插起京陵琵琶第善秋爭不擊翻復等阿顏
嘈切切珠語流澀通愁聲破出撥聲舫心撥裳是蟆得坊教被少綃篋裙笑風軍來
嘈切切小鶯泉冷不幽無乍突收一西江放衣本蝦學教曾每年紅銀羅歡春從朝
絃絃嘈珠關咽泉絕有時瓶騎終絃船見吟頓言在三屬罷成陵曲頭色年月走去
大小嘈大間幽水凝別此銀鐵曲四東唯沈整自家十名曲妝五一鈿血今秋弟暮

稀婦離去船寒事千息唧人識京城樂聲濕生物鳴夜傾笛聽語明曲行立急聲泣
馬人別茶空水年闌嘆唧落相帝陽音竹低宅何哀月獨村爲琵琶暫一琶久轉前掩
車商輕買守江少紅已重淪曾辭淥無絲地繞聞猿秋還與難琵琶耳彈琵琶良絃向皆
落作利梁口明夢淚琵琶語涯必年病僻聞江竹暮血朝酒歌嘶君樂坐作言絃似聞
冷嫁重浮江月忽妝琵琶此天何去臥地不湓苦旦啼花取山嘲聞仙更翻此促不重
前大人月來船深啼聞聞是逢從居陽歲近蘆間鵲江往無啞夜聽辭君我坐淒座
門老商前去繞夜夢我又同相我謫淥終住黃其杜春往豈嘔今如莫爲感卻淒滿

座中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Dịch nghĩa:

66. TỖ BÀ HÀNH

Tầm Dương⁽¹⁾ giang đầu dạ tổng khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân há mã khách tại thuyền,
Cử tửu dục ẩm, vô quản huyền.
Túy bất thành hoan thâm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tảo nguyệt.
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh,
Chủ nhân vong quy khách bất phát.
Tầm thanh âm vấn đàn giả thụ?
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì.
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiên tử hồi đăng trùng khai yển.
Thiên hồ vạn hoá thủy xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện.
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh,
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.
Huyền huyền yếm ức thanh thanh tứ,
Tự tổ bình sinh bất đắc chí.
Đê my tín thủ tục tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lung mạn nhiên mặt phục khiêu,
Sơ vi Nghê Thường, hậu Lục Yêu.
Đại huyền tào tào như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
Tào tào, thiết thiết thác tạp đàn,

⁽¹⁾ Tầm Dương: Khúc sông Trường Giang chảy qua Giang Tây, thị trấn Cửu Giang.

Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.
Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
Ư yết tuyền lưu thủy hạ than.
Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyết,
Ngưng tuyết bất thông thanh tạm yết.
Biệt hữu u sầu ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình xạ phá thủy tương tinh,
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
Khúc chung thu bát đương tâm hoạch,
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
Đồng thuyền tây phảng tiếu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
Trầm ngâm phóng bát sáp huyền trung,
Chỉnh đồn y thường khởi liễm dung.
Tự ngôn: bản thị kinh thành nữ,
"Gia tại Hà Mô lăng⁽¹⁾ hạ trú.
"Thập tam học đắc tỳ bà thành,
"Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ,
"Khúc bãi tăng giao Thiện Tài⁽²⁾ phục,
"Trang thành mỗi bị Thu Nương⁽³⁾ đổ.
"Ngũ Lăng niên thiếu tranh triền đầu,
"Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.
"Điền đầu ngân tì kích tiết toái,
"Huyết sắc la quần phiên tử ố.
"Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
"Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ.
"Đệ tẩu tông quân, a di tử,
"Mộ khứ triều lai nhan sắc cố,

⁽¹⁾ Hà Mô lăng: Cồn Hà Mô, theo *Ung lục*, Hà Mô lăng ở huyện Vạn Niên, phía nam, cách sáu dặm, nay thuộc Tây An.

⁽²⁾ Thiện Tài: Là bậc nhạc sư.

⁽³⁾ Thu Nương: Một đào nương nổi tiếng đương thời.

"Môn tiền lãnh lạc xa mã hy,
"Lão đại giá tác thương nhân phụ.
"Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,
"Tiền nguyệt Phù Lương mai trà khứ.
"Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
"Nhiều thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.
"Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự,
"Mộng đề trang lệ hồng lan can.
"Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức,
"Hựu văn thử ngữ trùng tức tức.
"Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
"Tương phùng hà tất tăng tương thức.
"Ngã tòng khứ niên từ đế kinh,
"Trích cư ngoạ bệnh Tầm Dương thành.
"Tầm Dương địa tịch vô âm nhạc,
"Chung tuế bất văn ti trúc thanh.
"Trụ cận Bồn Giang địa đề thấp,
"Hoàng lô khổ trúc nhiều trạch sinh,
"Kỳ gian đán mộ văn hà vật?
"Đỗ quyên đề huyết⁽¹⁾ viên ai minh.
"Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,
"Vãng vãng thủ tử hoàn độc khuynh.
"Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,
"Ấu á trào chiết nan vi thính.
"Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ,
"Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh.
"Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc,
"Vị quân phiên tác Tỳ bà hành.
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp.

⁽¹⁾ Đỗ quyên đề huyết: Chim đỗ quyên kêu chảy máu. Người ta cho rằng vua Thục nhớ nước sau khi chết hóa thành chim đỗ quyên (chim cuốc) kêu "Nhớ nước, nhớ nước" đến chảy máu.

Thê thê bất tự hướng tiền thanh,
Mãn tọa trùng văn giai yếm khắp.
Tự trung khắp hạ thủy tối đa?
Giang Châu Tư mã⁽¹⁾ thanh sam thấp.

Dịch nghĩa:

TỶ BÀ HÀNH

Đề dẫn của tác giả: năm Nguyên Hòa thứ 10, ta bị đầy đi làm Tư mã Giang Châu. Mùa thu năm sau, tiễn khách bên cửa sông Bồn nghe trong thuyền có người gảy tỳ bà thánh thót như tiếng ở kinh kỳ. Hỏi ra người đàn vốn là đào hát ở Tràng An, học đàn từ hai danh cầm họ Mục, họ Tạ. Năm dài, sắc kém phải lấy người lái buôn. Ta rót rượu mời đàn khúc nữa. Đàn xong kể chuyện vui buồn của mình. Nay nàng tàn tạ giang hồ kiếm sống. Cảm lời nàng, lại nghĩ đến phận mình đi đầy liền viết trường ca này tặng, gồm 612 lời.

*Bến Tầm Dương ban đêm tiễn khách
Lá phong, hoa lau hơi thu xào xạc.
Chủ nhân xuống ngựa, khách ở trong thuyền,
Nâng chén định uống trong cảnh không đàn, không sáo.
(Nhưng) say mà không thành cuộc vui,
lại buồn sắp phải từ biệt,
Lúc từ biệt, ánh trăng dằm trong lòng sông mênh mang.
Chợt nghe có tiếng tỳ bà văng vẳng trên mặt nước,
Chủ nhân quên về, khách không dời bến.
Lần đến nơi có tiếng đàn, sẽ hỏi: "Ai đàn đó nhỉ?"
Tiếng đàn ngừng lại, ý muốn thưa, nhưng lại tàn ngần.
Dời thuyền đến gần, mời cho được gặp mặt,
Rót thêm rượu, giọng lại đèn, tiệc vui mở tiếp.
Hết lời mời mọc mới chịu bước ra,
Còn ôm cây tỳ bà che khuất nửa mặt.*

⁽¹⁾ Giang Châu Tư mã: Bạch Cư Dị bị đầy làm Tư mã ở Giang Châu.

Vẫn trực lên dây, dạo qua đôi ba tiếng,
Tuy chưa thành khúc điệu nhưng nghe đã có tình.
Mỗi dây ngân lên là những lời ám ức,
mỗi tiếng toát ra bao nhiêu tình tứ.
Nhường như kể hết nỗi bất bình trong đời mình.
Nhẹ cúi đôi mày, thuận tay đều đều gảy,
Nỗi niềm tâm sự, giải hết nguồn cơn.
Nấn nhẹ, bắt khoan, về rồi lại dạo,
Hết khúc Nghê Thường đến khúc Lục Yêu.
Dây to dạt dào như mưa sầm sập tới,
Dây nhỏ tỉ tê như kể lẽ niềm riêng.
Dào dạt, tỉ tê, gảy xen thành nhịp,
Như bao hạt châu lớn nhỏ rắc xuống mâm ngọc.
Ca oanh trơ giọng, lúu ló trong hoa,
Nhịp xuôi ngập ngừng, nước dội xuống thác.
Suối bỗng rét đọng lại, dây đàn ngừng bật,
Dây ngừng bật tiếng tạm im.
Lại hiện ra vẻ sầu hận thầm kín khác,
Lúc này lặng lẽ lại tình tứ hơn là lúc có tiếng đàn.
Bỗng như bình bạc vỡ tan, nước tuôn tung toé.
Đoàn thiết kỵ xung đột, gươm đao đang xung sát.
Khúc vừa xong, giữa mặt đàn, phẩy một nhát mạnh.
Cả bốn dây, như một tiếng xé lụa, vang lên.
Thuyền mảng đông tây, lặng im phẳng phắc,
Chỉ thấy vầng trăng thu trắng xóa giữa lòng sông.
Lặng lẽ gài chiếc que gảy vào dây đàn,
Xóc áo khép nép đứng dậy,
Kể lẽ: "Thiếp vốn là người kinh thành,
Nhà ở dưới làng Hà Mô,
Mười ba tuổi đã học thạo ngón tỳ bà.
Tên đứng vào bậc nhất trong phường hát.
Sau mỗi khúc đàn, thường bọn Thiện Tài phải phục,
Trang điểm xong từng bị ả Thu phát ghen,

Bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng tranh nhau tặng thưởng,
 Một khúc đàn, đếm không xuể những tấm lụa đào.
 Vành lược bạc, cành hoa vàng gãy tan dịp gỡ,
 Bức quần lụa hồng, hoen ố những vết rượu rơi.
 Cuộc truy hoan qua năm này sang năm khác,
 Trăng thu trong, gió xuân mát, thờ ơ trôi qua.
 Bỗng đưa em trai phải tòng quân, đi lại chết,
 Sớm lại, chiều qua, nhan sắc kém sút,
 Trước cửa vắng tanh, xe ngựa thưa,
 Trở về già gá nghĩa cùng một chú lái.
 Chú lái chỉ tham lợi, coi thường biệt lý,
 Bỏ đi Phù Lương buôn chè từ tháng trước.
 Từ đây, một mình với chiếc thuyền không,
 Trăng rơi quanh thuyền, nước sông lạnh ngắt.
 Đêm khuya bỗng mơ lại thời tuổi xuân,
 Lệ hồng trong mơ, ngổn ngang trên má phấn".
 Ta nghe tiếng tỳ bà đã ngấm ngùi thay,
 Lại nghe câu chuyện càng thêm buồn bực
 "Cùng là khách lưu lạc nơi chân trời,
 Gặp nhau đây, cứ gì phải là quen biết sẵn?
 Ta từ năm ngoái từ già kinh đô,
 Bị giáng đi đầy ồm nằm ở thành Tầm Dương.
 Tầm Dương là nơi hẻo lánh, làm gì có âm nhạc,
 Suốt năm không hề được nghe tiếng sáo, tiếng đàn.
 Nhà lại ở gần sông Bồn, nơi ẩm trũng,
 Lau ồm trúc gậy, mọc chung quanh nhà.
 Ở đây nghe thấy gì lúc sớm tối?
 Quyên kêu khắc khoải, vượn hót nỉ non.
 Trước những cảnh sông xuân hoa sớm, đêm thu trăng tròn,
 Thường thường chỉ một mình dốc chén.
 Há phải không có tiếng hát núi, tiếng sáo đồng,
 Khôn nổi lúu ló, lúu lừng, nghe thêm khó chịu.
 Đêm nay mới được nghe tiếng tỳ bà của nàng,

Chẳng khác được nghe nhạc tiên, tai bỗng khoan khoái,
 Hãy vui lòng ngồi lại đàn chơi khúc nữa,
 Ta sẽ vì nàng chuyển thành một thiên Tỳ bà hành
 Cảm lời ta, nàng tần ngần đứng lặng,
 Rồi ngồi xuống lên dây, tiếng dây nhộn nhịp;
 Rầu rầu khác hẳn tiếng đàn vừa qua
 Khiến cả bàn tiệc đều bừng mặt khóc.
 Trong đám đó, ai khóc nhiều hơn
 Quan Tư mã Giang Châu vạt áo xanh ướt đầm.

Dịch thơ:

TỖ BÀ HÀNH

Đầu bên Tầm Dương, đêm tiễn khách,
 Lau lách vào thu, lá xào xạc.
 Chủ nhân xuống ngựa, khách dừng thuyền,
 Rượu nâng toan uống, lòng nhớ đàn.
 Say đã nào vui, sầu tạm biệt,
 Chia tay ngậm ngùi, sông gọi nguyệt.
 Chợt nghe trên sóng Tỳ bà ngân.
 Dồn dẫn đi, về, chủ nhìn khách.
 Làn tiếng hỏi thăm đàn ấy ai?
 Tỳ bà bật tiếng, thưa chậm lời,
 Ưng gặp người đàn, thuyền ghé đến,
 Thêm rượu, khêu đèn, bày tiệc yến.
 Mời mãi, gọi hoài mới chịu ra,
 Ôm đàn tỳ bà, che mặt hoa.
 Khúc điệu chưa thành, tình đã gọi,
 Tắm tức, nổi lòng, dây lại nổi,
 Như dải như bày chuyện ruột gan,
 Nỗi đời lắm thứ làm sao nói.
 Mây chau gấp gấp lựa xừ, sang...
 Nhấn cao, buông thấp, tay lần bấm,

Lục Yêu đã tiếp khúc Nghê Thường.
Dây to đang đổ mưa bề bộn
Thì thâm dây nhỏ, nổi niềm riêng,
Cao cao, thấp thấp, đàn chen lán,
Mâm ngọc xôn xao nẩy tiếng vàng.
Trên cành oanh hót trong hoa rộn.
Nhịp suối ngập ngừng, thác trắng tuôn,
Suối đầu lạnh ngắt, đàn im bất,
Im bất không thông, tiếng tạm dứt,
Sầu ôm, hận vương, một mình hay
Im lặng, gì hơn được phút này!
Nước tuôn òa vỡ tan bình bạc,
Ngựa sắt rong, xô xát đau thương,
Khúc xong, phẩy thật mạnh tay đòn,
Bốn dây dồn lại e chừng dứt!
Đông tây thuyền vắng tịnh không lời,
Chỉ một vàng trắng soi đáy nước.
Trầm ngâm thu xếp phím cài lên
Trang điểm ung dung, sửa áo khăn.
Dãi bày vốn gái nòi thành thị,
Còn đất Hà Mô, nhà ở đó,
Mười ba học được khúc Tỳ bà
Danh chôn giáo phượng, đệ nhất bộ.
Đàn lên, mấy gã Thiên Tài thua,
Thu Nương ghen tị lúc điểm tô,
Ngũ Lãng nô nức bao chàng trẻ,
The thắm tiếc gì lắm chuộc mua.
Lược bạc đánh rơi thôi đã vỡ
Quần hồng đầy vết rượu hoen ố
Năm này vui vẻ lại sang năm,
Trải những trăng thu với gió xuân.
Em đã tòng quân, đi lại chết,
Chiều đi, mai tới, sắc phai dần.

Ngoài ngõ ngựa xe thôi đã vắng,
Đàn lầy khách thương, phận nà dòng.
Hám lơ lã khách thương đi miết,
Phù Lương buồn chề cả tháng trước,
Một mình một bóng ở bên sông,
Quanh thuyền nước lạnh với trăng sông.
Đêm khuya chợt mộng thời son trẻ,
Má phấn mờ hoe, ứa lệ hồng.
Ta nghe tỳ bà đường tám tấc,
Lại nghe những lời nàng thốn thức,
Luân lạc góc trời một kiếp chung
Gặp gỡ cần chi quen với biết.
Ta vừa năm ngoái từ đề kinh
Đi đây, thân bệnh đất Tầm Dương.
Tầm Dương đất lạnh không âm điệu,
Năm tròn không nghe một giọng đàn!
Nhà ở sông Bồn nơi đất ẩm,
Lau vàng trúc ứa vảy quanh năm.
Xung quanh, có gì đâu sớm tối
Cuốc kêu khắc khoải, vượn nỉ non.
Sông xuân hoa sớm, trăng thu dọi,
Đốc chén mình tu rượu ngập ngừng.
Há không ca núi, sáo làng thổi,
Đêm nay Tỳ bà nghe nàng gảy.
Nghe như tiên nhạc, kè bên tai,
Gảy thêm khúc nữa! Hãy vì ta.
Tỳ bà hành vì nàng, ta viết,
Cảm được lời ta, ngồi lâu thêm.
Đàn lại lên giây, tiếng bắt nhịp,
Rầu rầu chẳng giống tiếng đàn trước.
Tiệc hoa đầy lệ, những ai rơi,
Đêm nay, lệ ai nhiều hơn người?
Áo xanh, Tư mã đầm nước mắt!

TỶ BÀ HÀNH

Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu, lau lách đều hiu.
Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti.
Say những luống ngại khi chia rẽ,
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong.
Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi.
Tìm tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Dừng dây tơ nắn ná làm thình.
Dời thuyền ghé lại thăm tình,
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui.
Mời mọc mãi, thấy người bỏ ngõ,
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Vận đàn mấy tiếng dạo qua,
Dẫu chưa nên khúc, tình đà thoảng hay.
Nghe nảo ruột mấy dây buồn bực,
Dường than niềm tấc tức bấy lâu;
Mây chau tay gãy khúc sầu,
Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vò.
Ngón buông, bắt khoan khoan diu dặt.
Trước Nghê Thường sau thoát Lục Yêu.
Dây to nhường đổ mưa rào,
Nỉ non dây nhỏ khác nào chuyện riêng.
Tiếng cao thấp lựa chen lần gảy,
Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu.
Trong hoa oanh ríu rít nhau,
Nước tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh.
Nước suối lạnh, dây mảnh ngừng đứt,

Ngừng dứt nên phút bật tiếng tơ;
 Ôm sầu, mang giận giận ngơ,
 Tiếng tơ lặng ngắt, bây giờ càng hay.
 Bình bạc võ tuôn đầy dòng nước.
 Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao;
 Cung đàn trợn khúc thanh tao,
 Tiếng buông xé lụa, lụa vào bốn dây.
 Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,
 Một vàng trắng trong vắt lòng sông;
 Ngâm ngùi đàn bát xếp xong,
 Áo xiêm khếp nếp hầu mong dãi lời.
 Rằng: "Xưa vốn là người kẻ chợ.
 Còn Hà Mô trú ở lân la;
 Học đàn từ thuở mười ba,
 Giáo phường đệ nhất sổ đà chép tên.
 Gã Thiện Tài sợ phen dừng khúc,
 Ả Thu Nương ghen lúc điểm tô:
 Ngũ Lãng, chàng trẻ ganh đua,
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
 Vành lược bạc gãy tan nhịp gõ.
 Bức quần hồng hoen ố rượu rơi.
 Năm năm lần lửa vui cười,
 Mãi trắng gió chẳng đoái hoài xuân thu.
 Buồn em trảy, lại lo di thác,
 Sầu hôm mai đổi khác hình dung;
 Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
 Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
 Khách trọng lợi khinh thường ly cách,
 Mãi buồn chề sớm tẻh nguồn khơi;
 Thuyền không, đậu bến mặc ai,
 Quanh thuyền trắng dãi, nước trôi lạnh lùng.
 Đêm khuya, sức nhớ vòng tuổi trẻ,
 Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen.

Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nổi nỉ non mấy nhời:
Cùng một lứa bên trời lận đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau;
Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tầm Dương đất trích gởi sầu hôm mai.
Chôn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm.
Sống Bồn gần chôn cát lăm,
Lau vàng, trúc võ, âm thầm, quanh hiên.
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
Cuộc kêu sầu, vượn nói nỉ non;
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son ngập ngừng.
Há chẳng có ca rừng, địch nội?
Giọng lú lo, buồn nổi khó nghe;
Tỳ bà nghe dạo canh khuya,
Dường như tiên nhạc gần kề bên tai.
Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca
Đứng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây.
Nghe nảo nuốt khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi;
Lệ ai chan chứa hơn người?
Giang Châu Tư mã đượm mùi áo xanh.

LÝ THƯƠNG ẨM (813 - 858)

Tên chữ là Nghĩa Sơn, người Hà Nội (nay thuộc Hà Nam), năm Khai Thành đầu tiên sĩ, trải qua chức Hoành Nông úy. Vương Mậu Nguyên trấn giữ Hà Dương, Thương Ẩn theo giúp, sau Mậu Nguyên lại không tin dùng. Đến thời Lý Lâm Phủ và Nguu Tăng Phụ, ông càng không chịu nổi. Ông là người học rộng nhớ lâu, trước tác khá nhiều.

韓碑

姿義恥夷載熙地麾度持統旗爪隨勇貌廟訾一辭舞爲筆
武與聖四十生平可曰扶都王牙筆且虎太不第爲且能手
神軒列朝五軀據日相神作天作載智猶獻恩功宜蹈臣大
子哉雪中賊羆河矛相死印澹通郎馬眾賊讓度愈首畫稱
天人上宮有生山利聖不相慘古外司萬縛與汝事稽刻世
和何將法西狼據戈得斫懸風武曹軍四蔡無曰從拜石者
元彼誓坐淮封不長帝賊腰陰愬儀行十入功帝汝愈金古

司讓頤閣滴字詩紙墀上碑斗螭少私倒治氣脾作辭相熙後追遍胝代明
職不子小淋典民在丹死之如以者其碑磨元肝述其聖淳示攀萬手二檢
于有天坐何舜生書鋪昧書字蟠喻言拽相若人有存及流不相誦右有玉
係古領戒筆典廟體拜愈功丈鼇重子尺石文入鼎器王赫文五本沫十禪
不自屢齋大堯清破再臣聖三靈語天百大斯已孔其聖烜斯三萬流七封
事仁訖退染竄改成晨曰神高以奇之繩沙之時盤無呼與之與書角之爲
此當言公濡點塗文清表詠碑負句讒長麕公先湯今鳴相公曷願口傳以

堂基

67. HÀN BÌ⁽¹⁾

Nguyên Hoà thiên tử thần vũ tư,
Bỉ hà nhân tai Hiên dữ Hi⁽²⁾.
Thệ tương thượng tuyết liệt thánh sử,
Tọa pháp quan trung triều tứ di.
Hoài Tây hữu tặc⁽³⁾ ngũ thập tải,
Phong lang sinh khu⁽⁴⁾, khu sinh bi.
Bất cứ sơn hà, cứ bình địa,
Trường qua lợi mâu nhật khả huy.
Đế đắc thánh tướng, tướng viết Độ⁽⁵⁾,
Tặc chúc bất tử thần phù trì
Yêu huyền tướng ấn tác đô thống,
Âm phong thâm đạm thiên vương kỳ.

(1) Hàn bì: Bia họ Hàn. Theo *Cựu Đường thư Hàn Dũ truyện*: Tháng 8 năm Nguyên Hòa thứ 12, quan tế thần Bùi Độ làm Hoài Tây tuyên úy xử trí sứ, mời Hàn Dũ làm Hành quân Tư mã. Đất Hoài, đất Sái bình định xong, tháng 12, theo Bùi Độ về triều. Hàn Dũ có công được thăng Hình bộ Thị lang, vâng chiếu soạn bia Bình Hoài Tây, chủ yếu ca ngợi chiến công của Bùi Độ. Thời mới vào đất Sái thì công của Lý Tố, Nguyên Trai vào bậc nhất. Tố rất bất bình. Vợ Tố là con gái Đường An công chúa, ra vào cung cấm, nhân có chỗ bia không thực dèm pha tâu với vua, vua hạ chiếu bỏ văn của Hàn Dũ, sai Hàn Lâm học sĩ Ân Văn Xương soạn văn khắc đá. Bia của Ân Văn Xương sau cũng bị bỏ hoang nát trong cỏ rậm. Đến đời nhà Tống sau này, Trần Quỳnh mài bỏ bài văn của họ Ân, lại dựng bia Hàn Dũ - đó là một việc làm thỏa lòng thiên hạ. Theo *Nhất thống chí*, bia Bình Hoài Tây, ở miếu Bùi Tấn Công trong thành nội ở phủ Nhữ Ninh, tỉnh Hà Nam.

⁽²⁾ Hiên, Hy: Tức Hiên Viên và Phục Hy, hai vị hoàng đế thời cổ đại Trung Hoa.

⁽³⁾ Hoài Tây tặc: giặc Hoài Tây. Theo sử Trung Quốc, đầu năm Bảo Ứng đời Đường Túc Tông, lấy Lý Trung Thần trấn thủ Sái Châu. Cuối năm Đại Lịch là Nguyên Tri, Lý Hy Liệt, Trần Sơn Tiên, Ngô Thiệu Thành trấn giữ Hoài Tây tất cả tới năm mươi năm. Theo bia Bình Hoài Tây của Hàn Dũ, chín năm, vua đất Sái chết, người Sái muốn lập con trai nhưng không được, bèn đốt thành Vũ Dương, xâm phạm Nhượng Thành, động đến kinh đô. Vua phải sai bốn đời tướng tiếp theo đến giữ, mở mang, phủ dụ, đất Sái mới yên.

⁽⁴⁾ Phong long sinh khu: Phong là nơi đất rộng, khu là một loài báo. Ở đây chỉ nơi rừng sâu, hùm beo nhiều.

⁽⁵⁾ Thánh tướng viết Độ: Thánh tướng là ông Độ. Thánh tướng: Chỉ người học rộng, tài giỏi. Theo *Đường thư* năm Nguyên Hòa thứ mười, tháng 6 vua gọi Bùi Độ hỏi chuyện, rồi cho làm Trung thư thị lang, đồng Bình chương sự.

Tổ, Vũ⁽¹⁾, Cổ, Thông tác nha trảo.
Nghị tào ngoại lang tải bút tùy.
Hành quân tư mã trí thả dưng,
Thập tứ vạn chúng do hổ tỳ.
Nhập Sái phọc tặc hiển thái miếu,
Công vô dữ nhượng ân bất tí.
Đề viết nhữ Độ công đệ nhất,
Nhữ tòng sự Dũ nghi vi từ.
Dũ báí kê thủ đạo thả vũ.
Kim thạch khắc họa thần năng vi,
Cổ giả thể xưng đại thủ bút.
Thử sự bất hệ vu chức ty
Đương nhân tự cổ hữu bất nhượng.
Ngôn ngật lữ hàm thiên tử di
Công thoái trai giới tọa tiểu các.
Nhu nhiệm đại bút hà lâm ly
Điểm thoán Nghiêu điển Thuấn điển tự.
Đồ cải thanh miếu sinh dân thi
Văn thành phá thể thư tại chỉ.
Thanh thần tái báí phô đan trì,
Biểu viết: thần Dũ muội tử thượng.
Vịnh thần thánh công thư chi bi.
Bi cao tam trượng tự như đầu.
Phụ dĩ linh ngao bàn dĩ ly
Cú kỳ ngữ trọng dụ giả thiếu.
Sầm chi thiên tử ngôn kỳ tự
Trường thẳng bách xích duệ bi đảo.

⁽¹⁾ Tổ, Vũ: Ông Tổ, ông Cổ, ông Thông, ông Vũ. Tháng 2 năm Nguyên Hòa thứ 11, vua cho Lý Tổ làm Tiết độ sứ, tháng 9 năm thứ 10 Hàn Hoàng làm Hoài Tây đô thống, Hoàng xin điều một vạn ba nghìn quân đến đất Sái, năm thứ 11 Lý Đạo Cổ làm Ngạc nhạc quan sát sứ, tháng hai năm thứ 11, Lý Văn Thông làm Thọ Châu Đoàn luyện sứ. Những người này đều chịu dưới quyền Bùi Độ, khi ông làm đô thống.

Thơ sa đại thạch tương ma trị
 Công chi tư văn nhược nguyên khí.
 Tiên thời dĩ nhập nhân can tì
 Thang bàn Khổng đỉnh⁽¹⁾ hữu thuật tác.
 Kim vô kỳ khí tồn kỳ từ
 Ô hô thánh vương cập thánh tướng.
 Tương dữ huyên hách lưu thuần hi,
 Công chi tư văn bất thị hậu.
 Hạt dữ tam ngũ⁽²⁾ tương phan truy
 Nguyên thư vạn bản tụng vạn biến.
 Khẩu giác lưu mật hữu thủ chi.
 Truyền chi thất thập hữu nhị⁽³⁾ đại.
 Dĩ vi phong thiền ngọc kiểm⁽⁴⁾ minh đường ky.

Dịch nghĩa:

BIA HỌ HÀN

*Niên hiệu Nguyên Hòa, thiên tử đầy vẻ thần vũ,
 Kể kia là ai, ông Hiên hay ông Hy.
 Thề rửa sạch nhục các đời trước
 Ngồi giữa đám pháp quan mà các nước nhỏ đến châu.
 Đất Hoài Tây có giặc năm mươi năm
 Có con sói lớn thì có beo, có beo thì có gấu.
 Chẳng chiếm núi sông, chiếm đất bằng,
 Giáo dài, mác nhọn rung động cả trời.
 Vua có bậc thánh tướng, tướng tên là Độ,
 Giặc chém không chết, thần giúp đỡ.
 Lưng đeo ấn tướng linh chức đô thống,*

⁽¹⁾ Thang Bàn, Khổng đỉnh; mâm vua Thang, vạc Khổng Tử, những mẫu mực thời cổ đại.

⁽²⁾ Tam ngũ: Năm, ba, chỉ đám người sau Hàn Dũ.

⁽³⁾ Thất thập nhị: Đời cổ đại, phong các vị thiền sư ở Thái Sơn tới bảy mươi hai người....

⁽⁴⁾ Phong thiền, ngọc kiểm: Sắc chùa, phướn phật. Nghi lễ nhà chùa, chùa có ngọc điệp dài một thước ba tấc, phướn chùa cũng như vậy, trên có đề bài kệ hoặc sự tích nhà Phật.

*Gió âm thầm đậm cờ bay giữa trời.
Ông Thông, ông Vũ, ông Cổ, ông Tổ làm nanh vuốt,
Các quan Nghi Tào, ngoại lang mang bút theo.
Chức Tư mã hành quân, trí và dũng,
Mười bốn vạn quân đều như hùm beo.
Vào đất Sái trời giặc đem tể Thái Miếu,
Công lao không nhường ai,*

ơn vua ban biết chừng nào!

*Vua nói công của tướng Độ dự vào bậc nhất.
Người phò tá của ta, khanh là Dũ, nên làm lời,
Dũ cúi đầu vàng, rất vui vẻ:
Văn khắc lên vàng lên đá, thần có thể làm được
Người ta từng khen tay đại bút ở đời,
Việc này không lẽ vào đám quan nhỏ.
Làm điều nhân, từ xưa không ai chịu nhường ai.
Lời nói thật vừa ý thiên tử.
Ông lui về trai giới ngồi ở góc nhỏ,
Dầm bút vào cho thật đậm ướt.
Viết lời vua Nghiêu, vua Thuấn sẵn từ xưa.
Mà đổi thành thơ về dân thường, thanh miếu
Lối viết phá cách, viết lên giấy,
Sáng sớm hôm sau lại vào lạy*

dâng trước thềm vua.

*Biểu dâng: Thần là Dũ dám liều chết
Vịnh công lao của thần thánh viết lên bia,
Bia cao ba trượng, chữ như cái đầu.
Rùa thần đội bia, rồng thiêng lượn quanh.
Câu lạ, lời sâu, ai kẻ thấu hiểu
Bọn người dèm pha, cho là thiên vị.
Vua sai lấy dây dài trăm thước kéo bia đổ,
Lấy đá, lấy cát mà mài đi.
Bài văn của ông ví như từ nguyên khí
Lời văn đã nhập vào gan ruột mọi người.
Mâm Thang, vạc Khổng, rút tủy mà viết ra*

Nay dấu không nguyên vẹn, lời còn đầy!
Hỡi ơi, thánh chúa cùng thánh tướng,
Công lớn lưu truyền nhờ vào từ chương.
Bài văn ấy của ông há chẳng nói được
với lớp người sau này.
Sao dăm ba người chúng ta không lần tìm
Xin viết một vạn bản, đọc một vạn lần,
Khiến cho mỗi miệng, tay sờn da.
Truyền đến bảy mươi hai đời,
Như truyền viết trên phước dài, trên ngọc điệp,
làm sáng cả triều đình.

Dich thơ:

BIA HO HÀN

Năm Nguyên Hòa, thần uy thiên tử,
Hiên hay Hy, kẻ nọ là ai?
Thề xưa rửa nhục các đời
Triều đình uy vũ, triều vời bốn Di.
Năm mươi năm, Hoài Tây giặc dữ,
Hết sói lang đến lũ hùm beo.
Đất bằng chiêm, bỏ núi cao,
Giáo dài, mác nhọn dự vào việc quân.
Bậc thánh tướng lừng danh ông Độ,
Thần độ trì, giặc dữ khoanh tay,
Án đeo, chức lớn đất này,
Cờ bay gió hút, lau gầy ải xa.
Vũ, Thông, Cổ, Tổ là nanh vuốt
Viên ngoại lang mang bút ở gần.
Giỏi giang Tư mã hành quân,
Trong tay mười bốn vạn binh mạnh hùng!
Bắt giặc Sái về dâng Thái Miếu,
Chiến công này vâng chiếu ơn cao.
Vua rằng: Đô đáng công đầu,

Truyền cho Hàn Dũ hãy mau viết lời.
 Dũ ơn vua, lòng vui hăm hở
 Rằng khắc lên vàng đá, thần vàng!
 Người khen vẩy bút đã từng,
 Làm văn bia, vốn chức còm, xứng chăng?
 Việc nhân nghĩa nhường kia thật đáng,
 Ý nhà vua, ai dám cưỡng lời.
 Gác xinh, trai giới lên ngồi,
 Bút dầm dẫm mực, nhán rồi lại buông!
 Lời Nghiêu, Thuần từ chương điển lệ,
 Chuyển thành lời dân dã, miếu nghi.
 Phóng tay, lời đặt, bút ghi.
 Sớm mai lạy trước đàn trì, biểu dâng:
 Rằng Hàn Dũ, vì thần đáng chết
 Công thánh minh đã viết nên bia.
 Bia ba trượng, chữ thô to,
 Ròng thiêng vồn lượn để rửa tội lên.
 Kẻ ghen ghét vạch tìm soi mói,
 Gán cho Hàn lời lẽ chưa nghiêm.
 Nghe dèm, chiếu chỉ đã ban
 Dây thông, bia kéo cho nghiêng đổ kèn.
 Cát đá nhám, mài mềm hàng chữ;
 Văn rút từ nguyên khí cao siêu.
 Người xem từng thuộc lâu lâu
 Mâm Thang, vạc Khổng hàng đầu văn chương.
 Vật đã mất danh còn lưu mãi,
 Mất đã từng được thấy thánh quân.
 Từ chương làm rạng công danh
 Đời sau ai chẳng rõ văn họ Hàn.
 Lũ ta hãy mau lưng, mau kiếm,
 Chép vụn lần đọc đến thỏa hơi.
 Chai tay, mỗi miệng, mới thôi,
 Truyền cho tận bảy hai đời, muôn sau
 Phong thiên, ngọc kiếm dài lâu!

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 4)

THẤT NGÔN NHẠC PHỦ

CAO THÍCH (700-765)

Tên chữ là Đạt Phu, còn một tên nữa là Trọng Vũ người Thương Châu (nay là tỉnh Hà Bắc), đỗ Đạo khoa, làm chức Khâu úy, Kha Thụ Hàn dùng làm chức Thụ ký. Hàn thua quân, ông chạy vào lẩn ở trong dinh, làm Tả thập di thị ngự sử, rồi làm Giám nghị đại phu. Ông lại được cử làm thứ sử hai châu Bành, Thục; Tiết độ sứ Tây Hà, sau về triều làm Hình bộ Thị lang. Năm Quảng Đức bổ làm Tả tán kỵ thường thị, tước Bộ hải hầu. Năm mười tuổi Cao Thích mới làm thơ, mỗi lần làm bài nào, người đương thời đều hết lời ca tụng.

燕歌行

漢	家	煙	塵	在	東	北
漢	將	辭	家	破	殘	賊
男	兒	本	自	重	橫	行
天	子	非	常	賜	顏	色
縱	金	伐	鼓	下	榆	關
旌	旆	遙	迤	碣	石	間
校	尉	羽	書	飛	瀚	海
單	于	獵	火	照	狼	山
山	川	蕭	條	極	邊	土
胡	騎	憑	陵	雜	風	雨
戰	士	軍	前	半	死	生
美	人	帳	下	猶	歌	舞
大	漠	窮	秋	塞	草	衰

孤城落日門兵稀
 身當恩遇常輕敵
 力盡關山未解圍
 鐵衣遠戍辛勤久
 玉筋應啼別離後
 少婦城南欲斷腸
 征人薊北空回首
 邊庭飄颻那可度
 絕域蒼茫更何有
 殺氣三時作陣雲
 寒聲一夜傳刁斗
 相看白刃血紛紛
 死節從來豈顧勳
 君不見沙場征戰苦
 至今猶憶李將軍

68. YÊN CA HÀNH⁽¹⁾

Hán gia yên tràn tại đông bắc,
 Hán tướng từ gia phá tàn tặc.
 Nam nhi bản tự trọng hoành hành,
 Thiên tử phi thường tứ nhan sắc.
 Tung kim phạt cổ há Du Quan⁽²⁾,
 Tinh kỳ uy di Kiệt Thạch⁽³⁾ gian.
 Hiệu úy vũ thư phi Hân hải,

⁽¹⁾ Yên ca hành: Yên là đất Yên, một nước thời Chiến quốc, xưa Ngụy Văn Đế cũng từng làm *Yên ca hành*. Có thể coi đây là một thể loại thơ theo lối Nhạc phủ, thường dùng để diễn tả những tâm sự bồn chồn, lo lắng ra oán.

⁽²⁾ Du Quan: Theo *Hán thư Mục Thừa truyện* thì đó là cửa ải miền Bắc Bì. Nay là Du Quan, Du Quan là cửa quan của nước Yên, bên kia là cửa ải Thượng Đàng của nước Triệu.

⁽³⁾ Kiệt Thạch: Theo *Đường thư địa lý chí*, thì huyện Thạch Thành ở Bình Châu có núi Kiệt Thạch. Theo *Thủy kinh chú*: Núi Kiệt Thạch ở bên phải huyện Nhương Thành, thuộc Bắc Bình, về phía tây nam, trông ra biển.

Thiên vu liệt hỏa chiếu Lang San⁽¹⁾.
 Sơn xuyên tiêu điều cực biên thổ,
 Hồ kỵ bằng lăng tạp phong vũ⁽²⁾.
 Chiến sĩ đương tiền bán tử sinh,
 Mỹ nhân trướng hạ do ca vũ.
 Đại mạc cùng thu tái thảo suy,
 Cô thành lạc nhật đầu binh hy.
 Thân đương ân ngộ thường khinh địch,
 Lực tận quan sơn vị giải vi.
 Thiết y viễn thú tân cần cử,
 Ngọc trợ⁽³⁾ ưng đề biệt ly hậu.
 Thiếu phụ thành nam dục đoạn trường,
 Chinh nhân Kế Bắc không hồi thủ.
 Biên đình phiêu dao na khả độ,
 Tuyệt vực, thương mang cánh hà hữu?
 Sát khí tam thời tác trận vân,
 Hàn thanh nhất dạ truyền điều đầu⁽⁴⁾.
 Tương khan bạch nhận huyết phân phân,
 Tử tiết tông lai khởi cố huân,
 Quân bất kiến sa trường chinh chiến khổ,
 Chí kim do ức Lý tướng quân⁽⁵⁾.

⁽¹⁾ Lang San: Theo sách *Ngụy chí*: Vua Thái Tổ chinh phạt phía Bắc Ô Hoàn, lên núi Lang San. Theo *Nhất thống chí* thì núi Lang ở Vê Thành, đất Ninh Hạ, cách khoảng hai trăm chín mươi dặm về phía đông nam.

⁽²⁾ Phong vũ: Theo sách *Tân tự*, Hàn An Quốc nói: Quân Hung Nô đến như mưa gió, rút nhanh như chớp.

⁽³⁾ Ngọc chợ: Lệ ngọc. Thơ Lưu Hiếu Ung: "Thùy Liên song ngọc chợ, lưu diện phục lưu khâm, nghĩa là ai thương hai hàng lệ ngọc. Đằm mặt lại dằm khăn".

⁽⁴⁾ Điều đầu: Loại đầu bằng đồng, dùng trong quân, có thể đựng gạo, ban đêm thì gõ đầu làm hiệu cầm canh (theo *Lý Quảng truyện*).

⁽⁵⁾ Lý tướng quân: Theo *Sử ký*: Tướng quân họ Lý tức Lý Quảng, thường rất thương yêu quân lính ở biên ải, quân Hung Nô kéo đến, khi thì giữ ải, khi thì bày trận làm hai cánh tả hữu, phá tan hàng vạn quân Hung Nô. Quân Thiên Vu hàng mười năm không dám dòm ngó.

Dịch nghĩa:

YÊN CA HÀNH

Lời đề từ: Năm Khai Nguyên thứ 16, có người khách theo Nguyên soái ra cửa ải về, làm bài *Yên ca hành* tả lại vùng chiến địa xa; cảm việc lính thú chinh chiến, nhân đó họa lại.

Miền Đông Bắc nhà Hán mịt mù khói bụi

Tướng Hán rời nhà phá giặc dữ.

Làm trai được trọng về sự xông pha

Đức vua về mặt cũng đầy vì nể.

Gỗ chiêng khua trống tiến xuống Du Quan,

Cờ xí bay ợp vùng đất Kiệt Thạch.

Hiệu úy mang quân lệnh lông gà

phi ngựa như bay về phía biển cát,

Lửa di sản của chúa Thiên Vu rọi sáng Lang San.

Sông núi tiêu điều đến vùng chót biên giới,

Kị binh người Hồ xông xáo làm mưa làm gió.

Trước trận, chiến sĩ cái chết kề cái sống,

Vậy mà trong trường, gái đẹp còn múa ca.

Hoang mạc lớn, mùa thu đã già, cỏ xơ xác,

Thành cô, chiều xuống, quân chiến thưa.

Thân đội ơn trên trọng dụng, dễ khinh địch,

Sức đã kiệt mà vòng vây quan ải chưa giải được.

Kẻ làm lính nơi ải xa mặc áo giáp gian khổ đã từng.

Những giọt nước mắt người đẹp đã khóc vì cách xa,

Thiếu phụ thành nam buồn đứt ruột.

Chiến binh ở Kế Bắc ngóng về hoài.

Nơi biên ải xa dễ gì đến được.

Mệnh mông côi đất cùng, còn có chi!

Sát khí ba mùa bốc thành mây trận,

Đấu đồng gõ vang trong đêm lạnh lùng.

Những lưỡi gươm sáng loáng, máu lênh láng,

Xưa nay những người hy sinh, há nghĩ đến công trạng.

Anh chẳng thấy trên mặt trận chinh chiến thật gian khổ.
Đến nay còn nhớ đến Lý tướng quân.

Dịch thơ:

YÊN CA HÀNH

Miền đông bắc, bụi mù, khói quân,
Đẹp giặc xa, tướng Hán rời nhà!
Làm trai vốn thích xông pha,
Ngôi cao chín bệ, đức vua nể vì!
Đất Du Quan bọn bề chiêng trống,
Kiệt Thạch bao cờ trận tung bay.
Lệnh quân, hiệu úy gấp ngày,
Thiên Vu, ánh lửa sẵn ngời núi Lang.
Vùng cực bắc, núi sông xơ xác,
Ngựa Hồ giong, gió táp, mưa sa.
Chiến binh, sống chết ập òa,
Trướng hoa, người đẹp múa ca rộn ràng!
Thu già, miền đất hoang, cỏ rạc.
Cô thành, quân chiến ít, chiều buồn!
Vị vua, giặc dữ, khinh thường,
Vòng vây chưa giải, lực càng cạn suy.
Đầy gian nan, thân lê áo giáp,
Cách xa hoài, người đẹp lệ rơi.
Thành nam, thiếu phụ đứng, ngòi
Chiến binh Kê Bắc xa xôi ngóng về!
Nơi biên tái dễ gì thăm viếng,
Mỏ đất cùng, hoang vắng có chi!
Ngát trời, mây trận đầy khê,
Đấu đồng đêm vắng lính khua lạnh người!
Gươm vút lóe, máu rơi lênh láng,
Người hy sinh công trạng hám nào.
Chiến binh vất vả nhường bao.
Tướng quân họ Lý còn cào nhớ mong!

YÊN CA HÀNH

Nhà Hán, giặc tràn vào đông bắc,
Tướng Hán già nhà đi giết giặc.
Nam nhi vốn trọng chí tung hoành
Thiên tử vui mừng rạng nhan sắc.
Quân xuống cửa Du chiêm trống vang,
Kéo qua núi Kiệt cờ rợp đường.
Lệnh quân khẩn cấp qua biển cát,
Khói lửa Thiên Vu rực núi Lang.
Non sông xơ xác khắp biên thổ
Quân Hồ phi ngựa như mưa gió.
Chiến sĩ ra trận nửa tử sinh
Mỹ nhân dưới trướng còn hát múa.
Sa mạc cuối thu rụi cỏ cây,
Biên thành chiều tối quân ít thay!
Thân chịu ơn trên khinh lũ giặc.
Kiệt sức, quan sơn chưa giải vây.
Áo giáp trần xa gian khổ miệt
Lệ ngọc tuôn rơi sầu ly biệt.
Thiếu phụ thành nam nhớ dầu dầu,
Chinh phu Kế Bắc buồn da diết.
Dễ đâu tới được chốn biên đình,
Cõi vắng hoang lương khôn kể xiết,
Ba mùa sát khí tựa mây đùn
Suốt đêm lạnh lòng mờ canh thét.
Cùng nhìn mũi kiếm tuyết bay tung
Xưa nay tử tiết há hòng công.
Anh thấy chăng sa trường chinh chiến khổ
Đến nay còn nhớ Lý anh hùng.

LÝ KỲ

古從軍行

白 日 登 山 望 烽 火
黃 昏 飲 馬 傍 交 河
行 人 刁 斗 風 沙 暗
公 主 琵 琶 幽 怨 多
野 營 萬 里 無 城 郭
雨 雪 紛 紛 連 大 漠
胡 雁 哀 鳴 夜 夜 飛
胡 兒 眼 淚 雙 雙 落
聞 道 玉 門 猶 被 遮
應 將 性 命 逐 輕 車
年 年 戰 骨 埋 荒 外
空 見 葡 萄 入 漢 家

69. CỔ TÔNG QUÂN HÀNH⁽¹⁾

Bạch nhật đăng sơn vọng phong hỏa,
Hoàng hôn ẩm mã bàng Giao Hà⁽²⁾.
Hành nhân điều đầu phong sa ám,
Công chúa tỳ bà⁽³⁾ u oán đa.
Dã doanh vạn lý vô thành quách,
Vũ tuyết phân phân liên đại mạc.
Hồ nhận ai minh dạ dạ phi,
Hồ nhi nhân lệ song song lạc.
Văn đạo Ngọc môn do bị già

⁽¹⁾ Tông quân hành: Theo *Nhạc phủ giải đề*, *Tông quân hành* là những bài viết về nỗi gian nan ở quân lữ.

⁽²⁾ Giao Hà: Theo *Hán thư Tây Vực truyện*: Quân triều đình đóng ở Giao Hà. Sông chảy quanh thành nên gọi là Giao Hà.

⁽³⁾ Công chúa tỳ bà: Theo *Thạch Sùng truyện*, xưa công chúa bị vua đem gả cho nước Ô Tôn, liền gảy tỳ bà trên lưng ngựa, khúc ai oán, làm cho người trên đường đều suy nghĩ.

Ung tương tính mạng trực khinh xa.
Niên niên chiến cốt mai hoang ngoại,
Không kiến bồ đào⁽¹⁾ nhập Hán gia.

Dịch nghĩa:

BÀI TÔNG QUÂN HÀNH XƯA

Sáng ra lên núi coi đài phong hỏa,
Buổi chiều ngựa uống nước bên cạnh sông Giao.
Kẻ chinh chiến mang điều đau, nơi mờ mờ gió cát
Tiếng tỳ bà của công chúa thật ai oán.
Trướng trên đồng nội muôn dặm
không có thành quách.
Mưa tuyết bồi bồi trên hoang mạc lớn.
Chim nhạn đất Hồ kêu thương bay đêm đêm,
Dân đất Hồ nước mắt hơi hàng.
Nghe nói ả Ngọc Quan còn bị giặc chặn đánh.
Xin đem tính mệnh đuổi theo xe quân.
Năm năm xương lính chôn ở côi ngoài
Chỉ thấy nho ngon vào cổng nhà Hán.

Dịch thơ:

CỔ TÔNG QUÂN HÀNH

Sáng lên núi coi đài phong hỏa,
Chiều buông, ngựa uống nước Giao Hà.
Quân đi gõ đầu trời gió cát,
Buồn thương, công chúa gảy tỳ bà.
Muôn dặm trướng phơi, không thành quách,
Hoang mạc mênh mang đầy mưa tuyết.
Kêu thương, nhạn Hồ đêm đêm bay,

⁽¹⁾ Bồ đào: Nho. Theo *Hán thư Tây Vực ký*, vua nước Uyển xưa trồng nho, nấu rượu rất ngon nhiều tới trên vạn thạch cho ngựa sang cổng nhà Hán.

Mắt lệ dân Hồ rung rung khóc.
 Nghe nói Ngọc Môn bị chặn vây,
 Liền đem tính mạng ruổi xe quây.
 Năm năm xương lính vùi trong cát
 Cung tiền nho ngon cung Hán đầy!

VƯƠNG DUY

洛陽女兒行

洛陽	女	兒	行	居	餘	馬	魚	望	向	車	帳	春	倫	舞	人	火	環	時	坐	華	家	玉	紗
纔	可	容	顏	對	門	五	馳	鯉	相	簷	香	華	青	季	教	與	微	花	曲	香	繁	李	如
良	人	玉	勒	十	乘	盤	膾	盡	垂	七	九	在	劇	親	持	九	飛	理	薰	盡	趙	顏	自
侍	女	金	樓	柳	上	歸	貴	奢	玉	瑚	滅	片	無	是	識	過	女	頭					
畫	閣	朱	送	迎	富	驕	碧	珊	曙	片	曾	祇	相	經	過	江							
紅	桃	綠	扇	夫	氣	憐	惜	窗	微	罷	成	中	夜	憐	賤								
羅	帷	迎	富	驕	碧	珊	曙	片	曾	祇	相	經	過	江									
寶	扇	夫	氣	憐	惜	窗	微	罷	成	中	夜	憐	賤										
狂	夫	氣	憐	惜	窗	微	罷	成	中	夜	憐	賤											
意	自	不	春	九	戲	妝	城	日	誰	貧													
自	不	春	九	戲	妝	城	日	誰	貧														
不	春	九	戲	妝	城	日	誰	貧															
春	九	戲	妝	城	日	誰	貧																
九	戲	妝	城	日	誰	貧																	
戲	妝	城	日	誰	貧																		
妝	城	日	誰	貧																			
城	日	誰	貧																				
日	誰	貧																					
誰	貧																						
貧																							

70. LẠC DƯƠNG NỮ NHÌ HÀNH

Lạc Dương nhi nữ⁽¹⁾ đôi môn cư
Tài khả dung nhan thập ngũ dư.
Lương nhân ngọc lạc thừa thông mã
Thị nữ kim bàn khoái lý ngư.
Họa các chu lâu tận tương vọng,
Hồng đào lục liễu thùy thiềm hương.
La vi tổng thượng thất hương xa⁽²⁾
Bảo phiến nghênh quy cửu hoa trướng.
Cuồng phu phú quý tại thanh xuân,
Ý khí kiêu sa kịch Quý Luân⁽³⁾.
Tự liên Bích ngọc⁽⁴⁾ thân giáo vũ
Bất tích san hô trì dữ nhân.
Xuân song thụ diệt cửu vi hỏa⁽⁵⁾
Cửu vi phiến phiến phi hoa tỏa.
Hí bãi tàng vô lý khúc⁽⁶⁾ thì
Trang thành chỉ thị huân hương tọa.
Thành trung tương thức tận phồn hoa
Nhật dạ kinh qua Triệu, Lý⁽⁷⁾ gia.

⁽¹⁾ Lạc Dương nhi nữ: Bài ca trên sông của Lương Vũ Đế có câu: Nước sông Hà Trung chảy về đông, con gái Lạc Dương tên là Mạc Sầu.

⁽²⁾ Thất hương xa: Ngụy Vũ Đế thư cho Dương Bưu rằng: Nay tặng túc hạ hai cỗ xe thất hương, trâu khỏe hai con.

⁽³⁾ Quý Luân: tức Thạch Sùng, một người giàu bậc nhất thời xưa của Trung Hoa.

⁽⁴⁾ Bích Ngọc: Thiếp của Nhữ Nam Vương là Bích Ngọc, rất được yêu, nhân đó làm bài ca. Thơ Nguyên Đế: nàng Bích Ngọc con nhà thường thường, đem gả cho Nhữ Nam Vương.

⁽⁵⁾ Cửu vi hỏa: Lửa Cửu vi. Theo *Hán Vũ đế nội truyện*, ngày 7 tháng 7 đặt ở tòa nội điện, lấy lửa, đốt đèn chín tầng để dợi vương mẫu.

⁽⁶⁾ Lý Khúc: soạn chơi bài hát. Thơ xưa: "Đương hộ lý thanh khúc. Từ Lăng ngọc dài tân", nghĩa là: nhà ai chơi khúc ca trong triều, dài ngọc Từ Lăng như mới.

⁽⁷⁾ Triệu, Lý: Thơ Nguyễn Tịch: Ra phía tây Hàm Dương, Triệu, Lý, thường qua lại. Triệu tức nàng Triệu Phi Yến, vương phi của Hán Thành Đế. Lý tức Lý phu nhân, vợ của Hán Vũ Đế.

Thùy liên Việt nữ nhan như ngọc⁽¹⁾
Bàn tiện giang đầu tự cán sa.

Dịch nghĩa:

BÀI HÀNH VỀ NGƯỜI CON GÁI ĐẤT LẠC DƯƠNG

Người con gái đất Lạc Dương ở trước cửa
Nhìn gương mặt khoảng độ quá mười lăm.
Chồng cưỡi ngựa quý, mang nhàm ngọc
Đầy tớ gái bùng mâm vàng gói cá gáy.
Gác vẽ lầu sang xem đã thỏa
Đào hồng, liễu xanh rủ nghiêng thêm kia.
Màn the đưa tới xe thất hương
Quạt quế đưa về trướng cửu hoa.
Chồng nông giàu sang, đang tuổi trẻ,
Ý chí kiêu sa muốn vượt cả Quý Luân.
Bởi yêu nàng Bích Ngọc thân đến dây múa
Chẳng tiếc san hô đem tặng cho.
Cửa sổ mùa xuân tắt lửa đèn chín vòng
Lửa chín vòng từng mảnh bay hoa tỏa sắc.
Vui xong thường là không soạn khúc ca lý,
Trang điểm rồi, nàng ngồi xông hương.
Trong thành, chồng hưởng thú phồn hoa
Ngày và đêm thường qua lại nhà họ Triệu, họ Lý.
Ai đoái thương người con gái Việt đẹp như ngọc,
Nghèo hèn giặt lụa ở đầu sông.

Dịch thơ:

NGƯỜI CON GÁI ĐẤT LẠC DƯƠNG

Con gái Lạc Dương ở trước cửa,
Tuổi quá mười lăm gương mặt trẻ.

⁽¹⁾ Nhan như ngọc: Mặt như ngọc. Thơ cổ: Yên Triệu nhiều người đẹp, mặt như ngọc.

Chồng cười ngựa quý, nhàn ngọc rung,
 Mâm vàng thị nữ dâng gỏi cá.
 Gác vẽ lầu cao đâu cũng rõ
 Đào hồng liễu xanh buông trước sân.
 Màn the đưa xe thất hương sang,
 Quạt ngọc rộn ràng cứu hoa phủ.
 Chồng trẻ giàu sang vung vãi cửa,
 Xa hoa lăm vượt cả Quý Luân.
 Bồi yêu Bích Ngọc dây ca múa
 Nào tiếc san hô đem tặng cùng.
 Cửa sổ mùa xuân treo đèn tâng,
 Bay bay ánh lửa đang tỏa sáng.
 Vui trọn, nàng thôi soạn múa ca
 Trang điểm đốt trầm ngồi nhẩn nha.
 Chồng say phồn hoa chốn thành thị,
 Triệu, Lý sớm tối ra vào nhà.
 Ai hay gái Việt mặt tựa ngọc!
 Nghèo khó đầu sông ngồi cán sà.

老將行

少	年	十	五	二	十	時
步	行	奪	得	胡	馬	騎
射	殺	山	中	白	額	虎
肯	數	鄴	下	黃	鬚	兒
一	身	轉	戰	三	千	里
一	劍	曾	當	百	萬	師
漢	兵	奮	迅	如	霹	靂
虜	騎	崩	騰	畏	疾	蔡
衛	青	不	敗	由	天	幸
李	廣	無	功	緣	數	奇
自	從	棄	置	便	衰	朽
世	事	蹉	跎	成	白	首

目肘瓜柳巷牖泉酒雲聞少軍色文將君守勳
 全左侯生窮虛飛使如夕年將雪星大吾中功
 無生故先連對出空陣日募出如動射鳴雲取
 箭楊賣種木山勒川下馳河道衣劍弓甲日戰
 飛垂時學古寒疏潁山交三五鐵寶燕越舊一
 時日旁前茫落令似蘭檄使書拂持得令嫌堪
 昔今路門蒼寥誓不賀羽節詔試聊願恥莫猶

71. LÃO TƯỚNG HÀNH

Thiếu niên thập ngũ nhị thập thời,
 Bộ hành đoạt đắc Hồ mã ky⁽¹⁾.
 Sạ sát sơn trung bạch ngạch hổ⁽²⁾
 Khẳng sở Nghiệp hạ Hoàng tu nhi.
 Nhất thân chuyển chiến tam thiên lý,
 Nhất kiếm tăng đương bách vạn sư.

⁽¹⁾ Đoạt Hồ mã: Theo *Sử ký*. Lý Quảng cầm quân thua, bị quân kỵ người Hồ bắt, tưởng sẽ chết, chợt thấy kẻ bên có một cậu thiếu niên cưỡi ngựa, Quảng bèn nhảy lên mình ngựa, đẩy ngã cậu bé người Hồ, lấy cung cưỡi ngựa thoát về nam.

⁽²⁾ Bạch ngạch hổ: Hổ trán trắng. Theo *Tấn thư Chu Sử truyện*: Chu Sử giỏi săn. Người trong vùng nói: ông đi săn nhưng loại thú hại dân chưa trừ được. Đó là hổ trắng ở Nam Sơn, giảo long ở Trường Kiều. Sử bèn vào núi diệt hổ, đến sông diệt giảo long.

Hán binh phần tấn như tích lịch
 Nỗ kỵ bồn đằng úy tạt lê.
 Vệ Thanh bắt bại⁽¹⁾ do thiên hạnh,
 Lý Quảng vô công⁽²⁾ duyên số kỳ.
 Tự tông khí chí tiện suy hủ
 Thế sự sa đà thành bạch thủ.
 Tích thời phi tiền vô toàn mục,
 Kim nhật thùi dương sinh tả trừu.
 Lộ bàng thời mãi cố hầu qua
 Môn tiền học chủng tiên sinh liễu⁽³⁾.
 Thương mang cổ mộc liên cùng hạng.
 Liêu lạc hàn sơn đối hư dũ.
 Thệ linh Sơ Lặc xuất phi tuyền⁽⁴⁾.
 Bất tự Dĩnh Xuyên không sử tửu⁽⁵⁾.
 Hạ Lan sơn⁽⁶⁾ hạ trận như vân.

⁽¹⁾ Vệ Thanh bắt bại: Vệ Thanh không thua. Theo *Hán thư*, Vệ Thanh là Xa kỵ tướng quân đến Long Thành, chém được vài trăm đầu giặc. Thiên tử sai sứ đến dinh phong làm đại tướng quân. Hoắc Khứ Bệnh theo đại tướng quân làm quan hiệu úy, tiến sâu vào quân giặc thường đánh đầu được đấy, người đời cho là Vệ Thanh may có được Hoắc Khứ Bệnh (sau này cũng là một vị tướng tài).

⁽²⁾ Lý Quảng vô công: Lý Quảng không công lao: Theo *Sử ký*, *Lý Quảng truyện*, năm Nguyên Sóc thứ 6, Quảng làm hậu tướng quân, theo đại tướng quân đánh Hung Nô, chư tướng nhiều người bắt được giặc, đều nên công được phong hầu, riêng đạo quân của Quảng trận ấy không lập được công.

⁽³⁾ Tiên sinh liễu: Liễu của Tiên sinh: Tiên sinh ở đây chỉ Đào Tiềm, nơi ở ẩn của ông trồng năm loại liễu.

⁽⁴⁾ Sơ lặc xuất tuyền: Theo *Hậu Hán thư*, *Cảnh Cung truyện*, Cung thấy con suối bên thành Sơ Lặc khô thủ liền đem quân đến đóng. Quân Hung Nô ở dưới thành tìm cách chặn suối cho hết nước. Cung ở trong thành đào sâu tới mười dặm trường cũng không có nước, quân sĩ khát, phải lấy dao khoét núi mới có nước từ trong núi vọt ra cho là đức nhà Hán dày, xui ra thế, liền mũ áo lạy tạ.

⁽⁵⁾ Dĩnh xuyên sử tửu: Theo *Sử ký*. Quán Phu là người cương trực, là người thích rượu và có chí khí, nhà giàu có đến nghìn muôn lạng, thực khách vài trăm người, vui việc rượu đồng, tôn tộc tân khách ở quanh đất Dĩnh Xuyên, người đời đùa là nhờ rượu mà chí mạnh.

⁽⁶⁾ Hạ Lan sơn: Ở Linh Châu, huyện Bảo Tĩnh, phía tây, cách khoảng chín mươi ba dặm, cây cối thanh u.

Vũ hịch Giao Trì nhật tịch văn.
Tiết sử⁽¹⁾ Tam Hà⁽²⁾ mộ niên thiếu
Chiếu thư ngũ đạo xuất tướng quân⁽³⁾.
Thí phát thiết y như tuyết sắc,
Liêu trì bảo kiếm động tinh văn.
Nguyện đắc yên cung sạ đại tướng,
Sĩ linh Việt giáp minh ngô quân.
Mạc hiềm cự nhật Vân Trung thủ⁽⁴⁾
Do thậm nhất chiến lập công huân.

Dịch nghĩa:

BÀI HÀNH VỀ VIÊN TƯỚNG GIÀ

*Thời trẻ khoảng mười lăm, hai mươi
Đi bộ mà đoạt ngựa đất Hồ.
Bắn chết hổ trán trắng ở trong núi,
Đáng sánh ngang gã râu vàng ở đất Nghiệp.
Một thân luân chuyển đánh trận ba ngàn dặm,
Một thanh kiếm địch trăm vạn quân.
Quân Hán vùng lên như sấm sét
Ngựa giặc chạy miết sợ đám gai chông.
Vệ Thanh không bại là nhờ số trời may,
Lý Quảng không nên công là do số phận lạ.
Từ đó dần dần mỗi, suy yếu,
Việc đời chán nản thành bạc đầu.
Xưa kia tên bắn chẳng thềm nhìn ngắm
Nay thì tay cứng như cây dương mộc ở ngay bên trái.
Bên đường gặp mùa, bán dưa như Cổ hầu,*

⁽¹⁾ Tiết sử: Quan phái đi trấn thủ ải xa, thường là chức Tiết độ sứ.

⁽²⁾ Tam Hà: Ba đất Hà. Nhà Ân đóng đô ở Hà Nội, nhà Chu đô ở Hà Nam, nhà Đường đô ở Hà Đông gọi là Tam Hà.

⁽³⁾ "Ngũ đạo xuất tướng quân": Cử tướng chỉ huy năm đạo quân (tiền, hậu, tả, hữu và trung quân).

⁽⁴⁾ Vân Trung thủ: Giữ Vân Trung, một đồn trại biên giới hiểm trở.

Trước cửa học giòng cây liễu của ông Đào.
 Xanh rờn cây cối tận chốn ngô hèm,
 Núi lạnh vắng vẻ ngay trước cửa sổ trống.
 Thề khiến suối thành Sơ Lặc nước cuộn bay,
 Chẳng tựa như Đinh Xuyên không ai đem rượu tới.
 Dưới Hạ Lan sơn trận như mây ngổn ngang
 Hịch gấp xứ Giao Trì ngày đêm nghe,
 Quan tiết sứ Tam Hà, đang độ trai trẻ.
 Chiêu thư năm đạo, vời tướng quân ra.
 Nhìn vào áo giáp sắc như tuyết,
 Cầm chắc bảo kiếm động cả sao trời.
 Nguyên dùng cung nước Yên bắn đại tướng,
 Xấu hổ mặc giáp Việt, múa trước đức vua của ta.
 Chớ e ngày nọ ở nơi cửa ải Vân Trung
 Chỉ cần một trận lập được chiến công.

Dịch thơ:

LÃO TƯỚNG HÀNH

Thời trai tráng đôi mươi, mười mấy.
 Đi bộ mà đoạt ngựa rợ Hồ,
 Bắn tươi hổ đốm núi xa.
 Râu vàng già nọ đáng là sánh ngang.
 Thân chiến trận băng ngàn trăm dặm,
 Kiếm trong tay địch vạn quân hùng.
 Hán quân vùng dậy sấm vang,
 Chạy dài, ngựa giặc ngại ngừng chông gai.
 Vệ Thanh nhờ vận may nên chuyện,
 Xuyên xa, tài Lý Quảng, không công.
 Già nua, từ đó, yếu dần,
 Chán đời, tóc đã có phần bạc thêm.
 Xưa bắn tên chẳng thềm nheo mắt,
 Nay tay già cứng ngắc tội chưa.

Cổ hầu phơi mặt bán dưa,
 Cửa ngoài trông giống liễu xưa ông Đào.
 Cây xanh thắm luồn sâu ngõ nẽm,
 Núi vắng hoang bóng lạnh soi thềm.
 Thành Sơn, suối đẹp bay nghiêng,
 Nào ai đất Dĩnh há đem rượu mời!
 Hạ Lan sơn bời bời mây trận,
 Đất Giao Tri hịch đến vội nghe.
 Mộ quân quan tiết Tam Hà,
 Chiêu thư gọi tướng quân về năm quân.
 Áo bào sắc tuyết in ngàn,
 Tay vung bảo kiếm tinh vân động trời.
 Cung nước Yên bắn ngôi đại tướng,
 Giáp Việt rung, then rợn tai vua.
 Ải xưa, nhớ buổi mây mù
 Chỉ lăm một trận giữa mùa lập công!

桃源行

漁	舟	逐	水	愛	山	春
兩	岸	桃	花	夾	古	津
坐	看	紅	樹	不	知	遠
行	盡	青	溪	忽	值	人
山	口	潛	行	始	隈	隩
山	開	曠	望	旋	平	陸
遙	看	一	處	攢	雲	樹
近	入	千	家	散	花	竹
樵	客	初	傳	漢	姓	名
居	人	未	改	秦	衣	服
居	人	共	住	武	陵	源
還	從	物	外	起	田	園
月	明	松	下	房	櫳	靜
日	出	雲	中	雞	犬	喧

集邑開入間還事山見縣水衍迷變深林水尋
 來都花水人不人雲聞鄉山游不來山雲花處
 爭問掃乘去遂有空難思隔長舊今入到桃何
 客家巷樵地仙知望境盡論擬過壑記度是源
 俗還閭漁避神誰遙靈未無終經峰只幾遍仙
 聞引明暮因問裡中疑心洞家謂知時溪來辨
 驚競平薄初更峽世不塵出辭自安當青春不

72. ĐÀO NGUYÊN⁽¹⁾ HÀNH

Ngư chu trực thủy ái sơn xuân,

⁽¹⁾ Đào nguyên: Suối hoa đào. Theo *Đào Tiềm đào hoa nguyên ký*, trong đời Tấn niên hiệu Thái Nguyên, người Vũ Lăng lấy đánh cá làm nghề, men theo suối mà đi, quên mất không biết đường xa hay gần, chợt gặp rừng hoa đào cách bờ vài trăm bước, phía trong không có cây tạp, cỏ thơm tươi đẹp, ánh sáng chan hòa, dân chài rất lạ, lại cho thuyền tiến lên trước, muốn đi hết rừng. Rừng hết gặp suối, và gặp một ngọn núi, có cửa hẹp, không được sáng lắm, cho thuyền qua, trước rất hẹp, chỉ lách vừa, đi thêm mười bước nữa, hang bỗng sáng, đất bằng hiện ra, nhà cửa sà, sát có ruộng tốt, ao sâu, tre pheo xanh rờn, đường làng thông suốt, nghe tiếng gà chó, có cây trồng, quần áo con trai con gái, khác hẳn những người phía ngoài, hồn nhiên vui vẻ. Thấy đám người dân chài, họ rất kinh hãi, hỏi từ đâu tới, đều trả lời rõ là nhà ở rất xa. Liên mời về nhà đem gà rượu đãi. Người trong làng chạy đến hỏi han. Dân ở đây tự nói rằng đời cha ông trước lánh nhà Tấn, chạy loạn, đem vợ con làng xóm đến đây không về, cách biệt hẳn với người bên ngoài. Hỏi chuyện đời nay không biết gì cả. Chẳng hiểu là đang thời Hán hay Ngụy, Tấn... Ai nghe qua cũng thở dài. Ở lại mấy ngày dân tiếp đãi chu đáo. Dân chài quay về, cố nhớ đường, khi về bắt với quan thái thú. Quan sai đi tìm thì không lần ra...

Lưỡng ngạn đào hoa giáp cổ tân.
Tọa khán hồng thụ bất tri viên,
Hành tận thanh Khê hốt trị nhân.
Sơn khẩu tiềm hành thủy ôi úc⁽¹⁾
Sơn khai khoáng vọng toàn bình lục.
Giao khan nhất xứ tán vân thụ,
Cận nhập thiên gia tán hoa trúc.
Tiêu khách sơ truyền Hán tính danh
Cư nhân vị cải Tần y phục.
Cư nhân cộng trú Vũ Lăng⁽²⁾ nguyên,
Hoàn tông vật ngoại khởi điền viên.
Nguyệt minh từng hạ phòng lung tĩnh,
Nhật xuất vân trung kê khuyến huyên.
Kính văn tục khách tranh lai tập,
Cạnh dẫn hoàn gia vấn đồ ấp.
Bình minh lư hạng tảo hoa khai,
Bạc mộ ngư tiêu thừa thủy nhập.
Sơ nhân ty địa khứ nhân gian,
Cánh vấn thần tiên toại bất hoàn.
Hạp lý thủy tri hữu nhân sự,
Thế trung dao vọng không vân sơn.
Bất nghị linh cảnh nan văn kiến,
Trần tâm vị tận tư hương huyên.
Xuất động vô luận cách sơn thủy,
Từ gia chung nghĩ trường du diễn.
Tự vị kinh qua cựu bất mê,
An tri phong hác kim lai biến.
Đương thời chỉ ký nhập sơn thâm,
Thanh Khê kỷ độ đáo vân lâm.

⁽¹⁾ Ôi úc: Chỉ sông nước quanh co. Thơ Tạ Linh Vận: Uy di bàng ôi úc, nghĩa là: Đi hoài nơi suối, bên quanh co...

⁽²⁾ Vũ Lăng: Thuộc quận Thời Dương, gần với đất người Di. Thời vua Quang Vũ đặt tên là Vũ Lăng. Sách *Tả truyện* giải thích: nơi giáo mác gọi là Vũ, nơi cao gọi là Lăng (gò).

Xuân lại biến thị đào hoa thủy⁽¹⁾
Bất biện tiên nguyên hà xứ tâm.

Dịch nghĩa:

BÀI HÀNH VỀ SUỐI HOA ĐÀO

*Thuyền chài xuôi nước yêu núi mùa xuân,
Hai bên bờ hoa đào giáp tận bến cũ.
Ngồi nhìn cây đỏ rực quên cả đường xa,
Đi hết dòng suối xanh chợt gặp người.
Cửa núi luồn mà đi ban đầu thì quanh co,
Khi núi mở ra nhìn thấy đầy khoảng xanh bằng phẳng.
Nhìn xa thấy một nơi mây và cây quần tụ
Đến gần thì có nghìn nhà rải rác trong hoa và tre.
Khách kiếm củi thoáng nói họ tên người Hán
Dân ở đây vẫn mặc y phục nhà Tần.
Dân đây đều ở bên suối Vũ Lăng,
Ngoài ruộng nương không để ý chuyện gì khác.
Trăng sáng gốc cây tùng, phòng yên tĩnh
Mặt trời mọc trong mây; gà, chó huyền ảo.
Rất hãi khi thấy khách ngoài đời, đua nhau tới,
Tranh nhau dẫn về nhà hỏi chuyện làng xóm.
Sáng sớm quét hoa ở cổng ngõ,
Chiều tối dân chài dân kiếm củi theo dòng suối về nhà.
Cõi trần nhìn xa những mây cùng núi,
Bén cảnh thần tiên mà chẳng quay về.
Ở nơi mỏm núi vắng này ai mà biết việc đời
Đời người đều chỉ thường nhìn vào khoảng trời mây núi.
Không ngờ nơi cõi thiêng khó thăm hỏi
Lòng trần chưa hết vẫn nhớ huyện, nhớ làng.*

⁽¹⁾ Đào hoa thủy: Dòng nước hoa đào. Theo *Hán thư*, về mùa xuân dòng nước hoa đào dâng đầy. Sư Tổ ghi chú rằng: Tháng hai là tiết Vũ Thủy, đó là tiết đào nở nhiều, rụng xuống trôi đỏ cả dòng nước, nên gọi là dòng nước hoa đào.

Ra khỏi động dù rằng cách sông, cách núi,
Từ biệt nhà, nào có nghĩ lại đi xa đến thế.
Tự bảo rằng đã đi qua, đường cũ không quên,
Mà sao núi hang giờ đã khác trước.
Lúc ấy chỉ nhớ là đi vào núi thăm,
Qua suối xanh một lúc thì vào rừng mây.
Mùa xuân đến khắp, chỗ nào cũng là dòng suối hoa đào,
Chẳng biết tìm suối tiên ở chỗ nào cả!

Địch thơ:

ĐÀO NGUYỄN HÀNH

Núi xuân ưa, thuyền đưa xuôi nước,
Suối hoa đào bờ giáp bên xưa.
Ngắm đào quên cả đường xa,
Gặp người, sông nước cũng vừa khúc quanh.
Luồn cửa núi, dòng xanh uốn lượn,
Núi mở tầm, đất rộng thênh thang.
Xa xa, cây thăm, mây vờn,
Dưới tre, họa dễ đến hơn nghìn nhà!
Khách thoáng hé, xưng là người Hán,
Dân ở đây vận xống áo Tần.
Vũ Lăng suối đẹp quây quần,
Nghè nông sớm tối xoay vần lúa khoai.
Phòng tĩnh lặng, trăng soi từng bách,
Trời sáng ra nhộn nhịp chó gà.
Hải kinh khi gặp khách xa,
Tranh nhau dẫn khách về nhà hỏi quê.
Sáng sớm đã quét hoa đầu ngõ,
Xuôi dòng xanh, tối trở về nhà.
Lánh đời, trốn tít nơi xa,
Cõi thần tiên ấy, hóa ra quên đời...
Ai biết người ở nơi quanh vắng,

Núi và mây là bạn quanh năm.
 Đất thiêng ai có biết rằng,
 Lòng trần chưa dứt, huyện, làng nhớ thương.
 Đông ra khỏi, sông ngăn núi cách.
 Già biệt nhà nào biết bươn xa...
 Đường xưa, đâu có quên mà!
 Hang kia núi ấy nay đã đổi thay.
 Nhớ buổi vượt núi này quanh quất
 Qua suối xanh thì gặp mây tầng.
 Suối hoa đào đã vào xuân
 Cõi tiên chẳng biết đâu lần bữa nay.

LÝ BẠCH

蜀道難

噫	吁	戲	危	乎	高	哉	
蜀	道	之	難	難	於	上	青 天
蠶	叢	及	魚	鳧			
開	國	何	茫	然			
爾	來	四	萬	八	千	歲	
不	與	秦	塞	通	人	煙	
西	當	太	白	有	鳥	道	
可	以	橫	絕	峨	眉	巔	
地	崩	山	摧	壯	士	死	
然	後	天	梯	石	棧	方	鉤 連
上	有	六	龍	回	日	之	高 標
下	有	衝	波	逆	折	之	迴 川
黃	鶴	之	飛	尚	不	得	
猿	揉	欲	度	愁	攀	緣	
青	泥	何	盤	盤			
百	步	九	折	縈	巖	巒	

山

空天

愁青

哉

來

乎

爲

胡嵬

天

青

上嗟

於咨

樂家難常

親豺

人崔

仰坐何不號繞啼難凋不倚爭萬此之而

井膺遊巖鳥從規難此天掛流石若道嶮關開匪與虎蛇血麻云還難望

歷撫西巉悲雌子之聽去倒瀑轉也遠崢當莫或狼猛長吮如雖早之西

參手君途見飛聞道人峰松湍崖險爾閣夫夫守爲避避牙人城如道身

捫以問畏但雄又蜀使連枯飛砾其嗟劍一萬所化朝夕磨殺錦不蜀側

73. THỰC ĐẠO NAN⁽¹⁾

Y hu hi! Nguy hồ cao tai!
Thực đạo chi nan, nan ư thường thanh thiên!
Tầm Tùng cập Ngư Phủ⁽²⁾,
Khai quốc hà mang nhiên.
Nhĩ lai tứ vạn bát thiên tuế,
Bất dữ Tần tái thông nhân yên.
Tây dương Thái Bạch, hữu điều đạo⁽³⁾,
Khả dĩ hoành tuyệt Nga Mi điền.
Địa bằng sơn tời trắng sĩ tử⁽⁴⁾,
Nhiên hậu thiên thể⁽⁵⁾ thạch sạn phương câu liên.
Thượng hữu lục long hồi nhật⁽⁶⁾ chi cao tiêu
Hạ hữu xung ba nghịch chiết chi hồi xuyên.
Hoàng hạc chi phi thượng bất đắc
Viên nao dục độ sâu phan duyên.
Thanh nê hà bàn bàn!
Bách bộ cửu chiết⁽⁷⁾ oanh nam loan.

⁽¹⁾ *Thực đạo nan* do Lý Bạch sáng tác nói về chuyện Nghiêm Vũ trấn ải quan. Có nhiều thuyết cho tác giả viết *Thực đạo nan* là vì Đỗ Phủ, Phòng Quân gặp nguy, nhưng không chắc chắn và thường gây ra bàn cãi.

⁽²⁾ Tầm Tùng, Ngư Phủ: Hai vua đầu tiên của nước Thực.

⁽³⁾ Thái Bạch điều đạo: đường chim bay ở núi Thái Bạch. Núi Thái Bạch ở phủ Phượng Tường, huyện Mi, về phía đông nam khoảng 40 dặm, so với núi ở đất Quan Trung thì không ngọn nào cao bằng. Núi giá lạnh, cây cỏ không mọc nổi, tuyết đóng không tan, mùa hè còn thấy sáng cho nên gọi là Thái Bạch; Điều đạo: Đường chim bay. Người khó vượt qua, chỉ có đường chim bay, chỉ sự hiểm trở.

⁽⁴⁾ Núi sứt đất lở, trắng sĩ chết: Theo *Thực Vương bản kỷ*: Trời cho vua Thực năm lục sĩ, súc có thể chuyển núi. Vua Tần đem gái đẹp gả cho, vua Thực sai năm lục sĩ đi đón, thấy một con rắn lớn chui vào trong hang, năm trắng sĩ rồi ra, núi lở, các trắng sĩ đều chết, còn năm cô gái Tần thì hóa đá, vì thế mà thành năm ngọn núi mỗi cô một ngọn.

⁽⁵⁾ Thiên thể: Thang trời, thơ Vương Dật: "Duyên thiên thể hề bắc thượng, đăng Thái Ất hề ngọc dài," nghĩa là: vịn thang trời mà lên bắc; Trèo đài ngọc đến đền Thái Ất.

⁽⁶⁾ Lục long hồi nhật: Theo truyền thuyết thần mặt trời cưỡi xe có sáu rồng kéo.

⁽⁷⁾ Cửu Chiết, Thiên Thai phú: "Ký khắc tùy ư Cửu Chiết," nghĩa là: Đã phải theo nơi Cửu Chiết. Theo *Thủy kinh chú*: phía nam núi Khâu Lai có sườn Cửu Chiết, mùa hè đọng băng, mùa đông rét như cắt.

Môn Sâm lịch Tinh ngưỡng hiệp tức,
 Dĩ thủ phù ưng tọa trường thán!
 Vấn quân tây du hà thì hoàn?
 Úy đồ sàm nham bất khả phan!
 Đăn kiến bi điều háo cổ mộc,
 Hùng phi tông thư nhiều lâm gian.
 Hựu văn tử quy đề dạ nguyệt, sàu không san!
 Thực đạo chi nan, nan ư thưởng thanh thiên!
 Sử nhân thánh thử điều chu nhan.
 Liên phong khứ thiên bất doanh xích,
 Khô tùng đảo quả ỷ tuyết bích.
 Phi suyền bộc lưu tranh huyền hôi,
 Lệ nhai chuyển thạch vạn hác lô
 Kỳ hiểm dã nhược thử,
 Ta nhĩ viễn đạo chi nhân hồ vi hồ lai tai!
 Kiếm Các tranh vanh nhi thôi ngôi
 Nhất phu đương quan,
 Vạn phu mạc khai
 Sở thủ hoặc phi thân
 Hoá vi lang dữ sài.
 Triều tị mãnh hổ
 Tịch tị trường xà
 Ma nha duận huyết
 Sát nhân như ma!
 Cẩm Thành⁽¹⁾ tuy vân lạc
 Bất như tảo hoàn gia.
 Thực đạo chi nan, nan ư thưởng thanh thiên!
 Trắc thân tây vọng trường tư ta!

Dịch nghĩa:

ĐƯỜNG THỰC THẬT KHÓ ĐI!

Chao, ghê thay! Nguy hiểm, cao thay!

⁽¹⁾ Cẩm Thành, ở Hưng Châu, trên đường vào Thực, chỗ này tụ hội đông vui.

Đường Thục thật khó đi, khó như lên trời xanh
 Đồi Tàn Tùng và đồi Ngự Phù,
 Mở nước từ thuở xa xăm, mù mịt.
 Đến nay đã bốn vạn tám ngàn năm.
 Chẳng thông với ải Tần, thông bóng người hơi khói,
 Núi Thái Bạch chắn phía tây, chỉ có đường chim bay
 Khả dĩ vượt ngang núi Nga Mi cao ngất.
 Đất sụt, núi lở, tráng sĩ chết!
 Sau đây, thang trời bậc đá mới xếp liền.
 Trên có ngọn núi cao vời,
 chấn thần mặt trời cười sáu rồng trở lại,
 Dưới có suối uốn quanh, sông chảy ngược,
 Chim Hoàng hạc cũng khó bay qua,
 Vượn khỉ cũng phiền vì leo trèo khó nhọc.
 Đèo Thanh Nê sao ngoằn ngoèo,
 Trăm bước, chín lần ngoặt quanh sườn đá.
 Chạm sao Sâm, đập phải sao Tinh, ngẩng đầu sợ kinh,
 Vuốt bụng, ngồi thở than.
 Hỏi anh sang phía tây bao giờ về?
 Thật đáng sợ đường hiểm trở, khó leo qua.
 Chỉ thấy chim kêu thương trong đám cỏ thụ,
 Con trông theo mái bay quanh trăng rừng.
 Lại nghe cuộc kêu đêm trăng,
 Âm sâu núi non cô quạnh,
 Đường Thục thật khó đi, khó như lên trời xanh,
 Nghe thôi mặt đang hồng tươi bỗng héo.
 Núi chập chồng cách trời gang tấc,
 Thông gậy treo ngược bên vách đá cheo leo.
 Âm ầm chen tiếng suối bay thác đổ,
 Đá lăn đập vào núi như sấm động giữa muôn vàn hang hốc.
 Hiểm nguy là thế đấy,
 Cát tiếng than cho kẻ đi xa, can gì lặn lội tới đây?
 Núi Kiếm Các chênh vênh cao ngất,
 Một người giữ ải, muôn người khôn qua.

Người giữ ải nếu không phải người thân thích
Dễ thành lang sói phản lại,
Sớm tránh hổ dữ, tối tránh rắn dài,
Toàn thứ mài nanh hút máu,
Giết người như chặt cành gai.
Cầm Thành là nơi vui,
Không bằng sớm về nhà.
Đường Thục thật khó đi, khó như đường lên trời.
Nghiêng mình về hướng tây, mà than thở hoài.

Dịch thơ:

ĐƯỜNG THỤC THẬT KHÓ ĐI

Chao ôi, ghê quá đầy nguy hiểm,
Đường Thục thật khó đi như lên trời.
Tâm Tùng, Ngự Phù vua thuở trước,
Mở nước, mịt mù mây khơi vơi.
Bám tay bốn vạn tám ngàn năm,
Thoáng khói, thoáng người, xa ải Tần.
Đường chim bay, núi Thái Bạch chắn,
Nga Mi may vượt qua mây tầng.
Đất sụt, núi lở trắng sị chết,
Thang trời bậc đá đành xếp thành.
Chấn thần Mặt trời cuối rồng lại,
Dưới sông chảy ngược, suối vòng quanh.
Hạc vàng bay qua e cũng khó,
Vượn khỉ đu trèo mặt nhẵn nhó,
Thanh Nê đèo dốc thật ngoằn ngoèo,
Kính hãi tay mình đã chạm sao.
Than thở vượt bụng đầy ngao ngán,
Phía tây anh hỡi bao giờ về?
Chỉ thấy chim kêu, cây tỏa tán,
Trống mái bay vờn dưới đáy khe.
Khắc khoải cuộc kêu. Trăng sáng lạnh
Những non cùng núi bao cô quanh,

Đường Thục khó đi như lên trời,
 Chỉ nghe thôi, mặt tươi héo hắt.
 Trập trùng núi cách trời gang tấc,
 Vách đá thông treo như lộn ngược,
 Suối bay thác đổ tiếng hòa chen,
 Sấm động ngàn hang, tiếng đá lặn.
 Chao ơi, ghê quá, đầy nguy hiểm,
 Mò mẫm làm gì, hơi kẻ đến?
 Kiểm Các ngất trời núi tranh vanh,
 Một người giữ ải địch muôn quân.
 Người giữ chẳng tâm thành vì nước
 Dạ sói lòng lang dễ nảy sinh.
 Sớm tránh hổ dữ, tối tránh rắn,
 Toàn những loài hút máu, mài nanh.
 Giết người như thể phạt gai góc
 Vui vẻ gì đâu đất Cẩm Thành.
 Ba mươi sáu chước, về nhà sớm,
 Đường Thục khó đi như lên trời,
 Phía tây nghiêng mình ngòi lẩn lẩn,
 Bụi ngùi thở ngắn lại than dài.

Bản dịch của Ngô Tất Tố:

ĐƯỜNG THỤC KHÓ!

Ôi! Chà! Gớm! Hiểm mà cao thay
 Đường Thục đi khó, khó hơn đường lên trời,
 Tầm Tùng và Ngự Phù,
 Mở nước trải bao đời
 Tính năm khi đã bốn vạn tám,
 Bóng khói ải Tần chưa đến nơi.
 Phía tây núi Bạch có đường chim,
 Ngang đỉnh non Nga, nơi tuyết vời.
 Đất sứt, núi lở, trắng sứt chết
 Rồi sau cầu đá nối được với thang trời.
 Trên là núi cao, như sáu con rồng ngăn bóng ai.

Dưới thì dòng sông quần quai,
thác dội, sóng vỗ nước chảy lùi.
Cánh con hạc vàng không thể vượt,
Khỉ vượn muốn qua lo vịn nơi.
Rặng núi Thanh Nê càng hiểm nghèo,
Vừa đi vừa ngoặt, đường cong queo,
Vời Sầm, đập Tĩnh vượn sườn nghỉ,
Vỗ bụng, ngồi lại thở phì phèo.
Sang tây chẳng biết bao giờ về?
Sợ đường chon von không thể leo.
Ban ngày qua gào trên cổ thụ,
Con mái bay lượn con trống theo.
Ban đêm cuộc kêu dưới ánh trăng,
Đồi núi đều quạnh hiu.
Đường Thục đi khó, khó hơn đường lên trời,
Nghe nói, má hồng đều răn reo.
Dãy núi cách trời chẳng đầy thước,
Thông khô vách đá vẫn treo ngược.
Suối tung âm âm, nước sáng choang,
Nghe ngòi đá chuyển như sấm vang.
Nó hiểm là như thế,
Hỡi người xứ khác làm chi mà lần sang?
Núi Kiếm cheo leo lại lởm chởm
Một người coi cửa, muôn người khó đương.
Kẻ giữ, nếu chẳng thân,
Sẽ thành giống sài lang,
Sớm lánh cọp dữ,
Tối lánh rắn dài,
Mài nanh, liếm máu
Giết người như chặt gai.
Cắm Thành dầu vui thú,
Chẳng bằng về nhà thôi!
Đường Thục đi khó, khó hơn đường lên trời,
Nghĩ mình về tây đành ngậm ngùi.

長相思

其 一
長 絡 微 孤 卷 美 上 下 天 夢 長 其
一 相 緯 霜 燈 帷 人 有 有 長 魂 相 二
思 秋 淒 不 望 如 青 淥 路 不 思
在 啼 淒 明 月 花 冥 水 遠 到 摧
長 金 簾 思 空 隔 之 之 魂 關 心
安 井 色 欲 長 雲 長 波 飛 山 肝
闌 寒 絕 歎 端 天 瀾 苦 難
煙 眠 柱 絃 傳 然 天
含 不 鳳 鴛 無 寄 隔 目 泉 斷 明 鏡 前
色 明 瑟 琴 曲 隨 君 時 作 信 來
日 月 趙 蜀 此 願 憶 昔 今 不 歸
其 二
二 色 明 瑟 琴 曲 隨 君 時 作 信 來

74. TRƯỜNG TƯƠNG TƯ

Kỳ 1

Trường tương tư¹⁾, tại Tràng An.

¹⁾ Trường tương tư: Quách Mậu Thiên, *Nhạc phủ cổ thi* viết rằng: Lời nói đầu tiên là lời nhớ nhau. Trường tương tư là khúc hát từ thời Lục triều. Nói về nỗi nhớ nhau khi xa cách.

Lạc vi thu đề kim tĩnh lan⁽¹⁾.
Vi sương thê thê thê điệm sắc hàn,
Cô đăng bất minh tứ dục tuyệt,
Quyển duy vọng nguyệt không trường thán.
Mỹ nhân như hoa cách vân đoan,
Thượng hữu thanh minh chi trường thiên.
Hạ hữu lục thủy chi ba lan.
Thiên trường lộ viễn⁽²⁾ hồn phi khổ.
Mộng hồn bất đáo quan sơn nan.
Trường tương tư tòi tâm can...

Kỳ 2

Nhật sắc dục tận hoa hàm yên,
Nguyệt minh dục tố sâu bất miên.
Triệu sắt sơ đình phụng hoàng trụ⁽³⁾,
Thục cầm dục tấu uyên ương huyền⁽⁴⁾.
Thử khúc hữu ý vô nhân truyền,
Nguyện tùy xuân phong ký Yên Nhiên⁽⁵⁾.
Ưc quân thiêu thiêu cách thanh thiên
Tích thời hoành ba mục⁽⁶⁾,
Kim tác lưu lệ tuyền.
Bất tín thiếp trang đoan,
Quy lai khán thủ minh kính tiền.

⁽¹⁾ Kim Tĩnh lan: Lan can giếng vàng. Theo *Tây chinh ký*, trên Thái Cực điện có lan can giếng vàng.

⁽²⁾ Thiên trường lộ viễn: Trời dài, đường xa. Bài minh của Trần Hâu Chủ: "Thiên trường lộ viễn địa cửu vân đa", nghĩa là: Trời dài đường xa, đất lâu mây nhiều.

⁽³⁾ Triệu sắt phụng hoàng trụ: Đàn sắt nước Triệu trụ phụng hoàng. Theo Dương Huy, đàn bà nước Triệu giỏi gảy đàn sắt, trụ đàn khắc hình chim phụng, chim hoàng.

⁽⁴⁾ Thục cầm uyên ương huyền: Tư mã Tương Như người Thục quận, giỏi gảy đàn cầm. dây to dây nhỏ gọi là dây uyên ương.

⁽⁵⁾ Yên Nhiên: Theo *Hậu Hán thư*. Núi Yên Nhiên, đến cửa ải 3000 dặm, tức Yên Chi Sơn. Theo *Bảo hiến truyện*, quan xa kỵ tướng quân Ôn Mục Tu, ngày đuổi sạch giặc ở biên thủy, lên núi Yên Nhiên khắc bia ghi công.

⁽⁶⁾ Hoành Ba mục: Thơ Vương Quân: "Sầu khiêu Thúy Vũ mi, Lệ mãn Hoành Ba mục", nghĩa là Sầu dâng mi Thúy Vũ, lệ đầm mắt Hoành Ba, ý nói ở nơi rừng suốt xa xôi buồn bã.

NHỚ NHAU MÃI MÃI

1

Nhớ nhau hoài, ở Trường An.
Đêm thu, set sành kêu, lan can giếng vàng,
Sương mỏng âm đạm, chiếu nằm lạnh lẽo.
Một bóng đèn hiu quạnh không sáng,
nhớ mong không dứt,
Cuốn rèm trông trăng lại than dài
Người đẹp như hoa, cách ngàn mây.
Phía trên vòm trời xanh thẳm cao vời
Bên dưới sóng gợn mặt nước trong biếc,
Đất rộng trời dài hồn bay khổ não,
Quan san cách trở mộng hồn làm sao đến được,
Nhớ nhau hoài, héo ruột gan.

2

Ánh ngày muốn hết, hoa ngậm khói,
Trăng sáng như lụa, buồn không ngủ nổi.
Đàn sắt trụ khắc hình phượng hoàng
của nước Triệu vừa dừng
Đàn cầm muốn tấu dây uyên ương,
Khúc ấy có tình ý, không có người truyền.
Muốn gửi theo gió xuân đến Yên Nhiên.
Nhớ chàng dằng dặc như đường lên trời
Ngày xưa mắt dâng ngang sóng,
Nay thành suối lệ tuôn.
Chẳng tin thiếp đứt ruột
Khi chàng về thử ngắm gương trong!

NHỚ NHAU HOÀI

1

Nhớ nhau hoài, tại Trảng An
Sét sành kêu vắng giếng vàng đêm thu.
Chiều tre lạnh, sương nhòa ẩm đậm,
Nhớ khôn nguôi dầu cạn đèn khuya.
Trăng ơi trăng sáng chi mà.
Bâng khuâng người đẹp cách xa dặm nghìn.
Cao thăm thăm trời xanh trên ấy.
Suối biếc quanh, sóng trải dưới này.
Khôn bay, đất rộng trời dài,
Mộng hồn thôi đã cách vời quan san.
Nhớ chàng, héo hắt ruột gan.

2

Hoa ngậm khói, ánh ngày muốn lặn,
Ngủ làm sao, trăng sáng ngời ngời.
Phượng hoàng, đàn Triệu ngừng chơi,
Đàn cầm những muốn gảy bài uyên ương.
Khúc xao xuyến sao không truyền lại,
Lòng này mong gửi tới Yên Nhiên,
Đường trời, nỗi nhớ bằng miền,
Thuở nào sâu đã động,
Mà nay suối lệ khôn ngăn,
Chẳng tin thiệp đứt ruột
Khi về hãy thử ngắm gương trong.

NHỚ NHAU MÃI

Mãi nhớ nhau, tận Tràng An
Lan can miệng giếng để thu vang,
Chiều tre lạnh ngắt quanh hơi sương.
Ngọn đèn lò mờ, nhớ đứt ruột.
Vén màn thấy trăng lại dài than.
Người đẹp như hoa xa dặm ngàn.
Trên có vòm trời, trời xanh biếc,
Dưới có sóng nước, nước xanh rờn,
Trời rộng đường xa đường bay khó.
Hồn mơ không vượt khỏi quan san.
Mãi nhớ nhau,
Mòn tim gan.

將進酒

君	不	見				
黃	河	之	水	天	上	來
奔	流	到	海	不	復	回
君	不	見				
高	堂	明	鏡	悲	白	髮
朝	如	青	絲	暮	成	雪
人	生	得	意	須	盡	歡
莫	使	金	樽	空	對	月
天	生	我	材	必	有	用
千	金	散	盡	還	復	來
烹	羊	宰	牛	且	爲	樂
會	須	一	飲	三	百	杯
岑	夫	子				
丹	丘	生				

⁽¹⁾ Trong Thơ Đường, tập 2, Nxb. Văn hóa do Nam Trân chủ biên chỉ dịch bài thứ nhất (N.D.).

將進酒
 杯莫停
 與君歌一曲
 請君爲我一
 鐘鼓饌玉傾
 但願長醉不
 古來聖賢皆
 陳王昔時留
 斗酒十千宴
 主客何爲言
 徑須沽取對
 五花馬
 千金裘
 呼兒將出換
 與爾同消萬
 古愁
 聽貴醒名樂
 足願寂其歡
 耳不願其平
 皆留宴恣少
 對言對君酌

75. TƯƠNG TIỀN TỬ⁽¹⁾

Quân bất kiến
 Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai,
 Bôn lưu đáo hải bất phục hồi?
 Quân bất kiến
 Cao đường minh kính bi bạch phát,
 Triều như thanh ti, mộ thành tuyết?
 Nhân sinh đắc ý, tu tận hoan,
 Mạc xử kim tôn không đối nguyệt!
 Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
 Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
 Phan dương tử ngư⁽²⁾, thả vi lạc!

⁽¹⁾ Tương tiền tử: Theo *Tổng thư*, nhà Hán khuyến khích làm khúc hát trong tiệc gồm 18 khúc, trong đó có khúc "Tương tiền tử". Theo *Nhạc phủ thi tập* thì *Tương tiền tử* là nhạc khúc dâng rượu. Lý Thái Bạch làm bài này cũng là để ca ngợi cuộc rượu lúc gặp bạn tri âm.

⁽²⁾ Phan dương, tử ngư: Mổ dê, giết bò. Khi tử thần, lễ dâng phải giết mổ bò, dê béo.

Hội tu nhất ẩm tam bách bôi⁽¹⁾!
Sầm phu tử,
Đan Khâu sinh⁽²⁾!
Tương tiên tử,
Bôi mạc đình!
Dữ quân ca nhất khúc
Thỉnh quân vị ngã khuynh nhĩ thính⁽³⁾:
Chung cổ soạn ngọc⁽⁴⁾ bất túc quý,
Đãn nguyện trường túy, bất nguyện tỉnh.
Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch,
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh.
Trần Vương tích thời yến Bình Lạc⁽⁵⁾,
Đẩu tử thập thiên tứ hoan hước.
Chủ nhân hà vị ngôn thiếu tiền?
Kính tu cô thủ đối quân chúc!
Ngũ hoa mã,
Thiên kim cừ⁽⁶⁾,
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu,
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu!

Dịch nghĩa:

SẮP DÂNG RƯỢU

*Anh chẳng thấy nước sông Hoàng Hà từ trên trời đổ xuống,
Chảy miết ra bể không trở lại,*

⁽¹⁾ Tam bách bôi: Khi Viên Thiệu đi về phía thành đông, tiệc rượu tiến tới ba trăm người.

⁽²⁾ Sầm phu tử, Đan Khâu sinh: Đó là Lý Thái Bạch nhắc đến Sầm Trưng Quân và Nguyên Đan Khâu, đều là bạn thân của ông.

⁽³⁾ Khuynh nhĩ: Nghiêng tai. Theo *Lễ ký*: Nghiêng tai lắng nghe, không được thì cố nghe cho rõ, ý nói trân trọng.

⁽⁴⁾ Soạn ngọc: Bữa tiệc có nhiều món ăn sang quý.

⁽⁵⁾ Trần Vương yến Bình Lạc: Trần Vương, tước phong của Tào Thực, tiệc rượu gọi rượu ngon tới 10.000 dẫu.

⁽⁶⁾ Ngũ hoa mã, thiên kim cừ: Ngựa màu lông có sắc như năm bông hoa, ở đây là ngựa quý, thiên kim cừ là áo cừ trị giá nghìn vàng.

Anh chẳng thấy: mặt gương sáng lâu cao luôn soi tóc trắng,
 Sớm như tơ xanh, chiều đã thành tuyết
 Đời người khi đắc ý hãy vui hết mình,
 Đừng để chén vàng tro trước vàng trắng,
 Trời sinh ta tài ắt có khi dùng,
 Nghìn vàng tiêu sạch rồi lại có,
 Mổ dê, giết bò, lại tìm thú vui,
 Hội rượu lần này phải đủ ba trăm chén.
 Hỡi ông Sầm, hỡi chàng Đan Khâu,
 Rượu đã dâng, chén chớ dùng,
 Vì anh, ta sẽ hát một bài,
 Vì ta xin anh hãy lắng nghe
 Tiệc ngon giữa đám quyền quý cũng chẳng là quý,
 Ta không muốn tỉnh, muốn say mềm,
 Từ xưa bậc thánh hiền đã vắng ngắt,
 Duy kẻ uống rượu lưu tên tuổi,
 Thời trước Trần Vương, yến tiệc ở cung Bình Lạc
 Rượu vạn chung, vạn đấu thỏa sức đùa vui mà uống
 Sao chủ nhân lại bảo rằng không có tiền!
 Mua rượu ngay để cùng anh chuốc chén.
 Ngựa hoa năm sắc, áo cừ nghìn vàng,
 Gọi đám hầu trẻ đến, đổi lấy rượu ngon,
 Cùng nhau phá tan nỗi buồn muôn thuở.

Dịch thơ:

SẮP DẰNG RƯỢU

Anh có thấy nước sông Hoàng từ trời tuôn xuống
 Chảy miết ra biển không quay về!
 Anh chẳng thấy gương trong, lâu cao soi tóc trắng
 Sớm tơ xanh, chiều đã tuyết phơ.
 Lúc đắc ý hưởng cho cùng tận,
 Chén vàng nở để bóng trắng tro?
 Trời sinh ắt nên đời có lúc,

Nghìn vàng tiêu sạch lại có thôi!
 Vui lên, tìm dê bò mổ giết,
 Hội này, rượu ba trăm chén mời.
 Đan Khâu hỡi, ông Sầm ơi,
 Rượu đã dâng rồi, hãy uống thôi!
 Vì anh ta sẽ hát một khúc.
 Anh hãy vì ta nhớ lắng tai.
 Sang gì đám tiệc nhà quyền quý,
 Đã uống chờ tỉnh, phải thật say.
 Thánh hiền thuở xưa thôi vắng ngắt,
 Kẻ uống xưa nay danh tiếng nhất!
 Bình Lạc yển ảm thuở Trần Vương,
 Rượu vạn chung mời uống thỏa thích!
 Chủ nhân xin chớ lo thiếu tiền,
 Mua rượu mau nào, chén lại chuốc.
 Ngựa năm sắc, áo nghìn vàng,
 Rượu ngon, trẽ đâu, hãy đổi phất,
 Uống cho tan hết mọi cơn buồn!

Bản dịch khuyết danh:

SẮP KÈO RƯỢU

Biết chăng ai
 Sông Hoàng Hà ngon nước tại lưng trời,
 Tuôn xuống bể khôn vơi lại được,
 Biết chăng nữa
 Đài gương mái tóc bạc
 Sớm như tơ mà tôi đã như sương
 Nhân sinh khi đắc ý nên càng,
 Khôn nữ để chén vàng tro với nguyệt
 Tài hữu dụng lẽ trời âu phải quyết,
 Nghìn vàng kia khi hết lại còn,
 Lúc vui chơi nào nhấm mùi ngon.
 Ba trăm chén cũng nên dồn một cuộc

Cú Sầm rử cú Đan khuyên chuốc.
 Rượu nâng lên chớ được rời tay,
 Vì người hát một khúc này
 Xin người hãy lắng tai nghe lấy!
 Tiệc chung cổ ngọc vàng là mấy,
 Hãy nên say, say mãi, tỉnh chi mà,
 Thánh hiền xưa cũng vắng xa
 Chỉ có rượu với người say là vẫn để,
 Tiệc Bình Lạc xưa kia cũng thế
 Mười nghìn chung mặc thích vui cười.
 Tiền chủ nhân bao quản vẫn dài,
 Cũng mua nữa mời người khuyên rót
 Ngựa hoa tốt mà áo cừu cũng tốt,
 Gọi đồng ra đổi lấy rượu ngon
 Cùng người giải vạ kiếp buồn.

行路難

金樽清酒	斗十千
玉盤珍羞	值萬錢
停杯投箸	不能食
拔劍四顧	茫然川
欲渡黃河	塞滿天
將登太行	雪滿溪
閑來垂釣	碧溪邊
忽復乘舟	日邊
行路難	
行路難	
多歧路	
今安在	
長風破浪	會時
直挂雲帆	濟滄海

76. HÀNH LỘ NAN⁽¹⁾

Kim tôn thanh tửu đầu thập thiên⁽²⁾,
Ngọc bàn trân tu trị vạn tiền.
Đình bôi đầu trợ bất năng thực⁽³⁾,
Bạt kiếm tứ cố tâm mang nhiên.
Dục độ Hoàng Hà băng tắc xuyên,
Tương đẳng Thái Hàng⁽⁴⁾ tuyết mãn thiên.
Nhàn lai thủy điều bích khê thượng,
Hốt phục thừa chu mộng nhật⁽⁵⁾ biên.
Hành lộ nan!
Hành lộ nan!
Đa kỳ lộ⁽⁶⁾
Kim an tại?
Trường phong phá lãng⁽⁷⁾ hội hữu thời
Trực quả vân phạm⁽⁸⁾ tế thương hải.

Dịch nghĩa:

ĐƯỜNG KHÓ ĐI

*Chén vàng rượu quý mỗi đầu giá mười ngàn tiền.
Mâm ngọc, món ngon, giá tiền muôn.
Ngừng chén, ném đĩa, không thể ăn nổi,*

⁽¹⁾ Hành lộ nan: Theo *Nhạc phủ cổ yếu giải*: Hành lộ nan, muốn nói đường đời gian nan, cùng muốn nói sự chia ly bi thương, thường hay dùng mấy chữ *Quân bất kiến* ở đầu.

⁽²⁾ Đầu thập thiên: Mười ngàn đầu. Thơ Tào Thực. "Mỹ tửu, đầu thập thiên", nghĩa là: Rượu ngon, phải mười ngàn đầu (một cuộc rượu)

⁽³⁾ Bất năng thực: Thơ Bão Chiếu: Đối án không ăn nổi. Rút kiếm chém cột mà than dài.

⁽⁴⁾ Thái Hàng: Theo *Hà Nam chí*: Núi Thái Hàng ở bắc thành phủ Hoài Quảng, trong núi có nhiều hang động đẹp, cảnh vật phong phú, có thể gọi là danh sơn ở vùng trung châu.

⁽⁵⁾ Mộng nhật: Theo *Tống thư*: Y Khiên theo mộng ứng, cuối thuyền chèo đến tận bên mặt trời, mặt trăng.

⁽⁶⁾ Đa kỳ lộ: Theo *Liệt Tử*: Người láng giềng của Liệt Tử mất dê liền đem cả bọn, mời cả họ Dương tìm giùm. Dương Tử nói: một con dê mà người đuổi đồng thê? Người láng giềng nói: Đa kỳ lộ, đường gặp ghềnh nhiều lắm!

⁽⁷⁾ Trường phong phá lãng: Theo *Tấn thư*: Tông Ý trả lời chú: Châu nguyên cuối gió mạnh, vượt sóng lớn, giông thẳng buồm mây.

⁽⁸⁾ Trực quả vân phạm: Ý nói vượt mọi khó khăn quyết đến đích.

Vung kiếm nhìn bốn phía lòng mênh mang.
Muốn qua Hoàng Hà, băng làm nghên sông,
Muốn lên núi Thái Hàng, tuyết đầy trời
Được phút nhàn, bên khe, buông cần,
Bỗng lại thấy ngòi trên thuyền, mơ về kinh đô.
Đường đi khó! Đường đi khó,
Nhiều ngã rẽ, giờ đương ở nơi nào?
Rồi cũng có lúc cười gió mạnh, vượt sóng lớn
Giong thẳng buồm mây, đi ngang biển xanh.

Dịch thơ:

ĐƯỜNG KHÓ ĐI

Chén vàng, rượu quý, đấu mười nghìn,
Mâm ngọc, món ngon, giá bạc muôn.
Dừng chén, quăng đũa, không sao nuốt.
Phóng mắt, tuốt kiếm, lòng mênh mang.
Muốn vượt Hoàng Hà, sông nghên băng,
Thái Hàng tuyết đóng, núi không đường,
Được nhàn, bên suối, ngòi câu cá,
Mơ đến kinh đô chợt cười thuyền.
Đường đi khó! Đường đi khó!
Ta ở nơi nào? Bao lối rẽ!
Rồi cười gió mạnh, đè sóng to,
Biển cả giông buồm mây, vượt qua.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐƯỜNG ĐI KHÓ

Chén bạc, rượu trong, mười ngàn đấu
Giá tiền muôn, mâm báu, rượu ngon
Bỏ chén đũa dĩa bòn chồn
Rút gươm ngó khắp, nổi buồn mênh mông
Qua Hoàng Hà nước đông không chảy,

Lên Thái Hàng trời thấy tuyết che^(*)
 Khi nhàn câu cá trên khe,
 Lên trời bỗng thấy giấc mê trên thuyền.
 Đường đi khó, đường lên rất khó,
 Lối rẽ quanh đâu đó bấy giờ,
 Gió to sóng vỗ nào ngờ,
 Buồm mây kéo thẳng qua bờ biển xanh.

ĐỖ PHỦ

兵車行

車	行	耶	塵	牽	哭	道	行	或	便	去	歸	邊	武	君	漢	千	縱	禾
麟	人	娘	埃	衣	聲	旁	人	從	至	時	來	亭	皇	不	家	村	有	生
麟	弓	妻	不	頓	直	過	但	十	四	里	頭	流	開	聞	山	萬	健	隴
馬	箭	子	見	足	上	者	云	五	十	正	白	血	邊	東	落	婦	畝	
蕭	各	走	咸	攔	干	問	點	北	西	與	還	成	意	二	生	把	無	
蕭	在	相	陽	道	雲	行	行	防	營	裏	戍	海	未	百	荆	鋤	東	
腰	送	橋	哭	霄	人	頻	河	田	頭	邊	水	已	州	杞	犁	西		

^(*) Thái Hàng là dãy núi ở địa phận tỉnh Hà Nam và tỉnh Sơn Tây bên Tàu - Cổ Nhạc phủ có giải thích rằng Hành lộ nari là thể lộ gian nan (chú thích của Trần Trọng Kim).

況復秦兵耐苦戰	被驅不異犬與雞	長者雖有問恨冬卒租出惡好嫁比鄰	役夫敢今關急從生猶埋見頭白煩雨	且如休官稅知是女男不海來鬼陰	未縣租信反生君青古新天
---------	---------	-----------------	-----------------	----------------	-------------

77. BÌNH XA HÀNH⁽¹⁾

Xa lân lân Mã tiêu tiêu
 Hành nhân cung tiễn các tại yêu,
 Gia nương thê tử tẩu tương tống,
 Trần ai bất kiến Hàm Dương kiều,
 Khiên y đồn túc lạn đạo khóc,
 Khóc thành trực thương can vân tiêu.
 Đạo bàng quá giả, vắn hành nhân
 Hành nhân dân vân điểm hành tần.
 Hoặc tông thập ngũ bắc Phòng Hà⁽²⁾
 Tiện chí tứ thập tây doanh điền

⁽¹⁾ Bình xa hành: Bài này Đỗ Phủ nhân việc Đường Minh Hoàng cất binh đánh Thổ Phồn, việc binh rất gian nan, kéo dài mãi nạn khổ dịch, binh lính oán hờn, do đó mà làm ra.

⁽²⁾ Phòng Hà: Lo giữ đất Hà. Theo *Cựu Đường thư* tháng 12 năm Khai Nguyên thứ 15, do thế giặc Thổ Phồn lớn, vua ban lệnh, lấy năm vạn sáu ngàn người ở các đạo quân triều đình, lại lấy quân Quan Trung một vạn người nữa đi đánh dẹp ở biên giới.

Khứ thời lý chính dữ khỏa đầu
 Quy lai đầu bạch hoàn thú biên
 Biên đình lưu huyết thành hải thủy
 Vũ hoàng⁽¹⁾ khai biên ý vị dĩ
 Quân bắt văn:
 Hán gia Sơn Đông nhị bách châu⁽²⁾
 Thiên thôn vạn lạc sinh kinh kỷ?
 Túng hữu kiện phụ bả sừ lê.
 Hòa sinh lũng mẫu vô đông tê (tây),
 Huống phục Tàn binh nại khổ chiến,
 Bị khu bắt dĩ khuyển dữ kê!
 Trưởng giả tuy hữu văn,
 Dịch phu cảm thân hận!
 Thả như kim niên đông,
 Vị hưu Quan Tây⁽³⁾ tốt
 Huyện quan cấp sách tô
 Tô thuế tòng hà xuất?
 Tín tri sinh nam ác
 Phẫn thị sinh nữ hảo
 Sinh nữ do đắc giá tử lân
 Sinh nam mai một tùy bách thảo.
 Quân bắt kiến
 Thanh Hải⁽⁴⁾ đầu

⁽¹⁾ Vũ Hoàng: Chỉ Đường Minh Hoàng. Theo *Hán thư*, Vũ Đế mở mang các quận biên giới xét: Các thi sĩ đời Đường hay gọi Minh Hoàng là Vũ Hoàng: Ngựa trắng yên vàng theo Vũ Hoàng (Vương Xương Linh). Vũ Đế tinh kỳ trong mắt ai (Công Diệc Ân).

⁽²⁾ Sơn Đông hai trăm châu: Theo Triệu Tuấn: Sơn Đông ở về phía đông núi Thái Hàng là đất nhà Tấn xưa, nay thuộc Hà Bắc. Vì nhà Đường đóng đô ở Trường An nên gọi Hà Bắc là Sơn Đông.

⁽³⁾ Quan tây: Theo sách *Thông quán*: Tháng 12 năm Thiên Bảo thứ 9, chức Du sử ở Quan Tây là Vương Nan đánh Thổ Phồn, lấy được năm thành, nhỏ được thành Thụ Đôn. Quan Tây tức là đất Lũng Ngoại.

⁽⁴⁾ Thanh Hải: Theo *Cựu Đường thư*: Đất Thổ Cốc Phồn có Thanh Hải, chu vi tám ngàn chín trăm dặm. Nhiều tướng đem quân đánh nhau với quân Thổ Phồn đều bị thua, chỉ có quân thần uy của Kha Thư Hàn mới giữ được Thanh Hải, lại cho đắp thành ở đảo Long Cầu, quân Thổ Phồn không dám bên mảng. "Nay Hán xuống Bạch Thạch đóng lại. Mai Hồ vào Thanh Hải dòm qua" (*Chinh phụ ngâm*).

Cổ lai bạch cốt⁽¹⁾ vô nhân thân,
Tân quý phiến oan, cừu quý khốc,
Thiên âm vũ thấp⁽²⁾, thanh thu thu.

Dịch nghĩa:

BINH XA HÀNH

*Rầm rập xe chạy
Vang tiếng ngựa hí,
Người ra đi, lưng mang cung tên,
Cha mẹ vợ con chạy theo đưa tiền.
Bụi bay che lấp cầu Hàm Dương,
Nú áo, dặm chân, ngăn đường cùng nhau kêu khóc
Tiếng khóc vang tới mây xanh,
Khách qua đường hỏi người phải ra lính
Bèn nói đã bị điểm danh, bắt đi nhiều lần,
Có người mười lăm tuổi từng giữ đất Hà,
Có người tuổi bốn mươi còn phải đi miền tây khai khẩn
Khi đi xã trưởng còn cho khăn bịt đầu,
Khi về đầu bạc lại phải đi lính thú.
Nơi biên thùý máu chảy thành sông,
Mà hoàng đế vẫn mở mang bờ cõi không thôi.
Ông chẳng nghe
Đất nhà Hán phía đông Hoa Sơn hai trăm châu.
Hàng nghìn, vạn xóm làng đầy cây hoang dại,
Ví như đám đàn bà khỏe cầm nổi cày cuốc
Thì lúa ngoài ruộng cũng lười thôi không ra đường lười nào!
Huống chi quân đất Tần đã quen chiến trận gian nan,
Bị lừa ra trận khác nào lừa gà chó,
Người giàu sang ơi, dù có hỏi,
Đám lính phải lừa này đâu dám tỏ hết nỗi niềm giận hờn,*

⁽¹⁾ Xương trắng: Khúc hát Lương Hoành: Thân táng ở hang Hiệp. Xương trắng chẳng ai thu.

⁽²⁾ Âm vũ: Theo *Hậu Hán thư*: Khi Trần Lung làm Thái thú Lạc Dương, trong mưa thường có tiếng khóc.

Vả lại mua đông năm nay
 Lính ở Quan Tây chưa được nghỉ.
 Quan huyện thúc nộp tô gấp
 Dân lấy đâu mà nộp, thuế với chả tô!
 Thật vô phúc thì sinh con trai,
 Trái lại sinh gái tốt biết mấy.
 Sinh con gái được gả cho láng giềng gần
 Sinh con trai chết vùi trong đám cỏ.
 Há chẳng thấy
 Ở miền Thanh Hải
 Từ xưa xương trắng chôn vùi
 Ma mới oán than, ma cũ khóc
 Tiếng rên rỉ trong mưa rả rích, dưới trời âm u.

Dịch thơ:

BINH XA HÀNH

Rầm rập xe lao, vang ngựa hí,
 Kẽ xuất chinh, tên nổ trên lưng,
 Ừ ra, cha mẹ vợ con,
 Hàm Dương, lớp lớp cầu đường bụi bay.
 Chân giẫm đất, kêu trời nín áo.
 Khóc vang trời, ảo não tiền chân.
 Khách qua đường, lại hỏi han
 Rằng thân đi lính điểm danh mấy lần.
 Giữ đất Hà, mười lăm vác kiếm,
 Tuổi bốn mươi khai khẩn miền tây,
 Khi đi tóc mới xòa vai,
 Bạc đầu lính thú côi ngoài thoát chi!
 Máu thành biển, biên thù vẫn đỏ,
 Mở cõi bờ, đâu có chịu thôi.
 Thấy chẳng ai! Thấy chẳng ai!
 Hai trăm châu huyện trải dài Hoa Sơn.
 Cỏ mọc hoang, xóm thôn nghìn, vạn

Hướng sang đông vua Hán mở mang,
Đàn bà ví có đảm đang,
Ruộng nương ra lối, ra hàng gì đâu!
Lính ải Tần từ lâu chịu khổ,
Lùa quân như lùa chó, lùa gà,
Hỏi làm chi, trưởng giả kia,
Nói sao cho hết vắn vi nổi hờn!
Quanh quần đấy, mùa đông lại đến,
Đất Quan Tây cuộc chiến chưa tàn,
Thuế, tô róng riết nhà quan,
Thóc đâu mà nộp những tiền, với tô!
Sinh con trai, nhà vô phúc nhĩ!
Sinh gái hơn, được gả chồng gần,
Sinh trai, cỏ dại vùi thân.
Thấy chẳng Thanh Hải khắp miền mả giăng!
Ma mới khóc, ma cũ than
Mưa sầu gió thảm trời càng âm u.

Bản dịch của Khương Hữu Dụng

BINH XA HÀNH

Xe rầm rầm, ngựa hí ran
Người đi cung tên đeo bên lưng.
Cha mẹ, vợ con chạy theo tiễn,
Bụi mù chẳng thấy cầu Hàm Dương.
Nú áo, giậm chân, chặn đường khóc
Tiếng khóc dâng lên thẳng chín tầng.
Khách qua đường thấy, hỏi người đi
Người rằng: bắt đi những mấy kỳ.
Lấy từ mười lăm giữ Hoàng Hà,
Cho đến bốn mươi ra khăn diều.
Lúc đi ông Lý quán chồm cho
Trở về đầu bạc lại đi liền.

Ngoài biên máu chảy thành biển đỏ,
 Mở cõi nhà vua ý chưa bỏ.
 Há chẳng nghe nhà Hán, Sơn Đông hai trăm châu,
 Ngàn thôn, muôn xóm ùn gai cỏ.
 Vì có đàn bà khỏe cuốc cày
 Lúa mọc tràn lan khắp bốn bể.
 Huống nữa quân Tần quen khổ chiến
 Khác chi gà chó bị lừa đi.
 Thương tình dù ông hỏi,
 Nỗi hờn đâu dám nói!
 Và mùa đông năm nay.
 Lính Quan Tây chưa nghỉ
 Nhà vua bức đòi tô.
 Chạy đâu ra tô thuế?
 Mới biết sinh con trai.
 Chẳng bằng sinh con gái,
 Sinh con gái được gả gần nhà.
 Sinh con trai lập vùi theo cỏ dại,
 Há chẳng thấy miền Thanh Hải kia sao.
 Xưa nay xương trắng ai nhặt đâu!
 Ma mới kêu oan, ma cũ khóc
 Trời âm mưa thấm, tiếng hu hu.

麗人行

三	月	三	日	天	氣	新
長	安	水	邊	多	麗	人
態	濃	意	遠	淑	且	真
肌	理	細	膩	骨	肉	勻
繡	羅	衣	裳	照	暮	春
蹙	金	孔	雀	銀	麒	麟
頭	上	何	所	有		
翠	微	盞	葉	垂	鬢	唇

身親秦釜鱗下綸塵珍神津巡茵蘋巾倫嘖
 稱房與翠素未紛動八鬼要逡錦白紅絕相
 見穩椒號出行久空不送感實何入覆銜勢丞
 所祓幕國峰盤飫切鞚繹吟還馬落去熱前
 何腰雲大之饜縷飛絡哀雜鞍下雪飛可近
 後壓中名駝精箸刀門廚鼓從來軒花鳥手莫
 背珠就賜紫水犀鸞黃御簫賓後當楊青炙慎

78. LỆ NHÂN HÀNH⁽¹⁾

Tam nguyệt tam nhật⁽²⁾ thiên khí tân,
 Trường an thủy biên đa lệ nhân.
 Thái nùng ý viễn tịch thả chân,
 Cơ lý tế nhị, cốt nhục quân.
 Tú la y thường chiêu mộ xuân,
 Xúc kim khổng tước, ngân kỳ lân.

⁽¹⁾ Lệ nhân hành: Theo *Nhạc phủ quảng đề*: Lưu Hưởng cho rằng xưa có người đẹp giỏi ca hát, người đời mời làm ra khúc hát nổi tiếng. Theo *Cựu Đường thư*: Đường Minh Hoàng hàng năm cứ tháng mười đến Hoa Thanh cung, chị em Dương Quốc Trung năm người đến theo hầu, mỗi người cùng các thị tỳ, con em đi theo đều mặc một màu áo, sáng bùng trên đường đi, dàn sáo réo rất. Bài thơ này nói đến thói xa hoa này của vua Đường và nhà họ Dương.

⁽²⁾ Mông ba tháng ba: Theo *Phong tục thông chí*: mông ba tháng ba, người người ra bờ sông làm lễ giải hạn, sau này biến thành hội du xuân, uống rượu vui chơi ở bên sông hay ở ngoài đồng.

Dầu thượng hà sở hữu,
 Thúy vi hạp điện thùy mãn thân.
 Bối hậu hà sở kiến?
 Châu áp yêu kiếp ổn xứng thân.
 Tự trung vân mạc tiêu phòng⁽¹⁾ thân,
 Tứ danh đại quốc⁽²⁾ Quắc dữ Tần.
 Tử đà chi phong xuất thúy phủ
 Thủy tinh chi bàn hành tổ lân.
 Tê trợ yêm ứ cửu vị hạ
 Loan đao lữ thiết không phân luân.
 Hoàng môn phi khổng bất động trần
 Ngự trừ lạc dịch tổng bát trần.
 Tiêu cổ ai ngâm cảm quý thân
 Tân tông tạp đập thực yến tân
 Hậu lai⁽³⁾ yên mã hà thuân tuần
 Dương hiên hạ mã nhập cấm nhân
 Dương hoa tuyệt lạc phú bạch tần⁽⁴⁾
 Thanh điều⁽⁵⁾ phi khứ hàm hồng cân,
 Chích thủ khả nhiệt⁽⁶⁾ thể tuyệt luân,
 Thận mộc cận tiền thừa tướng⁽⁷⁾ sân.

⁽¹⁾ Tiêu phòng: Nơi hoàng hậu ở.

⁽²⁾ Đại quốc: chỉ tước phong của các chị em Dương Quý phi. Theo *Cựu Đường thư*. Thái Chân (tức Dương Quý phi) có ba người chị em đều xinh đẹp, đều được phong là quốc phu nhân. Chị cả được phong là Hàn quốc phu nhân, em thứ ba được phong Quắc quốc, em gái thứ tám là Tần quốc phu nhân.

⁽³⁾ Hậu lai: Người đến sau, tức là Dương Quốc Trung, em họ Dương Quý phi, lúc này đang làm thừa tướng.

⁽⁴⁾ Hoa Dương: Theo *Lương thư*: Dương Hoa trẻ đẹp, thái hậu Ngụy Hồ bắt phải ngủ cùng. Hoa sợ tội phải hàng nước Lương. Thái hậu nhớ làm bài ca, có câu: cây dương mùa xuân, tháng hai tháng ba đều ra hoa, gió thổi bay vào phòng khuê, nhật hoa nước mắt lã chã. Ở đây chỉ việc Dương Quốc Trung tư thông với chị họ là Quắc quốc phu nhân. Dương Quốc Trung vốn là con Trương Dịch Phi, mạo xưng họ Dương, ví như hoa dương đã rụng lẫn vào với rau tần (rau dại).

⁽⁵⁾ Thanh điều: Theo *Hán thư cổ sự*, Tây Vương mẫu có hai con chim xanh, luôn theo hầu ở bên.

⁽⁶⁾ Chạm tay sinh lửa: Chỉ người có quyền thế.

⁽⁷⁾ Thừa tướng: Tức Dương Quốc Trung.

Dịch nghĩa:

BÀI HÀNH VỀ NGƯỜI ĐẸP

Mông ba tháng ba trời mát mẻ,
Bên những dòng nước ở Trường An, biết bao gái đẹp,
Dáng dằm thắm, ý nhị, dịu dàng thành thực,
Da mịn màng, thân thể cân đối,
Xiêm áo lụa óng ánh dưới trời cuối xuân.
Công thêu chỉ vàng, hình kỳ lân thêu chỉ bạc,
Trên đầu có những gì?
Lông chim trĩ, cắm rủ trên mái tóc,
Sau lưng có những gì?
Dây lưng nạm ngọc ôm khít vòng lưng.
Trong đó bao người thân thích ở nơi màn mây tiêu phòng.
Đức vua ban tước nước Tần, nước Quắc,
Từ nồi xanh biếc, lấy ra thịt bươu lạc đà sẫm tía,
Mâm thủy tinh la liệt loại cá ngon
No ngấy, đĩa tê ngư lâu lâu không chịu gắp,
Dao đeo nhạc uống công thái nộm rộn ràng.
Giọng ngựa như bay cửa hoàng môn không hề thấy bụi,
Bếp vua, tám thức quý liên tiếp dâng lên.
Sáo thổi, trống rung, tiếng rền rĩ xúc động cả quỷ thần
Khách nhện nhịp đều là những người chức trọng,
Người trên lưng ngựa đến sau, sao dùng dằng mãi
Trước hiên xuống ngựa, bước vào thăm gắm,
Hoa dương rụng như tuyết phủ rau tần trắng,
Chim xanh đem tin, ngậm khăn đỏ bay đi,
Đó những tay có lửa đỏ, thế lực ai bì
Coi chừng! Chớ đến trước mặt Thừa tướng mà ngài nổi giận.

Dịch thơ:

NGƯỜI ĐẸP

Mông ba tháng ba trời dịu mát

Đạo bên sông, người đẹp thành đô.
 Dịu dàng, sâu sắc có thừa,
 Vóc hình thon thả, làn da trắng ngần.
 Xiêm áo đẹp chiều xuân tỏa sáng,
 Vàng thêu công, bạc chạm kỳ lân,
 Trên đầu có gì quý chẳng?
 Trâm hình chim trả cài ngang tóc thề!
 Phía sau gáy có gì quý nữa?
 Khít vòng lưng dây rủ ngọc trong.
 Người thân của khách tiêu phòng,
 Nước Tần, nước Quắc vinh phong cả nhà!
 Nồi ninh bấu lạc đà thơm phức,
 Mâm thủy tinh cá tuyết trắng bong,
 Đũa tẻ ngư luồng ngại ngừng,
 Nộm ngon dao bạc uống công thái hoài,
 Không mấy bụi, như bay ruỗi ngựa,
 Bếp ngự dâng cho đủ bát trân!
 Nhạc đâu chấn động quỷ thần,
 Thương khanh đủ mặt tiệc toàn tước phong
 Người đến sau sao dùng dằng mãi?
 Ngựa ghé hiên bước tới thăm sang,
 Hoa dương tuyết trắng bãi tàn,
 Nhấn tin lụa đỏ, chim xanh ngậm rồi!
 Chạm tay bông lửa như chơi:
 Chớ gần Thừa tướng kèo ngài nổi xung.

Bản dịch của Nhượng Tống:

NGƯỜI ĐẸP

Mông ba tháng ba khí trời trong,
 Người đẹp đất kinh chơi bên sông,
 Tính nét thùỵ mị, vẻ đượm nồng,
 Xương thịt đều đặn, da trắng mông,

Áo là, xiêm vóc, ánh xuân lồng,
 Bạc đúc kỳ lân, vàng dát công
 Trên đầu có gì quý,
 Cánh trả buông theo mái tóc cong.
 Sau gáy có gì đẹp?
 Vạt châu lẩn gọn vừa lưng ong.
 Màn mây người ở họ tiêu phòng,
 Tàn quốc, Quắc quốc, tước vinh phong.
 Trên bước lạc đà chỗ xanh biếc,
 Trên mâm thủy tinh cá trắng bông.
 Đũa ngà ngán ngấy mãi chưa gắp
 Dao loan thái nhỏ dành uống công
 Thị vệ phi ngựa bụi không tung,
 Bát trân bếp ngự dâng lại dùng.
 Đàn sáo réo rắt, trống thì thùng
 Khách mời chen chúc bọn vương công
 Yên ngựa đến sau sao sượng sùng?
 Xuống ngay đềm gấm trước thềm rồng
 Hoa dương rắc tuyết đầy lớp rong
 Chim xanh bay lại ngậm khăn hồng
 Hô tay thấy nóng! hách vô cùng,
 Ai ơi chớ xán phần bên trong
 Cự lớn thừa tướng không bằng lòng.

哀江頭

少陵野老吞聲哭
 春日潛行曲江曲
 江頭宮殿鎖千門
 細柳新蒲爲誰綠
 憶昔霓旌下南苑
 苑中景物生顏色
 昭陽殿裡第一人

同輦隨君侍君側
 輦前才人帶弓箭
 白馬嚙天鰐黃金勒
 翻身向正墜雙飛雲翼
 一箭眸皓齒今何不
 明眸遊東流劍閣深
 血污渭住彼此無消
 清渭住彼此無消息
 去人生有江花豈臆
 人江水江花豈臆極
 江黃昏胡騎塵滿城
 欲往城南望城北

79. AI GIANG ĐẦU⁽¹⁾

Thiều Lăng⁽²⁾ đã lão thôn thanh khốc
 Xuân nhật tiềm hành Khúc Giang⁽³⁾ khúc.
 Giang đầu cung điện tỏa thiên môn,
 Tế liễu tân bồ vị thùy lục?
 Ưc tích nghệ tinh há Nam Uyển⁽⁴⁾,
 Uyển trung vạn vật sinh nhan sắc,
 Chiêu Dương⁽⁵⁾ điện lý đệ nhất nhân,
 Đồng liên tùy quân thị quân trắc,
 Liên tiền tài nhân đại cung tiền,
 Bạch mã tước khiết hoàng kim lạc,
 Phiên thân hướng thiên ngưỡng xạ vân,

⁽¹⁾ Ai giang đầu: Tứ thơ vốn thương Quý phi, không muốn nói lộ, mượn niềm đau bên sông mà viết.

⁽²⁾ Thiều Lăng: Quê của Đỗ Phủ, người đời gọi ông là Đỗ Thiều Lăng.

⁽³⁾ Khúc Giang: Do Hán Vũ Đế cho khơi, làm vườn Nghi Xuân. Nước quanh co nên gọi là Khúc Giang. Đỗ Phủ bị quân An Lộc Sơn bắt giam ở Khúc Giang (theo *Hoàn vũ ký*).

⁽⁴⁾ Nam uyển: Theo *Ung lục*, Khúc giang ở đông nam đô thành. Phía nam thành là vườn Phù Dung nên gọi là Nam Uyển.

⁽⁵⁾ Chiêu Dương: Cung của nàng Phi Yến, quý phi của nhà Hán, ở đây chỉ Dương Quý phi.

Nhất tiêu chính truy song phi dục,
 Minh mâu hạo xỉ kim hà tại?
 Huyết ô du hồn quy bất đắc!
 Thanh Vị đông lưu Kiếm Các⁽¹⁾ thâm,
 Khử trú bỉ thử vô tiêu tức.
 Nhân sinh hữu tình lệ triêm ức,
 Giang thủy giang hoa khởi chung cực,
 Hoàng hôn Hồ ky trần mẫn thành,
 Dục vãng thành nam vọng thành bắc⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

NỖI XÓT XA Ở BÊN SÔNG

*Ông già nhà quê Thiếu Lăng khóc không ra tiếng,
 Ngày xuân lên đi ra khúc lượn của sông Khúc,
 Hàng nghìn cửa cung điện bên sông khóa im im,
 Cây bồ non, liễu mềm vì ai mà xanh?
 Nhớ xưa: Cờ hoa trải xuống vườn ngự phía nam,
 Muôn vật trong vườn đều đua thắm, đua tươi,
 Người bậc nhất ở điện Chiêu Dương,
 Được đi cùng xe, luôn bên mình vua.
 Trước xe, các nữ quan đeo cung tên,
 Ngựa trắng ngậm nhàm vàng,
 Xoay mình hướng lên trời mà bắn vào mây.
 Nhoẻn cười, tên trúng rơi đôi chim đang bay sát cánh.
 Con người đẹp hàm răng trắng, mắt sáng nay ở đâu?
 Hồn bơ vơ vấy máu không nơi nương tựa
 Sông Vị trong xanh chảy về đâu, núi Kiếm Các sâu thẳm,
 Kẻ đi, kẻ ở tin tức bất tăm,*

⁽¹⁾ Thanh Vị, Kiếm Các: Sông và ngọn núi cao ở Thành Đô đất Thục, nơi Đường Minh Hoàng lánh giặc, trên đường do quân lính không chịu đi, buộc Dương Quý phi phải chết.

⁽²⁾ Thành nam vọng thành bắc: Sông Khúc ở địa thế cao, có thể nhìn sang thành nam, thành bắc, là kinh đô. Đường Minh Hoàng thì đang lánh nạn. Câu này ý nói lòng muốn thoát tay giặc theo vua của Đỗ Phủ.

Người đời có tình ai khỏi sa nước mắt
Nước hoa bên sông có bao giờ hết được,
Chiều chiều, ngựa đất Hồ tung bụi đầy thành,
Những muốn đến thành nam, lại muốn đến thành bắc.

Địch thơ:

NỖI XA XÓT BÊN SÔNG

Thiếu Lãng, lão nhà quê, ghen khóc,
Lên dạo bên sông Khúc, đầu xuân,
Cung này, điện nọ im lìm,
Vì ai bỏ biếc, liễu mềm ngát xanh?
Cờ hoa buổi chơi Nam Uyển nọ,
Hoa đua cây, phong độ đầu cành,
Chiêu Dương, đệ nhất mỹ nhân,
Giọng xe, luôn được ngồi gần đức vua.
Khoác cung tên, toàn là cung nữ,
Nhàm thép vàng, bạch mã rung cương,
Xoay mình, tên vút tầng không
Đôi chim rớt xuống, nụ hồng hé môi.
Đâu người đẹp một thời nghiêng nước
Hồn bơ vơ xuôi ngược phương nào?
Bàn thần, sông rộng, núi cao,
Người đi kẻ ở biết đâu mà lần.
Kẻ có tình ngực đầm những lệ,
Nước cùng hoa đầy ứ bên sông
Đầy thành, bụi ngựa Hồ tung,
Thành nam thành bắc, mộng lung nổi niềm.

Bản dịch của Hoàng Tạo và Tương Như:

NỖI ĐAU XÓT Ở BÊN SÔNG

Ông già Thiếu Lãng, ghen ngào khóc,
Ngày xuân thui thủi khúc sông Khúc.

Bên sông cung điện xóa nơi
 Bờ liễu vì ai khoe thăm lục?
 Nhớ thuở bóng cờ xuống vườn nam,
 Vườn nam cảnh vật bừng sắc hương.
 Trong điện Chiêu Dương, người bậc nhất
 Cùng xe ngồi cạnh đức quân vương.
 Trước xe thể nữ đeo cung tên,
 Ngựa bạch ngậm chiếc nhàm hoàng kim.
 Né mình nhìn trời nhằm mây bấn,
 Một nụ cười rơi cả đôi chim.
 Mặt ngọc răng ngà vắng bấy lâu,
 Máu hoen hồn lạc biết về đâu?
 Vị Thủy xuôi đông, Kiếm Các vắng,
 Khuất còn, vắng bắt tầm hơi nhau.
 Việc đời nghĩ lại lệ ướt ngực,
 Hoa nước trên sông đâu cùng cực!
 Ngựa hò về tới bụi đầy thành,
 Ta muốn về nam, hóa sang bắc,

哀王孫

長	安	城	頭	頭	白	烏
夜	飛	延	秋	門	上	呼
又	向	人	家	啄	大	屋
屋	底	達	官	走	避	胡
金	鞭	斷	折	九	馬	死
骨	肉	不	待	同	馳	驅
腰	下	寶	玦	青	珊	瑚
可	憐	王	孫	泣	路	隅
問	之	不	肯	道	姓	名
但	道	困	苦	乞	爲	奴
已	經	百	日	竄	荆	棘
身	上	無	有	完	肌	膚

高	帝	子	孫	盡	隆	準
龍	種	自	與	常	人	殊
豺	狼	在	邑	龍	在	野
王	孫	善	保	千	金	軀
不	敢	長	語	臨	交	衢
且	爲	王	孫	立	斯	須
昨	夜	東	風	吹	血	腥
東	來	橐	駝	滿	舊	都
朔	方	健	兒	好	身	手
昔	何	勇	銳	今	何	愚
竊	聞	天	子	已	傳	位
聖	德	北	服	南	單	于
花	門	勢	面	請	雪	恥
慎	勿	出	口	他	人	狙
哀	哉	王	孫	慎	勿	疏
五	陵	佳	氣	無	時	無

80. AI VƯƠNG TÔN⁽¹⁾

Trường An thành đầu, đầu bạch ô
 Dạ phi Diên Thu⁽²⁾ môn thượng hô
 Hựu hướng nhân gia trắc đại ốc,
 Ốc để, đạt quan tẩu tị Hồ
 Kim tiên đoạn chiết cử mã⁽³⁾ tử,

⁽¹⁾ Ai vương tôn: Đường Minh Hoàng bỏ kinh thành chạy, Đường Túc Tông lên ngôi hiệu là Chí Đức. Ngày Giáp Tý tháng 6, An Lộc Sơn giết Quốc quốc trưởng công chúa cùng vương phi phò mã, cả thấy 80 người. Năm Kỷ Ty lại giết vương tôn và các quan ở quận huyện thêm hơn 20 người nữa. Bài này viết về việc đó.

⁽²⁾ Diên Thu môn: Cửa Diên Thu, theo *Cựu Đường thư*, mùng 9 tháng sáu năm Khai Nguyên thứ 15, Đồng Quan không giữ được, ngày 12, triều đình lánh nạn, mưa gió dầm dề, Dương Quốc Trung cùng Quý phi và thân thuộc cùng đi. Các thân vương, vương phi, hoàng tôn... tùy ai nấy chạy. Một số cung điện còn chưa biết. Khi quân Tam vệ đến báo, cung nhân mới chạy ra, cùng đám vương tôn, hòa vào đám dân chúng mà chạy về nơi thôn dã. Cửa Thu Diên ở về phía tây vườn Thượng uyển của Huyền Tông.

⁽³⁾ Cử mã: Chín ngựa, số ngựa đóng vào xe vua.

Cốt nhục bất đãi đồng trì khu
 Yêu hạ bảo quyết thanh san hô,
 Khả liên vương tôn khốc lộ ngu
 Vấn chi, bất khăng đạo, tính danh,
 Dẫn đạo khốn khổ khát vi nô,
 Dĩ kinh bách nhật thoán kinh cực
 Thân thượng vô hữu hoàn cơ phu
 Cao đế⁽¹⁾ tử tôn tận long chuẩn,
 Long chủng tự dữ thường nhân thù.
 Sài lang tại ấp, long tại dã,
 Vương tôn thiện bảo thiên kim khu.
 Bất cảm trường ngữ lâm giao cù,
 Thả vị vương tôn lập tư tu
 Tạc dạ đông phong xuy huyết tinh
 Đông lai thác đà⁽²⁾ mãn cự đô,
 Sốc phương kiện nhi⁽³⁾ hảo thân thủ,
 Tích hà dũng nhuệ, kim hà ngu.
 Thiết văn thiên tử dĩ truyền vị⁽⁴⁾
 Thánh đức bắc phục nam Thiên Vu⁽⁵⁾
 Hoa môn lý diện⁽⁶⁾ thỉnh tuyết si
 Thận vật xuất khẩu, tha nhân thư.
 Ai tai vương tôn thận vật sơ,
 Ngũ Lăng giai khí⁽⁷⁾ vô thời vô.

⁽¹⁾ Cao đế: Tức Hán Cao Tổ, ở đây chỉ Đường Minh Hoàng.

⁽²⁾ Thác đà: Quân An Lộc Sơn dùng lạc đà chuyên chở quân khí, lương thực tràn vào kinh thành, sau đó cướp của cải chở về Phạm Dương nhiều vô kể.

⁽³⁾ Kiện nhi: Theo *Đường thư*: năm Thiên Bảo thứ 14, kinh đô mộ 10 vạn quân gọi là Thiên Vũ kiện nhi.

⁽⁴⁾ Truyền vị: Truyền ngôi. Chỉ Đường Túc Tông lên ngôi tôn Đường Minh Hoàng ở Thực, làm Thái Thượng Hoàng.

⁽⁵⁾ Nam Thiên Vu phục tông Hán Quang Vũ: ở đây chỉ người Hồi Hột, thân thiện với Đường Túc Tông.

⁽⁶⁾ Hoa môn lý diện: Người Hoa môn rạch mặt: chỉ phong tục người Hung Nô, rạch mặt để tỏ lòng trung thành.

⁽⁷⁾ Ngũ lăng: Năm lăng của đời Hán. Đây muốn chỉ năm đời vua trước Đường Huyền Tông. Ngũ lăng thể thịnh: Ý muốn nói đời Trường An của nhà Đường khi thể thịnh vương còn chưa dứt.

THƯƠNG VƯƠNG TÔN

Quạ đầu trắng đầu thành Tràng An,
Đêm bay đến kêu trên cửa Diên Thu,
Mổ rĩa nóc nhà lớn của người ta,
Nhà ấy, các quan lớn đã chạy lánh nạn người Hồ.
Roi vàng gãy, chín tuần mã đều chết cả,
Người ruột thịt không kịp đi theo cùng,
Lưng đeo ngọc quý và san hô xanh,
Thương thay, vương tôn khóc ở góc đường!
Hỏi sao cũng không chịu xưng tên họ,
Chỉ xin làm tôi tớ, khi đang khốn cùng.
Hàng trăm ngày luôn lách gai góc,
Da thịt không chỗ nào lành lặn,
Con cháu Cao Đế, tướng có sống mũi cao,
Nòi giống rồng hãn khác người thường,
Giờ đây, rồng lẫn ở đồng nội, lang sói được ở kinh đô.
Vương tôn khéo giữ tám thân ngàn vàng.
Giữa ngã ba không dám trò chuyện loảng quăng,
Ta vì dám vương tôn, dùng chân chốc lát,
Đêm qua, gió đông tạt đến mùi hôi tanh,
Lạc đà từ phía Đông đến nhan nhản đầy ở kinh thành
Chiến sĩ phương bắc, thân thể mạnh khỏe, tay chân cứng cáp,
Xưa sắc sảo hăng hái, nay sao hèn đàn?
Nghe đồn thiên tử đã truyền ngôi
Đức giáo hóa của thánh nhân phía bắc làm cho nam
Thiên Vu phải cảm phục,
Người Hoa Môn rách mặt xin rửa nhục,
Khá cẩn thận giữ miệng, đừng để kẻ khác rình mò,
Xót thay! Vương tôn nên giữ gìn, đừng sơ hở,
Khí thịnh vượng của Ngũ Lăng lúc nào chẳng có.

XÓT THAY ĐÁM VƯƠNG TÔN

Quạ khoang đầu, Trường An thành nội,
Cửa Diên Thu bay tới kêu đêm,
Lượn lơ rĩa nóc nhà sang
Giặc vào, lánh nạn các quan tểch rồi!
Roi vàng gãy lại toi tuấn mã,
Ruột thịt đà xấy ghé tan đàn.
Chuỗi ngọc sáng, san hô xanh,
Vương tôn khóc mếu bên đường, thảm chưa!
Gặng hỏi, đâu có thừa tên họ,
Cùng đường, thân tôi tớ cũng làm.
Móc gai luôn lách đường trường,
Thịt, da rách xước, lem nhem tóc đầu,
Cháu Cao đế, mũi cao, mắt sáng,
Nòi Rồng đâu phải đám thường dân,
Rồng ở nội, sói vô thành,
Vương tôn khôn giữ tấm thân ngàn vàng.
Ngã ba trông, cổ không bép xép,
Thương Vương tôn, chốc lát dừng chân,
Đêm qua gió lợm mùi tanh,
Kính thành nhan nhản vết chân lạc đà.
Lính phương bắc vốn là rắn rỏi,
Nay bỗng đàn, hăng hái xưa đâu?
Ngai vàng, thiên tử đã trao,
Thánh ân giáo hoá thấm vào Thiên Vu.
Người Hoa Môn đã thề rửa nhục,
Chớ hờ ra, kẻ khác rình nghe.
Vương tôn xin chớ hồ đồ,
Ngũ Lăng thế thịnh bao giờ chẳng cao.

THƯƠNG VƯƠNG TÔN

Đầu thành Tràng An qua trắng đầu,
Đêm bay qua cửa Diên Thu gào,
Lại đến nhà người mở trên mái,
Dưới mái, quan to chạy lánh Hồ.
Roi vàng gãy nát, chín ngựa chết,
Ruột thịt chẳng được cùng ruổi rong,
Ngọc xanh châu báu giắt bên lưng,
Thương nỗi vương tôn khóc vệ đường,
Hỏi tên chẳng nói, chỉ nói khổ,
Xin làm đầy tớ con khôn cùng.
Đã qua trăm ngày rúc gai cỏ,
Mình không một chỗ da liền tron
Con cháu nhà vua đều mũi lộ,
Giống rồng có khác với người thường,
Muông sói ở thành, rồng ở nội,
Vương tôn khéo giữ thân ngàn vàng,
Gặp giữa đường quan dám rĩ hơi,
Dừng với vương tôn chốc lát thôi
Đêm qua gió đông thổi máu tanh,
Lạc đà tràn ngập kinh xưa rồi!
Phía bắc quân kia hình vạm vỡ,
Xưa sao đông dặc, giờ sao tòi.
Trộm nghe nhà vua đã truyền vị,
Thiên Vu đã chịu phục oai trời,
Hoa Môn rạch mặt thề rửa nhục,
Chớ hờ môi ra khóc với người.
Oi hỡi vương tôn kín giữ lời,
Ngũ lăng khí thiêng còn đòi đời.

ĐUÒNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 5)

NGŨ NGÔN LUẬT THI

ĐƯỜNG HUYỀN TÔNG (685-762)

Họ Lý, tên húy là Long Cơ, con của Duệ Tông, trong những năm Khai Nguyên dùng Diêu Sùng, Tống Cảnh, Hàn Hưu, Trương Cửu Linh và nhiều người giỏi khác trị nước thái bình. Từ sau năm Thiên Bảo dùng Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung, trong thâm cung thì sủng ái Dương Quý phi, quá tin tưởng ngoài biên ải, khiến nước loạn An Lộc Sơn, sau nhường ngôi về ở Tây Nội và mất. Khi chạy vào đất Thục, quân lính không chịu tiến quân, kỳ cho Dương Quý phi phải chết mới chịu đi.

經魯祭孔子而歎之

夫子何爲者
栖栖一代中
地猶鄆氏邑
宅即魯王宮
歎鳳嗟身否
傷麟怨道窮
今看兩楹奠
當與夢時同

81. KINH LỖ TẾ KHỔNG TỬ NHI THÁN CHI⁽¹⁾

Phu tử hà vi giả

⁽¹⁾ Bài này phản dịch nghĩa có thể xem như phản dịch thơ. Qua Lỗ tế Khổng Tử: Theo *Tân Đường thư*, năm Khai Nguyên thứ mười ba, (Canh Thìn) tháng 11, sắc phong thần núi Thái Sơn, năm Bình Thân vua qua nhà Khổng Tử, sai sứ tế Thái Lao trước mộ.

Thê thê nhất đại trung,
Địa do Trâu thị ấp⁽¹⁾
Trạch tức Lỗ Vương Cung⁽²⁾
Thán phượng⁽³⁾ ta thân bỉ
Thương lân⁽⁴⁾ oán đạo cùng
Kim khan lưỡng doanh điện⁽⁵⁾
Đương dữ mộng thời đồng.

Dịch nghĩa:

QUA NƯỚC LỖ, TÊ KHỔNG TỬ MÀ TỎ BÀY

*Phu tử có chi thể,
Đời lân hận thế a?
Đất quê ở Trâu ấp
Cung vua Lỗ là nhà!
Than phượng, mình vận khó,
Thương lân, xót đạo cùng.
Nhìn đồ tể trong miếu,
Những tưởng trong mộng hồn.*

⁽¹⁾ Ấp Trâu: Thuộc nước Lỗ quê Khổng Tử.

⁽²⁾ Lỗ Cung Vương: Cung Lỗ Vương, theo bài tựa trong sách *Khổng An quốc*; Lỗ Vương thấy đất của Khổng Tử rộng, muốn phá bớt đi, nhưng lên nhà nghe nhạc liền thôi không phá nữa.

⁽³⁾ Thán phượng: Than phượng. Theo sách *Luận ngữ*: Khổng Tử nói rằng: Chim phượng không tới, sông không dâng bản đồ, ta biết làm sao đây (Hà đồ: hà đồ, lạc thư).

⁽⁴⁾ Thương lân: Sót kỹ lân. Theo Khổng Tử nói: Họ Thúc Tôn, đóng xe đến đất nhà Thương xưa, đẩy xe trên đồng nội tìm kỹ lân, mọi người không hề rờ ý định. Đức Khổng Tử đi qua, nhìn xem, khóc rằng: Kỳ lân hỡi mày đã ra rồi lại chết, đạo của ta cùng rồi!

⁽⁵⁾ Điện hai gian: Theo sách *Lễ ký*, Khổng Tử nói rằng: xưa trong đêm đầy, mộng trường sinh ra trong lúc giữa hai gian nhà điện. Lưỡng Doanh tức hai hàng cột. Người ta tính cột cái để biết một gian nhà.

TRƯƠNG CỬU LINH

望月懷遠

海上生明月
天涯共此時
情人怨遙夜
竟夕起相思
滅燭憐光滿
披衣覺露滋
不堪盈手贈
還寢夢佳期

82. VỌNG NGUYỆT HOÀI VIỄN

Hải thượng sinh minh nguyệt,
Thiên nhai cộng thử thì.
Tình nhân oán giao dạ,
Cánh tịch khởi tương tư.
Diệt chúc⁽¹⁾ liên quang mãn,
Phi y giác lộ ty,
Bất kham doanh thủ⁽²⁾ tặng,
Hoàn tẩm mộng giai kỳ.

Dịch nghĩa:

NGẮM TRĂNG NHỚ NGƯỜI XA

*Trăng sáng mọc trên biển
Cùng lúc này soi chung đến tận chân trời.
Đêm xa cách, người có tình ai chẳng hận*

⁽¹⁾ Diệt chúc: Tắt đuốc. Bài ca *Dạ dạ khúc* của Lương Văn Đế có câu: người sầu một mình trong đêm dài, tắt đuốc nằm ở phòng lan (sầu nhân dạ độc trường, Diệt chúc ngoạ lan phòng).

⁽²⁾ Doanh thủ: đầy tay. Thơ Lục Cơ: "Chiêu chi hữu dư huy, lẫm chi bất doanh thủ", nghĩa là: Chiêu chi cho thừa sáng. Vóc lầy (trắng) chẳng đầy tay.

*Suốt đêm lúc nào nỗi nhớ cũng không nguôi
Tắt đèn vì thương ánh sáng chan hòa,
Khoác áo mới biết trời sương lạnh,
Làm sao vốc trăng đầy tay mà tặng,
Thôi hãy ngủ để được gặp trong mơ.*

Địch thơ:

NHÌN TRĂNG NHỚ NGƯỜI NƠI XA

*Trăng mọc từ hướng biển,
Sáng soi tận cuối trời.
Đêm xa, ai chẳng hận,
Thao thức nhớ khôn vơi.
Tắt đuốc thương nguồn sáng,
Khoác áo thấm sương rơi
Vốc làm sao trăng sáng!
Mộng hên, hãy ngủ thôi.*

Bản dịch của Nguyễn Hữu Bổng:

NHÌN TRĂNG NHỚ NGƯỜI XA

*Vàng trăng mọc nhớ biển khơi,
Cùng trong một lúc góc trời soi chung.
Đêm xa ai đó sầu mong,
Thâu canh ai nhớ mơ màng nhớ ai?
Tắt đèn yêu bóng nga soi,
Khoác lên chiếc áo, đượm mùi sương pha.
Khôn đem ánh sáng cho mà,
Ngủ đi, trong mộng họa là gặp nhau.*

VƯƠNG BỘT (649 - 676)

Tên chữ là Tử An, người Lang môn Hàng Châu (nay thuộc Hà Nam), thi đối sách ở triều đình được làm Triều Tán lang, sau làm tham quân Hiệu Châu. Năm 675 sang phương nam thăm cha ở đất Giao Chỉ (Việt Nam bây giờ), qua biển bị chết đuối.

杜少府之任蜀州

城闕輔三秦
風煙望五津
與君離別意
同是宦遊人
海內存知己
天涯若比鄰
無爲在歧路
兒女共沾巾

83. ĐỖ THIẾU PHỦ CHI NHẬP THỰC CHÂU⁽¹⁾

Thành khuyết phụ Tam Tần⁽²⁾,
Phong yên vọng ngũ tân⁽³⁾
Dữ quân ly biệt ý
Đồng thị hoạn du nhân
Hải nội tồn tri kỷ
Thiên nhai nhuộc tỷ lân.
Vô vi tại kỳ lộ,
Nhi nữ cộng triêm cân.

⁽¹⁾ Thực châu: Châu Tùng Khánh đời Đường gọi là Thực châu. Bản cũ đều chép là Đỗ Thiếu Phủ chi nhập Thực Xuyên. Nay theo *Đường thi biệt tài chú*.

⁽²⁾ Tam Tần: Hạng Vũ sau khi diệt Tần chia nước Tần ra làm ba, phong các người trấn thủ là Ung Vương, Tái Vương và Địch Vương.

⁽³⁾ Ngũ tân: Năm bến. Đất Thực có năm sông lớn, do đó cũng có năm bến lớn là Bạch Hoa tân, Vạn Lý tân, Giang Thủ tân, Thiệp Đầu tân và Giang Nam tân.

Dịch nghĩa:

ĐỒ THIẾU PHỦ ĐI NHẬN CHÚC Ở THỰC CHÂU

*Cõi ngoài thành ải đất Tam Tần,
Gió và khói ở khắp cả năm bên.
Cùng chia sẻ nỗi niềm chia tay với anh
Cũng là đám lênh đênh nơi xa trong chốn lợi danh cả.
Tri kỷ trong bốn biển chắc vẫn còn!
Thì ở nơi chân trời khác nào có lảng giềng gần.
Nơi ngã ba, chẳng nên sụt sướt,
Đừng như đám đàn bà khóc đầm cả khăn.*

Dịch thơ:

ĐỒ THIẾU PHỦ ĐI NHẬN CHÚC Ở THỰC CHÂU

*Ngoài thành khuyết giáp Tam Tần,
Khói mây năm bên chuyển vùn lặng trông.
Chia tay lòng những ngập ngừng,
Lênh đênh bể hoạn trùng phùng khó thay!
Gầm trời tri kỷ còn đầy,
Thì xa tít tắp, duyên may cũng gần.
Bàn thần, đường rẽ chia phân.
Phải đâu nước mắt đầm khăn đàn bà!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐỒ THIẾU PHỦ ĐI NHẬN CHÚC Ở THỰC CHÂU

*Cõi ngoài thành ải Tam Tần
Gió mây trông khắp lục tân rõ ràng.
Tò lòng ly biệt với anh,
Cùng nhau bể hoạn lênh đênh mấy người.
Hãy còn tri kỷ ở đời,
Thiên nha chi khác những nơi gần nhà.*

*Phân kỳ thôi chớ xót xa,
Đã cùng nhi nữ lệ sa đầm đìa!*

LẠC TÂN VƯƠNG (640-684)

Người Nghĩa Ô, Chiết Giang, bảy tuổi đã làm văn, cuối đời Cao Tông làm chủ bạ Tràng An, sau làm Lâm Hải thừa. Từ Kinh Nghiệp đẩy quân chống Võ Tắc Thiên, Lạc Tân Vương làm mạc phủ cho Từ. Từ thua ông bị tù. Ra tù, đi đâu không rõ, không để tung tích. Ông cùng Vương Bột, Lư Chiếu Lân, Dương Quýnh được xếp vào Tứ kiệt trong làng thơ.

在獄詠蟬

西 路 蟬 聲 唱
南 冠 客 思 深
那 堪 玄 鬢 影
來 對 白 頭 吟
露 重 飛 難 進
風 多 響 易 沉
無 人 信 高 潔
誰 爲 表 予 心

84. TẠI NGỤC VINH THIÊN

Tây lục⁽¹⁾ thiên thanh xướng,
Nam quan⁽²⁾ khách tứ thâm.
Bất kham huyền mãn ảnh⁽³⁾

⁽¹⁾ Tây lục: Cối đất phía Tây, đây chỉ mùa thu, lấy ý câu thơ: nhật hành tây lục vị chi thu!

⁽²⁾ Theo *Lạc Tân Vương tiểu truyện*: Lạc Tân Vương khi làm chủ bạ ở Trường An, dâng sớ can vua, bị hạ ngục sau đấy đi xa giữ chức Lâm Hải thừa. Nam quan: Mũ phương nam, quan nước Sở bị nước Tấn cầm tù, đội mũ phương nam. Ở đây chỉ lúc Lạc Tân Vương bị giam trong lao.

⁽³⁾ Huyền mãn: Mũ cánh mỏng. Theo *Yên Hoa ký*: Cung nhân nước Ngụy, chế mũ cánh mỏng như cánh ve sâu.

Lai đối bạch đầu ngâm,
Lộ trọng phi nan tiến,
Phong đa hưởng dị trầm.
Vô nhân tín cao khiết,
Thùy vị biểu dư tâm.

Dịch nghĩa:

TRONG NGỤC VỊNH VE SẦU

Lời đề dẫn: Ta ở phía tây nhà giam, chịu hình pháp, nơi có mấy cây hòe cũ. Dẫu có sinh ý, chia sẻ với người xưa, nhưng khi chiều tối, tiếng ve thu nổi, giọng buồn bã lúc gấp, lúc khoan, lòng người thấm buồn thu là lúc này. Than ôi, tiếng để tưởng đến hình dung, đức là để nói về người hiền, lấy tấm thân trong sạch, chính là ý người quân tử tiên thân để thành đạt. Lộ xác ư? là để bay lên, đợi khi trời đất thuận mà ứng biến, giấu mình để đúng lúc xuất hiện, bất kể khi mịt mờ. Cánh mỏng khác đời, giọng cao vút. Ưống sương trời thanh khiết, dâng giọng cao tặng đời, nhân đó có thơ!

*Ngày thu nghe tiếng ve kêu,
Trong tù lòng khách nhớ nhà càng đau đau,
Không chịu được bóng dáng đời cánh mỏng,
Lên tiếng ngân nga trước đầu bạc của mình
Sương rơi nặng hạt, khó nhẹ cánh bay lên,
Gió thổi mạnh tiếng dễ chìm mất,
Không ai tin mình cao thượng thanh khiết
Ai vì ta sẽ giải tỏ nỗi lòng.*

Dịch thơ:

TRONG NGỤC, VỊNH VE SẦU

*Ngày thu, nghe tiếng ve sầu,
Trong tù thương nhớ, thấm sâu nỗi nhà,
Chập chờn cánh mỏng xót xa,
Bạc đầu cất tiếng ngân nga phận mình.*

*Sương nặng hạt, khó bay lên,
Gió ngang, tiếng mỏng dễ chìm mất tăm,
Thanh cao nào biết đâu rằng,
Lòng ta ai kẻ hay chăng nỗi niềm?*

Bản dịch của Tương Như:

TRONG NGỰC VỊNH VE SẦU

*Thu đến, ve kêu tiếng,
Trong lao, khách nhớ nhà!
Xót xa khi cánh mỏng,
Than vãn trước đầu phơ
Sương nặng bay khôn nổi,
Gió to, giọng dễ nhòa.
Thanh cao, không kẻ biết.
Ai ngỏ giúp lòng ta.*

ĐỖ THẨM NGÔN (648 - 708)

Tên chữ là Tất Giản, người Tương Dương (nay thuộc Hà Nam), đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Tu Văn quán học sĩ, xét trong phả hệ của Đỗ Phủ, thì Đỗ Thẩm Ngôn là cháu đời thứ 11 của Đỗ Dự.

和晉陵陸丞早春遊望

獨有宦遊人
偏驚物候新
雲霞出海曙
梅柳渡江春
淑氣催黃鳥
晴光轉綠蘋
忽聞歌古調
歸思欲霑巾

85. HỌA TẤN LĂNG⁽¹⁾ LỤC THỪA⁽²⁾ TẢO XUÂN DU VỌNG

Độc hữu hoạn du nhân,
Thiên kinh vật hậu tân,
Vân hà xuất hải thụ,
Mai liễu độ giang xuân.
Thục khí thôi hoàng điệu,
Tĩnh quang chuyển lục tân.
Hót văn ca cổ điệu,
Quy tứ dục triêm cân.

Dịch nghĩa:

HỌA BÀI DẠO CHƠI XUÂN SỚM CỦA QUAN THỪA HỌ LỤC Ở TẤN LĂNG.

*Có người làm quan xa xôi,
Muôn vật nhìn ra sợ thấy hầu như mới,
Ráng mây từ biển vừa bừng sáng,
Mai và liễu làm cho cả vùng Giang Nam vào xuân.
Trời đẹp giục hoàng oanh hót
Mây quang chiếu trên rau nước
Chợt nghe người hát điệu ca cũ
Khi quay về lòng buồn đến rơi nước mắt.*

Dịch thơ:

HỌA BÀI DẠO CHƠI XUÂN SỚM CỦA QUAN THỪA HỌ LỤC Ở TẤN LĂNG

*Có người làm quan xa,
Sợ đất trời thay đổi,*

⁽¹⁾ Tấn Lăng: Theo *Nhất thống chí*: Đời Đường Thiên Bảo gọi là quận Tấn Lăng, nay là huyện Thường Châu, Giang Nam.

⁽²⁾ Thừa: Quan coi một quận được đặt ra thời Tùy Khai Đế (Theo *Thông điển*)

Mây ráng từ biển nổi,
 Mai liễu bùng bên sông.
 Trời đẹp giục oanh hót,
 Rau nước loáng nắng bùng,
 Chợt nghe điệu ca cũ,
 Đường về mắt lệ rung.

THẨM THUYỀN KỲ (656 - 713)

Tên chữ là Vân Khanh, người Tương Châu (nay thuộc Hà Nam), làm quan Cấp sự trung. Khi phe Trương Di thua, ông bị đi đày ở Hoan châu, được chuyển làm tham quân lục sự ở Thai châu, sau được về kinh làm Kiêm tu văn chân học sĩ, rồi Thái tử Thiêm sự. Ông cùng Tống Chi Ván rất nổi tiếng buổi Sơ Đường, mất đầu năm Khai Nguyên.

雜詩

聞	道	黃	龍	戍
頻	年	不	解	兵
可	憐	閨	裡	月
長	在	漢	家	營
少	婦	今	春	意
良	人	昨	夜	情
誰	能	將	旗	鼓
一	爲	取	龍	城

86. TẠP THI

Lời dẫn: Tập thi có từ vùng Quan Tây, thành Nghiệp, là một thể loại thơ. Xét Khổng Dung đời Hán có một bài *Tạp thi*. Bì Nhật Hưu trong lời tựa *Tạp thi* viết: Từ cổ thể đến thơ luật. Từ luật đến Tập thi.

Văn đạo Hoàng Long thú⁽¹⁾.
Tần niên bất giải binh.
Khả liên khuê lý nguyệt,
Trường tại Hán gia đình.
Thiếu phụ kim xuân ý,
Lương nhân tạc dạ tình.
Thùy năng tương kỳ cổ,
Nhất vị thủ Long Thành⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

TẬP THI

*Nghe nói đồn thú ở đất Hoàng Long,
Năm nay sang năm khác không được xa rời việc quân.
Đáng thương cho vàng trắng ở khuê phòng
Theo hoài đến tận trại quân nhà Hán.
Ý tứ của người vợ trẻ giữa xuân này,
Cũng là cái tình của người chồng đêm hôm qua.
Ai là người có thể giống cò, đánh trống
Một lần là dẹp yên được Long Thành?*

Dịch thơ:

TẬP THI

*Hoàng Long, nghe đóng trại,
Chẳng phút rời binh nhưng!
Trắng sáng phòng khuê ấy,
Tìm dinh Hán soi cùng!
Xuân này tình thiếp rộn,*

⁽¹⁾ Hoàng Long thú: Đồn Hoàng Long. Theo *Tổng thư*: Phùng Bạt trấn giữ thành Hoàng Long, nên gọi là đồn Hoàng Long.

⁽²⁾ Long Thành: Theo *Hán thư Hung Nô truyện*, tháng năm mở hội lớn ở Long Thành, tế thiên địa quỷ thần. Cũng theo *Tê địa ký* thì thành Bình Xương có giếng thông với sông Kinh, có thần Rồng ra vào, hay hiện lên nên gọi là Long Thành.

*Đêm trước, chàng nhớ nhung!
Chiềng trông ai người giống!
Đẹp yên ngay thành Ròng!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TẠP THI

*Nghe rằng đồn đóng Hoàng Long,
Luôn năm cứ phải áp dùng binh hung!
Bóng trăng soi ở khuê phòng,
Theo sang lại chiều ở vùng Hán quân.
Ngẩn ngơ thiếu phụ lòng xuân,
Đêm qua tâm sự lương nhân thần thờ.
Có ai đánh trống giông cờ,
Long Thành lấy được cõi bờ đẹp yên.*

TỔNG CHI VẤN (636 - 712)

Tên chữ là Diên Thanh, người Phần Châu (nay thuộc Sơn Tây), giỏi hùng biện. Võ hậu vời ông và Dương Quýnh làm nội giáo, sau theo Trương Di, bị chuyển đi Lũng Châu, được phục chức làm Tu văn quán học sĩ, đến đời vua Hiếu Tông, lại bị đi đầy Khâm Châu rồi khép vào tội chết, do phe phái của ông ở triều đình bị bại. Thơ của ông có tiếng ở kinh thành buổi Sơ Đường.

題大庾嶺北驛

陽月南飛雁
傳聞至此回
我行殊未已
何日復歸來
江靜潮初落
林昏瘴不開

明 朝 望 鄉 處
應 見 隴 頭 梅

87. ĐỀ ĐẠI DŨU⁽¹⁾ LĨNH BẮC DỊCH

Dương nguyệt⁽²⁾ nam phi nhận,
Truyền văn chí thử hồi⁽³⁾,
Ngã hành thù vị dĩ,
Hà nhật phục qui lai,
Giang tỉnh triều sơ lạc,
Lâm hôn chương bất khai,
Minh triều vọng hương xứ,
Ung kiến Lũng đầu mai.

Địch nghĩa:

ĐỀ TẠI TRẠM BẮC DỊCH NÚI ĐẠI DŨU

*Tháng mười, nhận bay về nam,
Nghe đâu đến chỗ ấy thì quay về,
Còn ta thì sao cứ phải đi mãi,
Biết ngày nào quay trở lại?
Sông lặng, thủy triều vừa dứt,
Trong rừng tối lam chương chưa tan
Sớm mai nhìn về phía làng,
Mới thấy những cây mai đầu lũng.*

Địch thơ:

ĐỀ TRẠM BẮC DỊCH Ở NÚI ĐẠI DŨU

Tháng mười, nhận về nam,

⁽¹⁾ Đại Dũu: Núi Đại Dũu. Phía đông huyện Kiêu là núi Đại Dũu, thuộc Thiều Châu, còn có một tên nữa là Mai Lĩnh (Núi Mai) bởi trên đó rất nhiều cây mai, phía nam núi hoa mai rụng thì phía bắc mai nở.

⁽²⁾ Dương nguyệt: Tháng mười.

⁽³⁾ Hồi nhận: Ở phía nam, nhận bay đến đó không vượt qua núi, thấy mùa xuân đến nên lại quay về!

Đến đây bỗng quay lại,
Còn ta thì đi mãi
Khi nào mới trở về?
Triều rút, sông phơi bãi,
Rừng, lam chướng phủ che,
Quê xa sớm mau ngóng!
Mai nở phía đồi kia!

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐỀ Ở TRẠM BẮC DỊCH TRÊN NÚI ĐẠI DŨU

Về nam, chim nhận tháng mười,
Nghe rằng đến đây là nơi quay về,
Sao ta còn cứ phải đi,
Ngày nào mới được trở về đến nơi?
Sông êm, triều mới rút lui,
Trên rừng chướng khí chưa khai bóng mờ
Sáng ngày trông phía quê nhà,
Mới hay thấy rõ cây mơ trên đồi.

VƯƠNG LOAN

Người Lạc Dương (nay thuộc Hà Nam), đỗ Tiên Thiên tiến sĩ, đầu năm Khai Nguyên, làm Vinh Dương chủ bạ, ông tham gia hiệu đính sách cùng Mã Hoài Thận, về sau thăng làm quan úy đất Lạc Dương. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

次北固山下

客路青山外
行舟綠水前
潮平兩岸闊
風正一帆懸

海日生殘夜
江春入舊年
鄉書何處達
歸雁洛陽邊

88. THỨ BẮC CỔ SƠN⁽¹⁾ HẠ

Khách lộ thanh sơn ngoại
Hành chu lục thủy tiền
Triều bình lưỡng ngạn khoát,
Phong chính nhất phàm huyền
Hải nhật sinh tàn dạ,
Giang xuân nhập cựu niên.
Hương thư⁽¹⁾ hà xứ đạt,
Quy nhạn Lạc Dương biên.

Địch nghĩa:

ĐẾN CHÂN NÚI BẮC CỔ

*Đường khách dưới chân núi xanh,
Thuyền xuôi trước dòng nước biếc,
Thủy triều dâng hai bên bờ thoáng rộng
Gió thổi đúng hướng vào buồm căng,
Mặt trời nhô lên trên biển, đêm vừa hết.
Trên sông, xuân lại về, năm đã cũ,
Thư làng không biết đã đến nơi nào,
Đám nhạn bay về ven thành Lạc Dương.*

⁽¹⁾ Bắc Cổ sơn: Núi Bắc Cổ. Theo *Nhất thống chí*, núi Bắc Cổ ở bắc phủ trị Trấn Giang, phía dưới có sông lớn.

⁽¹⁾ Nhạn thư: Thư nhạn. Theo *Truyện Tô Vũ*, nhà Hán giảng hòa với Hung Nô, đòi sứ thần bị giữ lại là Tô Vũ, người Hung Nô nói thác là Vũ đã chết. Sứ Hán sang nói có thư do nhạn đưa báo Tô Vũ hiện còn sống, bảy giờ người Hung Nô mới chịu trả về.

Dịch thơ:

DƯỚI CHÂN NÚI BẮC CỐ

*Chân núi xanh, đường khách,
Thuyền xuôi, phơi biếc dòng,
Đôi bờ thoáng, triều lặng,
Ngọn gió lỏng, buồm giăng.
Vàng nhật hiện, đêm dứt,
Sóng xuân cuộn, năm tàn.
Thư làng đến đâu nhi?
Nhạn rợp thành Lạc Dương.*

THƯỜNG KIẾN

破山寺後禪院

清 晨 入 古 寺
初 日 照 高 林
曲 徑 通 幽 處
禪 房 花 木 深
山 光 悅 鳥 性
潭 影 空 人 心
萬 籟 此 俱 寂
惟 餘 鐘 磬 音

89. PHÁ SƠN TỰ⁽¹⁾ HẬU THIÊN VIỆN

Thanh thần nhập cổ tự,
Sơ nhật chiếu cao lâm,

⁽¹⁾ Phá Sơn tự: Chùa Phá Sơn. Theo *Nhất thống chí*, chùa Hưng Phúc ở Ngũ Sơn, có từ lâu, người nước Tề, thứ sử Bân Châu cho dựng lên. Đời Đường, Thường Kiến đến thăm. Bài này viết về chùa ấy, sau gọi là Phá Sơn.

Khúc kính thông u xứ
Thiền phòng hoa mộc thâm
Sơn quang duyệt diệu tính
Đàm ảnh không nhân tâm
Vạn lại⁽²⁾ thử câu tịch
Duy văn chung khánh âm.

Địch nghĩa:

VIỆN THIỀN SAU CHÙA PHÁ SƠN

*Sáng sớm vào thăm chùa cổ,
Mặt trời vừa lên chiếu trên ngọn cây cao
Đường quanh thông với nơi vắng vẻ
Phòng sư hoa và cây xanh rậm.
Núi sáng khiến chim chóc ưa thích,
Bóng đầm nước xui lòng người nhẹ lâng,
Bao thử tiếng ở đây đều im bật,
Chỉ vang lên tiếng chuông, tiếng khánh.*

Địch thơ:

VIỆN THIỀN SAU CHÙA PHÁ SƠN

*Sáng sớm thăm cổ tự,
Cây cao, loáng ánh trời,
Đường quanh xuyên quăng vắng,
Thiền thất, cỏ hoa tươi.
Chim thích đồi núi sáng
Người thanh thảo, đầm soi.
Bật im muôn thứ tiếng,
Chuông khánh thì khơi vơi...*

⁽²⁾ Vạn Lại: Gió thổi vào những ống rỗng của tre nửa lau sậy mà thành tiếng sáo. Theo *Trang Tử*: Sáo đất, sáo trời, sáo người, thổi muôn tiếng mà không giống nhau.

NHÀ THIỀN VIỆN Ở SAU NÚI PHÁ SƠN

Sáng ngày chùa cổ bước vào,
Mặt trời mới mọc, ánh vào cây cao
Đường quanh đi tới phía sau,
Buồng thiền hoa lá một bầu xanh tươi.
Tĩnh chìm ưa sáng trên đồi,
Mặt đầm bóng lộn, lòng người thanh thoi.
Chốn này muôn tiếng im hơi,
Chỉ nghe chuông khánh tiếng giồi xa xa.

SẨM THAM

寄左省杜拾遺

聯	步	趨	丹	陞
分	曹	限	紫	微
曉	隨	天	仗	入
暮	惹	御	香	歸
白	髮	悲	花	落
青	雲	羨	鳥	飛
聖	朝	無	闕	事
自	覺	諫	書	稀

90. KÝ TẢ TỈNH⁽¹⁾ ĐỖ THẬP DI

Liên bộ xu đàn bệ,
Phân Tào⁽²⁾ hạn Tử Vi⁽³⁾,

⁽¹⁾ Tả tỉnh: Theo *Cựu Đường thư chức quan chí*: (Bộ phận) Môn hạ tỉnh được đổi làm Đông Đài, nên gọi là Tả tỉnh và đặt hai chức quan tả hữu thập di.

⁽²⁾ Phân tào: Đỗ Phủ làm Tả thập di, Sầm Tham làm Hữu bổ khuyết ở Trung Thư tỉnh chia làm hai nơi.

⁽³⁾ Tử Vi: Nhà Đường đổi Trung thư tỉnh làm Tử Vi tỉnh, bởi nơi làm việc của các quan này trồng nhiều cây Tử Vi thường đơm hoa.

Hiếu tùy thiên trượng nhập
Mộ nhạ ngự hương qui
Bạch phát bi hoa lạc,
Thanh vân tiện điều phi,
Thánh triều vô khuyết sự,
Tự giác gián thư hi.

Dịch nghĩa:

GỬI ĐỖ THẬP DI Ở TẢ TỈNH

*Bước mau liền tới thềm son
Phân Tào chia giới hạn với Tử Vi tỉnh,
Sớm vào theo nghi trượng
Chiều về đi trong hương ngự ngàο ngạt,
Tóc bạc thương đám hoa rụng,
Tít mây xanh, chim mê say bay lượn,
Nơi triều đình không có việc làm sai,
Thư can vua hẳn là hiếm hoi.*

Dịch thơ:

GỬI ĐỖ THẬP DI Ở TẢ TỈNH

*Sánh bước tới thềm điện,
Phân Tào cách Tử Vi.
Sáng theo nghi trượng tới
Hương ngự, tỏa lối về.
Tóc bạc thương hoa rụng,
Mây thẳm chim xập xòe.
Thánh triều không làm sót,
Can gián, thư hiếm đi.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

GỬI CHO ĐỖ THẬP DI Ở TẢ TỈNH

Liền chân bước tới bệ rồng,

Tử Vi giới hạn ở trong Phân Tào,
 Sớm theo nghi trượng bước vào,
 Chiều về mang lấy ngọt ngào ngự hương,
 Hoa rơi tóc bạc càng thương,
 Mây xanh chim lượn dịu dàng đẹp thay.
 Thánh triều đâu có làm sai
 Dâng thư tự biết ít lời khuyên can.

LÝ BẠCH

贈孟浩然

吾愛孟夫子
 風流天下聞
 紅顏棄軒冕
 白首臥松雲
 醉月頻中聖
 迷花不事君
 高山安可仰
 徒此挹清芬

91. TẶNG MẠNH HẠO NHIÊN

Ngô ái Mạnh phu tử
 Phong lưu thiên hạ văn
 Hồng nhan⁽¹⁾ khí hiên miện⁽²⁾,
 Bạch thủ ngọa tùng vân.
 Tuý nguyệt tần trung thánh⁽³⁾,

⁽¹⁾ Hồng nhan: Nhan sắc người đẹp, còn có nghĩa là thời trẻ trung.

⁽²⁾ Hiên miện: Xe và mũ của quan trường.

⁽³⁾ Trung thánh: Theo *Tam quốc chí*: Từ Mạo uống trộm rượu ở nơi phủ đường bị truy hỏi. Mạo đáp: Đó là trung thánh nhân. Có người tâu, vua bực lắm, gạn hỏi. Mạo tâu: Người xưa nói rượu ngon là thánh. Trung thánh nhân chỉ là người uống rượu ngon thôi. Vua cười không hỏi nữa!

Mê hoa bất sự quân.
Cao sơn an khả ngưỡng,
Đồ thử áp thanh phần.

Dịch nghĩa:

TẶNG MẠNH HẠO NHIÊN

*Ta yêu Mạnh phu tử,
Tĩnh phong lưu thiên hạ đã biết tiếng,
Khi còn trẻ coi thường quan chức,
Lúc đầu bạc nằm dưới thông và mây,
Say dưới trăng đáng gọi là thánh,
Mê hoa mà chẳng thiết thờ vua,
Núi cao kia có thể ngẩng mặt nhìn,
Chừng ấy cũng đủ phần thơm tho.*

Dịch thơ:

TẶNG MẠNH HẠO NHIÊN

*Mạnh phu tử, yêu sao!
Đời nổi tiếng phong lưu,
Trẻ, dửng dưng quyền chức,
Già, mây quyến, thông reo,
Trăng say, thánh đáng bạc,
Hoa chuộng, lợi chẳng cầu,
Ngẩng mặt, núi cao ngắm
Cũng đủ phần thanh tao!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TẶNG MẠNH HẠO NHIÊN

*Mạnh phu tử, đáng yêu thay,
Phong lưu nổi tiếng đầy đây tương truyền
Trẻ trung chẳng thiết quý quyền,*

Già nua vui chón lâm tuyền từng mây,
 Dưới trăng là thánh khi say,
 Mê hoa đâu có đoái hoài thờ vua,
 Ngẩng trông chót vót núi gò,
 Bấy nhiêu cũng đủ thơm tho nhẹ nhàng.

渡荆門送別

渡遠荆門外
 來從楚國遊
 山隨平野盡
 江入大荒流
 月下飛天鏡
 雲生結海樓
 仍憐故鄉水
 萬里送行舟

92. ĐỘ KINH MÔN⁽¹⁾ TỔNG BIỆT

Độ viễn Kinh Môn ngoại
 Lai tông Sở quốc du.
 Sơn tùy bình dã tận,
 Giang nhập đại hoang lưu.
 Nguyệt hạ phi thiên kính⁽²⁾,
 Vân sinh kết hải lâu⁽³⁾.
 Nhưng liên cổ hương thủy,
 Vạn lý tổng hành chu.

⁽¹⁾ Kinh Môn: Theo *Thông điển*, núi Kinh Môn, nay ở Nghi Đô huyện, thuộc Thiểm Châu, phía tây bắc khoảng năm mươi dặm. Có hai ngọn núi Hồ Nha (Răng hổ) là cửa ải của phía tây nước Sở.

⁽²⁾ Thiên Kính: Gương trời. Bia Tiết đạo hành lão thị có câu: Tiếng chuông từ mặt đất thả trong gương trời.

⁽³⁾ Hải lâu: Lầu trên biển. Theo *Sử ký*: Hơi biển kết tụ giống lâu đài. Theo *Quốc sử*: Trên biển có lúc thấy lâu đài mây, kết lại rất đẹp.

Dịch nghĩa:

TIỀN ĐƯA QUA NÚI KINH MÔN

*Đã vượt qua ngoài Kinh Môn rất xa,
Đất Sở đã vào, làm một cuộc du ngoạn,
Núi theo mãi cho đến chỗ đồng nội phẳng,
Sông chảy vào bãi đại hoang,
Trăng soi, như chiếc gương trời bay,
Mây đùn, kết thành tầng lầu trên biển.
Bỗng nhớ đến nước sông quê cũ,
Muôn dặm tiền đưa con thuyền đang xuôi.*

Dịch thơ:

TIỀN ĐƯA QUA NÚI KINH MÔN

*Núi Kinh Môn đã qua,
Đất Sở đón chào ta!
Núi trải cùng bãi phẳng,
Sông chảy vào hoang sơ
Trăng hay gương trời sáng,
Mây đùn, ngất biển xa,
Chợt nhớ sông làng cũ,
Thuyền muôn dặm chèo đưa...*

送友人

青山橫北郭
白水遶東城
此地一爲別
孤蓬萬里征
浮雲遊子意
落日故人情
揮手自茲去
蕭蕭班馬鳴

93. TỔNG HỮU NHÂN

Thanh sơn hoành bắc quách,
Bạch thủy nhiễu đông thành.
Thử địa nhất vi biệt,
Cô bông vạn lý chinh.
Phù vân du tử ý,
Lạc nhật cố nhân tình.
Huy thủ tự tư khứ,
Tiêu tiêu ban mã minh⁽¹⁾.

Dịch nghĩa

TIỀN BẠN

Núi xanh chắn ngang ngoại vi phía bắc,
Nước trắng xóa quanh thành đông,
Đất này đã một lần chia tay,
Như đám cỏ bông tro trọi lênh đênh muôn dặm
Ý người đi như áng mây nổi,
Tình bạn xưa khắc khoải ánh chiều buông
Vẫy tay để mà chia xa,
Ngựa hí vang nghe nẫu ruột.

Dịch thơ:

TIỀN BẠN

Ngoại ô bắc, núi chắn,
Nước trắng xóa thành đông!
Mảnh đất này đưa tiễn,
Dặm xa một cánh bông!
Người đi, tình mây nổi
Bạn cũ, chiều nhớ mong.

⁽¹⁾ Tiêu tiêu ban mã minh: Kinh thi. Tiêu tiêu mã minh. Tả truyện: Hữu ban mã chi thanh. Đỗ Dự chú thích rằng: Tiếng hí, có điều rất lạ, ngựa của chủ và khách, đến đường rẽ, đều cất tiếng hí ran...

Tay vẫy, dành xa cách
Ngựa hí ran não lòng.

Bản dịch của Tân Đà:

TIỀN BẠN

Chạy dài cỏi bắc non xanh,
Thành đông nước chảy quanh thành trắng phau.
Nước non này chỗ đưa nhau,
Một xa, muôn dặm biết đâu cánh bồng,
Chia phôi khác cả mối lòng.
Người đi mây nổi kẻ trông bóng tà!
Vẫy tay thôi đã rời xa.
Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn teo.

聽蜀僧濬彈琴

蜀僧抱綠綺
西下峨眉峰
爲我一揮手
如聽萬壑松
客心洗流水
餘響入霜鐘
不覺碧山暮
秋雲暗幾重

94. THÍNH THỰC TĂNG TUẤN ĐÀN CẦM

Thục tăng bảo lục ý⁽¹⁾,
Tây há Nga Mi phong.
Vị ngã nhất huy thủ,
Như thính vạn hác tùng.
Khách tâm tẩy lưu thủy,

⁽¹⁾ Lục ý: đàn Lục ý: Theo Truyền huyền Cầm phú tự: Thái Ung có cây đàn Lục ý, là một loại đàn hiếm có, rất nổi tiếng!

Dư hưởng nhập sương chung⁽¹⁾.
Bất giác bích sơn mộ
Thu vân ám kỷ trùng.

Dịch nghĩa:

NGHE SƯ THỰC LÀ TĂNG TUẦN ĐÁNH ĐÀN CẦM

*Thục Tăng ôm cây đàn Lục ý,
Từ phía tây đi xuống đến ngọn Nga My,
Vì ta, tay lần gảy đàn cho nghe,
Như thể tiếng muôn cây tùng ở hang núi.
Lòng khách như được rửa gội trong sạch,
Tiếng chuông từ trong sương vắng nghe,
Chẳng ngờ núi xanh đã vào chiều,
Mây mùa thu tầng tầng mờ ảo.*

Dịch thơ:

NGHE SƯ ĐẤT THỰC TĂNG TUẦN GÂY ĐÀN

*Thục Tăng ôm Lục ý.
Vừa tới ngọn Nga My,
Vì ta búng đàn lựa,
Muôn tùng reo núi xa.
Lòng dường như gội rửa,
Chuông vắng trong sương mờ.
Núi biếc chiều chợt tối,
Tầng tầng kìa mây thu.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

NGHE THỰC TĂNG TUẦN GÂY ĐÀN

Ôm cầm Lục ý, Thục Tăng,

⁽¹⁾ Sương chung: Theo *Sơn Hải kinh*: Núi Phong có quả chuông 9 tai, có thể nghe được sương rơi. Quách Mỹ chú giải: sương rơi thì chuông thỉnh nên nói thể!

Phía Tây lần xuống qua rừng Nga My,
 Vì ta, Tăng gầy bài nghe,
 Ào ào như tiếng muôn khe cây tùng,
 Nước trôi rửa sạch cõi lòng,
 Tiếng chuông nghe vắng ở trong sương mờ,
 Núi xanh chiều tối không ngờ,
 Trời thu mây ám bao la mấy dòng.

夜泊牛渚懷古

牛渚西江夜
 青天無片雲
 登舟望秋月
 空憶謝將軍
 余亦能高詠
 斯人不可聞
 明朝挂帆去
 楓葉落紛紛

95. DẠ BẠC NGƯU CHỦ⁽¹⁾ HOÀI CỔ²

Ngưu Chủ Tây Giang dạ,
 Thanh thiên vô phiến vân.
 Đăng chu vọng thu nguyệt,
 Không ức Tạ tướng quân⁽²⁾.
 Dư diệc năng cao vịnh,
 Tư nhân bất khả văn.
 Minh triều quải phàm khứ,
 Phong diệp lạc phân phân...

⁽¹⁾ Theo *Nhất thống chí* núi Ngưu Chủ ở phía bắc thành phủ Thái Bình khoảng hai mươi dặm, núi đột xuất mọc bên sông, bên suối có bến, có đền thờ Tạ tướng quân.

⁽²⁾ Tạ tướng quân: Theo *Tấn thư*, Tạ Thượng, tên chữ là Nhân Tổ, giữ chức Trấn Tây tướng quân. Theo dã sử, Tạ Thượng đóng ở Ngưu Chủ, đêm nghe tiếng ngâm thơ, hỏi ra mới biết là Viên Hoàng, gọi sang thuyền uống, họa một đêm, kết làm bạn.

Dịch nghĩa:

ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở NGƯU CHỦ NHỚ CHUYỆN CŨ

Đêm Tây giang, bến Ngưu Chủ,
Trời trong xanh không gợn mây,
Lên thuyền ngắm trăng thu,
Bỗng bâng khuâng nhớ tướng quân họ Tạ.
Ta cũng hay cao giọng ngâm vịnh,
Người ấy làm sao mà nghe thấy!
Sớm mai giong buồm đi,
Lá phong rơi lả tả...

Dịch thơ:

ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở NGƯU CHỦ NHỚ CHUYỆN CŨ

Tây giang đêm Ngưu Chủ
Trời biếc, chẳng mây vờn,
Trăng sáng, thuyền thu ngắm,
Nhớ hoài Tạ Tướng quân.
Ta thường hay ngâm vịnh
Người ấy có nghe chăng?
Mai sớm giong buồm trẩy,
Lá phong rụng bần thần.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở BẾN NGƯU CHỦ NHỚ CHUYỆN XƯA

Đêm Ngưu Chủ, bến sông Tây,
Trời xanh chẳng có đám mây xa gần,
Lên thuyền đứng ngắm bóng ngân,
Vẫn vơ nhớ Tạ tướng quân ngày nào!
Ngâm thơ ta cũng ngẫu nhiên,
Người kia nay ở chỗ nào mà nghe.
Sáng mai buồm kéo thuyền đi,
Lá phong rụng xuống bộn bề khắp nơi.

ĐỖ PHỦ

春望

國破山河在
城春草木深
感時花濺淚
恨別鳥驚心
烽火連三月
家書抵萬金
白頭搔更短
渾欲不勝簪

96. XUÂN VỌNG

Quốc phá sơn hà tại,
Thành xuân thảo mộc thâm.
Cảm thời hoa tiễn lệ⁽¹⁾,
Hận biệt điều kinh tâm.
Phong hỏa liên tam nguyệt
Gia thư để vạn câ (kim).
Bạch đầu tao cánh đoản
Hồn dục bất thăng trâm⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

VỌNG XUÂN

*Nước tàn phá nhưng sông núi vẫn còn,
Thành xuân, cây cỏ âm u, rậm rạp,
Cảm nỗi thời thế, hoa đầm đìa nước mắt*

⁽¹⁾ Tiễn lệ: đầm nước mắt. Theo *Thập Di ký*, vua Hiến đế nhà Hán hay tin Lý Thôi thua bại, nước mắt đầm áo ngự.

⁽²⁾ Thăng trâm: thơ Bão Chiếu: "Bạch phát linh loạn bất thăng trâm", nghĩa là tóc bạc, loạn lạc nổi trôi không cài nổi trâm.

*Đau cảnh chia lìa, chim khắc khoải sợ hãi,
Lửa hiệu ở đài phong hỏa đốt liên trong ba tháng.
Một bức thư nhà giá ngàn vàng,
Đầu bạc tóc gãy càng thưa,
Đường như không cài trâm được nữa!*

Dịch thơ:

VỌNG XUÂN

*Nước tan, sông núi vẫn còn,
Thành xuân cây cỏ lùm xùm thâm u,
Cảm thời, đắm ướt lệ hoa,
Luống kinh xa cách chim òa vút bay.
Liên miên lửa hiệu nổi ngày,
Nghìn vàng há sánh cầm tay thư nhà!
Bạc đầu, gãy đám tóc thưa,
Lựa hoài, trâm cũ xem ra khó cài!*

Bản dịch của Tương Như:

TRÔNG XUÂN

*Nước mất, còn sông núi,
Thành xuân cảnh um tùm.
Biệt ly, lòng chim hãi,
Cám cảnh, lệ hoa tuôn.
Lửa hiệu liên ba tháng,
Thư nhà đáng mấy muôn.
Gãy hoài cùn tóc bạc
Chùng tuột chiếc trâm luôn.*

月夜

今夜鄜州月
閨中只獨看

遙憐小兒女
未解憶長安
香霧雲鬟濕
清輝玉臂寒
何時倚虛幌
雙照淚痕乾

97. NGUYỆT DẠ

Kim dạ Phu Châu⁽¹⁾ nguyệt,
Khuê trung chỉ độc khan,
Dao liên tiểu nhi nữ,
Vị giải ức Tràng An.
Hương vụ vân hoàn thấp,
Thanh huy ngọc tỷ hàn,
Hà thời ỷ hư hoảng⁽²⁾
Song chiếu lệ ngân can.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRĂNG

Trăng Phu Châu đêm nay,
Chỉ có một người ở phòng khuê đang ngắm.
Cảm thương cô gái thơ đại ở xa
Chưa biết nhớ (người đang ở) Tràng An.
Sương móc thơm, tóc mây thấm ướt,
Ánh trăng trong làm lạnh cánh tay ngọc ngà,
Bao giờ được tựa bên rèm cửa,
Trăng chiếu cả hai, cho ráo lệ.

⁽¹⁾ Phu Châu: Theo *Đường thư địa lý chí*, Phu Châu ở quận Lạc Giao, vốn tên là Thượng Quận, đến đầu năm Thiên Bảo thì đổi tên. Loạn An Lộc Sơn, Đỗ Phủ bị bắt giam, vợ con chạy về đây.

⁽²⁾ Hư hoảng: Thơ Giang Yên: "Luyện được chiếu hư hương", nghĩa là luyện thuốc (lửa) chiếu tận màn, rèm. Theo sách *Ngọc thiêm*: Hoảng là màn, rèm.

Dịch thơ:

ĐÊM TRĂNG

Phu Châu đêm trăng sáng,
Người ngắm, khuê phòng xa!
Thơ đại, thương ai đó,
Tràng An, nhớ ai mà!
Sương thơm, tóc mây thấm,
Trăng lạnh cánh tay ngà,
Rèm cửa, bao giờ nhả.
Soi đôi, thôi lệ nhòa!

Bản dịch của Tân Đà:

ĐÊM TRĂNG

Châu Phu này lúc trăng soi,
Buồng the đêm vắng riêng coi một mình.
Đoái thương thơ đại đầu xanh,
Tràng An chưa biết mang tình nhớ nhau.
Sương sa thơm ướt mái đầu,
Cánh tay ngọc trắng lạnh màu sáng trong.
Bao giờ tựa bức màn không,
Gương soi chung bóng lệ dòng sương khô.

春宿左省

花隱掖垣暮
啾啾棲鳥過
星臨萬戶動
月傍九霄多
不寢聽金鑰
因風想玉珂
明朝有封事
數問夜如何

98. XUÂN TÚC TẢ TỈNH⁽¹⁾

Hoa ẩn Dịch vôn mộ
Thu thu thê điều qua
Tĩnh lâm vạn hộ động,
Nguyệt bạng cửu tiêu đa
Bất tẩm thính kim thực,
Nhân phong tường ngọc kha⁽²⁾,
Minh triều hữu phong sự⁽³⁾,
Sổ vấn dạ như hà?

Dịch nghĩa:

ĐÊM XUÂN NGỦ Ở TẢ TỈNH

*Hoa náu ở bức tường Tả Dịch buổi chiều,
Lạnh lót tiếng chim đậu trên cao hót.
Ánh sao lay động lên muôn nhà,
Trăng dài trên chín tầng mây.
Một đêm không ngủ nghe rõ tiếng khóa vàng,
Gió động mạnh nghĩ đến tiếng nhạc ngựa rung.
Sớm tối sẽ được vào trình vua,
Nghe hỏi chuyện đêm nay ra sao!*

Dịch thơ:

ĐÊM XUÂN NGỦ Ở TẢ TỈNH

*Hoa náu sau tường cộc
Trên cành rộn tiếng chim.
Sao sáng soi muôn hộ,*

⁽¹⁾ Tả tỉnh: Nơi đón khách và các quan mới vào triều trong cổ cung. Năm Chí Đức thứ 2, Đường Túc Tông với Đỗ Phủ làm Hữu Thập Di, ông đến đó chờ ra mắt vua.

⁽²⁾ Ngọc Kha: Nhạc đeo bên nhằm ngựa. Thơ Trương Hoa: "Vân hiên thụ vũ cái, thừa mã minh ngọc kha", nghĩa là "nghe cây thềm động là có người cưỡi ngựa tới tiếng nhạc rung".

⁽³⁾ Phong sự. Theo *Quang Vũ kỷ*: chiều vua gọi trăm quan là phong sự. Mật tâu được bao kín dâng vua gọi là phong tấu (Nghị lễ nhà Hán).

Trăng dãi cao chín tầng,
 Không ngủ nghe tiếng khóa,
 Gió động nhớ nhạc rung,
 Sớm chiều, tàu trước điện,
 Đêm nay sao lạ lòng!

出此門有悲往事

此道昔歸順
 西郊胡正繁
 至今猶破膽
 應有未招魂
 近得歸京邑
 移官豈至尊
 無才日衰老
 駐馬望千門

99. XUẤT THỦ MÔN HỮU BI VĂNG SỰ⁽¹⁾

Thủ đạo tích quy thuận,
 Tây giao Hồ chính phồn,
 Chí kim do phá đảm,
 Ung hữu vị chiêu hồn⁽²⁾
 Cận thị quy kinh áp
 Di quan⁽³⁾ khởi Chí Tôn

(1) Theo *Tường An chí*: Kim Quang môn là một trong ba cửa thành ở kinh đô nhà Đường. Niên hiệu Chí Đức năm thứ hai, Đỗ Phủ rời kinh đô, từ điện Kim Quang về huyện Phượng Tường. Năm đầu niên hiệu Càn Nguyên lại rời Hoa Châu về kinh, nhận chức Tả Thập Di, cùng chia tay với bạn bè thân thiết. Nhân nhớ lại thừa An Lộc Sơn đánh vào Tràng An, ông bị bắt và những chuyện trước, ông và các tướng giỏi như Phòng Quân, Nghiêm Vũ, bị Huyền Tôn, cùng thừa tướng Lý Lâm Phủ ghét, đẩy đi xa... Qua bài này thấy lần về làm quan này, Đỗ Phủ chẳng còn hào hứng gì nữa.

(2) Chiêu hồn: Bài văn nổi tiếng của Khuất Nguyên. Hai câu 3, 4 ở bài này nhắc chuyện An Lộc Sơn, vào chiếm Tràng An, Phòng Quân, Nghiêm Vũ bị giáng chức, biếm đi xa.

(3) Di quan: Quan thuyền chuyển đi xa. Chỉ Phòng Quân và Nghiêm Vũ...

Vô tài nhật suy lão
Trú mã vọng thiên môn.

Dịch nghĩa:

ĐI RA CỬA NÀY CÓ CHUYỆN CŨ ĐAU LÒNG

*Đường này ngày xưa giặc quy thuận
Ngoại vi thành phía tây người Hồ lui tới đông đúc,
Nghĩ đến nay hãy còn sợ đến vỡ mật,
Trưởng như chưa hoàn hồn
Châu gần vua được trở về kinh ấp,
Nay đối quan đi xa là lệnh của đức chí tôn
Không có tài ngày càng già yếu,
Dừng ngựa nhìn về phía nghìn cửa điện.*

Dịch thơ:

NHỚ CHUYỆN ĐAU LÒNG CŨ

*Đường này giặc quy thuận
Người Hồ đầy tây thành
Vỡ mật nhớ chuyện cũ
Nay vẫn chưa hoàn hồn.
Châu gần, về kinh ấp,
Quan xa lệnh chí tôn.
Bất tài, ngày già yếu
Dừng ngựa ngóng thâm cung.*

月夜憶舍弟

戍鼓斷人行
秋邊一雁聲
露從今夜白
月是故鄉明
有弟皆分散
無家問死生

達兵不休長未書乃寄況

100. NGUYỆT DẠ ƯC XÁ ĐỆ

Thú cô⁽¹⁾ đoạn nhân hành
 Thu biên nhất nhạn thanh
 Lộ tông kim dạ bạch⁽²⁾
 Nguyệt thị cổ hương minh
 Hữu đệ giai phân tán⁽³⁾,
 Vô gia vấn tử sinh.
 Ký thư trường bất đạt,
 Huống nãi vi hữu bình.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRĂNG NHỚ EM HỌ

Tiếng trống nơi đồn thú
 khiến người đang đi dừng chân.
Mùa thu nơi biên giới một tiếng nhận,
Trời sương đêm nay trắng xóa,
Trăng kia soi sáng cả ở quê nhà,
Có em, đều phải xa cách,
Không nhà, nào biết đâu mà hỏi ai còn ai mất,
Gửi thư lâu cũng chẳng tới,
Không biết lúc nào, chuyện binh lửa mới thôi.

Địch thơ:

ĐÊM TRĂNG NHỚ EM HỌ

*Trông đồn, ngưng bước khách,
Môt tiếng nhan biên thu,*

⁽¹⁾ Thú cổ: Thơ Hiếu Xước: Cách núi nghe tiếng trống lính thú, canh bến biết tiếng chèo khua.

⁽²⁾ **Lộ bạch:** Sương trắng. Đây muốn nói đang tiết Bạch Lộ, vào mùa thu.

⁽³⁾ Phân tán: Đỗ Phủ có hai em, một ở đất Hứa, một xiêu giạt tận nước Tề.

Trăng xóa, sương đêm tỏa,
Trăng soi sáng quê nhà!
Các em đều phân tán,
Sống thác hỏi ai mà?
Thư gửi lâu không đến,
Bao giờ ngừng can qua?

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐÊM TRĂNG NHỚ EM HỌ

Trông đôn, khách phải dừng chân,
Ngoài biên thu tới tiếng gần nhận bay,
Sương sa trăng xóa đêm nay,
Trăng kia vằng vặc soi ngay quê nhà.
Có em li tán phương xa,
Không nhà, sống thác biết là hỏi đâu?
Gửi thư chẳng đến đã lâu,
Huống chi binh lửa lúc nào mới yên.

天末懷李白

涼風起天末
君子意如何
鴻雁幾時到
江湖秋水多
文章憎命達
魑魅喜人過
應共冤魂語
投詩贈汨羅

101. THIÊN MẠT HOÀI LÝ BẠCH

Lương phong khởi thiên mạt⁽¹⁾

⁽¹⁾ Thiên Mạt: Cuối trời, Lý Bạch đang trên đường phải đầy đến Dạ Lang, nên gọi là cuối trời.

Quân tử ý như hà?
Hồng nhạn kỷ thời đáo,
Giang hồ thu thủy đa.
Văn chương tăng mệnh đạt,
Lý vị⁽¹⁾ hỉ nhân qua,
Ứng cộng oan hồn ngữ,
Đầu thi tặng Mịch La⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

NHỚ LÝ BẠCH, CUỐI TRỜI

*Cuối trời gió lạnh đã bốc lên
Ý quân tử ra sao lúc này?
Chim hồng, chim nhạn bao giờ tới,
Sông hồ nước thu tràn đầy,
Văn chương ghét người gặp vận,
Ma quỷ mừng có kẻ qua đường,
Để nói chuyện với hồn người thác oan,
Có lẽ (anh) đã ném thư xuống sông Mịch La.*

Dịch thơ:

CUỐI TRỜI NHỚ LÝ BẠCH

*Cuối trời, gió lạnh rồi đây!
Hỏi người quân tử lúc này ra sao?
Chim hồng chim nhạn nơi đâu!
Sông hồ ngọn nước nhuộm vào hơi thu.
Văn chương, gặp vận vốn thù,
Quỷ ma vốn thích dọa hù người qua.
Gửi hồn oan thác nơi xa,
Ném thư xuống giải Mịch La chuyện trò.*

⁽¹⁾ Lý vị: Theo *Tả truyện*, khi độc sơn lâm là lý vị. Thần núi là lý, hình thú. Vị để chỉ quái vật. *Sử ký* giải thích: Lý vị: người hình thú có bốn chân.

⁽²⁾ Mịch La: Nơi Khuất Nguyên trầm mình, thuộc nước Sở, nay là đất Hồ Nam, nơi Lý Bạch đi qua.

CUỐI TRỜI NHỚ LÝ BẠCH

Bên trời nổi gió lạnh,
Quân tử nghĩ sao đây?
Hồng nhan bao giờ đến,
Sông biển nước thu đầy!
Văn chương ghen gặp vận
Ma quỷ thích trêu người,
Cùng oan hồn nói chuyện,
Sông Mịch chuyển thư này!

奉濟驛重送嚴公四韻

遠送從此別
青山空復情
幾時杯重把
昨夜月同行
列郡謳歌惜
三朝出入榮
江村獨歸處
寂寞養殘生

102. PHỤNG TẾ⁽¹⁾ DỊCH TRÙNG
TỔNG⁽²⁾ NGHIÊM CÔNG TỬ VẬN

Viễn tổng tông thử biệt
Thanh sơn không phục tình
Kỷ thời bôi trùng bả,
Tạc dạ nguyệt đồng hành,

⁽¹⁾ Phụng Tế dinh: Trạm dinh Phụng Tế. Theo chú thích ở tập thơ Đỗ Phủ thì trạm dịch Phụng Tế di Huyền Châu hai mươi dặm.

⁽²⁾ Trùng tổng: lại đưa tiễn. Cũng theo lời chú trong thơ Đỗ Phủ thì lần đầu tiễn Nghiêm Vũ vào triều, lần thứ hai đến Huyền Châu.

Liệt quận⁽¹⁾ âu ca tích
Tam triều xuất nhập vinh
Giang thôn độc quy xứ,
Tịch mịch dưỡng tàn sinh.

Dịch nghĩa:

**Ở TRẠM DỊCH PHỤNG TẾ LẠI TIỀN NGHIÊM CÔNG,
LÀM BỐN VẦN**

*Tiến đi xa, từ đây chia tay,
Núi xanh vốn có tình,
Mấy lúc cùng cầm lấy chén,
Đêm qua, trăng cùng đi theo người!
Dân khắp quận thành ngợi ca, tiếc nhớ
Ba triều vua ra vào vinh hiển,
Sông làng một mình trở về,
Trong cõi lặng lẽ, sống nốt những ngày cuối đời.*

Dịch thơ:

**Ở TRẠM DỊCH PHỤNG TẾ LẠI TIỀN NGHIÊM CÔNG,
LÀM BỐN VẦN**

*Tiến xa, thôi cách biệt!
Núi biếc, tình luống trông!
Nâng chén bao lần nhĩ!
Trăng đêm trước đi cùng,
Âu ca, khắp quận tiếc,
Vinh hiển, ba triều dùng.
Trở lại sông làng cũ,
Cuối đời thế cũng xong!*

⁽¹⁾ Liệt quận: Khắp các quận. Đây chỉ quận huyện ở Tây Xuyên.

別房太尉墓

他鄉復行役
駐馬別孤墳
近淚無乾土
低空有斷雲
對棋陪謝傅
把劍覓徐君
唯見林花落
鶯啼送客聞

103. BIỆT PHÒNG THÁI ÚY⁽¹⁾ MỘ

Tha hương phục hành dịch
Trú mã biệt cô phần
Cận lệ vô can thổ
Để không hữu đoạn vân
Đôi kỳ⁽²⁾ bồi Tạ Phụ (Phó)
Bả kiếm⁽³⁾ mịch Từ Quân
Duy kiếm lâm hoa lạc
Oanh đề tổng khách văn.

Dịch nghĩa:

RỜI MỘ PHÒNG THÁI ÚY

*Xa quê lại phải đi quân dịch,
Dừng ngựa thăm ngôi mộ lẻ loi,*

⁽¹⁾ Phòng thái úy: Theo *Cựu Đường Phòng Quân truyện*, Quân từng làm thứ sử, đến niên hiệu Bảo Ứng thứ ba được thăng Hình bộ thượng thư. Trên đường về nhận chức, mất ở dọc đường.

⁽²⁾ Đôi kỳ: Đánh cờ, Tạ An, tướng giỏi giữ biên thùy, bày trận, đánh dẹp rất giỏi, sành cờ vây, khi mất được phong thái phó.

⁽³⁾ Bả Kiếm: Cầm Kiếm. Theo *Sử ký*: Quý Trát trước sang sứ phía bắc, gặp Từ Quân, Từ hám kiếm của Quý Trát, nhưng không tiện nói, Quý Trát biết nhưng chưa tặng Từ, cho rằng mình là sứ của Tướng quốc. Sau này Từ Quân mất, Quý Trát cõng kiếm treo trên mộ của Từ.

Giọt nước mắt rơi gần chỗ đất không khô,
 Trời thấp có những đám mây đứt nối,
 Đánh cờ cùng Tạ Phụ
 Cầm kiếm tìm Từ Quân
 Duy chỉ thấy hoa rừng rụng,
 Nghe thấy tiếng chim oanh hót tiền khách.

Dịch thơ:

TỪ BIỆT MỘ PHÒNG THÁI ÚY

Xa quê, quân dịch lên đường,
 Ghim cương thắm nắm mộ không bạn bầu.
 Lệ gần thấm ướt đất nâu,
 Trời hoang đứt nối mây sâu chim bay.
 Tạ Thái Phó, đánh cờ vầy,
 Từ Quân dăng kiếm còn đây nhớ người.
 Hoa rừng trước gió rụng rơi,
 Chim oanh tiền khách trên đồi véo von.

旅夜書懷

細	草	微	風	岸
危	檣	獨	夜	舟
星	垂	平	野	闊
月	湧	大	江	流
名	豈	文	章	著
官	應	老	病	休
飄	飄	何	所	似
天	地	一	沙	鷗

104. LỮ DẠ THƯ HOÀI

Tế thảo vi phong ngạn,
 Nguy tường⁽¹⁾ độc dạ chu,

⁽¹⁾ Nguy tường: vách núi dựng như tường chắn.

Tinh thù bình⁽¹⁾ đã khoát,
Nguyệt dưng đại giang lưu
Danh khởi văn chương trứ,
Quan ung lão bệnh hưu.
Phiêu phiêu hà sở tự,
Thiên địa nhất sa âu.

Dịch nghĩa:

ĐÊM THA HƯƠNG GHI NHỮNG ĐIỀU HOÀI NIỆM

*Cỏ mảnh, gió thổi nhẹ trên bờ,
Vách cao, thuyền xuôi đêm vắng.
Sao rủ xuống bãi phẳng rộng,
Trăng chòm trong nước sông lớn đang chảy.
Danh tiếng gì thứ chuyện văn chương,
Già yếu rồi nên thôi làm quan.
Nỗi nênh biết tựa vào đâu!
Một cánh chim âu giữa trời đất.*

Dịch thơ:

ĐÊM THA HƯƠNG, GHI NHỚ

*Gió lay bờ cỏ mảnh,
Luôn núi, một đêm thuyền.
Sao rủ bờ bãi phẳng
Trăng loáng trên sóng duềnh.
Văn chương danh tiếng hão,
Già yếu hãy từ quan.
Chỗ dựa thì chấp chới,
Cánh âu, trời đất hành...*

⁽¹⁾ Thù bình: Sao rủ: Nhìn ra bãi phẳng phía trước, sao như rủ xuống đất...

登岳陽樓

昔聞洞庭水
今上岳陽樓
吳楚東南坼
乾坤日夜浮
親朋無一字
老病有孤舟
戎馬關山北
憑軒涕泗流

105. ĐĂNG NHẠC DƯƠNG LÂU⁽¹⁾

Tích văn Động Đình thủy,
Kim thượng Nhạc Dương lâu
Ngô Sở đông nam sách
Càn khôn nhật dạ phù
Thân bằng vô nhất tự
Lão bệnh hữu cô chu
Nhưng mã quan san bắc
Bằng hiên thể tứ lưu.

Địch nghĩa:

LÊN LẦU NHẠC DƯƠNG

*Xưa nghe nước ở hồ Động Đình,
Nay mới được lên lầu Nhạc Dương.
Nước Ngô, nước Sở phía đông nam chia ranh giới
Trời, đất, ngày, đêm như nổi trên nước.
Không có lấy một lá thư của người thân
Tuổi già ốm bệnh ở trên thuyền lẻ loi.*

⁽¹⁾ Nhạc Dương lâu: Lầu Nhạc Dương, theo *Nhạc Dương phong thổ ký*: Lầu Nhạc Dương ở phía Tây thành phong cảnh rất đẹp. Lầu ở phía tây nam quận. Từ năm Khai Nguyên thứ tư, Trương Thuyết ra trấn nhậm, cùng các văn nhân thường đến uống rượu, lầu càng nổi tiếng.

*Giặc già nổi lên ở ải quan phía bắc
Dựa thêm, mà nước mắt òa rơi,*

Dịch thơ:

LÊN LẦU NHẠC DƯƠNG

*Xưa nghe nước Động Đình
Lầu Nhạc Dương giờ lên!
Ngô Sở chia hai ngã,
Trời nổi cùng ngày đêm.
Thư không một dòng nhỏ,
Óm già nương mạn thuyền.
Binh lửa dòn, ải bắc,
Lệ nhòa ngòi tựa hiên.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

LÊN LẦU NHẠC DƯƠNG

*Xưa nghe nước ở Động Đình,
Nay lên lầu Nhạc trên thành mới hay,
Đông nam Ngô, Sở chia hai,
Đêm ngày trời đất nổi hoài ở trên,
Thân bằng chẳng có một tin
Tuổi già bệnh tật ở trên chiếc thuyền.
Bắc phương giặc già nổi lên,
Dầm dề nước mắt tựa hiên sụt sùi.*

VƯƠNG DUY

輞川閑居贈裴秀才迪

寒山轉蒼翠
秋水日潺湲
倚杖柴門外

臨風聽暮蟬
渡頭餘落日
墟里上孤煙
復值接輿醉
狂歌五柳前

106. VŨNG XUYÊN⁽¹⁾ NHÀN CƯ TẶNG BÙI TÚ TÀI ĐỊCH

Hàn sơn chuyển thương thúy,
Thu thủy nhật sần viên.
Ỗ trượng sài môn ngoại,
Lâm phong thính mộ thiên.
Độ đầu dư lạc nhật,
Khư lý⁽²⁾ thương cô yên.
Phục trị Tiếp Dư túy,
Cuồng ca Ngũ liễu⁽³⁾ tiên.

Địch nghĩa:

NĂM NHÀN Ở VŨNG XUYÊN TẶNG TÚ TÀI BÙI ĐỊCH

Núi lạnh chuyển sang màu thắm xanh,
Nước mùa thu dòn về lò đờ chảy.
Chông gậy đứng ngoài cửa rong,
Qua gió nghe tiếng ve kêu chiều tối.
Đầu bên le lói ánh mặt trời lặn,
Phía gò bốc lên một đám khói quạnh hiu.
Giá được như Tiếp Dư lúc say,
Hát ngông trước ông Ngũ Liễu.

⁽¹⁾ Vŭng Xuyên: Theo *Đường thư Vương Duy truyện*, Vương Duy lánh ra ở Vŭng Xuyên, đất rất đẹp, có đôi Hoa Tử, quán Trúc Lý, rừng liễu, gặp mùa hái thù du, cùng Bùi Địch dạo chơi xướng họa thơ phú.

⁽²⁾ Khư lý: Trong gò... Thơ Đào Tiềm: "Noãn noãn viễn nhân thôn, y y khư lý yên"... nghĩa là: ấm áp những làng xa, khói gò bay với vợi.

⁽³⁾ Ngũ Liễu tiên sinh: Đào Tiềm, nơi ở của ông hay trồng liễu.

Địch thơ:

NĂM NHÀN Ở VÔNG XUYỀN

*Núi lạnh, dần xanh thắm,
Nước thu dâng, chảy vèo
Cửa rộng, chống gậy ngóng,
Gió thoảng tiếng ve chiều.
Đầu bên tràn nắng đoài,
Gò xa tia khói nào?
Tiếp Dư say giá gặp.
Hát ngao trước ông Đào.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

NHÀN CƯ Ở VÔNG XUYỀN

*Màu xanh núi lạnh đổi thay,
Nước thu cuộn cuộn ngày ngày chảy xuôi,
Cửa sài chống gậy đứng ngoài,
Buổi chiều hứng gió nghe hoài tiếng ve,
Mặt trời sắp lặn bên kia,
Hương thôn ngọn khói khác gì mây bay.
Gặp Tiếp Dư lúc rượu say,
Hát ngông trước đám năm cây liễu già.*

山居秋暝

空 山 新 雨 後
天 氣 晚 來 秋
明 月 松 間 照
清 泉 石 上 流
竹 喧 歸 浣 女
蓮 動 下 漁 舟
隨 意 春 芳 歇
王 孫 自 可 留

107. SƠN CƯ THU MỈNH

Không sơn tân vũ hậu,
Thiên khí vẫn lai thu
Minh nguyệt từng gian chiếu,
Thanh tuyền thạch thượng lưu
Trúc huyên quy cán nữ,
Liên động há ngư chu.
Tùy ý⁽¹⁾ xuân phương yết
Vương tôn tự khả lưu.

Dịch nghĩa:

NHÀ NÚI ĐÊM THU

*Mùa thu sương mờ
Núi vắng sau cơn mưa mới.
Bầu trời chiều mùa thu vừa sang,
Trăng sáng chiếu trong đám cây tùng.
Nước trong chảy chồm trên đá,
Tre vi vút, đám con gái giặt the trở về.
Sen động, thuyền chài vừa xuôi xuống.
Theo ý mà chơi, hương xuân đã hết,
Đám vương tôn tự mình ở lại đây.*

Dịch thơ:

NHÀ NÚI ĐÊM THU

*Sau mưa mới, núi vắng,
Se mát, trời chớm thu.
Trăng sáng, bãi tùng chiếu,
Nước trong vờn đá khe.*

⁽¹⁾ Tùy ý: Thơ Tiết Đạo Hành: "Đình thảo vô nhân tùy ý lục", nghĩa là: Cỏ sân không người tùy ý xanh. *Sở từ* có câu: "Vương tôn du hề tùy ý, Phương thảo sinh hề thể thể", nghĩa là: Cuộc chơi của vương tôn hề tùy ý, cỏ xuân mọc hề mọc mà...

Trúc đưa, ai giặt áo,
 Sen động, ló thuyền ngư.
 Xuân hết, chơi tùy ý,
 Vương tôn nán ná về.

歸嵩山作

清 川 帶 長 薄
 車 馬 去 閑 閑
 流 水 如 有 意
 暮 禽 相 與 還
 荒 城 臨 古 渡
 落 日 滿 秋 山
 迢 遞 嵩 高 下
 歸 來 且 閉 關

108. QUY TUNG SƠN⁽¹⁾ TÁC

Thanh xuyên đá trường bạc,
 Xa mã khứ nhàn nhàn.
 Lưu thủy như hữu ý,
 Mộ cầm tương dữ hoàn.
 Hoang thành lâm cổ độ,
 Lạc nhật mãn thu san.
 Thiều đệ Tung Cao hạ,
 Quy lai thả bế quan.

Dịch nghĩa:

VỀ NÚI TUNG LÀM RA

Sông trong luôn qua rừng thưa,
 Ngựa xe nhàn nhã đi trên đường.

⁽¹⁾ Tung Sơn: Núi Tung. Theo Nguyên Hòa quận huyện chí, núi Tung Cao ở phía tây bắc cách huyện Cảo Thành, phủ Hà Nam, cách huyện Đẳng Phong tám dặm, là một ngọn núi nổi tiếng.

*Dòng nước dường như có ý,
Chim chiều như muốn chờ nhau cùng về.
Thành hoang gần kề với bến đò xưa,
Mặt trời tà, chiều khắp núi mùa thu,
Núi Tung Cao thăm thẳm,
Ta về đóng cửa lại.*

Dịch thơ:

THƠ LÀM KHI VỀ NÚI TUNG

*Sông trong luồn rừng mỏng,
Thùng thẳng kia ngựa xe.
Dòng nước chừng có ý,
Chim chiều đợi ta về.
Thành hoang kề bến cũ,
Ráng đỏ núi thu hoe,
Núi Tung nơi xa thẳm
Cài then gọi chẳng ra!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

THƠ LÀM KHI VỀ TUNG SƠN

*Suối trong quanh giữa rừng thưa,
Ngựa xe đi đó từ từ thẩn thơ.
Nước trôi có ý đón chờ,
Chim muông dường muốn đợi ta cùng về.
Thành hoang cạnh bến đò kia,
Bóng chiều đã rọi khắp rìa núi thu.
Non Tung thăm thẳm nhấp nhô,
Vè đây đóng cửa để tu mới mau.*

終南山

太乙近天都

連山到海隅
白雲迴望合
青靄入看無
分野中峰變
陰晴眾壑殊
欲投人處宿
隔水問樵夫

109. CHUNG NAM SƠN

Thái Ất⁽¹⁾ cận thiên đô,
Liên sơn đảo hải ngu
Bạch vân hồi vọng hợp
Thanh ái⁽²⁾ nhập khan vô.
Phân dã⁽³⁾ trung phong biến
Âm tình chúng hác thù
Dục đầu nhân xứ túc
Cách thủy vấn tiều phu.

Dịch nghĩa:

NÚI CHUNG NAM

*Núi Thái Ất, gần kinh đô,
Núi liền đến tận góc biển.
Mây trắng bay quanh rồi lại hợp,
Khí biển bay vào nhà mà nhìn không thấy.
Nơi chia cỗi, núi biển ảo,
Bóng râm tạnh những hang núi hiện ra.*

⁽¹⁾ Thái Ất: Núi Thái Ất, một tên khác gọi núi Chung Nam, ở huyện Vũ Công, Phù Phong, cũng là một danh thắng (theo *Ngũ kinh yếu nghĩa*).

⁽²⁾ Thanh ái: Khí biếc xanh. Thơ Giang Yêm: Hư đường khởi thanh ái. Yêm tử sinh mộ vân... Nhà hồng hơi đất bốc xanh. Núi non sinh mây chiều...

⁽³⁾ Phân dã: Chia cỗi. Vùng Chung Nam đất rộng, phải mượn sao trời chia cỗi, theo sách ghi thì lấy sao Dục và sao Chấn.

Muốn tìm đến nơi có người mà ngủ,
Cách sông hỏi người kiếm củi.

Dịch thơ:

NÚI CHUNG NAM

Thái Ất gần thiên đô
Núi lan tận góc biển.
Hợp tan, mây trắng quẩn,
Khí biển, có mà không!
Ranh giới phân, núi ảo,
Râm tan, rõ động hang.
Muốn tìm nơi ghé ngủ,
Cách nước hỏi sơn tràng.

酬張少府

晚 年 惟 好 靜
萬 事 不 關 心
自 顧 無 長 策
空 知 返 舊 林
松 風 吹 解 帶
山 月 照 彈 琴
君 問 窮 通 理
漁 歌 入 浦 深

110. THÙ TRƯỞNG THIẾU PHỦ

Văn niên duy hiếu tĩnh,
Vạn sự bất quan tâm,
Tự cố vô trường sách,
Không tri phản cự lâm.
Tùng phong suy giải đới,
Sơn nguyệt chiếu đàn cầm.

Quân vắn cùng thông lý,
Ngư ca nhập phổ thâm.

Dịch nghĩa:

ĐÁP LẠI TRƯƠNG THIẾU PHỦ

*Tuổi già duy chỉ thích tĩnh lặng,
Muôn việc đều không để ý.
Tự nhìn lại chợt thấy chẳng có kẻ sách gì hay.
Những mong trở lại nơi rừng cũ
Gió từng thổi, cỏ dây lưng,
Dưới bóng trăng núi, gảy đàn cầm
Bác hỏi lẽ cùng thông,
Lời hát của ông chài đã lọt sâu vào bên.*

Dịch thơ:

ĐÁP LẠI TRƯƠNG THIẾU PHỦ

*Tuổi già ưa tĩnh lặng
Muôn việc chẳng bận tâm.
Ngoái lại, kẻ hay hiếm
Về rừng cũ, ước thăm.
Gió thông, giải lưng cỏ,
Trăng giài, gảy đàn cầm
Bác hỏi cùng thông nhỉ!
Bến sông, ông chài ngâm.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐÁP LẠI TRƯƠNG THIẾU PHỦ

*Về già hiếu tĩnh một lòng
Cuộc đời muôn việc bỏ không đoái hoài.
Nhìn quanh chẳng thấy chước hay.
Luống mong về nghỉ ở ngay rừng nhà.*

*Gió từng đai cỏi phát phơ,
Tiếng cầm dưới nguyệt, mấp mờ non cao.
Lý cùng thông, hỏi chi đâu
Giọng ca ngư phủ lọt vào bên xa.*

過香積寺

不 知 香 積 寺
數 里 入 雲 峰
古 木 無 人 徑
深 山 何 處 鐘
泉 聲 咽 危 石
日 色 冷 青 松
薄 暮 空 潭 曲
安 禪 制 毒 龍

111. QUÁ HƯƠNG TÍCH TỰ

Bất tri Hương Tích tự⁽¹⁾
Số lý nhập vân phong
Cổ mộc vô nhân kính
Thâm sơn hà xứ chung?
Tuyền thanh yết nguy thạch
Nhật sắc lãnh thanh tùng.
Bạc mộ không đàm khúc
An thiền⁽²⁾ chế độc long⁽³⁾.

⁽¹⁾ Hương Tích tự: Chùa Hương Tích: Theo *Ung lục*: Chùa Hương Tích ở hang Tý Ngọ, hướng chính bắc (thuộc tỉnh Thiểm Tây).

⁽²⁾ An thiền: Phép thiền mâu nhiệm. *Nam chinh phú*: "Lệnh chúc thất dĩ an thiền," nghĩa là (Phật) liền sai dựng nhà để tu luyện phép mâu.

⁽³⁾ Độc long: Rồng ác. Theo *Pháp uyển châu lâm*. Trong núi Tây Phương có đầm, rồng ác trú ngụ. Đám người đi buôn trú ở đây bị rồng hại, sau có thầy tu đạo Bà La Môn, luyện phép thiền, trị được rồng, không cho hại người.

Dịch nghĩa:

QUA CHÙA HƯƠNG TÍCH

*Không biết chùa Hương Tích ở chỗ nào,
Vài dặm đường đã dẫn vào núi và mây
Cây lâu đời, không đường người đi
Tiếng chuông nào như ở vùng rất xa.
Tiếng suối oà vọt ra từ bãi đá,
Ánh mặt trời lạnh lẽo trên hàng tùng xanh.
Chiều nắng nhạt, chỗ đầm vắng quanh co,
Phép thiền màu nhiệm đã chế ngự được loài rồng dữ.*

Dịch thơ:

QUA CHÙA HƯƠNG TÍCH

*Nào biết chùa Hương Tích!
Núi mây mấy dặm đường.
Rừng già không thấy lối,
Chuông xứ nào vọng sang?
Tiếng suối trườn bờ đá,
Nắng hoe, lạnh bãi tùng,
Chiều hôm, đầm quanh quẽ,
Màu nhiệm, thiền trị rồng.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

QUA CHÙA HƯƠNG TÍCH

*Chẳng hay Hương Tích chùa đâu,
Trèo lên mấy dặm, núi cao mây hồng.
Một đường cây cổ, vắng không,
Chuông đâu nghe vắng chỗ cùng non xa.
Tiếng khe bên oà tuôn ra,
Vẻ trời lạnh lẽo bờ thờ cây thông.
Chiều hôm đầm vắng uốn vòng,
Phép thiền màu nhiệm, độc long ép mình.*

送梓州李使君

萬壑樹參天
千山響杜鵑
山中一夜雨
樹杪百重泉
漢女輸幢布
巴人訟芋田
文翁翻教授
不敢倚先賢

112. TỔNG TỬ CHÂU⁽¹⁾ LÝ SỨ QUÂN

Vạn hác thụ tham thiên,
Thiên sơn hưởng đồ quyền.
Sơn trung nhất dạ vũ
Thụ diêu bách trùng tuyên.
Hán nữ thâu chàng bố⁽²⁾
Ba nhân tụng vu điền⁽³⁾
Văn Ông⁽⁴⁾ phiên giáo thụ
Bất cảm ý tiên hiền.

Dịch nghĩa:

TIỀN TỬ CHÂU LÝ SỨ QUÂN

Muôn hang hóc cây lẫn cả vào trời,

⁽¹⁾ Tử Châu: Theo *Đường thư địa lý chí*, Tử Châu, tức quận Tân Đông vốn trước nữa là quận Tân Thành, đầu năm Thiên Bảo đổi tên. Theo *Nhất thống chí*, châu Đồng Xuyên ở Tứ Xuyên, là đất Tân Châu đời Đường.

⁽²⁾ Chàng bố: Vải lanh. Chàng là một loại cây trên núi, như cây lanh. Dân núi trồng lấy sợi để dệt vải. Theo *Nguyên Hoà chí*, đất Tân Châu phải nộp loại vải này mỗi hộ một tấm.

⁽³⁾ Vu điền: Theo *Quách Nghĩa cung quảng chí*. Ruộng ở men các bãi sông quanh co dọc các triền núi, dân khai khẩn, trồng lương thực, rất khó khăn. Triều đình bắt thuế, dân kiện không chịu.

⁽⁴⁾ Văn Ông: Một vị quan đất Thục, thấy dân ít học hành, ít người đỗ đạt, ông đã tập hợp đám người thông minh gửi lên kinh học, lại mở trường lo chuyện dạy dỗ con em đất Thục.

Nghìn ngọn núi vang lên tiếng chim đỗ quyên
 Một đêm mưa trong núi,
 Nước từ cây tuôn như hàng trăm con suối,
 Gái Hán chờ vải lanh,
 Người đất Ba kiện về ruộng rìa núi,
 Ngài Văn Ông, đã khuấy lên nghề dạy học,
 Chẳng dám sánh với các bậc tiên hiền.

Dịch thơ:

TIỀN TỬ CHÂU LÝ SỬ QUÂN

Góc rừng, cây lán trời xanh,
 Đỗ quyên kêu rộn cả nghìn núi xa,
 Trận mưa trong núi đêm qua,
 Trăm con suối, bỗng chảy oà dưới cây
 Vải thô gái Hán chờ đây,
 Người Ba dâng kiện đất cày núi xa.
 Văn Ông giáo hoá đặt ra,
 Dám đâu sánh với thừa xưa tiên hiền.

漢江臨眺

楚	塞	三	湘	接
荆	門	九	派	通
江	流	天	地	外
山	色	有	無	中
郡	邑	浮	前	浦
波	瀾	動	遠	空
襄	陽	好	風	日
留	醉	與	山	翁

113. HÂN GIANG⁽¹⁾ LÂM THIÊU

Sở tái Tam Tương⁽²⁾ tiếp
Kinh Môn cửu phái thông
Giang lưu thiên địa ngoại,
Sơn sắc hữu vô trung.
Quận áp phù tiền phố
Ba lan động viễn không
Tương Dương hảo phong nhật⁽³⁾
Lưu túy dữ sơn ông⁽⁴⁾.

Địch nghĩa:

NHÌN RA SÔNG HÂN

*Cửa ải nước Sở tiếp với Tam Tương,
Đất Kinh Môn chín dòng thông suốt với nhau
Sông tưởng như chảy ra ngoài cõi đất bằng
Chỉ có sắc núi lúc có, lúc không
Quận áp thì bên thuyền nổi ngay đằng trước
Sóng nước động đến tận trời xa
Tương Dương được ngày đẹp,
Ở lại say cùng người đất núi.*

Địch thơ:

TRÔNG VỚI SÔNG HÂN

*Ái Sở tiếp Tam Tương,
Kinh Môn thông chín dòng.*

⁽¹⁾ Hân Giang: Sông Hân, phát nguyên từ Lũng Tây, chảy đến bắc thành Tương Dương.

⁽²⁾ Tam Tương: Theo *Hoán vũ ký*. Tam Tương gồm Tương Đàm, Tương Hương và Tương Âm.

⁽³⁾ Phong nhật: Ngày đẹp trời. Thơ Dữu Tín: "Hà dương hảo phong nhật, cực vọng Tráng Sa thủy", nghĩa là sao không nhân ngày đẹp trời mà ngắm vùng Tráng Sa!

⁽⁴⁾ Sơn ông: Theo *Tấn thư Sơn Giản truyện*: Sơn Giản trần thủ Tương Dương, có ao vườn đẹp, thường bày tiệc rượu đãi bạn bè và những người trong vùng.

Nước trôi ngoài đất rộng,
 Sắc núi có rồi không.
 Ấp quận, nổi bên trước,
 Chân trời động sóng dâng.
 Tương Dương được ngày đẹp,
 Say uống cùng sơn ông.

終南別業

中 歲 頗 好 道
 拿 家 南 山 陞
 興 來 每 獨 往
 勝 事 空 自 知
 行 到 水 窮 處
 坐 看 雲 起 時
 偶 然 值 林 叟
 談 笑 無 還 期

114. CHUNG NAM BIỆT NGHIỆP

Trung tuế phả hiếu đạo,
 Văn gia Nam sơn thù,
 Hứng lai mỗi độc vãng,
 Thắng sự không tự tri.
 Hành đáo thủy cùng xứ
 Tọa khan vân khởi thì,
 Ngẫu nhiên trị lâm tảo
 Đàm tiếu vô hoàn kỳ.

Dịch nghĩa:

BIỆT NGHIỆP Ở CHUNG NAM

*Tuổi trung niên mới ham đạo,
 Tuổi già làm nhà gần cõi Nam sơn (tu hành)*

Hứng đến, một mình dạo chơi,
Thú vui chỉ mỗi mình mình hay.
Đi đến chỗ tận cùng nước chảy
Ngồi nhìn lúc mây đang đùn lên.
Chợt gặp ông lão trong rừng,
Cười nói đến cả quên cả về.

Dịch thơ:

THÔI SỰ NGHIỆP Ở CHUNG NAM

Đứng tuổi mới ham dạo,
Già về núi Nam này.
Dạo chơi khi hứng đến,
Vui thú chỉ mình hay.
Đến tận cùng nước chảy
Ngồi ngắm phút dâng mây
Chợt gặp ông già núi
Nói cười quên hết ngày.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BIỆT NGHIỆP Ở CHUNG NAM

Mùi thiền đứng tuổi mới ham.
Về già ở cạnh núi Nam tu hành,
Hứng đi lui thui vọng tình,
Thú vui chỉ có một mình mình hay.
Ngồi nhìn những lúc mây bay,
Đi theo suối nước tới ngay chỗ cùng.
Đường rừng chợt gặp lão ông,
Vui cười trò chuyện quên không trở về.

MẠNH HẠO NHIÊN

臨 洞 庭 湖 上 張 丞 相

八 月 湖 水 平
涵 虛 混 太 清
氣 蒸 雲 夢 澤
波 撼 岳 陽 城
欲 濟 無 舟 楫
端 居 恥 聖 明
坐 觀 垂 釣 者
徒 有 羨 魚 情

115. LÂM ĐỘNG ĐÌNH⁽¹⁾ HỒ THƯỢNG TRƯƠNG THỪA TƯỚNG⁽²⁾

Bát nguyệt hồ thủy bình,
Hàm hư hỗn thái thanh⁽³⁾
Khí trung Vân Mộng⁽⁴⁾ trạch,
Ba hám Nhạc Dương thành,
Dục tế vô chu tiếp,
Đoan cư sỉ thánh minh.
Tọa khan thùy điều giả,
Đồ hữu tiện ngư tình⁽⁵⁾.

Dịch nghĩa:

ĐỀN ĐỘNG ĐÌNH DÂNG LÊN TRƯƠNG THỪA TƯỚNG

*Tháng tám mặt hồ phẳng lặng,
Trời nước hoà vào nhau một màu xanh.*

⁽¹⁾ Động Đình: Theo *Thủy kinh chú*, hồ Động Đình, chu vi rộng tới trên năm trăm dặm.

⁽²⁾ Túc Trương Cửu Linh.

⁽³⁾ Thái thanh: Tức là trời.

⁽⁴⁾ Vân Mộng: Đầm đẹp ở nam Kinh Châu.

⁽⁵⁾ Tiện ngư tình: Theo *Hoài nam tử*: "Lâm uyên tiện ngư bắt như quy gia chức vãng", nghĩa là: "Đến đầm xin cá chi bằng về nhà dệt lưới".

Hơi bốc lên ở đầm Vân Mộng,
Sóng vỗ mạnh bên thành Nhạc Dương.
Muốn qua nhưng đường thuyền bị nghẽn,
Đời thịnh trị luống xấu hổ với đức vua.
Ngồi nhìn những người câu cá.
Những mong có niềm vui đánh được cá!

Dịch thơ:

ĐẾN HỒ ĐỘNG ĐÌNH

Tháng tám nước hồ lặng,
Nước trời xanh một bầu
Hơi nhoà đầm Vân Mộng,
Sóng đập thành Nhạc Dương.
Thuyền nghẽn không qua nổi,
Ơn vua, luống then thùng
Nhìn người buông cần đợi.
Được cá, lòng những mong.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐẾN ĐỘNG ĐÌNH HỒ

Mặt hồ tháng tám phẳng bằng,
Nước trời hỗn hợp một vàng trong xanh
Khí đầm Vân Mộng bao quanh,
Tròng trành sóng lượn lay thành Nhạc Dương
Muốn qua thuyền vắng nghẽn đường,
Ở dừng đời trị then thùng mây râu.
Ngồi nhìn những kẻ buông câu,
Luống công mong cá, có màu gì đâu.

與諸子登峴山

人事有代謝
往來成古今
江山留勝跡
我輩復登臨
水落魚梁淺
天寒夢澤深
羊公碑尚在
讀罷淚沾襟

116. DỪ CHU TỬ ĐĂNG HIỆN SƠN

Nhân sự hữu đại tạ,
Vãng lai thành cổ kim
Giang sơn lưu thắng tích,
Ngã bối phục đăng lâm
Thủy lạc ngư lương⁽¹⁾ thiển
Thiên hàn Mộng Trạch⁽²⁾ thâm
Dương công bi⁽³⁾ thượng tại,
Độc bãi lệ triêm khâm.

Dịch nghĩa:

CÙNG CÁC BẠN LÊN HIỆN SƠN

Với đời có lúc lên xuống,
Qua lại đã thành chuyện xưa nay.
Núi sông lưu giữ cảnh đẹp,
Để chúng mình hôm nay tới thăm.
Nước rút, hồ phơi bãi nổi.

⁽¹⁾ Ngư lương: Bãi trên sông, nơi ở của Bàng Đức, tướng của Tào Tháo.

⁽²⁾ Mộng Trạch: Đầm Mộng tức đầm Vân Mộng.

⁽³⁾ Bia Dương Công: Theo *Tấn thư Dương Hổ truyện*: Dương Hổ dời Tấn, trấn giữ Tương Dương, được lòng dân, khi mất, người đương thời dựng bia ở Hiện Sơn. Người đời sau ai đọc bia cũng cảm động khóc, nên gọi là Trụy lệ bi (Bia rơi nước mắt)

Trời lạnh, đầm Mộng như sâu thêm
Bia Dương Công vẫn còn đây
Độc xong nước mắt đầm vật áo.

Dịch thơ:

CÙNG CÁC BẠN LÊN HIỆN SƠN

Việc đời có thay đổi,
Qua, lại vốn xưa nay!
Sông núi lưu cảnh đẹp
Bọn ta thăm buổi này!
Nước lui bờ bãi nổi
Trời lạnh đầm Mộng đầy!
Độc hết bia Dương Hồ
Lệ đầm vật áo ai.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

CÙNG MẤY NGƯỜI LÊN NÚI HIỆN SƠN

Việc đời thắm thoát đổi thay,
Tôi lui qua lại, xưa nay là nền.
Núi sông, thắng tích giữ nguyên,
Chúng ta nay được đi lên xem tường,
Nước lui bờ cá ngồn ngang,
Lạnh trời, đầm Mộng coi dường như sâu.
Dương Công bia nọ bấy lâu,
Độc xong, nước mắt chảy dào thắm khăn.

題義公禪房

義	公	習	禪	寂
結	宇	依	空	林
戶	外	一	峰	秀
階	前	眾	壑	深

夕陽連雨足
空翠落庭陰
看取蓮花淨
方知不染心

117. ĐỀ NGHĨA CÔNG THIỀN PHÒNG

Nghĩa Công⁽¹⁾ tập thiền tịch,
Kết vũ, y không lâm.
Hộ ngoại, nhất phong tú,
Giai tiền chúng hác thâm.
Tịch dương liên vũ túc,
Không túy lạc đình âm.
Khán thủ liên hoa tĩnh,
Phương tri bất nhiễm tâm.

Địch nghĩa

ĐỀ PHÒNG THIỀN CỦA NGHĨA CÔNG

*Nghĩa Công chăm chú nghiên cứu thiền học,
Làm nhà ở mãi phía rừng sâu.
Cửa ngoài, một ngọn núi rất thanh tú
Trước thềm có nhiều rãnh nước sâu
Bóng chiều xen với cơn mưa,
Trời xanh, sân rớt vào bóng mát
Xem hoa sen, biết là thanh tĩnh,
Mới hay lòng sư thật trong trắng.*

Địch thơ:

ĐỀ PHÒNG THIỀN CỦA NGHĨA CÔNG

*Nghĩa Công chăm chú học thiền,
Cuối rừng dựng túp phòng riêng mé ngoài.*

⁽¹⁾ Nghĩa Công: Tên một nhà sư nổi tiếng đời Đường, bạn của Mạnh Hạo Nhiên.

Núi non một dải xanh tươi,
 Nước reo cảnh lạ thanh thoi trước thềm!
 Dứt mưa, trời đã nắng lên
 Tầng xanh toả bóng sân thiền mát sao!
 Ngắm sen, thanh tịnh nhường bao
 Lòng sự trong trắng sạch lâu như gương.

宴梅道士山房

林臥愁春盡
 攀帷覽物華
 忽逢青鳥使
 邀入赤松家
 金灶初開火
 仙桃正發花
 童顏若可駐
 何惜醉流霞

118. YÊN MAI ĐẠO SĨ SON PHÒNG

Lâm ngoạn sâu xuân tận,
 Khiên duy lâm vật hoa.
 Hốt phùng thanh điểu sứ,
 Yêu nhập Xích Tùng gia!
 Kim táo sơ khai hỏa,
 Tiên đào chính phát hoa.
 Động nhan nhược khả trú,
 Hà tích túy lưu hà⁽¹⁾.

Dịch nghĩa

TIỆC RƯỢU Ở SON PHÒNG CỦA ĐẠO SĨ HỌ MAI

Ngồi trong rừng, nổi sầu mùa xuân đã hết,

⁽¹⁾ Lưu hà: Rượu thần. Xưa có tiên bay lên mặt trăng, dúi một, uống rượu thần sức như trẻ lại.

Vén rèm ngắm cảnh vật và hoa.
 Chợt gặp chim xanh đến đưa tin,
 Mời vào nơi ở của ông tiên Xích Tùng.
 Luyện đan, bếp lửa mới nhóm,
 Đào tiên thì đang ra hoa.
 Nếu như cứ trẻ luôn mãi,
 Việc gì mà phải uống say rượu tiên.

Dịch thơ:

UỐNG RƯỢU Ở NHÀ NÚI CỦA MAI ĐẠO SĨ

Ở rừng, buồn xuân hết,
 Rèm vén, ngắm cỏ hoa.
 Tin tốt, chim xanh đến,
 Xích Tùng Tử mời qua!
 Luyện đan, lò mới nhóm,
 Đào tiên vừa ra hoa,
 Người già luôn trẻ mãi,
 Rượu thần cần chi mà!

歲暮歸南山

北	闕	休	上	書
南	山	歸	敝	廬
不	才	明	主	棄
多	病	故	人	疏
白	髮	催	年	老
青	陽	逼	歲	除
永	懷	愁	不	寐
松	月	夜	窗	墟

119. TUỆ MỘ QUY NAM SƠN

Bắc khuyết hữu thưởng thư,

Nam sơn⁽¹⁾ quy tộ lư
Bất tài minh chủ khí
Đa bệnh cố nhân sơ.
Bạch phát thôi niên lão,
Thanh dương⁽²⁾ bức tuế trừ.
Vĩnh hoài sầu bất mị,
Tùng nguyệt dạ song hư.

Dịch nghĩa:

CUỐI NĂM VỀ NÚI CHUNG NAM

Cửa khuyết dừng dăng thư nữa,
Hãy về túp nhà nát ở núi Chung Nam.
Vì chẳng có tài nên vua sáng không dùng,
Hay ốm nên bạn cũ thưa dần.
Tóc trắng như giục cái già mau đến,
Tiết mùa xuân làm cho năm tháng chóng hết.
Nghĩ ngợi hoài không ngủ vì buồn,
Trăng lấp ló ngọn tùng, cửa sổ bỏ ngỏ.

Dịch thơ:

VỀ NÚI CHUNG NAM

Thôi dừng cửa khuyết dăng thư,
Chung Nam lều cỏ sao chưa chịu về?
Bất tài vua đã chán chê,
Bệnh nhiều rồi cũng dần thưa bạn bầu,
Già mau, tóc đã trắng đầu,
Tiết xuân, năm tháng cơ màu chóng qua.
Buồn đau, ngủ nổi đâu mà,
Ngỏ tung song cửa, trăng nhòa ngọn thông.

⁽¹⁾ Chung Nam sơn: núi Chung Nam, ở tỉnh Thiểm Tây.

⁽²⁾ Thanh dương: Khí ẩm dầu xuân.

TRỞ VỀ NÚI CHUNG NAM

Cổng bắc dừng dăng giấy,
Non Nam hãy lại nhà,
Kèm tài, vua chúa bỏ,
Hay ốm, bạn bè xa.
Tóc bạc, đưa già đến,
Ngày xuân, giục tết qua.
Bâng khuâng nằm chẳng ngủ,
Cửa ngõ, bóng trăng tà.

過故人莊

故 人 具 雞 黍
邀 我 至 田 家
綠 樹 村 邊 合
青 山 郭 外 斜
開 軒 面 場 圃
把 酒 話 桑 麻
待 到 重 陽 日
還 來 就 菊 花

120. QUÁ CỔ NHÂN TRANG

Cổ nhân cụ kê thử⁽¹⁾,
Yêu ngã chí điền gia.
Lục thụ thôn biên hợp,
Thanh sơn quách ngoại tà,
Khai hiên diện trường phổ,
Bả tửu thoại tang ma

⁽¹⁾ Kê thử: Gà, gạo. Theo *Hán thư*, Phạm Thúc, người Kim Hương chơi với Trương Thiệu ở Nhữ Dương, khi học ở nhà Thái Học, Thúc về quê hẹn hai năm sau lên. Đúng ngày hẹn, Thiệu nói với mẹ cho thịt gà thối xôi chờ. Quả nhiên Thúc đến.

Đãi đãi trùng dương nhật,
Hoàn lai tựu cúc hoa.

Dịch nghĩa:

QUA TRANG TRẠI CỦA BẠN CŨ

*Bạn cũ đã sẵn gà, sẵn gạo nếp,
Mời ta đến nhà ở quê,
Quanh xóm, cây xanh phủ,
Núi biếc nghiêng nghiêng ngoài thành,
Mở rèm hiên nhìn ra vườn tược,
Cầm chén rượu nói chuyện về dâu, đây
Hẹn nhau đến tiết trùng dương
Sẽ trở lại xem hoa cúc.*

Dịch thơ:

QUA TRANG TRẠI CỦA BẠN CŨ

*Đủ gà, đủ gạo cả rồi,
Gian nhà quê, bạn đón mời ta sang.
Cây xanh phủ rợp quanh làng,
Nghiêng nghiêng núi biếc xếp hàng ngoài xa.
Đầu hiên, vườn tược la đà,
Chén nâng, câu chuyện toàn là dâu, đây.
Trùng dương tiết đẹp hẹn ngày,
Đón hoa cúc nở, về đây xem cùng.*

Bản dịch của Châu Giang và Tương Như:

QUA TRANG TRẠI NGƯỜI BẠN CŨ

*Đủ gà, đủ gạo nếp,
Bạn mời ta đến nhà.
Quanh làng cây san sát,
Ngoài lũy, núi tà tà,*

Cửa nhòm, cảnh vườn tược,
Rượu hứng chuyện tâm tơ,
Hẹn đến ngày trùng cửu,
Về xem cúc nở hoa.

秦中寄遠上人

一丘嘗欲臥
三徑苦無資
北土非吾願
東林懷我師
黃金燃桂盡
壯志逐年衰
日夕涼風至
聞蟬但益悲

121. TÀN TRUNG KÝ VIÊN THƯỢNG NHÂN

Nhất khâu thường dục ngoạ,
Tam kính⁽¹⁾ khổ vô tư.
Bắc thổ phi ngô nguyện,
Đông lâm⁽²⁾ hoài ngã sư.
Hoàng kim nhiên quế⁽³⁾ tận,
Tráng chí trực niên suy
Nhật tịch lương phong chí,
Văn thiên dẫn ích bi.

Dịch nghĩa:

TRONG ĐẤT TÀN, GỬI NHÀ SƯ Ở XA

Một đốm gò thường muốn ở lại,

⁽¹⁾ Tam kính: Ba luống cúc Theo *Tản thư Đào Tiềm truyện*: Đào Tiềm, tự lo cây cúc để chữa bệnh, sau lại bị vờ ra làm Trần Quân Kiên Uy tham quân, ông bảo người thân rằng: Ta muốn ở sau ba luống cúc mà cũng không được!

⁽²⁾ Đông lâm: Rừng đông, nơi xa kinh thành, các vị cao tăng tu ở đấy.

⁽³⁾ Nhiên quế: Đốt quế, lấy tích gạo châu, củi quế!

Chẳng có của cải gì, chỉ ba luống cúc!
 Đất Bắc không phải là nơi ta muốn ở,
 Rừng Đông luôn nhớ đến thầy của ta,
 Vàng đã đốt hết củi quế!
 Chí khí mạnh mẽ ngày một giảm,
 Đêm ngày gió mát thổi đến,
 Nghe tiếng ve thêm ảo não.

Dịch thơ:

ĐẤT TÀN, GỬI CHO NHÀ SƯ Ở XA

Gò cao thềm dựng nhà
 Cửa không, ba luống cúc,
 Với ta, đâu đất Bắc!
 Rừng Đông nhớ thầy ta.
 Vàng ròng mua củi quế,
 Chí lớn dần ngãng ra.
 Sớm tối hóng gió mát,
 Thêm buồn nghe tiếng ve.

宿桐廬江寄廣陵舊遊

山	暝	聽	猿	愁
滄	江	急	夜	流
風	鳴	雨	岸	葉
月	照	一	孤	舟
建	德	非	吾	土
維	揚	憶	舊	遊
還	將	兩	行	淚
遙	寄	海	西	頭

122. TÚC ĐỒNG LƯ⁽¹⁾ GIANG KÝ QUẢNG LĂNG CỰ DU

Sơn minh thánh viên sầu,
Thương giang cấp dạ lưu.
Phong minh lưỡng ngạn điệp,
Nguyệt chiếu nhất cô chu.
Kiến Đức⁽²⁾ phi ngô thổ,
Duy dương⁽³⁾ ức cự du,
Hoàn tương lưỡng hàng lệ,
Giao ký hải tây đầu.

Dịch nghĩa:

NGŨ Ở SÔNG ĐỒNG LƯ NHỚ BẠN CŨ Ở QUẢNG LĂNG

Núi âm u nghe vượn kêu buồn,
Sông lạnh đêm chảy gấp về xuôi,
Gió khua hai bên bờ lá,
Trăng dõi một con thuyền lẻ loi.
Kiến Đức không phải đất của ta
Lòng càng thêm nhớ bạn bè cũ ở Duy Dương
Xin đem hai hàng nước mắt,
Xa gửi đến đầu biển phía tây.

Dịch thơ:

NGŨ Ở SÔNG ĐỒNG LƯ, NHỚ BẠN CŨ Ở QUẢNG LĂNG

Núi âm u, vượn kêu buồn,
Dòng sông lạnh lẽo đang trườn về xuôi,
Đôi bờ lá, gió rung hoài,
Một con thuyền lẻ, trăng soi dải dài đầu.

⁽¹⁾ Đồng Lư: Theo *Đường thư địa lý chí* huyện Đồng Lư ở quận Tân Định, Lục Châu.

⁽²⁾ Kiến Đức: Tên đất. Theo *Hán thư địa lý chí*. Lục Châu, đất nhà Tùy, còn gọi là An Quận, năm Vũ Đức thứ 4 đổi là Lục Châu, niên hiệu Vạn Tuế Đăng phong thứ hai, đổi là Kiến Đức.

⁽³⁾ Duy Dương: Theo *Nhất thống chí*. Huyện Duy Dương tức là phủ Dương Châu quận Quảng Lăng, tên cổ là Duy Dương.

*Kiến Đức phải đất ta đâu,
Duy Dương thương nhớ bạn bầu quý thân.
Xin đem nước mắt hai hàng,
Phía tây đầu biển gửi sang buổi này.*

留別王維

寂寂竟何待
朝朝空自歸
欲尋芳草去
惜與故人違
當路誰相假
知音世所稀
祇應守寂寞
還掩故園扉

123. LƯU BIỆT VƯƠNG DUY

Tịch tịch cánh hà đải,
Triêu triêu không tự quy.
Dục tầm phương thảo khứ,
Tích dữ cố nhân vi.
Đương lộ⁽¹⁾ thùi tương giả,
Tri âm thể sở hi.
Chỉ ưng thủ tịch mịch,
Hoàn yểm cố viên phi.

Dịch nghĩa:

THƠ CHIA TAY VỚI VƯƠNG DUY

*Hiu quạnh há đợi nó đến chẳng?
Sớm sớm luống công đi về,
Muốn đi tìm nơi cỏ thơm,*

⁽¹⁾ Đường lộ: đang trên đường; Mạnh Tử: "Phu tử đương lộ ư Tề", nghĩa là: Đức Khổng Tử đang ở nước Tề.

Tiếc rằng lại trái với ý bạn thiết,
Người cùng trên đường là ai đây?
Trên đời này bạn tri âm thật hiếm,
Đành im lặng cho qua ngày,
Về vườn cũ, cài chặt đám cửa rong.

Dịch thơ:

LƯU BIỆT VƯƠNG DUY

Quạnh hiu nào ai đợi,
Sớm sớm uống đi về,
Muốn đến nơi cỏ lạ,
Bạn nào đã chịu nghe.
Chung đường, ai đó nhỉ?
Bạn thiết đời vắng hoe.
Lặng lẽ qua ngày tháng
Cửa sài vui đất quê.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐỀ THƠ TỪ BIỆT VƯƠNG DUY

Quạnh hiu thôi có đợi gì,
Những là sớm sớm đi về luống công.
Muốn đi tìm cỏ thơm nồng,
Tiếc vì bạn cũ lại không đồng làng,
Những người đương lộ ai dung
Tri âm mấy kẻ ở trong đời này.
Chỉ nên xin lặng qua ngày,
Trở về vườn cũ cửa cài ở yên.

早寒有懷

木落雁南渡
北風江上寒

我家襄水曲
遙隔楚雲端
鄉淚客中盡
孤帆天際看
迷津欲有問
平海夕漫漫

124. TẢO HÀN HỮU HOÀI

Mộc lạc nhận nam độ,
Bắc phong giang thượng hàn,
Ngã gia Tương thủy⁽¹⁾ khúc,
Giao cách Sở vân đoan.
Hướng lệ khách trung tận,
Cô phàm thiên tế khan.
Mê tân dục hữu vấn⁽²⁾
Bình hải tịch man man.

Dịch nghĩa:

BUỔI SỚM LẠNH CHẠNH NHỚ NHUNG

Cây đổ lá, nhận qua về nam,
Gió bắc trên sông lạnh,
Nhà ta ở khúc sông quanh co,
Cách xa những đám mây nước Sở.
Nước mắt nhớ làng của khách đã hết,
Một cánh buồm đơn độc ở góc trời,
Bến mê muốn dò hỏi,
Mặt biển êm đềm, đêm dài dằng dặc.

⁽¹⁾ Tương thủy: Sông Tương. Theo Nhất thống chí, sông Tương ở phủ Tương Dương, Hồ Quảng.

⁽²⁾ Vấn tân: Hỏi bến. Luận ngữ: "Sử Tử Lộ vấn tân yên", nghĩa là: Sai thầy Tử Lộ hỏi bến vậy!

Dịch thơ:

LẠNH VỀ SỚM, CHẠNH NHỚ

*Nhạn về nam, lá đổ,
Gió bắc, buốt hơi sông.
Nhà ta, khúc Tương lượn,
Cách mây Sở ngàn trùng.
Nhớ làng, lệ khách cạn,
Buồn lẻ, góc trời trong.
Hỏi bên mê đâu tá,
Biển yên, đêm mịt mừng.*

LƯU TRƯỜNG KHANH

Tên chữ là Văn Phòng, người Hà Gian (nay thuộc Hà Bắc). Cuối năm Khai Nguyên đầu tiên sĩ, làm quan đến chức Ngạc, Nhạc quan sát sứ, sau bị biếm, rồi làm Thứ sử Tuy Châu. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

秋日登吳公臺上寺遠眺

古	臺	搖	落	後
秋	入	望	鄉	心
野	寺	來	人	少
雲	峰	隔	水	深
夕	陽	依	舊	壘
寒	磬	滿	空	林
惆	悵	南	朝	事
長	江	獨	至	今

125. THU NHẬT ĐĂNG NGÔ CÔNG ĐÀI⁽¹⁾ THƯỜNG TỰ VIỆN ĐIỀU

Cổ đài dao lạc hậu,
Thu nhập vọng hương tâm,
Dã tự lai nhân thiếu,
Vân phong cách thủy thâm.
Tịch dương y cựu lũy,
Hàn khánh mãn không lâm.
Trù trưởng nam triều sự,
Trường giang độc chí câm.

Dịch nghĩa:

NGÀY THU LÊN ĐÀI CỦA NGÔ CÔNG VÀO CHÙA NGẮM VỀ XA

*Đài xưa sau hồi đổ nghiêng,
Mùa thu về, xui lòng người nhớ làng.
Ngôi chùa giữa đồng ít người qua lại,
Đỉnh núi mây cách dòng nước sâu.
Ánh nắng buổi chiều vẫn còn nguyên trên lũy cũ
Tiếng khánh lạnh đầy khoảng rừng vắng.
Bồi hồi nhớ đến việc Nam triều,
Sông Trường Giang còn ở một mình giữa hôm nay.*

Dịch thơ:

NGÀY THU LÊN ĐÀI NGÔ CÔNG

*Cổ Đài sau phút đổ nghiêng,
Thu về xui kẻ xa làng nhớ quê.
Chùa hoang, vắng bóng người đi,
Núi mây thăm thẳm liền kề nước sâu.*

⁽¹⁾ Ngô Công đài: Theo *Nhất thống chí*: Ở phía Bắc thành phủ Dương Châu, có đài luyện võ, đến thời tướng nhà Trần là Ngô Công Triệt cho đắp thêm.

*Luỹ xưa bóng xế ngang đầu,
Khánh vang rừng vắng thêm sầu lòng ai.
Nam triều, chuyện cũ bồi hồi,
Trường Giang còn đó, chảy xuôi một mình.*

送李中丞歸漢陽別業

流 落 征 南 將
曾 驅 十 萬 師
罷 歸 無 舊 業
老 去 戀 明 時
獨 立 三 邊 靜
輕 生 一 劍 知
茫 茫 江 漢 上
日 暮 復 何 之

126. TỔNG LÝ TRUNG THỪA QUY HÁN DƯƠNG⁽¹⁾ BIỆT NGHIỆP

Lưu lạc chinh nam tướng,
Tầng khu thập vạn sư,
Bãi quy vô cựu nghiệp,
Lão khứ luyện minh thì,
Độc lập tam biên⁽²⁾ tỉnh,
Khinh sinh nhất kiếm tri.
Mang mang Giang Hán thượng,
Nhật mộ dục hà chi.

Dịch nghĩa:

TIỀN LÝ TRUNG THỪA VỀ NHÀ RIÊNG Ở HÁN DƯƠNG

*Tướng đánh dẹp phương nam lưu lạc,
Từng cầm mười vạn quân.*

⁽¹⁾ Hán Dương: Theo *Đường thư địa lý chí*. Quận Hán Dương ở châu Ngạc miền Giang Hạ.

⁽²⁾ Tam biên: Vùng ba biên giới của châu U, châu Tinh và châu Lương.

Thôi chúc về không còn nghiệp cũ,
 Về già tiếc lúc còn trẻ trung.
 Một mình mà ba biên giới yên ổn,
 Một đời chỉ biết có thanh kiếm .
 Man mác trên sông Giang Hán
 Ánh nắng chiều muốn nói điều gì?

Dịch thơ:

TIỀN LÝ TRUNG THỪA VỀ HÁN DƯƠNG

Tướng chinh nam lưu lạc,
 Năm giữ mười vạn quân,
 Thôi chúc không nghiệp cũ,
 Về già nhớ thời hùng.
 Một mình yên ba cõi,
 Sống chết cùng kiếm cung.
 Man mác dọc sông Hán,
 Nắng chiều nói gì không?

饒別王十一南遊

望君煙水闊
 揮手淚霑巾
 飛鳥沒何處
 青山空向人
 長江一帆遠
 落日五湖春
 誰見汀洲上
 相思愁白蘋

127. TIỀN BIỆT VƯƠNG THẬP NHẤT NAM DU

Vọng quân yên thủy khoáng,
 Huy thủ lệ triêm can.

Phi điều một hà xứ?
Thanh Sơn không hướng nhân.
Trường giang nhất phàm viễn,
Lạc nhật Ngũ Hồ⁽¹⁾ xuân.
Thùy kiến đỉnh châu thượng.
Tương tư sâu bạch tần⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

TIỀN BIỆT VƯƠNG THẬP NHẤT XUỐNG CHƠI PHƯƠNG NAM

*Ngóng trông anh, ngoài vùng khói nước
Vẫy tay nước mắt đầm khăn.
Chim bay mất hút phương nào rồi,
Núi xanh vắng vẻ còn hướng về người.
Một cánh buồm xa trên Trường Giang,
Mặt trời lặn trong hơi xuân Ngũ Hồ.
Nào ai thấy trên gò, bãi,
Rau tần trắng xóa đang buồn nhớ.*

Dịch thơ:

TIỀN BIỆT VƯƠNG THẬP NHẤT XUỐNG CHƠI PHƯƠNG NAM

*Trông vời, khói nước rộng,
Tay vẫy, lệ đầm khăn.
Phương nào, chim mất dạng,
Theo người, núi tiền chân.
Trường Giang, buồm xa lướt,
Nắng trải Ngũ Hồ xuân.*

⁽¹⁾ Ngũ Hồ: Theo Lỗ ký: Ngũ hồ, tức Thái Hồ, ở Dương Châu, chu vi năm trăm dặm, quanh quất năm nhánh nên gọi là Ngũ hồ.

⁽²⁾ Bạch tần: một loại cỏ nước. Cửu ca: "Đăng bạch tần hề Sinh vọng", nghĩa là: Bước lên bãi cỏ nước nhìn về đất Sinh.

Gò xa, ai đã thấy,
Tương tư, trắng bãi tần.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TIỀN BIỆT VƯƠNG THẬP NHẤT ĐI CHƠI PHÍA NAM

Trông anh, khói nước mênh mông,
Vẫy tay nước mắt tuôn dòng thấm khăn.
Chim bay tuyết tích xa gần,
Chỉ còn núi biếc bần khoăn với người.
Cánh buồm phấp phới ngoài khơi,
Vẻ xuân bóng xế, rong chơi Ngũ Hồ,
Ai trông trên mặt bãi gò,
Cỏ Tần trắng xóa tha hồ tương tư.

尋南溪常道士

一 路 經 行 處
莓 苔 見 屐 痕
白 雲 依 靜 渚
春 草 閉 閑 門
過 雨 看 松 色
隨 山 到 水 源
溪 花 與 禪 意
相 對 亦 忘 言

128. TÂM NAM KHÊ THƯỜNG ĐẠO SĨ

Nhất lộ kinh hành xứ,
Môi đài kiến kích ngân,
Bạch vân y tĩnh chử,
Phương thảo bế nhàn môn.
Quá vũ khan tùng sắc,
Tùy sơn đảo thủy nguyên.

Khê hoa dữ thiên ý
Tương đối diệt vong ngôn⁽¹⁾.

Dịch thơ:

TÌM THƯỜNG ĐẠO SĨ Ở NAM KHÊ

*Con đường này từng là nơi qua lại mãi,
Trên dấu rêu thấy ngấn guốc in.
Bãi phẳng im, mây trắng bao phủ,
Cỏ thơm vây kín cửa nhàn.
Mưa vừa xong, ngấm sắc từng,
Theo núi, thì gặp những nguồn suối.
Hoa bên khe cùng với ý thiên,
Đôi mắt nhìn nhau đến nỗi quên cả lên tiếng.*

Dịch thơ:

TÌM THƯỜNG ĐẠO SĨ Ở NAM KHÊ

*Đường quen thường đi lại,
Dấu guốc mòn, rêu phong.
Bãi phẳng, tầng mây trắng,
Cỏ thơm vây cửa phòng.
Sau mưa, từng thắm sắc,
Theo núi đến khe nguồn.
Hoa suối cùng thiên ý,
Nhìn nhau lời bỗng quên.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TÌM THƯỜNG ĐẠO SĨ Ở NAM KHÊ

Con đường đi lại đã quen,

⁽¹⁾ Vong ngôn: Quên lời. *Trang tử*: "Ngôn giả, sở dĩ tại ý. Đắc ý nhi vong ngôn" lời có là nhờ ý, khi đắc ý mà quên cả lời. *Tấn thư*: Sơn Đào cùng Kê Khang, Lã An Thiện và Nguyễn Tịch sau này làm bản giao ước Vong Ngôn.

Trên rêu dấu guốc thấy in rành rành.
 Bãi êm mây trắng bao quanh,
 Cửa vào che kín, cỏ xanh mướt mùng.
 Mưa xong ngấm về cây tùng,
 Theo đường núi đến chỗ cùng thủy nguyên.
 Hoa khe, thiên ý đôi bên,
 Trông nhau đứng sững cũng quên ngỏ lời.

新年作

鄉心新歲切
 天畔獨潛然
 老至居人下
 春歸在客先
 嶺猿同旦暮
 江柳共風煙
 已似長沙傳
 從今又幾年

129. TÂN NIÊN TÁC

Hương tâm tân tuế thiết,
 Thiên bặt độc san nhiên.
 Lão chí cư nhân hạ,
 Xuân quy tại khách tiên.
 Lĩnh viên đồng đán mộ
 Giang liễu cộng phong yên.
 Dĩ tự Trường Sa phó⁽¹⁾
 Tông kim hựu kỷ niên.

⁽¹⁾ Trường Sa truyện: Tức truyện Giả Nghị, một bậc tài trí một thời, giúp Hán Văn Đế thi hành nhiều điều tốt khiến thiên hạ an cư lạc nghiệp. (Hán thư Giả Nghị truyện). Sau đó, ông bị đại thần dèm pha, vua Hán bèn ra làm thái phó cho Trường Sa vương, rất được yêu quý. Khi Trường Sa vương mất, Nghị than khóc, một năm sau cũng mất, thọ 33 tuổi.

Dịch thơ:

THƠ NĂM MỚI

*Lòng hướng về làng, năm mới rộn rã,
Trước trời nước mênh mang chỉ có một mình.
Già đến vẫn nhờ nơi nhà người,
Ngôi nhà xuân có khách tiên ở.
Vườn núi ở chung sớm tối,
Liều bên sông cùng với gió thổi,
Lại nghĩ truyện Trường Sa xưa
Cho đến nay đã bao nhiêu năm rồi.*

Dịch thơ:

THƠ NĂM MỚI

*Nhớ làng năm mới thiết tha,
Mênh mang trời nước, mình ta chốn này.
Già rồi, vẫn nghĩ nhà ai,
Nhà xuân có khách tiên nay bạn cùng.
Sớm chiều vườn núi ở chung
Gió sương cùng liều bên sông bọn bề.
Truyện Trường Sa, mãi vẫn kia,
Tháng ngày qua vút kể đà mấy năm?*

TIỀN KHỞI (722 - 780)

Tên chữ là Trọng Văn, người đất Ngô Hưng (nay thuộc Chiết Giang), đậu tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ mười, nổi tiếng thơ hay, cùng Hàn Hồng, Lý Đoan mười người được mệnh danh là mười tài tử. Người đời thường có câu: Trước có Thảm (Thuyên Kỳ) và Tống (Chi Ván) sau có Tiền (Khởi) lang. Ông làm quan đến chức Khảo Công lang trung, hàn lâm học sĩ.

送僧歸日本

上國隨緣住
來途若夢行
浮天滄海遠
去世法舟輕
水月通禪寂
魚龍聽梵聲
惟憐一燈影
萬里眼中明

130. TỔNG TĂNG QUY NHẬT BẢN⁽¹⁾

Thượng quốc tùy duyên⁽²⁾ trú
Lai đồ nhược mộng hành
Phù thiên⁽³⁾ thương hải viễn,
Khứ thể pháp chu khinh.
Thủy nguyệt thông thiên tịch.
Ngư long thính Phạn thanh⁽⁴⁾
Duy liễu nhất đăng⁽⁵⁾ ảnh
Vạn lý nhơn trung minh.

Dịch nghĩa:

TÌỀN SƯ VỀ NHẬT BẢN

*Đất thượng quốc, theo cái duyên đến ở,
Con đường hướng tới ví như đi trong mộng,*

⁽¹⁾ Nhật Bản: Nước chư hầu của Trung Hoa xưa, cách kinh thành một vạn bốn ngàn dặm, ở ngoài biển.

⁽²⁾ Tùy duyên: *Nam sử Cổ Hoan truyện*: Sự vật có 84.000 (lẻ) lối. Lối có 84 pháp. Pháp tiến tới vô số. Lối đạt tới vô cùng. Đẳng cấp tùy duyên, đường chỉ là một.

⁽³⁾ Phù thiên: Trời nổi. *Tấn Thiên văn chí*: Trời ở ngoài đất, nước ở ngoài trời. Nước nổi ngoài trời do đất chở vậy. Hải Phú: Trời nổi không bến bờ.

⁽⁴⁾ Phạn thanh: Tiếng tụng kinh.

⁽⁵⁾ Nhất đăng: Theo kinh *Duy Ma Cát*: Thủ nhất đăng nhi nhiên bách thiên đăng: khêu một ngọn đèn để thắp trăm ngọn ngàn ngọn, kẻ mở tối sáng lòng, sáng suốt khôn cùng.

Mây nổi ngoài biển xanh xa xa,
 Rũ bỏ cuộc đời, con thuyền pháp nhẹ nhàng.
 Trắng và nước như thấu suốt cõi thiền lặng lẽ,
 Cá và rồng nghe tiếng nhà Phật
 Chỉ thương xót cho một đèn, một bóng,
 Con mắt nhìn thấu suốt muôn dặm.

Dịch thơ:

TIỀN SƯ VỀ NHẬT BẢN

Duyên nơi thượng quốc đã tường,
 Như đi trong mộng, con đường nay mai.
 Biển xa, xanh biếc mây trôi,
 Lánh đời thuyền pháp ra khơi nhẹ nhàng.
 Mùi thiền thấm cả nước trắng.
 Cá rồng lắng tiếng Kinh hằng đầu đây,
 Một đèn, một bóng, xót thay.
 Cái nhìn muôn dặm, mắt thầy sáng trưng.

谷口書齋寄楊補闕

泉	壑	帶	茅	茨
雲	霞	生	薜	帷
竹	憐	新	雨	後
山	愛	夕	陽	時
閒	鶯	棲	常	早
秋	花	落	更	遲
家	童	掃	蘿	徑
昨	與	故	人	期

131. CỐC KHẨU THƯ TRAI KÝ DƯƠNG BỔ KHUYẾT⁽¹⁾

Tuyền hác mái mao tỳ,

⁽¹⁾ Bồ khuyết: Một chức quan ở đời Đường, đến nhà Thanh đổi là Tư gián.

Vân hà sinh bệ duy.
Trúc liên tân vũ hậu,
Sơn ái tịch dương thì.
Nhàn lộ thê thường tảo,
Thu hoa lạc cánh trì.
Gia đồng tảo la kính,
Tạc dữ cố nhân kỳ.

Dịch nghĩa:

Ở PHÒNG SÁCH CỐC KHẨU GỬI DƯƠNG BỔ KHUYẾT

*Hang suối trùm đầy cỏ lau, cỏ gianh,
Mây và ráng phủ rèm dày
Sau mưa tre trúc tươi xanh
Núi ư lúc trời xế chiều.
Cò nhàn đậu từ buổi sớm,
Hoa thu rụng chậm chậm,
Trẻ nhỏ quét đường cỏ,
Bữa qua (bác) hẹn đến cùng bạn thân...*

Dịch thơ:

GỬI CHÚC BỔ KHUYẾT Ở DƯƠNG CHÂU

*Hang suối trùm lau cỏ,
Mây, ráng cỏ rèm buông.
Mưa tạnh, trúc như mới,
Chiều hôm, núi đẹp hơn.
Cò nhàn, đậu ban sớm,
Lác đác hoa thu vương...
Trẻ quét, khua đường rậm,
Cố nhân đã hẹn cùng.*

VI ỨNG VẬT

淮上喜會梁川故人

江 漢 曾 爲 客
相 逢 每 醉 還
浮 雲 一 別 後
流 水 十 年 間
歡 笑 情 如 舊
蕭 疏 鬢 已 斑
何 因 不 歸 去
淮 上 對 秋 山

132. HOÀI⁽¹⁾ THƯỢNG HỈ HỘI LƯƠNG CHÂU⁽²⁾ CỔ NHÂN

Giang Hán tăng vi khách,
Tương phùng mỗi túy hoàn.
Phù vân nhất biệt hậu,
Lưu thủy thập niên gian.
Hoan tiêu tình như cựu,
Tiêu sơ mẫn dĩ ban.
Hà nhân bất quy khứ
Hoài thượng đối thu san.

Dịch nghĩa:

TÊN SÔNG HOÀI MỪNG GẶP BẠN CŨ Ở LƯƠNG CHÂU

Đã từng làm khách ở Giang Hán,
Gặp nhau mỗi lần về thường là say,
Sau khi chia tay như đám mây nổi,
Đã tới mười năm rồi nước chảy xuôi.
Vui cười, tình vẫn như xưa,

⁽¹⁾ Hoài: Sông Hoài: Ở địa phận huyện Hoài Âm, hợp lưu với sông Tứ (Theo *Sơn hải kinh*)

⁽²⁾ Lương Châu: Nay là phủ Khai Phong, tỉnh Hà Nam.

Man mác tóc đã ngã màu,
Cớ sao mà vẫn chưa chịu về?
Trên sông Hoài kìa ngọn núi mùa thu!

Dịch thơ:

TRÊN SÔNG HOÀI MỪNG GẶP BẠN CŨ Ở LƯƠNG CHÂU

Khách du Giang Hán đã từng,
Rượu say gặp mặt mỗi lần chung vui.
Từ xa cách, tựa mây trôi.
Mười năm có lẽ, nước xuôi theo dòng.
Vui cười tình cũ thong dong,
Tiêu sơ mái tóc chùng đang ngã màu.
Về đi! Vẫn chẳng về sao?
Sông Hoài gặp buổi núi cao thu về...

賦得暮雨送李曹

楚江微雨裡
建業暮鐘時
漠漠帆來重
冥冥鳥去遲
海門深不見
浦樹遠含滋
相送情無限
沾襟比散絲

133. PHÚ ĐẮC⁽¹⁾ MỘ VŨ TỔNG LÝ TÀO

Sở giang⁽²⁾ vi vũ lý,
Kiến Nghiệp⁽³⁾ mộ chung thì

⁽¹⁾ Phú đắc: Một lối thơ Đường luật.

⁽²⁾ Sở giang: Sông Sở theo Hoài Nam tử: Đất Kinh, đất Sở, lấy Giang Hán làm nơi hiểm yếu.

⁽³⁾ Kiến Nghiệp: Theo Ngô Chú Tôn truyện: Lăng tẩm của các vua ở đất Kiến Nghiệp.

Mạc mạc phàm lai trọng.
Minh minh điều khứ trì,
Hải môn⁽¹⁾ thâm bất kiến,
Phổ thụ viễn hàm tư
Tương tổng tình vô hạn
Chiêm khâm tỉ tán ty⁽²⁾.

Địch nghĩa:

MƯA TỐI TIỀN LÝ TÀO (THỂ PHÚ ĐẮC)

*Sông Sở trong lúc mưa nhỏ,
Chuông chiều cũng vừa gióng ở đất Kiên Nghiệp,
Lừng lững cánh buồm chở nặng đang tới,
Mờ mờ, chim bay về chậm chậm.
Cửa biển sâu nhìn không thấy,
Cây bên xa thăm mờ.
Tiền đưa nhau tình không có hạn,
Nước mắt rơi như tơ bay....*

Địch thơ:

MƯA TỐI TIỀN LÝ TÀO

*Bên sông nước Sở mưa bay,
Chuông chiều Kiên Nghiệp vừa hay vọng về
Buồm ai lừng lững ngoài kia
Cánh chim chậm chậm bay qua trời nào?
Thăm sâu cửa biển thấy đâu,
Nhạt nhòa cây thăm phơ màu, bên xa.
Tình vô hạn, phút tiền đưa,
Mắt ai nhòa lệ như tơ rối bời.*

⁽¹⁾ Hải Môn: Cửa biển: Ngoài cửa sông Kinh là cửa biển.

⁽²⁾ Tán ty: Tơ rối. Thơ Trương Hiệp: "Mật vũ như tán ty", nghĩa là: mưa dày như tơ rối.

HÀN HỒNG

Tên chữ là Quân Bình, húy là Hùng, người Nam Dương (nay thuộc Hà Nam), từng giữ chức Đan, Hoài thứ sử, sau làm Trung Thư xá nhân, là một trong mười nhà thơ được người đương thời gọi là Mười bậc tài tử. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

酬程近秋夜即事見贈

長簾迎風早
空城澹月華
星河秋一雁
砧杵夜千家
節候看應晚
心期臥已賒
向來吟秀句
不覺已鳴鴉

134. THÙ TRÌNH CẬN THU DẠ TỨC SỰ KIẾN TẶNG

Trường điệm⁽¹⁾ ngênh phong tảo
Không thành đạm nguyệt hoa.
Tịnh hà thu nhất nhận
Châm chữ dạ thiên gia.
Tiết hậu khan ưng văn
Tâm kỳ ngoạ dĩ xa.
Hướng lai ngâm tú cú,
Bất giác dĩ minh nha.

⁽¹⁾ Điệm: Chiếu đan bằng tre. Còn là tên một loài tre đan chiếu. Một bài minh viết: Tre điệm to, mình mỏng, đốt dài một trượng, lúc lớn trông như thông!

Dịch nghĩa:

CHUỐC RƯỢU VỚI TRÌNH CẬN ĐÊM THU TỨC CẢNH MÀ TẶNG

*Chiều tre dài sớm ngời hóng gió,
Thành vắng hoa trắng lặng lẽ
Sông Ngân một chiếc nhạn kêu thu,
Chầy đập, áp nghìn nhà vang rộn.
Khí hậu xem ra (thu) đã vãn
Hẹn lòng, muốn nghỉ ngơi đã lâu.
Chỉ mãi ngâm những câu thơ đẹp,
Nào hay có tiếng quạ kêu.*

Dịch thơ:

CHUỐC RƯỢU VỚI TRÌNH CẬN ĐÊM THU TỨC CẢNH, LÀM THƠ TẶNG

*Chiều tre hóng gió bữa nay,
Thành hoang lặng lẽ in đầy hoa trắng.
Sông Ngân, nhạn báo thu sang,
Tiếng chày đập vải rộn vang nghìn nhà.
Xem chừng tiết đẹp sắp qua,
Lòng riêng đã hẹn liệu mà nghỉ ngơi.
Thơ hay cứ mãi ngâm hoài,
Biết đâu thẳng thốt phía ngoài quạ kêu.*

LƯU TÍCH HƯ

Tên chữ là Đình Khanh. Người Giang Đông (nay thuộc Giang Tây) làm quan đến chức Hạ huyện lệnh. Cùng với Hạ Tri Chương, Trương Húc, Bao Súc là bốn người bạn thân. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

闕題

道由白雲盡
春與青溪長
時有落花至
遠隨流水香
閑門向山路
深柳讀書堂
幽映每白日
清輝照衣裳

135. KHUYẾT ĐỀ

Đạo do bạch vân tận⁽¹⁾
Xuân dư thanh khê trường.
Thời hữu lạc hoa chí,
Viễn tùy lưu thủy hương.
Nhàn môn hướng⁽²⁾ sơn lộ,
Thâm liễu độc thư đường.
U ánh mỗi bạch nhật,
Thanh huy chiếu y thường.

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

*Đường hút vào trong mây trắng,
Mùa xuân còn dài cùng dòng suối xanh.
Cái lúc có hoa rụng trôi đến,
Thì mang theo hương thơm mãi tận xa.
Cửa nhàn hướng về đường núi,
Trong liễu đầy là nhà đọc sách.*

⁽¹⁾ Bạch vân tận: Đường đến chỗ mây trắng thì hết (ngoài cõi trần).

⁽²⁾ Hướng: Đối diện.

Ánh sáng thấm u mỗi một ngày,
Chiều rọi sáng trên quần áo.

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

Hút vào mây trắng con đường,
Mùa xuân như thấm mãi cùng suối xanh,
Phút giây hoa rụng trôi dần
Dòng xa như cũng thơm lòng sắc hương.
Cửa nhàn, trước núi bên đường,
Nhà đọc sách ẩn trong tầng liễu non.
Sáng ra ánh nắng u trầm,
Tôn thêm nền nếp y thường sáng trong.

ĐÁI THÚC LUÂN (732 - 789)

Tên chữ là Ân Công, người Nhuận Châu (nay thuộc Giang Tô). Ông là người khảng khái, làm môn khách của các vương hầu lớn. Khi Dương Huệ Lâm làm phản, dụ dỗ theo, bảo rằng: Theo Huệ Lâm thì có thể được tặng vàng và tha chết. Đái Thúc Luân đáp: Thân tôi có thể bị giết, nhưng vàng thì không dám nhận, Huệ Lâm bèn tha. Đến đời Đường Đức Tông, làm quan đến chức thứ sử, rồi kinh lược sứ. Cuối đời lấy hiệu là Thanh Vi đạo sĩ.

江鄉故人偶集客舍

天秋月又滿
城闕夜千重
還作江南會
翻疑夢裡逢
風枝驚暗鵲
露草覆寒蟲

羈旅長堪醉
相留畏曉鐘

136. GIANG HƯƠNG CỔ NHÂN NGÃU TẬP KHÁCH XÁ

Thiên thu nguyệt hựu mẫn,
Thành khuyết dạ thiên trùng.
Hoàn tác Giang Nam hội,
Phiên nghi mộng lý phùng.
Phong chi kinh ám thước,
Lộ thảo phúc hàn trùng.
Ký lữ trường kham túy,
Tương lưu úy hiểu chung.

Địch nghĩa:

BẠN CŨ Ở QUÊ NHÀ BẮT NGỜ HỌP NHAU Ở QUÁN XÁ

*Trăng trời thu lại đầy,
Nơi thành khuyết, đêm nghìn trùng,
Cùng là một hội ở đất Giang Nam gặp nhau.
Còn ngờ rằng như ở trong mộng.
Gió trên cành làm kinh con chim thước không nhìn thấy,
Sương trên cỏ, đám côn trùng mùa lạnh đang khóc than.
Nơi ở trọ thường say dài,
Dùng dằng, sợ tiếng chuông sớm.*

Địch thơ:

BẮT NGỜ GẶP BẠN CŨ Ở QUÁN XÁ

*Trời thu trăng lại tròn đầy,
Ở nơi thành khuyết đêm nay dậm ngàn.
Cùng một hội đất Giang Nam,
Tưởng như trong mộng bàng hoàng gặp nhau.
Gió kinh chim thước cành nào,
Cỏ sương vắng tiếng trùng gào thâu đêm.*

*Khách du, quán trọ say mêm,
Bên nhau, sợ tiếng chuông thiên sớm vang.*

LƯ LUÂN

Tên chữ là Doãn Ngôn. Người Hà Trung Bô (nay thuộc Sơn Tây). Nhiều lần thi tiến sĩ không đỗ. Thơ hay. Cùng với Hàn Hồng, Tiền Khởi, Tư Không Thụ, được người đương thời tôn làm mười tài tử ở thời Đại Lịch. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

送李端

故 關 衰 草 遍
離 別 正 堪 悲
路 出 寒 雲 外
人 歸 暮 雪 時
少 孤 爲 客 早
多 難 識 君 遲
掩 淚 空 相 向
風 塵 何 處 期

137. TỔNG LÝ ĐOAN⁽¹⁾

Cổ quan suy thảo biến,
Ly biệt chính kham bi.
Lộ xuất hàn vân ngoại,
Nhân quy mộ tuyết thì.
Thiếu cô vi khách tảo,
Đa nạn thức quân trì.
Yểm khắp không tương hướng,
Phong trần hà sở kỳ.

⁽¹⁾ Lý Đoan: Tên chữ là Chính Kỷ, người Triệu Châu, đỗ tiến sĩ đời Đại Lịch, làm đến chức Tư mã Hàng Châu.

Dịch nghĩa:

TIỀN LÝ ĐOAN

*Cửa ải cũ, cỏ rác mọc đầy,
Sự chia ly chính là lúc buồn thương.
Đường đi đầy mây lạnh bên ngoài,
Người về đang lúc tuyết chiều xuống.
Lúc trẻ cô đơn thường sớm làm khách trọ,
Nhiều vận hạn nên gặp anh chậm.
Lặng nuốt nước mắt băng khuâng nhìn nhau
Kiếp gió bụi bao giờ mới hẹn nhau được.*

Dịch thơ:

TẶNG LÝ ĐOAN

*Ái xưa, cỏ rác mọc đầy,
Cảnh chia ly, chính lúc này buồn thương!
Kẻ đi mây lạnh trắng đường,
Người về, lát phát chiều buồn tuyết rơi.
Trẻ trung, quán trọ quen rồi,
Nạn nhiều nên chậm gặp người tri âm.
Lặng nhìn nhau, nuốt lệ thâm,
Biết đâu mà hẹn, phong trần kiếp trai.*

LÝ ÍCH (748 - 827)

Tên chữ là Quân Ngu, người Cô Tang (nay thuộc Cam Túc), làm quan đến chức Tập hiền đại học sĩ, cậy tài coi thường mọi người, bị dèm là có thơ phạm thượng, bị biếm quan hạ chức, thuyên chuyển nhiều nơi, rất lận đận.

喜見外弟又言別

十年離亂後
長大一相逢
問姓驚初見
稱名憶舊容
別來滄海事
語罷暮天鐘
明日巴陵道
秋山又幾重

138. HỖ KIẾN NGOẠI ĐỆ⁽¹⁾ HỮU NGÔN BIỆT

Thập niên ly loạn hậu,
Trường đại nhất tương phùng.
Vấn tính kinh sơ kiến,
Xung danh ức cự dung.
Biệt lai thương hải sự,
Ngũ bãi mộ thiên chung.
Minh nhật Ba Lăng⁽²⁾ đạo
Thu Sơn hựu kỷ trùng.

⁽¹⁾ Ngoại đệ: Em họ.

⁽²⁾ Ba Lăng: Theo *Cựu Đường thư địa lý chí*, Nhạc Châu, đầu năm Thiên Bảo, đổi là Ba Lăng.

Dịch nghĩa:

MỪNG GẶP EM HỌ NGOẠI, RỒI LẠI NÓI LỜI CHIA TAY

*Sau cơn ly loạn mười năm
Lớn lên mới được gặp nhau một bận.
Hỏi họ, giật mình khi gặp mặt,
Xưng tên nhớ được vóc dáng thuở nào.
Lúc chia tay lại là chuyện bể dâu biến đổi,
Trò chuyện xong thì chuông chiều đổ...
Ngày mai trên đường Ba Lãng
Núi mùa thu tầng tầng lớp lớp, bao độ trải qua.*

Dịch thơ:

MỪNG GẶP EM HỌ NGOẠI RỒI LẠI CHIA TAY

*Loạn ly chốc đã mười năm,
Lớn lên, chỉ có một lần gặp nhau.
Giật mình hỏi họ, mừng sao,
Xưng tên, vóc dáng thuở nào nhận ra.
Bể dâu muôn thuở đó mà,
Hàn huyên chuông tối chùa xa đổ hồi.
Ba Lãng, mai sớm đi rồi,
Núi mùa thu lại khơi vui mây trùng.*

TƯ KHÔNG THỰ

Tên chữ là Văn Minh, người Quảng Bình (nay thuộc Hà Bắc) là một trong mười nhà thơ nổi tiếng thời Đại Lịch. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

雲陽館與韓紳宿別

故人江海別
幾度隔山川

乍見翻疑夢
相悲各問年
孤燈寒照雨
深竹暗浮煙
更有明朝恨
離杯惜共傳

139. VÂN DƯƠNG⁽¹⁾ QUÁN DỪ HÀN THÂN TÚC BIỆT

Cố nhân giang hải biệt,
Kỷ độ cách sơn xuyên.
Sạ kiến phiên nghi mộng,
Tương bi các vấn niên.
Cô đăng hàn chiếu vũ,
Thâm trúc ám phù yên.
Cánh hữu minh triều hận
Ly bôi tích cộng truyền.

Dịch nghĩa:

QUÁN VÂN DƯƠNG NGHĨ ĐÊM CÙNG HÀN THÂN CHIA TAY

*Bạn cũ chia tay sông biển,
Đã bao lần sông núi cách trở.
Chợt thấy nhau còn ngỡ nằm mơ,
Cùng đau lòng khi cùng hỏi tuổi tác.
Ngon đèn cô quạnh lạnh lẽo soi đêm mưa,
Rặng trúc dày che đám khói nổi.
Còn có chút buồn giận sớm mai,
Chén rượu chia tay tiếc phải cùng trao tay.*

⁽¹⁾ Vân Dương: Theo *Cựu Đường thư địa lý chí* thuộc huyện Vân Dương, trấn phủ Kinh Triệu, nay là đất huyện Tam Nguyên, tỉnh Thiểm Tây.

**QUÁN VÂN DƯƠNG NGHĨ
ĐÊM CÙNG HÀN THÂN CHIA TAY**

*Bạn bè trời biển cách vời,
Bao phen núi lở sông bồi cách xa.
Gặp nhau tưởng giấc mơ hoa,
Hỏi thăm tuổi tác hóa ra chuốc buồn.
Đêm mưa, đèn quạnh chập chòn,
Trúc dày che đám khói tuôn phía ngoài.
E còn cơn giận sớm mai
Chén nâng tiếc phải trao tay cùng người!*

喜外弟盧綸見宿

靜夜四無鄰
荒居舊業貧
雨中黃葉樹
燈下白頭人
以我獨沉久
愧君相見頻
平生自有分
況是霍家親

140. HỈ NGOẠI ĐỆ LƯ LUÂN KIẾN TÚC

Tĩnh dạ tứ vô lân,
Hoang cư cựu nghiệp bần.
Vũ trung hoàng diệp thụ,
Đẳng hạ bạch đầu nhân
Dĩ ngã độc trầm cửu
Quý quân tương kiến tần.

Bình sinh tự hữu phận
Huống thị Hoắc gia thân⁽¹⁾.

Dịch nghĩa:

MỪNG ĐƯỢC GẶP MẶT, NGHỈ LẠI CÙNG EM HỌ LƯ LUÂN

*Đêm yên tĩnh bốn bề không lảng giềng
Ngôi nhà hoang, cơ nghiệp cũ nghèo túng.
Mưa đêm trên cây lá vàng,
Dưới đèn, mái đầu bạc trắng.
Với ta một mình chìm đắm đã lâu,
Thật xấu hổ khi em đến thăm nom.
Bình sinh mỗi người một phận,
Huống chi chúng ta còn có chút tình họ ngoại.*

Dịch thơ:

MỪNG GẶP EM HỌ LƯ LUÂN

*Láng giềng chẳng có, đêm thanh,
Nhà hoang, nghiệp cũ bàn hàn từ xưa.
Nhuộm vàng, cây lá trong mưa,
Mái đầu bạc, ngọn đèn mờ cứ soi.
Phận anh chìm nổi lâu rồi,
Thẹn em thăm hỏi được ngồi hàn huyên.
Người nào phận ấy đã quen,
Huống chi thân thích họ hàng gần xa.*

賊平後送人北歸

世亂同南去
時清獨北還
他鄉生白髮
舊國見青山

⁽¹⁾ Hoắc gia thân: Họ hàng xa, thân thích của những người từng là thế gia vọng tộc.

曉月過殘壘
繁星宿故關
寒禽與衰草
處處伴愁顏

141. TẶC BÌNH HẬU TỔNG NHÂN BẮC QUY

Thê loạn đồng nam khứ,
Thời thanh độc bắc hoàn.
Tha hương sinh bạch phát,
Cự quốc kiến thanh san.
Hiếu nguyệt quá tàn lũy,
Phồn tinh túc cổ quan.
Hàn cảm dữ suy thảo,
Xử xử bạn sâu nhan.

Dịch nghĩa:

BÌNH GIẶC XONG, TIỀN NGƯỜI VỀ BẮC

Đời loạn lạc cùng đi về nam
Khi thanh bình một mình về đất bắc.
Tha hương tóc bạc đã mọc đầy
Nước non cũ lại được thấy núi xanh.
Trăng sớm mai soi trên lũy cũ,
Sao đây ngủ lại ải quan ngày xưa.
Chim xứ lạnh và đám cỏ rạc,
Nơi nơi đều là bạn lúa, cùng với gương mặt buồn rầu.

Dịch thơ:

GIẶC YÊN, TIỀN NGƯỜI VỀ BẮC

Đời loạn, cùng xuống nam
Thanh bình, mình về bắc.
Tha hương, đầu chớm bạc,
Nước cũ gặp non xanh.

*Trăng sớm soi tàn lũy,
Sao đầy ngủ ải quan.
Cỏ tàn, chim xứ lạnh,
Bạn với khách đường trường.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

GIẶC YÊN, TIỀN NGƯỜI VỀ BẮC

*Về Nam, đời loạn cùng đi,
Một mình về bắc đến khi trị bình.
Tha hương tóc bạc mới sinh,
Nước nhà lại thấy núi xanh như thường.
Trăng soi tàn lũy dọc đường
Chùm sao đứng lặng trên tường ải xưa
Hàn cầm với lại cỏ thưa,
Đến đâu làm bạn đón đưa mặt sầu.*

LƯU VŨ TÍCH (772 - 842)

Tên chữ là Mộng Đắc, người Bành Thành (nay thuộc Hồ Nam). Ban đầu theo giúp Vương Thúc Văn, làm chức viên ngoại lang khi Đức Tông được lập, Thúc Văn thua, Mộng Đắc bị biếm ra Liên Châu, sau được vời về, thuyên chuyển nhiều nơi, vào triều làm Tập hiền học sĩ, rồi làm thứ sử Tô Châu. Thời Hội Xương làm kiểm hiệu Lễ Bộ Thượng thư.

蜀先主廟

天 地 英 雄 氣
千 秋 尚 凜 然
勢 分 三 足 鼎
業 復 五 銖 錢
得 相 能 開 國
生 兒 不 象 賢

淒涼蜀故妓
來舞魏宮前

142. THỰC TIÊN CHỦ MIÊU

Thiên địa anh hùng khí,
Thiên thu thượng lâm nhiên.
Thế phân tam túc đỉnh,
Nghịệp phục ngũ thù tiền⁽¹⁾
Đắc tướng⁽²⁾ năng khai quốc,
Sinh nhi bất tượng hiền⁽³⁾,
Thê lương Thực cố kỹ
Lai vũ Ngụy cung tiền.

Địch nghĩa:

MIÊU THỜ THỰC TIÊN CHỦ

*Khí thiêng anh hùng trong trời đất
Nghìn thu còn mãi lâm liệt uy nhiên.
Thế nước chia ba chân vạc,
Những lo mưu khôi phục cơ đồ nhà Hán.
Cùng với các tướng hiền dựng nước,
Sinh ra con thì lại chẳng phải kẻ hiền lương.
Buồn thay cho con hát nước Thực,
Về múa trước cung điện nhà Ngụy.*

Địch thơ:

MIÊU THỜ THỰC TIÊN CHỦ

Khí thiêng trong trời đất

⁽¹⁾ Ngũ thù tiền: Tiền năm thù... theo *Hán thư Vũ Đế ký*: Nguyên Thù năm thứ năm đời Hán Quang Vũ bỏ loại tiền hai thù của Vương Mãng ban hành loại tiền năm thù! Ở đây, ý nói Lưu Bị mưu lấy lại cơ đồ nhà Hán.

⁽²⁾ Chỉ việc Lưu Bị tạm cố thảo lư, gặp Gia Cát Lượng, tìm được tướng tài.

⁽³⁾ Tượng hiền: Chỉ việc Lưu Thiện, con Lưu Bị không biết dùng phải người hiền.

*Lẫm liệt mãi nghìn thu.
Thế nước, ba chân vạc,
Mưu giành lại cơ đồ.
Tướng hiền cùng mở nước,
Con kém đành phụ cha...
Thị nữ của nước Thục
Ngụy cung, về múa ca...*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

MIÊU THỜ THỤC TIÊN CHỦ

*Trong trời đất khí anh hùng,
Ngàn thu lẫm liệt trong cung phụng thờ.
Thế thành chân vạc chia ba,
Việc lo khôi phục Hán gia cơ đồ.
Tướng hiền mở nước công to.
Sinh con đường tựa hèn ngu thiệt thời.
Cung nhân nước Thục ngậm ngùi,
Phải về nhảy múa ở nơi Ngụy triều.*

TRƯƠNG TỊCH (767 - 830)

Theo *Đường thư Trương Tịch truyện*, tên chữ là Văn Xương, người Ô Giang, Hòa Châu. Hàn Dũ tiến với vua được làm Quốc tử bác sĩ, trải qua các chức Thủy bộ viên ngoại lang, Chủ khách lang trung, được các danh sĩ giao du rất quý trọng. Tính thẳng thắn. Cuối đời được làm Quốc tử Tư nghiệp.

沒蕃故人

前 年 戍 月 支
城 下 沒 全 師
蕃 漢 斷 消 息
死 生 長 別 離

無人收廢帳
歸馬識殘旗
欲祭疑君在
天涯哭此時

143. MỘT PHIÊN CỔ NHÂN

Tiền niên thú Nguyệt Chi⁽¹⁾
Thành hạ một toàn sư.
Phiên Hán đoạn tiêu tức,
Tử sinh trường biệt ly.
Vô nhân thu phé tướng,
Quy mã thức tàn kỳ.
Dục tế nghi quân tại,
Thiên nha khóc thử thì.

Địch nghĩa:

BẠN CŨ MẤT TÍCH Ở ĐẤT PHIÊN

*Năm trước đóng quân ở nước Nguyệt Chi,
Dưới thành thua, mất cả một đạo quân.
Nước Phiên, nước Hán, đứt tin tức,
Sống chết mãi mãi cách chia...
Không có người thu nhặt tướng bỏ,
Ngựa chạy về, biết là thua trận.
Muốn tế, nhưng ngờ anh hãy còn,
Kẻ chân trời, khóc là lúc này đây.*

Địch thơ:

BẠN CŨ MẤT TÍCH Ở ĐẤT PHIÊN

*Năm trước đóng đất Nguyệt Chi,
Đạo quân đi chẳng có về, thành không...*

⁽¹⁾ Nguyệt Chi: Tên nước Tây Vực.

Thư tin, Phiên Hán bất mòng,
 Tử sinh một cõi, muôn trùng biệt ly,
 Trưởng hoang ai kẻ nhặt về,
 Ngựa quay cổ lại mang cò rách bướm.
 Dâng hương những sợ người còn,
 Chân trời, nước mắt rờn rờn bữa nay.

BẠCH CƯ DỊ

草

離	離	原	上	草
一	歲	一	枯	榮
野	火	燒	不	盡
春	風	吹	又	生
遠	方	侵	古	道
晴	翠	接	荒	城
又	送	王	孫	去
萋	萋	滿	別	情

144. THẢO

Ly ly nguyên thượng thảo⁽¹⁾.
 Nhất tuế nhất khô vinh.
 Dã hoả thiêu bất tận,
 Xuân phong xuy hựu sinh.
 Viễn phương xâm cổ đạo,
 Tình thủy tiếp hoang thành.
 Hựu tổng vương tôn khứ,
 Thê thê mẫn biệt tình.

Dịch nghĩa:

⁽¹⁾ Dã thảo: Cỏ nội. Thơ Tào Thực: "Nguyên vì lâm trung thảo. Thu văn dã hỏa phiên", nghĩa là: Xin làm cỏ trong rừng, mùa thu nghe lửa đồng nội cháy.

CỎ

Chằng chịt mọc trên đồi,
Mỗi năm một lần tươi héo,
Lửa đồng nội, thiêu cũng không hết
Gió xuân thổi lại mọc lên.
Hương thơm lan xa trùm cả con đường cũ,
Màu xanh ngắt tiếp tận thành hoang.
Lại đưa đám vương tôn đi,
Bời bời thăm tỉnh ly biệt.

Dịch thơ:

CỎ

Cỏ trên gò chằng chịt
Tươi héo, năm một lần.
Thiêu lửa, đốt không hết,
Đâm chồi lúc gió xuân.
Thơm xa, trùm lối cũ,
Xanh biếc tận hoang thành.
Đưa tiễn vương tôn trọn,
Bời bời ly biệt tình.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

CỎ

Cỏ kia chằng chịt trên gò,
Một năm thay đổi, vinh khô một lần,
Lửa đồng đốt chẳng trừ căn,
Lại lên mơn mớn khi xuân gió về.
Thơm xa ngào ngạt lối đi,
Màu xanh lấp lánh tiếp kề thành hoang.
Lại đưa du khách lên đường,
Tốt tươi xiết nỗi đoạn trường phân ly.

ĐỖ MỤC (803 - 952)

Tên chữ là Mục Chi, người Kinh Triệu, Vạn Niên (nay là Tây An, Thiểm Tây), là cháu tể tướng Đỗ Hựu. Đỗ tiến sĩ năm Thái Hòa thứ hai, sau lại đỗ khoa Hiền lương phương chính (thi chọn người giỏi, hiền), trải qua các chức Đoàn luyện phủ tuần quan Giang Tây, sau làm thư ký cho tiết độ sứ Ngưu Tăng Nhự, rồi làm giám sát ngự sử, phân ti Đông Đô, là người cương trực khí tiết. Thơ rất hay, người đời gọi là Tiểu Đỗ để phân biệt với Đỗ Phủ.

旅宿

旅	館	無	良	伴
凝	情	自	悄	然
寒	燈	思	舊	事
斷	雁	驚	愁	眠
遠	夢	歸	侵	曉
家	書	到	隔	年
滄	江	好	煙	月
門	繫	釣	魚	船

145. LỮ TỨC

Lữ quán vô lương bạn,
Ngưng tình tự tiểu nhiên
Hàn đăng tư cựu sự,
Đoạn nhận cảnh sâu miên.
Viễn mộng quy xâm hiểu,
Gia thư đáo cách niên
Thương giang hảo yện nguyệt
Môn hệ điều ngư thuyền.

Dịch nghĩa:

NGỦ Ở NHÀ TRỌ

Nhà trọ không có bạn bầu,

Tự trong lòng the thất, tình ngần ngơ.
Trước ngọn đèn lạnh nhớ lại chuyện cũ,
Cánh nhạn vỗ làm thức giấc sầu
Mộng đi xa về, đến tận lúc trời sáng,
Cách một năm thư nhà mới đến,
Sông biếc có đủ khói và trăng đẹp,
Cửa ngoài buộc chiếc thuyền câu.

Địch thơ:

NGỦ TỌ

Quán trọ không bầu bạn,
Ngơ ngần lòng quặn đau
Đèn lạnh nhớ chuyện cũ
Nhạn bay tỉnh giấc sầu.
Mơ xa về tận sáng,
Thư đến, một năm sau.
Sông biếc, đẹp trăng, khói,
Trước nhà, buộc thuyền câu.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

NGỦ Ở LỮ QUÁN

Bạn bè lữ quán có đâu,
Nỗi lòng tự biết, nỗi sầu ngần ngơ
Ngọn đèn lạnh, nhớ việc xưa.
Lo đêm không ngủ, nhận thua đó mà.
Cách năm mới được thư nhà,
Sáng ngày thấy mộng đi xa trở về.
Sông xanh trăng khói mọi bề,
Mé ngoài trước cửa buộc kè thuyền câu.

HỨA HỒN

Tên chữ là Duy Hối, người Đan Dương (nay thuộc Giang Tô). Đỗ tiến sĩ năm Thái Hòa thứ 6, trải làm các chức Thái Bình nhị lệnh, Nhuận Châu Tư Mã. Khoảng năm Đại Trung, làm Giám sát ngự sử rồi thứ sử Mục Châu. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

秋日赴闕題潼關驛樓

紅葉晚蕭蕭
長亭酒一瓢
殘雲歸太華
疏雨過中條
樹色隨關迥
河聲入海遙
帝鄉明日到
猶自夢漁樵

146. THU NHẬT PHÓ KHUYẾT ĐỀ ĐỒNG QUAN⁽¹⁾ DỊCH LÂU

Hồng diệp văn tiêu tiêu,
Trường đình tửu nhất biều.
Tàn vân quy Thái Họa⁽²⁾ (Hoa)
Sơ vũ quá Trung Điều⁽³⁾
Thụ sắc tùy quan quýnh,
Hà thanh nhập hải diêu.
Đế hương minh nhật đáo,
Do tự mộng ngư, tiều.

⁽¹⁾ Đồng quan: Nay ở huyện Đồng Quan, phủ Đồng Châu, Thiểm Tây. *Thủy kinh chú*: Sông Hà chảy đến nam Hoa Âm, Đồng Quan, sông Vị ở phía trong cửa ải.

⁽²⁾ Thái Họa: Núi Thái Họa hoặc Tây Nhạc ở phía Tây huyện Hoa Âm, đất Kinh Triệu.

⁽³⁾ Trung Điều: Theo *Quát địa chí*: Núi Lôi Thủ ở huyện Hà Đông, Bồ Châu còn có tên là núi Trung Điều, cũng gọi là núi Thủ Dương.

Địch nghĩa:

**NGÀY THU ĐẾN CỦA KHUYẾT,
ĐỀ Ở QUÁN DỊCH ĐỒNG QUAN**

*Lá đỏ buổi chiều hiu hắt,
Chôn trường đình rượu một bầu,
Mây rút bay về núi Thái, Họa.
Mưa thưa qua núi Trung Điều.
Sắc cây theo đến cửa ải,
Tiếng sông nhập vào biển xa...
Quê vua ngày mai tới,
Vẫn còn mơ đến làm ông chài, tiều phu.*

Địch thơ:

ĐỀ Ở QUÁN DỊCH ĐỒNG QUAN

*Lá đỏ, chiều hiu hắt
Trường đình rượu một bầu.
Mây tàn núi Thái Họa
Mưa nhỏ vượt Trung Điều,
Cây thắm, ải xa ngút,
Tiếng sông, biển cuốn theo.
Quê vua ngày mai tới,
Còn mộng làm ngư, tiều.*

早秋

遙夜汎清瑟
西風生翠蘿
殘螢栖玉露
早雁拂金河
高樹曉還密
遠山晴更多
淮南一葉下
自覺老洞庭

147. TẢO THỦ

Giao dạ phiếm thanh sắt
Tây phong sinh thúy la
Tàn huỳnh thê ngọc lộ⁽¹⁾,
Tảo nhận phát Kim Hà⁽²⁾
Cao thụ hiểu hoàn mật,
Viễn sơn tình cánh đa
Hoài nam nhất điệp hã⁽³⁾
Tự giác Động Đình ba⁽⁴⁾.

Dịch nghĩa:

THU SỚM

*Đêm xa vời, tiếng đàn sắt trong trẻo buông bắt
Gió tây cây cải đỏ mọc xanh
Đom đóm khuya đậu lên sương ngọc,
Cánh nhận sớm bay qua sông Kim Hà,
Cây cao về buổi sớm như dày thêm.
Núi xa khi trời tạnh nhìn có vẻ nhiều.
Hoài Nam nhìn một chiếc lá rụng,
Tự biết sóng hồ Động Đình!*

Dịch thơ:

THU SỚM

*Đêm vời xa, tiếng đàn buông,
Gió tây, cải đỏ xanh rờn bãi nông,*

⁽¹⁾ Ngọc lộ: Sương ngọc. Thơ xưa: Gió vàng thổi sớm, khách đau lòng, sương chiều buông, tiên rơi nước mắt.

⁽²⁾ Kim hà: Tức sông Ngân, mùng 7 tháng 7 Ngưu Lang gặp Chức Nữ. Ở đây muốn nói tiết thu sớm.

⁽³⁾ Nhất điệp lạc: Một chiếc lá rụng. Sách *Hoài nam tử*: "Kiến nhất điệp lạc nhi chi tuế chi tương mộ", nghĩa là: Thấy một chiếc lá biết rằng tuổi đã xế chiều.

⁽⁴⁾ Động Đình ba: Sóng Động Đình. Thơ *Cửu ca* của Khuất Nguyên: "Điều điều hề thu phong. Động Đình ba hề mộ điệp hạ", nghĩa là: Man mác hề gió thu, sóng động tình hề, lá cây rụng.

Đêm khuya đóm đậu sương trong,
 Ban mai cánh nhạn lướt sông Kim Hà.
 Sớm mai, cây bông rườm rà,
 Núi xa khi tạnh như là nhiều thêm
 Hoài Nam chiếc lá rơi nghiêng
 Xui ta nhớ nhịp sóng bên Động Đình.

LÝ THƯƠNG ẨN

蟬

本	以	高	難	飽
徒	勞	恨	費	聲
五	更	疏	欲	斷
一	樹	碧	無	情
薄	宦	梗	猶	汎
故	園	蕪	已	平
煩	君	最	相	警
我	亦	舉	家	清

148. THIÊN

Bản dĩ cao nan bão,
 Đồ lao hận phí thanh.
 Ngũ canh sơ dục đoạn
 Nhất thụ bích vô tình.
 Bạc hoạn ngạnh do phiếm⁽¹⁾.
 Cổ viên vu⁽²⁾ dĩ bình.
 Phiên quân tối tương cảnh,
 Ngã diệc cử gia thanh.

⁽¹⁾ Ngạnh phiếm: trôi giạt. Thuyết Uyên: Hạt đào trong vườn nứt mà dâm chồi, gặp mưa to không biết trôi về đâu.

⁽²⁾ Vu: Bãi hoang. Thơ Quy khứ lai từ của Đào Tiềm: "Điền viên tương vu hề bất quy", nghĩa là: Ruộng hoang vườn rậm hễ, cứ sao không về?

Dịch nghĩa:

VE SẦU

*Vốn ở chỗ cao khó mà no đủ.
Nhọc nhằn mà giận tiếng kêu uống phí,
Năm canh thừa thốt đường muốn dứt.
Một ngọn cây biếc những vô tình.
Phận mỏng, nên phải trôi giạt
Vườn cỏ rậm đành thành bãi phẳng,
Nhờ người luôn cùng răn bảo,
Ta cũng cố giữ nếp nhà thanh bạch.*

Dịch thơ:

VE SẦU

*Ở nơi cao khó đủ,
Uống phí, tiếng kêu dài.
Thừa thốt, năm canh dứt,
Vô tình, cây biếc phơi.
Phận hèn, đành trôi giạt,
Vườn xưa hóa bãi bồi,
Răn bảo nhờ người đầy
Nhà thanh giữ nếp thôi.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim

CON VE

*Chỗ cao vốn khó kiếm ăn,
Luống công mỗi miệng nhọc nhằn phí hơi.
Năm canh thừa tiếng muốn thôi,
Một cây xanh biếc là nơi vô tình.
Phận hèn nhiều nỗi bấp bênh
Vườn xưa cỏ rậm đã thành bãi không.*

Nhờ ai răn bảo đến cùng,
Suốt nhà ta giữ tâm lòng sạch trong.

風雨

淒涼寶劍篇
羈泊欲窮年
黃葉仍風雨
青樓自管絃
新知遭薄俗
舊好隔良緣
心斷新豐酒
銷愁又幾千

149. PHONG VŨ

Thê lương bảo kiếm thiên⁽¹⁾
Ky bạc dục cùng niên.
Hoàng diệp nhưng phong vũ
Thanh lâu tự quản huyền.
Tân tri tao bạc tục
Cự hảo cách lương duyên.
Tâm đoạn tân phong tửu⁽²⁾
Tiêu sâu hựu kỷ thiên.

Dịch nghĩa:

MƯA GIÓ

Lạnh lẽo bài thơ Bảo kiếm.
Thân ở trọ lênh đênh, năm sắp hết,

⁽¹⁾ Bảo kiếm thiên: Bài thơ kiếm báu. Theo *Đường thư*: Võ Hậu đòi Quách Chấn làm văn. Chấn dâng bài thơ *Kiểm báu*. Ở đây ý nói, nợ văn chương thật thâm thương...

⁽²⁾ Tân Phong tửu: Rượu một làng ở Thiểm Tây. Thơ Lương Nguyên đế: "Chỉ chúc Tân Phong tửu, Dao động Lương Đài nhân", nghĩa là: Thử rót rượu Tân Phong, động lòng người Lương Đài.

*Lá vàng vẫn mưa gió cũ
 Lầu xanh vẫn đàn sáo ấy,
 Mới quen, gặp thói đời bạc bẽo.
 Bạn tốt với mình xưa thì cách trở duyên tình.
 Lòng đã thôi không uống rượu Tân Phong
 Tiêu sầu có lẽ phải vài nghìn chén!*

Dịch thơ:

GIÓ MƯA

*Vần thơ Kiếm báu thê lương,
 Cái thân quán trọ, bèo bọt hết năm.
 Gió mưa xưa rụng lá vàng,
 Lầu xanh, nhịp sáo cung đàn vẫn ngân.
 Bạc tình thay, bạn vừa quen,
 Bạn xưa thân thiết, duyên lành còn đâu!
 Rượu ngon cho đã cơn sầu,
 Chén nâng ắt cũng khoảng đâu vài nghìn.*

落花

高閣客竟去
 小園花亂飛
 參差連曲陌
 迢遞送斜暉
 腸斷未忍掃
 眼穿仍欲歸
 芳心向春盡
 所得是沾衣

150. LẠC HOA

*Cao các khách cánh khú,
 Tiểu viên hoa loạn phi,
 Sâm si liên khúc mạch,*

Thieu đệ tổng tà huy.
Trường đoạn vị nhần tảo,
Nhơn xuyên nhưng dục quy,
Phương tâm hướng xuân tận
Sở đắc thị triêm y.

Dịch nghĩa:

HOA RỤNG

*Gác cao khách cũng đã bỏ đi,
Vườn nhỏ hoa rụng bay toi bời,
So le mấy khúc đường quanh co,
Đường xa tiễn bóng chiều đi.
Nỗi đau lòng vẫn chưa dẹp hết,
Trùng mắt luôn muốn trở về,
Tâm lòng thơm thảo hướng về mùa xuân đã hết
Cái được chính là lệ ướt đầm áo.*

Dịch thơ:

HOA RỤNG

*Gác cao khách bỏ đi rồi!
Gió bay hoa rụng toi bời vườn xinh.
So le mấy khúc đường quanh,
Ánh chiều hiu hắt tắt dần dậm xa.
Buồn đau, dẹp nỗi đau mà!
Ngước nhìn những muốn về nhà thẳng bon.
Hướng xuân, tác dạ chẳng còn,
Áo đầm nước mắt họa chăng, lúc này.*

涼思

客去波平檻
蟬休露滿枝

永懷當此節
 倚立自移時
 北斗兼春遠
 南陵寓使遲
 天涯占夢數
 疑誤有新知

151. LƯƠNG TỬ

Khách khứ ba bình hạm
 Thiên hưu lộ mãn chi,
 Vĩnh hoài đương thử tiết,
 Ý lập tự di thì
 Bắc đẩu kiêm xuân viễn,
 Nam Lăng⁽¹⁾ ngụ sứ trì,
 Thiên nhai chiêm mộng số,
 Nghi ngộ hữu tân tri.

Dịch nghĩa:

Ý NGHĨ MONG MANH

*Khách ra đi, sóng yên ngoài mái hiên,
 Ve im tiếng, sương đầy cành!
 Nhớ nhung day dưa là tiết trời này.
 Dưa dầm dềng chân cũng là cái giờ thay đổi này.
 Sao Bắc Đẩu còn kia mùa xuân còn xa.
 Đất Nam Lăng, tin sứ chậm lâu...
 Chân trời xem mộng số,
 Ngờ rằng bạn đã có người quen mới.*

⁽¹⁾ Nam Lăng: Theo *Cựu Đường thư*. Nhà Lương đặt huyện Nam Lăng, năm Vũ Đức thứ bảy, thuộc Từ Châu. Sau này thuộc Tuyên Châu.

Ý NGHĨ MONG MANH

*Khách đi, sóng lặng hiên ngoài,
Tiếng ve đã dứt, sương rơi đầy cành.
Tiết này thương nhớ trở trần,
Thời giờ di chuyển một thân ra vào!
Xuân nơi xa, Bắc Đẩu cao.
Nam Lãng tin chậm xiết bao ngóng chờ
Góc trời mộng số hồi sư,
Bạn ta nơi ấy, thoáng ngờ có ai.*

北青蘿

殘陽西入崦
茅屋訪孤僧
落葉人何在
寒雲路幾層
獨敲初夜磬
閑倚一枝藤
世界微塵裡
吾寧愛與憎

152. BẮC THANH LA⁽¹⁾

Tàn dương tân nhập yểm
Mao ốc phỏng cô tăng.
Lạc điệp nhân hà tại?
Hàn vân lộ kỷ tầng
Độc xao sơ dạ khánh,
Nhàn ý nhất chi đăng

⁽¹⁾ Thanh La: Bài phú: "Giang yểm giang thượng chí sơn" có câu: "Quải Thanh La hề vạn nhận, thụ Đan Thạch hề bách trùng", nghĩa là: Quải Thanh La hề muôn nhận, dựng Đan Thạch hề trăm tầng.

Thế giới vi trần⁽¹⁾ lý
Ngô ninh ái dữ tăng.

Dịch nghĩa:

BẮC THANH LA

*Bóng chiều rụng xuống phía núi tây,
Nhà tranh đến thăm vị sư ở một mình.
Lá rụng, người đang ở đâu?
Mây lạnh, đường trập trùng mấy lối,
Chỉ có tiếng khánh đá gõ, đầu buổi đêm.
Thơ thảo ngồi bên dây sắn leo,
Trong thế giới đầy bụi bậm nhỏ bé,
Ta há yêu và ghét sao đây?*

Dịch thơ:

BẮC THANH LA

*Chiều lặn phía tây núi,
Nhà tranh thăm thầy tăng
Lá rơi, người đâu nhỉ?
Mây lạnh, đường mấy tầng!
Khách đá vắng đêm sớm,
Vin dây tựa lúc nhàn,
Thế gian, hạt bụi nhỏ
Yêu ghét làm sao đang?*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BẮC THANH LA

Bóng chiều lặn xuống núi tây,

⁽¹⁾ Vi trần: Theo kinh Phật trong cõi ba nghìn thế giới đều ở một cõi vi trần. Đập cõi vi trần ra thì thấy kinh nhà Phật.

*Nhà tranh đến hỏi thăm thầy cô tăng!
 Người đâu, lá rụng khắp rừng,
 Mây che lạnh lẽo, mây tầng đường đi!
 Một mình đập khánh đêm khuya
 Thần thơ đứng tựa gần kẻ dây leo,
 Ở trong trần thế bọt bèo,
 Ta đành cứ chịu ghét yêu cho rồi.*

ÔN ĐÌNH QUÂN (812 - 870)

Vốn tên là Kỳ, tên chữ là Phi Khanh, người Tĩnh Châu, thi nhiều lần không đỗ. Nhờ người tiền cử được giữ chức Phương Sơn úy. Thơ hay ngang Lý Thương Ẩn.

送人東遊

荒 戍 落 黃 葉
 浩 然 離 故 關
 高 風 漢 陽 渡
 初 日 郢 門 山
 江 上 幾 人 在
 天 涯 孤 棹 還
 何 當 重 相 見
 樽 酒 慰 離 顏

153. TỔNG NHÂN ĐÔNG DU

Hoang thú lạc hoàng diệp,
 Hạo nhiên ly cố quan
 Cao phong Hán Dương⁽¹⁾ độ,
 Sơ nhật Dĩnh⁽²⁾ môn sơn.

⁽¹⁾ Hán Dương: Nay là phủ Hán Dương tỉnh Hồ Nam.

⁽²⁾ Sinh: Kinh đô nước Sở, ở phía bắc cách Giang Lăng, Nam Quận chừng mười dặm.

Giang thượng kỷ nhân tại.
Thiên nhai cô trạo hoàn
Hà đương trùng tương kiến
Tôn tử úy ly nhan.

Dịch nghĩa:

TIỀN NGƯỜI SANG CHƠI PHÍA ĐÔNG

*Đồn hoang lá vàng rụng
Khảng khái rời cửa quan cũ.
Gió lộng trên bến Hán Dương.
Mặt trời mọc ở núi Sính môn,
Trên sông có bao người ở đó?
Góc trời một mái chèo lẻ về.
Biết ngày nào gặp lại,
Nâng chén sợ gương mặt chia ly.*

Dịch thơ:

TIỀN NGƯỜI SANG ĐÔNG

*Đồn hoang đang rụng lá vàng,
Ái xưa khảng khái rộn ràng ra đi.
Hán Dương gió lộng bên bờ,
Dĩnh Môn, vàng nhạt vừa nhô khỏi rừng!
Mấy người còn lại trên sông?
Mái chèo đơn lẻ bèo trôi cõi xa.
Gặp nhau lại, biết bao giờ.
Ngại nhìn mặt, nhấp chén khà biệt ly!*

MÃ ĐÁI

Tên chữ là Ngu Thần, người Hoa Châu, năm Hợi Xương thứ tư, đỗ tiến sĩ. Đầu năm Đại Trung làm thư ký cho quan Tư Không họ Lý, nói thẳng bị giáng làm Long Dương úy, cuối đời làm Thái Thường bác sĩ. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

灞上秋居

灞原風雨定
晚見雁行頻
落葉他鄉樹
寒燈獨夜人
空園白露滴
孤壁野僧鄰
寄臥郊扉久
何年致此身

154. BÁ⁽¹⁾ THƯỢNG THU CƯ

Bá nguyên phong vũ định.
Vãn kiến nhạn hàng tần
Lạc diệp tha hương thụ,
Hàn đăng độc dạ nhân,
Không viên bạch lộ trích,
Cô bích dã tăng lân.
Ký ngọa giao phi cử
Hà niên chí thử thân.

Dịch nghĩa:

MÙA THU Ở LẠI BÁ THƯỢNG

Gió mưa trên đất Bá đã yên.

⁽¹⁾ Bá: Sông Bá. Sông Bá từ huyện Lam Điền chảy ra, thời nhà Hán, khi chia tay nhau, người ta thường đến đây bẻ liễu để tặng nhau... Bá cũng là đất Bá Thượng, nay ở phía đông thành Tây An, tỉnh Thiểm Tây.

Buổi chiều thấy nhận bay nhiều.
 Lá rụng, trên cây đất khách,
 Đền lạnh với mình trong đêm.
 Vườn hoang sương trắng nhỏ giọt,
 Vách lẻ lảng giềng với sư làng.
 Nằm bẹp ở quán ngoại thành đã lâu.
 Cho đến năm nào mới yên cái thân này.

Dịch thơ:

NĂM LẠI KHI THU VỀ Ở BÁ THƯỢNG

Gió mưa đất Bá đã nhàn,
 Chiều buông cánh nhận bao lần liệng bay.
 Lá rơi đất khách đã dày,
 Đền khuya thêm lạnh cho ai một mình!
 Vườn không, sương gió đầu cành.
 Láng giềng vách lẻ: sư tăng chùa làng.
 Nằm lâu mãi đất ngoại thành
 Bao giờ mới được yên thân kiếp này!

楚江懷古

露	氣	寒	光	集
微	陽	下	楚	丘
猿	啼	洞	庭	樹
人	在	木	蘭	舟
廣	澤	生	明	月
蒼	山	夾	亂	流
雲	中	君	不	見
竟	夕	自	悲	秋

155. SỞ GIANG HOÀI CỔ

Lộ khí hàn quang tập,
 Vi dương há Sở Khâu
 Viên đề Động Đình thụ,

Nhân tại mộc lan chu⁽¹⁾
Quảng trạch sinh minh nguyệt
Thương Sơn giáp loạn lưu
Vân trung quân⁽²⁾ bất kiến,
Cánh tịnh tự bi thu⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

TRÊN SÔNG NƯỚC SỞ HOÀI CỔ

*Khí mây móc tụ lại đám ánh sáng lạnh,
Mặt trời mờ chiếu trên gò nước Sở.
Vườn kêu trong rừng cây Động Đình,
Người ngồi trên chiếc thuyền lan xuôi dòng.
Đầm rộng nên có mặt trăng sáng,
Núi xanh giáp với những dòng nước
gặp nhau chẳng chịt.
Nhiệm màu thay vị chúa mây,
Lòng dạ lúc nào cũng rầu rầu khi thu tới.*

Dịch thơ:

TRÊN SÔNG SỞ HOÀI CỔ

*Hơi mây đồn vể sáng,
Gò Sở, mặt trời nhòa.
Cây Động Đình, người dạo qua...
Trăng trong, đầm rộng trải.
Dòng loạn, núi xanh kề.
Màu nhiệm, chúa mây đến
Đêm thu buồn nào nề...*

⁽¹⁾ Mộc lan chu: Thuyền Mộc Lan. Theo Thuật Dị ký, sông Mộc Lan ở đất Tầm Dương, rừng có nhiều cây mộc lan, người ta đẽo gỗ làm thuyền.

⁽²⁾ Vân trung quân: Vị thần Mây. *Cửu ca* của Khuất Nguyên có bài nói về thần Mây (*Vân trung quân*).

⁽³⁾ Bi thu: Bài phú *Thu hứng* của Phiên Nhạc có câu: "Bi tai, thu chi vi khí dã", nghĩa là: Buồn thương thay khí trời dượm hơi thu.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

THƠ HOÀI CỔ LÀM TRÊN SÔNG NƯỚC SỞ

Khí sương sáng lạnh một bầu,
Bóng dương mờ chiếu Sở Khâu sớm ngày.
Động Đình vượn hót trên cây,
Thuyền lan chở khách, người ngây nổi lòng.
Trăng soi đầm rộng sáng trong,
Núi xanh bao khắp mấy dòng nước giao.
Chúa mây lui tới rất mau.
Suốt đêm chỉ những rầu rầu cảnh thu.

TRƯƠNG KIỂU

Người Trì Châu. Khoảng những năm Hàm Thông, ông cùng Hứa Thường, Trịnh Cốc, Trương Tân... mười người được coi là mười ngôi sao sáng (Thập triết) trong làng thơ. Gặp loạn Hoàng Sào, cuối đời ông ở ẩn ở núi Cửu Hoa, An Huy. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

書邊事

調	角	斷	清	秋
征	人	倚	戍	樓
春	風	對	青	塚
白	日	落	梁	州
大	漠	無	兵	阻
窮	邊	有	客	遊
蕃	情	似	此	水
長	願	向	南	流

156. THƯ BIÊN SỰ

Điệu giắc đoạn thanh thu
Chinh nhân ý thú lâu.

Xuân phong đổi thanh trủng⁽¹⁾
Bạch nhật lạc Lương Châu⁽²⁾.
Đại mạc vô binh trở,
Cùng biên hữu khách du.
Phiên tình tự thủ thủy,
Trường nguyện hướng nam lưu.

Dịch nghĩa:

CHÉP VIỆC NGOÀI BIÊN ẢI

*Tiếng vù và làm đứt quãng mùa thu trong sáng
Người chiến trận đứng trên đồn canh.
Gió xuân thổi vào nắm mồ xanh
Mặt trời lặn xuống đất Lương Châu.
Vùng hoang mạc không có chuyện binh lửa,
Tận cùng biên ải có khách đến thăm.
Tình người ở đất Phiên giống như dòng sông này
Mãi mãi nguyện xuôi về nam.*

Dịch thơ:

CHÉP VIỆC NGOÀI BIÊN

*Ngắt mùa thu, tiếng tù và,
Chinh nhân ở chốn đồn xa, trên lầu.
Mồ xanh gặp gió xuân trên,
Mặt trời nhạt đã lặn vào Lương Châu.
Bãi hoang binh lửa còn đâu,
Khách du đến tận mút đầu vùng biên.
Tình sông, ý người ở Phiên
Hướng về nam chảy liên miên chẳng dừng!*

⁽¹⁾ Thanh trủng: Theo *Quy Châu đồ kinh*: Cỏ trên đất Hồ thường trắng. Riêng cỏ trên mồ Vương Chiêu Quân thì xanh, nên gọi là mồ xanh.

⁽²⁾ Lương Châu: Đất Thương Châu, Thiểm Tây bây giờ là đất Lương Châu xưa.

THÔI ĐỒ

Tên chữ là Lễ Sơn. Người Giang Nam, đỗ tiến sĩ năm Quang Khải, đời vua Hi Tông. Thơ thường buồn.

Chưa rõ năm sinh, năm mất.

除夜有懷

迢遞三巴路
羈危萬里身
亂山殘雪夜
孤獨異鄉春
漸與骨肉遠
轉於僮僕親
那堪正飄泊
明日歲華新

157. TRỪ DẠ HỮU HOÀI

Thieu đệ Tam Ba lộ,
Ky nguy vạn lý thân.
Loạn sơn tàn tuyết dạ,
Cô chúc di hương nhân
Tiệm dữ cốt nhục viễn,
Chuyển ư đồng tộc thân,
Na kham chính phiêu bạt,
Minh nhật tuế hoa tân.

Dịch nghĩa:

NGHĨ NGỢI HOÀI CẢM ĐÊM BA MƯƠI TẾT

*Đường đi Tam Ba xa vắng đặc
Cái thân muốn dậm chuốc nhiều lo lắng nguy hiểm
Đêm tàn tuyết, vẫn đổ xuống núi trập trùng
Một mình thấp đuối nơi đất khách,*

Người ruột thịt lần lửa đành xa,
Chuyển sang thân mật với đám tôi tớ,
Đâu cứ cam chịu cảnh trôi dạt mãi,
Ngày mai, thêm tuổi mới.

Dịch thơ:

ĐÊM TRỪ TỊCH HOÀI CẢM

Đường Tam Ba tít tắp,
Muôn dặm, mình lo toan.
Đêm núi, tuyết phơi trắng.
Đuốc tàn, đất khách chong.
Xa dần người ruột thịt
Thân thiết với gia đồng
Trôi dạt há cam chịu
Ngày mai, tuổi mới mừng.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

SỰ TƯƠNG NGHĨ TỐI NGÀY BA MƯƠI TẾT

Tam Ba đường xá xa xôi,
Thân ngoài muôn dặm mắc hoài nỗi lo.
Suốt đêm tuyết xuống núi gò,
Ngọn đèn hiu hắt thân cô quê người.
Lửa cột nhục tạm nguôi,
Lại cùng tôi tớ bụi nguì làm thân,
Chịu đâu trôi giạt gian truân.
Ngày mai năm mới thấy xuân đó mà!

孤雁

幾行歸塞盡
片影獨何之
暮雨相呼失
寒塘欲下遲

渚雲低暗渡
關月冷相隨
未必逢繒繳
孤飛自可疑

158. CÔ NHẠN

Kỷ hàng quy tái tận
Niệm nhĩ độc hà chi?
Mộ vũ tương hô thất,
Hàn đường dục hạ trì.
Chữ vân đề ám độ
Quan nguyệt lãnh tương tùy.
Vị tất phùng tăng chúc⁽¹⁾
Cô phi tự khả nghi.

Dịch nghĩa:

NHẠN LẺ

Mấy hàng nhận bay về tận cửa ải!
Cứ nghĩ mây sao chỉ có một mình?
Con mưa chiều gọi nhau cũng không được
Ao lạnh muốn xuống cũng chậm.
Bến mây thấp lặng bay qua
Trăng cửa ải lạnh dõi theo
Chưa hẳn đã gặp phải tên nô,
Một đám mây lẻ cũng luôn ngờ vực.

Dịch thơ:

NHẠN LẺ

Bao đàn đến tận ải xa,
Sao mây lại chỉ vào ra một mình?

(1) Tăng chúc: Tên cỏ. Theo Hoài nam tử, nhận ngậm lau mà bay để tránh tên cỏ.
Tăng chúc là loại tên nhỏ, thân bằng cỏ cứng để bắn nhận.

Mưa chiều, tiếng gọi mát tắm,
 Bờ ao lạnh ngắt ngai ngần liệng chao.
 Bền mây nghiêng cánh sà vào,
 Vàng trắng ải lạnh đôi theo chẳng rời.
 Dấu là tên chẳng bắn rơi,
 Thê cô, một áng mây trôi cũng ngờ.

ĐỖ TUÂN HẠC (846 - 907).

Tên chữ là Ngạn Chi, người Trì Châu (nay thuộc An Huy), đỗ tiến sĩ năm Đại Thuận, làm quan đến chức Hàn Lâm học sĩ, còn có tên hiệu là Cửu Hoa sơn nhân.

春宮怨

早被嬋娟誤
 欲妝臨鏡慵
 承恩不在貌
 教妾若爲容
 風暖鳥聲碎
 日高花影重
 年年越溪女
 相憶採芙蓉

159. XUÂN CUNG ỖÁN

Tảo bị thuyền quyên⁽¹⁾ ngộ
 Dục trang lâm kính dung
 Thừa ân bất tại mạo
 Giao thiếp nhược vị dung.
 Phong noãn điều thanh toái

⁽¹⁾ Thuyền quyên: Người con gái đẹp.

Nhật cao hoa ảnh trùng
Niên niên Việt Khê⁽¹⁾ nữ,
Tương ước thái phù dung.

Địch nghĩa:

NỖI OÁN XUÂN CỦA NGƯỜI CUNG NỮ

*Sớm bị làm lạc vì là người đẹp,
Muốn trang điểm ngại đến trước gương
On vua nhờ đâu ở gương mặt,
Thì việc gì thiếp phải lo đến làm dáng.
Gió ấm tiếng chim kêu nhiều,
Mặt trời cao bóng hoa trập trùng.
Năm năm, người con gái Việt Khê
Cùng nhớ nhau lúc hái hoa phù dung.*

Địch thơ:

XUÂN CUNG OÁN

*Thuyền duyên sớm đã bị làm,
Muốn điểm trang luống ngại ngần trước gương.
On vua nào ở dung nhan
Có chi lo chuyện sửa sang mặt mày.
Chim trời gió ấm hót hay,
Trời cao nắng dọi, thêm dày bóng hoa.
Hàng năm cô gái Việt Khê,
Bâng khuâng lại nhớ tới mùa hái sen.*

⁽¹⁾ Việt Khê: Tức Nhược Gia Khê, tên khác là Việt Khê, nơi Tây Thi thường đến hái sen (theo *Phương Dư thắng lãm*).

VI TRANG (836 - 910)

Tên chữ là người Đoan Kỷ, người Đỗ Lăng, Trảng An (nay thuộc Tây An, Thiểm Tây), đỗ tiến sĩ năm Càn Ninh, trải các chức Hiệu thư lang, theo giúp Vương Kiến, làm Tán Kỵ thường thị, thăng Lại Bộ thị lang Bình Chương sự.

章臺夜思

清瑟怨遙夜
繞絃風雨哀
孤燈聞楚角
殘月下章臺
芳草已云暮
故人殊未來
鄉書不可寄
秋雁又南迴

160. CHƯƠNG ĐÀI DẠ TỨ

Thanh sắt oán dao dạ,
Nhiều huyền phong vũ ai.
Cô đăng văn Sở giác,
Tàn nguyệt há Chương Đài⁽¹⁾.
Phương thảo dĩ vân mộ
Cổ nhân thù vị lai
Hương thư bất khả ký
Thu nhận hựu nam hồi.

Dịch nghĩa:

SUY NGHĨ VỀ ĐÊM CHƯƠNG ĐÀI

Tiếng đàn sắt oán nỗi đêm dài,

⁽¹⁾ Chương Đài: Ở phía trong kinh đô Trảng An.

*So giây tơ gió mưa buồn thảm,
Ngon đèn lẻ loi nghe tù và nước Sở
Trăng tàn phía Chương Đài.
Cỏ thơm đã chuyển mùa, tàn úa
Bạn xưa thì vẫn không quay lại.
Thư nhà làm sao mà gửi đi,
Cánh nhạn mùa thu lại bay về phương nam.*

Dịch thơ:

ĐÊM NGHĨ NGỢI Ở CHƯƠNG ĐÀI

*Tiếng đàn sắt, oán đêm xa
Năm giây, mưa giót xốt xa cỗi lòng,
Tù và Sở rúc, đèn chong.
Chương Đài lối ấy, ánh trăng đã tàn,
Cỏ thơm chừng đã úa vàng.
Bạn xưa chút nghĩa cũ càng thấy đau!
Thư nhà biết gửi làm sao,
Phương nam, nhạn đã bay vào với thu.*

TẶNG HẠO NHIÊN

Chính là họ Tạ, tên chữ là Thanh Chú, người Ngô Hưng (nay là Tràng Hưng, Chiết Giang). Dòng dõi Tạ Linh Vận, cháu đời thứ 10. Ông có tham gia soạn sách, tập hợp thơ ca dưới thời quan thứ sử Nhan Lỗ Công, sau được đời Trịnh Nguyên lưu giữ. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

尋陸鴻漸不遇

移家雖帶郭
野徑入桑麻
近種籬邊菊
秋來未著花

扣門無犬吠
欲去問西家
報道山中去
歸來每日斜

161. TẦM LỤC HỒNG TIỆM⁽¹⁾ BẤT NGỘ

Di gia tuy đáí quách,
Dã kính nhập tang ma.
Cận chủng li biên cúc,
Thu lai vị chúc hoa.
Khẩu môn vô khuyển phê,
Dục khứ vấn tây gia.
Báo đạo sơn trung khứ,
Quy lai mỗi nhật tà.

Dịch nghĩa:

TÌM LỤC HỒNG TIỆM KHÔNG GẶP

*Dời nhà, tuy ở phía ngoài ô,
Đường đồng, đi giữa đám ruộng dâu, ruộng đay.
Cúc giồng ngay ở bên hàng rào,
Mùa thu đã về mà hoa chưa thấy nở.
Gõ cửa ngoài, không thấy chó cắn,
Muốn đi, liền hỏi nhà phía bên tây.
Cho biết rằng (ông) đã đi vào núi,
Chỉ lúc nào chiều xuống mới trở về.*

Dịch thơ:

TÌM LỤC HỒNG TIỆM KHÔNG GẶP

*Nhà dời, mé thành ngoài,
Lối quê đầy dâu đay.*

⁽¹⁾ Lục Hồng Tiệm: Xét Đường Thư ẩn dật truyện, Lục Vũ, tên chữ là Hồng Tiệm, người Kinh Lang Phúc Châu. Ông là người rất sành về trà, người đương thời tôn làm Trà thần.

*Trông cúc ngay bờ giậu,
Thu về hoa chậm khai.
Gỗ cửa, không chó sủa,
Sang hỏi nhà bên tây.
Rằng đã vào trong núi,
Xế chiều mới về đây.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TÌM LỤC HỒNG TIỆM KHÔNG GẶP

*Dời nhà ở mé thành ngoài
Đường vào qua đám dâu đay chạy dài.
Cúc giồng dọc giậu xanh tươi,
Thu về hoa vẫn chưa khai trên cành.
Gỗ cửa ngoài, chó lặng thinh
Gặp đi ghé hỏi sự tình nhà bên.
Nói rằng vào núi thường quen,
Mỗi ngày xế bóng tây hiên mới về.*

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 6)

THẤT NGÔN LUẬT THI

(Từ thể thơ ngũ ngôn luật mà hình thành thể thất ngôn luật. Xét xa hơn, lấy cái hay của thơ luật từ Thảm Ước (đời Lục triều) mà đặt thành luật, khởi đầu từ đời Đường).

THÔI HIỆU (704? - 754)

Người Biện Châu (nay là Khai Phong, Hà Nam). Đỗ tiến sĩ năm Khai Nguyên, làm quan đến chức Tư Huân viên ngoại lang.

黃鶴樓

昔人已乘黃鶴去
此地空餘黃鶴樓
黃鶴一去不復返
白雲千載悠悠
晴川歷歷漢陽樹
芳草萋萋鸚鵡洲
日暮鄉關何處是
煙波江上使人愁

162. HOÀNG HẠC LÂU⁽¹⁾

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu!
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.

⁽¹⁾ Hoàng Hạc lâu: Lầu Hoàng Hạc. Theo *Tê giai ký*, ở núi Hoàng Hạc có vị tiên tên là Tử An cưỡi hạc vàng qua đó. Nay thuộc thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc.

Tĩnh Xuyên⁽¹⁾ lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu⁽²⁾.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Dịch nghĩa:

LẦU HOÀNG HẠC

*Người xưa cười hạc bay đi rồi,
Lầu Hạc vàng còn trơ lại đấy!
Hạc vàng đã bay đi không trở lại nữa,
Nghìn thu mây trắng còn lờn vờn.
Sông tạnh, cây Hán Dương đẹp rờ rờ,
Cỏ thơm bãi Anh Vũ xanh mon môn.
Trời sắp tối, đâu là quê hương mình,
Khói sóng trên sông khiến lòng người đượm buồn.*

Dịch thơ:

LẦU HOÀNG HẠC

*Cười hạc người xưa bay mất rồi,
Chỉ lầu Hoàng Hạc đứng trơ thôi!
Hạc vàng đi hẳn không quay lại,
Mây trắng ngàn năm bóng vẫn soi.
Sông tạnh, Hán Dương cây thắm thắm,
Bãi xa Anh Vũ cỏ bời bời.
Mặt trời gác núi, quê nào thấy
Khói sóng trên sông, nấu dạ người.*

⁽¹⁾ Tĩnh Xuyên: Góc Tĩnh Xuyên tại phía đông phủ Hán Dương.

⁽²⁾ Anh Vũ châu: Bãi Anh Vũ, ở giữa lòng sông lớn phía tây Giang Hạ, nơi Hoàng Tổ giết Nhụ Hành. Hành thường làm bài phú *Bãi Anh Vũ trắng* (Bạch Anh vũ phú), khi bị hại người đời gọi thành tên, ở phía bắc lầu Hoàng Hạc.

LẦU HOÀNG HẠC

Hạc vàng ai cưới đi đâu,
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.
Hạc vàng bay mất từ xưa,
Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bầy,
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.

行經華陰

峯 嶢 太 華 俯 咸 京
天 外 三 峰 削 不 成
武 帝 祠 前 雲 欲 散
仙 人 掌 上 雨 初 晴
河 山 北 枕 秦 關 險
驛 路 西 連 漢 峙 平
借 問 路 傍 名 利 客
何 如 此 處 學 長 生

163. HÀNH KINH HOA ÂM⁽¹⁾

Thiều nghiêu Thái Họa phủ Hàm Kinh⁽²⁾
Thiên ngoại tam phong⁽³⁾ tước bất thành.
Vũ đế từ⁽⁴⁾ tiền vân dục tán.

⁽¹⁾ Hoa Âm: Huyện Hoa Âm ở phủ Đồng Châu, có núi Hoa Âm trước mặt nên gọi là Hoa Âm.

⁽²⁾ Hàm Kinh: Tức Hàm Dương. Nhà Tần, nhà Hán dựng kinh đô ở đây.

⁽³⁾ Thái Họa tam phong: Theo *Quảng Dư ký*, núi Thái Họa vách đá thẳng vút như bóc ra, gồm ba ngọn núi: Ngọc Nữ, Liên Hoa, Minh Tinh.

⁽⁴⁾ Vũ Đế từ: Theo *Hoa Sơn chí*: Hán Vũ Đế đến Cự Linh thấy ngọn núi như tiên chưởng (nắm tay tiên) lập đền ở đó, gọi là đền Cự Linh.

Tiên nhân chưởng⁽¹⁾ thượng vũ sơ tình.
Hà sơn bắc chấm Tàn quan hiểm
Dịch lộ tây liên Hán Trĩ bình
Tá vấn lộ bàng danh lợi khách,
Hà như thử địa học trường sinh⁽²⁾.

Địch nghĩa:

ĐI DỘC ĐẤT HOA ÂM

*Chót vót núi Thái Hòa nhòm khắp cả đô thành
Ngoài trời, ba ngọn núi đèo gọt không nổi.
Trước cửa đền Vũ đế mây muốn tan
Trên ngọn Tiên nhân chưởng mưa vừa mới tạnh.
Núi Hà gói lên phía bắc cửa ải nhà Tàn hiểm trở,
Đường trạm ngựa phía tây
liền với ruộng Hán bằng phẳng.
Xin ước hỏi khách danh lợi ở bên đường,
Sao bằng đất ấy học trường sinh.*

Địch thơ:

ĐI DỘC HOA ÂM

*Chon von núi Thái rợp Hàm kinh,
Ba ngọn rời ra đèo chẳng thành.
Vũ đế trước đền, mây muốn loãng,
Núi Tiên nhân chưởng gió mưa tan.
Non Hà gói bắc, ải Tàn hiểm,
Trạm dịch miền tây, ruộng Hán bằng.
Ước hỏi bên đường khách danh lợi,
Chi bằng đất ấy học trường sinh.*

⁽¹⁾ Tiên Chưởng: Ngọn núi nằm trong núi Hoa Sơn, sông Hoàng Hà chảy qua.

⁽²⁾ Trường sinh: Sống lâu. *Trang Tử*. Chờ bận tâm về hình hài của anh, chờ để tinh thần lay động. Như thế sẽ sống lâu.

TỔ VINH (694 - 746)

Người Lạc Dương (nay thuộc Hà Nam). Đỗ tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ 13, làm quan đến chức Giá bộ viên ngoại lang.

望 薊 門

燕臺一去客心驚
笳鼓喧喧漢將營
萬里寒光生積雪
三邊曙色動危旌
沙場烽火侵胡月
海畔雲山擁薊城
少小雖非投筆吏
論功還欲請長纓

164. VỌNG KÊ MÔN⁽¹⁾

Yên đài⁽²⁾ nhất khứ khách tâm kinh,
Già cổ huyền huyền Hán tướng dinh.
Vạn lý hàn quang sinh tích tuyết,
Tam biên thục sắc động nguy tinh.
Sa trường phong hỏa xâm Hồ nguyệt,
Hải bạn vân sơn ủng Kế thành.
Thiếu tiểu tuy phi đầu bút⁽³⁾ lại,
Luận công hoàn dục thỉnh trường anh⁽⁴⁾.

⁽¹⁾ Kê Môn: Theo *Nhất thống chí*, Kê Môn quan ở Kê Châu.

⁽²⁾ Yên đài: Yên Chiêu vương đặt nghìn vàng trên đài để chiêu vờ kẻ hiền tài, nên gọi là đài ngàn vàng.

⁽³⁾ Đầu bút: Ném bút. Theo *Truyện Ban Siêu*, Siêu nhà nghèo, phải làm chức lại, bèn ném bút nói: đại trượng phu phải có chí lớn xông pha, đầu chịu làm viên lại tầm thường. Sau quả nhiên thành một viên tướng tài giỏi.

⁽⁴⁾ Trường anh: Nếp nhà trâm anh: Theo *Hán thư Chung Quân truyện*. Chung Quân vốn con nhà dòng dõi, tự nguyện xin ra ngoài cửa ải lập công.

Dịch nghĩa:

NHÌN LÊN KÊ MÔN

*Một lần đến Yên đài, lòng khách sợ kinh,
Kèn trống huyền nao ở dinh tướng ở nhà Hán.
Muôn dặm ánh sáng, lạnh cả tầng tuyết,
Vùng ba biên giới hiện rõ sắc cờ lay động.
Nơi sa trường khói lửa mờ cả trăng đất Hồ,
Núi mây bên bờ biển phủ che Kê thành.
Tuổi trẻ dẫu chẳng ném bút của chức lại
Bàn về chiến công cứ muốn giữ được về con nhà!*

Dịch thơ:

NHÌN LÊN KÊ MÔN

*Lòng kinh khách bước tới đài Yên,
Dinh Hán vang vang tiếng trống kèn.
Muôn dặm sáng trời tầng tuyết lạnh,
Ài quan ba nước bóng cờ chênh.
Sa trường khói lửa trăng Hồ khuất,
Bãi biển non mây phủ Kê thành.
Tuổi trẻ chức còn chưa gác bút
Luận công mong giữ nếp trâm anh.*

THÔI THỤ

Người Tống Châu. Đồ tiến sĩ năm Khai Nguyên thứ 26. Làm chức quan nhỏ, sau về Tung Sơn ở ẩn. Chưa rõ năm sinh năm mất.

九月登望仙臺呈劉明府

漢文皇帝有高臺
此日登臨曙色開
三晉雲山皆北向

二陵風雨自東來
關門令尹誰能識
河上仙翁去不回
且欲竟尋彭澤宰
陶然共醉菊花杯

165. CỬU NGUYỆT ĐĂNG VỌNG TIÊN ĐÀI⁽¹⁾ TRÌNH LƯU MINH PHÚ

Hán Văn hoàng đế hữu cao đài,
Thử nhật đăng lâm thụ sắc khai.
Tam Tấn⁽²⁾ vân sơn giai bắc hướng,
Nhị Lăng⁽³⁾ phong vũ tự đông lai.
Quan môn lệnh doãn⁽⁴⁾ thùy năng thức,
Hà thượng tiên ông⁽⁵⁾ khứ bất hồi.
Thả dục cận tâm Bành Trạch tể
Đào nhiên cộng túy cúc hoa bôi.

Dịch nghĩa:

THÁNG CHÍN LÊN ĐÀI VỌNG TIÊN TRÌNH LƯU MINH PHÚ

*Hán Văn hoàng đế có đài cao.
Ngày hôm ấy bước lên đài dựng sáng.
Núi mây đất Tam Tấn đều hướng về bắc
Mưa gió ở hai lăng đều từ hướng đông sang
Quan lệnh doãn ở cửa ải, ai người đã biết,
Ông tiên trên sông đi không thấy quay lại.*

⁽¹⁾ Vọng Tiên đài: Theo *Thần tiên truyện*, Hà Thượng Công nhận lời Văn Đế đi cầu thuốc trường sinh, đi không trở lại. Vua cho đắp đài Vọng Tiên để ngày ngày lên ngắm.

⁽²⁾ Tam Tấn: Nước Hàn, nước Ngụy, nước Triệu là đất Tam Tấn.

⁽³⁾ Hai lăng: Nam lăng và Bắc lăng từ thời nhà Hạ và nhà Chu.

⁽⁴⁾ Quan môn lệnh doãn: Theo *Hán thư nghệ văn chí*, có viên quan lệnh doãn coi cửa quan tên là Hỉ, gặp Lão Tử ghé qua, bỏ quan đi theo.

⁽⁵⁾ Hà Thượng tiên ông: Chính là vị tiên Hà Thượng Công ở trên.

*Những muốn gần tìm quan tể Bành Trạch,
Hón hỏ cùng say chén rượu hoa cúc.*

Dịch thơ:

LÊN ĐÀI VỌNG TIÊN

*Hán Văn hoàng để có đài cao,
Buổi ấy trèo lên rục sắc màu.
Tam Tán núi mây đều hướng bắc,
Hai lǎng mưa gió phía đông vào.
Ải quan, lệnh doãn ai người biết?
Sông nước tiên giờ vẫn tận đâu!
Bành Trạch mong tìm quan tể tướng,
Say vui rượu cúc, chén đầy trao.*

LÝ KỲ

送魏萬之京

朝聞遊子唱驪歌
昨夜微霜初度河
鴻雁不堪愁裡聽
雲山況是客中過
關城曙色催寒近
御苑砧聲向晚多
莫是長安行樂處
空令歲月易蹉跎

166. TÔNG NGUY VẠN⁽¹⁾ CHI KINH

Triều văn du tử xướng lí ca,

⁽¹⁾ Ngụy Vạn: Theo *Đường thi Ký sự*, Ngụy Vạn còn có tên là Hạo, thi đỗ đầu năm Thượng Nguyên.

Tạc dạ vi sương sơ độ hà.
Hồng nhạn bất kham sâu lý thính,
Vân sơn hưởng thị khách trung qua.
Quan thành thụ sắc thôi hàn cận,
Ngự uyển chiêm thanh hướng văn đa.
Mạc thị Trường An hành lạc xứ,
Không kim tuế nguyệt dị tha đà.

Địch nghĩa:

TIỀN NGUY VẠN LÊN KINH ĐÔ

*Buổi sớm nghe người đi xa hát ca ly biệt,
Đêm qua trời sương nhỏ, vừa sang sông.
Nghe chim hồng nhạn kêu không nén nỗi sầu
Mây núi hưởng là nơi khách đi qua.
Nơi thành ải ánh ngày giục cái lạnh đến gần,
Vườn vua tiếng chày về chiều càng nhiều
Chớ cho đất Tràng An là nơi hành lạc,
Luống để năm tháng lần lữa trôi qua...*

Địch thơ:

TIỀN NGUY VẠN VỀ KINH THÀNH

*Sớm nghe du tử hát ly ca,
Đêm trước qua sông sương phủ nhòa.
Hồng nhạn giọng buồn sâu khó nén,
Núi mây đất khách phải bồn ba.
Ải thành rục sáng, rét về sớm,
Vườn ngự chày buông rộn phía xa.
Chớ bảo Trường An nơi hát xướng,
Lần khân năm tháng lữ trôi qua.*

LÝ BẠCH

登金陵鳳凰台

鳳凰台上鳳凰游
鳳去台空江自流
吳宮花草埋幽徑
晉代衣冠成古邱
三山半落青天外
二水澄清白鷺洲
總爲浮雲能蔽日
長安不見使人愁

167. ĐĂNG KIM LĂNG PHƯỢNG HOÀNG ĐÀI⁽¹⁾

Phượng Hoàng đài thượng phượng hoàng du,
Phượng khứ đài không giang tự lưu.
Ngô cung hoa thảo mai u kính,
Tân đại y quan thành cổ khâu.
Tam sơn⁽²⁾ bán lạc thanh thiên ngoại,
Nhị thủy⁽³⁾ trung phân Bạch Lộ châu.
Tống vị phù vân⁽⁴⁾ năng tế nhật,
Trường An bất kiến sử nhân sầu.

⁽¹⁾ Phượng Hoàng đài: Theo *Lục triều sự tích*, khoảng năm Nguyên Gia (424 - 452) đời Tống, nhân người ta thấy chim ngũ sắc bay về đậu ở Kim Lăng, cho đó là chim phượng hoàng và dựng đài Phượng Hoàng ở đó.

⁽²⁾ Tam Sơn: Theo *Nhất thống chí*, Tam Sơn ở phía Tây Nam, phủ Ứng Thiên, có ba ngọn, bốn bề đều thấy.

⁽³⁾ Nhị thủy: Theo bia *Sử Chính Trung*: Suối Tân Hoài chảy vào sông Dung Phiêu, giữa hai núi, chia làm hai dòng, một chảy quanh thành, một chảy qua thành, còn qua một vùng bãi gọi là Bạch Lộ châu.

⁽⁴⁾ Phù vân: Mây nổi. Lục Giả (đời Hán) nói: "Tà thần tề hiện do phù vân chi chương nhật nguyệt dã", nghĩa là: Bề tôi gian hại người hiền như mây nổi che mặt trời, mặt trăng vậy.

Dịch nghĩa:

LÊN ĐÀI PHƯỢNG HOÀNG Ở KIM LĂNG

Chim phượng xưa đã qua Phượng Hoàng đài,
Phượng đi mất, đài tro dòng nước xuôi.
Cung Ngô hoa cỏ lấp, lối đi tối,
Áo mũ đời Tấn nay tro gò không.
Tam Sơn một nửa như rơi ngoài trời xanh
Nhị Thủy chia hai ngã nổi lên bãi Bạch Lộ
Mây nổi vẫn cứ che mặt trời,
Chẳng thấy Trường An lòng buồn bã.

Dịch thơ:

LÊN PHƯỢNG HOÀNG ĐÀI Ở KIM LĂNG

Phượng hoàng đến Phượng Hoàng đài!
Phượng đi, đài nát nước trôi theo dòng.
Cung Ngô cỏ lấp mịt mừng,
Y quan đời Tấn, đời không, cũ càng.
Nửa trời nghiêng dãy Tam Sơn,
Bãi xa Bạch Lộ đôi dòng chảy xuôi.
Tà gian mây lấp mặt trời,
Trường An chẳng thấy bờ bờ sầu thương.

送李少府貶峽中王少府貶長沙

嗟君此別意何如
駐馬銜杯問謫居
巫峽啼猿數行淚
衡陽歸雁幾封書
青楓江上秋帆遠
白帝城邊古木疏
聖代即今多雨露
暫時分手莫躊躇

168. TỔNG LÝ THIẾU PHỦ BIẾM GIÁP TRUNG, VƯƠNG THIẾU PHỦ BIẾM TRƯỜNG SA

Ta quân thử biệt ước hà như,
Trú mã hàm bôi vấn trích cư.
Vu Giáp⁽¹⁾ đề viên sổ hàng lệ
Hành Dương quy nhận kỷ phong thư.
Thanh phong⁽²⁾ giang thượng thu phàm viễn,
Bạch Đế thành⁽³⁾ biên cổ mộc sơ.
Thánh đại tức kim đa vũ lộ,
Tạm thời phân thủ mạc trừ trừ.

Dịch nghĩa:

TIỀN LÝ THIẾU PHỦ BIẾM ĐI GIÁP TRUNG, VƯƠNG THIẾU PHỦ BIẾM ĐI TRƯỜNG SA

*Than thở cho anh cuộc chia tay này nhớ sao đây!
Dừng ngựa, ngừng chén hỏi chuyện đi đây.
Vu Giáp tiếng vọng làm rơi vài hàng lệ,
Đất Hành Dương nhận về đem theo vài phong thư.
Trên sông Thanh Phong cánh buồm mùa thu xa xa,
Bên thành Bạch Đế vài cây xưa thưa thớt.
Đời thánh buổi này nhiều ơn mưa móc,
Cuộc chia tay tạm thời, chần chừ làm chi.*

Dịch thơ:

TIỀN LÝ THIẾU PHỦ VÀ VƯƠNG THIẾU PHỦ ĐI ĐẦY

Chia biệt cùng anh, than trách ai?

⁽¹⁾ Vu Giáp: Theo *Đường thư địa lý chí*: Quận Vân An, Quỳnh Châu, có núi Vu Sơn. Vu Giáp ở Di Lăng, dài ba trăm sáu mươi dặm.

⁽²⁾ Thanh Phong: Sông chảy qua Trường Sa, Hồ Nam.

⁽³⁾ Bạch Đế thành: Ở phía đông phủ Quỳnh Châu.

Ngựa dừng chén lạng chuyện đi đây.
 Vườn kêu Vu Giáp đôi dòng lệ
 Nhận lại Hành Dương thư đến tay.
 Thu đến Thanh Phong, buồm tít tắp,
 Thành bên Bạch Đế, nhật tàng cây.
 Thời nay thánh đế ơn mưa móc,
 Lấn bản làm chi buổi tiền này!

SẨM THAM

和賈至舍人早朝大明宮之作

雞鳴紫陌曙光寒
 鶯囀皇州春色闌
 金闕曉鐘開萬戶
 玉階仙仗擁千官
 花迎劍珮星初落
 柳拂旌旗露未乾
 獨有鳳凰池上客
 陽春一曲和皆難

169. HỌA GIẢ CHÍ⁽¹⁾ XÁ NHÂN TẢO TRIỀU ĐẠI MINH⁽²⁾ CUNG CHI TÁC

Kê minh tử mạch thự quang hàn,
 Oanh chuyển hoàng châu xuân sắc lan.
 Kim khuyết hiếu chung khai vạn hộ,
 Ngọc giai tiên trượng ủng thiên quan.

⁽¹⁾ Giả Chí: Tên chữ là Ấu Lân. Người Lạc Dương. Đỗ khoa Minh Kinh, trải qua các chức Đơn phụ úy, Trung thư xá nhân, tước bá, cuối đời được thăng Tán kỵ thường thị.

⁽²⁾ Đại Minh cung: Theo Trường An chí. Cung Đại Minh ở phía đông nam Vườn Cấm. Năm Trinh Quán thứ 8, đổi là cung Vĩnh An, năm thứ chín đổi tên là cung Đại Minh.

Hoa⁽¹⁾ nghinh kiếm bội tình sơ lạc,
Liêu⁽²⁾ phát tình kỳ lộ vị can.
Độc hữu Phượng Hoàng trì thượng khách,
Dương Xuân nhất khúc họa giai nan.

Dịch nghĩa:

HỌA BÀI GIẢ CHÍ XÁ NHÂN CHẦU SỚM Ở CUNG ĐẠI MINH

Mặt đường ánh đỏ, gà gáy, ánh ban mai lạnh
Trong thành oanh riu ran, sắc xuân chùng đã nhạt.
Cửa khuyết, chuông sớm, muôn nhà mở cửa,
Thềm vua, nghi trượng rục rờ,
nổi sắc phục trăm quan
Hoa đón tiếng gươm khua,
ngọc rung khi sao vừa lặn
Liêu phát phơ bên cờ xí, sương chưa tan.
Chỉ có mình khách trên ao Phượng Hoàng,
Xướng lên khúc Dương Xuân, họa được thật khó.

Dịch thơ:

HỌA BÀI GIẢ CHÍ XÁ NHÂN VÀO CUNG ĐẠI MINH CHẦU SỚM

Dặm tía ban mai, gà gáy vang,
Sắc xuân hầu nhạt, tiếng oanh vàng.
Chuông rền cửa khuyết, muôn nhà dậy,
Nghi trượng thềm vua, sáng mặt quan.
Sao lặn, hoa chào, rung kiếm giắt,
Sương treo, liễu phát, sóng cờ lan.
Chỉ riêng người khách trên ao Phượng
Một khúc Dương Xuân, họa khó thành.

(1), (2) Hoa, liễu: Nơi thi đình đời Đường thường trồng hoa và liễu. Thơ Đỗ Phủ: "Lui châu hoa chợt rụng, vào sân liễu rủ người". Thơ Sầm Tham cũng nhắc đến hoa và liễu trong hoàng cung.

VƯƠNG DUY

和賈至舍人早 朝大明宮之作

絳 幘 雞 人 報 曉 籌
尚 衣 方 進 翠 雲 裘
九 天 闔 闔 開 宮 殿
萬 國 衣 冠 拜 冕 旒
日 色 纔 臨 仙 掌 動
香 煙 欲 傍 袞 龍 浮
朝 罷 須 裁 五 色 詔
珮 聲 歸 到 鳳 池 頭

170. HỌA GIẢ CHÍ XÁ NHÂN TẢO TRIỀU ĐẠI MINH CUNG CHI TÁC

Giáng trách kê nhân⁽¹⁾ báo hiệu trừ,
Thượng y, phương tiến thúy vân cừ,
Cửu thiên⁽²⁾ xương hạp khai cung điện,
Vạn quốc y quan bá miện sơ.
Nhật sắc tài lâm tiên chưởng⁽³⁾ động
Hương yên dục bảng cốn long phù.
Triều bãi tu tài ngũ sắc chiếu.
Bội thanh quy đảo Phụng trì đầu.

⁽¹⁾ Kê nhân: Theo *Hán cung nghị*. Trong cung điện, không có gà gáy, do đó, đêm gần tàn trời chưa sáng, canh ba, khoảng gà gáy, quan vệ sĩ hầu ở cửa Chu Tước, phải đem thẻ vào báo giờ để các quan vào chầu vua.

⁽²⁾ Cửu thiên: Chín phương trời, chỉ nơi mặt trời chiếu đến, để phân biệt phương hướng: ở giữa gọi là nhật thượng thiên, phương đông gọi là nhật biến thiên, phương bắc gọi là nhật huyền thiên v.v.. (Lã thị Xuân Thu).

⁽³⁾ Tiên chưởng: Đồ nghi trượng để che nắng, che gió cho vua.

Dịch nghĩa:

**HỌA BÀI GIẢ CHÍ XÁ NHÂN
VÀO CHẦU SỚM Ở CUNG ĐẠI MINH**

*Quan kê nhân đội khăn sa hồng báo thẻ chầu sớm,
Quan thượng y vừa dâng lên áo cừ
thêu hoa mây xanh.
Chín lần cung điện mở cửa son lộng lẫy,
Mũ áo sứ thần vạn quốc cúi lạy đức vua.
Trời hừng nắng, đồ nghi trượng chuyển động,
Hương thơm vương vít đến áo long cổn,
Chầu tan còn lo viết chiếu năm sắc,
Áo tía của quan văn trở về đầu ao Phượng
(tức Trung thư tỉnh).*

Dịch thơ:

**HỌA BÀI GIẢ CHÍ XÁ NHÂN
VÀO CHẦU SỚM Ở CUNG ĐẠI MINH**

*Kê nhân báo sớm thẻ chầu,
Thượng y dâng tới áo cừ gấm thêu.
Chín tầng cung điện xôn xao.
Y quan vạn quốc lạy chào đức vua.
Nắng hừng nghi trượng chuyển đưa.
Hương trầm vương khói day dưa long bào.
Chiếu vua trên giấy năm màu,
Ngọc rung mũ áo quan cao Phượng trì.*

奉和聖製從蓬萊向興慶閣道中
留春雨中春望之作應制

渭水自縈秦塞曲
黃山舊遶漢宮斜

鑾輿迴出千門柳
閣道迴看上苑花
雲裡帝城雙鳳闕
雨中春樹萬人家
爲乘陽氣行時令
不是宸遊玩物華

**171. PHỤNG HỌA THÁNH CHẾ TÔNG BÔNG LAI⁽¹⁾
HƯỚNG HƯNG KHÁNH⁽²⁾ CÁC ĐẠO TRUNG LƯU XUÂN VŨ
TRUNG XUÂN VỌNG CHI TÁC ỨNG CHẾ**

Vị thủy tự vinh Tần tái khúc
Hoàng Sơn⁽³⁾ cự nhiều Hán cung tà.
Loan dư⁽⁴⁾ hồi xuất thiên môn liễu,
Các đạo⁽⁵⁾ quỳnh khan Thượng Uyển hoa.
Vân lý để thành song phượng khuyết,
Vũ trung xuân thụ vạn nhân gia.
Vi thừa dương khí hành thời lệnh,
Bất thị thần du ngoạn vật hoa.

Dịch nghĩa:

**PHỤNG HỌA THƠ CỦA ĐỨC VUA TRÊN ĐƯỜNG
TỪ ĐIỆN BÔNG LAI DẠO QUANH ĐIỆN HƯNG KHÁNH,
GẶP MƯA XUÂN Ở LẠI, NGẮM XUÂN**

Sông Vị tươi tắn chảy quanh ải Tần.

⁽¹⁾ Bông Lai: Phía nam cửa Đoan Môn là cung Đại Minh có tên là Đan Phượng. Ba cung điện đều gần nhau, ở trên núi. Mè núi Tử thần phía bắc là điện Bông Lai, phía bắc điện có ao, gọi là Bông Lai trì.

⁽²⁾ Hưng Khánh: Cung Hưng Khánh, phía nam đông nội là phường Hưng Khánh. Thời vua Huyền Tông, chia làm đông nội và nam nội.

⁽³⁾ Hoàng Sơn: Theo *Thư địa lý chí*. Trong huyện Phong Hòa có cung Hoàng Sơn.

⁽⁴⁾ Loan dư: Xe loan, xe nhà vua có khắc hình chim loan trên trán xe.

⁽⁵⁾ Các đạo: Đường quanh cung vua.

Núi Hoàng Sơn, còn đó vốn là cung nhà Hán.
 Xe loan đi quanh nghìn cửa liêu,
 Đạo quanh để xem hoa vườn Thượng Uyển.
 Mây trong để thành tụ ở hai cửa phượng,
 Cây xuân trong mưa trải khắp mọi nhà.
 Nhân khí trời âm áp lệnh ban đi tiếp,
 Chẳng là cuộc thần du xem hoa cảnh đó sao!

Dịch thơ:

HỌA THƠ ĐỨC VUA NHÂN ĐI NGOẠN CẢNH QUA CÁC CUNG ĐIỆN, Ở LẠI ĐÓN XUÂN

Ái Tàn, Vị thủy tươi xanh,
 Hoàng Sơn cung Hán vây quanh, bóng tà.
 Nghìn cửa liêu đón xe vua,
 Nhấn nha Thượng Uyển xem hoa ngút vườn.
 Để thành, cửa phượng mây vờn,
 Mưa xuân cây khắp nhà dân mượt mà.
 Lệnh ban gặp buổi dương hòa,
 Thần du ngoạn cảnh, thưởng hoa đẹp lòng.

積雨輞川莊作

積	雨	空	林	煙	火	遲
蒸	藜	炊	黍	餉	東	菑
漠	漠	水	田	飛	白	鷺
陰	陰	夏	木	嘖	黃	鸝
山	中	習	靜	觀	朝	槿
松	下	清	齋	折	露	葵
野	老	與	人	爭	席	罷
海	鷗	何	事	更	相	疑

172. TÍCH VŨ VÒNG XUYỀN TRANG TÁC

Tích vũ không lâm yên hỏa trì,
Chưng lê⁽¹⁾ xuy thử hướng đông truy.
Mạc mạc thủy điền phi bạch lộ
Âm âm hạ mộc chuyển hoàng ly.
Sơn trung tập tĩnh quan triêu cận
Tùng hạ thanh trai chiết lộ quỳ.
Dã lão dữ nhân tranh tịch bãi
Hải âu⁽²⁾ hà sự cánh tương nghi.

Địch nghĩa:

THƠ LÀM LÚC MƯA CŨ Ở TRANG VÒNG XUYỀN

Mưa lâu trong rừng trống, khói lửa lui,
Đun rau, nấu gạo của ruộng vỡ ở phía đông.
Mây che tịch mịch, chỗ ruộng nước cò trắng bay,
Râm mát, cây mùa hè chim hoàng ly hót.
Trong núi, trầm lặng xem hoa bông bụi buổi sớm,
Dưới bóng cây tùng ăn cơm chay,
ngắt rau quỳ đượm sương
Ông già quê cùng người tranh chiếu rượu vừa xong.
Hải âu có gì mà còn nghi ngờ nhau!

Địch thơ:

THƠ LÀM LÚC MƯA CŨ Ở VÒNG XUYỀN TRANG

Rừng thưa, lửa chậm, cũ mưa dai,
Rau luộc, xôi đồ vỡ ruộng này
Bờ nước mây che cò trắng lượn,
Cây hè bóng mát, giọng oanh hay,

⁽¹⁾ Chưng lê: Nấu rau. Lê là một loại rau.

⁽²⁾ Hải âu: Chim hải âu thường bay theo người, thích nơi sông bể.

Núi mai trầm lắng say bông bụt,
 Rau nội, dưới tùng, soạn bữa chay.
 Ông lão, rượu quê tranh chỗ tốt,
 Hải âu ngờ vực chuyển gì đây?

酬郭給事

洞門高閣靄餘輝
 桃李陰陰柳絮飛
 禁裡疏鐘官舍晚
 省中啼鳥吏人稀
 晨搖玉珮趨金殿
 夕奉天書拜瑣闥
 強欲從君無那老
 將因臥病解朝衣

173. THÙ QUÁCH CẤP SỰ⁽¹⁾

Động môn cao các ái dư huy
 Đào lý âm âm liễu như phi.
 Cẩm lý sơ chung quan xá vãn
 Tĩnh trung đề điều lại nhân hi.
 Thần giao ngọc bội xu kim điện,
 Tịch phụng thiên thư bái tòa vi⁽²⁾
 Cường dục tông quân vô ná lão
 Tương nhân ngọa bệnh giải triều y.

Dịch nghĩa:

THÙ QUÁCH CẤP SỰ

Cửa động, gác cao, thích ánh sáng trời thừa thãi,
 Đào mạn dịu mát, bông liễu bay bay.

⁽¹⁾ Cấp sự: Một chức quan ở Tả Tĩnh.

⁽²⁾ Tòa vi: Cửa nhỏ nơi cung vua, có việc quan trọng mới được vào.

Trong cung cấm chuông sớm, nhà quan đã hết việc,
 Nơi đài viện chim kêu, kẻ lại ít.
 Sớm đeo ngọc bội chạy mau đến điện vàng,
 Tối lại vâng sách trời lay ở cửa nhỏ của vua.
 Cũng muốn theo hầu vua đâu phải đã già,
 Nhưng nhân cáo bệnh để cởi bỏ áo mũ của triều đình.

Dịch thơ:

ĐÁP LẠI QUÁCH CẤP SỰ

Cửa động, lầu cao chuông ánh trời,
 Mạn đào man mác, liễu bông phơi,
 Cấm thành chuông giăng, việc quan vãn,
 Đài viện chim kêu, lại vắng người.
 Châu sớm, điện vàng, đai ngọc rêu,
 Lay chiều, sách quý đợi cung ngoài!
 Theo vua những muốn, già chưa đến,
 Ngọa bệnh hằng mong cởi mũ đai.

ĐỖ PHỦ

蜀相

丞	相	祠	堂	何	處	尋
錦	官	城	外	柏	森	森
映	階	碧	草	自	春	色
隔	葉	黃	鸝	空	好	音
三	顧	頻	煩	天	下	計
兩	朝	開	濟	老	臣	心
出	師	未	捷	身	先	死
長	使	英	雄	淚	滿	襟

174. THỰC TƯỚNG

Thừa tướng từ đường hà xứ tâm,
Cấm quan thành ngoại bách sâm sâm.
Ánh giai bích thảo tự xuân sắc,
Cách điệp hoàng ly không hảo âm.
Tam cổ tần phiến thiên hạ kế,
Lưỡng triều khai tế lão thần tâm.
Xuất sư vị tiếp thân tiên tử,
Trường xử anh hùng lệ mãn khâm.

Dịch nghĩa:

THỪA TƯỚNG NHÀ THỰC

*Đền thờ thừa tướng tìm ở nơi đâu?
Mé ngoài thành Cấm quan, rừng bách um tùm.
Ánh mặt thêm cỏ biếc tự có sắc mùa xuân,
Cách tầng lá, chim oanh hót không rõ tiếng.
Ba lần đến cầu cạnh kẻ sách thiên hạ,
Mở mang hai triều với lòng dạ đấng lão thần.
Ra quân chưa báo tin thắng trận thì đã mất,
Khiến mãi các bậc anh hùng lệ thấm vạt áo.*

Dịch thơ:

TƯỚNG THỰC

*Đền thờ thừa tướng mãi tìm quanh,
Thành Cấm phía ngoài, rừng bách xanh.
Cỏ biếc ánh thêm xuân rộn sắc,
Vẳng trong tầng lá giọng chim oanh.
Khẩn cầu ba bận bình thiên hạ,
Giúp rập hai triều một tấm thân.*

*Chưa kịp khỏi hoàn, người đã mất,
Xui anh hùng mãi lệ đầm khăn.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐỀN THỜ VŨ HẦU⁽¹⁾

*Đền thờ tướng ở đâu đây,
Mé ngoài thành Cẩm, mấy cây bách già.
Cỏ xuân ánh mặt thềm hoa,
Oanh vàng trong lá hững hờ véo von.
Vi dân, ba lượt tìm luôn,
Hai triều giúp rập, tác son lão thân.
Quân chưa thắng, đã từ trần,
Anh hùng nhớ đến lệ tràn thấm khăn.*

客至

舍	南	舍	北	皆	春	水
但	見	群	鷗	日	日	來
花	徑	不	曾	緣	客	掃
蓬	門	今	始	爲	君	開
盤	飧	市	遠	無	兼	味
樽	酒	家	貧	只	舊	醅
肯	與	鄰	翁	相	對	飲
隔	籬	呼	取	盡	餘	杯

175. KHÁCH CHÍ

*Xá nam, xá bắc giai xuân thủy
Đăn kiến quần âu nhật nhật lai.
Hoa kính bát tăng duyên khách tảo,
Bồng môn kim thủy vị quân khai.
Bàn xan thị viễn vô kiêm vị,*

⁽¹⁾ Bản của Trần Trọng Kim có đầu đề là *Vũ Hầu miếu* (chú của người dịch).

Tôn tửu gia bản chỉ cự phôi.
Khẳng dữ lân ông tương đối ẩm,
Cách ly hô thủ tận dư bôi.

Dịch nghĩa:

KHÁCH ĐẾN

*Nhà phía nam, nhà phía bắc,
nước mùa xuân đã dâng,
Chỉ thấy lũ chim âu hàng ngày tới,
Đường hoa khách thường đến, chẳng cả quét,
Cửa bông nay mới mở mời khách.
Chợ xa mâm bát chẳng có mấy món ăn,
Vò rượu nhà nghèo vốn là thứ cũ,
Xin được với người láng giềng cùng uống,
Cách bờ rào, gọi đem hết rượu cùng cạn chén.*

Dịch thơ:

KHÁCH ĐẾN

*Phía nam, phía bắc, nước xuân đầy,
Chỉ thấy đàn âu lượn tới ngày.
Khách vắng, đường hoa không cả quét,
Bác vào, cửa cỏ, mở hôm nay.
Chợ xa, mâm bát, suông vài món,
Nhà khó, bình vò, rượu cũ đây.
Xin được láng giềng cùng đối ẩm,
Cách rào gọi rượu nguyện cùng say.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

KHÁCH ĐẾN

*Quanh nhà nam bắc lút to
Hôm hôm chỉ thấy đàn cò lại chơi.*

Lối hoa chẳng quét vì ai,
 Cửa bông nay mới đón ngài mở ra.
 Xuềnh xoàng mâm chén, chợ xa,
 Có vò rượu cũ của nhà nấu thôi.
 Nếu cho tiếp rượu cùng vui,
 Gọi ông hàng xóm sang ngồi chén luôn.

野望

西	山	白	雪	三	城	戍
南	浦	清	江	萬	里	橋
海	內	風	塵	諸	弟	隔
天	涯	涕	淚	一	身	遙
唯	將	遲	暮	供	多	病
未	有	涓	埃	答	聖	朝
跨	馬	出	郊	時	極	目
不	堪	人	事	日	蕭	條

176. DÃ VỌNG

Tây Sơn⁽¹⁾ bạch tuyết tam thành thú
 Nam phổ thanh giang Vạn Lý kiều⁽²⁾
 Hải nội phong trần chư aệ cách,
 Thiên nhai thể lệ nhất thân giao.
 Duy tương trì mộ cung đa bệnh,
 Vị hữu quyên ai đáp thánh triều.
 Khóa mã xuất giao thời cực mục
 Bất kham nhân sự nhật tiêu điều.

Dịch nghĩa:

NGẮM ĐỒNG NỘI

Núi tây tuyết trắng ba thành lính thú

⁽¹⁾ Tây Sơn: Tây Sơn ở phía tây phủ Thành Đô, còn có tên là Tuyết Lĩnh (Nhất thống chí).

⁽²⁾ Cầu Vạn Lý: Ở cửa Trung Hòa, phủ Thành Đô (theo Nhất thống chí).

*Phổ phía nam, sông trong, cầu Vạn Lý vắt ngang
Gió bụi trong đất nước, các em đều xa cách,
Luồng sục sùi một thân ở chân trời xa.
Còn chút tuổi xế chiều, lại lắm bệnh
Một giọt nước, một hạt cát, chưa báo được ơn vua.
Cười ngựa ra đồng, phóng hết tầm mắt,
Không chịu nổi việc đời ngày càng xác xơ...*

Dịch thơ:

NGẮM ĐỒNG

*Núi Tây, tuyết trắng, đồn thành,
Chiếc cầu Vạn Lý, phổ nam sóng dồi.
Bầy em loạn lạc, xa xôi,
Một thân góc bể chân trời chạnh thương.
Tuổi xế chiều, bệnh vốn thường,
Mây may chưa chút báo đền ơn vua.
Ra đồng, ruổi ngựa nhìn ra,
Việc đời xao xác để ta nào lòng!*

Bản dịch của Nguyễn Bích Ngô:

NGẮM ĐỒNG NỘI

*Đồn nằm trong tuyết ba thành trắng,
Cầu vắt ngang sông vạn dặm xanh.
Cõi đất bụi lăm xa ruột thịt,
Chân trời sùi sụt tủi thân mình.
Chỉ đem tuổi tác nuôi ma bệnh,
Chưa có tơ hào đáp thánh minh.
Cười ngựa ra ô nhìn cảnh nội,
Mỗi ngày một thấy vẻ buồn tênh.*

聞官軍收河南河北

劍外忽傳收薊北
初聞涕淚滿衣裳
卻看妻子愁何在
漫卷詩書喜欲狂
白日放歌須縱酒
青春作伴好還鄉
即從巴峽穿巫峽
便下襄陽向洛陽

177. VĂN QUAN QUÂN⁽¹⁾ THU HÀ NAM, HÀ BẮC

Kiểm ngoại hốt truyền thu Kê Bắc,
Sơ văn thể lệ mẫn y thường.
Khước khan thê tử sâu hà tại,
Mạn quyển thi thư hỉ dục cuồng.
Bạch nhật phóng ca tu tủng tửu,
Thanh xuân tác bạn hảo hoàn hương,
Tức tông Ba Giáp xuyên Vu Giáp,
Tiện há Tương Dương hướng Lạc Dương⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

NGHE TIN QUAN QUÂN LẤY LẠI HÀ NAM, HÀ BẮC

*Từ ngoài Kiếm Môn, chợt truyền về đã lấy lại được Kê Bắc
Mới nghe nước mắt đã đầm cả áo quần
Nhìn lại vợ con, nét buồn chẳng còn nữa,
Xếp vội thi, thư, mừng đến phát cuồng.*

⁽¹⁾ Quan quân: Tháng 11 năm Bảo Ứng đầu tiên, quân triều đình phá giặc ở Lạc Dương, bình định được Hà Nam, sau lại lấy được cả Hà Bắc. Đỗ Phủ ở bên ngoài Kiếm Các nghe tin làm bài thơ này.

⁽²⁾ Tương Dương, Lạc Dương: Tổ tiên Đỗ Phủ ở Tương Dương, ông làm quan ở Lạc Dương rồi lại chạy loạn lên phía bắc. Giờ quay lại Tương Dương và Lạc Dương.

Ngày sáng sửa hát cho thỏa, uống cho say,
 Đang tiết xuân, về quê cũ còn gì vui bằng.
 Lập tức theo Ba Giáp, qua kềm Vu,
 Xuống luôn Tương Dương rồi về thẳng Lạc Dương.

Dịch thơ:

NGHE TIN QUAN QUÂN THU HÀ NAM, HÀ BẮC

Hay tin Kê Bắc thu rồi,
 Thoạt nghe nước mắt tuôn rơi ướt đầm,
 Vợ con thôi đã hết buồn,
 Xếp quàng sách vở, phát cuồng vì vui.
 Hát vang, uống thỏa, nểng rồi!
 Trở về quê cũ đúng thời tiết xuân.
 Ba Giáp, Vu Giáp mau chân,
 Qua Tương Dương đã đến gần Lạc Dương.

Bản dịch của Đoàn Kế Thiện:

ĐƯỢC TIN QUAN QUÂN LẤY LẠI HÀ NAM, HÀ BẮC

Kiểm ngoại được tin thu Kê Bắc,
 Thoạt nghe nước mắt ứa hai hàng,
 Vợ con buồn thảm, liền vui vẻ.
 Sách vở mừng điên, xếp vội vàng.
 Ngày đẹp hát ngao thì chuốc rượu
 Trời xuân theo bước thẳng về làng.
 Từ ngày Ba Giáp xuyên Vu Giáp,
 Rồi xuống Tương Dương, tới Lạc Dương.

登高

風 急 天 高 猿 嘯 哀
 渚 清 沙 白 鳥 飛 迴
 無 邊 落 木 蕭 蕭 下
 不 盡 長 江 滾 滾 來

萬里悲秋常作客
 百年多病獨登臺
 艱難苦恨繁霜鬢
 潦倒新停濁酒杯

178. ĐĂNG CAO

Phong cấp thiên cao viên khiêu ai
 Chữ thanh sa bạch điều phi hồi.
 Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ
 Bất tận Trường Giang cồn cồn lai.
 Vạn lý bi thu thường tác khách
 Bách niên đa bệnh độc đăng đài.
 Gian nan khổ hạnh phồn sương mãn⁽¹⁾
 Lão đảo⁽²⁾ tân đình trọc tửu bôi.

Dịch nghĩa:

LÊN CAO

*Gió thổi mạnh, trời cao, tiếng vượn réo buồn thương,
 Bên trong, cát trắng, chim bay về.
 Cây rụng lá đầy khô càng ngày càng hiu hắt,
 Sông Trường Giang như vô tận cuộn cuộn chảy.
 Muôn dặm sầu thu thường là khách xa nhà,
 Trăm năm cõi đời, nhiều bệnh một mình lên đài.
 Khổ hận gian nan xui mái đầu bạc nhiều,
 Tân đình say nghiêng ngã với chén rượu đục.*

Dịch thơ:

LÊN CAO

Gió mạnh trời cao, vượn réo sầu.

⁽¹⁾ Phồn sương mãn: Mái tóc pha sương. *Kinh Thi* có câu: "Chỉnh thị phồn sương mãn", nghĩa là: Chính đây mái tóc pha sương!

⁽²⁾ Lão đảo: Uống nhiều, say ngã nghiêng.

Bến trong cát trắng, chim về đâu?
 Mênh mông lá rụng hiu hiu trải,
 Cuồn cuộn Trường Giang chảy chảy mau.
 Muôn dặm sầu thu, thường tác khách,
 Một đời, đa bệnh, đạo đài cao.
 Gian nan khổ hạnh đầu mau bạc,
 Lão đảo tân đình say rượu dào!

登樓

花近高楼傷客心
 萬方多難此登臨
 錦江春色來天地
 玉壘浮雲變古今
 北極朝廷終不改
 西山寇盜莫相侵
 可憐後主還祠廟
 日暮聊爲梁父吟

179. ĐĂNG LÂU

Hoa cận cao lâu thương khách tâm,
 Vạn phương đa nạn thử đăng lâm.
 Cẩm Giang⁽¹⁾ xuân sắc lai thiên địa,
 Ngọc Lũy⁽²⁾ phù vân biến cổ kim.
 Bắc cực triều đình chung bất cải,
 Tây Sơn khẩu đạo mạc tương xâm.
 Khả liên hậu chủ hoàn từ miếu,
 Nhật mộ liêu vi Lương Phụ⁽³⁾ ngâm.

⁽¹⁾ Cẩm Giang: Ở phía nam huyện Hoa Dương, phủ Thành Đô.

⁽²⁾ Ngọc Lũy. *Thực đồ phú*: Bao Ngọc Lũy làm cối, núi Ngọc Lũy ở tây bắc Thành Đô.

⁽³⁾ Lương Phụ ngâm: Theo chú thích của bộ *Sử ký*: Lương Phụ là ngọn núi nhỏ ở núi Thái Sơn. Hậu Chủ nhu nhược không thể là đáng thiên tử được. Khúc ca Lương Phụ ám chỉ việc này.

Địch nghĩa:

LÊN LẦU

*Hoa gần, lầu cao xót xa lòng khách,
Muôn phương bao nhiêu nạn, ta ở đây lên lầu
Sắc xuân sông Cẩm lại về trong trời đất,
Mây nổi trên núi Ngọc Lũy biến động từ xưa nay.
Triều đình phương bắc trước sau thay đổi gì đâu,
Núi Tây giặc cướp chưa thôi xâm phạm đến.
Thương thay Hậu chủ chỉ còn miếu thờ,
Sớm chiều còn luôn nghe khúc ca Lương Phụ.*

Địch thơ:

LÊN LẦU

*Hoa gần, lầu ngất, thương thay
Muôn phương hoạn nạn, bữa nay lên lầu.
Cẩm Giang xuân sắc một bầu,
Mây trên Ngọc Lũy biết bao đổi dời.
Triều đình phương bắc thế thôi!
Núi Tây giặc cướp đứng ngồi chẳng yên.
Thương cho Hậu chủ trong đền.
Khúc ca Lương Phụ ngoài hiên hát hoài.*

宿府

清	秋	幕	府	井	梧	寒
獨	宿	江	城	蠟	炬	殘
永	夜	角	聲	悲	自	語
中	天	月	色	好	誰	看
風	塵	荏	苒	音	書	絕
關	塞	蕭	條	行	路	難
已	忍	伶	俚	十	年	事
強	移	棲	息	一	枝	安

180. TÚC PHỦ

Thanh thu Mạc phủ⁽¹⁾ tỉnh ngô hàn,
Độc túc giang thành lập cự tàn.
Vĩnh dạ giốc thanh bi tự ngữ,
Trung thiên nguyệt sắc hảo thùy khan.
Phong trần nhảm nhiễm âm thư tuyệt,
Quan tái tiêu điều hành lộ nan.
Dĩ nhãn linh phinh⁽²⁾ thập niên⁽³⁾ sự,
Cưỡng di thê tức nhất chi an.

Dịch nghĩa:

NGŨ Ở PHỦ

*Mùa thu trong trẻo ở Mạc phủ, giếng ngô đồng lạnh
Ngủ một mình với ngọn nến tàn bên giang thành.
Đêm dài tiếng tù và rúc buồn làm sao?
Bóng trăng ở giữa trời đẹp vậy, ai nhìn.
Đời cát bụi thấm thoát, thư tin vắng lặng
Nơi quan ải vắng vẻ hoang sơ, đường đi khó.
Nén chịu cảnh trôi nổi chốc đã mười năm,
Biết thế thì đau một cảnh cho yên phận.*

Dịch thơ:

NGŨ Ở PHỦ

*Mạc phủ, thu về, lạnh giếng ngô,
Giang thành, nến lui, một mình thôi!
Đêm dài, tiếng ốc nghe thêm nẫu,
Ai biết trăng thanh, sáng giữa trời!
Làn lửa bụi trần thư cũng vắng,*

⁽¹⁾ Mạc phủ: Dinh tướng quân, nơi Nghiêm Vũ đóng quân ở Tây Xuyên. Đỗ Phủ khi ấy giúp việc cho họ Nghiêm làm Công bộ viên ngoại lang.

⁽²⁾ Linh phinh: Lẻ loi, trôi nổi.

⁽³⁾ Thập niên: Tính từ An Lộc Sơn, đến lúc này, Đỗ Phủ trôi nổi đã mười năm.

Tiêu điều đường ải khó qua lui.
 Nổi trôi nên chịu mười năm trọn,
 Chọn một cảnh yên, đỡ đập vùi.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

NGŨ Ở PHỦ

Giếng Ngô Mạc phủ khí thu,
 Ngọn đèn tàn với thân cô giang thành.
 Đêm dài, còi rúc buồn tênh,
 Giữa trời ai ngắm rõ vành bóng quỳên.
 Phong trần lần lữa vắng tin,
 Tiêu điều quan tái đường lên gấp ghềnh.
 Việc mười năm chịu lệnh dềnh,
 Nên mình hãy đậu một cảnh cho yên!

閣夜

歲	暮	陰	陽	催	短	景
天	涯	霜	雪	霽	寒	霄
五	更	鼓	角	聲	悲	壯
三	峽	星	河	影	動	搖
野	哭	幾	家	聞	戰	伐
夷	歌	數	處	起	漁	樵
臥	龍	躍	馬	終	黃	土
人	事	音	書	漫	寂	寥

181. CÁC DẠ

Tuế mộ âm dương thôi đoản cảnh
 Thiên nhai sương tuyết tề hàn tiêu,
 Ngũ canh cổ giác thanh bi trắng

Tam Giáp tinh hà ảnh động dao⁽¹⁾
Đã khóc kỷ gia văn chiến phạt,
Di ca sổ xứ khởi ngư tiều.
Ngọa long, được mã⁽²⁾ chung hoàng thổ,
Nhân sự âm thư mạn tịch liêu.

Dịch nghĩa:

ĐÊM TRÊN GÁC

*Tuổi già, ngày tháng giục rút thêm ngắn,
Chân trời sương tuyết tạnh trong đêm lạnh,
Năm canh tiếng trống tiếng ốc nã nùng, giục già
Bóng trời sao vùng Tam Giáp luôn lay động
Tiếng khóc trên đồng nội,
bao nhiêu nhà nghe chuyện chiến trận
Tiếng hát đất Rợ vài chỗ,
khởi từ đám đánh cá, kiếm củi.
Rồng nấu, ngựa phi rút cục đều thành đất vàng.
Việc người thư tin dần thêm vắng vẻ.*

Dịch thơ:

ĐÊM TRÊN GÁC

*Luống tuổi, tháng năm cứ ngắn dần,
Chân trời sương tuyết lạnh đêm hàn.
Năm canh trống, ốc đầy bi tráng,
Ba Giáp sao trời lay động thêm.
Tiếng khóc làng xa ghê chiến trận,
Ngư tiều đôi chỗ giọng Di dân.
Rồng nằm, ngựa nấu tro mô đất,
Thư tín người mong cứ vắng dần.*

⁽¹⁾ Động dao: Trời sao lay động điềm báo có đánh nhau to, loạn to.

⁽²⁾ Ngọa long, được mã: Chỉ các vị giỏi như Gia Cát (Ngọa Long) và Công Tôn Thuật (Được Mã), Thuật giúp Vương Mãng dấy loạn, lên ngôi thiên tử.

詠懷古蹟

其一

際間月山賴還瑟關
塵地日雲無未蕭江
風天淹共終且最動
北南臺服主時生賦
東西樓衣事哀平詩
離泊峽溪胡客信年
支漂三五羯詞庾暮

其二

悲師淚時藻思滅疑
玉吾灑同文夢泯今
宋亦一不空豈俱到
知雅秋代宅臺宮點
深儒千異故荒楚指
落流望條山雨是人
搖風悵蕭江雲最舟

其三

門村漢昏面魂語論
荆有朔黃風夜胡中
赴尚連向春月作曲
壑妃臺塚識歸琵琶恨
萬明紫青省空琵琶怨
山長去留圖珮載明
群生一獨畫環千分

其 四

峽宮裡中鶴翁近同
三安山寺水村鄰祀
幸永空野巢走常祭
吳在像無松臘屋臣
窺亦想虛杉伏祠君
主年華殿廟時侯體
蜀崩翠玉古歲武一

其 五

宙高策毛呂曹復勞
宇清籌羽伊蕭難務
垂肅紆一見失終軍
名像據霄間定祚殲
大遺割雲之若漢身
葛臣分古仲揮移決
諸宗三萬伯指運志

182 - 186. VỊNH HOÀI CỔ TÍCH

Kỳ nhất

Chi ly Đông Bắc⁽¹⁾ phong trần tể,
Phiêu bạc Tây Nam⁽²⁾ thiên địa gian.
Tam Giáp lâu đài yêm nhật nguyệt,
Ngũ khê⁽³⁾ y phục cộng vân san.

⁽¹⁾, ⁽²⁾ Đông Bắc - Tây Nam: Đỗ Phủ từng bị giặc vây hãm ở Phụng Tường, rồi vào đất Thục, từ vùng Đông Bắc xuống Tây Nam, tất cả khoảng 8 năm, gặp những di tích trên đường đi cảm động mà viết năm bài *Vịnh hoài cổ tích*.

⁽³⁾ Ngũ khê y phục: Theo *Thủy kinh chú*, đất Vũ Lăng có năm ngọn suối gọi là Ngũ khê. Dân đây, tước vỏ cây, nhuộm, dệt thành áo, nhuộm làm năm màu, tượng trưng cho Ngũ khê.

Yết Hồ⁽¹⁾ sự chủ chung vô lại,
Từ khách ai thời thả vị hoàn.
Điêu Tín bình sinh tối tiêu sất⁽²⁾
Mộ niên thi phú động giang quan.

Kỳ nhị

Giao lạc⁽³⁾ thâm tri Tống Ngọc bi,
Phong lưu nho nhã diện ngô sư.
Trướng vọng thiên thu nhất sái lệ,
Tiêu điều dị đại bất đồng thì.
Giang sơn cổ trạch không văn tảo
Vân vũ⁽⁴⁾ hoang đài khởi mộng tư
Tối thị Sở cung câu mẫn diệt,
Chu nhân chỉ điểm đảo kim nghi.

Kỳ tam

Quân sơn vạn hác phó Kinh môn
Sinh trưởng Minh Phi⁽⁵⁾ thượng hữu thôn.
Nhất khứ tử dài liên sóc mạc
Độc lưu thanh trủng hương hoàng hôn
Họa đồ⁽⁶⁾ tỉnh thức xuân phong diện,
Hoàn bội không quy nguyệt dạ hồn.
Thiên tải tỳ bà⁽⁷⁾ tác Hồ ngữ,
Phân minh oán hận khúc trung luân.

⁽¹⁾ Yết, Hồ: Chỉ bọn An Lộc Sơn.

⁽²⁾ Điêu Tín tiêu sất: Theo truyện Điêu Tín: Tín tuy làm quan ở nhà Chu, hiền đạt, nhưng lòng vẫn nhớ quê, làm bài phú *Ai giang nam*, lời rất thông thiết.

⁽³⁾ Dao lạc: Lời trong bài phú Tống Ngọc, xót xa khi nước Sở mất: Buồn thương thay khi có hơi thu, cỏ cây tàn rụng mà biến đổi.

⁽⁴⁾ Vân vũ: Tích thần núi Vu Sơn, sáng làm mây, chiều làm mưa. Ở đây chỉ tình cảm lưu luyến.

⁽⁵⁾ Minh Phi, tức Vương Chiêu Quân, nhà Hán đưa sang dâng cho người đất Hồ. Làng Chiêu Quân ở Kinh Châu, cách Quy Châu phía đông bắc 40 dặm.

⁽⁶⁾ Họa đồ: Mao Diên Thọ vẽ tranh Chiêu Quân đưa sang cho người Hồ, vua Thiên Vu đòi lấy, nhà Hán phải gả.

⁽⁷⁾ Tỳ bà: Minh Phi trước tên là Chiêu Quân sau trùng húy với Hán Văn Đế đổi là Minh Quân, sang cống Hồ nên buồn, vua Hán cho người gảy đàn tỳ bà đọc đường. Sau này bà làm khúc ca rất ai oán, đời sau gọi là *Chiêu Quân oán*.

Kỳ tứ

Thục chủ khuy Ngô hạnh Tam Giáp,
Băng niên diệp tại Vĩnh An cung⁽¹⁾
Thúy Hoa tưởng tượng không sơn lý
Ngọc điện⁽²⁾ hư vô dã tự trung.
Cổ miếu sam tùng sào thủy hạc⁽³⁾.
Tuế thời phục lập tẩu thôn ông,
Vũ hầu từ ốc thường lân cận,
Nhất thể quân thần tế tự đồng.

Kỳ ngũ

Gia cát đại danh thùy vũ trụ,
Tông thần⁽⁴⁾ di tượng túc thanh cao
Tam phân cát cứ vu trừ sách,
Vạn cổ vân tiêu nhất vũ mao.
Bá trọng chi gian kiến Y, Lã⁽⁵⁾
Chỉ huy nhược định thất Tiêu, Tào⁽⁶⁾
Vận di Hán tộc chung nan phục
Chí quyết thân thiêm quân vụ lao.

Dịch nghĩa:

NHỚ CHUYỆN XƯA MÀ VIẾT

1

Chia lìa đất Đông Bắc một cõi gió bụi

⁽¹⁾ Vĩnh An cung: Trước tên là Ngự Phục. Lưu Bị sau khi nóng lòng phục thù cho Quan Công, bị thua đổi là cung Vĩnh An và mất ở đây.

⁽²⁾ Ngọc điện: Nay là đền thờ Ngọa Long tức Vũ hầu Gia Cát Lượng, ở phía tây đền thờ tiên chủ Lưu Bị.

⁽³⁾ Sào thủy hạc: Đây là loài hạc sống lâu nghìn tuổi tùy theo thời mà hát.

⁽⁴⁾ Tông thần: Bề tôi giỏi.

⁽⁵⁾ Y, Lã: Y Doãn, Lã Vọng tướng tài thời cổ đại.

⁽⁶⁾ Tiêu, Tào: Tiêu Hà, Tào Tham, tướng giỏi của Hán vương Lưu Bang.

Phiêu bạt xuống Tây Nam trong khoảng trời đất xa
Lâu đài đất Tam Giáp; ẩn sâu trong vầng nhật nguyệt
Áo quần dân Ngũ khê cùng với sắc mây núi,
Bọn Yết, Hồ thờ chúa rút cục là đồ giả dối
Khách làng văn khóc thời thế vẫn chưa về được,
Lúc sinh thời Dữu Tán hay đánh tiếng đàn buồn bã,
Tuổi già thơ phú làm chấn động vùng sông, ải.

2

Xót xa đất nước mới biết nỗi bi thương của Tống Ngọc,
Phong lưu nho nhã cũng là bậc thầy của ta.
Buồn nhìn nghìn thu một lần rơi lệ,
Tiêu điều đời khác chẳng cùng thời.
Núi sông nhà cũ vắng lại chuyên văn chương,
Mây mưa chôn đài hoang, chỉ còn trong mộng, trong nếp nghĩ.
Đến như cung nước Sở nay cũng đã mất hết,
Hỏi ông chài chỉ cho đến nay vẫn còn ngờ.

3

Bao ngọn núi muôn hang đá đổ về Kinh Môn,
Làng quê nơi Minh Phi sinh trưởng vẫn còn.
Cung vua, cõi sa mạc phía bắc, một lần ra đi.
Chỉ còn lưu một nắm mộ xanh hương về chiều tà.
Qua tranh vẽ người, mới biết được gương mặt đẹp
Tiếng ngọc rung, hồn vợ vẫn về với bóng trăng đêm.
Nghìn thuở giọng Tỳ bà của đất Hồ,
Rõ ràng oán hận nghe được trong khúc hát.

4

Vua Thục vào đất Ngô nhờ có đất Tam Giáp,
Năm mất cũng ở tại cung Vĩnh An,
Cờ Thúy Hoa tưởng như giữa mây núi,
Điện Ngọc trông trở ở ngay trong chùa nội.

Trên đám cây sam, cây tùng là nơi của hạc nước đậu
Hàng năm tế chạp già làng lại vội vã,
Đền thờ Vũ hầu thường luôn ở gần,
Một lớp vua tôi cùng được thờ cúng.

5

Tiếng tăm của Gia Cát trùm trong vũ trụ
Còn để lại bức tượng người bày tôi tôn kính,
trang nghiêm, thanh cao
Chước sách đã dùng là chia ba thiên hạ,
Muôn thuở trời mây một ngọn bút lông.
Quyền trọng có thể so với Y Doãn, Lã Vọng.
Tướng giỏi quyết đoán thì Tiêu Hà,
Tào Tham cũng không bằng
Vận nước đổi dời, cơ đồ nhà Hán không khôi phục được,
Quyết liều thân, nhọc nhằn trong chuyện binh đao.

Dịch thơ:

VĨNH CHUYỆN NGÀY XƯA

1

Đông Bắc chia lìa cơn gió bụi,
Đất trời phiêu giạt tíT Tây Nam.
Lâu đài Tam Giáp trong trời thăm,
Năm sắc Ngũ khê vẽ áo quần.
Thờ chúa Yết, Hồ đâu hết dạ,
Văn chương nghiệp cũ vẫn tân toan.
Sinh thời Dữu Tín hay buồn bã,
Thơ phú loanh quanh chốn núi ngàn.

2

Thương nước mới hay tình Tống Ngọc,
Phong lưu nho nhã đáng thầy ta.

Nghìn thu, ngoái lại đành rơi lệ,
Đời khác tiêu điều vốn đã xa.
Vắng điệu văn chương non nước cũ,
Mây mưa mộng tưởng chôn dài xưa.
Sở vương cung điện nay tàn tạ,
Chỉ lối, ông ngư, dạ vẫn ngơ!

3

Muôn hang, nghìn núi châu Kinh Môn,
Sinh trưởng Minh Phi, có một thôn,
Hoang mạc, dài vua, chân mỗi bước,
Mồ xanh, chiều vắng vẫn trơ còn.
Họa đồ mới biết qua gương mặt,
Tiếng ngọc trong đêm phảng phát hồn.
Nghìn thuở Tỳ bà nguyên giọng rợ,
Tiếng ca còn ngâm nổi oan hồn.

4

Vua Thục vào Ngô cạy Tam Giáp,
Băng hà cũng ở Vinh An cung.
Thúy Hoa tưởng tít tâm nhật nguyệt
Điện Ngọc hoang sơ ở giữa đồng.
Hạc nước, sam từng xây tổ ấm.
Hằng năm giỗ chạp cây sơn ông.
Đền thờ Gia Cát kề bên cạnh,
Tể tự vua tôi hưởng khói nồng.

5

Danh tiếng Vũ Hầu trùm vũ trụ
Trung thần di tượng vẽ ung dung
Chia ba thiên hạ gồm mưu lược,
Muôn thuở mây trời ngon bút lông.
Y, Lã sánh ngang quyền chức trọng,

*Tiêu, Tào đầu sánh ở quân trung.
Vận suy nghiệp Hán khôn giành lại,
Bươn trải hết mình chuyện kiếm cung.*

LƯU TRƯỜNG KHANH

江州重別薛六柳八二員外

生涯豈料承優詔
世事空知學醉歌
江上月明胡雁過
淮南木落楚山多
寄身且喜滄洲近
顧影無如白髮何
今日龍鐘人共老
愧君猶遣慎風波

187. GIANG CHÂU TRÙNG BIỆT TIẾT LỤC LIÊU BÁT NHỊ VIÊN NGOẠI

Sinh nhai khởi liệu thừa ưu chiếu,
Thế sự không tri học túy ca.
Giang thượng nguyệt minh Hồ nhận quá,
Hoài nam mộc lạc Sở sơn đa.
Ký thân thả hỉ Thương Châu cận,
Cổ ảnh vô như bạch phát hà.
Kim nhật Long Chung⁽¹⁾ nhân cộng lão
Quý quân do khiến thân phong ba.

⁽¹⁾ Long Chung: Theo Quảng Vận: Long Chung tên giống trúc. Tuổi già như trúc xơ xác gãy cũng không được.

Dịch nghĩa:

**GIANG CHÂU CÙNG CHIA TAY TIẾT LỤC LIÊU,
BẮT NHỊ VIÊN NGOẠI**

*On theo chiếu vua, không phải lo kẻ sinh nhai
Việc đời chệnh mảng, học bài ca về say rượu.
Trên sông trăng sáng nhận Hồ bay qua,
Đất Hoài Nam, cây trút lá núi Sở nhiều.
Gửi thân, vốn vui gần đất Thương Châu,
Tóc trắng, nhiều lúc quay nhìn bóng.
Đến nay như trúc Long Chung người đã đều già,
Xin các bác cẩn thận đứng trước sóng gió.*

Dịch thơ:

CÙNG CHIA TAY Ở GIANG CHÂU

*Sinh kẻ đỡ lo, on chiếu vua,
Việc đời chệnh mảng, thích say sưa.
Trên sông trăng sáng, nghe Hồ nhận,
Cây trút Hoài Nam, núi Sở thừa,
Thân gửi Thương Châu vui thoáng chốc,
Hình xưa ngoái lại tóc phơ phơ.
Long Chung, tuổi trúc nay già cả,
Xin bác đừng ra sóng gió lùa.*

長沙過賈誼宅

三年謫宦此棲遲
萬古惟留楚客悲
秋草獨尋人去後
寒林空見日斜時
漢文有道恩猶薄
湘水無情弔豈知

寂寂江山搖落處
憐君何事到天涯

188. TRƯỜNG SA QUÁ GIẢ NGHỊ TRẠCH⁽¹⁾

Tam niên trích hoạn thử thê tri
Vạn cổ duy lưu Sở khách bi.
Thu thảo độc tâm nhân khứ hậu
Hàn lâm không kiến nhật tà thì.
Hán Văn hữu đạo ân do bạc,
Tương thủy vô tình điều khởi tri.
Tịch tịch giang sơn dao lạc xứ,
Liên quân hà sự đảo thiên nhai.

Dịch nghĩa:

ĐỀN TRƯỜNG SA, QUA NHÀ GIẢ NGHỊ

Ba năm làm quan bị đi đây ở lại lâu dài,
Khách nước Sở còn đeo mối đau buồn vạn cổ.
Cỏ mùa thu tìm một mình, người đâu mất rồi,
Cây lạnh thưa vắng, mặt trời đang lặn.
Vua Hán Văn có đạo ơn còn mỏng,
Sông Tương lời điều vô tình há hay biết,
Chôn non nước lặng lẽ xơ xác này,
Thương ông có gì đến góc trời này!

Dịch thơ:

QUA NHÀ GIẢ NGHỊ Ở TRƯỜNG SA

Lần khân đất trích đã ba đông

⁽¹⁾ Giả Nghị trạch: Nhà Giả Nghị. Theo *Nhất thống chí*, nhà Giả Nghị, ở phường Trạc Cẩm trong thành Trường Sa, Giả Nghị là một bậc hiền tài đời vua Văn Đế, bị đày ra làm Thái phó Trường Sa. Ông làm bài văn điều Khuất Nguyên, ví mình như Khuất Nguyên. Bài thơ này ghi lại chuyện ấy và tỏ bày tình quý trọng Giả Nghị.

Khách Sở muôn sau luống quăn lòng
 Vạch đám cỏ thu, người mất hút,
 Cây thưa rừng lạnh bóng chiều buông.
 Hán Văn có đạo, ơn còn mỏng,
 Lời điều, dòng Tương há biết cùng!
 Lặng lẽ non sông thương chốn ấy,
 Chân trời hà cớ đọa đầy ông!

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

QUA NHÀ GIÀ NGHỊ

Ba năm bị trích lần này,
 Nghìn thu khách Sở đeo đai mối sầu.
 Cỏ thu một đám, người đâu,
 Rừng thưa lạnh lẽo, bóng dâu xé đoài.
 Hán Văn ơn mỏng, đạo dày,
 Non Tương lời điều dãi bày đâu hay.
 Nước non lặng lẽ chốn này,
 Thương ai đến chỗ chân mây làm gì!

自夏口至鸚鵡洲 夕望岳陽寄源中丞

汀	洲	無	浪	復	無	煙
楚	客	相	思	益	渺	然
漢	口	夕	陽	斜	渡	鳥
洞	庭	秋	水	遠	連	天
孤	城	背	嶺	寒	吹	角
獨	戍	臨	江	夜	泊	船
賈	誼	上	書	憂	漢	室
長	沙	謫	去	古	今	憐

**189. TỰ HẠ KHẨU⁽¹⁾ CHÍ ANH VŨ CHÂU
TỊCH VỌNG NHẠC DƯƠNG KỶ NGUYÊN TRUNG THỪA**

Đình châu vô lãng phục vô yên,
Sở khách tương tư ích diệu nhiên.
Hán Khẩu⁽²⁾ tịch dương tà độ diệu,
Động Đình thu thủy viễn liên thiên.
Cô thành bối lĩnh hàn xuy giác
Độc thụ lâm giang dạ bạc thuyền.
Giả Nghị thương thư ưu Hán thất,
Trường Sa trích khứ cổ kim liên.

Dịch nghĩa:

**TỪ HẠ KHẨU ĐẾN CHÂU ANH VŨ BUỔI CHIỀU
NHÌN VỀ NHẠC DƯƠNG, GỬI NGUYÊN TRUNG THỪA**

*Bãi sông không sóng cũng không có khói,
Khách Sở nhớ nhung càng thêm vời vợi.
Đất Hán Khẩu, bóng chiều tà, chim bay qua,
Hồ Động Đình, nước mùa thu, tiếp với trời.
Thành cô, dựa vào núi lạnh, tiếng tù và rúc,
Đến bờ sông gặp cây lẻ, buộc thuyền đêm.
Giả Nghị dằng thư lo cơ nghiệp nhà Hán,
Bị đầy ở Trường Sa xưa nay ai cũng thương xót.*

Dịch thơ:

**TỪ HẠ KHẨU ĐẾN BÀI ANH VŨ BUỔI CHIỀU
TRÔNG VỀ NHẠC DƯƠNG GỬI NGUYÊN TRUNG THỪA**

Sóng yên khói lặng, bãi bờ nao,

⁽¹⁾ Hạ Khẩu: Theo *Nhất thống chí*, Hạ Khẩu ở trên sông Kinh, phủ Vũ Xương. Nhà Đường gọi là Ngạc Châu. Vì phía bên kia là Giang Bắc nên Ngô Tôn Quyền gọi phía đối bờ này là Hạ Khẩu. Giang Bắc vốn có tên từ trước.

⁽²⁾ Hán Khẩu: Ở phủ Hán Dương, phía bắc núi Đại Biệt (*Nhất thống chí*).

Khách Sở mệnh mang những chuốc sầu.
 Hán Khẩu trời chiều chim lẫn bóng,
 Động Đình nước sáng tiếp trời cao.
 Thành cô tựa núi, tù và rúc,
 Sông bến cây đê, thuyền ghé vào.
 Giả Nghị dâng thư lo nghiệp Hán,
 Trường Sa đất trịch thật thương sao!

TIỀN KHỞI

贈闕下裴舍人

二月黃鸝飛上林
 春城紫禁曉陰陰
 長樂鐘聲花外盡
 龍池柳色雨中深
 陽和不散窮途恨
 霄漢常懸捧日心
 獻賦十年猶未遇
 羞將白髮對華簪

190. TẶNG KHUYẾT HẠ BÙI XÁ NHÂN

Nhị nguyệt hoàng ly phi Thượng Lâm,
 Xuân thành Tử Cầm⁽¹⁾ hiểu âm âm.
 Trường Lạc⁽²⁾ chung thanh hoa ngoại tận,
 Long Trì⁽³⁾ liễu sắc vũ trung thâm.

⁽¹⁾ Tử Cầm: Vòng thành ở trong cung, nơi vua ở. Nơi các bậc quyền quý ở cũng thường được gọi là Tử Cầm.

⁽²⁾ Trường Lạc: Theo *Tam phụ hoàng đồ*: Cung Trường Lạc vốn là cung Hưng Khánh đời Tần, đến đời nhà Hán gọi là Trường Lạc.

⁽³⁾ Long Trì: Ao rồng. Hồi Đường Minh Hoàng còn ở tước vương, Long Trì ở phường Long Khánh, trước là cái giếng, sau mở rộng mà thành. Thời vua Trung Tôn, có mây lành hiện ra, nên gọi là Long Trì.

Dương hòa bất tán cùng đồ hận,
Tiêu Hán⁽¹⁾ thường huyền bóng nhật tâm⁽²⁾.
Hiển phú⁽³⁾ thập niên do vị ngộ
Tu tương bạch phát đối hoa tâm.

Dịch nghĩa:

TẶNG BUI XÁ NHÂN TRONG CUNG KHUYẾT

*Tháng hai, chim oanh bay ở vườn Thượng Lâm.
Buổi sớm xuân, thành Tử Cấm mờ mờ.
Tiếng chuông cung Trường Lạc vọng đến đám hoa bên ngoài
Sắc liễu ở Long Trì trong mưa mờ mịt.
Khí trời ẩm áp mà vẫn không người được con giận đường cùng
Sông Ngân Hà nâng thêm lòng trung sáng tựa mặt trời.
Dâng bài phú mười năm, mà chưa gặp thời,
Thẹn đem tóc bạc đối với trâm hoa trên đầu.*

Dịch thơ:

TẶNG BUI XÁ NHÂN TRONG CUNG KHUYẾT

*Vườn ngự, oanh về giữa tháng hai,
Thành xuân Tử Cấm sớm mai này,
Tiếng chuông Trường Lạc hoa ngoài vọng,
Mưa rắc Long Trì dáng liễu bay.
Đường cùng nắng ấm lòng vương vấn,
Sông khơi lòng sáng nghĩa thêm đầy...
Mười năm dâng phú, thời chưa gặp
Tóc bạc trâm hoa luống thẹn cài.*

⁽¹⁾ Tiêu Hán: Chỉ tầng mây cao. Thơ Tạ Linh Vận: “kết niệm thuộc Tiêu Hán”, nghĩa là: Nhớ nhưng dâng lên tận trời.

⁽²⁾ Bóng nhật: nhắc mặt trời. Trình Dục thuở nhỏ mơ thấy tay nâng mặt trời, sau phò Tào Tháo làm quan to.

⁽³⁾ Hiển phú: Bài phú dâng vua. Ban Cố vào cung đọc sách thường tìm các bài phú dâng vua đọc để học hỏi.

TẶNG BÙI XÁ NHÂN Ở TRONG CUNG

Về rừng hoàng diệu tháng hai,
Thành xuân cung cảm sáng hơi lò mờ.
Chuông Trường Lạc, đã hết hoa,
Long Trì cây liễu, mịt mờ mưa rơi.
Khí dương diu, vẫn ngậm ngùi,
Ngân Hà thường đỡ mặt trời trên không.
Mười năm dâng phú mất công,
Thẹn đem tóc bạc đôi cùng hoa trâm.

VI ỨNG VẬT

寄李儋元錫

去年花裡逢君別
今日花開又一年
世事茫茫難自料
春愁黯黯獨成眠
身多疾病思田里
邑有流亡愧俸錢
聞道欲來相問訊
西樓望月幾回圓

191. KÝ LÝ ĐAM NGUYÊN TÍCH

Khứ niên hoa lý phùng quân biệt,
Kim nhật hoa gian hựu nhất niên.
Thế sự mang mang nan tự liệu,
Xuân sâu ảm ảm độc thành miên.
Thân đa tật bệnh tư điền lý,
Áp hữu lưu vong quý bổng tiền.

Văn đạo dục lai tương vấn tấn,
Tây lâu vọng nguyệt kỷ hồi viên.

Dịch nghĩa:

GỬ LÝ ĐAM NGUYÊN TÍCH

Năm ngoái, trong hoa gặp anh rồi chia tay,
Bữa nay hoa nở thêm một năm nữa.
Việc đời mệnh mang, thật khó xoay xở,
Sâu mùa xuân ủ dột lại nằm ngủ một mình.
Thân nhiều bệnh, lòng hướng về quê cũ,
Làng ấp xiêu tán, then vì bổng lộc của mình.
Nghe tin anh sắp sang thăm hỏi,
Trông ngóng ở lầu tây đã mấy bận trăng tròn.

Dịch thơ:

GỬ LÝ ĐAM NGUYÊN TÍCH

Hoa xuân năm ngoái tiền đưa nhau,
Hoa nở năm nay, xuân đến mau.
Thế sự miên man, xoay xở khó,
Xuân sâu ủ rũ, ngủ càng sâu.
Thân mang bệnh tật, mơ làng cũ,
Làng ấp xiêu liêu, hổ lộc cao.
Nghe nói nay mai anh sẽ đến,
Trông trăng mấy độ đã lên lầu!

HÀN HỒNG

同題仙游觀

仙臺初見五城樓
風物淒淒宿雨收

山 色 遙 連 秦 樹 晚
砧 聲 近 報 漢 宮 秋
疏 松 影 落 空 壇 靜
細 草 香 生 小 洞 幽
何 用 別 尋 方 外 去
人 間 亦 自 有 丹 丘

192. ĐỒNG ĐỀ TIÊN DU QUÁN

Tiên đài sơ kiến Ngũ Thành⁽¹⁾ lâu,
Phong vật thê thê túc vũ châu.
Sơn sắc dao liên Tần thụ văn,
Châm thanh cận báo Hán cung thu.
Sơ tùng ảnh lạc không đàn tĩnh,
Tế thảo hương sinh tiểu động u.
Hà dụng biệt tâm phương ngoại⁽²⁾ khứ,
Nhân gian diệc tự hữu Đan Khâu⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

CÙNG ĐỀ Ở QUÁN TIÊN DU

*Đài tiên, mới thấy, lầu Ngũ Thành,
Cảnh vật man mác ngủ trong mưa...
Sắc núi xa liền với đám cây Tần buổi chiều,
Tiếng chày đập vải ở gần, báo mùa thu cung Hán.
Cây tùng rợp bóng, đài vắng yên tĩnh,*

⁽¹⁾ Ngũ Thành: Theo *Sử ký*: Đạo sĩ có nói, thời vua Hoàng Đế, có làm năm thành, 12 lầu để hầu hạ thần tiên.

⁽²⁾ Phương ngoại: Ở ngoài cõi đời. Tử Tang Hộ chơi với Mạnh Tử và Tử Cầm Trương. Tử Tang Hộ mất, Khổng Tử sai Tử Cống đến viếng thấy ca hát rộn rã, về hỏi thầy. Khổng Tử nói: Ông ta ra cõi ngoài, không còn trong cõi đời nữa!

⁽³⁾ Đan Khâu: Theo *Thập di ký*, có đồi Đan, cứ một ngàn năm thì lửa cháy, sông Hoàng Hà một nghìn năm lại trong, vua bậc chí thánh cho là điềm lành. Ở đây chỉ đất có thánh minh, hoặc nơi tiên ở.

*Đám cỏ dại thơm hương, động nhỏ thâm u.
Cứ gì phải dụng công tìm ở nơi nào khác.
Trong dân gian cũng có những vùng đất Đan Khâu.*

Địch thơ:

CÙNG ĐỀ QUÁN TIÊU DU

*Đài tiên mới thấy Ngũ Thành lâu,
Cảnh sắc mưa giăng, man mác sầu.
Chiều xuống cây Tần liền núi thẳm
Thu sang cung Hán tiếng chày mau.
Thông non bóng rợp đài yên ắng,
Cỏ dại xông hương, hang nhỏ sâu.
Tìm kiếm phương nào thêm nhọc xác,
Dân gian nào thiếu đất Đan Khâu.*

HOÀNG PHÚ NHIỆM (716 - 789)

Tên chữ là Mậu Chính, người Đan Dương (nay thuộc Cam Túc). Mười tuổi đã làm được thơ văn. Đỗ tiến sĩ đệ nhất danh năm Thiên Bảo, trải qua chức Vô Tích Úy, Tả Kim Ngô bình tào, năm Đại Lịch thăng Hữu Bô khuyết.

春思

鶯	啼	燕	語	報	新	年
馬	邑	龍	堆	路	幾	千
家	住	層	城	鄰	漢	苑
心	隨	明	月	到	胡	天
機	中	錦	字	論	長	恨
樓	上	花	枝	笑	獨	眠
爲	問	天	戎	寶	車	騎
何	時	返	旆	勒	燕	然

193. XUÂN TỬ

Oanh đề yến ngữ báo tân niên
Mã Ấp⁽¹⁾ Long Đồi⁽²⁾ lộ kỷ thiên.
Gia trú Tầng thành⁽³⁾ lân Hán uyển
Tâm tùy minh nguyệt đảo Hồ thiên.
Cơ trung cảm tự⁽⁴⁾ luận tràng hận,
Lâu thượng hoa chi tiếu độc miên.
Vi vãn nguyên nhung Đâu xa ky,
Hà thời phản bái lạc Yên Nhiên.

Dịch nghĩa:

TỬ XUÂN

*Chim oanh chim yến hót báo năm mới,
Mã Ấp, Long Đồi đường trải vài ngàn (dặm)
Nhà ở Tầng thành gần vườn nhà Hán,
Lòng theo trăng sáng đến trời Hồ.
Tiếng khung dệt chữ gấm lòng thêm mang hận lâu,
Trên lầu, hoa trên cành cười ngủ một mình.
Xin hỏi quan xa kỵ họ Đâu,
Bao giờ đẹp xong Yên Nhiên để trở về.*

Dịch thơ:

XUÂN TỬ

Yên kêu, oanh hót báo đầu năm,

⁽¹⁾ Mã Ấp: Nhà Tần đắp trường thành ở cửa ải Vũ Xuyên, cho ngựa chạy hết đất mà đắp thành gọi là Mã Ấp.

⁽²⁾ Long Đồi: Theo *Hán thư Tây Vực truyện*, quận Lâu Lan rất gần Ngọc Môn quan biên giới nhà Hán. Đắp gò Bạch Long để Tây Vực đón sứ nhà Hán.

⁽³⁾ Tầng thành: Theo *Thủy kinh chú*, núi Côn Lôn ba bậc, tầng trên cùng gọi là Tầng thành, còn có tên khác gọi là Thiên Đình, là nơi Thái Đế ở.

⁽⁴⁾ Cảm tự: Theo *Tấn thư*: Tô Huệ vợ Đâu Thao, khi Thao làm Tần Châu thứ sử, bị dấy đi xa. Tô Huệ nhớ thương, làm bức hồi văn, lời lẽ rất uyển chuyển, mang chút trách móc, dâng lên vua, xin được cho chồng về.

Mã Ấp, Long Đồi đường dậm ngàn.
 Vườn Hán Tăng thành, nhà ở đó,
 Trời Hồ trắng sáng dạ theo sang.
 Khung may chữ gấm lòng thêm hận,
 Hoa nở lâu cao cười ngủ quên.
 Xin hỏi nguyên nhung Đâu xa kị,
 Bao giờ già biệt đất Yên Nhiên.

LƯ LUÂN

晚次鄂州

雲	開	遠	見	漢	陽	城
猶	是	孤	帆	一	日	程
估	客	晝	眠	知	浪	靜
舟	人	夜	語	覺	潮	生
三	湘	愁	鬢	逢	秋	色
萬	里	歸	心	對	月	明
舊	業	已	隨	征	戰	盡
更	堪	江	上	鼓	鼙	聲

194. VĂN THỨ NGẠC CHÂU⁽¹⁾

Vân khai viễn kiến Hán Dương thành,
 Do thị cô phàm nhất nhật trình.
 Cô khách⁽²⁾ chú miên tri lãng tĩnh,
 Chu nhân dạ ngữ giác triều sinh.
 Tam Tương sàu mấn phùng thu sắc,
 Vạn lý quy tâm đối nguyệt minh.
 Cựu nghiệp dĩ tùy chinh chiến tận,
 Cánh kham giang thượng cổ bề thanh.

⁽¹⁾ Ngạc Châu: Theo *Nhất thống chí*, Ngạc Châu có tên từ đời Tùy. Vốn là đất phong của Ngạc Vương từ thời nước Sở. Trước là phủ Vũ Xương đất Hồ Quảng, sau nhà Tùy đổi là Ngạc Châu.

⁽²⁾ Cô khách: Chỉ vị khách giàu có ở trên thuyền.

Địch nghĩa:

CHIỀU ĐẾN NGẠC CHÂU

Mây tan, nhìn xa thấy thành Hán Dương,
Chiếc thuyền lẻ loi đến đó đẩy một ngày đường.
Ông khách buồn ngủ ngày, biết sóng lặng,
Đám chèo thuyền, đêm nói chuyện vẫn biết thủy triều lên.
Mái tóc phờ phạc đất Tam Tương gặp sắc thu,
Lòng nhớ đến làng quê, muôn dặm hướng về trăng sáng.
Cơ nghiệp cũ đã tàn trong cuộc binh đao,
Giờ lại còn nghe thấy tiếng trống trận nổi trên sông.

Địch thơ:

CHIỀU ĐẾN NGẠC CHÂU

Mây tan nhìn rõ Lạc Dương thành,
Một chiếc buồm xuôi đẩy lộ trình.
Khách lạ ngủ ngày hay sóng lặng,
Nhà thuyền chuyện vẫn biết triều sinh.
Tam Tương xoa tóc buồn thu tới,
Muôn dặm mong về, dõi bóng trăng.
Nghiệp cũ đã tàn, trong cuộc chiến,
Trên sông trống trận vẫn đồn vang.

LIỄU TÔNG NGUYÊN

登柳州城樓寄漳汀封連四州刺史

城上高樓接大荒
海天愁思正茫茫
驚風亂颭芙蓉水
密雨斜侵薜荔牆

嶺樹重遮千里目
江流曲似九迴腸
共來百越文身地
猶自音書滯一鄉

195. ĐĂNG LIÊU CHÂU THÀNH LÂU KÝ
CHƯƠNG, ĐÌNH, PHONG, LIÊN TỨ CHÂU THỨ SỬ⁽¹⁾

Thành thượng cao lâu tiếp đại hoang,
Hải thiên sâu tứ chính mang mang.
Kinh phong loạn chiếm phù dung thủy,
Mật vũ tà xâm tích lịch tường.
Lĩnh thụ trùng già thiên lý mục,
Giang lưu khúc tự cửu hồi tràng.
Cộng lai Bách Việt văn thân⁽²⁾ địa,
Do tự âm thư trệ nhất hương.

Dịch nghĩa:

LÊN LẦU THÀNH LIÊU CHÂU GỬI BỐN QUAN THỨ SỬ
CHÂU CHƯƠNG, CHÂU ĐÌNH, CHÂU PHONG, CHÂU LIÊN

Lầu cao trên thành tiếp với bãi cát lớn,
Bầu trời trên biển tứ sâu đang lúc man mác,
Gió dữ, làm động mặt nước đầy sen
Mưa dày nghiêng rót vào bức tường rêu cỏ.
Cây rừng nhiều lần ngăn mắt nhìn ra nghìn dặm.
Sông chảy quanh co như chín khúc ruột quanh.
Cùng đến nơi vẽ mình ở Bách Việt này,
Còn ngóng tin thư chậm ở một làng.

⁽¹⁾ Tứ châu thứ sử: Chỉ bốn người bạn thân cùng làm thứ sử ở bốn châu, đồng cảnh đi đầy với tác giả. Đó là Hàn Thái thứ sử Chương Châu, Hàn Hoa; thứ sử Đình Châu, Lưu Vũ Tích, thứ sử Liên Châu và Trần Khiêm, thứ sử Phong Châu.

⁽²⁾ Bách Việt văn thân: Vẽ mình. Chỉ những dân tộc ít người ở Ngũ Lĩnh, vẽ rồng lên mình lặn xuống nước cho rằng sẽ không bị loài thủy quái hại.

Dịch thơ:

LÊN LẦU THÀNH LIÊU CHÂU GỬI THỨ SỬ BỐN CHÂU CHƯƠNG, ĐÌNH, PHONG, LIÊN...

*Đại hoang thành dựng vút lầu cao,
Trời biển mênh mang dạ luống sầu.
Gió dữ, nước còn sen dậy sóng,
Mưa dày lán thấm quăng tường rêu.
Cây rừng che khuất muôn tầm mắt,
Sông chảy quanh co ruột chín chiều.
Đến đất xăm mình dòng Bách Việt,
Thư nhà làng nhỏ chậm từ lâu.*

LƯU VŨ TÍCH

西塞山懷古

王 濬 樓 船 下 益 州
金 陵 王 氣 黯 然 收
千 尋 鐵 鎖 沈 江 底
一 片 降 幡 出 石 頭
人 世 幾 回 傷 往 事
山 形 依 舊 枕 寒 流
從 今 四 海 爲 家 日
故 壘 蕭 蕭 蘆 荻 秋

196. TÂY TÁI SON⁽¹⁾ HOÀI CỔ

Vương Tuấn lâu thuyền⁽²⁾ há Ích Châu⁽³⁾

⁽¹⁾ Tây Tái sơn: Núi ở huyện Đại Dã phủ Vũ Xương. Nơi Tôn Sách đánh Hoàng Tổ.

⁽²⁾ Vương Tuấn lâu thuyền: Năm Hàm Ninh thứ năm, đời nhà Tấn, vua Tấn cất quân đánh nước Ngô, sai Long Nhương tướng quân và các tướng xuống Ba Thục. Gặp quân Ngô cho giảng xích sắt trên sông. Tuấn biết, dùng kế phá được, xuôi thuyền đánh quân Ngô phải ra hàng.

⁽³⁾ Ích Châu: Theo *Nhất thống chí*. Thành Đô, đất Thục nhà Hán gọi là Ích Châu.

Kim Lăng vương khí⁽¹⁾ âm nhiên thâm.
Thiên tâm thiết toả trầm giang để,
Nhất phiến hàng phan xuất Thạch Đầu⁽²⁾.
Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự,
Sơn hình y cụu chấm hàn lưu.
Tòng kim tứ hải vi gia nhật,
Cổ lũy tiêu tiêu lô địch thu.

Dịch thơ:

TÂY TÁI SƠN HOÀI CỔ

*Thuyền lâu Vương Tuấn xuống Ích Châu,
Vương khí ở Kim Lăng thật âm đạm.
Nghìn tâm, xích sắt chìm dưới đáy sông,
Một lá cờ hàng ló ở bên Thạch Đầu.
Người đời bao lần xót xa chuyện cũ,
Núi non vẫn như cũ gôi lên dòng sông lạnh.
Từ nay bốn bể đã một nhà rồi,
Lũy xưa hùi quạnh, lau sậy mùa thu.*

Dịch thơ:

TÂY TÁI SƠN HOÀI CỔ

*Thuyền lâu Vương Tuấn xuống Châu Ích.
Vương khí Kim Lăng ủ một trời.
Xích sắt nghìn tâm chìm đáy nước,
Cờ hàng một lá Thạch Đầu phơi.
Người đời chuyện cũ bao lần sót,
Sông lạnh kề bên, núi vẫn ngồi.*

⁽¹⁾ Vương khí Kim Lăng: Chỉ việc Tần Thủy Hoàng đông du, thấy khí vận ở Kim Lăng bốc lên, cho rằng năm trăm năm sau đất này sẽ có thiên tử xuất hiện.

⁽²⁾ Thạch Đầu thành: Theo Nguyên Hòa quận quốc chí, Thạch Đầu thành ở Tinh Châu, phía tây huyện Thượng Nguyên tức thành Kim Lăng của nước Sở, nay là núi Thanh Lương ở Nam Kinh.

*Bón biển một nhà, chinh chiến lặng,
Quạnh hiu lũy cũ, sậy lau đầy.*

NGUYỄN CHẨN (779 - 831)

Tên chữ là Vi Chi, người Hà Nam, đầu năm Nguyên Hòa đỗ đầu khoa thi đối sách, trải qua các chức Tả Thập di, bị biếm làm Giang Lăng sĩ tào tham quân, rồi làm Hiệu châu trưởng sử. Đầu năm Trường Khánh được Giám quân Thôi Đàm Tuấn giúp, dâng ca từ của Nguyễn Chẩn lên vua. Vua rất hài lòng cho làm Lang Trung tri chế cáo rồi thăng Trung thư xá nhân Hàn lâm học sĩ, sau lại được cử giữ chức Đồng Trung thư môn hạ bình chương sự. Năm Thái Hòa làm Tiết độ sứ Vũ Xương rồi mất. Ông cùng Bạch Cư Dị, thơ ca lừng lẫy, có nhiều đóng góp đổi mới cho thơ Đường, được nhiều người truyền tụng.

遣悲懷三首

其一

謝公	最	小	偏	憐	女
自嫁	黔	妻	百	事	乖
顧我	無	衣	搜	蓋	篋
泥他	沽	酒	拔	金	釵
野蔬	充	膳	甘	長	藿
落葉	添	薪	仰	古	槐
今與	日	俸	錢	過	十
	君	營	莫	復	營

其二

昔	日	戲	言	身	後	事
今	朝	都	到	眼	前	來
衣	裳	已	施	行	看	盡

針線猶存未忍開
尚想舊情憐婢僕
也曾因夢送錢財
誠知此恨人人事
貧賤夫妻百哀

其三

閑坐悲君亦自悲
百年攸岳無子亡
鄧潘同穴冥會夜
他生將終夜長展
惟報答平生未展眉

197-199. KHIỂN BI HOÀI (Tam thủ)

Kỳ nhất

Tạ Công⁽¹⁾ tôi tiểu thiên liên nữ⁽²⁾
Tự giá Kiềm Lâu⁽³⁾ bách sự quai,
Cổ ngã vô y suru tấn khiếp.
Nê tha cô tửu bạt kim thoa.
Dã sơ sung thiện cam trường hoắc,
Lạc diện thiêm tân ngưỡng cổ hòe.
Kim nhật bổng tiền quá thập vạn
Dữ quân doanh điện phục doanh trai.

⁽¹⁾ Tạ nữ: Đới Tấn Tạ An rất thương con gái nhỏ, gả cho Vương Nghi Chi. Nguyên Chấn, lấy vợ trước là Vi Huệ Tùng, vừa đẹp vừa hiền, khi ông chưa làm quan thì đã mất. Bài thơ này viết khi trong lòng xiết nỗi thương vợ, mượn chuyện tiểu nữ của Tạ An để so sánh với họ Vi.

⁽³⁾ Kiềm Lâu: Ẩn sĩ nước Tề đời Xuân Thu lấy được vợ hiền.

Kỳ nhị

Tích nhật hí ngôn thân hậu sự,
Kim triều đồ đảo nhõn tiền lai.
Y thường dĩ thí hành khan tận
Trâm tuyến do tồn vị nhẩn khai.
Thượng tướng cự tình liên tỉ bộc,
Dã tăng nhân mộng tổng tiền tài.
Thành tri thử hận nhân nhân hữu
Bần tiện phu thê bách sự ai.

Kỳ tam

Nhàn tọa bi quân diệc tự bi
Bách niên đa thị, kỷ đa thì.
Đặng Du vô tử⁽¹⁾ tâm tri mệnh
Phan Nhạc điều vong⁽²⁾ do phí từ.
Đồng huyết duệ minh hà sở vọng
Tha sinh duyên hội cánh nan kỳ.
Duy tương chung dạ trường khai nhõn,
Báo đáp bình sinh vị triển mi.

Dịch nghĩa:

NHỚ THƯƠNG ĐAU TRÁCH (Ba bài)

1

*Ông Tạ rất yêu thương cô con gái,
Từ buổi gả cho Kiềm Lâu trăm việc khó khăn.
Thấy không có áo đã lo toan may mặc, đầy tráp cỗ,*

⁽¹⁾ Đặng Du vô tử: Đặng Du rất có nghĩa với em gái và vợ con, gặp cảnh loạn lạc, gặp cướp ngang đường, đành bán với vợ cho con để lo chôn cất em. Sau này không con, người đời rất thương. Ở đây ví chuyện này thương vợ mất sớm không có con.

⁽²⁾ Phan Nhạc điều vong: Phan Nhạc nổi tiếng thần đồng. Có ba bài thơ truy điệu người mất rất hay được truyền tụng.

Mua rượu cho chồng bán cả thoa vàng.
Rau đồng chấm chút nấu nướng để ta nhớ bữa rau dưa,
Lấy lá rụng thêm làm củ đun,
thường hay nhìn lên cây hòe xưa.
Ngày nay tiền bỗng lộc đến hơn mười vạn,
Chỉ cùng nàng cúng lễ cỗ chay thôi.

Địch thơ:

THƯƠNG NHỚ VỢ, TRÁCH MÌNH

1

Ông Tạ xót thương con gái nhỏ,
Lấy chồng nghèo rớt lăm tân toan.
Sấm áo, vội lo đầy tráp cỗ,
Bán cả thoa vàng, mua rượu ngon.
Rau củ nấu ninh thường vẫn nhớ,
Gốc hòe, thêm củ lá thường vun.
Bữa nay bỗng lộc dư mười vạn.
Đơm cúng, cơm chay, chỉ cỗ xoàng!

Địch nghĩa:

2

Câu nói đùa ngày xưa về hậu vận,
Bữa nay đều đến ngay trước mắt,
Quần áo đã dùng còn nhìn mãi,
Kim chỉ còn đây không dám mở ra.
Vẫn còn nhớ tình xưa của nàng thương đám con ở, đầy tớ
Vẫn thường thấy nàng cho của cải ở trong mộng.
Dẫu lòng thành biết nỗi đau này ai ai cũng có
Vợ chồng lúc nghèo hèn, bao nhiêu chuyện đau lòng.

Địch thơ:

2

*Thân sau, câu nói giỡn đùa chơi
Trước mắt bày ra đã đủ mùi.
Quần áo cho đi, thôi hết ngắm,
Chỉ kim còn đây, sợ không coi.
Tình xưa nhân ái, thương tôi tớ,
Tiền của thường đưa, vẫn mộng hoài,
Dẫu biết đau này ai cũng có,
Vợ chồng nghèo khó cực lòng thay!*

Địch nghĩa:

3

*Ngồi nhàn thương cho nàng mà thương cho ta
Nghĩa trăm năm nhiều thế, mà có được bao nhiêu lâu dài.
Đặng Du không có con, biết là mệnh thế,
Lời điều thương của Phan Nhạ liệu có ích gì.
Chôn sâu cùng huyết đó là lòng mong ước,
Kiếp khác gặp nhau khó hẹn cùng.
Chỉ còn biết thâu đêm thường chong mắt,
Báo đáp lại thuở sinh thời lúc chưa mở mày mở mặt.*

Địch thơ:

3

*Thương nàng thôi lại xót cho ta,
Cuộc thế trăm năm, ngắn thế a!
Vô tự Đặng Du đành biết mệnh,
Điều vong Phan Nhạ ích chi mà,
Ước mong lúc chết dù chung huyết,
Kiếp khác mong chi để hẹn hò,
Chỉ biết thâu đêm chong mắt thức,
Tình xưa báo đáp thuở co ro.*

BẠCH CƯ DỊ

自河南經亂

時難年荒世業空
弟兄羈旅各西東
田園寥落千戈後
骨肉流離道路中
弔影分爲千里雁
辭根散作九秋蓬
共看明月應垂淚
一夜鄉心五處同

200. TỰ HÀ NAM KINH LOẠN

Thời nan niên hoang thế nghiệp không,
Đệ huynh cơ lữ các tây đông.
Điền viên liêu lạc can qua hậu,
Cốt nhục lưu ly đạo lộ trung.
Điều ảnh phân vi thiên lý nhạn,
Từ căn tán tác cửu thu bông⁽¹⁾.
Cộng khan minh nguyệt ưng thủy lệ,
Nhất dạ hương tâm ngũ xứ đồng.

Dịch nghĩa:

TỰ HÀ NAM TRẢI QUA LOẠN LẠC

(Từ Hà Nam trải qua loạn lạc, cách trở nơi nơi, anh em ly tán mỗi người một nơi, nhân ngắm trăng lòng thương nhớ, (tôi) viết gửi anh cả ở Phù Lương, anh bảy ở đất Ư Tiềm, anh Mười Lăm ở Ô Giang và em trai em gái khác). (Lời chú của Bạch Cư Dị).

*Thời buổi khó khăn năm mùa mất, nghiệp đời rỗng không,
Anh em tha phương rải rác đủ đông, tây.*

⁽¹⁾ Thu bông: Cỏ bông mùa thu nhẹ, dễ bay đi khắp chốn, chỉ sự phiêu bạt.

Sau bình lửa, ruộng vườn rơi rụng,
 Ruột thịt chia lìa lang thang trên đường.
 Thân nhận xẻ dần ở nơi nghìn dặm,
 Văn chương tản mát chín thu như ngọn cỏ bông.
 Cùng nhìn trăng sáng mà rơi lệ,
 Một đêm nhớ làng, năm ngả đều giống nhau.

Dịch thơ:

TỪ HÀ NAM TRẢI QUA LOẠN LẠC

Thời khó mùa vui, thế nghiệp không,
 Anh em ly tán khắp tây, đông,
 Ruộng vườn sau loạn bao xao xác,
 Cốt nhục lang thang nổi dọc đường.
 Chối với lạc đàn nghìn dặm nhận,
 Góc lìa tản mát, chín thu bông.
 Nhìn lên trăng sáng lòng rung lệ.
 Năm ngả như in nổi nhớ làng.

LÝ THƯƠNG ẨN

錦瑟

錦	瑟	無	端	五	十	絃
一	絃	一	柱	思	華	年
莊	生	曉	夢	迷	蝴	蝶
望	帝	春	心	託	杜	鵑
滄	海	月	明	珠	有	淚
藍	田	日	暖	玉	生	煙
此	情	可	待	成	追	憶
只	是	當	時	已	惘	然

201. CẨM SẮT⁽¹⁾

Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền⁽²⁾
Nhất huyền nhất trụ⁽³⁾ tứ hoa niên.
Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp
Vọng đế⁽⁴⁾ xuân tâm thác đồ quỳên.
Thương hải nguyệt minh, châu hữu lệ⁽⁵⁾
Lam Điền⁽⁶⁾ nhật noãn, ngọc sinh yên.
Thử tình khả đãi thành truy ước,
Chỉ thị đương thời dĩ vãng nhiên.

Dịch nghĩa:

NGHE ĐÀN CẨM SẮT

*Đàn cẩm sắt năm mươi dây biết đâu là manh mối,
Mỗi giây, mỗi trụ đàn nghĩ về thời tuổi hoa.
Chàng Trang trong giấc mộng sớm mơ hóa bướm,
Vọng đế lòng xuân gửi vào chim đồ quỳên.
Tiếng trong tựa bể xanh, trăng sáng,
như giọt ngọc nhỏ đầu ghềnh
Nắng ấm trời Lam Điền, ngọc mới hình còn khói vẫn*

⁽¹⁾ Cẩm sắt: Đàn Cẩm sắt có nhiều thuyết, có thuyết cho rằng 25 dây, có thuyết cho là 50 dây. Thái đế sai tổ nữ đánh đàn 50 dây, khúc rất bi thương. Vua bảo thôi, không nghe. Vua sai phá đàn làm lại chỉ còn 25 dây. Có người cho sở dĩ có tên là Cẩm sắt vì có bà phi được vua yêu tên như thế. Ở đây tác giả cũng cho là năm mươi dây (câu đầu).

⁽²⁾ Ngũ thập huyền: Năm mươi dây... bài thơ này cho loại đàn 25 dây phải là năm mươi dây (theo thuyết cũ).

⁽³⁾ Nhất huyền nhất trụ: Mỗi dây, mỗi trụ. Tứ Viên cư sĩ giải thích: Mỗi dây một trụ, đàn năm mươi dây, năm mươi trụ, cộng lại là 100. Ý nói bách niên giai lão.

⁽⁴⁾ Vọng đế: Vua Thục tên là Đồ Vũ hiệu là Vọng đế, chết hóa chim quốc, nhớ nước cũ thường kêu: Cổ quốc, cổ quốc!

⁽⁵⁾ Nguyệt minh châu lệ: Trăng sáng lệ châu. Theo *Bác vật chí*: Ngoài bể Nam Hải có người Dao, ở dưới nước như cá, trong mắt khóc thì sinh ra ngọc. Lại có thuyết cho rằng khi trăng sáng thì ngọc châu đầy, khi trăng khuyết thì ngọc châu cũng vơi.

⁽⁶⁾ Lam Điền ngọc: Lam Điền ở phía đông nam Tràng An khoảng 30 dặm, trong núi có ngọc, nên cũng tên là Ngọc Sơn.

Tình ấy nên dằng dai nhớ mãi,
Hay chỉ là nỗi lòng vu vơ trong thoáng chốc.

Dịch thơ:

NGHE ĐÀN CẨM SẮT

Cẩm sắt, cây đàn năm chục dây,
Tuổi hoa vương vấn mỗi dây này.
Trang sinh, mộng sớm mơ thành bướm,
Vọng đế, lòng xuân gửi cuộc gầy.
Trăng sáng, biển xanh châu ngấn lệ,
Lam Điền, nắng ấm, ngọc nhòa mây.
Dằng dai tình cũ nên đeo đuổi,
Hay côi mơ hồ nhớ phút giây?

無題

昨	夜	星	辰	昨	夜	風
畫	樓	西	畔	桂	堂	東
身	無	綵	鳳	雙	飛	翼
心	有	靈	犀	一	點	通
隔	座	送	鉤	春	酒	暖
分	曹	射	覆	蠟	燈	紅
嗟	余	聽	鼓	應	官	去
走	馬	蘭	臺	類	轉	蓬

202. VÔ ĐỀ

Tạc dạ tinh thần tạc dạ phong,
Họa lâu tây bạn quế đường đông.
Thân vô thái phượng⁽¹⁾ song phi dục
Tâm hữu linh tê⁽²⁾ nhất điểm thông.

⁽¹⁾ Thái phượng: Theo *Sơn Hải kinh*, núi Đan Huyệt, có loài chim giống như hạc, năm màu gọi là phượng.

⁽²⁾ Linh tê: *Nam châu dị vật* có chép: Loài tê có phép thần khác đời, sừng chính là nơi tụ về thiêng, gọi là thông thiên tê giác.

Cách tọa tổng câu⁽¹⁾ xuân tửu noãn,
Phân tào xạ phúc⁽²⁾ lập đăng hồng.
Ta dư thính cổ ưng quan khứ.
Tẩu mã Lan Đài⁽³⁾ loại chuyển bồng.

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

*Trời sao đêm qua, gió thổi hôm qua,
Lầu vẽ ở bờ tây, phía đông nhà quế,
Thân vốn không phải là con phượng đẹp cánh bay đôi.
Lòng như con tê thiêng có một điểm thông sáng.
Ở nơi xa nhớ khi vui về rượu xuân ấm,
Nơi phân tào đùa chơi, nền đèn hồng.
Than ôi, ta nghe trống giục các quan đi làm
Ruổi ngựa đến Lan Đài như thân cỏ bồng.*

Dịch thơ:

VÔ ĐỀ

*Sao đêm qua, gió đêm qua
Bờ tây lầu vẽ, ngôi nhà phía đông.
Thân đâu phượng đẹp bay tung,
Linh tê còn chút điểm thông hẹn cùng.
Nơi xa chúc chén rượu nồng,
Phân tào trò lạ, nền hồng đèn treo*

⁽¹⁾ Tọa tổng câu: Theo truyện *Hán Vũ Đế*. Câu Dặc phu nhân lúc bê tay nắm lại, vua cạy tay lấy được một dây đai móc bằng ngọc, từ đó tay mở ra. Do đó mới có trò chơi tàng câu. Đây là một trò vui đời xưa.

⁽²⁾ Xạ phúc: Bắn ngược. *Truyện Đông Phương Sóc*: Nhà các quan thượng thường sứ, bày trò chơi bắn ngược, treo một số đồ vật mà bắn, không được nhìn khi bắn (quay mặt về phía sau).

⁽³⁾ Lan Đài: Theo *Đường lục điển*: Đài Ngự Sử mọi sổ sách đều giao cho Bí thư tỉnh ở ngay bên cạnh ngự sử. Trước kia dinh thự của Ngự sử đại phu gọi là Hiến Đài, từ đời Hậu Hán gọi là Lan Đài. Lý Thương Ẩn từng làm quan ở đây.

Gọi quan, trông giục lên lầu.
Lan Đài ruổi ngựa phiêu diêu phận bông.

隋宮

紫泉宮殿鎖煙霞
欲取蕪城作帝家
玉璽不緣歸日角
錦帆應是到天涯
於今腐草無螢火
終古垂楊有暮鴉
地下若逢陳後主
豈宜重問後庭花

203. TÙY CUNG

Tử Tuyền⁽¹⁾ cung điện tỏa yên hà,
Dục thủ Vu thành tác đế gia.
Ngọc tỷ⁽²⁾ bắt duyên quy nhật giác⁽³⁾
Cầm phạm ưng thị đáo thiên nha
Ư kim hủ thảo vô huỳnh hỏa⁽⁴⁾
Chung cổ thù dương hữu mộ nha.
Địa hạ nhược phùng Trần Hậu chủ⁽⁵⁾
Khởi vi trùng vấn Hậu Đình Hoa.

⁽¹⁾ Tử Tuyền: Chính tên là Tử Uyên (Đàm Tử), vì kiêng tên húy vua Đường Cao Tổ nên đổi là Tử Tuyền, ở phía bắc Tràng An.

⁽²⁾ Ngọc tỷ: Ấn vua, dùng ngọc mà khắc.

⁽³⁾ Nhật giác: Theo Trịnh Huyền thượng thư giải thích thì trung đỉnh gọi là nhật giác, vì làm theo hình mặt trời tỏa bóng.

⁽⁴⁾ Huỳnh hỏa: Lửa đom đóm. *Tùy thư*. Cuối năm Đại Nghiệp, giặc giã nhiều, trong cung Cảnh Hoa vua dùng đom đóm làm đèn, đêm đi chơi núi, thả cho bay khắp rừng hang.

⁽⁵⁾ Trần Hậu Chủ: Tùy Dạng Đế là một hôn quân, ham chơi vô độ, đến nhà Ngô Công, gặp Trần Hậu Chủ, Hậu Chủ có khoảng 10 vũ nữ, trong đó có một nàng tên là Lệ Hoa. Hậu Chủ sai múa khúc *Hậu Đình Hoa*.

Dịch nghĩa:

CUNG NHÀ TÙY

Từ tuyền cung điện im ắng phủ khói sông,
Muốn lấy thành Vu để làm cơ nghiệp cho hoàng đế.
Ấn ngọc ví không về với chủ mới,
Buồm gấm phẳng muốn đi đến tận chân trời.
Cho đến nay, cỏ nát không có ánh lửa đom đóm,
Từ xưa rặng thùy dương hay có quạ chiều.
Cõi âm nếu như gặp Trần Hậu Chủ.
Liệu có lại hỏi đến khúc Hậu Đình Hoa.

Dịch thơ:

CUNG NHÀ TÙY

Từ tuyền cung điện khói sông nhòa,
Muốn lấy Vu thành dựng nghiệp vua.
Ấn ngọc ví không về chủ mới,
Buồm rong ắt đến tít trời xa.
Đền nay cỏ nát không lòe đóm
Muôn thuở thùy dương lấm quạ về.
Âm phủ ngòi cùng Trần Hậu Chủ,
Liệu còn hỏi khúc Hậu Đình Hoa?

無題

來	是	空	言	去	絕	蹤
月	斜	樓	上	五	更	鐘
夢	爲	遠	別	啼	難	喚
書	被	催	成	墨	未	濃
蠟	照	半	籠	金	翡	翠
麝	熏	微	度	繡	芙	蓉
劉	郎	已	恨	蓬	山	遠
更	隔	蓬	山	一	萬	重

204. VÔ ĐỀ

Lai thị không ngôn khứ tuyệt tung,
Nguyệt tà lâu thượng ngũ canh chung.
Mộng vi viễn biệt đề nan hoán
Thư bị thôi thành mặc vị nùng⁽¹⁾
Lạp chiếu bán lung kim phi thúy⁽¹⁾
Xạ huân vi độ tú phù dung
Lưu Lang⁽²⁾ dĩ hận Bồng Sơn viễn,
Cánh cách Bồng Sơn nhất vạn trùng.

Dịch nghĩa:

VÔ ĐỀ

*Đến thì nói bằng quơ, đi thì bật dấu tích,
Trăng xế trên lầu, canh năm đã hết.
Mộng chia xa, không lời nào nói nổi,
Thư những muốn viết mà mực chưa đậm.
Nến chiếu nửa vòm chẵn thủy phí dát vàng,
Hương xông tỏa lên bức thêu hoa sen.
Lưu Lang vốn hận núi Bồng Sơn xa
Thì lại xa Bồng Sơn thêm muôn lần nữa.*

Dịch thơ:

VÔ ĐỀ

*Đến chẳng thưa cùng, đi bật tin
Chuông lầu trăng xế, đã canh năm.
Chia xa, mộng khóc lời khôn tả,
Thư viết lòng mong, mực chẳng đậm.
Nến chiếu nửa vòm chẵn phi thúy,
Nến chiếu nửa vòm chẵn phi thúy,*

⁽¹⁾ Kim phi thúy: Chăn làm bằng lông chim phi thúy thêu kim tuyến.

⁽²⁾ Lưu Lang: Tức Lưu: Thần lên núi gặp tiên, sau về trần, trở lại thì không thấy cảnh tiên đâu nữa.

Hương xông vừa ẩm bức thêu sen.
Lưu Lang vốn hận Bồng Sơn thắm,
Lại cách Bồng Sơn đến vạn lần.

馬嵬

海	外	從	聞	更	九	州
他	生	未	卜	此	生	休
空	聞	虎	旅	傳	宵	折
無	復	雞	人	報	曉	籌
此	日	六	軍	同	駐	馬
當	時	七	夕	笑	牽	牛
如	何	四	紀	爲	天	子
不	及	虜	家	有	莫	愁

205. MÃ NGÔI⁽¹⁾

Hải ngoại đồ văn cánh cửu châu,
Tha sinh vi bốc thử sinh hưu.
Không văn hổ lữ truyền tiêu tích,
Vô phục kê nhân⁽²⁾ báo hiệu trù.
Thử nhật lục quân đồng trú mã,
Đương thời thất tịch⁽³⁾ tiểu Khiên Ngưu.
Như hà tứ kỷ vi thiên tử,
Bất cập Lư gia hữu Mạc Sâu⁽⁴⁾.

Dịch nghĩa:

GÒ MÃ NGÔI

Ngoài bể nghe đồn còn có chín châu,
Kiếp sau chưa biết thế nào, kiếp này thế là thôi.

⁽¹⁾ Ở huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc nơi Dương Quý phi bị buộc thắt cổ.

⁽²⁾ Kê nhân: Quan lo việc các quan vào chầu vua từ sớm.

⁽³⁾ Mùng 7 tháng 7 Ngưu Lang gặp Chức Nữ.

⁽⁴⁾ Tên người đẹp ở Lạc Dương, lấy người họ Lư.

Luồng nghe đoàn quân hùng khoa mỗ ban đêm
 Không còn thấy quan lo việc châu vua báo thể sớm
 Ngày ấy sáu quân cùng dừng ngựa không chịu tiến
 Nhớ thời nào đêm mông bầy thảng bầy cười chàng Ngưu
 Tại sao hơn bốn mươi năm làm vua
 Mà không bằng chàng họ Lư có nàng Mạc Sầu.

Dịch thơ:

GÒ MÃ NGÔI

Ngoài bể nghe đâu có chín châu
 Kiếp này chưa biết nói chi sau.
 Từng nghe tướng hổ đêm khoa mỗ,
 Nào thấy quan văn, báo thể châu!
 Buổi ấy sáu quân không ruổi ngựa
 Đêm nào thất tịch giễu chàng Ngưu.
 Bốn mươi năm lễ trên ngôi báu
 Luồng then chàng Lư có Mạc Sầu.

Bản dịch khuyết danh:

GÒ MÃ NGÔI

Ngoài bể nghe đồn có chín châu,
 Kiếp này chưa chắc, chắc chi sau.
 Chỉ nghe hổ lữ đêm khoa mỗ,
 Nào thấy kê nhân báo thể châu.
 Đương độ lục quân cùng đóng ngựa,
 Nhớ đêm thất tịch ngửng cười ngâu!
 Than ơi, bốn kỷ trên ngôi báu.
 Mà kém nhà Lư có Mạc Sầu.

無題

颯	颯	東	風	細	雨	來
芙	蓉	塘	外	有	輕	雷
金	蟾	齧	環	燒	香	入
玉	虎	牽	絲	汲	井	迴
賈	氏	窺	簾	韓	掾	少

宓妃留枕魏王才
春心莫共花爭發
一寸相思一寸灰

206. VÔ ĐỀ

Táp táp⁽¹⁾ đông phong té vũ lai,
Phù dung đường ngoại hữu khinh lôi.
Kim thiềm⁽¹⁾ khiết tỏa thiêu hương nhập
Ngọc hồ khiên ty hấp tỉnh hồi
Giả thị⁽²⁾ khuỵu liêm Hàn duyên thiếu
Mật phi⁽³⁾ lưu chẩm Ngụy vương tài
Xuân tâm mạc cộng hoa tranh phát
Nhất thốn tương tư nhất thốn hôi.

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

*Gió xuân phơi phới, mưa xuân tới
Phía ngoài ao sen có sấm nhẹ.
Cóc vàng ngâm khóa, hương đốt, khói qua
Kéo nước về từ giếng có khắc hình hổ ngọc.
Họ Giả nhòm qua rèm (nhìn) viên lại họ Hàn trẻ,
Mật phi giữ gối lại bởi Ngụy Vương có tài.
Lòng xuân xin đừng cùng hoa tranh nở,
Một tác tương tư là một tác tro.*

Dịch thơ:

VÔ ĐỀ

*Gió xuân phơi phới tiếp mưa xuân,
Ngoài phía ao sen sấm nhẹ lan.*

⁽¹⁾ Táp táp: Tiếng gió. Phú Tống Ngọc: "Hữu phong táp nhiên nhi chí", nghĩa là: có ngọn gió phơi phới thổi đến.

⁽¹⁾ Kim thiềm: Cóc vàng: Hình trang trí đắp trên giếng.

⁽²⁾ Giả thị: Họ Giả. Hàn Thọ đẹp trai, là liêu thuộc của Giả Sung. Con gái Sung đứng sau rèm nhìn rất ưng, tư thông với Thọ, Giả Sung đành phải cho cưới.

⁽³⁾ Mật phi: Lạc Thần phú: Mật phi, tên một bà phi thời Ngụy Văn Đế, xót thân phận, nhảy xuống sông tự vẫn, còn ôm theo chiếc gối, sau được phong làm thủy thần.

Ngâm khóa cóc vàng hương tỏa khói,
 Nước trong giếng ngọc, kín tờ vàng.
 Ngó rềm họ Giả ưng trai đẹp,
 Giữ gôi Mật phi nhớ Ngụy vương.
 Nén lại tình xuân, hoa cứ nở
 Nhớ thương tác dạ, tác tro tàn!

籌筆驛

魚	鳥	猶	疑	畏	簡	書
風	雲	常	爲	護	儲	胥
徒	令	上	將	揮	神	筆
終	見	降	王	走	傳	車
管	樂	有	才	原	不	忝
關	張	無	命	欲	何	如
他	年	錦	里	經	祠	廟
梁	父	吟	成	恨	有	餘

207. TRÙ BÚT DỊCH⁽¹⁾

Ngư điều do nghi úy giản thư⁽²⁾,
 Phong vân trường vị hộ trừ tư⁽³⁾.
 Đồ linh thượng tướng huy thần bút,
 Chung kiến hàng vương⁽⁴⁾ tẩu truyện xa⁽⁵⁾.
 Quân, Nhạc⁽⁶⁾ hữu tài chân bất thiếu,
 Quan, Trương⁽⁷⁾ vô mệnh dục hà như.
 Tha niên Cẩm lý kinh từ miếu,
 Lương Phụ ngâm thành hận hữu dư.

⁽¹⁾ Trù Bút dịch: Theo *Phương dư thắng lãm*, trạm Trù Bút cách phía bắc huyện Cẩm Cốc Cẩm Châu, chín mươi chín dặm, nơi Gia Cát Vũ hầu ra quân, thường đóng quân ở đây để trừ liệu việc quân.

⁽²⁾ Giản thư: Ở đây chỉ những mệnh lệnh trong quân.

⁽³⁾ Trừ tư: Phên giậu che chở.

⁽⁴⁾ Hàng vương: Chỉ Hậu chủ ra hàng Đặng Ngải.

⁽⁵⁾ Truyện xa: Xe dùng đón đưa những người quan trọng ở quán dịch.

⁽⁶⁾ Quân, Nhạc: Tức Quan Trọng, Nhạc Nghị, những vị tướng tài thời Xuân Thu - Chiến Quốc.

⁽⁷⁾ Quan, Trương: Tức Quan Công và Trương Phi, hai tướng giỏi của nước Thục, anh em kết nghĩa với Lưu Bị.

TRẠM TRÙ BÚT

*Cá và chim sợ ngại những lệnh ngăn trong quân.
Gió mây vẫn cứ làm phen giậu lâu dài.
Luống công quan thượng tướng vấy bút thân
Rút cục lại thấy vua ra hàng đi xe tới.
Có tài đến Quân Nhạc cũng khó hơn được,
Quan, Trương mệnh mỏng, biết làm sao!
Những năm sau miếu Cấm dựng đèn rộng,
Ngâm bài ca Lương Phụ, trong lòng còn ôm hận.*

Dịch thơ:

TRẠM TRÙ BÚT

*Cá chim còn hãi lệnh nghiêm truyền,
Mây gió thường luôn dựng giậu phen.
Thượng tướng phí công tay vấy bút
Hàng vương rút cục thấy xe hèn!
Tài cao Quân Nhạc đâu thua kém,
Phận mỏng Quan, Trương những chạnh buồn
Thôn Cấm năm rồi qua điện miếu,
Bài ca Lương Phụ dạ còn căm.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TRẠM TRÙ BÚT

*Vượn chim⁽¹⁾ còn sợ lệnh nghiêm
Gió mây vẫn cứ ngày đêm hộ trì.
Luống công thượng tướng bút phê,
Chung quy lại thấy chuyển xe chúa hàng.
Thực tài Quân, Nhạc sánh ngang.*

⁽¹⁾ Đường thi của Trần Trọng Kim chép là viên, điều (vượn, chim) (chú thích của người dịch).

Quan, Trương mệnh bạc nhờ nhàn biết sao.

Về sau thành Cẩm miếu cao,

Ngâm bài Lương Phụ nao nao nỗi buồn.

無題

相見時難別亦難
東風無力百花殘
春蠶到死絲方盡
蠟炬成灰淚始乾
曉鏡但愁鬢改
夜吟應覺月光寒
蓬萊此去無多路
青鳥殷勤爲探看

208. VÔ ĐỀ

Tương kiến thời nan, biệt diệc nan,
Đông phong vô lực bách hoa tàn.
Xuân tằm đáo tử tì phương tận,
Lạp cự thành hôi lệ⁽¹⁾ thủy can.
Hiếu kính dân sâu vân mấn cải,
Dạ ngâm ưng giác nguyệt quang hàn.
Bồng sơn thử khứ vô đa lộ,
Thanh điều ân cần vị thám khan.

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

*Gặp nhau thật khó, xa nhau cũng thật khó,
Gió đông không còn sức khiến trăm hoa phải tàn.
Tằm xuân đến chết tơ còn rút hết,*

⁽¹⁾ Lạp lệ: Nước mắt của nến. Thơ Dữu Tín: "Đồng hà thừa lệ lạp, Thiết giáp nhiễm phù yên", nghĩa là: (cây nến) hoa sen bằng đồng đầy nước mắt nến, Kẹp sắt (để cắm hương) nhuộm khói bay.

Nén sáp đã thành tro mà lệ nhỏ mới khô.
Xem gương buổi sớm buồn tóc mây thay đổi,
Ban đêm ngâm ngời càng biết ánh trăng lạnh giá.
Lần này tới Bồng Sơn, không mấy lỗi,
Ấn cần nhờ chim xanh thăm hỏi giúp ta.

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

Gặp nhau thường khó, khó chia xa
Ngọn gió thổi đành phải phụ hoa.
Dầu thác thân tằm tơ rút cạn,
Thành tro, giọt nến, lệ còn sa.
Soi gương buổi sớm, buồn phơ tóc.
Ngâm ngời thơ đêm, nguyệt lạnh mờ.
Đường tới Bồng Sơn xa chẳng mấy,
Chim xanh nhắn hỏi giúp cho ta.

Bản dịch của Ngô Linh Ngọc:

KHÔNG ĐỀ

Khó gặp nhau mà cũng khó xa,
Gió xuân hèn yếu để tàn hoa.
Con tằm đến thác tơ còn vướng,
Ruột nến chưa tan lệ đã nhòa.
Gương sớm những buồn phơ mái tóc,
Thơ đêm càng ngấm lạnh vàng nga.
Bồng Lai nẻo đó đường không mấy,
Cây chiếc chim thần hỏi giúp ta.

春雨

悵臥新春白袷衣
白門寥落意多違

紅樓隔雨相望冷
珠箔飄燈獨自歸
遠路應悲春晚晚
殘宵猶得夢依稀
玉璫緘札何由達
萬里雲羅一雁飛

209. XUÂN VŨ

Trướng ngoại tân xuân bạch giáp⁽¹⁾ y,
Bạch môn⁽²⁾ dao lạc ý đa vi.
Hồng lâu cách vũ tương vương lãnh
Châu bạc phiêu đẳng độc tự quy.
Viễn lộ ưng bi xuân uyển vân
Tàn tiêu do đắc mộng y hi.
Ngọc đang⁽³⁾ giam trát hà do đạt,
Vạn lý vân la nhất nhận phi.

Dịch nghĩa:

MƯA XUÂN

*Nằm dài, xuân mới vận chiếc áo kép trắng
Bạch môn lưu lạc nghĩ lắm ý loanh quanh.
Lầu hồng cách mưa nhìn thấy vẻ lạnh,
Rèm châu, ngọn đèn lay động, một mình trở về.
Đường xa, luống đau buồn mùa xuân đón dẫn,
Đêm tàn mà mộng vẫn còn vương vất.*

⁽¹⁾ Giáp: Một loại áo mặc bên ngoài.

⁽²⁾ Bạch môn: Cửa Bạch. Theo *Đường thư địa lý chí*, năm Vũ Đức thứ 9, đất Kim Lăng gọi là Bạch Hạ. Thành Bạch Hạ cũ giáp tây bắc huyện Thượng Nguyên. Thơ Lý Bạch: "Dịch đình Tam Dương liễu, chính dương Bạch Hạ thành" nghĩa là: Sân trạm thấy liễu Tam Dương, chính là đến thành Bạch Hạ. Bạch Môn: Cửa thành Bạch Hạ nay thuộc Nam Kinh.

⁽³⁾ Ngọc đang: Đồ trang sức đeo tai bằng ngọc.

Vòng khuyên tai bằng ngọc

nói trong thư biết gửi cho ai.

Muôn dặm mây tầng một cánh nhạn đang bay.

Dịch thơ:

MƯA XUÂN

Xuân mới trái dài choàng kép trắng,
Cửa Bạch lênh đênh nghĩ quần quanh.
Mưa phủ lâu hồng e vẫn lạnh,
Rèm châu đèn hắt vội lui chân.
Đường xa những xót xuân chừng chậm,
Đêm cạn vòng vo mộng chứa tàn.
Khuyên ngọc gửi vào thư muốn gói,
Mây tầng muôn dặm nhạn bay ngang.

無題

鳳	尾	香	羅	薄	幾	重
碧	文	圓	頂	夜	深	縫
扇	裁	月	魄	羞	難	掩
車	走	雷	聲	語	未	通
曾	是	寂	寥	金	燼	暗
斷	無	消	息	石	榴	紅
斑	駢	只	繫	垂	楊	岸
何	處	西	南	任	好	風

210. VÔ ĐỀ

Phượng vĩ hương la⁽¹⁾ bạc kỷ trùng,
Bích văn viên đỉnh⁽²⁾ dạ thâm phùng.

⁽¹⁾ Phượng la: Loại áo khăn sang của những người quyền quý, thường bằng lụa the.

⁽²⁾ Bích văn viên đỉnh: Những thứ khăn, đồ dùng cần thiết cho đám cưới.

Phiến tài nguyệt⁽¹⁾ phách tu nan yểm
 Xa tẩu lồi thanh⁽²⁾ ngữ vị thông.
 Tầng thị tịch liêu kim tẫn ám
 Đoan vô tiêu tức thạch lưu hồng⁽³⁾.
 Ban truy⁽⁴⁾ chỉ hệ thủy dương ngoại
 Hà xứ tây nam nhiệm hảo phong?

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

*Rèm tơ quý đuôi phượng, áo nhiều lớp mỏng mấy lần
 Mũ tròn hoa văn xanh tét làm mũ đêm khuya ngồi may.
 Quạt tựa vàng trắng không che được mặt đẹp
 Xe chạy như tiếng sấm lời nói ngập ngừng
 Từng ngồi chỗ vắng vẻ đèn vàng mờ
 Tuyệt không tin tức, cây thạch lưu đang ra hoa đỏ.
 Con ngựa xám trắng buộc bên bờ thủy dương
 Biết xứ nào ở phía tây nam có ngọn gió lành?*

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

*Đuôi phượng, tơ thơm, mấy lớp rèm,
 Mũ thêu hoa biếc thức thâu đêm.
 Quạt như trắng sáng, khôn che mặt
 Xe ruổi sấm lan, giọng ngập ngừng,*

⁽¹⁾ Phiến tài nguyệt phách: Quạt giữ hồn trắng. Thơ Ban Tiếp dư: Xé lụa nồn trắng như sương làm quạt hợp hoan, tròn như vàng trắng sáng, mùa xuân mùa thu nhiều sương, hồn trắng giảm sáng. Theo *Kinh Thư*: Trắng mười sáu giảm sáng mà lại có hồn.

⁽²⁾ Xa tẩu lồi thanh: Trong bài *Tư mã Tương Như Trường môn phú* có câu: "Lôi ẩn ẩn như ưởng khởi hê, thanh tường quân chi xa âm", nghĩa là: Tiếng sấm dần dần vang lên (hê), tiếng như tiếng xe của chàng.

⁽³⁾ Thạch lưu: Cây thạch lưu. Theo *Lương thư*, ở đất Phù Nam có cây thạch lưu, hoa đỏ, có thể nấu rượu sau khi ủ. Câu này lưu đọc là lưu nếu không thơ thất luật.

⁽⁴⁾ Ban triều: Ngựa có sắc xám pha đen, hoặc trắng pha đen.

Thanh vắng đã từng, đèn lửa ủa
 Rực hồng thạch lưu đắm nguồn tin.
 Ngựa Truy buộc ở bờ dương liễu
 Nào xứ tây nam, ngọn gió lành.

無題

重帷深下莫愁堂
 臥後清宵細細長
 神女生涯原是夢
 小姑居處本無郎
 風波不信菱枝弱
 月露誰教桂葉香
 直道相思了無益
 未妨惆悵是清狂

211. VÔ ĐỀ

Trùng duy thâm há Mạc Sầu đường⁽¹⁾
 Ngoại hậu thanh tiêu tể tể trường.
 Thần nữ⁽²⁾ sinh nhai nguyên thị mộng
 Tiểu Cô⁽³⁾ cư xứ bản vô lang.
 Phong ba bất tín lãng chi nhược,
 Nguyệt lộ thù giao quế diệp hương.
 Trục đạo tương tư liễu vô ích
 Vị phương trừ trường thị thanh cuồng.

⁽¹⁾ Nhà Mạc Sầu: *Lương Vũ đế cư*: Sông Hà Trung chảy về đông. Người con gái Lạc Dương tên là Mạc Sầu. Mười ba tuổi biết dệt lụa, mười bốn bỏ ruộng nam hái dâu, mười lăm lấy chồng nhà họ Lư, mười sáu sinh con đặt lên La Hầu. Họ Lư giàu, lấy quế làm xà, trong nhà uất kim hương tỏa ngát.

⁽²⁾ Thần nữ: *Tương Dương kỳ truyện*: Giao Cơ, con gái Xích Đê chết sớm, chôn ở Vu Sơn. Sở Hoài vương đến Cao Đường chơi, ngủ đêm mộng thấy Thần nữ, xưng là con gái Vu Sơn, đặt quán tên là Triệu Vân. Tống Ngọc cũng có *Thần nữ phú*.

⁽³⁾ Tiểu Cô: Cổ Nhạc phủ: Khúc Tiểu Cô hát bên suối trong. Nhà Tiểu Cô trước sông, cạnh cầu, nằg ở một mình, không lấy chồng. Theo Dị Uyển: Tiểu Cô là em gái Tưởng Hầu.

Dịch nghĩa:

KHÔNG ĐỀ

*Nhà Mạc Sâu màn che tối mờ
Sau lúc đi nằm, đêm thanh càng thêm dài.
Nơi thần nữ ở vốn thường hay mộng,
Chỗ Tiểu Cô nương nấu vốn không có chồng.
Trước sóng gió chẳng tin cỏ ấu lại mềm,
Dưới trăng sương ai người hay lá quế thơm
Vẫn biết tương tư chẳng ích gì,
Nên chẳng đem thú buồn bã,
xót xa thành chuyện ngông cuồng.*

Dịch thơ:

KHÔNG ĐỀ

*Màn rủ mờ che nhà Mạc Sâu,
Nằm sông, đêm vắng mới dài sao!
Phòng riêng thần nữ thường hay mộng
Nhà ở Tiểu Cô, chồng có đâu!
Cỏ ấu nào mềm khi sóng gió,
Sương trăng, hương quế, liệu ai trao?
Tương tư dầu biết là vô ích,
Nào dám ngông nghênh lúc ruột bào.*

ÔN ĐÌNH QUÂN

利洲南渡

澹然空水對斜暉
曲島蒼茫接翠微
波上馬嘶看棹去

柳邊人歇待船歸
 數叢沙草群鷗散
 萬頃江田一鷺飛
 誰解乘舟尋范蠡
 五湖煙水獨忘機

212. LỢI CHÂU⁽¹⁾ NAM ĐỘ

Đạm nhiên không thủy đài tà huy
 Khúc đảo thương mang tiếp thúy vi.
 Ba thượng mã tê khan trạo khứ
 Liễu biên nhân yết đài thuyền quy.
 Sở tùng sa thảo quần âu tán,
 Vạn khoảnh giang điền nhất lộ phi.
 Thuyền giải thừa chu tầm Phạm Lãi⁽²⁾
 Ngũ hồ yên thủy độc vong ky.

Dịch nghĩa:

BÊN ĐÒ PHÍA NAM LỢI CHÂU

Lặng lẽ nước vui, theo ánh chiều tà,
 Đảo quanh co xanh ngắt, tiếp với màu trời xanh.
 Trên sóng ngựa hí vang nhìn thuyền đang đi
 Bên liễu người đợi thuyền về đã hết.
 Vài bụi cỏ rậm trên cát bãi chim âu bay tán loạn
 Muôn khoảnh ruộng bên sông một cánh cò bay
 Ai biết cười thuyền tìm Phạm Lãi,
 Ngũ hồ khói nước một mình quên đời.

⁽¹⁾ Lợi Châu: Thuộc đất Ba Thục, là đất phía tây Ích Châu đời Tấn, nhà Lương đổi là Lợi Châu. Theo sách *Đường địa lý chí* thì quận thành Tùy Nghĩa năm Vũ Đức thứ 8 đổi là Lợi Châu.

⁽²⁾ Phạm Lãi: Theo *Ngô Việt Xuân Thu*: Phạm Lãi giúp nước Ngô nên nghiệp bá, sau từ quan chức đi chơi Ngũ hồ.

QUA BÊN ĐỒ NAM LỢI CHÂU

Lặng vui mặt nước ánh chiều loang,
Khúc đảo liền trời bát ngát xanh.
Ngựa hí ran sông, thuyền lướt sóng,
Liều bên chùng vắng khách chờ thuyền.
Cát phơi, cỏ rậm, bấy âu lượn
Muôn khoảnh đồng xanh, cò sải nghiêng.
Ai biết cười thuyền theo Phạm Lãi
Năm hồ khói nước, chuyện đời quên.

蘇武廟

蘇武魂銷漢使前
古祠高樹兩茫然
雲邊雁斷胡天月
隴上羊歸塞草煙
迴日樓臺非甲帳
去時冠劍是丁年
茂陵不見封侯印
空向秋波哭逝川

213. TÔ VŨ MIÊU

Tô Vũ⁽¹⁾ hồn tiêu Hán sứ tiền,
Cổ từ cao thụ lưỡng mang nhiên.
Vân biên nhạn đoạn Hồ thiên nguyệt,
Lũng thượng dương quy tái thảo yên.
Hồi nhật lâu đài phi giáp tướng⁽²⁾,

⁽¹⁾ Tô Vũ: Theo *Hán thư Tô Vũ truyện*: Hán Vũ Đế sai Tô Vũ sang sứ Hung Nô, bị giữ lại vút ra trời tuyết, không chết, Hung Nô cho là thần. Sau lại bắt chăn dê, kỷ cho dê dục dê mới được về. Mười tám năm sau mới được về Hán.

⁽²⁾ Giáp tướng: Theo *Hán thư Tây Vực truyện tán*: Đời vua Hiếu Vũ, cho làm tướng loại một và loại 2 cho các quan. Lại có thuyết Hán Vũ đế cho làm hai loại tướng này, một cho thần ở, một cho người ở (Vũ đế cho người đi cầu thuốc tiên).

Khứ thời quan kiểm thị đình niên⁽¹⁾.
Mậu Lăng⁽²⁾ bất kiến phong hầu ấn,
Không hưởng thu ba khốc thệ xuyên.

Dịch nghĩa:

MIÊU TÔ VŨ

*Hồn Tô Vũ đã tiêu tan, vị sứ giả nhà Hán trước,
Ngôi đền cũ cây cao sóng đôi thăm thẳm.
Phía bờ mây, nhận bay dứt, trăng trời Hồ,
Trên lũng đất, dề về, khói cỏ bên cửa ải.
Ngày về, lâu đài không phải nơi phủ tướng,
Năm đi, mũ, kiếm là lúc trai trẻ.
Mậu Lăng chẳng thấy ấn phong hầu,
Hướng lên trời, trước sóng thu
mà khóc nhìn nước chảy.*

Dịch thơ:

MIÊU TÔ VŨ

*Tô Vũ hồn tan, Hán sứ xưa
Cây cao, đền cũ thăm trời xa.
Bờ mây, nhận dứt, trăng Hồ sáng,
Lũng nọ, dề về, khói ải thưa.
Về nước, lâu đài đâu tướng phủ,
Ra đi, mũ kiếm thuở hào hoa.
Mậu Lăng chẳng thấy phong hầu ấn,
Trước sóng trời thu, khóc nước thu.*

⁽¹⁾ Đình niên: Trai trẻ.

⁽²⁾ Mậu Lăng: Lăng Hán Vũ đế.

TIẾT PHÙNG (806 - ?)

Tiết Phùng tên chữ là Đào Thần, người Bồ Châu (nay thuộc Sơn Tây), đầu năm Hội Xương, đỗ tiến sĩ, trải qua các chức Thị ngự sử, Ba châu thứ sử và Bí thư giám.

宮詞

十二樓中盡曉妝
望仙樓上望君王
鎖銜金獸連環冷
水滴銅龍畫漏長
雲髻罷梳還對鏡
羅衣欲換更添香
遙窺正殿簾開處
袍褲宮人掃御床

214. CUNG TỪ

Thập nhị lâu trung tận hiểu trang,
Vọng tiên lâu⁽¹⁾ thượng vọng quân vương.
Tòa hàm kim thú liên hoàn lãnh,
Thủy chích đồng long⁽²⁾ trú lậu tràng.
Vân khảo bãi sơ hoàn đối kính,
La y dục hoán cánh thiêm hương.
Dao khuy chính điện liêm khai xứ,
Bào khổ cung nhân tảo ngự sàng.

⁽¹⁾ Vọng Tiên lâu: Đường thư, Vũ Tông Kỷ, năm Hội Xương thứ 5, dựng lầu Vọng Tiên ở Thần Sách quân.

⁽²⁾ Đồng long: Đồng hồ thời xưa, hình rồng, ba tầng bằng đồng. Nước từ miệng rồng phun qua một đường hình tơ nhện, từ đó định ra thời khắc.

Dịch nghĩa:

LỜI CUNG NỮ

*Mười hai lầu đều trang điểm buổi sớm,
Lên lầu Vọng Tiên, ngóng đức vua.
Khóa con thú vàng liền các vòng lạnh lẽo,
Nước giỏ con rồng bằng đồng,
giọt đồng hồ (thời gian) kéo dài.
Tóc mây chải xong, quay lại soi gương,
Áo là muốn thay lại xúc thêm hương.
Lặng nhòm sang chính điện, nơi có rèm mở,
Cô cung nữ áo ngắn đang phẩy giường vua.*

Dịch thơ:

LỜI CUNG NỮ

*Ban sớm mười hai lầu điểm trang,
Vọng Tiên lên gác, ngóng quân vương.
Thú vàng ngậm khóa liền hoàn lạnh,
Nước giỏ rồng đồng, giọt lậu tràn.
Chải gọn tóc mây, gương mãi ngắm,
Áo là mong đổi, lại xông hương.
Lặng nhìn chính điện nơi rèm mở,
Áo ngắn, cung nhân đang phẩy giường.*

TẢN THAO NGỌC

Tên chữ là Trọng Minh, người Kinh Triệu, trải các chức Thân sách Phán Quan, rồi Công Bộ thị lang. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

貧女

蓬門未識綺羅香

擬託良媒亦自傷
 誰愛風流高格調
 共憐時世儉梳妝
 敢將十指誇鍼巧
 不把雙眉鬥畫長
 苦恨年年壓金線
 爲他人作嫁衣裳

215. BÀN NỮ

Bồng môn vi thức ỷ la hương,
 Nghĩ thác lương môi diệp tự thương.
 Thùy ái phong lưu cao cách điệu,
 Cộng liên thời thế kiệm sơ trang⁽¹⁾.
 Cảm tương thập chỉ khoa trâm sảo,
 Bất bả song mi đấu họa trường.
 Khổ hận niên niên yếm kim tuyến,
 Vị tha nhân tác giá y thường.

Dịch nghĩa:

GÁI NGHÈO

Cửa buồng chưa hề biết mùi the lụa,
 Những cây mối lái luống cũng xót thương.
 Ai kẻ phong lưu yêu người thanh cao
 Luống thương người phải tần tiện đồ trang sức.
 Dám đâu mười ngón tay khoe đường kim chỉ,
 Cũng chẳng muốn kẻ hai hàng lông mày
 dài đầu vào nhau.
 Đáng ngán hàng năm lấy chỉ vàng,
 Làm áo cưới cho người khác mặc.

⁽¹⁾ Kiem trang: Bớt trang điểm. Vua Đường Văn Tông xuống chiếu mọi người bớt trang điểm, bỏ việc kẻ lông mày...

GÁI NGHÈO

*Cửa buồng the lụa chưa quen,
Lòng riêng ngần ngại mỗi manh duyên lành.
Ai người chuộng vẽ cao thanh?
Vốn thương thời thế xuềnh xoàng điểm trang.
Đường kim ai dám khoe khoang,
Lông mày e ngại cũng không kẻ dài,
Chỉ vàng những ngán cho ai
Ngồi thêu áo cưới cho người khác mang.*

Bản dịch của Nguyễn Bích Ngô:

CON GÁI NHÀ NGHÈO

*Lụa là chưa được bén mùi sang,
Muôn cây băng nhân ngại bề bàng
Ai quý thanh cao, giàu cách điệu,
Cùng thương mộc mạc, kém thời trang.
Dám khoe mười ngón đường kim khéo,
Không cậy đôi mi nét kẻ trường,
Ngán nổi hàng năm thêu áo cưới,
Để người làm dáng với tân lang.*

NHẠC PHỦ

(Thể thơ Nhạc phủ)

THẨM THUYỀN KỲ

獨不見

盧家少婦鬱金
海燕雙棲玳瑁
九月寒砧催下
十年征戍憶遼
白狼河北京書
丹鳳城南秋夜
誰爲含愁獨不
更教明月照流

216. ĐỘC BẤT KIẾN⁽¹⁾

Lư gia thiếu phụ uất kim hương
Hải yến song thê đại mọi (mạo) lương⁽²⁾
Cửu nguyệt hàn châm thôi hạ điệp
Thập niên chinh thú ức Liêu Dương⁽³⁾.
Bạch lang hà⁽⁴⁾ bắc âm thư đoạn

⁽¹⁾ Độc bất kiến: Bài này còn có tên là *Cổ ý* - Theo Nhạc phủ giải đề, *Độc bất kiến* có nghĩa là: Thương nhớ mà chẳng thấy nhau. Bài này có nhiều bản chép khác nhau. Một số từ có dị bản: Chẳng hạn *thiếu phụ*, có bản chép là *tiểu phụ*, *hạ điệp* chép là *mộc điệp*, *thùy tri* chép là *thùy vi*... Bản này dựa theo bản của Quách Mậu.

⁽²⁾ Đại mọi lương: Xà nhà nơi quyền quý dát dỗi mồi.

⁽³⁾ Liêu Dương: Theo *Hán thư địa lý chí*, thì đất Đông Quận có huyện Liêu Dương.

⁽⁴⁾ Bạch lang hà: Theo *Thủy kinh chú*: Sông Liêu gọi là Bạch Lang hà chảy qua phía Bắc Bình.

Đan Phượng thành nam, thu dạ trường,
Thùy vị hàm sầu độc bất kiến,
Cánh giao minh nguyệt chiếu lưu hoàng⁽¹⁾.

Địch nghĩa:

NHỚ THƯƠNG MÀ CHẴNG THẤY

*Thiếu phụ nhà họ Lư, ở nhà sang trọng,
Chim hải yến đậu đôi trên xà nhà đôi môi
Tháng chín tiếng chày đập vải lạnh, giục già lá rụng
Mười năm đóng ải quan, nhớ về Liêu Dương
Thư tin phía bắc sông Bạch Lang bật vắng
Mùa thu phía nam thành Đan Phượng kéo dài.
Ai biết nuốt sầu một mình thương nhớ
Xui khiến để trăng sáng soi tấm rèm nhiều màu.*

Địch thơ:

NHỚ THƯƠNG MÀ KHÔNG THẤY NHAU

*Nàng Lư dòng dõi nhà sang,
Chim hải yến đậu xà ngang đôi môi
Chày tháng chín, rộn nơi nơi,
Mười năm chàng đóng ải ngoài Liêu Dương
Bạch Lang tin tức biệt tăm,
Mùa thu Đan Phượng thành nam thật dài!
Sầu thương, thiếp một mình thôi.
Ánh trăng còn ghẹo, chiếu ngời rèm the...*

⁽¹⁾ Lưu hoàng: Theo *Cổ Nhạc phủ*, khúc *Tương Phùng hành*: "Đại phụ chúc ý la, trung phụ chúc lưu hoàng", nghĩa là: Người đàn bà sang dệt the lụa, người đàn bà trung lưu thì dệt lụa nhiều màu (lưu hoàng) để mặc!

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 7)

NGŨ NGÔN TUYỆT CÚ

Bắt đầu từ thể Nhạc phủ đời Hán, Ngụy như các bài *Bạch đầu ngâm*, *Xuất tái khúc*, *Đào Hoa ca*, đều dùng lối thơ này. Đời Lục triều khá phổ cập, đời Đường càng nhiều (chú của soạn giả).

VƯƠNG DUY

鹿柴

空 山 不 見 人
但 聞 人 語 響
返 影 入 深 林
復 照 青 苔 上

217. LỘC SÀI⁽¹⁾

Không sơn bất kiến nhân
Đãn văn nhân ngữ hưởng.
Phản ảnh⁽²⁾ nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng.

Dịch nghĩa:

CHỖN THÂM U

*Núi vắng không thấy người,
Chợt nghe tiếng vọng của người nói.*

⁽¹⁾ Lộc Sài: Theo bài tựa *Võng Xuyên tập* thì nhà Vương Duy ở trong núi Võng Xuyên, trong đó có nhiều thắng cảnh, ông đặt cho những tên riêng rất hay như Hoa Tử Cương, Vạn Hạnh quán, Cung Hòe mạch, Lộc Sài, Mộc Lan sai..., đều là những cảnh đẹp ở trong vùng núi ông ở ẩn, thường du ngoạn cùng Bùi Dịch.

⁽²⁾ Phản ảnh: Bóng ngược. Theo *Tứ thời thoán yếu*: Mặt trời lặn về phía tây, ánh sáng chiếu ngược sang hướng đông, gọi là bóng ngược.

*Bóng nắng hắt vào rừng sâu,
Rồi lại in trên rêu xanh.*

Dịch thơ:

CHỖN THÂM U

*Núi vắng chẳng thấy ai,
Chợt vang lên tiếng người.
Bóng nước hòa rừng thắm
Lại in lên đài rêu.*

竹里館

獨坐幽篁裡
彈琴復長嘯
深林人不知
明月來相照

218. TRÚC LÝ QUÁN

*Độc tọa u hoàng⁽¹⁾ lý,
Đàn cầm phục tràng khiêu.
Thâm lâm nhân bất tri.
Minh nguyệt lai tương chiếu.*

Dịch nghĩa:

QUÁN TRONG TRE TRÚC

*Một mình ngồi dưới rừng trúc rợp
Gảy đàn cầm thổi sáo.
Rừng sâu chẳng ai biết,
Trăng sáng đến bên soi.*

⁽¹⁾ U hoàng: Sở từ có câu: "Dư xử u hoàng hề chung bất kiến thiên", nghĩa là: Ta ở chốn u hoàng hê, suốt ngày không thấy trời. U hoàng: Chỗ bụi trúc rậm.

Dịch thơ:

TRÚC LÝ QUÁN

*Ngồi một mình dưới trúc,
Đàn sáo lại thổi chơi.
Rừng sâu chẳng ai biết,
Trăng sáng với ta thôi.*

送別

山中相送罷
日暮掩柴扉
春草明年綠
王孫歸不歸

219. TỔNG BIỆT

*Sơn trung tương tổng bãi
Nhật mộ yểm sài phi
Xuân thảo minh niên⁽¹⁾ lục
Vương tôn quy bất quy.*

Dịch nghĩa:

TIỀN BIỆT

*Vừa tiễn nhau trong núi xong
Trời ngả về chiều, cửa rong đóng lại,
Cỏ xuân sang năm mới lại xanh,
Vương tôn về hay chưa về.*

Dịch thơ:

TIỀN BIỆT

Vừa tiễn nhau trong núi,

⁽¹⁾ Minh niên: Sang năm. Đường thi tam bách thủ chép là niên niên: năm năm. Ở đây theo bản của Viện Văn học, hợp hơn (chú của người dịch).

*Trời tối, khép cửa rong
Cỏ xuân năm mới mọc,
Vương tôn về hay không?*

Bản dịch của Nguyễn Hữu Bổng:

TIỀN BIỆT

*Trèo non tiễn bạn vừa xong,
Non chìm bóng ác cửa lòng then mây,
Cỏ xanh xuân mới mọc đầy
Vương tôn kia hồi về hay chẳng về.*

相思

紅豆生南國
春來發幾枝
願君多采擷
此物最相思

220. TƯƠNG TƯ

Hồng đậu⁽¹⁾ sinh nam quốc,
Xuân lai phát kỷ chi.
Nguyên quân đa thái hiệt,
Thử vật tối tương tư.

Dịch nghĩa:

TƯƠNG TƯ

*Đậu đỏ sinh ra ở nước nam
Mùa xuân đến đã nảy được bao cành?
Xin anh hãy hái thật nhiều,
Vật ấy vốn rất gọi cho chuyện nhớ đến nhau.*

⁽¹⁾ Hồng đậu: Đậu đỏ. Theo *Tư Hà lục*: Giống đậu tròn mà hồng, đầu hơi đen (có thể là hạt cườm cườm - NVP), người đời gọi là hạt tương tư, tượng trưng cho tình yêu.

Dịch thơ:

TƯƠNG TƯ

*Đâu đó sinh nam quốc
Mùa xuân nở mấy cành?
Xin anh hái thật đã,
Vật ấy nhớ thương dằm.*

Bản dịch của Nguyễn Hữu Bổng:

NHỚ NHAU

*Đâu hồng sinh ở phương nam,
Đến xuân này lại nở thêm mấy cành.
Lượm về nhiều nhé, hỡi anh,
Giống này mới thật nặng tình tương tư.*

雜詩

君自故鄉來
應知故鄉事
來日綺窗前
寒梅著花未

221. TẠP THI

*Quân tự cố hương lai,
Ứng tri cố hương sự.
Lai nhật ý song tiền,
Hàn mai chúc hoa vị.*

Dịch nghĩa:

TẠP THI

*Anh từ quê cũ đến,
Hẳn biết việc ở quê nhà.*

*Trước ngày anh đi nơi cửa có màn the,
Cây hàn mai đã nở hoa chưa?*

Địch thơ:

TẠP THI

*Anh từ quê cũ đến
Hẳn biết việc quê nhà.
Trước ngày đi, cửa lụa,
Cây hàn mai nở chưa?*

BÙI ĐỊCH

Theo *Đường thi kỷ sự* Bùi Địch trước cùng Vương Duy, Thôi Hưng, Tông Câu đều ở Chung Nam. Sau năm Thiên Bảo làm Thục Châu thứ sử, kết bạn rất thân với Vương Duy, Đỗ Phủ. Có thuyết khác cho ông là người đất Quan Trung. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

送崔九

歸山深淺去
須盡丘壑美
莫學武陵人
暫遊桃源裡

222. TỔNG THÔI CỬU

Quy sơn thâm thiển khứ
Tu tận khâu hác mỹ.
Mạc học Vũ Lăng nhân⁽¹⁾
Tiệm du Đào Nguyên lý.

⁽¹⁾ Thơ Đào Tiềm: Trong *Đào hoa nguyên ký* có nhắc đến Vũ Lăng ngư nhân (ông chài Vũ Lăng).

Dịch nghĩa:

TIỀN THÔI CỬU

Về núi thì hãy đến hết những chỗ nông chỗ sâu,
Hãy đi cho hết những gò, hang đẹp.
Chớ học người đất Vũ Lăng
Chỉ đến Đào Nguyên trong chốc lát.

Dịch thơ:

TIỀN THÔI CỬU

Về núi đi cho khắp
Tìm gò xinh, hang đẹp.
Đừng như người Vũ Lăng
Thăm Đào Nguyên chốc lát!

TỔ VỊNH

終南望餘雪

終南陰嶺秀
積雪浮雲端
林表明霽色
城中增暮寒

223. CHUNG NAM VỌNG DƯ TUYẾT

Chung Nam⁽¹⁾ âm lĩnh tú⁽²⁾

Tích tuyết phù vân đoan.

⁽¹⁾ Chung Nam sơn: Núi Chung Nam ở phía nam đất Trường An. Bài thơ này, tương truyền khi Tổ Vịnh đi thi, đầu bài ra bắt làm thơ ngũ ngôn luật (8 câu) ông chỉ viết bài này gồm 4 câu, (ngũ ngôn tuyệt cú). Quan coi trường hỏi, Tổ Vịnh trả lời: ý tứ bốn câu đã nói hết rồi! Muốn thêm lời nào nữa cũng không được.

⁽²⁾ Tú: Ở đây tú với nghĩa là trọc, không có cây. Âm lĩnh tú, là ngọn núi trọc phía bắc.

Lâm biểu minh tê sắc,
Thành trung tăng mộ hàn.

Dịch nghĩa:

NGẮM TUYẾT CÒN LẠI Ở NÚI CHUNG NAM

*Ở ngọn núi trọc phía bắc núi Chung Nam
Rất nhiều đám mây nổi và tuyết đọng.
Ngoài bìa rừng chợt ánh lên ánh mặt trời lạnh
Trong thành khí lạnh buổi chiều càng tăng.*

Dịch thơ:

NGẮM TUYẾT NÚI CHUNG NAM

*Chung Nam dải núi trọc
Tuyết đọng mây nổi dày.
Bìa rừng ánh trời hắt,
Thành lạnh ngắt chiều nay!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

TRÔNG TUYẾT CÒN LẠI TRÊN NÚI CHUNG NAM

*Chung Nam đỉnh bắc trụi trơn,
Mây bay tuyết đọng miên man chỗ này.
Mê ngoài rừng ánh vẻ ngày,
Trong thành khí lạnh hôm mai bội phần.*

MẠNH HẠO NHIÊN

宿建德江

移舟泊煙渚
日暮客愁新

野曠天低樹
江清月近人

224. TÚC KIẾN ĐỨC GIANG⁽¹⁾

Di chu bạc yên chữ,
Nhật mộ khách sầu tân.
Dã khoáng thiên đề thụ,
Giang thanh nguyệt cận nhân.

Dịch nghĩa:

ĐÊM NGỦ BÊN SÔNG Ở KIẾN ĐỨC

*Dời thuyền đậu ở bến khói sóng,
Trời về chiều, khách lại có nỗi buồn mới.
Đồng rộng, trời thấp xuống tận ngọn cây,
Nước sông thì trong, trăng kề bên người.*

Dịch thơ:

ĐÊM NGỦ BÊN SÔNG Ở KIẾN ĐỨC

*Dời thuyền đậu bên khói,
Chiều xuống, khách buồn thêm.
Đồng rộng, trời xuống thấp,
Sông trong, trăng kề bên.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐÊM NGỦ Ở KIẾN ĐỨC GIANG

*Dời thuyền đậu bên khói mây,
Chiều hôm tức cảnh khách ngây mới tình
Đồng không, trời thấp ngọn cành
Nước sông trong vắt, trăng quanh cạnh người.*

⁽¹⁾ Kiến Đức giang: Theo *Nhất thống chí* thì ở huyện Kiến Đức, Nghiêm Châu có sông Tân An lại có cả sông Đông Dương. Bài thơ này chỉ nói đậu thuyền trên sông huyện Kiến Đức.

春曉

春眠不覺曉
處處聞啼鳥
夜來風雨聲
花落知多少

225. XUÂN HIỂU

Xuân miên bất giác hiểu,
Xứ xứ văn đề hiểu,
Đạ lai phong vũ thanh,
Hoa lạc tri đa thiếu.

Dịch nghĩa:

XUÂN SỚM

*Giác ngủ mùa xuân, không biết trời sáng,
Khắp nơi nghe thấy tiếng chim kêu
Đêm qua trong tiếng gió, tiếng mưa
Không biết hoa rụng nhiều hay ít.*

Dịch thơ:

SỚM XUÂN

*Giác xuân nào biết hừng đông,
Tỉnh ra chim đã véo von khắp trời,
Đêm qua mưa gió bời bời,
Ngoài kia nào rõ hoa rơi ít nhiều!*

Bản dịch của Tương Như:

BUỔI SỚM MÙA XUÂN

*Giác xuân, sáng chẳng biết,
Khắp nơi chim ríu rít,
Đêm qua tiếng gió mưa
Hoa rụng nhiều hay ít?*

LÝ BẠCH

靜夜思

床前明月光
疑是地上霜
舉頭望明月
低頭思故鄉

226. TÌNH DẠ TỬ

Sàng tiền minh nguyệt quang
Nghị thị địa thượng sương.
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương.

Dịch nghĩa:

Ý NGHĨ TRONG ĐÊM

*Ánh trăng sáng ở ngay đầu giường
Ngỡ là sương trên mặt đất.
Ngẩng đầu ngắm vầng trăng sáng,
Cúi đầu thương nhớ làng quê.*

Dịch thơ:

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM

*Đầu giường bàng bạc trăng soi
Ngỡ đầu mặt đất sương phơi mỏng dày.
Ngẩng đầu trăng sáng vui đây,
Cúi đầu lại nhớ tháng ngày ở quê...*

Bản dịch của Tương Như:

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM YÊN TĨNH⁽¹⁾

*Đầu giường ánh trăng rọi,
Ngõ mặt đất phủ sương,
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.*

玉階怨

玉階生白露
夜久侵羅襪
卻下水晶簾
玲瓏望秋月

227. NGỌC GIAI OÁN⁽²⁾

*Ngọc giai sinh bạch lộ,
Dạ cửu xâm la miệt.
Khước hạ thủy tinh liêm,
Linh lung vọng thu nguyệt.*

Địch nghĩa:

OÁN HẬN VỚI THÈM NGỌC

*Thềm ngọc những hạt móc trắng bay cao
Làm ướt cả bít tất bằng the.
Bèn buông bức rèm thủy tinh,
Ngắm trăng thu lấp lánh.*

⁽¹⁾ Ở đây theo bản của Viện Văn học đầu đề là *Tĩnh dạ tứ*. Đường thi tam bách thủ là *Dạ tứ* (chú thích của người dịch).

⁽²⁾ Bài này thuộc thể Nhạc phủ.

Địch thơ:

NỖI OÁN NƠI THÈM NGỌC

*Thềm lạnh đầy sương giá,
Tắt the ẩm mắt rời.
Buông rèm thủy tinh xuống
Ngắm trăng thu tuyết vời.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

LỜI OÁN Ở THÈM NGỌC

*Đêm khuya thềm ngọc đầy sương,
Tắt là thắm lạnh, thêm thương nỗi lòng,
Buông màn yên giấc cho xong,
Hãy còn lấp ló đứng trông trăng già!*

怨情

美人捲珠簾
深坐顰蛾眉
但見淚痕濕
不知心恨誰

228. OÁN TÌNH

Mỹ nhân quyến châu liêm⁽¹⁾
Thâm tọa tần nga mi.
Đãn kiến lệ ngân thấp
Bất tri tâm hận thủy.

Địch nghĩa

OÁN TÌNH

Người đẹp cuốn bức rèm châu,

⁽¹⁾ Châu liêm: Rèm châu. Theo *Thập di ký*: Nước Việt cống cho nước Ngô hai người đẹp là Tây Thi và Trịnh Đán, làm phòng Tịch hoa cho ở, lấy châu ngọc làm rèm.

Lặng ngòi chau cặp mây ngai.
Chợt thấy mắt ướt lệ
Chẳng biết lòng đang giận ai.

Địch thơ:

OÁN TÌNH

Người xinh cuốn bức rèm châu,
Ngồi im thăm thẳm khe chau đôi mày.
Chợt nhìn giọt lệ rơi đầy,
Đố ai biết được lòng này giận ai.

ĐỔ PHỦ

八陣圖

功蓋三分國
名成八陣圖
江流石不轉
遺恨失吞吳

229. BÁT TRẬN ĐỒ⁽¹⁾

Công cái tam phân quốc
Danh thành bát trận đồ.
Giang lưu thạch bất chuyển,
Di hận thất thôn Ngô⁽²⁾.

⁽¹⁾ Bát trận đồ: Trận địa của Gia Cát Lượng, bày trên bãi cát phẳng ở Ngự Phục, theo tám lối gọi là Bát trận đồ, gồm tám thế trận là: Thiên, địa, phong, vân, long, hổ, diều, xà, theo đúng trận pháp, lưu lại đời sau rất nổi tiếng.

⁽²⁾ Thất thôn Ngô: Câu này gây rất nhiều tranh cãi. Có người cho rằng mộng thấy Gia Cát Lượng trong mộng nói với Đỗ Phủ là giận không nuốt được Đông Ngô. Nhưng nghĩa này không ổn. Vì Gia Cát Lượng luôn khuyên Lưu Bị là hòa Ngô để đánh Ngụy. Chỉ khi Quan, Trương bị chết, Lưu Bị không nghe Gia Cát cất toàn bộ quân sĩ đánh Ngô để đại bại. Câu này nên hiểu là cái hận của Gia Cát Lượng sau này không khuyên được Lưu Bị đừng đem quân làm nuốt Ngô mà để thua.

Dịch nghĩa:

BÁT TRẬN ĐỒ

*Chia ba thiên hạ, công cao tột đời,
Bát trận đồ danh tiếng lưu mãi mãi.
Nước trôi đá vẫn chẳng chuyển dời,
Để lại cái hận vì nuốt Đông Ngô.*

Dịch thơ:

BÁT TRẬN ĐỒ

*Công trùm, chia ba nước,
Bát trận đồ nên công.
Nước trôi đá chẳng chuyển.
Nuốt Ngô, hận mãi còn.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BÁT TRẬN ĐỒ

*Tam phân quốc công cao tột bậc,
Bát trận đồ danh nức muôn đời.
Nước trôi, đá vẫn không rời,
Ngậm ngùi nỗi chẳng nghe lời đánh Ngô.*

VƯƠNG CHI HOÀN (668-724)

Người Tinh Châu (nay thuộc Sơn Tây), tên chữ là Quý Lăng, làm huyện úy huyện Văn An. Ông thường cùng Vương Xương Linh, Cao Thích xướng họa, nổi tiếng đương thời.

登鶴雀樓

白日依山盡
黃河入海流

欲窮千里目
更上一層樓

230. ĐĂNG QUÁN TƯỚC LÂU⁽¹⁾

Bạch nhật y sơn tận,
Hoàng Hà nhập hải lưu
Dục cùng thiên lý mục
Cánh thường nhất tầng lầu.

Dịch nghĩa

LÊN LẦU QUÁN TƯỚC

*Ánh sáng mặt trời chiều khắp ở bên sườn núi,
Sông Hoàng Hà nhập vào biển khơi
Muốn nhìn thấu nghìn dặm đất,
Hãy lên thêm một tầng lầu.*

Dịch thơ:

LÊN LẦU QUÁN TƯỚC

*Nắng chiều khắp sườn núi,
Sông Hoàng nhập biển sâu,
Muốn nhìn muôn dặm khắp,
Lên tiếp một tầng lầu.*

LƯU TRƯỜNG KHANH

送靈澈

蒼蒼竹林寺

⁽¹⁾ Quán Tước lâu: Theo *Đường thi giải chú* và *Nhất thống chí*, thì Quán Tước lâu ở trên thành Bồ Châu, phủ Bình Dương, có bản chép là Quán Thước lâu vì âm gần giống nhau. Cũng có người cho Quán Tước lâu ở phủ Hà Trung.

杳杳鐘聲晚
荷笠帶斜陽
青山獨歸遠

231. TỔNG LINH TRIỆT⁽¹⁾

Thương thương Trúc Lâm tự⁽²⁾
Điểu diểu chung thanh vân.
Hà lạc đãi tà dương,
Thanh sơn độc quy viễn.

Dịch nghĩa:

TIỀN LINH TRIỆT

*Xanh xanh chùa Trúc Lâm,
Văng vẳng tiếng chuông chiều.
Nón lá sen che nắng
Một mình về phía núi xanh.*

Dịch thơ:

TIỀN LINH TRIỆT

*Xanh xanh chùa Trúc Lâm,
Tiếng chuông chiều văng vẳng.
Nón lá sen che nắng,
Một mình về núi xa.*

彈琴

泠泠七絃上
靜聽松風寒

⁽¹⁾ Linh Triệt: Theo *Đường thi Kỷ sự*, Linh Triệt sinh ở Cối Kê, vốn họ Đường, tên chữ là Trình Nguyên, cùng xướng họa với Ngô Hưng và Tăng Hạo Nhiên. Trong khoảng năm Trình Nguyên bị đày đi Đinh Châu, sau về lại Cối Kê. Năm Nguyên Hòa thứ 11 mất ở Tuyên Châu.

⁽²⁾ Trúc Lâm tự: Theo *Nam sử* phía bắc núi Hoàng Hạc có Trúc Lâm tịnh quán. Có người cho rằng, Hoàng Hạc sơn ở Trần Giang có chùa Hạc Lâm, tên cũ là Trúc Lâm tự.

古調雖自愛
今人多不彈

232. ĐÀN CẦM

Lãnh lãnh⁽¹⁾ thất huyền thượng
Tĩnh thính tùng phong hàn.
Cổ điệu tuy tự ái,
Kim nhân đa bất đàn.

Dịch nghĩa:

ĐÁNH ĐÀN CẦM

*Thánh thót trên bảy dây đàn,
Lắng nghe thấy tiếng gió thông lạnh.
Điệu cũ ta vốn ưa thích,
Người bây giờ phần nhiều không gảy nữa.*

Dịch thơ:

GÂY ĐÀN CẦM

*Bảy dây đàn thánh thót,
Nghe vọng gió thông lan.
Điệu cũ ta thường chuộng,
Người nay đâu có đàn.*

送上人

孤雲將野鶴
豈向人間住
莫買沃洲山
時人已知處

⁽¹⁾ Lãnh lãnh: Theo *Trương Trung ký*: Núi Hành Sơn có suối treo (huyền tuyến) chảy trên đá thánh thót như gảy đàn, có hạc bay về mùa.

233. TỔNG THƯỢNG NHÂN⁽¹⁾

Cô vân tương dã hạc,
Khởi hướng nhân gian trú.
Mạc mãi Ố Châu⁽²⁾ sơn,
Thời nhân dĩ tri xứ.

Dịch nghĩa:

TIỀN SƯ THẦY

*Đám mây lẽ loi cùng cánh hạc đồng nội,
Há lại hướng về nơi nhân gian ở.
Chớ mua núi Ố Châu,
Vì người đời đã biết chỗ này rồi!*

Dịch thơ:

TIỀN SƯ THẦY

*Mây đơn côi, cánh hạc đồng,
Có chỉ lại hướng về vùng nhân gian?
Đừng mua giải Ố Châu san,
Người đời vốn đã tỏ tường từ lâu.*

VI ỨNG VẬT

秋夜寄邱員外

懷君屬秋夜
散步詠涼天
空山松子落
幽人應未眠

⁽¹⁾ Một nhà sư ở ẩn, hay nuôi ngựa, nuôi hạc.

⁽²⁾ Ố Châu: Theo *Nhất thống chí*, Ố Châu cách phía đông huyện Tân Xương phủ Thiệu Hưng ba mươi lăm dặm đối diện với núi Thiên Lão, sách *Đạo thư* cho là nơi phúc địa thứ 15.

234. THU DẠ KÝ KHÂU VIÊN NGOẠI

Hoài quân thuộc thu dạ,
Tản bộ, vịnh lương thiên.
Không sơn tùng tử lạc
U nhân ưng vị miên.

Dịch nghĩa:

ĐÊM THU GỬ KHÂU VIÊN NGOẠI

*Nhớ anh thường vào đêm thu,
Đi dạo, vịnh buổi đẹp trời
Núi vắng nghe quả thông rụng,
Người tránh đời ngủ không nổi.*

Dịch thơ:

ĐÊM THU GỬ KHÂU VIÊN NGOẠI

*Đêm thu thao thức nhớ người,
Dạo chơi gặp buổi đẹp trời, ngâm nga.
Thông rơi núi vắng la đà,
Người ưa cảnh lặng, canh ba còn ngồi.*

LÝ ĐOAN

Tên chữ là Chính Dĩ, người Triệu Châu (nay thuộc Hà Bắc). Chưa rõ năm sinh, năm mất.

聽 箏

鳴 箏 金 粟 柱
素 手 玉 房 前
欲 得 周 郎 顧
時 時 誤 拂 絃

235. THÍNH TRANH⁽¹⁾

Minh tranh, kim túc trụ⁽²⁾
Tổ thủ⁽³⁾ ngọc phòng tiền.
Dục đắc Chu lang cổ⁽⁴⁾
Thời thời ngộ phát huyền.

Dịch nghĩa:

NGHE ĐÀN TRANH

*Gảy đàn tranh với trục đàn đẹp
Bàn tay thon ở trước phòng ngọc.
Muốn được Chu lang đoái nghe,
Những khi đàn lỗi tiếng.*

Dịch thơ:

NGHE ĐÀN TRANH

*Đàn tranh vang thánh thót,
Phòng ngọc ngón tay thon.
Giá được Chu lang đoái,
Mỗi khi vấp giọng đàn...*

⁽¹⁾ Tranh: Đàn tranh. Theo *Phong tục thông*, đàn tranh do Mông Điem làm, giống đàn sắt, dài 6 thước (cũ), ứng với sáu luật. Đàn huyền có 12 dây, trụ đàn cao ba tấc, tượng trưng cho tam tài.

⁽²⁾ Kim túc trụ: Đàn lăm dây.

⁽³⁾ Tổ thủ: Bàn tay đẹp.

⁽⁴⁾ Chu lang: Tục Chu Du thời Tam quốc, thời trẻ rất sành âm điệu, giỏi đàn. Người đương thời có câu, "Khúc hữu ngộ, Chu lang cổ", nghĩa là: Khúc ca có chỗ lăm Chu lang sẽ đoái tới.

VƯƠNG KIẾN

Tên chữ là Trọng Sơ, người Đình Châu (nay thuộc Hà Nam) đỗ tiến sĩ khoảng năm Đại Lịch, theo phái Tân Nhạc phủ.

新嫁娘

三日入廚下
洗手作羹湯
未諳姑食性
先遣小姑嘗

236. TÂN GIÁ NƯƠNG

Tam nhật⁽¹⁾ nhập trù hạ
Tẩy thủ tác canh thang.
Vị am cô thực tính,
Tiên khiển tiểu cô thường.

Dịch thơ:

CÔ DÂU MỚI

Sau ba ngày, vào bếp nấu nướng,
Rửa tay làm món canh.
Chưa biết thói quen của mẹ chồng thường ăn,
Liền nhờ em chồng nếm trước.

Dịch thơ:

CÔ DÂU MỚI

Ba ngày, vào bếp nấu ăn.
Rửa tay lo liệu món canh bữa thường,
Nào hay tính nết mẹ chồng.
Nhờ em chồng nếm hộ luôn giúp mình.

⁽¹⁾ Tam nhật: Cưới được ba ngày, cô dâu phải vào bếp nấu ăn.

QUYỂN ĐỨC DƯ (758 - 818)

Tên chữ là Tái Chi, người Lạc Dương, bốn tuổi biết làm thơ, đậu tiến sĩ, dưới triều Đức Tông làm Lễ Bộ thị lang, khi Hiến Tông lên ngôi, làm Thượng thư Bình Chương sự....

玉臺體

昨夜裙帶解
今朝蟠子飛
鉛華不可棄
莫是蒿砧歸

237. NGỌC ĐÀI THỂ⁽¹⁾

Tạc dạ quần đai giải⁽²⁾
Kim triều hỉ tử⁽³⁾ phi
Diên hoa bất khả khí
Mạc thị cảo châm⁽⁴⁾ qui.

Địch nghĩa:

NGỌC ĐÀI THỂ

*Đêm trước đem theo các giải quần
Sáng nay lại thấy con nhện báo điềm lành sa.
Phấn son không thể bỏ,
Sao cứ phải gõ chày ngóng người về.*

Địch thơ

NGỌC ĐÀI THỂ

⁽¹⁾ Ngọc đài thể: Một thể thơ ngũ ngôn tuyệt cú. Thời Hán, Ngụy, Lục triều thường hay làm.

⁽²⁾ Quần đai giải: Thơ Nhạc phủ: "Thập đắc nương quần đai, Đồng tâm kết lưỡng đầu", nghĩa là: Nhật được chiếc đai quần của nàng. Chung lòng kết lại hai đầu... Có ý sẽ thành vợ thành chồng.

⁽³⁾ Hỉ tử: Loại nhện chân cao, người xưa cho rằng nhìn thấy loại nhện này sa là có điềm tốt vì trùng âm với hỉ là điềm lành.

⁽⁴⁾ Cảo châm: Chày đập vải. Thơ Nhạc phủ "Cảo châm kim hà tại, Sơn thượng cánh hữu sơn", nghĩa là: Chày đá bây giờ ở đâu. Trên núi lại có núi. Tiếng chày đập vải là có ý ngóng người thương đến.

*Đêm trước đây đẹp kết chung,
Sớm nay con nhện báo mừng, lại sa.
Phấn son nào dễ bỏ qua,
Thì chày đập vải lọ là phải gieo!*

LIÊU TÔNG NGUYÊN

江雪

千山鳥飛絕
萬徑人蹤滅
孤舟蓑笠翁
獨釣寒江雪

238. GIANG TUYẾT

Thiên sơn điệu phi tuyết,
Vạn kính nhân tung diệt.
Cô chu suy lập ông
Độc điều hàn giang tuyết.

Dịch nghĩa:

TUYẾT SÔNG

*Nghìn ngọn núi, chim bay mất hút,
Muôn con đường, không dấu chân người.
Con thuyền lẻ loi, ông già tôi nón,
Một mình câu trên sông tuyết lạnh.*

Dịch thơ:

TUYẾT SÔNG

*Núi đầy, chim cũng mất tăm,
Đường nhiều mà bất dấu chân người đời.*

*Thuyền con, ông lão nón, tôi,
Trên sông tuyết lạnh đang ngồi thả câu.*

Bản dịch của Tương Như:

TUYẾT TRÊN SÔNG

*Nghìn non, bóng chim tắt,
Muôn nẻo, dấu người không
Thuyền đơn, ông tôi nón
Một mình câu trên sông.*

NGUYỄN CHẨN

行宮

寥落古行宮
宮花寂寞紅
白頭宮女在
閒坐說玄宗

239. HÀNH CUNG

*Liêu lạc cổ hành cung
Cung hoa tịch mịch hồng
Bạch đầu cung nữ tại
Nhàn tọa thuyết Huyền Tông.*

Dịch nghĩa:

HÀNH CUNG

*Hành cung cũ thật tiêu điều, vắng vẻ,
Hoa vẫn lặng lẽ nở hồng bên cung điện,
Người cung nữ tóc bạc trắng đang ở đấy,
Ngồi nhàn lại nhắc đến chuyện Huyền Tông.*

Dịch thơ:

HÀNH CUNG

Vắng vẻ, hành cung cũ
Hoa lâu lặng lẽ hồng.
Bạc đầu, người cung nữ
Nhắc mãi chuyện Huyền Tông.

Bản dịch của Trần Trọng Kim

HÀNH CUNG CŨ

Hành cung cũ, cảnh tiêu điều,
Hoa kia vẫn nở đều hiu cạnh lâu,
Cung nhân một暮 bạc đầu,
Ngồi rồi kể chuyện khi hầu Huyền Tông.

BẠCH CƯ DỊ

問劉十九

綠螳新醅酒
紅泥小火爐
晚來天欲雪
能飲一杯無

240. VẤN LƯU THẬP CỬU

Lục nghi⁽¹⁾ tân phơi tửu,
Hồng nê tiểu hoả lô.
Vãn lai thiên dục tuyết,
Năng ẩm nhất bôi vô?

⁽¹⁾ Lục nghi: Rượu ngon nhiều tấm. Phú Nam đồ: "Giao phu kính thốn, phù nghi nhược bình", nghĩa là: Rượu giao phu mấy tác, bọt nổi như bèo.

Dịch nghĩa:

HỎI LƯU THẬP CỬU

*Rượu ngon có một vò mới
Đất nung đỏ có bếp lò nhỏ sẵn.
Tôi rồi, tuyết sắp xuống,
Muốn uống mà một cái chén cũng không.*

Dịch thơ:

HỎI LƯU THẬP CỬU

*Rượu ngon cất vò mới,
Sẵn lò nhỏ đất nung.
Tôi rồi, trời đổ tuyết
Muốn uống, chén thì không!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

*Rượu ngon mới cất một vò,
Đất nung màu đỏ hỏa lò sẵn kia,
Tôi ngày, tuyết xuống bất kỳ,
Uống chơi đã vậy, chén thì có đâu!*

TRƯƠNG HỰU

Trương Hựu tên chữ là Thừa Cát, người Thanh Hà, thường làm khách đất Hà Nam. Đỗ Mục rất quý trọng. Sau kết thân với Lệnh Hồ Sở, Sở tiến cử với Nguyên Chấn, nhưng Nguyên Chấn ngại không muốn tiến lên vua. Ông thất ý bỏ về. Có nhiều thơ hay.

何滿子

故國三千里
深宮二十年
一聲何滿子
雙淚落君前

241. HÀ MÃN TỬ⁽¹⁾

Cố quốc tam thiên lý
Thâm cung nhị thập niên,
Nhất thanh Hà mẫn tử
Song lệ lạc quân tiền.

Dịch nghĩa:

ĐIỆU HÀ MÃN TỬ

*Nước cũ ba ngàn dặm,
Thâm cung hai mươi năm trời.
Một khúc Hà mẫn tử,
Hai hàng lệ rơi trước quân vương.*

Dịch thơ:

ĐIỆU HÀ MÃN TỬ

*Nước cũ ba nghìn dặm,
Thâm cung hai chục năm.
Bỗng vang Hà mẫn tử,
Rơi lệ trước quân vương.*

LÝ THƯƠNG ẨN

登樂遊原

向晚意不適
驅車登古原
夕陽無限好
只是近黃昏

⁽¹⁾ Hà mẫn tử: Bạch Cư Dị, cho rằng, người con gái Dương Châu mắc tội, liền dâng khúc hát này nhưng cũng không khỏi tội. Theo *Đỗ Dương tạp biên* thì thời vua Văn Tông, cung nữ là Thẩm A Kiều vì vua mà hát điệu Hà mẫn tử dâng lên vua.

242. ĐĂNG LẠC DU NGUYÊN⁽¹⁾

Hướng văn ý bất thích
Khu xa đăng cổ nguyên.
Tịch dương vô hạn hảo,
Chỉ thị cận hoàng hôn.

Địch nghĩa:

LÊN ĐỒI LẠC DU

*Gần tôi, ý không thỏa,
Liên ruổi xe lên đồi xưa.
Chiều xuống thật đẹp vô cùng,
Chỉ tiếc trời sắp đổ tối....*

Địch thơ:

LÊN ĐỒI LẠC DU

*Tôi rồi, dấu dạ chẳng ung,
Rong xe lên tới đỉnh vùng đồi xưa,
Chiều buông đẹp đến không ngờ,
Tiếc hoàng hôn đã ập về quá nhanh.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

LÊN LẠC DU NGUYÊN

*Gần tôi ý không thích,
Ruổi xe lên ngọn đồi.
Bóng chiều vô hạn đẹp,
Chỉ phải tôi mờ rồi.*

⁽¹⁾ Lạc Du nguyên: Đồi Lạc Du. Theo *Quan Trung ký*, vua Hán Tuyên đế mất, chôn ở Nam Nguyên, lập miếu ở phía bắc Khúc Trì, phía trước sân miếu là Lạc Du nguyên. Theo *Danh thắng chí* thì Lạc Du nguyên cách Bá Nam 5 dặm.

GIẢ ĐẢO (779 - 843)

Tên chữ là Lăng Tiên, người Phạm Dương. Trước là sư sau hoàn tục.

尋隱者不遇
松下問童子
言師採藥去
只在此山中
雲深不知處

243. TẦM ẨN GIẢ BẤT NGỘ

Tùng hạ vấn đồng tử,
Ngôn sư thái dược khứ.
Chỉ tại thử sơn trung,
Vân thâm bất tri xứ.

Dịch nghĩa:

TÌM NGƯỜI Ở ẨN, KHÔNG GẶP

Dưới thông, hỏi chú tiểu đồng,
Thưa rằng: thầy tôi đã đi hái thuốc.
Chỉ ở trong núi này thôi,
Nhưng mây mù mịt chằng biết thầy ở chỗ nào.

Dịch thơ:

TÌM BẬC Ở ẨN KHÔNG GẶP

Dưới thông hỏi chú nhỏ,
Rằng: thầy hái thuốc xa.
Chỉ loanh quanh trong núi,
Mây dày tìm không ra...

Bản dịch của Tân Đà:

TÌM NGƯỜI ĐI ẨN KHÔNG GẶP

Gốc thông hỏi chú học trò,

*Rằng: Thày hái thuốc lò mò đi xa.
Chỉ trong dãy núi đây mà,
Mây che mù mịt biết là nơi đâu.*

LÝ TÂN (816 - 876)

Lý Tân tên chữ là Đức Tân, người Lục Châu, thời trẻ đã rất thông tuệ. Đỗ tiến sĩ năm Đại Trung thứ tám, trải qua các chức Bí thư lang, Nam Lãng úy, Thị ngự sử. Năm Càn Phù làm Đô quan viên ngoại lang, Thứ sử Kiến Châu.

渡漢江

嶺外音書絕
經冬復立春
近鄉情更怯
不敢問來人

244. ĐỘ HÁN GIANG

Lĩnh ngoại âm thư tuyệt,
Kinh đông phục lập xuân.
Cận hương tình cánh khiếp,
Bất cảm vấn lai nhân⁽¹⁾.

Dịch nghĩa:

QUA SÔNG HÁN

*Ngoài đất Ngũ Lĩnh, thư tín vắng bật,
Hết mùa đông lại đến tiết lập xuân.
Đến gần làng, lòng luống hỗi sợ,
Chẳng dám hỏi cả khi gặp người.*

⁽¹⁾ Lai nhân: Người mình gặp.

Dịch thơ:

QUA SÔNG HÁN

*Ngoài Ngũ Lĩnh, bật tin thư,
Mùa đông đã hết, trời vừa lập xuân.
Bồi hồi sợ phút gần làng,
Gặp người ngại chẳng hỏi han điều gì!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

QUA SÔNG HÁN GIANG

*Lĩnh ngoại thư từ vắng,
Qua đông lại lập xuân,
Gần làng lòng sợ hãi
Không dám hỏi lai nhân.*

KIM XƯƠNG TỰ

Người Lâm Viên, nay là Hoàng Châu, Chiết Giang. Chưa rõ thân thế sự nghiệp.

春怨

打起黃鶯兒
莫教枝上啼
啼時驚妾夢
不得到遼西

245. XUÂN OÁN

Đả khởi hoàng oanh nhi,
Mạc giao chi thượng đề.

Đề thời kinh thiếp mộng,
Bắt đặc đáo Liêu Tây⁽¹⁾.

Dịch nghĩa:

OÁN XUÂN

*Đuổi con chim hoàng oanh đi,
Không cho đậu hót trên cành nữa.
Chim hót làm tỉnh giấc mộng của thiếp
Không được đến Liêu Tây cùng chàng.*

Dịch thơ:

OÁN XUÂN

*Hãy đuổi hoàng oanh bay,
Không cho hót trên cây.
Chim xui thiếp tỉnh mộng,
Chẳng đến được Liêu Tây.*

Bản dịch của Hải Văn:

*Đánh đuổi cái oanh vàng đi,
Đừng cho nó hót tí ti trên cành.
Nó kêu thiếp ngủ giật mình,
Chẳng yên giấc mộng đến thành Liêu Tây.*

TÂY BỈ NHÂN

(Chưa rõ tiểu sử)

哥舒歌

北斗七星高
哥舒夜帶刀

⁽¹⁾ Liêu Tây: Theo Đường địa lý chí: Đồn Liêu Tây ở quận Bắc Bình, Bình Châu. Nhất thống chí thì cho rằng quận Liêu Tây đời Tấn ở phủ Vĩnh Bình.

至今窺牧馬
不敢過臨洮

244. KHA THƯ CA⁽¹⁾

Bắc Đẩu, Thất tinh⁽²⁾ cao,
Kha Thư dạ đái đao.
Chí kim khuy mục mã⁽³⁾,
Bất cảm quá Lâm Thao.

Dịch nghĩa:

KHÚC CA KHA THƯ

*Sao Bắc Đẩu, Thất Tinh đã lên cao,
Kha Thư ban đêm, cầm lấy đao.
Cho đến nay (rợ Hồ) không dám chặn ngựa dòm ngó,
Chẳng dám qua đất Lâm Thao.*

Dịch thơ:

KHÚC CA KHA THƯ

*Thất tinh, Bắc Đẩu lên cao,
Kha Thư đêm xuống cầm đao đuổi thù,
Thả chặn giặc chẳng rình mò
Lâm Thao bật giấu ngựa Hồ lại qua.*

⁽¹⁾ Kha Thư: Kha Thư Hàn làm nha tướng cho Vương Trung Tử, quân Thổ Phồn xâm phạm biên giới, ông cảm thương đi đuổi giặc quét được bọn chúng. Sau đó còn cho đắp đồn ở đảo Long Câu, quân Thổ Phồn không dám mon men đến Thanh Hải.

⁽²⁾ Bắc Đẩu, Thất tinh: Ngôi sao sáng và chòm sao ở khoảng trời phía Bắc.

⁽³⁾ Mục mã: Chăn ngựa: Tần Thủy Hoàng cho đắp Trường Thành dài hơn bảy trăm dặm, người Hồ không dám đến chặn ngựa.

THỂ NHẠC PHỦ

THÔI HIỆU

長干行

其 一

君家何處住
妾住在橫塘
停船暫借問
或恐是同鄉

其 二

家臨九江水
來去九江側
同是長干人
生小不相識

247-248. TRƯỜNG CAN HÀNH

Kỳ nhất

Quân gia hà xứ trú?
Thiếp trú tại Hoàn Đường⁽¹⁾
Đình thuyền tạm tá vấn,
Hoặc khùng thị đồng hương.

⁽¹⁾ Hoàn Đường: Theo *Nhất thống chí*: Nước Ngô từ Giang Khẩu đến dê Hoài Trúc gọi là Hoàn Đường.

Kỳ nhị

Gia lâm Cửu Giang thủy
Lai khứ Cửu Giang trắc.
Đồng thị Trường can nhân,
Sinh tiểu bất tương thức.

Dịch nghĩa:

TRƯỜNG CAN HÀNH

1

*Nhà chàng ở chỗ nào?
Nhà thiếp, ở Hoành Đường.
Dừng thuyền, tạm ước hỏi,
Sợ là người cùng làng.*

2

*Nhà ở bên sông Cửu Giang
Đi lại cùng ở bên bờ Cửu Giang.
Cùng là người đất Trường Can
Xa làng từ bé nên không biết.*

Dịch thơ:

TRƯỜNG CAN HÀNH

1

*Nhà chàng ở đâu vậy?
Nhà thiếp ở Hoành Đường.
Dừng thuyền muốn ước hỏi,
Nhưng sợ gặp đồng hương.*

2

*Sông Cửu Giang nhà thiếp,
Qua lại bờ Cửu Giang.*

Cùng là người Trường Can,
Bé xa làng không biết.

LƯ LUÂN

塞下曲 (其一)

驚 翎 金 僕 姑
燕 尾 繡 螫 弧
獨 立 揚 新 令
千 營 共 一 呼

249. TÁI HẠ KHÚC (Kỳ nhất)

Thứu linh⁽¹⁾ kim bọc cô⁽²⁾
Yến Vĩ⁽³⁾ tú Ngao hồ
Độc lập dương tân lệnh
Thiên doanh cộng nhất hô.

Dịch nghĩa:

KHÚC TÁI HẠ

1

Lông chim thứu làm tên thần,
Lấy lụa đẹp thêu cờ Ngao hồ.
Đứng một mình nêu cao lệnh mới,
Nghìn doanh quân cùng một lời hô...

⁽¹⁾ Thứu linh: Cánh chim đại bàng.

⁽²⁾ Kim bọc cô: Có người nói kim bọc cô là tên một thứ tên thần. Có thuyết lại cho rằng, có một thần nữ tu đắc đạo, được một chiếc tên vàng dâng lên vua, bắn rồi lại thu về được, do đó gọi là kim bọc cô, ở đây chỉ quân sĩ hùng hậu.

⁽³⁾ Yến vĩ: Một thứ lụa đẹp làm tua cờ.

TÁI HẠ KHÚC

1

*Lông chim ưng làm tên thân.
Lựa hoa tết giải cờ quân ngất trời,
Một mình lệnh mới ra oai,
Nghìn doanh quân dậy một lời hô vang.*

塞下曲 (其二)

林 暗 草 驚 風
將 軍 夜 引 弓
平 明 尋 白 羽
沒 在 石 稜 中

250. TÁI HẠ KHÚC (Kỳ nhị)

Lâm ám thảo kinh phong
Tướng quân dạ dẫn cung.
Bình minh tìm bạch vũ
Một tại thạch⁽¹⁾ lẳng trung.

Dịch nghĩa:

KHÚC TÁI HẠ⁽²⁾

2

*Rừng tối, cỏ dạt vì gió,
Tướng quân đêm bắn cung.
Sáng ra tìm, đuôi tên lông chim trắng
Lấp vào trong đồng đá.*

⁽¹⁾ Thạch một vũ: Đá lấp tên. Tích xưa: Có người thấy đá có dáng hổ, bắn tên vào, tên gãy, ngấp vào đồng đá.

⁽²⁾ Tái hạ: Dưới cửa ải.

Dịch thơ:

2

*Rừng tối, gió dạt cỏ,
Tướng quân đêm bắn cung.
Sáng mai tìm cánh tên,
Cắm vào trong đồng đá...*

塞下曲 (其三)

月黑雁飛高
單于夜遁逃
欲將輕騎逐
大雪滿弓刀

251. TÁI HẠ KHÚC (Kỳ tam)

*Nguyệt hắc nhạn phi cao,
Thiên Vu dạ độn đào
Dục tương khinh kỵ trục,
Đại tuyết mãn cung đao.*

Dịch nghĩa:

3

*Trăng tối nhạn bay cao,
Quân Thiên Vu ban đêm chạy trốn
Đem quân khinh kỵ đuổi,
Tuyết lớn đổ bám đầy cung và đao.*

Dịch thơ:

3

*Trăng mờ, cánh nhạn bay cao,
Thiên Vu đêm chạy lẫn vào đại hoang,*

Vút lên mình ngựa vôi vàng,
Đuổi theo, tuyết đỏ, đao cung bám đầy.

塞下曲 (其四)

野幕蔽瓊筵
羌戎賀勞旋
醉和金甲舞
雷鼓動山川

252. TÁI HẠ KHÚC (Kỳ tứ)

Dã mạc xưởng quỳnh diên⁽¹⁾
Khương nhung hạ lao lữ
Túy hòa kim giáp vũ
Lôi cổ⁽²⁾ động sơn xuyên.

Dịch nghĩa:

Bài 4

Trướng trên bãi đồng, mở tiệc lớn
Đánh giặc Khương, mừng thắng trận khó nhọc,
Say mặc cả giáp vàng mùa
Trống sấm động cả núi sông.

Dịch thơ:

Bài 4

Trướng ngoài trời, tiệc mở
Thắng giặc mừng chiến công,
Say mặc giáp vàng mùa
Trống động ầm núi sông.

⁽¹⁾ Quỳnh diên: Chiếu sang, của các nhà quyền quý.

⁽²⁾ Lôi cổ: Trống sấm. Theo sách *Chu lễ*, trống sấm, loại trống 8 mặt, dùng để tế thần.

LÝ ÍCH

江南曲

嫁得瞿塘賈
朝朝誤妾期
早知潮有信
嫁與弄潮兒

253. GIANG NAM KHÚC⁽¹⁾

Giá đắc Cù Đường cổ
Triều triều ngộ thiếp kỳ.
Tảo tri triều hữu tín⁽²⁾
Giá dữ lộng triều nhi⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

KHÚC GIANG NAM

*Lấy được người lái buôn ở Cù Đường,
Sớm sớm hẹn với thiếp đều sai cả,
Sớm biết thủy triều lên xuống đúng hẹn,
Thà lấy luôn người quen với thủy triều.*

Dịch thơ:

KHÚC GIANG NAM

*Được lái Cù Đường yêu,
Chín hẹn, mười sai cả.*

⁽¹⁾ Giang Nam khúc: Theo *Cổ kim nhạc cụ*, Lương Vũ đế đổi Tây Khúc làm thành Nam Lộng bảy khúc là Giang Nam long, Long dịch khúc, Thái liên khúc, Phụng sinh khúc, Thái Lăng khúc, Du nữ khúc và Triều Vân khúc. Lại có sách cho rằng Thẩm Ước sáng tác bốn khúc ca là: Phụng sắt khúc, Tần tranh khúc, Dương xuân khúc và Triều Vân khúc.

⁽²⁾ Triều tín: Thủy triều lên xuống rất đúng ngày giờ gọi là triều tín.

⁽³⁾ Ý tứ là thà lấy người đánh cá, biết thủy triều lên xuống, còn có lúc ở nhà.

*Thủy triều đúng là thể,
Thà lấy kẻ quen triều.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

KHÚC HÁT GIANG NAM

*Lấy chồng anh lái Cù Đường,
Hẹn sai, sáng sáng thiệp mang nổi phiên
Ví mà sớm biết triều tin
Thà rằng lấy quách anh quen chơi triều.*

ĐƯỜNG THI TAM BÁCH THỦ

Bổ chú (quyển 8)

THẤT NGÔN TUYỆT CÚ

Ghi chú của soạn giả: Xưa vốn là những bài Nhạc phủ có thể gảy đàn mà hát như lời ca các bài *Ô dạ khúc* của Lương Vũ Đế, bài thường có 4 câu 10 lời. Đến nhà Đường sắp xếp lại thành thể thất ngôn tứ tuyệt, cũng gọi là tuyệt cú.

HẠ TRI CHƯƠNG (659 - 744)

Tên chữ là Quý Chân, tên hiệu là Tứ Minh cuồng khách. Người Việt Châu, Vĩnh Hưng, tính khoáng đạt, giỏi biện bác, đậu tiến sĩ, làm Quan loại khoa, rồi Thị độc. Ông là tân khách của Đường Túc Tông khi nhà vua còn là Thái tử sau sung chức Bí thư Giám, sau bỏ quan về làng. Theo *Truyện Lý Bạch* thì: Bạch cùng Tri Chương, Lý Thích Chi, Nhữ Dương Vương Tiễn, Thôi Tông Chi, Tô Tấn, Trương Húc, Tiều Toại là tám ông tiên trong cuộc rượu (Tửu trung bát tiên).

回鄉偶書

少 小 離 家 老 大 回
鄉 音 無 改 鬢 毛 衰
兒 童 相 見 不 相 識
笑 問 客 從 何 處 來

254. HỒI HƯƠNG NGẪU THƯ

Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi,
Hương âm vô cải, mấn mao tồi,
Nhi đồng tương kiến bất tương thức,
Tiểu vãn: Khách tòng hà xứ lai.

Dịch nghĩa:

NGẪU NHIÊN VIẾT KHI VỀ LÀNG

Rời nhà từ lúc bé, già cả mới trở về,

*Giọng quê không đổi, mái tóc rụng thưa,
Trẻ con gặp mặt, không quen biết
Cười hỏi rằng: Ông khách từ đâu đến vậy?*

Dịch thơ:

NGÃU NHIÊN VIẾT KHI VỀ LÀNG

*Rời làng từ bé, già quay lại,
Tóc rụng thưa, còn giữ giọng quê.
Gặp mặt, trẻ thơ nào có biết,
Nhoẻn cười hỏi khách từ đâu về.*

Bản dịch của Phạm Sỹ Vy:

NGÃU NHIÊN KHI VỀ LÀNG

*Khi đi trẻ, lúc về già,
Giọng quê vẫn thê, tóc đã khác bao.
Trẻ con nhìn lạ không chào
Hỏi rằng: Khách ở chốn nào lại chơi?*

TRƯƠNG HÚC

Tên chữ là Bá Cao, người Tô Châu, là bậc uống rượu lừng danh. Mỗi khi say, hò hét, nhảy loạn rồi mới viết. Thư pháp vào loại thần bút. Người đời gọi là Trương Diên. Người đương thời cho rằng: Thơ ca Lý Bạch, múa kiếm Bùi Mân và thư pháp Trương Húc là thứ tuyệt diệu. Theo *Kim Hồ ký* thì ông làm quan Hữu Xuất phủ Trưởng sử. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

桃花谿

隱隱飛橋隔野煙
石磯西畔問漁船

桃花盡日隨流水
洞在清谿何處邊

255. ĐÀO HOA KHÊ⁽¹⁾

Ẩn ẩn phi kiêu cách dã yên,
Thạch ky tây bạn vắn ngư thuyền
Đào hoa tận nhật tùy lưu thủy
Động tại thanh Khê hà xứ biên.

Dịch nghĩa:

SUỐI HOA ĐÀO

*Nhịp cầu cheo leo thấp thoáng sau làn khói đồng
Đứng ở bờ đá phía tây hỏi ông chài,
Hoa đào suốt ngày trôi trên dòng nước,
Động ở bên nào, của suối trong?*

Dịch thơ:

SUỐI HOA ĐÀO

*Thấp thoáng cầu treo cách khói đồng,
Đứng bên bờ đá hỏi ngư ông.
Hoa đào trôi suốt trên dòng suối,
Động ở bên nào, lão biết không?*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

KHE HOA ĐÀO

*Cầu bay cách khói mờ mờ
Hỏi thăm thuyền cá đâu bờ đá kia.
Suốt ngày nước chảy hoa đi,
Chẳng hay trong suối, động kẻ mé nao.*

⁽¹⁾ Đào Hoa Khê: Theo Nhất thống chí, phía tây nam huyện Đào Nguyên, phủ Thượng Đức có động Đào Nguyên, phía bắc động có suối Hoa Đào.

VƯƠNG DUY

九月九日憶山東兄弟

獨在異鄉爲異客
每逢佳節倍思親
遙知兄弟登高處
遍插茱萸少一人

256. CỬU NGUYỆT CỬU NHẬT ỨC SƠN ĐÔNG HUYNH ĐỆ

Độc tại dị hương vi dị khách,
Mỗi phùng giai tiết bội tư thân.
Dao tri huynh đệ đẳng cao xứ,
Biến sáp thù du⁽¹⁾ thiếu nhất nhân.

Dịch nghĩa:

TIỆT TRỪNG CỬU NHỚ ANH EM Ở SƠN ĐÔNG

*Một mình làm khách lạ nơi đất khách,
Mỗi lần gặp tiết đẹp lại nhớ người thân bội phần.
Ở xa cũng biết anh em đang trèo lên núi cao,
Ai ai cũng ngắt cành thù du chỉ thiếu một người.*

Dịch thơ:

TIỆT TRỪNG CỬU NHỚ ANH EM Ở SƠN ĐÔNG

*Lèo đèo quê người làm khách lạ,
Mỗi lần tiết đẹp nhớ người thân,
Thù du lên núi đua nhau bẻ,
Đủ mặt anh em, chỉ thiếu mình.*

⁽¹⁾ Thù du: Theo *Phong thổ ký*: Tiết Trùng Cửu, lên núi ngắt cành thù du cài lên đầu, tránh được tà ác.

VƯƠNG XƯƠNG LINH

芙蓉樓送辛漸

寒雨連江夜入吳
平明送客楚山孤
洛陽親友如相問
一片冰心在玉壺

257. PHÙ DUNG LÂU⁽¹⁾ TỔNG TÂN TIỆM

Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô,
Bình minh tổng khách, Sở sơn cô.
Lạc Dương thân hữu như tương vấn,
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

LẦU PHÙ DUNG TIỀN TÂN TIỆM

Đêm vào đất Ngô, tràn sông, mưa lạnh,
Sớm mai tiễn khách, bên ngọn núi nước Sở hiu quạnh.
Bạn thân Lạc Dương ví có lời hỏi đến
Vẫn giữ tấm lòng băng trong hồ ngọc!

Dịch thơ:

LẦU PHÙ DUNG TIỀN TÂN TIỆM

Vào Ngô, mưa lạnh tràn sông
Sớm mai đất Sở núi buồn tiễn chân.
Lạc Dương bè bạn hỏi han,
Rằng, trong hồ ngọc lòng băng vẫn ngời.

⁽¹⁾ Phù Dung lâu: Theo *Nhất thống chí*, Phù Dung lâu ở phía tây bắc phủ thành Trấn Giang.

⁽²⁾ Ngọc hồ: Bạch đầu ngâm có câu "Trực như chu ty thẳng, thanh như ngọc hồ băng", nghĩa là: Thẳng như sợi tơ dỏ, trong như băng hồ ngọc.

Bản dịch của Tương Như:

LÀU PHÙ DUNG TIỀN TÂN TIỆM

*Mưa tạnh tràn sông, đêm tới Ngô,
Sáng ra tiễn khách, núi buồn tro.
Lạc Dương nếu có người thân hỏi
Một mảnh lòng băng ở ngọc hồ!*

閨怨

閨中少婦不知愁
春日凝妝上翠樓
忽見陌頭楊柳色
悔教夫婿覓封侯

258. KHUÊ OÁN

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hồi giao phu tể mịch phong hầu.*

Dịch nghĩa:

LỜI OÁN CỦA PHÒNG KHUÊ

*Trong buồng khuê, thiếu phụ chẳng biết buồn,
Ngày xuân điểm trang xong lên lầu đẹp.
Chợt thấy sắc xuân của dương liễu bên đường
Hối hận đã để chồng tòng quân kiếm ấn phong hầu...*

Dịch thơ:

LỜI OÁN CỦA PHÒNG KHUÊ

*Thiếu phụ buồng khuê há chạnh sầu
Ngày xuân trang điểm bước lên lầu.*

*Bên đường chợt thấy màu dương liễu
Hỏi để chồng ham kiếm tước hầu.*

Bản dịch của Tân Đà:

LỜI OÁN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ

*Trẻ trung nàng biết chi sâu,
Ngày xuân trang điểm lên lầu ngắm gương.
Nhác trông vẻ liễu bên đường,
"Phong hầu" nghĩ đại xui chàng kiếm chi!*

春宮曲

昨夜風開露井桃
未央前殿月輪高
平陽歌舞新承寵
簾外春寒賜錦袍

259. XUÂN CUNG KHÚC

Tạc dạ phong khai lộ tỉnh đào⁽¹⁾
Vị Ương tiền điện nguyệt luân cao.
Bình Dương⁽²⁾ ca vũ tân thừa sủng,
Liên ngoại xuân hàn tứ cẩm bào.

Dịch nghĩa:

KHÚC OÁN TRÁCH TRONG CUNG MÙA XUÂN

*Đêm qua gió làm nở hoa đào ở giếng lộ thiên,
Trước cung Vị Ương, vàng trăng lên cao.*

⁽¹⁾ Lộ tỉnh đào: Cổ Nhạc phủ: "Đào sinh lộ tỉnh thương, lý thụ sinh đào bang", nghĩa là: Đào mọc bên giếng lộ thiên, cây mận mọc bên đào.

⁽²⁾ Bình Dương: Theo *Hán thư*, Vệ hoàng hậu là chủ của một ca nữ cung điện Bình Dương, Vũ Đế sang chơi, rất ưng, liền tặng cho hoàng hậu nghìn vàng và đem lòng yêu dấu. Có thuyết cho rằng cô ca nữ này là em gái Lý Diên Niên.

*Cô gái múa hát ở nhà công chúa Bình Dương
mới được ân sủng
Mới rét nhẹ ngoài rèm đã ban áo gấm.*

Dịch thơ

XUÂN CUNG OÁN

*Giếng khơi đào nở đêm qua,
Vị Uong trước điện trắng đà lên cao.
Bình Dương ca nữ, vua yêu,
Rét xuân vừa chớm, cảm bào đã ban!*

Bản dịch của Khương Hữu Dụng:

KHÚC ĐIỆN TIỀN⁽¹⁾

*Bên giếng đêm qua gió cột đào
Vị Uong đèn nọ, ánh trắng cao.
Vua yêu con hát Bình Dương mới,
Xuân lạnh ngoài hiên phát cảm bào.*

VƯƠNG HÀN

Tên chữ là Tử Vũ, người Tinh Châu Tấn Dương, giữ chức Thứ sử Nhữ Dương, sau điều làm Hóa Châu Biệt Giá. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

涼州曲

葡萄美酒夜光杯
欲飲琵琶馬上催
醉臥沙場君莫笑
古來征戰幾人回

⁽¹⁾ Bản của Viện Văn học, bài này tên là *Điện tiền khúc* (chủ của người dịch)

260. LƯƠNG CHÂU KHÚC⁽¹⁾

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi⁽²⁾
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Dịch nghĩa:

BÀI HÁT LƯƠNG CHÂU

*Rượu nho ngon, chén dạ quang,
Muốn uống, tiếng tỳ bà giục già lên ngựa.
Say nằm ở bãi cát xin anh chớ cười
Xưa nay trong chiến trận đã bao nhiêu người trở về?*

Dịch thơ:

BÀI HÁT LƯƠNG CHÂU

*Bồ đào rượu chát, chén lưu ly,
Lên ngựa, tỳ bà giục già đi!
Say ngủ sa trường, cười chớ vội,
Xưa nay chinh chiến mấy ai về.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BÀI HÁT LƯƠNG CHÂU

*Rượu nho kẻo chén lưu ly,
Uống thì trên ngựa tiếng tỳ giục sôi.
Say nằm bãi cát, chớ cười,
Xưa nay chinh chiến mấy ai đã về.*

⁽¹⁾ Lương Châu khúc: Theo *Tấn thư địa lý chí*, nhà Hán đổi Ung Châu thành Lương Châu. Theo *Nhạc Uyển*: Lương Châu cung tử khúc là do Tây Lương đô đốc Quách Chi Vận dâng lên vua vào năm Khai Nguyên.

⁽²⁾ Dạ quang bôi: Theo *Thập châu ký*, thời Chu Mục vương, nước Tây Vực dâng thứ chén ánh sáng rực rỡ, chén có thể chứa được ba thăng rượu, do ngọc trắng làm ra, đêm phát ra ánh sáng, trong đêm tối soi lên trời, tưởng như có rượu đầy, là một báu vật.

LÝ BẠCH

送孟浩然之廣陵

故人西辭黃鶴樓
煙花三月下揚州
孤帆遠影碧空盡
惟見長江天際流

261. TỔNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG

Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu.
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.

Dịch nghĩa:

TIỆN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG

*Bạn cũ rời lầu Hoàng Hạc ở phía tây,
Xuôi xuống Dương Châu giữa tháng ba
mùa khói hoa,
Bóng xa chiếc buồm lẻ lẩn
trong khoảng không xanh biếc.
Chỉ thấy Trường Giang chảy miết tận bên trời.*

Dịch thơ:

TIỆN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG

*Bạn từ Hoàng hạc, phía tây qua
Hoa khói Dương Châu, đã tháng ba.
Buồm lẻ xa mờ trong khoảng biếc,
Trường Giang chảy miết cội trời xa...*

TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LĂNG

*Bạn từ lâu Hạc lên đường,
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng.
Bóng bướm đã khuất bầu không,
Trường Giang chỉ thấy dòng sông bên trời.*

下江陵

朝辭白帝彩雲間
千里江陵一日還
兩岸猿聲啼不住
輕舟已過萬重山

262. HÁ GIANG LĂNG⁽¹⁾

Triều từ Bạch Đế⁽²⁾ thái vân gian.
Thiên lý Giang Lăng nhất nhật hoàn.
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trú,
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.

Dịch nghĩa:

XUỐNG GIANG LĂNG

*Sớm từ thành Bạch Đế trong khoảng mây đẹp,
Nghìn dặm đường đến Giang Lăng, một ngày về tới.
Hai bên bờ tiếng vượn kêu chẳng lúc nào ngừng,
Thuyền nhẹ đã đi qua vạn trùng núi.*

⁽¹⁾ Giang Lăng: Theo *Kinh châu ký* của Thịnh Hoàng: Sớm xuất phát từ Bạch Đế, tối ngủ ở Giang Lăng, đường dài tới trên 1200 dặm. Giang Lăng là đất Dĩnh, kinh đô nước Sở cũ.

⁽²⁾ Bạch Đế: Công Tôn Thuật đổi thành Ngư Phục thành Bạch Đế thành.

Dịch thơ:

XUỐNG GIANG LĂNG

*Bạch Đê ban mai, mây ngút ngàn,
Một ngày nghìn dặm, tới Giang Lăng.
Đôi bờ tiếng vượn kêu không dứt,
Thuyền nhẹ vèo qua vạn núi ngàn.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

BUỔI SỚM Ở BẠCH ĐỀ THÀNH ĐI⁽¹⁾

*Sớm từ Bạch Đê giữa mây,
Giang Lăng ngàn dặm một ngày tới nơi.
Hai bờ tiếng vượn kêu hoai,
Thuyền mau đã khỏi dãy dài núi non.*

SẨM THAM

逢入京使

故園東望路漫漫
雙袖龍鐘淚不乾
馬上相逢無紙筆
憑君傳語報平安

263. PHÙNG NHẬP KINH SỬ

Cố viên đông vọng lộ man man,
Song tụ long chung⁽²⁾ lệ bất can.
Mã thượng tương phùng vô chỉ bút
Bằng quân truyền ngữ báo bình an.

⁽¹⁾ Bản *Đường thi* của Trần Trọng Kim đầu đề là *Tảo phát Bạch Đề thành* (chú của người dịch).

⁽²⁾ Long chung: Đầm đĩa. Lời *Bài ca Biện Hòa*: "Không sơn hư hy thể long chung", nghĩa là: Trước núi mệnh mang nước mắt đầm đĩa.

Dịch nghĩa:

GẶP SÚ VÀO KINH

*Trông về phương đông, vườn cũ, đường thăm thẳm,
Hai ống tay áo ướt đầm, lệ không khô.
Trên lưng ngựa gặp nhau không có giấy bút,
Nhờ anh nhắn hộ tôi vẫn bình an.*

Dịch thơ:

GẶP SÚ VÀO KINH

*Thăm thẳm vườn xưa vẫn ngóng trông,
Hai tay áo đầm, lệ ròng ròng,
Gặp nhau trên ngựa, thư khôn viết,
Tôi vẫn bình an, nhắn hộ cùng!*

ĐỖ PHỦ

江南逢李龜年

岐王宅裡尋常見
崔九堂前幾度聞
正是江南好風景
落花時節又逢君

264. GIANG NAM PHÙNG LÝ QUY NIÊN⁽¹⁾

Kỳ vương⁽²⁾ trạch lý tâm thường kiến,
Thôi Cữu⁽³⁾ tiền đường kỷ độ văn.

⁽¹⁾ Lý Quy Niên: Theo *Minh Hoàng tạp lục*, Lý Quy Niên là nhạc công rất được Minh Hoàng yêu, sau lưu lạc xuống Giang Nam, gặp lúc trời đẹp thường mời khách đến hát cho nghe, người nghe không cảm được nước mắt.

⁽²⁾ Kỳ vương: Một tước vương phong nhã rất chuộng văn học.

⁽³⁾ Thôi Cữu: Cận thần của Minh Hoàng, được cử giữ chức Bí thư giám.

Chính thị Giang Nam hảo phong cảnh,
Lạc hoa thời tiết hựu phùng quân.

Dịch nghĩa:

GẶP LÝ QUY NIÊN Ở GIANG NAM

*Trong nhà của Kỳ vương vẫn thường được thấy
Trước thềm của Thôi Cửu mây độ từng nghe.
Đúng là lúc phong cảnh Giang Nam đang đẹp
Lúc hoa đang rụng lại được gặp anh.*

Dịch thơ:

GẶP LÝ QUY NIÊN Ở GIANG NAM

*Nhà của Kỳ vương thường vẫn thấy,
Trước thềm Thôi Cửu đã nghe danh.
Giang Nam phong cảnh đang tươi đẹp,
Hoa rụng đúng mùa lại gặp anh.*

VI ỨNG VẬT

滁州西澗

獨憐幽草澗邊生
上有黃鸝深樹鳴
春潮帶雨晚來急
野渡無人舟自橫

265. TRỪ CHÂU TÂY GIẢN⁽¹⁾

Độc liên u thảo giản biên sinh.

⁽¹⁾ Trừ châu tây giản: Theo *Nhất thống chí*, nhà Tùy dời Nam Tiểu Châu làm Trừ Châu, nhân có sông Trừ mà lấy tên. Lạch Tây ở phía tây châu thành, tên cũ là Tục Mã hà.

Thượng hữu hoàng ly thâm thụ minh.
Xuân trào đài vũ văn lai cấp,
Dã độ vô nhân chu tự hoành.

Dịch nghĩa:

LẠCH TÂY Ở TRỪ CHÂU

*Riêng thương cỏ thăm mọc bên lạch,
Phía trên có chim hoàng ly hót trong cây um tùm.
Thủy triều mùa xuân mang theo mưa, trời sập tối,
Đồng quạnh vắng, con đò tự quay ngang.*

Dịch thơ:

LẠCH TÂY Ở TRỪ CHÂU

*Riêng thương cỏ lạch mọc âm thầm,
Cây biếc, oanh vàng tiếng hót vang.
Triều rủ mưa về, trời sập tối,
Bên quê vắng khách, đò xoay ngang.*

TRƯƠNG KẾ

Tên chữ là Khắc Tôn, người Nhưưng Châu. Đỗ tiến sĩ cuối năm Thiên Bảo. Cuối năm Đại Lịch làm Từ bộ viên ngoại lang.

楓橋夜泊

月落烏啼霜滿天
江楓漁火對愁眠
姑蘇城外寒山寺
夜半鐘聲到客船

266. PHONG KIỀU⁽¹⁾ DẠ BẠC

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong thu hỏa đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự⁽²⁾
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Dịch nghĩa:

ĐÊM ĐỖ THUYỀN Ở PHONG KIỀU

Trăng xế, quạ kêu, sương đầy trời,
Rặng phong bên sông, lửa thuyền chài,
khách gôi sầu mà ngủ,
Ngoài thành Cô Tô, tiếng chuông chùa Hàn San
Nửa đêm vọng đến bên thuyền khách.

Dịch thơ:

ĐẬU BẾN PHONG KIỀU

Trăng xế quạ kêu sương khắp trời
Lửa chài, cây bến, giấc sầu khời,
Hàn San, chùa phía Cô Tô ấy,
Thuyền khách, chuông đêm vắng đến nơi.

Bản dịch khuyết danh:

ĐẬU BẾN PHONG KIỀU

Trăng tà chiếc quạ kêu sương,
Lửa chài cây bến, sầu vương giấc hồ,
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

⁽¹⁾ Phong Kiều: Theo *Nhất thống chí*, Phong Kiều ở phía tây thành Cô Tô bây dậm; phía bắc, phía nam qua lại đều phải qua.

⁽²⁾ Hàn San tự: Ở phía đông Phong Kiều. Cũng theo *Nhất thống chí*: Chùa Hàn San ở phía tây phủ thành Tô Châu mười dặm.

HÀN HỒNG

寒食

春城無處不飛花
寒食東風御柳斜
日暮漢宮傳蠟燭
輕煙散入五侯家

267. HÀN THỰC⁽¹⁾

Xuân thành vô xứ bất phi hoa,
Hàn thực đông phong ngự liễu tà,
Nhật mộ Hán cung truyền lạp chúc,
Khinh yên tán nhập ngũ hầu⁽²⁾ gia.

Dịch nghĩa:

TẾT HÀN THỰC

*Thành xuân không có chỗ nào không có hoa bay,
Tiết Hàn thực gió đông thổi trên vườn liễu của vua.
Chiều tối cung điện nhà Hán truyền thấp nến
Khói nhẹ lan tỏa vào các nhà quyền quý.*

Dịch thơ:

TẾT HÀN THỰC

*Thành xuân phát phối cánh hoa bay,
Hàn thực, vườn vua, gió liễu hây.
Cung Hán, chiều buông truyền đốt nến,
Nóc nhà quan lớn khói thơm lay!*

⁽¹⁾ Hàn thực: Theo *Kinh Sở ký*, thì sau tiết Đông chí được 105 ngày, gió mạnh thổi, dễ mưa, là tết Hàn thực cấm lửa ba ngày. Đó là lấy tích Giới Tử Thôi, giúp vua, khi công thành, vua quên, ông không chịu ra làm quan vào núi, vua đốt lửa để Thôi ra. Thôi ở trong lửa chết. Lửa cháy ba tháng năm ngày. Do đó cấm lửa (tục gọi tết mồng 3 tháng 3).

⁽²⁾ Ngũ hầu: Năm tước hầu. Chỉ bọn hoạn quan, khuynh đảo vua, thời Hán Hoàn Đế.

LƯU PHƯƠNG BÌNH

Người Hà Nam, không thích danh lợi ở ẩn trong núi, xưng là Tiêu Khoảnh Sĩ. Giỏi về tranh sơn thủy. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

月夜

更深月色半人家
北斗闌干南斗斜
今夜偏知春氣暖
蟲聲新透綠窗沙

268. NGUYỆT ĐẠ

Canh thâm nguyệt sắc bán nhân gia
Bắc Đẩu lan can⁽¹⁾ Nam Đẩu tà.
Kim dạ thiên tri xuân khí hoãn,
Trùng thanh tân thấu lục song sa.

Địch nghĩa:

TRĂNG ĐÊM

*Canh khuya, ánh trăng chiếu một nửa nhà,
Sao Bắc Đẩu ở trước lan can, sao Nam Đẩu đã xế,
Đêm nay mới biết thêm rằng hơi xuân ấm áp
Tiếng côn trùng thấu vào tận cửa sổ lụa.*

Địch thơ:

TRĂNG ĐÊM

*Cảnh khuya trăng sáng nửa nhà,
Trước thềm Bắc Đẩu, xế tà Đẩu Nam.
Đêm nay xuân thật nồng nàn,
Tiếng trùng thấu tận bên hàng song the...*

⁽¹⁾ Lan can: Cổ Nhạc phủ, Thiện tại hành: "Nguyệt lạc tham hoành, Bắc Đẩu lan can", nghĩa là: Trăng đã xoay ngang, sao Bắc Đẩu trước thềm.

ĐÊM TRĂNG

Đêm khuya bóng nguyệt chiếu ngang nhà,
Bắc Đẩu trên hiên, Nam Đẩu tà.
Mới biết đêm nay xuân khí ấm,
Tiếng trùng mới đậu chỗ song sa.

春怨

紗窗日落漸黃昏
金屋無人見淚痕
寂寞空庭春欲晚
梨花滿地不開門

269. XUÂN OÁN

Sa song nhật lạc tiệm hoàng hôn,
Kim ốc vô nhân kiến lệ ngân.
Tịch mịch không đình xuân dục vãn,
Lê hoa mãn địa bất khai môn.

Dịch nghĩa:

OÁN XUÂN

Mặt trời lặn trước song the, chiều dần xuống,
Nhà vàng không ai nhìn thấy ngán lệ trên mắt.
Sân vắng lặng, mùa xuân chùng sắp hết,
Hoa lê rụng đầy dưới đất, cửa vẫn còn đóng.

Dịch thơ:

XUÂN OÁN

Song the đổ tối ánh trời tà,
Ai biết nhà vàng ngán lệ hoa.

*Xuân đã sắp tàn, sân vắng lặng
Cửa cài, đầy đất đám hoa lê.*

Bản dịch trong Đường thi trích diễm:

XUÂN OÁN

*Ngoài song, ác lẫn, xé hoàng hôn,
Ai biết nhà vàng giọt lệ tuôn.
Xuân đã hầu tàn, sân vắng vẻ
Hoa lê đầy đất, cửa cài luôn.*

LIÊU TRUNG DUNG

Vốn tên là Đạm, tên chữ là Hành, người Kinh Triệu, làm quan đến chức Hồng Phủ Hộ Tào. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

征人怨

歲歲金河復玉關
朝朝馬策與刀環
三春白雪歸青塚
萬里黃河繞黑山

270. CHINH NHÂN OÁN

Tuế tuế Kim Hà⁽¹⁾ phục Ngọc Quan,
Triều triều mã sách⁽²⁾ dữ đao hoàn⁽³⁾
Tam xuân bạch tuyết quy thanh chủng⁽⁴⁾

⁽¹⁾ Kim Hà: Theo *Đường thư địa lý chí*, Kim Hà là phủ đô hộ của nhà Đường ở đất Thiểm Vu, năm Long Sóc thứ hai, đặt tên là huyện Kim Hà.

⁽²⁾ Mã sách: Theo *Ngô chí Tôn Sách truyện*: Mã sách là roi ngựa. Sách, có nghĩa: gậy, roi.

⁽³⁾ Đao hoàn: Theo *Nhạc phủ giải đề*, trên đầu đại đao có cái vòng, muốn nâng được đao, phải cầm lấy vòng.

⁽⁴⁾ Thanh chủng: Mộ Chiêu Quân cỏ luôn xanh.

Dịch nghĩa:

NỖI OÁN NGƯỜI LÍNH CHIÊN

*Năm năm hết Kim Hà rồi lại Ngọc Quan
Sớm sớm, nào lo đầu ngựa lại vòng đao.
Ba năm tuyết trắng rơi về mờ xanh.
Muôn dặm Hoàng Hà chảy quanh Hắc Sơn.*

Dịch thơ:

CHINH NHÂN OÁN

*Năm hết Kim Hà lại Ngọc Quan
Sớm sớm, nào lo cho ngựa và vòng đao.
Ba xuân tuyết trắng mờ xanh ngập,
Muôn dặm Hoàng Hà quây Hắc Sơn.*

CỐ HUỐNG (727 - 815)

Tên chữ là Bô Ông, người Hải Diêm, Tô Châu, bạn thân của Liễu Hồn và Lý Bi. Khi Liễu Hồn làm phụ chính đại thần, lấy ông làm Vi tướng hiệu thư. Sau có lỗi biếm làm Tham quân, ông về ẩn dật ở Mao Sơn, lấy tên hiệu là Hoa Dương Chân Dật cho đến khi mất.

宮詞

玉樓天半起笙歌
風送宮嬪笑語和
月殿影開聞夜漏
水晶簾捲近秋河

⁽¹⁾ Hắc Sơn: Hắc Sơn thuộc Châu Lâm nước Vệ.

271. CUNG TỪ

Ngọc lâu thiên bán khởi sanh ca.
Phong tổng cung tần tiểu ngữ hòa,
Nguyệt điện⁽¹⁾ ảnh khai văn dạ lậu,
Thủy tinh liêm quyển cận thu hà.

Dịch nghĩa:

LỜI CUNG NỮ

*Lầu ngọc cao ngất trời tiếng đàn ca còn vang
Gió đưa đến tiếng cười nói của đám cung tần
Bóng nguyệt điện hé, mở tận đêm thâu,
Rèm thủy tinh cuốn gần bên sông thu.*

Dịch thơ:

LỜI CUNG NỮ

*Ngất trời lầu ngọc xênh ca,
Cung tần cười nói gió đưa rộn ràng,
Cửa đêm nguyệt điện, canh tàn
Rèm thủy tinh cuốn kề gần sông thu.*

LÝ ÍCH

夜上受降城聞笛

回樂峰前沙似雪
受降城外月如霜
不知何處吹蘆管
一夜征人盡望鄉

⁽¹⁾ Nguyệt điện: Theo *Tạ Trang Nguyệt phủ* thì cung điện không thấp được gọi là nguyệt điện.

272. DẠ THƯỜNG THỤ HÀNG THÀNH VĂN ĐỊCH

Hồi Nhạc phong⁽¹⁾ tiền sa tự tuyết,
Thụ Hàng thành⁽²⁾ ngoại nguyệt như sương.
Bất tri hà xứ xuy lô quân,
Nhất dạ chinh nhân tận vọng hương.

Dịch nghĩa:

ĐÊM LÊN THÀNH THỤ HÀNG NGHE SÁO THỐI

*Trước ngọn Hồi Nhạc, cát giống như tuyết
Bên ngoài thành Thụ Hàng, trăng như sương,
Không biết ở chỗ nào thổi sáo lau,
Suốt đêm người lính chiến thấy đều trông về quê hương.*

Dịch thơ:

THÀNH THỤ HÀNG NGHE TIẾNG SÁO

*Hồi Nhạc núi xa, cát như tuyết
Thụ Hàng thành ngoại, trăng hay sương.
Sáo lau chẳng biết từ đâu thổi,
Đêm trắng, chinh nhân thấy nhớ làng.*

LƯU VŨ TÍCH

烏衣巷

朱雀橋邊野草花
烏衣巷口夕陽斜
舊時王謝堂前燕
飛入尋常百姓家

⁽¹⁾ Đài Phong Hỏa ở Linh Châu thuộc huyện Hồi Nhạc nay thuộc Ninh Hạ.

⁽²⁾ Thụ Hàng thành: Thành Thụ Hàng. Theo *Đường thư Trương Nguyên truyện*, thành này An Trương Nguyên đắp ở Hà Bắc để ngăn giặc phía nam tới.

273. Ô Y HẠNG⁽¹⁾

Chu Tước kiêu⁽²⁾ biên dã thảo hoa,
Ô Y hạng khẩu tịch dương tà.
Cự thời Vương, Tạ đường tiền yển,
Phi nhập tâm thường bách tính gia.

Dịch nghĩa:

NGÔ Ô Y

*Bên cầu Chu Tước, cỏ dại đang hoa,
Đầu ngõ Ô Y, nắng chiều đã xé.
Chim én trong lầu gác họ Vương họ Tạ ngày trước
Nay bay vào nhà dân tầm thường.*

Dịch thơ:

NGÔ Ô Y

*Cầu Chu Tước, cỏ đang hoa,
Ngõ Ô Y, ánh chiều tà xiên ngang.
Én thời hạ Tạ họ Vương
Lượn bay trên góc nhà xoàng thứ dân.*

春詞

新妝宜面下朱樓
深鎖春光一院愁
行到中庭數花朵
蜻蜓飛上玉搔頭

⁽¹⁾ Ô Y hạng: Theo *Nhất thống chí*, ngõ Ô Y ở phía nam phủ Ứng Thiên. Tấn Vương bảo Tạ An đến ở, con em đều mặc áo đen nên thành tên, chỉ nơi ở của nhà quyền quý.

⁽²⁾ Chu Tước kiêu: Theo *Lục triều sự tích*: Tấn Hàm Khang năm thứ hai, dựng cửa Chu Tước và làm cầu Chu Tước, cách huyện thành 4 dặm về phía đông nam. Theo *Nhất thống chí*, cầu Chu Tước ở trước ngõ Ô Y.

274. XUÂN TỪ

Tân trang nghi diện há chu lâu,
Thâm tỏa xuân quang nhất viện sầu.
Hành đảo trung đình sổ hoa đóa
Thanh đình phi thưởng ngọc tao đầu.

Địch nghĩa:

LỜI MÙA XUÂN

*Điểm trang rất chu đáo, bước xuống lầu son,
Ánh sáng mùa xuân khóa kín một nhà sầu muộn.
Đến giữa sân gặp mấy đóa hoa vừa nở,
Chuồn chuồn bay ngay trên mái tóc cài trâm.*

Địch thơ:

LỜI MÙA XUÂN

*Điểm trang kỹ lưỡng, xuống lầu son,
Khóa chặt nhà xuân một nỗi buồn.
Hoa nở vài bông, sân giữa tới.
Chuồn chuồn bay ghẹo tóc cài trâm.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

XUÂN TỪ

*Điểm trang xong, xuống lầu son,
Khóa xuân sâu thẳm nỗi buồn đầy vui.
Giữa sân mấy đóa hoa khai,
Chuồn chuồn bay đậu chỗ cài cành trâm.*

BẠCH CƯ DỊ

宮詞

淚盡羅巾夢不成
夜深前殿按歌聲
紅顏未老恩先斷
斜倚薰籠坐到明

275. CUNG TỪ

Lệ tận la cân mộng bất thành,
Dạ thâm tiền điện tiếp ca thanh,
Hồng nhan vị lão ân tiên đoạn,
Tà ý huân lung⁽¹⁾ toạ đảo minh.

Dịch nghĩa:

LỜI TRONG CUNG

*Lệ thấm ướt bức khăn lụa, mộng không thành,
Đêm khuya cung điện trước mặt vẫn vang tiếng hát
Má hồng chưa già, mà tình đã sớm đứt,
Nghiêng bên lồng hương, ngồi đến sớm mai.*

Dịch thơ:

LỜI TRONG CUNG

*Lệ đầm khăn, mộng chẳng thành,
Đêm khuya trước điện ca thanh rộn ràng.
Ơn vua đứt, phận còn duyên,
Bên lồng hương, thức tàn đêm vẫn ngồi.*

⁽¹⁾ Huân lung: Lồng hương. Thơ Lưu Tôn: "Kim bình trường thủy bị, Lam ba phúc huân lung", nghĩa là: Vách vàng đắp chân thủy, Khăn lam hơ lồng hương.

LỜI TRONG CUNG

Lệ ướt đầm khăn mộng chẳng thành,
Điện ngoài ca hát rộn đêm thanh,
Hồng nhan chưa tắt, duyên tình hết,
Ngôi tựa lò hương đến sáng tinh.

TRƯƠNG HỰU

贈內人

禁門宮樹月痕過
媚眼惟看宿鷺窠
斜拔玉釵燈影畔
剔開紅燄救飛蛾

276. TẶNG NỘI NHÂN

Cắm môn cung thụ nguyệt ngân qua,
Mị nhân duy khan túc lộ oa.
Tà bạt ngọc thoa đăng ảnh bạn,
Dịch khai hồng diễm cứu phi nga.

Dịch nghĩa:

GỬI NGƯỜI TRONG CUNG

Cửa cấm, cây trong cung điện, dải trắng đi qua
Vành mi đẹp ngược lên tổ cò ngủ.
Nghiêng rút chiếc thoa ngọc bên bóng đèn,
Khơi ngọn lửa sáng cứu con thiêu thân.

Dịch thơ:

GỬ NGƯỜI TRONG CUNG

*Cây lông, cung cầm, dải trắng lu
Mi đẹp nhìn lên phía tổ cò.
Thoa ngọc bên đèn, tay khê rút,
Nhẹ nhàng cứu bướm, gạt quầng hoa.*

集靈臺

其一

日光斜照集靈台
紅樹花迎曉露開
昨夜上皇新授籙
太真含笑入簾來

277. TẬP LINH ĐÀI⁽¹⁾

Kỳ nhất

Nhật quang tà chiếu Tập Linh đài,
Hồng thụ hoa nghênh hiếu lộ khai.
Tạc dạ thượng hoàng tân thụ lục⁽²⁾,
Thái Chân hàm tiếu nhập liêm lai.

Dịch nghĩa:

ĐÀI TẬP LINH (Bồi 1)

*Ánh sáng ngày nghiêng chiếu vào đài Tập Linh.
Cây hồng hoa đón dải sương sớm loang ra.*

⁽¹⁾ Tập Linh đài: Theo *Nhất thống thi*, Tập Linh đài ở bên điện Trường Sinh, cung Hoa Thanh.

⁽²⁾ Thụ lục: Theo Đạo giáo, thụ lục là người được trao cho sắc mệnh bùa của Đạo giáo. Ở đây nhắc chuyện Đường Minh Hoàng, sau khi Dương Quý phi chết, cầu tiên để được gặp lại.

*Đêm qua thương hoàng mới được
trao sách mệnh của thần
Nàng Thái Chân mỉm cười bước qua rèm tới.*

Dịch thơ:

TẬP LINH ĐÀI

Bài thứ nhất

*Ánh nắng soi nghiêng đài Tập Linh
Cây hồng, hoa đón giải sương giăng,
Đêm qua bùa sắc, thương hoàng đón,
Cười mỉm, qua rèm, bước Thái Chân.*

其二

號國夫人承主恩
平明騎馬入宮門
卻嫌脂粉污顏色
淡掃蛾眉朝至尊

278. Kỳ nhị

*Quốc quốc phu nhân thừa chủ ân,
Bình minh kỳ mã⁽¹⁾ nhập cung môn.
Khước hiềm chi phấn ô nhan sắc,
Đạm tẩy⁽²⁾ nga mi triều chí tôn.*

Dịch nghĩa:

Bài thứ hai

*Quốc quốc phu nhân đội ơn của chủ (vua)
Sớm mai cưỡi ngựa vào trong cung điện,*

⁽¹⁾ Kỳ mã: Theo *Minh Hoàng tạp lục*, Quốc quốc phu nhân thường cưỡi ngựa hoa vào cấm thành.

⁽²⁾ Đạm tẩy: Theo *Dương Phi ngoại truyện*, Quốc quốc phu nhân không cần phấn hồng vẫn đẹp.

*Những ngại vết phấn làm ô gương mặt
Xoa nhẹ lông mày vào châu đáng chí tôn.*

Dịch thơ:

TẬP LINH ĐÀI (Bài 2)

*Quốc quốc phu nhân, ơn thánh chúa,
Sớm mai ruỗi ngựa thẳng vào cung,
Dung nhan ngại phấn làm hoen ố,
Xoa nhẹ lông mày châu chí tôn.*

題金陵渡

金陵津渡小山樓
一宿行人自可愁
潮落夜江斜月裡
兩三星火是瓜州

279. ĐỀ KIM LĂNG ĐỘ

Kim Lăng tân độ tiểu sơn lâu,
Nhất túc hành nhân tự khả sầu.
Triều lạc dạ giang tà nguyệt lý⁽¹⁾.
Lưỡng tam tinh hỏa thị Qua Châu.

Dịch nghĩa:

ĐỀ Ở BẾN ĐÒ KIM LĂNG

*Trên gác nhỏ miền núi ở bên đò Kim Lăng,
Một đêm ngủ lại khách đi đường lòng sầu muộn.
Thủy triều xuống, trên sông, ánh trăng nghiêng
Vài ba đốm lửa sao, đó là Qua Châu.*

⁽¹⁾ Qua Châu: Theo *Danh thắng chí*, Qua Châu ở phía nam phủ Dương Châu. Vốn tên là bến đò Qua Châu, cũng gọi là Qua Châu thôn, trên bãi cát ngang sông Dương Tử.

Địch thơ:

ĐỀ Ở BÊN ĐÒ KIM LĂNG

*Kim Lăng bên mới, gác chon von
Ngủ lại một đêm khách chớm buồn.
Triều xuống, sông nghiêng, trăng đã xế,
Qua Châu kìa những đốm sao đêm...*

CHU KHÁNH DƯ

Đường thư chép là Chu Khánh. Tên là Khả Cửu, tên chữ là Hành, lại có tên chữ là Khánh Tự, người Việt Châu, đỗ tiến sĩ năm Bảo Lịch, làm quan không đạt. Chưa rõ năm sinh năm mất.

宮中詞

寂寂花時閉院門
美人相並立瓊軒
含情欲說宮中事
鸚鵡前頭不敢言

280. CUNG TRUNG TỪ

Tịch tịch hoa thời bế viện môn,
Mỹ nhân tương tịnh lập quỳnh hiên,
Hàm tình dục thuyết cung trung sự,
Anh vũ⁽¹⁾ tiền đầu bất cảm ngôn.

⁽¹⁾ Anh vũ: Chim vẹt. *Kinh Thư*: "Anh vũ năng ngôn, bất ly phi điều", nghĩa là: Chim anh vũ biết nói, không rời đàn. *Kinh Thi*: "Anh vũ xuất Lũng Tây, ngôn điều dã", nghĩa là: Chim anh vũ có ở Lũng Tây, loài chim hay nói.

Dịch nghĩa:

LỜI TRONG CUNG

Vắng vẻ lúc bên hoa, đóng cửa nhà,
Người đẹp cùng nhau đứng bên hiên quỳnh.
Ngập ngừng muốn nói chuyện trong cung,
Thấy con chim anh vũ ở phía trước
lại không dám nói.

Dịch thơ:

LỜI TRONG CUNG

Vắng vẻ bên hoa, thềm cửa đóng,
Sóng vai người đẹp tựa hiên quỳnh,
Trong cung muốn nói bao nhiêu chuyện.
Anh vũ xập xòe lại lặng im.

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

LỜI HÁT CỦA NGƯỜI Ở TRONG CUNG

Đóng phòng nhác ngắm hoa tươi,
Đương cùng bạn gái đứng chơi hiên quỳnh.
Ngập ngừng muốn kể sự tình,
Thấy con anh vũ, thình lình lại thôi.

閨意

洞房昨夜停紅燭
待曉堂前拜舅姑
妝罷低聲問夫婿
畫眉深淺入時無

281. KHUÊ Ý⁽¹⁾

Động phòng tạc dạ đình hồng chúc,
Đãi hiệu đường tiền bá cửu cô.
Trang bãi, đề thanh vấn phụ tế,
Họa mi thâm thiển, nhập thời vô.

Dịch nghĩa:

Ý TỬ BUỒNG KHUÊ

*Đêm trước khi động phòng tắt đuốc hồng
Đợi đến sáng lên nhà chào cha mẹ.
Trang điểm xong quay hỏi nhỏ chồng
Lông mày như thể này đậm hay nhạt!*

Dịch thơ:

Ý TỬ BUỒNG KHUÊ

*Đêm trước phòng hoa, tắt đuốc hồng
Sớm mai thăm hỏi cha mẹ chồng.
Điểm trang vừa dứt, thì thăm hỏi:
- Đậm nhạt chàng xem có hợp không?*

ĐỖ MỤC

將赴吳興登樂遊原

清時有味是無能
閒愛孤雲靜愛僧
欲把一麾江海去
樂遊原上望昭陵

⁽¹⁾ Bài này còn có đầu đề "Cận Thi thưởng Trương Thủy Bộ". Trương Thủy bộ: Tức Trương Tịch.

282. TƯƠNG PHÓ NGÔ HƯNG⁽¹⁾ ĐĂNG LẠC DU NGUYÊN

Thanh thời hữu vị thị vô năng
Nhàn ái cô vân tĩnh ái tăng.
Dục bả nhất huy⁽²⁾ giang hải khứ,
Lạc Du nguyên thượng vọng Chiêu Lăng⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

NHÂN ĐẾN NHẬM CHÚC Ở NGÔ HƯNG LÊN ĐỒI LẠC DU

*Thời thanh bình, lúc vui thú là lúc chẳng thể làm gì,
Nhàn nhã thì chuộng đám mây lè, tĩnh lặng thì tìm sự.
Muốn đem một lá cờ đi tới nơi sông biển,
Lên đồi Lạc Du ngóng về Chiêu Lăng.*

Dịch thơ:

NHÂN ĐẾN NGÔ HƯNG LÊN ĐỒI LẠC DU

*Thời bình, vui thú, biết làm chi!
Nhàn mến mây xa, tĩnh mến sự.
Sông biển muốn mang cờ thẳng tới
Ngóng phía Chiêu Lăng, lên Lạc Du.*

赤壁

折戟沈沙鐵未銷
自將磨洗認前朝
東風不與周郎便
銅雀春深銷二喬

⁽¹⁾ Ngô Hưng: Quận Ngô Hưng do nước Ngô lập ra từ huyện Thông. Có thuyết lại cho Thông quận và quận Kiến An là quận Ngô Hưng (*Tấn thư địa lý chí*).

⁽²⁾ Chiêu Lăng: Lăng nhà Đường.

⁽³⁾ Cờ lệnh của quan Thái Thú.

283. XÍCH BÍCH⁽¹⁾

Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu.
Tự tương ma tẩy, nhận tiền triều.
Đồng phong bất dữ Chu lang tiện,
Đồng Tước⁽²⁾ xuân thâm tỏa nhị Kiêu⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

XÍCH BÍCH

Mũi kích gãy trong cát, sắt chưa mòn,
Tự mài và dũa nhận ra dấu vết triều đại xưa.
Gió đông nếu không thuận cho chàng Chu Du,
Thì cảnh xuân mận mà ở Đồng Tước
đã khóa chặt hai nàng Kiêu.

Dịch thơ:

XÍCH BÍCH

Cát vùi, kích gãy, sắt chưa tiêu,
Mài giữa tìm ra dấu cựa triều,
Vĩ thử Chu Lang không gió giúp,
Nền xuân Đồng Tước khóa hai Kiêu.

Bản dịch của Tương Như:

SÔNG XÍCH BÍCH

Cát vùi lưỡi kích còn trơ,
Dũa mài nhận dấu triều xưa rõ ràng.

⁽¹⁾ Xích Bích: Theo *Nguyên Hòa quận quốc chí*, núi Xích Bích ở phía tây huyện Bồ Kỳ, Châu Ngọc, khoảng một trăm hai mươi dặm. Bờ đá ở sông lớn có màu đỏ nên gọi là Xích Bích giang. Ở đây Chu Du và Trình Phổ được Lưu Bị giúp sức đã thắng trận thủy chiến rất lớn ở thời Tam quốc.

⁽²⁾ Đồng Tước: Theo *Ngụy chí*: Vũ Đế (Tào Tháo) xây dài Đồng Tước, cao một trượng năm thước, sau còn xây các đài khác rất nguy nga.

⁽³⁾ Nhị Kiêu: Hai cô gái họ Kiêu. Theo *Ngô ký*: Kiêu Công có hai người con gái đều vào loại quốc sắc. Cô lớn gả cho Tôn Sách, cô em gả cho Chu Du.

*Gió đông ví phụ Chu Lang,
Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều.*

泊秦淮

煙籠寒水月籠沙
夜泊秦淮近酒家
商女不知亡國恨
隔江猶唱後庭花

284. BẠC TẦN HOÀI⁽¹⁾

Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa,
Dạ bạc Tần Hoài cận tửu gia.
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa⁽²⁾.

Dịch nghĩa:

ĐỖ BẾN TẦN HOÀI

Khói lồng nước lạnh, trăng lồng cát,
Đêm đỗ thuyền ở bến Tần Hoài, gần quán rượu.
Con hát chẳng biết mối hận mất nước,
Cách sông còn hát khúc Hậu Đình Hoa.

Dịch thơ:

ĐỖ BẾN TẦN HOÀI

Khói lồng nước lạnh, cát lồng trăng

⁽¹⁾ Tần Hoài: Theo *Kiến Khang bảo lục*, Tần Thủy Hoàng đi tuần sang phía đông, thấy mây núi bốc lên, bảo rằng năm trăm năm sau đất Kim Lăng có khí vương thiên tử, liền đắp núi Chung Sơn, đắp lũy đất để ngăn bờ sông Hoài nên gọi là Tần Hoài.

⁽²⁾ Hậu Đình Hoa: Khúc hát của Trần Hậu Chủ, có nhiều câu ca ngợi cảnh đẹp, người đẹp... Lời hát có câu: Rừng thơm chốn đẹp trước lầu cao. Lộng lẫy tươi xinh hiem, thấy dâu. Nhà sáng mỹ nhân dùng trước cửa, Trước rèm cười mỉm bước ra chào. Mặt hoa yểu điệu sương hoa ngậm. Cây ngọc đầu xuân ánh nắng trào.

*Quán rượu kê thuyền, ghé bến Tân.
Con hát nào hay hờn nước mắt,
Hậu Đình Hoa còn hát bên sông.*

Bản dịch của Trương Hữu Dụng:

ĐỖ BẾN TÂN HOÀI

*Nước lòng khói tỏa, cát trắng pha,
Thuyền đỗ sông Hoài, cạnh tửu gia.
Con hát biết chi hờn mắt nước,
Cách sông còn hát Hậu Đình Hoa.*

寄揚州韓綽判官

青山隱隱水迢迢
秋盡江南草未凋
二十四橋明月夜
玉人何處教吹簫

285. KÝ DƯƠNG CHÂU HÀN XƯỚC PHÁN QUAN⁽¹⁾

*Thanh sơn ẩn ẩn thủy thiêu thiêu,
Thu tận Giang Nam thảo mộc điêu.
Nhị thập tứ kiều⁽²⁾ minh nguyệt dạ,
Ngọc nhân hà xứ giáo xuy tiêu.*

Dịch nghĩa:

GỬ HÀN XƯỚC, PHÁN QUAN Ở DƯƠNG CHÂU

*Núi xanh thấp thoáng, nước chảy xa xa,
Mùa thu khắp đất Giang Nam, cây cỏ héo rụng.*

⁽¹⁾ Bài này còn có đầu đề là *Khuê ý*.

⁽²⁾ Nhị thập tứ kiều: Theo *Nhất thống chí*: Hai bốn cầu ở phủ thành Dương Hậu. Đời Đường là thời thịnh vượng, đã làm 24 chiếc cầu ở đây, mỗi cầu có một tên như Tẩy Mã kiều, Chu Gia kiều, Tiểu Nhị kiều...

*Hai mươi bốn chiếc cầu đêm trăng sáng,
Người ngọc thổi sáo đang ở đâu?*

Địch thơ:

GỬI HÀN XƯỚC, PHÁN QUAN Ở DƯƠNG CHÂU

*Nước xa vời vợi, núi cao cao,
Thu khắp Giang Nam, lá rụng ào...
Hăm bốn cầu đêm, trăng sáng giãi,
Thổi tiêu người ngọc ở nơi nao?*

遣懷

落 魄 江 湖 載 酒 行
楚 腰 纖 細 掌 中 輕
十 年 一 覺 揚 州 夢
贏 得 青 樓 薄 倖 名

286. KHIỂN HOÀI

Lạc phách⁽¹⁾ giang hồ tái tửu hành,
Sở yêu tiêm tế chưởng trung⁽²⁾ khinh,
Thập niên nhất giác⁽³⁾ Dương Châu mộng⁽⁴⁾
Doanh đắc thanh lâu bạc hãnh danh.

Địch nghĩa:

KHIỂN LÒNG KHUẤY KHỎA

Lang thang, chở rượu đi khắp sông hồ

⁽¹⁾ Lạc phách: Chỉ cảnh nghèo không chỗ nương tựa, phải phiêu bạt.

⁽²⁾ Chưởng trung: Theo *Phi Yến ngoại truyện*. Nàng Phi Yến, người rất nhẹ, có thể múa trong lòng bàn tay.

⁽³⁾ Dương Châu mộng: Theo *Đỗ Mục biệt truyện*, Dương Châu là nơi Đỗ Mục thường đến hàng đêm, dự các cuộc ca hát, trà rượu, có đến hàng năm.

⁽⁴⁾ Thập niên nhất giác: Mười năm chợt tỉnh. Truyền đăng lục: Mười năm chợt tỉnh mộng hồng trần. Trước gió, ngọn đèn, ấy tấm thân.

Những cô gái Sở lưng ong

nhẹ nhàng múa trên lòng tay

Mười năm, chợt tỉnh mộng Dương Châu,

Chỉ được tiếng là kẻ bạc tình ở chốn lầu xanh.

Dịch thơ:

ĐỀ LÒNG KHUẤY KHỎA

Một cỗi sông hồ, rượu chở theo,

Lòng tay gái Sở múa, lưng eo,

Mười năm tỉnh giấc Dương Châu nhĩ,

Tình bạc lầu xanh tiếng mãi đeo!

Bản dịch trong Đường thi trích diễm:

KHIỂN HOÀI

Đeo đẳng giang hồ rượu nách lưng,

Trong tay ôm nhẹ gái thân ong,

Mười năm tỉnh giấc Dương Châu lại,

Còn giữa lầu xanh tiếng phụ lòng!

秋夕

銀燭秋光冷畫屏
輕羅小扇撲流螢
天階夜色涼如水
坐看牽牛織女星

287. THU TỊCH

Ngân chúc thu quang lãnh họa bình

Khinh la tiểu phiến phác lưu huyền

Thiên giai, dạ sắc lương như thủy

Ngọa khán Khiên Ngưu, Chức Nữ⁽¹⁾ tinh.

⁽¹⁾ Khiên Ngưu, Chức Nữ: Trong chòm sao Thiên Hà ở về phía đông, còn có tên là sao Thiên Cốc và Mọc Tinh.

ĐÊM THU

*Đuốc bạc tỏa ánh sáng mùa thu lạnh
chiều trên họa bình,
Chiếc quạt the nhỏ, xua con đom đóm
Thềm trời đẹp, màn đêm mát như nước
Nằm xem sao Khiên Ngưu và sao Chức Nữ.*

Dịch thơ:

ĐÊM THU

*Đuốc bạc, màu thu chiều họa bình
Phẩy con đom đóm, quạt là thanh.
Thềm trời, đêm mát như làn nước,
Chức Nữ, Khiên Ngưu, ngắm một mình!*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

ĐÊM THU

*Đêm thu đèn rọi họa bình
Đuổi xua đom đóm, phong phan quạt là.
Cảnh trời đêm mát vẫn vơ,
Khiên Ngưu, Chức Nữ nằm chờ xem chơi.*

贈別

娉娉嫋嫋十三餘
豆蔻梢頭二月初
春風十里揚州路
卷上珠簾總不如

288. TẶNG BIỆT

Kỳ nhất

Sanh sanh⁽¹⁾ niệu niệu⁽²⁾ thập tam dư,
Đậu khấu⁽³⁾ tiêu đầu nhị nguyệt sơ.
Xuân phong thập lý Dương Châu lộ,
Quyển thượng châu liêm tổng bất như.

Dịch nghĩa:

TẶNG BIỆT

Bài thứ nhất

*Xinh tươi, mềm mại hơn mười ba tuổi.
Chúm chím như đậu khấu sắp hé nở đầu tháng hai
Gió xuân mười dặm trên đường Dương Châu,
Cuốn hết rèm châu mà chẳng chút nào vừa ý!*

Dịch thơ:

TẶNG BIỆT

Bài thứ nhất

*Xinh tươi mềm mại tuổi mười ba,
Đậu khấu tháng hai mới chớm hoa,
Mười dặm Dương Châu xuân gửi gió,
Rèm châu cuốn trọn, ý đâu vừa.*

⁽¹⁾ Sanh sanh: Âm này đọc là Sính sính, còn đọc là Phình phình, nhưng ở đây đọc cho đúng âm luật là sanh sanh, tức là đáng mạo xinh đẹp. Bài này tương truyền làm tặng người con gái họ Trương.

⁽²⁾ Niệu niệu: Một loại cây đặc biệt thường làm đồ tiền cống. Cây này đầu tháng hai hé nở hoa, sau vươn nhị, mỗi bông hoa vài chục nhị, chỗ nhị giao nhau quàng rất đẹp như vân mây. Ở đây ví người con gái đẹp, chưa lớn, đang dự báo một mỹ nhân.

⁽³⁾ Đậu khấu: Một dược liệu. *Tổng sử địa lý chí*. Phủ Khánh Viễn tiền cống đậu khấu. Thơ Lương Giản đế: Riêng ngấm nho ngon nơi đất quý, Giang Nam đậu khấu nhánh tươi xanh, chỉ thứ quý hiếm.

贈別 (其二)

多情卻似總無情
唯覺樽前笑不成
蠟燭有心還惜別
替人垂淚到天明

289. TẶNG BIỆT (Kỳ nhị)

Đa tình khước tự tổng vô tình,
Duy giác tôn tiền tiếu bất thành,
Lạp chúc hữu tâm hoàn tích biệt,
Thế nhân thù lệ đáo thiên minh.

Dịch nghĩa:

TẶNG BIỆT (Bài 2)

*Đa tình rút cục khác gì vô tình
Duy thấy trước chén rượu cười không nổi,
Ngon nên có lòng còn thương nhớ lúc chia tay,
Rỏ lệ thay người đến tận ban mai.*

Dịch thơ:

TẶNG BIỆT (BÀI 2)

*Đa tình lại hóa vô tình
Cười không nổi nữa, tay nâng chén mời,
Nén hồng như cũng ngậm ngùi
Thay người lệ nhỏ vẫn dài thâu đêm.*

Bản dịch của Tương Như:

TẶNG NHAU KHI CHIA TAY

*Đa tình mà lại hóa vô tình,
Thật khó làm vui trước chén quỳnh,
Chiếc nén có lòng còn luyến tiếc,
Thay người nhỏ lệ suốt năm canh.*

金谷園

繁華事散逐香塵
流水無情草自春
日暮東風怨啼鳥
落花猶似墜樓人

290. KIM CỐC VIÊN⁽¹⁾

Phồn hoa sự tán trục hương trần⁽²⁾,
Lưu thủy vô tình thảo tự xuân
Nhật mộ đông phong oán đề điếu,
Lạc hoa do tự trụ lâu nhân⁽³⁾.

Dịch nghĩa:

VƯỜN KIM CỐC

*Chôn phồn hoa việc rồi, xua đuổi hương trần,
Nước chảy vô tình, cỏ tự mình có sức xuân.
Gió đông buổi chiều tôi chim hót giọng sầu oán,
Hoa rụng như người gieo mình trên lầu xuống.*

Dịch thơ:

VƯỜN KIM CỐC

*Phồn hoa nhàn rồi, rũ hương trần,
Nước chảy vô tình, cỏ tự xuân,*

⁽¹⁾ Kim Cốc viên: Theo *Thạch Sùng truyện* thì vườn Kim Cốc của Thạch Sùng làm bên khe Kim Cốc thuộc tỉnh Hà Nam.

⁽²⁾ Hương trần: Thứ hương đốt trong phòng.

⁽³⁾ Trụ lâu nhân: Người nhảy lầu. Theo *Tán thư Thạch Sùng truyện*, nàng Lục Châu, thiếp của Thạch Sùng, vốn là ca nữ, người đẹp, biết thổi sáo, Tôn Tú sai người đến muốn lấy, Sùng nói rằng yêu Lục Châu, Tú bức bách, Sùng mời Lục Châu đến bảo rằng có tội với nàng, Lục Châu khóc nhảy xuống lầu chết.

*Chiều xuống gió về, chim khắc khoải,
Hoa rơi như người đẹp gieo mình.*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

VƯỜN KIM CỐC

*Việc bận rộn làm xong hóng mát,
Nước chảy vô tình, mượt cỏ xuân.
Gió chiều chim hót xa gần.
Hoa rơi tựa khách gieo thân trên lầu.*

LÝ THƯƠNG ẨN

夜雨寄北

君問歸期未有期
巴山夜雨漲秋池
何當共剪西窗燭
卻話巴山夜雨時

291. DẠ VŨ KÝ BẮC

Quân vẫn quy kỳ vị hữu kỳ,
Ba Sơn⁽¹⁾ dạ vũ trưởng thu trì.
Hà đương cộng tiền tây song chúc,
Khước thoại Ba Sơn dạ vũ thì.

Dịch nghĩa:

GỬI NGƯỜI PHƯƠNG BẮC, ĐÊM MƯA

*Anh hỏi ngày về, chưa hẹn được ngày
Ba Sơn đêm, mưa tràn cả ao thu.*

⁽¹⁾ Ba Sơn: Theo *Nhất thống chí*. Núi dài chín mươi dặm đất ở phía Đông Bắc huyện Thông Giang phủ Bảo Ninh, Tứ Xuyên.

*Biết bao giờ lại cùng chong đèn ở cửa sổ phía tây,
Cùng trò chuyện trong lúc mưa về núi Ba!*

Dịch thơ:

GỬI NGƯỜI PHƯƠNG BẮC, ĐÊM MƯA

*Anh hỏi ngày về, hẹn khó sao!
Ba Sơn mưa sớm, nước tràn ao.
Song tây mong được đèn chung bóng,
Chuyện núi trong mưa hẹn buổi nào!*

Bản dịch của Tương Như:

ĐÊM MƯA, GỬI THƯ CHO NGƯỜI PHƯƠNG BẮC!

*Ngày về khó hẹn cho nhau,
Ba Sơn mưa tới hồ thu nước đầy.
Bao giờ chung bóng song tây,
Còn bao nhiêu chuyện núi này đêm mưa.*

寄令狐郎中

嵩雲秦樹久離居
雙鯉迢迢一紙書
休問梁園舊賓客
茂陵秋雨病相如

292. KÝ LỆNH HỒ LANG TRUNG⁽¹⁾

Tung vân Tần thụ cử ly cư,
Song lý⁽²⁾ thiều thiều nhất chỉ thư.

⁽¹⁾ Lệnh Hồ lang trung. Theo *Lệnh Hồ Đào truyện*: Ông đỗ khoa khảo thí công khanh, làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

⁽²⁾ Song lý: Thơ cổ viết: "Khách tông viễn phương lai tặng ngã song lý ngư, hô nhi phan lý ngư, trung hữu xích tố thư", nghĩa là: Khách từ phương xa lại, tặng ta hai con cá chép, sai trẻ mỗ cá ra, thấy bức thư lụa đỏ. Thư cá chép ngụ ý bức thư tâm huyết từ xa gửi về.

Hữu vẫn Lương viên cựu tân khách,
Mậu Lăng thu vũ, bệnh Tương Như⁽¹⁾...

Dịch nghĩa:

GỬI LỆNH HỒ LANG TRUNG

Mây núi Tung cây thuở nhà Tần,
lâu ngày rời nhà đi xa.
Bức thư đôi cá chép từ nơi xa gửi về.
Những hỏi người khách cũ ở vườn Lương,
Đêm mưa ở Mậu Lăng bệnh Tương Như thế nào?

Dịch thơ:

THƯ GỬI LỆNH HỒ LANG TRUNG

Mây Tung cây thắm, xa nhà mãi,
Rong ruổi dặm dài một bức thư.
Uớm hỏi vườn Lương, chàng khách cũ
Mậu Lăng mưa đỏ, bệnh Tương Như?

爲有

爲有雲屏無限嬌
鳳城寒盡怕春宵
無端嫁得金龜婿
辜負香衾事早朝

293. VỊ HỮU

Vị hữu vân bình⁽²⁾ vô hạn kiêu,

⁽¹⁾ Tương Như: Theo *Sử ký*: Tư Mã Tương Như là khách chơi đất Lương. Lương Hiến vương mời các khách văn cùng tiếp, sau làm quan lệnh ở Hiếu Văn Viên, nhà ở Mậu Lăng. Ông bị ốm, khỏi ra ở Mậu Lăng.

⁽²⁾ Vân bình: Theo *Tây Kinh tạp ký*, em gái hoàng hậu Triệu Phi Yến là Triệu Thiên Nghi, có bình phong bằng đá vân mẫu và ngọc lưu ly.

Địch nghĩa:

vì có

Dịch thơ:

BỞI CÓ...

隋宮

嚴函錦帆
戒書宮作
不諫裁半
遊省國泥
南誰舉障
興重風作
乘九春半

300 BÀI THƠ DƯƠNG 667

294. TÙY CUNG

Thừa hứng nam du⁽¹⁾ bất giới nghiêm.
Cửu trùng thù tỉnh gián thư hàm.
Xuân phong cử quốc tài cung cấm
Bán tác chương nê⁽²⁾, bán tác phàm.

Dịch nghĩa:

CUNG NHÀ TÙY

*Thừa hứng đi chơi phương nam, chẳng ai ngăn nổi,
Chín bề ai đã dâng thư can vua...
Gió xuân, cả nước dật gấm cho cung điện,
Một nửa để ngăn bùn, một nửa để làm buồm.*

Dịch thơ

CUNG NHÀ TÙY

*Thừa hứng nam du, ai dám ngăn,
Cửu trùng ai đã viết thư can.
Xuân về cả nước lo dâng gấm,
Nửa để ngăn bùn nửa dật buồm.*

瑶池

瑶池阿母綺窗開
黃竹歌聲動地哀
八駿日行三萬里
穆王何事不重來

⁽¹⁾ Nam du: Năm Đại nghiệp thứ 12 (Tùy Dạng Đế) vua đi chơi Giang Đô. Phụng Tín Lang xúi dân dâng biểu can. Vua cả giận, bãi chức rồi chém.

⁽²⁾ Chương nê: Tùy Dạng Đế đi qua nơi có bùn, xe qua, lấy gấm dấn xuống bùn gọi là chương nê.

295. DAO TRÌ⁽¹⁾

Dao trì A Mẫu ỷ song khai,
Hoàng trúc⁽²⁾ ca thanh động địa ai.
Bát tuần⁽³⁾ nhật hành tam vạn lý
Mục Vương hà sự bất trùng lai.

Dịch nghĩa:

DAO TRÌ

Xứ Dao Trì của A Mẫu

*cửa sổ rèm lụa nhiều màu mỡ,
Trúc vàng tiếng ca buồn rung cả mặt đất.
Tám con ngựa đẹp ngày đi ba vạn dặm,
Có sao Mục Vương không thấy trở lại.*

Dịch thơ:

DAO TRÌ

*Song lụa Dao Trì, A Mẫu mở,
Trúc vàng rung đất, tiếng ca thương.
Cỗ xe tám ngựa thường rong ruổi
Đã hẹn mà sao vắng Mục Vương?*

嫦娥

雲母屏風燭影深
長河漸落曉星沈

⁽¹⁾ Dao Trì: Theo *Thái Bình quảng ký*, đó là nơi Tây Vương Mẫu ở. Theo sách *Liệt tử*: Mục Vương có ý đi chơi xa, liền cưới xe tám ngựa, làm khách của Tây Vương mẫu đến chơi Dao Trì.

⁽²⁾ Hoàng trúc: Theo *Mục Vương truyện*. Nhà vua đi chơi ở gò Hoàng Đài, săn bắn ở Hoa Dịch, có mưa tối, liền thôi. Bữa tiệc rất lạnh, gió bắc, mưa tuyết, có người chết rét. Vua làm thơ thương xót có câu: Ta ở xóm Trúc Vàng, mà để người theo hầu chết rét!

⁽³⁾ Bát tuần: Tám con ngựa đẹp của Mục Vương có các tên như sau: Tuyệt địa, Phiêu vũ, Bốn tiêu, Khởi ảnh, Xích thổ, Nhất huy, Siêu quang, Đẳng vụ, Hiệp đức.

嫦娥應悔偷靈藥
碧海青天夜夜心

296. THƯỜNG NGÀ⁽¹⁾

Vân Mẫu bình phong chúc ánh thâm,
Trường hà tiệm lạc hiểu tình trầm.
Thường Nga ung hồi thâu linh dược
Bích hải thanh thiên dạ dạ tâm.

Dịch nghĩa:

THƯỜNG NGÀ

*Bên bức bình phong bằng đá Vân Mẫu, ánh đuốc bập bùng
Sông Ngân Hà dần mất, sao ban mai lặn.
Nàng Hằng Nga hồi là đã trộm thuốc tiên,
Để đêm đêm trải lòng hướng về trời xanh, biển biếc.*

Dịch thơ:

HẰNG NGÀ

*Vân Mẫu bình phong, đuốc ánh dài,
Ngân Hà dần tắt, lặn sao mai.
Hằng Nga hồi tiếc trộm linh dược,
Biển biếc trời xanh, đêm ngóng hoài.*

賈生

宣室求賢訪逐臣
賈生才調更無倫
可憐夜半虛前席
不問蒼生問鬼神

⁽¹⁾ Thường Nga: Tức là Hằng Nga, chị Hằng, vợ của Hậu Nghệ, ăn trộm thuốc tiên của Tây Vương Mẫu trốn lên mặt trăng (theo *Hậu Hán thư*, thiên *Văn chí*).

297. GIẢ SINH

Tuyên thát⁽¹⁾ cầu hiền phóng trục thần
Giả sinh tài diệu cánh vô luân.
Khả liên bán dạ hư tiền tịch
Bất vấn thương sinh vấn quý thần.

Dịch nghĩa:

GIẢ SINH

*Ngôi nhà lớn cầu hiền, thăm người bề tôi bị đuổi
Chàng Giả sinh là kẻ tài năng không ai bì kịp.
Đáng thương cho lúc nửa đêm trước chiếc chiếu vắng.
Vua không hỏi đến đám dân nghèo, lại hỏi chuyện quý thần.*

Dịch thơ:

GIẢ SINH

*Cầu hiền hỏi đến bày tôi lỗi,
Chàng Giả tài năng, ai đã hơn?
Giường ngủ, nửa đêm vua tiếp chuyện
Dân nghèo chẳng hỏi, hỏi thần linh.*

ÔN ĐÌNH QUÂN

瑤瑟怨

冰簟銀床夢不成
碧天如水夜雲輕
雁聲遠過瀟湘去
十二樓中月自明

⁽¹⁾ Tuyên thát: Chính điện cung Vị Ương, nhà Hán.

298. DAO SẮT OÁN

Băng điệm ngân sàng mộng bất thành,
Bích thiên như thủy dạ vân khinh.
Nhạn lai viễn quá Tiêu Tương⁽¹⁾ khứ
Thập nhị lâu⁽²⁾ trung nguyệt tự minh.

Dịch nghĩa:

NỖI OÁN ĐÀN DAO SẮT

*Chiều băng, giường bạc, mộng không thành
Trời xanh như nước, mây đêm nhẹ.
Tiếng nhạn xa, đã bay qua Tiêu Tương
Trong mười hai lầu trắng tự sáng.*

Dịch thơ:

NỖI OÁN ĐÀN DAO SẮT

*Chiều sang, giường bạc, mộng không thành
Mộng nhẹ mây đêm, trời nước xanh,
Qua khỏi Tiêu Tương, tiếng nhạn xuôi
Mười hai lầu vắng, một vàng trắng.*

⁽¹⁾ Tiêu Tương: Sông Tương từ Dương Hải phát nguyên, đến bắc Linh Lăng, hai dòng sông nước đầy hợp lại, gọi là Tiêu Tương. Lại có những thuyết khác giải thích Tiêu Tương theo nhiều cách.

⁽²⁾ Thập nhị lâu: Theo *Thần tiên truyện*. Núi Côn Lôn có Phong Uyển gồm 12 lầu ngọc, dựng dài chín tầng, bên trái là Dao Trì, bên phải là Thủy Thủy, lại có sông Nhược Thủy chín tầng, không thể tới được.

TRỊNH ĐIỀN (825 - 883)

Tự Đài Văn, người Vinh Dương (nay thuộc Hà Nam), đỗ tiến sĩ làm quan đến chức Binh Bộ thị lang, đồng Bình Chương sự.

馬嵬坡

玄宗回馬楊妃死
雲雨難忘日月新
終是聖明天子事
景陽宮井又何人

299. MÃ NGÔI PHA⁽¹⁾

Huyền Tông hồi mã Dương Phi tử,
Vân vũ⁽²⁾ nan vong, nhật nguyệt tân.
Chung thị thánh minh thiên tử sự,
Cảnh Dương cung tỉnh⁽³⁾ hựu hà nhân?

Dịch nghĩa:

GÒ MÃ NGÔI

*Vua Huyền Tông trở về, Dương Quý phi đã chết,
(chuyện) Mây mưa khó quên, mặt trời mặt trăng sáng như mới.
Những chuyện ấy đều là việc của đấng thánh minh
Cái giếng ở cung Cảnh Dương
đến lượt người nào đây?*

⁽¹⁾ Mã Ngôi: Nơi Dương Quý phi chết. Nhiều người đề thơ. Trịnh Diên viết bài thơ này ở đây.

⁽²⁾ Mây mưa: Theo bài tựa bài phú Cao Đường của Tống Ngọc: Mây mưa lấy tích thần núi Vu Sơn hẹn với khách đến Cao Đường, dâng gối chặn, xin sớm tối làm mây, làm mưa cùng khách....

⁽³⁾ Cảnh Dương tỉnh: Giếng Cảnh Dương. Theo *Nam Kỳ chí*, giếng Cảnh Dương ở trong Đài thành. Nơi Trần Hậu Chủ cùng Trương Lệ Hoa, Khổng Quý Tân nhảy xuống tự vẫn để khỏi sa vào tay quân nhà Tùy. Còn có tên là giếng Yên Chi.

GÒ MÃ NGÔI

*Huyền Tông quay ngựa, Quý phi chết,
Nhật nguyệt bình, quên chuyện mây mưa
Thiên tử thánh minh bao việc nhĩ?
Cảnh Dương nhảy giếng thấy ai chưa?*

HÀN ÁC (844- 923)

Tên chữ là Chí Quang, còn tên nữa là Chí Nghiêu, Đông Lang, tên hiệu là Ngọc Sơn Tiều Nhân, 10 tuổi biết làm thơ, đầu năm Long Kỷ (vua Chiêu Tông) đỗ tiến sĩ, làm quan qua các chức Tả Thập Di, rồi Hàn lâm học sĩ, ông hết lòng giúp vua Chiêu Tông, chống lại gian thần, khi Chiêu Tông chết, về quê không chịu làm quan cho nhà Lương. Ông người Vạn Niên, Kinh Triệu (nay thuộc Tây An, Thiểm Tây).

已涼

碧 闌 干 外 繡 簾 垂
猩 色 屏 風 畫 折 枝
八 尺 龍 鬚 方 錦 褥
已 涼 天 氣 未 寒 時

300. DĨ LƯƠNG

Bích lan can ngoại tú liêm thù
Tinh sắc⁽¹⁾ bình phong họa chiết chi.
Bát xích long tu⁽²⁾, phương cẩm nhục,
Dĩ lương thiên khí, vị hàn thì.

⁽¹⁾ Tinh sắc: màu đỏ.

⁽²⁾ Long tu: Theo *Thủy kinh chú*: Trong khoảng ba trăm dặm ở gò Thao Cương có một loại cỏ đẹp gọi là long tu dùng để dệt chiếu. Bát xích long tu: Loại chiếu sang dùng trong cung.

Dịch nghĩa:

ĐÓN TRỜI MÁT

*Phía ngoài lan can biếc buông rèm thêu.
Bình phong màu đỏ, với nhiều nét chạm trổ,
Chiều long tu tám thước chần gấm vuông,
Đón hơi mát của trời trước khi trời lạnh.*

Dịch thơ:

ĐÓN TRỜI MÁT

*Lan can biếc, rèm thêu buông,
Bình phong đỏ sẫm nét ngang chạm càn.
Chiều long tu, gấm làm chần,
Rét chưa kịp tới đón cơn mát trời.*

VI TRANG

金陵圖

江 雨 霏 霏 江 草 齊
六 朝 如 夢 鳥 空 啼
無 情 最 是 臺 城 柳
依 舊 煙 籠 十 里 堤

301. KIM LĂNG ĐỒ

Giang vũ phi phi giang thảo tề,
Lục triều⁽¹⁾ như mộng diệu không đề
Vô tình tối thị Đài Thành⁽²⁾ liễu,
Y cự yên lung thập lý đề.

⁽¹⁾ Lục triều: Nhà Đông Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần đều đóng đô ở Kim Lăng.

⁽²⁾ Đài Thành: Theo *Nhất thống chí*, Đài Thành cách đông bắc huyện lý Thượng Nguyên năm dặm. Bởi triều đình cấm không cho dân tới nên cũng gọi là Cấm Thành.

Dịch nghĩa:

BỨC HOẠ THÀNH KIM LĂNG

*Mưa trên sông lất phất, cỏ trên sông tươi thắm,
Sáu triều vua như giấc mộng, chim băng khuâng hót.
Vô tình bậc nhất là liễu ở Đài Thành.
Vẫn y nguyên trong bóng khói của giải đê mười dặm.*

Dịch thơ:

BỨC HỌA THÀNH KIM LĂNG

*Mưa sông lất phất, cỏ xuân tươi,
Chim hót buồn cho triều đại trôi.
Rặng liễu Đài Thành xanh sắc cũ,
Y nguyên ráng khói giải đê dài!*

TRẦN ĐÀO

Tên chữ là Tung Bá, người Lĩnh Nam Kiếm Bô (nay là Nam Bình, Phúc Kiến) trong khoảng năm Đại Trung, du học Tràng An, giỏi thiên văn lịch số, ở ẩn ở núi Tây Hồng Châu, vợ con đều đọc được sách, lấy hiệu là Tam giáo bố y...

隴西行

誓掃匈奴不顧身
五千貂錦喪胡塵
可憐無定河邊骨
猶是春閨夢裡人

302. LŨNG TÂY HÀNH⁽¹⁾

Thệ tảo Hung Nô bất cố thân,
Ngũ thiên⁽²⁾ điều cảm⁽³⁾ táng hồ trần.
Khả liên Vô Định hà⁽⁴⁾ biên cốt
Do thị xuân khuê mộng lý tình.

Dịch nghĩa:

BÀI HÀNH LŨNG TÂY

*Không doái tiếc thân mình, thề quét sạch Hung Nô,
Năm nghìn tráng sĩ mặc áo gấm,*

⁽¹⁾ Lũng Tây hành: Theo *Thông điển*, nhà Tần đặt quận Lũng Tây, bởi ở phía tây Lũng Đê mà có tên như thế. Xét trong 13 khúc hát cổ Nhạc phủ có khúc hát Lũng Tây.

⁽²⁾ Ngũ thiên: Lý Lăng cảm quân, năm nghìn tướng sĩ bị chết ở đất Hung Nô.

⁽³⁾ Điều cảm: Áo bào làm bằng gấm, mũ bằng lông da cáo.

⁽⁴⁾ Vô Định hà: Theo *Dư địa ký*: Nhà Đường lập ra Ngân Châu, phía bắc có sông Vô Định. *Nhất thống chí* thì cho là sông Vô Định ở phủ Diên An, Thiểm Tây.

*mũ lông điều đã vùi xác trong đám bụi Hồ.
Đáng thương thay năm xương bên sông Vô Định,
Vẫn còn là người trong mộng xuân của khách buồn khuê.*

Dịch thơ:

BÀI HÀNH LŨNG TÂY

*Thề đẹp Hung Nô, chẳng tiếc đời,
Năm nghìn xác lính bụi Hồ phơi.
Thương thay xương trắng bờ Vô Định,
Giấc mộng phòng xuân vẫn ngóng người.*

Bản dịch của Khương Hữu Dụng và Tương Như:

BÀI HÁT LŨNG TÂY

*Thề quét Hung Nô, xá mất còn
Năm nghìn tướng sĩ đất Hồ chôn.
Thương thay, xương cốt bờ Vô Định,
Mà vẫn người trong mộng gối xuân.*

TRƯƠNG TIẾT

Tên chữ là Tử Trưng, người Hà Nam, lúc đầu làm Cú Dung huyện úy, rồi làm Giám sát ngự sử xá nhân.

寄人

別夢依依到謝家
小廊回合曲闌斜
多情只有春庭月
猶爲離人照落花

303. KÝ NHÂN

Biệt mộng y y đảo Tạ gia,
Tiểu lang hồi hợp, khúc lan tà.
Đa tình chỉ hữu xuân đình nguyệt,
Do vị ly nhân chiếu lạc hoa.

Dịch nghĩa:

GỬ NGƯỜI

*Giác mộng chia tay vẫn nguyên, đến nhà họ Tạ,
Mái hiên nhỏ uốn khúc, lối đi quanh co.
Đa tình, chỉ có vầng trăng xuân trên sân,
Còn vì người đi xa chiếu trên hoa rụng.*

Dịch thơ:

GỬ NGƯỜI

*Giác mộng chia ly nhà họ Tạ,
Hiên còn uốn khúc, lối đi quanh
Đa tình chỉ có trăng xuân sáng.
Hoa rụng, trăng ngời, đêm tiễn chân.*

VÔ DANH THỊ

雜詩

近寒食雨草萋萋
著麥苗風柳映堤
等是有家歸未得
杜鵑要向耳邊啼

304. TẬP THI

Cận Hàn thực vũ thảo thê thê,
Trước mạch miêu phong liễu ánh đề
Đẳng thị hữu gia quy⁽¹⁾ vị đắc,
Đỗ quyên⁽¹⁾ yêu hướng nhĩ biên đề.

Dịch nghĩa:

TẬP THI

Gần tiết Hàn thực, mưa đổ, cỏ xanh mơn mớn,
Lúa đang non, gió lướt, sắc liễu ánh lên bờ,
Vốn dĩ có nhà mà về chẳng được,
Chim đỗ quyên hãy thôi hướng về bên tai mà kêu!

Dịch thơ:

TẬP THI

Tiết gần Hàn thực, cỏ tươi non
Lúa mượt, hây hây gió liễu rờn.
Vốn dĩ có nhà, về chẳng nổi
Bên tai mong dứt đỗ quyên hờn.

⁽¹⁾ Đỗ quyên: Theo *Điều Linh Lăng ký*: Tiếng chim đỗ quyên kêu như là "Bất như quy khứ, bất như quy", nghĩa là: chẳng bằng trở về, chẳng bằng về. Tiếng rất tha thiết. Lấy tích vua Thục nhớ nước hóa thân thành chim đỗ quyên.

NHẠC PHỦ

VƯƠNG DUY

渭城曲

渭城朝雨浥輕塵
客舍青青柳色新
勸君更盡一杯酒
西出陽關無故人

305. VỊ THÀNH⁽¹⁾ KHÚC

Vị Thành triều vũ áp khinh trần,
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
Tây xuất Dương Quan⁽²⁾ vô cô nhân.

Dịch nghĩa:

KHÚC HÁT VỊ THÀNH

*Đất Vị Thành mưa sớm thấm làn bụi nhẹ,
Nơi quán khách, liễu xanh rờn vừa thay sắc,
Xin bác hãy uống cạn thêm một chén nữa
Ngày mai ra đất Dương Quan
không còn ai là bạn thân nữa.*

⁽¹⁾ Vị Thành: Còn có tên khác là Dương Quan. Do đó, bài này còn có tên là *Tống Nguyên Nhị sứ An Tây* (đầu bài dịch của Tương Như - NVP).

⁽²⁾ Dương Quan ở ngoài đất Trung Quốc. Theo *Địa lý chí*. Huyện Lũng Lạc có Dương Quan và Ngọc Môn quan. An Tây lại ở ngoài Dương Quan.

Dịch thơ:

KHÚC HÁT VỊ THÀNH

*Mưa sớm Vị Thành làn bụi ẩm,
Liều bên quán khách sắc xanh xanh.
Rượu ngon anh hãy cạn thêm chén,
Ra khỏi Dương Quan vắng cố nhân.*

Bản dịch của Tương Như:

TIỀN BÁC HAI NGUYÊN ĐI SỬ AN TÂY

*Mưa mai thấm bụi Vị Thành,
Liều bên quán trọ sắc xanh ngời ngời.
Khuyên anh hãy cạn chén mời,
Dương quan ra khỏi ai người cố tri.*

秋夜曲

桂魄初生秋露微
輕羅已薄未更衣
銀箏夜久殷勤弄
心怯空房不忍歸

306. THU DẠ KHÚC

Quế phách⁽¹⁾, sơ sinh thu lộ vi,
Khinh la dĩ bạc vị canh y.
Ngân tranh dạ cửu ân cần lộng,
Tâm khiếp không phòng bất nhẫn quy.

⁽¹⁾ Quế phách: Chỉ vàng trắng, bởi sự tích Hằng Nga trộm thuốc lên cung trăng, nơi đó đầy vườn quế nên mặt trăng còn gọi là cung quế.

Dịch nghĩa:

KHÚC HÁT ĐÊM THU⁽¹⁾

Vàng trắng vừa mới mọc, sương thu nhè nhẹ,
Mảnh áo lụa mỏng chưa kịp thay.
Đêm vắng tiếng đàn tranh, dồn dập vọng tới,
Lòng những sợ phòng vắng chẳng nữ về.

Dịch thơ:

KHÚC HÁT ĐÊM THU

Sương thu nhẹ, dựng trăng non,
Mong manh áo lụa hãy còn chưa thay.
Đàn tranh dồn dập vui đầy,
Lòng e phòng vắng chẳng ai nữ về!

VƯƠNG XƯƠNG LINH

長信怨

奉帚平明金殿開
且將團扇共徘徊
玉顏不及寒鴉色
猶帶昭陽日影來

307. TRƯỜNG TÍN⁽²⁾ OÁN

Phụng chữ bình minh kim điện khai,

⁽¹⁾ Chú thích của Hành Đường thoát sĩ: Bài này vốn của Vương Nhai. Nay theo bản của Quách Mậu Thiển. Vương Nhai (764 - 833) tên chữ là Quảng Tân, người Thái Nguyên (nay thuộc Sơn Tây). Đầu năm Trinh Quán đầu tiên sĩ, làm đến chức Hàn Lâm học sĩ (chú thích của người dịch).

⁽²⁾ Trường Tín: Lễ nghi nhà Hán, bà của vua ở cung Trường Tín. Mẹ của vua ở cung Trường Lạc. Theo *Hán thư ngoại thích truyện*, nàng Ban Tiệp dư là phi của Hán Thành Đế, bị hoàng hậu Triệu Phi Yến dèm pha, xin vua đưa ra phụng dưỡng thái hậu ở Cung Trường Tín.

Tạm tương đoàn phiến⁽¹⁾ cộng bồi hồi.
Ngọc nhan bắt cặp hàn nha sắc,
Do đài Chiêu Dương⁽²⁾ nhật ảnh lai.

Địch nghĩa:

NỖI OÁN CUNG TRƯỜNG TÍN

Vàng mệnh cầm chổi quét sớm mai
khi điện vàng mở,
Lại cùng chiếc quạt tròn luống bồi hồi.
Mặt ngọc còn chưa bằng dáng quạ rét,
(Quạ) Còn mang ánh mặt trời từ
điện Chiêu Dương.

Địch thơ:

NỖI OÁN CUNG TRƯỜNG TÍN

Cửa điện ban mai lo quét sớm,
Quạt tròn còn đấy, những rưng rưng.
Dung nhan xem ý còn thua quạ,
Qua điện Chiêu Dương chở nắng hừng.

出塞

秦時明月漢時關
萬里長征人未還
但使龍城飛將在
不教胡馬渡陰山

⁽¹⁾ Đoàn phiến: Quạt tròn. Trong bài *Ban Tiệp dư oán ca hành* có câu: "Tài vi hợp hoan phiến. Đoàn đoàn tự minh nguyệt", nghĩa là: Cắt lụa làm chiếc quạt hợp hoan, tròn tròn như vầng trăng sáng.

⁽²⁾ Chiêu Dương: Nơi ở của Triệu Thiên Nghi, em hoàng hậu Triệu Phi Yến, vốn cũng về hòa với chị, tách Ban Tiệp dư ra khỏi vua một cách khéo léo. Cung Chiêu Dương ở phía đông, bay qua quạ còn được hưởng nắng...

308. XUẤT TÁI⁽¹⁾

Tàn thời minh nguyệt Hán thời quan,
Vạn lý trường chinh nhân vị hoàn.
Đã sử Long Thành⁽²⁾ Phi tướng⁽³⁾ tại
Bất giao Hồ mã độ Âm san.

Dịch nghĩa:

RA CỬA ẢI

*Trăng sáng thời Tần, cửa quan thời Hán,
Muôn dặm trường chinh người chẳng được về.
Nếu như Phi tướng Long Thành mà còn sống
Quyết chẳng để ngựa Hồ qua Âm san.*

Dịch thơ:

RA CỬA ẢI

*Trăng Tần, ải Hán vẫn còn kia,
Muôn dặm trường chinh, chẳng được về.
Phi tướng Long Thành còn sống nhỉ!
Âm sơn nào để ngựa Hồ qua!*

Bản dịch của Châu Giang:

XUẤT QUÂN RA NGOÀI CỬA ẢI

Trăng Tần, ải Hán vẫn đây mà!

⁽¹⁾ Xuất tái: Theo *Tán thư Nhạc chí*, “Xuất tái nhập tái khúc” (Khúc hát ra cửa ải, vào cửa ải) do Lý Diên Niên làm ra. Có người cho rằng do người khác làm ra. Tương truyền khi khúc hát này hát lên, quân Hồ khóc mà bỏ đi.

⁽²⁾ Long Thành: Theo *Sử ký Vệ Thanh truyện*: Năm Nguyên Quang thứ 5, Vệ Thanh làm xa kỵ tướng quân đem quân đến Long Thành, chém được vài trăm đầu giặc. Có thuyết cho Long Thành trước do người Hồ đắp, hình cong như mình rồng nên gọi là Long Thành.

⁽³⁾ Phi tướng: Theo *Hán thư Lý Quảng*, Lý Quảng là một tướng giỏi, tòng chinh, lớn nhỏ đánh hơn 70 trận, giữ yên biên cương, người Hung Nô gọi là Phi tướng (tướng nhà trời).

Mà khách trường chinh vẫn vắng nhà.
Phi tướng nếu giờ còn ở lại,
Âm sơn đâu có ngựa Hồ qua!

LÝ BACH

清平調

其一

雲	想	衣	裳	花	想	容
春	風	拂	檻	露	華	濃
若	非	群	玉	山	頭	見
會	向	瑤	臺	月	下	逢

其二

一	枝	紅	豔	露	凝	香
雲	雨	巫	山	枉	斷	腸
借	問	漢	宮	誰	得	似
可	憐	飛	燕	倚	新	妝

其三

名	花	傾	國	兩	相	歡
常	得	君	王	帶	笑	看
解	釋	春	風	無	限	恨
沈	香	亭	北	倚	闌	干

309-311. THANH BÌNH ĐIỀU⁽¹⁾

Kỳ nhất

Vân tưởng y thường hoa tưởng dung
Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.
Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến,
Hội hướng Dao Đài⁽²⁾ nguyệt hạ phùng.

Kỳ nhị

Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương.
Vân vũ Vu sơn uống đoạn trường.
Tá vãn Hán cung thủy đắc tự,
Khả liên Phi Yến⁽³⁾ ý tân trang.

Kỳ tam

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,
Thường đắc quân vương đãi tiểu khan.
Giải thích xuân phong vô hạn hận
Trầm Hương đình⁽⁴⁾ bắc ý lan can.

Dịch nghĩa:

ĐIỀU NHẠC THANH BÌNH

1

Mây tưởng là xiêm áo, hoa tưởng là gương mặt,

⁽¹⁾ Thanh Bình điều: Theo *Thái Chân ngoại truyện*: Trong khoảng năm Khai Nguyên, trong vườn vua đã có nhiều giống thực dược, nay là hoa mẫu đơn, đủ các màu hồng tía, vàng thắm đua tươi, để vua cùng Dương Quý phi thưởng hoa. Trước đình Trầm Hương, hoa đua nở, dùng điệu nhạc cổ bát Lý Quy Niên đàn. Lại sai Hàn lâm học sĩ Lý Bạch viết ba bài *Thanh bình điều*. Bạch vâng mệnh, viết trong khi vẫn còn say. Quy Niên phổ nhạc hát.

⁽²⁾ Dao Đài: Còn gọi là Luân Dao Đài, nơi Tây Vương mẫu ở.

⁽³⁾ Phi Yến: Theo *Hán thư*: Triệu Thành hoàng hậu vốn là cung nữ ở Trảng An, lúc trẻ ở nhà Dương A chủ, học ca múa, gọi là Phi Yến. Vua Thành Đế vi hành, đem cả hai chị em về cung, sau phong chị làm hoàng hậu, em là Chiêu Nghi.

⁽⁴⁾ Trầm Hương đình: Ngồi nhà lấy gỗ trầm hương mà làm nên có tên như thế.

*Gió xuân lướt bên hiên, hoa đượm sương móc.
Nếu không thấy ở đầu non Quần Ngọc,
Thì ắt gặp dưới trăng ở chôn Dao Đài.*

2

*Một cảnh thắm đẹp, hạt móc đượm hương thơm
Thú mây mưa núi Vu, đau đứt ruột chỉ uống phí.
Thử hỏi khắp cung Hán ai được như nàng,
Đáng thương Phi Yến phải dựa vào thuở thanh xuân.*

3

*Hoa nổi tiếng, sắc nghiêng nước, cả hai đều vui
Luôn được Đức vua tươi cười trông ngắm.
Làm tiêu vợi đi mối sầu vô hạn của gió xuân,
Khi tựa lan can phía bắc đình Trầm Hương.*

Dịch thơ:

THANH BÌNH ĐIỀU

1

*Mây hay xiêm áo, hoa hay mặt,
Sương điểm hoa, lất phất gió xuân.
Quần Ngọc đầu non, không được thấy,
Hẹn tới Dao Đài gặp dưới trăng.*

2

*Hồng thắm một cảnh, sương đọng hương.
Vu sơn vui thú luống đau lòng.
Hỏi ai Cung Hán mà hơn được!
Phi Yến e còn cậy tuổi xuân.*

3

Hoa sang, người đẹp cả đôi vui

Say đắm, quân vương ngấm lại cười.
Vô hạn sầu xuân bay mất cả
Đình Trầm thấp thoáng bóng hình ai!

Bản dịch của Ngô Tất Tố:

ĐIỆU NHẠC THANH BÌNH

Thoáng bóng mây hoa, nhớ bóng hồng,
Gió xuân dịu dặt. Giọt sương trong.
Vĩ chẳng non Ngọc không nhìn thấy,
Dưới nguyệt dài Dao thử ngóng trông

1

Hương đông mọc đượm, một cảnh hồng,
Non Giáp mây mưa những cực lỏng.
Ưm hời Hán cung ai dám đo?
Điểm tô Phi Yến mất bao công!

2

Sắc nước, hương trời khéo sánh đôi,
Quân vương nhìn ngấm những tươi cười,
Sầu xuân man mác tan đầu gió,
Cửa Bắc đình trầm đứng lẻ loi.

VƯƠNG CHI HOÀN

出塞

黃河遠上白雲間
一片孤城萬仞山
羌笛何須怨楊柳
春風不度玉門關

312. XUẤT TÁI

Hoàng Hà viễn thượng bạch vân gian,
Nhất phiến cô thành vạn nhận san,
Khương địch hà tu oán dương liễu⁽¹⁾
Xuân phong bất độ Ngọc Môn quan.

Địch nghĩa:

*Sông Hoàng Hà chảy tít xa tận khoảng mây trắng,
Một mảnh buồn lẻ loi, muôn trượng núi cao
Sáo người Khương thổi làm chi bài Chiết Liễu,
Vì gió xuân có qua cửa ải Ngọc Môn đâu!*

Địch thơ:

RA CỬA ẢI

*Hoàng Hà chảy tít khoảng mây trôi,
Một dải thành cô núi ngút trời,
Dương Liễu, sáo Khương há phải thổi
Ngọc Môn nào có gió xuân tươi.*

Bản dịch của Tương Như:

KHÚC LƯƠNG CHÂU⁽²⁾

*Hoàng Hà, mây trắng liền nhau
Thành cô một mảng núi cao ngút trời.
Thổi chi Chiết Liễu sáo ơi,
Gió xuân nào lọt ra ngoài Ngọc Môn.*

⁽¹⁾ Dương Liễu: Theo *Kỷ lục*: *Chiết dương liễu* là tên một khúc nhạc cổ. Ngoài ra còn có *Lạc mai hoa khúc*. Những điệu nhạc cổ này nay đều thất lạc không lưu giữ lại được.

⁽²⁾ Bài này còn có tên là *Lương Châu tử*.

ĐỖ THU NƯƠNG

Người Kim Lăng, hay thơ, trước làm thiếp yêu của Lý Kỳ, sau Kỳ làm phản, Thu Nương được đưa vào cung. Khi Mục Tông lên ngôi, cho bà dạy học ở trong cung, chức Hoàng tử truyền mẫu. Sau hoàng tử Trang (học trò của bà) được phong vương, rồi bị tội, bà cũng trở về quê quán. Chưa rõ năm sinh, năm mất.

金縷衣

勸君莫惜金縷衣
勸君惜取少年時
花開堪折直須折
莫待無花空折枝

313. KIM LŨ Y⁽¹⁾

Khuyến quân mặc tích kim lũ y,
Khuyến quân tích thủ thiếu niên thì!
Hoa khai kham chiết, trực tu chiết,
Mặc đãi vô hoa, không chiết chi.

Dịch nghĩa:

ÁO KIM TUYẾN

*Khuyến chàng chớ tiếc áo thêu chỉ vàng.
Khuyến chàng hãy tiếc thời niên thiếu!
Hoa nở nên bẻ, hãy bẻ ngay
Đừng chờ lúc chẳng còn hoa, bẻ cành không.*

⁽¹⁾ Kim lũ y: Theo *Nhạc phủ thi tập*, Kim lũ y là khúc nhạc thời trước. Kim lũ y: Áo múa thêu chỉ vàng.

Dịch thơ:

KIM LŨ Y

*Áo chỉ vàng thêu xin chớ tiếc.
Khuyên chàng hãy tiếc thời trẻ trung.
Đang thời hoa nở, thì nên bẻ,
Chớ đợi hoa tàn, trơ nhánh không!*

Bản dịch của Tương Như:

ÁO KIM TUYẾN

*Chiếc áo thêu vàng, anh chớ tiếc,
Khuyên anh hãy tiếc thuở xuân xanh.
Hoa vừa lúc bẻ thì ta bẻ,
Chớ để hoa rơi chỉ bẻ cành.*

MỤC LỤC

LỜI NGƯỜI DỊCH	5
THƠ ĐƯỜNG VÀ CÁC THỂ LOẠI	10
PHẠM LÊ	27
NGŨ NGÔN CỔ THI	35
TRƯƠNG CỬU LINH (678 - 740)	35
1. Cảm ngộ (bài 1)	35
2. Cảm ngộ (bài 2)	37
LÝ BẠCH (701 - 762)	39
3. Há Chung Nam sơn quá Học Tư Sơn Nhân túc chí tửu	40
4. Nguyệt hạ độc chúc	42
5. Xuân tứ	44
ĐỖ PHỦ (712 - 770)	46
6. Vọng nhạc	46
7. Tặng Vệ bát xử sĩ	48
8. Giai nhân	53
9. Mộng Lý Bạch (2 bài)	58
VƯƠNG DUY (701 - 761)	63
10. Tống Kỳ Vô Tiềm lạc đệ hoàn hương	63
11. Tống biệt	66
12. Thanh Khê	67
13. Vị Xuyên điền gia	70
14. Tây Thi vịnh	72
MẠNH HẠO NHIÊN (689 - 740)	75
15. Thu đăng Lan Sơn ký Trương Ngũ	76
16. Hạ nhật Nam đình hoài Tân Đại	78
17. Túc Nghiệp sư sơn phòng đãi Đình Đại bát chí	80
VƯƠNG XƯƠNG LINH (690? - 757?)	82
18. Đồng tông đệ Nam Trại ngoạn nguyệt	82
KHÂU VỊ (684? - 798?)	85
19. Tầm Tây Sơn ẩn giả bất ngộ	85
KỲ VÔ TIỀM (692 - 749?)	88
20. Xuân phiếm Nhược Gia Khê	88
THƯỜNG KIẾN	90
21. Túc Vương Xương Linh ẩn cư	90
SÂM THAM (716 - 770)	91
22. Dữ Cao Thích Tiết Cử đăng Từ ân tự phù đồ	91
NGUYỄN KẾT (719-772)	95
23. Tặc thoái thị quan lại	96
VI ỨNG VẬT (737-789)	99
24. Quận trai vũ trung dữ chư văn sĩ yến tập	100
25. Sơ phát Dương tử ký Nguyên Đại hiệu thư	102

26. Ký Toàn Tiêu sơn trung đạo sĩ	104
27. Trường An ngộ phùng trử	106
28. Tịch thứ Vu Di huyện	107
29. Đông giao	109
30. Tống Dương thị nữ	111
LIÊU TÔNG NGUYÊN (773 - 819)	114
31. Thần nghệ Siêu Sư viện độc thiên kinh	115
32. Khê cư	117
NHẠC PHỦ	119
VƯƠNG XƯƠNG LINH	119
33. Tái thượng khúc	120
34. Tái hạ khúc	121
LÝ BẠCH	123
35. Quan san nguyệt	123
36. Tử dạ ngô ca	126
37. Trường can hành	128
MẠNH GIAO (751 - 814)	133
38. Liệt nữ thảo	133
39. Du tử ngâm	135
THẤT NGÔN CỔ THI	139
TRẦN TỬ NGANG (661 - 702)	139
40. Đăng U Châu đài ca	139
LÝ KỲ (690-751)	140
41. Cổ ý	141
42. Tống Trần Chương phủ	143
43. Cầm ca	146
44. Thính Đồng Đại đàn hồ già kiêm ký ngũ lộng	149
45. Thính An Vạn Thiện xuy tất lặt ca	153
MẠNH HAO NHIÊN	155
46. Dạ quy Lộc Môn ca	155
LÝ BẠCH	157
47. Lư sơn dao ký Lư Thị Ngự Hư Chu	158
48. Mộng du Thiên Mục ngâm lưu biệt	163
49. Kim Lăng tửu tử lưu biệt	169
50. Tuyên châu Tạ Diêu lâu biệt Hiệu thư Thúc Vân	171
51. Tẩu mã xuyên hành phụng tống Phong đại phu	174
52. Luân đài ca phụng tống Phong đại phu xuất sư	177
53. Bạch tuyết ca tống Vũ phán quan quy kinh	180
ĐỖ PHỦ	183
54. Vi Phụng lục sự trạch quan Tào tướng quân	184
55. Đan Thanh dẫn tặg Tào tướng quân Bá	190
56. Ký Hàn gián nghị	195
57. Cổ bách hành	199

THẤT NGÔN CỔ THI	202
ĐỖ PHỦ.....	202
58. Quan Công tôn đại nương đệ tử vũ kiếm khí hành	203
NGUYỄN KẾT	206
59. Thạch Ngự hồ thượng túy ca.....	206
HÀN DỮ (768 - 824)	208
60. Sơn thạch	209
61. Bát nguyệt thập ngũ dạ tặng Trương công tào	212
62. Yết Hành nhạc miếu toại túc nhạc tự đề môn lâu	217
63. Thạch cổ ca.....	223
LIỄU TÔNG NGUYÊN	230
64. Ngự ông.....	230
BẠCH CỬ DỊ.....	231
65. Trường hận ca	235
66. Tỳ bà hành.....	255
LÝ THƯỜNG ẨN (813 - 858).....	267
67. Hàn bi	269
THẤT NGÔN NHẠC PHỦ	275
CAO THÍCH.....	277
68. Yên ca hành	278
LÝ KỶ	283
69. Cổ tòng quân hành	283
VƯƠNG DUY	285
70. Lạc Dương nữ nhi hành	286
71. Lão tướng hành.....	289
72. Đào nguyên hành	294
LÝ BẠCH	298
73. Thực đạo nan	300
74. Trường tương tư	306
75. Tương tiến tửu	311
76. Hành lộ nan	316
ĐỖ PHỦ.....	318
77. Bình xa hành	319
78. Lệ nhân hành	325
79. Ai giang đầu	330
80. Ai vương tôn	334
NGŨ NGÔN LUẬT THI.....	341
ĐƯỜNG HUYỀN TÔNG.....	341
81. Kinh lỗ tế Khổng Tử nhi thán chí	341
TRƯƠNG CỬU LINH.....	343
82. Vọng nguyệt hoài viễn	343
VƯƠNG BỘI (649 - 676)	345
83. Đỗ Thiếu phủ chi nhậm Thục châu	345

LẠC TÂN VƯƠNG (640-684)	347
84. Tại ngục vịnh thiên	347
ĐỖ THẨM NGÔN (648 - 708)	349
85. Họa Tấn Lăng Lục thừa tảo xuân du vọng	350
THẨM THUYỀN KỲ (656 - 713)	351
86. Tập thi	351
TỔNG CHI VẤN (636 - 712)	353
87. Đề Đại Dữu lĩnh Bắc Dịch	354
VƯƠNG LOAN	355
88. Thư bác Cổ sơn hạ	356
THƯỜNG KIẾN	357
89. Phá Sơn tự hậu thiên viện	357
SÂM THAM	359
90. Ký tả tỉnh Đỗ Thập Di	359
LÝ BẠCH	361
91. Tặng Mạnh Hạo Nhiên	361
92. Độ Kinh Môn tổng biệt	363
93. Tổng hữu nhân	365
94. Thính Thực tăng Tuân đàn cầm	366
95. Dạ bạc Ngưu Chử hoài cổ	368
ĐỖ PHỦ	370
96. Xuân vọng	370
97. Nguyệt dạ	372
98. Xuân túc tả tỉnh	374
99. Xuất thử môn hữu bi vãng sự	375
100. Nguyệt dạ ức xá độ	377
101. Thiên mặt hoài Lý Bạch	378
102. Phụng Tế dịch trùng tổng Nghiêm công tứ vận	380
103. Biệt phòng thái úy mộ	382
104. Lữ dạ thư hoài	383
105. Đăng Nhạc Dương lâu	385
VƯƠNG DUY	386
106. Vọng xuyên nhân cư tặng Bùi Tú tài Dịch	387
107. Sơn cư thu minh	389
108. Quy tung sơn tác	390
109. Chung Nam sơn	392
110. Thù Trương thiếu phủ	393
111. Quá Hương Tích tự	395
112. Tống Tử châu Lý sử quân	397
113. Hán giang lâm thiếu	399
114. Chung Nam biệt nghiệp	400
MẠNH HẠO NHIÊN	402
115. Lâm Động Đình thưởng Trương Thừa tướng	402

116. Dữ chu tử đấng Hiện Sơn	404
117. Đề Nghĩa công thiên phòng	406
118. Yến Mai đạo sĩ sơn phòng	407
119. Tuế mộ quy Nam sơn	408
120. Quá cổ nhân trang	410
121. Tần trung ký viễn thượng nhân	412
122. Túc Đồng Lư giang ký Quảng Lăng cộ du	414
123. Lưu biệt Vương Duy	415
124. Tào hàn hữu hoài	417
LƯU TRƯỞNG KHANH	418
125. Thu nhật đấng Ngô công đài thường tự viễn diếu	419
126. Tống Lý Trung Thừa quy Hán Dương biệt nghiệp	420
127. Tiền biệt Vương Thập Nhất nam du	421
128. Tâm Nam Khê Thường đạo sĩ	423
129. Tân niên tác	425
TIỀN KHỞI (722 - 780)	426
130. Tống tăng quy Nhật Bản	427
131. Cốc Khẩu thư trai ký Dương bổ khuyết	428
VI ỨNG VẬT	430
132. Hoài thượng hỉ hội Lương châu cổ nhân	430
133. Phú đắc mộ vũ tống Lý Tào	431
HÀN HỒNG	433
134. Thù Trình Cận thu dạ tức sự kiến tặng	433
LƯU TÍCH HƯ	434
135. Khuyết đề	435
ĐÁI THỨC LUÂN (732 - 789)	436
136. Giang hương cổ nhân ngẫu tập khách xá	437
LƯ LUÂN	438
137. Tống Lý Doan	438
LÝ ÍCH (748 - 827)	440
138. Hỷ kiến ngoại đệ hựu ngôn biệt	440
TỬ KHÔNG THỰ	441
139. Vân Dương quán dữ Hàn Thân túc biệt	442
140. Hỉ ngoại đệ Lư Luân kiến túc	443
141. Tặc bình hậu tống nhân Bắc quy	445
LƯU VŨ TÍCH (772 - 842)	446
142. Thục tiên chủ miếu	447
TRƯƠNG TỊCH (767 - 830)	448
143. Một Phiên cổ nhân	449
BẠCH CỬ DỊ	450
144. Thảo	450
ĐỖ MỤC (803 - 952)	452
145. Lữ túc	452

HỨA HỒN	454
146. Thu nhật phó khuyết đề Đồng Quan dịch lâu	454
147. Tảo thu.....	456
LÝ THƯƠNG ẨN.....	457
148. Thiên.....	457
149. Phong vũ	459
150. Lạc hoa.....	460
151. Lương tử.....	462
152. Bắc Thanh La	463
ÔN ĐÌNH QUÂN (812 - 870).....	465
153. Tống nhân Đông du.....	465
MÃ ĐÁI	467
154. Bá thượng thu cư	467
155. Sở giang hoài cổ.....	468
TRƯƠNG KIỀU.....	470
156. Thư biên sự.....	470
THÔI ĐỒ.....	472
157. Trừ dạ hữu hoài.....	472
158. Cô nhận.....	474
ĐỖ TUÂN HẠC (846 - 907).....	475
159. Xuân cung oán.....	475
VI TRANG (836 - 910)	477
160. Chương Đài dạ tử.....	477
TẶNG HẠO NHIÊN	478
161. Tầm Lục Hồng Tiệm bát ngộ.....	479
THẮT NGÔN LUẬT THI.....	483
THÔI HIỆU (704? - 754).....	483
162. Hoàng Hạc lâu	483
163. Hành kinh Hoa Âm.....	485
TỔ VINH (694 - 746)	487
164. Vọng Kê Môn.....	487
THÔI THỰ.....	488
165. Cửu nguyệt đăng Vọng tiên đài trình Lưu Minh Phủ.....	489
LÝ KỶ	490
166. Tống Ngụy Vạn chỉ kinh	490
LÝ BẠCH	492
167. Đẳng Kim Lăng Phượng Hoàng đài	492
168. Tống Lý Thiệu phủ biếm Giáp Trung,	494
SÀM THAM.....	495
169. Họa Giả Chí xá nhân tảo triều Đại Minh cung chi	495
VƯƠNG DUY	497
170. Họa Giả Chí xá nhân tảo triều Đại Minh cung chi	497
171. Phụng họa thánh chế tông Bồng Lai hưởng hưng	499

172. Tích vũ Vồng Xuyên trang tác	501
173. Thù Quách cấp sự	502
ĐỖ PHỦ	503
174. Thục tướng	504
175. Khách chí	505
176. Dã vọng	507
177. Văn quan quân thu Hà Nam, Hà Bắc	509
178. Đẳng cao	511
179. Đẳng lâu	512
180. Túc phủ	514
181. Các dạ	515
182 - 186. Vịnh hoài cổ tích	518
LƯU TRƯỜNG KHANH	524
187. Giang châu trùng biệt Tiết Lục Liễu Bát Nhị	524
188. Trường Sa quá Giả Nghị trạch	526
189. Tự hạ khẩu chí Anh Vũ châu vọng Nhạc Dương ký	528
TIỀN KHỞI	529
190. Tặng khuyết hạ Bùi xá nhân	529
VI ỨNG VẬT	531
191. Kỳ Lý Đàm Nguyên Tích	531
HÀN HỒNG	532
192. Đồng đề Tiên Du quán	533
HOÀNG PHỦ NHIỄM (716 - 789)	534
193. Xuân tứ	535
LƯ LŨN	536
194. Văn thư Ngạc Châu	536
LIỄU TÔNG NGUYÊN	537
195. Đẳng Liễu Châu thành lâu ký Chương, Đình,	538
LƯU VŨ TÍCH	539
196. Tây Tái sơn hoài cổ	539
NGUYỄN CHẤN (779 - 831)	541
197-199. Khiển bi hoài (Tâm chủ)	542
BẠCH CỬ DỊ	546
200. Tự Hà Nam kinh loạn	546
LÝ THƯƠNG ẨN	547
201. Cẩm sắt	548
202. Vô đề	549
203. Tùy cung	551
204. Vô đề	553
205. Mã Ngôi	554
206. Vô đề	556
207. Trù bút dịch	557
208. Vô đề	559

209. Xuân vũ.....	561
210. Vô đề.....	562
211. Vô đề.....	564
ÔN ĐÌNH QUÂN.....	565
212. Lợi Châu nam độ.....	566
213. Tô Vũ miếu.....	567
TIẾT PHÙNG (806 - ?).....	569
214. Cung tử.....	569
TẦN THAO NGỌC.....	570
215. Bần nữ.....	571
NHẠC PHỦ.....	573
THẨM THUYỀN KỲ.....	573
216. Độc bất kiến.....	573
NGŨ NGÔN TUYẾT CÚ.....	577
VƯƠNG DUY.....	577
217. Lặc sài.....	577
218. Trúc lý quán.....	578
219. Tống biệt.....	579
220. Tương tư.....	580
221. Tập thi.....	581
BÙI ĐỊCH.....	582
222. Tống Thôi Cửu.....	582
TỔ VỊNH.....	583
223. Chung Nam vọng dư tuyết.....	583
MẠNH HẠO NHIÊN.....	584
224. Túc Kiến Đức giang.....	585
225. Xuân hiểu.....	586
LÝ BẠCH.....	587
226. Tĩnh dạ tứ.....	587
227. Ngọc giai oán.....	588
228. Oán tình.....	589
ĐỖ PHỦ.....	590
229. Bát trận đồ.....	590
VƯƠNG CHI HOÁN (668-724).....	591
230. Đăng Quán Tước lâu.....	592
LƯU TRƯỜNG KHANH.....	592
231. Tống Linh Triệt.....	593
232. Đàn cầm.....	594
233. Tống thượng nhân.....	595
VI ỨNG VẬT.....	595
234. Thu dạ ký Khâu viên ngoại.....	596
LÝ ĐOAN.....	596
235. Thỉnh tranh.....	597

VƯƠNG KIẾN	598
236. Tân giá nương	598
QUYÊN ĐỨC DƯ (758 - 818)	599
237. Ngọc đài thể	599
LIỄU TÔNG NGUYÊN	600
238. Giang tuyết	600
NGUYÊN CHÂN	601
239. Hành cung	601
BẠCH CỬ DỊ	602
240. Vấn Lưu thập cửu	602
TRƯƠNG HỮU	603
241. Hà mãn tử	604
LÝ THƯƠNG ẨN	604
242. Đăng Lạc Du nguyên	605
GIÀ ĐẢO (779 - 843)	606
243. Tầm ẩn già bất ngộ	606
LÝ TẦN (816 - 876)	607
244. Độ Hán giang	607
KIM XƯƠNG TỰ	608
245. Xuân oán	608
TÂY BỈ NHÂN	609
244. Kha thư ca	610
THỂ NHẠC PHỦ	611
THÔI HIỆU	611
247-248. Trường can hành	611
LƯ LUÂN	613
249. Tái hạ khúc (kỳ nhất)	613
250. Bài 2 (kỳ nhị)	614
251. Bài 3 (kỳ tam)	615
252. Bài 4 (kỳ tứ)	616
LÝ ÍCH	617
253. Giang Nam khúc	617
THẤT NGÔN TUYỆT CÚ	621
HẠ TRI CHƯƠNG (659 - 744)	621
254. Hồi hương ngẫu thư	621
TRƯƠNG HÚC	622
255. Đào hoa Khê	623
VƯƠNG DUY	624
256. Cửu nguyệt cửu nhật ức Sơn Đông huynh đệ	624
VƯƠNG XƯƠNG LINH	625
257. Phù Dung lâu tổng Tân Tiệm	625
258. Khuê oán	626
259. Xuân cung khúc	627

VƯƠNG HÀN	628
260. Lương Châu khúc	629
LÝ BACH	630
261. Tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng	630
262. Há Giang Lăng	631
SÂM THAM	632
263. Phùng nhập kinh sử	632
ĐỖ PHỦ	633
264. Giang Nam phùng Lý Quy Niên	633
VI ỨNG VẬT	634
265. Trừ Châu Tây giản	634
TRƯƠNG KẾ	635
266. Phong Kiều dạ bạc	636
HÀN HỒNG	637
267. Hàn thực	637
LƯU PHƯƠNG BÌNH	638
268. Nguyệt dạ	638
269. Xuân oán	639
LIỄU TRUNG DUNG	640
270. Chinh nhân oán	640
CỐ HUỐNG (727 - 815)	641
271. Cung tử	642
LÝ ÍCH	642
272. Dạ thượng Thụ Hàng thành văn địch	643
LƯU VŨ TÍCH	643
273. Ô y hạng	644
274. Xuân tử	645
BẠCH CỬ DỊ	646
275. Cung tử	646
TRƯƠNG HỮU	647
276. Tặng nội nhân	647
277. Tập Linh đài	648
279. Đề Kim Lăng độ	650
CHU KHÁNH DŨ	651
280. Cung trung tử	651
281. Khuê ý	653
ĐỖ MỤC	653
282. Tương phó Ngô Hưng đăng Lạc Du nguyên	654
283. Xích Bích	655
284. Bạc Tàn hoài	656
285. Ký Dương Châu hàn xước phán quan	657
286. Khiến hoài	658
287. Thu tịch	659

288. Tặng biệt (bài 1)	661
289. Tặng biệt (bài 2)	662
290. Kim Cốc viên	663
LÝ THƯƠNG ẨN	664
291. Dạ vũ ký Bắc	664
292. Ký Lệnh Hồ lang trung	665
293. Vị hữu	666
294. Tùy cung	668
295. Dao Trì	669
296. Thường Nga	670
297. Giả Sinh	671
ÔN ĐÌNH QUÂN	671
298. Dao sắt oán	672
TRỊNH ĐIỀN (825 - 883)	673
299. Mã Ngôi pha	673
HÀN ÁC (844- 923)	674
300. Dĩ lương	674
VI TRANG	675
301. Kim Lăng đồ	675
TRẦN ĐÀO	677
302. Lũng Tây hành	677
TRƯƠNG TIẾT	678
303. Ký nhân	679
VÔ DANH THỊ	679
304. Tập thi	680
NHẠC PHỦ	681
VƯƠNG DUY	681
305. Vị Thành khúc	681
306. Thu dạ khúc	682
VƯƠNG XƯƠNG LINH	683
307. Trường Tín oán	683
308. Xuất tái	685
LÝ BẠCH	686
309-311. Thanh bình điệu	687
VƯƠNG CHI HOÁN	689
312. Xuất tái	690
ĐỖ THU NƯƠNG	691
313. Kim lữ y	691

300 BÀI THƠ ĐƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (04) 8294684 - (04) 8294685 - Fax: (04) 8294781

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290/20 Nam kỳ khởi nghĩa - Quận 3

Điện thoại: (08). 8469.858, Fax: (08). 8483481

Chịu trách nhiệm xuất bản: **NGUYỄN VĂN CỪ**

Biên tập: **Ban văn học nước ngoài**

Trình bày: **Lâm Hạnh**

Vẽ bìa: **Hải Nam**

Chế bản: **Đông Tây**

TỔNG PHÁT HÀNH

MIỀN BẮC: NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY

62 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội

ĐT/Fax: (04) 7733041

MIỀN NAM: SÁCH HÀ NỘI

245 Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM

ĐT: (08) 8322047

PHÁT HÀNH TRỰC TUYẾN: www.sachdongtay.com

In 1000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Nhà in KH&CN.

Giấy đăng ký KHXB số: 68-2008/CXB/311-08/VH cấp ngày 5/3/2008.

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2008.

春艸綠色春水
碧波春風留
孰為不歌

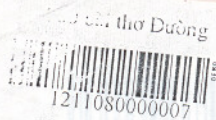
300 bài thơ Đường

Hành Đường Thoái Sĩ tuyển chọn
Trần Uyển Tuấn bổ chú
Ngô Văn Phú dịch

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Phát hành: Nhà sách Đông Tây - 62 Nguyễn Chí Thanh, 30B Bà Triệu - Hà Nội
Thư viện Café Đông Tây, Nhà N11A, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội.
Nhà sách Đồng Đa - 834 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội - ĐT: 04. 7752939 - Fax: 04. 7755723
Sách Hà Nội - 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh - Website: www.sachdongtay.com



1211080000007

130,000

Giá: 130.000